

**BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH**

***Phục truyền luật lệ ký***

BOB UTLEY  
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH  
(GIẢI NGHĨA KINH THÁNH)

TÀI LIỆU GIẢI KINH HƯỚNG DẪN  
TỰ HỌC KINH THÁNH  
LOẠT TÀI LIỆU CỰU ƯỚC QUYỂN 3

NHỮNG BÀI HỌC KINH THÁNH QUỐC TẾ  
MARSHALL, TEXAS  
(Hiệu đính năm 2011)

# MỤC LỤC

Những giải thích vắn tắt về các tài liệu chuyên môn dùng trong bộ giải kinh Cựu Ước này .....	i
Những định nghĩa vắn tắt về những dạng động từ tiếng Hê-bơ-rơ tác động đến việc giải kinh .....	iii
Những chữ viết tắt được dùng trong tập giải kinh này.....	ix
Lời chia sẻ của Tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn? .....	xi
Hướng dẫn thói quen đọc Kinh thánh hiệu quả : Sự nghiên cứu Cá nhân cho Lễ thật được xác thực... ..	xiii
Giới thiệu sách Phục Truyền.....	1
Phục Truyền đoạn 1 .....	7
Phục Truyền đoạn 2 .....	39
Phục Truyền đoạn 3 .....	52
Phục Truyền đoạn 4 .....	61
Phục Truyền đoạn 5 .....	85
Phục Truyền đoạn 6 .....	103
Phục Truyền đoạn 7 .....	112
Phục Truyền đoạn 8 .....	122
Phục Truyền đoạn 9 .....	130
Phục Truyền đoạn 10 .....	138
Phục Truyền đoạn 11 .....	146
Phục Truyền đoạn 12 .....	154
Phục Truyền đoạn 13 .....	164
Phục Truyền đoạn 14 .....	175
Phục Truyền đoạn 15 .....	185
Phục Truyền đoạn 16 .....	193
Phục Truyền đoạn 17 .....	201
Phục Truyền đoạn 18 .....	214
Phục Truyền đoạn 19 .....	224
Phục Truyền đoạn 20 .....	230
Phục Truyền đoạn 21 .....	235
Phục Truyền đoạn 22 .....	245
Phục Truyền đoạn 23 .....	253
Phục Truyền đoạn 24 .....	263
Phục Truyền đoạn 25 .....	273

Phục Truyền đoạn 26 .....	280
Phục Truyền đoạn 27 .....	286
Phục Truyền đoạn 28 .....	294
Phục Truyền đoạn 29 .....	311
Phục Truyền đoạn 30 .....	318
Phục Truyền đoạn 31 .....	325
Phục Truyền đoạn 31 :30-32 :52.....	335
Phục Truyền đoạn 33 .....	356
Phục Truyền đoạn 34 .....	370
Phụ lục Một : Giới thiệu về Các sách Tiên Tri Cựu Ước.....	375
Phụ lục Hai : Khảo sát khái quát về những Quyền lực ở khu vực Mê-sô-bô-ta-mi .....	379
Phụ lục Ba : Biểu Đồ của Toàn bộ Cựu Ước .....	387
Phụ lục Bốn : Lập trường về tín lý.....	390

## MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT

Y-sơ-ra-ên (tên riêng), 1:1 .....	9
Địa điểm của núi Si-nai, 1 :2 .....	10
Lịch của khu vực Cận Đông Cổ Đại, 1 :3 .....	11
Các Danh Xưng của Đấng Thánh, 1 :3 .....	12
Thời điểm của cuộc Xuất Hành, 1 :3 .....	16
Dân cư vùng Palestine thời điểm tiền Y-sơ-ra-ên, 1 :4 .....	17
Hàng ngàn (Eleph), 1 :15 .....	23
Sự công bình, 1 :16 .....	23
Những thuật ngữ sử dụng cho Những Chiến Binh Hoặc Dân Tộc Cao Lớn/Mạnh Mẽ, 1 :28 .....	29
Tin, Tin cậy, Đức tin và sự Thành tín trong Cựu Ước, 1 :32 .....	30
Độ Tuổi của Sự Chịu Trách Nhiệm Giải Trình, 1 :39 .....	35
Biển Đỏ, 1 :40 .....	35
Những Đồng Vọng Trong Cuộc Xuất Hành, 2 :1 .....	40
Đức Chúa Trời được Mô Tả như Con Người, 2 :15 .....	44
Chúa làm cứng lòng, 2:30 .....	48
Tám lòng, 2:30 .....	49
Những định kiến thuần túy tin lành của Bob, 4:6.....	65
Lửa, 4:11.....	66
Giao ước, 4:13 .....	67
Những đặc tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, 4:31.....	72
Tại sao những Lời Hứa Giao Ước trong Cựu Ước dường như khác biệt với những Lời Hứa Giao Ước trong Tân Ước .....	73
Biết, 4:35 .....	79
Mãi Mãi (Cựu Ước-'Olam), 4:40 .....	80
Vùng Đất, Quốc Gia, Mặt Đất (ארץ) , 5:8.....	88
Sự Tốt Lành, Từ Tế ( <i>Hesed</i> ), 5:10 .....	90

Sự Thánh Khiết(שׁוֹרֵט), 5:12.....	92
Ngày Sa-bát, 5:12 .....	92
Ghi Chú tại Xuất 20 (Tội Sát Nhân), 5:17.....	94
Hòa Bình và Chiến Tranh, 5:17.....	96
Sự Vinh Hiển, 5:24.....	99
Tư Tưởng Độc Thần, 6:4.....	105
Giá Chuộc/Sự Cứu Chuộc, 7:8 .....	116
Sở Hữu Xứ, 8:1.....	123
Chúa Thử Thách Dân Sự Ngài, 8:2 .....	124
Mối quan hệ Cha Thiên Thượng của Đức Chúa Trời, 8:5.....	125
Những Hành Động Ân điển của Đức Giê-hô-va Với Y-sơ-ra-ên, 9:4-6.....	132
Giao ước Lời Hứa Dành cho Các Tô phụ, 9:5.....	132
Những Hiệu Đỉnh Thêm Vào Sau Đây Trong Sách Phục Truyền, 10:6.....	140
Những Yêu Cầu Giao ước của Đức Giê hô va Đối Với Y-sơ-ra-ên, 10:12.....	142
Hậu Quả Của Tội Thờ Hình Tượng, 11:16-17 .....	150
Những Ưng Xử Được Yêu Cầu Của Y-sơ-ra-ên Đối Với Sự Thờ Hình Tượng Phồn Thực Ca-na-an, 12:3 .....	156
Danh Xưng của Giê-hô-va, 12:5.....	158
Thần Mo-lóc, 12:31 .....	163
Những Lời Tiên Tri trong Cựu Ước, 13:1 .....	165
Những Tục Lệ Than Khóc, 14:1.....	176
Các Luật về Thức Ăn trong Cựu Ước, 14:3 .....	178
Những Sự Đáng Kinh Tởm, 14:3 .....	178
Rượu (Sự Lên Men Rượu) và Sự Say Sưa (Sự Nghiện Ngập) 14:26 .....	182
Lễ Vượt qua, 16:1 .....	194
Tác quyền của Môi-se trên Ngũ Kinh, 17:14.....	206
Không Tì Vết, Không Lỗi Làm, Vô Tội, Không Chỗ Trách Được,18:13 .....	220
Án Tử Hình ở Y-sơ-ra-ên, 21:21 .....	241
Treo Lên 21:22 .....	242

Sự Rửa Sả, 21:23 .....	243
Những Con Số Biểu Tượng Trong Kinh Thánh, 23:2, 3 .....	255
Làm Từ Thiên, 24:13 .....	268
Đo Trọng Lượng và Dung Tích ở Vùng Cận Đông, 25:13.....	276
Nghĩa Vụ Đóng Thuế Một Phần Mười Trong Bộ Luật Môi-se, 26:12 .....	283
Chữ ‘A-men’, 27:15.....	290
Sự Ăn Năn trong Cựu Ước, 30:2 .....	319
Những Kỳ Lễ của Y-sơ-ra-ên, 31:10 .....	328
Văn thơ Hê bơ rơ, những Ý Tưởng trong Đoạn 32 .....	336
Bóng Che Như Là Ẩn Dụ về sự Bảo vệ và Chăm Sóc .....	343
Ma Quỷ trong Cựu Ước, 32:17.....	345
Hiện Thân của Điều Ác, 32:17 .....	345
Những Người Chết Ở Đâu, 32:22.....	348
Sự Chúc Phước, 33:1 .....	357
Sự Đặt Tay, 34:9.....	373

# GIẢI THÍCH VẮN TẮT VỀ CÁC TÀI LIỆU CHUYÊN MÔN ĐƯỢC DÙNG TRONG BỘ GIẢI KINH CỰU ƯỚC NÀY.

## I. Từ vựng

Có vài quyển từ điển chuyên sâu về tiếng Hê-bơ-rơ cổ rất hữu ích.

- A. *Hebrew and English Lexicon of Old Testament* của Francis Brown, S. R. Driver, và Charles A. Briggs. Quyển này dựa theo quyển từ điển bằng tiếng Đức của William Gesenius và được viết tắt là BDB.
- B. *Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của Ludwig Koehler và Walter Baumgartner, do M. E. J. Richardson dịch. Chữ viết tắt của nó là KB.
- C. *A Concise Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của William L. Holladay dựa theo quyển từ điển bằng tiếng Đức đã đề cập ở trên.
- D. Một bộ mới năm quyển nghiên cứu từ vựng thần học được đặt tên *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, do Willem A. Van Gemeren biên tập. Chữ viết tắt của nó là NIDOTTE.

Những chỗ nào có khác biệt quan trọng về từ vựng thì tôi trưng ra một số bản dịch tiếng Anh (NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB) theo cách dịch “từng chữ” và cách dịch “trung đương trong cách dùng (chức năng)” (xem Gordon Fee & Douglas Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 28-44).

## II. Về ngữ pháp

Muốn hiểu được ngữ pháp thì thường dựa vào bộ *Analytical Key to Old Testament* với bốn quyển của John Giô-sép Owens. Tài liệu trên được đối chiếu với quyển *Analytical Hebrew and Chaldee Lexicon of Old Testament* của Benjamin Davidson.

Tài liệu hữu ích khác về những đặc điểm ngữ pháp và cú pháp được dùng trong hầu hết những tập giải kinh Cựu Ước của bộ “Bạn có thể hiểu Kinh Thánh” là bộ “Những trợ giúp cho dịch giả” của Thánh Kinh Hội Quốc Tế (United Kinh Thánh Societies). Chúng được đặt tên là “Cầm nang cho\_\_\_\_\_”.

## III. Bản văn

Tôi công nhận sự linh cảm của bản văn phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ (không có những dấu nguyên âm và chú thích của Masoretic). Cũng giống như mọi bản văn cổ chép tay đều có một vài đoạn văn còn trong vòng nghi vấn. Đây là điều thông thường là do những điều như sau:

- A. *hapax legomenon* (là chữ được dùng chỉ có một lần trong tiếng Hê-bơ-rơ của Cựu Ước)
- B. Những cụm từ thành ngữ (những chữ và cụm từ đã mất nghĩa đen nguyên thủy)
- C. Không có chắc chắn về lịch sử (chúng ta thiếu thông tin về thế giới cổ đại)
- D. Ngữ nghĩa của những nhóm khác trong ngôn ngữ semitic lại có trong số từ vựng giới hạn của tiếng Hê-bơ-rơ
- E. Các nan đề liên hệ tới các nhà chép kinh về sau, chép tay những bản văn tiếng Hê-bơ-rơ cổ
- F. Các nhà chép kinh Do thái được đào tạo (học) tại Ai-cập cảm thấy được phép cập nhật hóa bản văn nên khi chép họ bổ sung cho chúng được đầy đủ để người sống trong thời đại của họ có thể hiểu được (NIDOTTE trang 52-54).

Có vài tài liệu gồm từ ngữ và bản văn tiếng Hê-bơ-rơ bên ngoài Bản văn truyền thống Masoretic.

1. Bộ Ngũ Kinh của người Sa-ma-ri
2. Các cuộn Biển Chết
3. Một vài đồng xu sau này, những lá thư, và ostraca (những mảnh vỡ của gốm chưa nung dùng để viết).

Nhưng hầu như Cựu Ước không có những dòng họ (trường phái) bản chép tay giống như trong các bản chép tay Tân Ước tiếng Hy Lạp. Để tìm một bài viết hay về tính đáng tin cậy về văn mạch của bản văn Masoretic (có khoảng năm 900 sau Chúa) xem bài viết “The Reliability of the Old Testament Text” của Bruce K. Waltke trong NIDOTTE, quyển 1, trang 51-67.

Bản văn Hê-bơ-rơ được dùng là từ *Biblia Hebraica Stuttgartensia* từ Hội Kinh Thánh Đức, 1997,

được dựa trên Leningrad Codex (năm 1009 sau Chúa). Thỉnh thoảng, những phiên bản cổ xưa (Septuagint tiếng Hy Lạp, bản Targums tiếng A-ram, Syriac Peshitta, và Latin Vulgate) được tham khảo nếu tiếng Hê-bơ-rơ tối nghĩa hay là có lầm lẫn cách rõ ràng.



# NHỮNG ĐỊNH NGHĨA VĂN TẮT CỦA NHỮNG DẠNG ĐỘNG TỪ TIẾNG HÊ-BƠ-RƠ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC GIẢI KINH

## I. Tóm tắt lịch sử phát triển của tiếng Hê-bơ-rơ

Tiếng Hê-bơ-rơ là thành phần trong nhóm ngôn ngữ Shemitic (Semitic) ở tây nam Châu Á. Tên gọi này (do những học giả hiện đại đặt) theo tên Sem, con của Nô-ê (xem Sáng thế Ký 5:32; 6:10). Những con cháu của Sem được liệt kê trong Sáng thế Ký 10:21-31 như Ả-rập, Hê-bơ-rơ, Sy-ri, A-ram, và A-sy-ri. Trong thực tế một vài ngôn ngữ Semitic được các quốc gia thuộc dòng dõi của Cham sử dụng (xem Sáng thế Ký 10:6-14) như Ca-na-an, Phê-ni-xi, và Ê-thi-ô-pi.

Hê-bơ-rơ thuộc trong nhóm tây bắc của ngôn ngữ Semitic. Những học giả hiện đại có những mẫu tiêu biểu của nhóm ngôn ngữ cổ này từ:

- A. Dân A-mô-rít (những bảng *Mari Tablets* từ thế kỷ 18 trước Chúa trong tiếng Akkadian)
- B. Dân Ca-na-an (những bảng *Ras Shamra Tablets* từ thế kỷ 15 trong tiếng Ugaritic)
- C. Dân Ca-na-an (những lá thư *Amarna Letters* từ thế kỷ 14 trong tiếng Ca-na-an Akkadian)
- D. Dân Phê-ni-xi (tiếng Hê-bơ-rơ sử dụng mẫu tự tiếng Phê-ni-xi)
- E. Dân Mô-áp (bảng đá Mesha, năm 840 trước Chúa)
- F. Tiếng A-ram (ngôn ngữ chính thức của đế quốc Ba-tur dùng trong Sáng thế Ký 31:47 [2 chữ]; Giê-rê-mi 10:11; Đa-ni-ên 2:4-6; 7:28; Ê-xơ-ra 4:8-6:18; 7:12-26 và người Do thái trong thế kỷ thứ nhất xứ Palestine sử dụng)

Ngôn ngữ Hê-bơ-rơ được gọi là “cái môi của Ca-na-an” trong Ê-sai 19:18. Nó được gọi trước tiên là “Hê-bơ-rơ” trong phần mở đầu của sách ngụ kinh Ecclesiasticus (Sự khôn ngoan của Ben Sira) khoảng năm 180 trước Chúa (và một vài chỗ khác sớm hơn, xem *Anchor Bible Dictionary*, quyển 4, trang 205ff). Nó có liên hệ gần nhất với tiếng Mô-áp và ngôn ngữ dùng trong xứ U-ga-rít. Những dẫn chứng của tiếng Hê-bơ-rơ cổ tìm thấy bên ngoài Kinh Thánh là:

1. Lịch Gezer, năm 925 trước Chúa (một học sinh viết)
2. Bia đá Siloam, năm 705 trước Chúa (những ghi chép trong đường hầm)
3. Những miếng gốm tiếng Sa-ma-ri (Samaritan Ostrada), năm 770 trước Chúa (những hồ sơ thuế ghi trên những mảnh vỡ bằng gốm)
4. Những lá thư Lachish, năm 587 trước Chúa (truyền tin chiến cuộc)
5. Những đồng xu và những con dấu Maccabean
6. Một vài bản văn trong các Cuộn Biển Chết
7. Nhiều bia khắc (xem “Các ngôn ngữ [tiếng Hê-bơ-rơ],” ABD 4:203ff)

Cũng giống như tất cả các ngôn ngữ Semitic, nó có đặc điểm là chữ của nó được tạo nên do ba phụ âm (ba phụ âm gốc). Nó là một ngôn ngữ linh động (không cố định). Ba phụ âm gốc chứa đựng ý nghĩa cơ bản của từ, trong khi đó tiền tố, hậu tố, hay là những chi tiết bổ sung bên trong trình bày về chức năng cú pháp (sau đó là những nguyên âm, xem *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew*, của Sue Green, trang 46-49).

Từ vựng tiếng Hê-bơ-rơ biểu lộ ra sự khác biệt giữa văn xuôi và thơ. Những ý nghĩa của chữ được gắn kết với những từ nguyên trong dân gian (không có nguồn gốc ngôn ngữ học). Những cách chơi chữ và cách dùng âm rất thông dụng (*paronomasia*).

## II. Những khía cạnh của vị ngữ

### A. NHỮNG ĐỘNG TỪ

Thứ tự từ ngữ thông thường là ĐỘNG TỪ, ĐẠI TỪ, CHỦ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa), BỔ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa). ĐỘNG TỪ cơ bản không dấu là Qal, ở dạng HOÀN THÀNH (PERFECT), GIỐNG ĐỰC (MASCULINE), SỐ ÍT (SINGULAR). Đó là cách sắp xếp của những tự điển tiếng Hê-bơ-

rơ và tiếng A-ram.

Những ĐỘNG TỪ (VERB) biến cách cho thấy:

1. Số—số ít, số nhiều, cả hai
2. Giống—giống đực và giống cái (không có trung tính)
3. Cách—chỉ định, cầu khẩn, mệnh lệnh (mối liên hệ với hành động thực tế)
4. Thì (aspect)
  - a. HOÀN THÀNH (PERFECT), có nghĩa đã hoàn tất, theo nghĩa có khởi đầu, tiếp diễn, và kết thúc của một hành động. Dạng này thường được dùng cho hành động quá khứ, sự việc đã xảy ra. J. Wash Watts trong *A Survey of Syntax in Hebrew Old Testament* nói:  
“Tùng cái toàn thể được diễn tả bởi thì hoàn thành cũng được xem như chắc chắn. Thì chưa hoàn thành có thể diễn tả một tình trạng như là có thể hay là ước mong hoặc là trông chờ, còn thì hoàn thành thì xem nó như là thực sự, có thật và chắc chắn” (p. 36).  
S. R. Driver trong quyển “*A Treatise on the Use of the Tenses in Hebrew*” mô tả nó như sau:  
“Thì hoàn thành được sử dụng để chỉ hành động hoàn tất ở tương lai, nhưng vì được coi là phụ thuộc vào quyết định không đòi hỏi của ý chí nên nó có thể được nói đến như thể việc có thật đang xảy ra: do đó một quyết nghị, lời hứa, chiếu chỉ (sắc lệnh) đặc biệt là của thần linh thường được công bố bằng thì hoàn thành” (trang 17, ví dụ về thì hoàn thành của thể loại tiên tri).  
Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition*, định nghĩa dạng động từ này như sau:  
“nhìn xem một tình huống từ bên ngoài, như một toàn thể. Như vậy nó trình bày một sự việc đơn giản, cho dù đó là một hành động hoặc trạng thái (bao gồm cả tình trạng tâm trí). Khi được dùng để chỉ các hành động, nó thường xem hành động là hoàn thành từ quan điểm thuyết phục của người nói hoặc người kể (cho dù trong thực tế có hoàn thành hay không thì không phải là điều quan trọng). Thì hoàn thành có thể gắn liền với những hành động, trạng thái trong quá khứ, hiện tại hoặc trong tương lai. Như đã nói ở trên, cơ cấu thời gian ảnh hưởng đến việc một người dịch thì hoàn thành sang những ngôn ngữ chú trọng vào các thì giống như Anh ngữ và cơ cấu đó cần phải được xác định dựa vào bối cảnh” (trang 86).
  - b. THÌ CHƯA HOÀN THÀNH, diễn tả một hành động đang diễn tiến (chưa chấm dứt, lặp đi lặp lại, tiếp tục hoặc không chắc chắn), thường hướng tới một mục tiêu. Thông thường hình thức này được sử dụng cho một hành động trong hiện tại và tương lai.  
J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* nói  
“Tất cả các thì CHƯA HOÀN THÀNH diễn tả các tình trạng không hoàn tất. Chúng thường lặp đi lặp lại, tiếp tục khai triển hoặc có bất ngờ (không chắc chắn). Nói cách khác, có phần tiếp tục phát triển hoặc có phần được xác định. Trong mọi trường hợp, theo một số nghĩa thì chúng chỉ là từng thành phần, tức là vẫn chưa đầy đủ” (trang 55).  
Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition* nói  
“Thật là khó để tóm gọn bản chất của thì chưa hoàn thành vào một khái niệm đơn giản, vì nó gồm chứa cả thì (aspect) và cách (mood). Đôi khi thì chưa hoàn thành được sử dụng theo cách thức chỉ định và thực hiện một tuyên bố khách quan. Trong những trường hợp khác, nó nhìn xem một hành động theo cách chủ quan hơn, cũng như giả thuyết, bất ngờ, có thể và vân vân...” (trang 89).
  - c. Chữ “waw” được thêm vào để liên kết ĐỘNG TỪ với hành động của ĐỘNG TỪ trước đó.
  - d. MỆNH LỆNH, căn cứ theo ý muốn của người nói và hành động có thể thực hiện của người nghe.
  - e. Trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ, chỉ có những bối cảnh tổng quát mới có thể xác định được việc định hướng thời gian theo ý định của tác giả.

B. Bày hình thức biến cách chính và ý nghĩa cơ bản của chúng. Trong thực tế những hình thức này tạo sự kết nối lẫn nhau trong mạch văn và không thể bị tách biệt.

1. Qal (Kal) là phổ biến nhất và cơ bản của tất cả các dạng thức. Nó biểu thị một hành động đơn giản hoặc một tình trạng hiện có. Nó không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
2. Niphal, hình thức phổ biến thứ hai. Nó thường là THỤ ĐỘNG, nhưng hình thức này cũng có chức năng phản thân (reflexive) và hỗ tương với nhau (reciprocal) . Nó cũng không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
3. Piel, hình thức này là chủ động và trình bày về việc tạo ra một hành động dẫn tới tình trạng hiện có. Ý nghĩa cơ bản là của gốc (stem) Qal và được phát triển hoặc mở rộng thành một tình trạng hiện có.
4. Pual, đây là dạng THỤ ĐỘNG đối ứng lại với dạng Piel. Nó thường được thể hiện bằng một ĐỘNG TÍNH TỪ.
5. Hithpael là loại (stem, gốc) phản thân hoặc hỗ tương với nhau. Nó diễn tả hành động lặp lại hay kéo dài thuộc gốc Piel. Dạng THỤ ĐỘNG hiếm gặp này được gọi là Hothpael.
6. Hiphil, hình thức chủ động của loại (stem) gây ra nguyên nhân và đối lập với Piel. Nó có thể có khía cạnh cho phép, nhưng thường đề cập đến nguyên nhân gây ra của một sự kiện. Ernst Jenni, một nhà ngữ pháp tiếng Hê-bơ-rơ, tin rằng Piel chứng tỏ một điều gì đó tiến đến tình trạng hiện có, trong khi Hiphil cho thấy nó đã xảy ra như thế nào.
7. Hophal, dạng THỤ ĐỘNG đối ứng với Hiphil. Hai dạng từ gốc cuối cùng ít được sử dụng nhất trong bảy loại từ gốc.

Phần lớn thông tin này đến từ quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke và M. O'Connor, trang 343-452.

Biểu đồ tác động và hệ quả. Một điểm quan trọng để hiểu biết hệ thống ĐỘNG TỪ tiếng Hê-bơ-rơ là xem nó như là một mô hình của các mối liên hệ theo các THỂ (VOICE). Một số từ gốc thì đối lập với những từ gốc khác (ví dụ, Qal - Niphal; Piel - Hiphil)

Biểu đồ dưới đây cố gắng để hình dung các chức năng cơ bản của các gốc ĐỘNG TỪ theo hệ quả. (\*\*\*) chú thích người dịch: vì không có chữ tiếng Việt tương đương nên không thể dịch một vài thuật ngữ/khái niệm ngữ pháp trong bản dưới đây \*\*\*)

CÁCH/THỂ hay CHỦ NGỮ	No Secondary Agency	An Active Secondary Agency	A Passive Secondary Agency
CHỦ ĐỘNG	<i>Qal</i>	<i>Hiphil</i>	<i>Piel</i>
THỤ ĐỘNG TRUNG CẤP	<i>Niphal</i>	<i>Hophal</i>	<i>Pual</i>
PHẢN THÂN/HỖ TƯƠNG	<i>Niphal</i>	<i>Hiphil</i>	<i>Hithpael</i>

Biểu đồ này được lấy từ bài phân tích xuất sắc hệ thống ĐỘNG TỪ dựa theo kết quả nghiên cứu mới về tiếng Akkadian (xem quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke, M. O'Conner, trang 354-359).

R. H. Kennett, trong quyển *A Short Account of the Hebrew Tenses*, đã cung cấp một cảnh báo cần thiết.

“Trong khi dạy học tôi thường thấy khó khăn chính của sinh viên với các động từ tiếng Hê-bơ-rơ là nắm bắt cho được những ý nghĩa mà động từ truyền tải đến tâm tư suy nghĩ của chính người Do Thái. Điều đó cho thấy là có xu hướng xem mỗi thì (tense) của tiếng Hê-bơ-rơ tương đương với một số nào đó của các dạng thức (ngữ pháp) trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh, bởi đó mà loại thì đặc thù (particular Tense) lại được dịch theo cách thông thường. Kết quả là thất bại trong việc thấu hiểu rất nhiều những sắc thái tinh tế của ý nghĩa mà nó đã đem lại sự sống và sinh lực cho ngôn ngữ của Cựu Ước.

Khi sử dụng các động từ tiếng Hê-bơ-rơ thì điều khó khăn duy nhất là nằm trong quan điểm để từ đó người Hê-bơ-rơ xem xét một hành động vì vậy nó hoàn toàn khác với quan điểm của chúng ta. Đối với chúng ta thời điểm là điều xem xét đầu tiên được bày tỏ qua chữ tense (thời điểm căng thẳng) , nhưng đối với họ (người Do Thái) đó là một việc thứ yếu. Do đó điều cần thiết là một sinh viên không được sử dụng quá nhiều các hình thức trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh để dịch các thì trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng tốt hơn là nên nắm bắt rõ ràng khía cạnh của mỗi hành động mà nó tự phô bày trong tâm trí của người Do Thái.

Chữ “thì”(tense) áp dụng cho các động từ tiếng Hê-bơ-rơ khiến hiểu nhầm. Cái gọi là “thì” trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt thời gian nhưng chỉ là trạng thái của một hành động. Thật vậy để không bị

nhằm lẫn nên nêu lên sự áp dụng thuật ngữ “trạng thái” cho cả danh từ và động từ, chữ “các trạng thái” sẽ xác định rõ hơn nhiều hơn so với chữ “các thì.” Cần phải luôn luôn ghi nhớ rằng không thể dịch một động từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Anh mà không cần sử dụng một giới hạn (xác định thời gian) đây là điều hoàn toàn không có trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do Thái cổ đại không bao giờ nghĩ về một hành động theo (ý nghĩa) quá khứ, hiện tại hay tương lai, mà chỉ đơn giản là HOÀN THÀNH, tức là chấm dứt, hoặc KHÔNG HOÀN THÀNH, nghĩa là đang còn tiếp diễn. Khi chúng ta nói rằng một số thì trong tiếng Hê-bơ-rơ tương ứng với thì HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI trong tiếng Anh, chúng ta không có ý nói rằng người Do Thái nghĩ về nó như là HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI, nhưng chỉ đơn giản là chúng phải được dịch sang tiếng Anh như vậy. Thời gian của một hành động trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt bằng bất kỳ một dạng thức động từ nào” (trong lời mở đầu và trang 1).

Một cảnh báo thứ hai của Sue Groom trong quyển *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew* nhắc chúng ta rằng: “Không có cách nào để phân biệt được giữa (1) Quá trình thiết lập lại lĩnh vực ngữ nghĩa và các liên hệ ý nghĩa của một ngôn ngữ chết cổ đại của các học giả hiện đại chỉ là sự phản ánh trực giác của chính riêng họ hoặc của ngôn ngữ mẹ đẻ của họ với (2) Các lĩnh vực đó đã hiện hữu (đúng y như) trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ” (trang 128).

### C. CÁCH (Moods, Modes)

1. Nó đã xảy ra, đang xảy ra (CHỈ ĐỊNH CÁCH), thường sử dụng thì HOÀN THÀNH hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) (tất cả các ĐỘNG TÍNH TỪ đều là dạng CHỈ ĐỊNH).
2. Nó sẽ xảy ra, có thể xảy ra (BÀNG THÁI CÁCH, (subjunctive) GIẢ ĐỊNH, CẦU KHẨN)
  - a. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có đánh dấu
    - (1) DẠNG KHÍCH LỆ (thêm h), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ nhất, thường bày tỏ một mong muốn, yêu cầu hoặc tự khuyến khích (hành động theo ý muốn của người nói)
    - (2) DẠNG MỆNH LỆNH (thay đổi bên trong), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ ba (có thể là ngôi thứ hai trong câu phủ định) thường trình bày một yêu cầu, sự cho phép, một lời nhắc nhở, hoặc một lời khuyên
  - b. sử dụng THÌ HOÀN THÀNH với lu hoặc lule  
 Những cấu trúc này tương tự với các câu ĐIỀU KIỆN BẬC HAI trong tiếng Hy Lạp Koine. Một phát biểu sai (protasis) dẫn đến một kết luận sai (apodosis).
  - c. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH và lu  
 Mạch văn và lu, cũng như hướng về tương lai, tạo nên cách dùng đặc biệt cách CẦU KHẨN, GIẢ ĐỊNH này. Một số ví dụ từ quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* của J. Wash Watts là Sáng thế Ký 13:16; Phục truyền Luật lệ Ký 1:12; I Các vua 13:8; Thi thiên 24:3; Ê-sai 1:18 (xem trang 76-77).

D. Waw - chuyển đổi, liên tục, liên kết. Đặc tính cú pháp độc nhất này của tiếng Hê-bơ-rơ (ngôn ngữ của người vùng Ca-na-an) đã gây ra sự nhầm lẫn lớn trong những năm qua. Nó được sử dụng theo nhiều cách thường là dựa theo thể loại. Lý do của sự nhầm lẫn là các học giả đầu tiên là người Châu Âu và họ đã cố gắng giải thích theo ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Khi phương cách trên gặp trở ngại, thì họ đổ lỗi rằng tiếng Hê-bơ-rơ là một ngôn ngữ cổ giả định. Những ngôn ngữ Châu Âu là những ĐỘNG TỪ được căn cứ theo THÌ (tense). Một số các hàm chứa đa dạng và ngữ pháp được xác định bởi chữ WAW được thêm vào gốc ĐỘNG TỪ ở THÌ HOÀN THÀNH VÀ CHƯA HOÀN THÀNH. Điều này làm thay đổi cách xem xét hành động.

1. Trong thể loại tường thuật tích lịch sử, những ĐỘNG TỪ được liên kết với nhau trong một chuỗi theo một khuôn mẫu tiêu chuẩn.
2. Tiền tố waw cho thấy một mối quan hệ cụ thể với những ĐỘNG TỪ trước đó.
3. Mạch văn rộng hơn luôn luôn là chìa khóa để hiểu được chuỗi ĐỘNG TỪ. Các ĐỘNG TỪ của ngôn ngữ Semitic không thể phân tích cách riêng rẽ, cô lập.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* có nhận xét về sự khác biệt của tiếng Hê-bơ-rơ trong cách dùng chữ waw trước THÌ HOÀN THÀNH VÀ THÌ CHƯA HOÀN THÀNH (trang 52-53). Khi ý tưởng cơ bản của THÌ HOÀN THÀNH là quá khứ mà thêm chữ waw vào thì nó đẩy ý nghĩa theo hướng thời gian trong tương lai. Cũng xảy ra y như thể với THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có ý tưởng cơ bản là hiện tại hoặc tương lai, nhưng khi thêm chữ waw vào thì đặt ý tưởng đó vào quá khứ. Sự thay đổi thời gian lạ thường này giải thích việc thêm vào chữ waw, chứ không giải thích sự thay đổi theo ý nghĩa cơ bản

của THÌ ĐỘNG TỪ. THÌ HOÀN THÀNH kèm theo chữ waw thích hợp với thể loại tiên tri, trong khi các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH kết hợp với chữ waw thích hợp với thể loại truyện kể, tường thuật (trang 54, 68).

Watts tiếp tục định nghĩa của ông

“Về sự khác biệt giữa chữ waw liên từ và chữ waw tiếp nối, thì có những giải thích như sau:

1. Waw liên từ luôn luôn xuất hiện để chỉ ra cái tương đương, song song.
2. Waw tiếp nối luôn luôn xuất hiện để chỉ ra một trình tự. Chỉ có một hình thức duy nhất chữ waw được dùng với những THÌ CHƯA HOÀN THÀNH tiếp nối. Sự quan hệ giữa các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH được liên kết bởi chữ waw có thể là theo trình tự thời gian, kết quả lý luận, nguyên nhân thuộc lý luận hoặc sự tương phản trong lý luận. Trong tất cả các trường hợp thì đều theo một trình tự” (trang 103).

#### E. NGUYÊN MẪU - Có hai loại NGUYÊN MẪU

1. NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE), là “những diễn tả mạnh mẽ, độc lập, nổi bật được sử dụng để đạt được hiệu quả ấn tượng...giống như một chủ ngữ, nó thường không có động từ, dĩ nhiên động từ 'thì,là' được hiểu ngầm, nhưng chữ đó đứng riêng rẽ một mình cách ấn tượng” J. Wash Watts, *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* (trang 92) .
2. NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (INFINITIVE CONSTRUCT). Về mặt ngữ pháp nó “liên kết với câu phát biểu bằng những giới từ, đại từ sở hữu và mối liên hệ từ ghép” (trang 91).  
J. Weingreen trong quyển *A Practical Grammar for Classical Hebrew*, mô tả cấu trúc từ ghép là:  
“Khi hai chữ (hoặc nhiều hơn) kết hợp với nhau rất chặt chẽ, chúng tạo thành một ý tưởng hỗn hợp thì những chữ phụ được gọi là ở trong cấu trúc từ ghép” (trang 44).

#### F. NHỮNG TỪ NGHI VẤN (INTERROGATIVES)

1. Chúng luôn luôn xuất hiện đầu câu.
2. Ý nghĩa dành cho giải thích
  - a. *ha* - không mong đợi một sự trả lời
  - b. *halo'* - tác giả mong đợi một câu trả lời "có"

#### NHỮNG TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVES)

1. Chúng luôn luôn xuất hiện trước những chữ mà chúng phủ nhận.
2. Từ phủ định thông thường nhất là *lo'*.
3. Chữ *'al* có một hàm ý bất ngờ và được sử dụng với DẠNG KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) và DẠNG MỆNH LỆNH (JUSSIVE).
4. Chữ *lebhilit*, có nghĩa là “vì đó nên...không” được sử dụng với DẠNG NGUYÊN MẪU (INFINITIVE).
5. Chữ *'en* được sử dụng với các ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE).

#### G. CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCE)

1. Có bốn loại câu điều kiện về cơ bản chúng tương tự với tiếng Hy Lạp Koine.
  - a. Một cái gì đó được giả định là sắp xảy ra hoặc được nghĩ đến như thể đã hoàn tất (câu điều kiện loại một trong tiếng Hy Lạp)
  - b. Một điều gì đó trái với thực tế mà sự hoàn tất là không thể (câu điều kiện loại hai)
  - c. Một cái gì đó có thể, có lẽ đúng (câu điều kiện loại ba)
  - d. Một cái gì đó ít khi xảy ra, do đó sự hoàn thành là đáng nghi ngờ (câu điều kiện loại bốn)
2. NHỮNG GHI CHÚ VỀ NGỮ PHÁP
  - a. Các giả định trở thành tình trạng đúng với sự thật, có thật thì luôn luôn sử dụng THÌ HOÀN THÀNH của CHỈ ĐỊNH CÁCH (INDICATIVE PERFECT) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) và mệnh đề điều kiện (protasis) thường được khởi đầu bằng:
    - (1) *'im*
    - (2) *ki* (hoặc *'asher*)
    - (3) *hin* hoặc *hinneh*
  - b. Trường hợp trái với tình trạng có thật thì luôn luôn sử dụng một ĐỘNG TỪ (VERB) theo khía cạnh (thì) HOÀN THÀNH (PERFECT) hoặc một ĐỘNG TÍNH TỪ với các tiền tố mở đầu (introductory PARTICLES) *lu* hoặc *lule*

- c. Tình trạng có thể xảy ra nhiều hơn thì luôn luôn sử dụng ĐỘNG TỪ CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT VERB) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) trong mệnh đề điều kiện (protasis), thường là *'im* hoặc *ki* được sử dụng như là các TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLES)
- d. Tình trạng ít có khả năng xảy ra thì dùng GIẢ ĐỊNH THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT SUBJUNCTIVES) trong mệnh đề điều kiện (protasis) và luôn luôn sử dụng *'im* như là một TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLE)

## NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT DÙNG TRONG TẬP GIẢI KINH NÀY

AB	<i>Anchor Bible Commentaries</i> , ed. William Foxwell Albright and David Noel Freedman
ABD	<i>Anchor Bible Dictionary</i> (6 vols.), ed. David Noel Freedman
AKOT	<i>Analytical Key to the Old Testament</i> , John Giô-sép Owens
ANET	<i>Ancient Near Eastern Texts</i> , James B. Pritchard
BDB	<i>A Hebrew and English Lexicon of the Old Testament</i> , F. Brown, S. R. Driver and C. A. Briggs
BHS	<i>Biblia Hebraica Stuttgartensia</i> , GBS, 1977
IDB	<i>The Interpreter's Dictionary of the Bible</i> (4 vols.), ed. George A. Buttrick
ISBE	<i>International Standard Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. James Orr
JB	Jerusalem Bible
JPSOA	<i>The Holy Scriptures According to the Masoretic Text: A New Translation</i> (The Jewish Publication Society of America)
KB	<i>The Hebrew and Aramaic Lexicon of the Old Testament</i> , Ludwig Koehler and Walter Baumgartner
LAM	<i>The Holy Bible From Ancient Eastern Manuscripts</i> (the Peshitta), George M. Lamsa
LXX	<i>Septuagint</i> (Greek-English) by Zondervan, 1970
MOF	<i>A New Translation of the Bible</i> by James Moffatt
MT	<i>Masoretic Hebrew Text</i>
NAB	New American Bible Text
NASB	<i>New American Standard Bible</i>
NEB	<i>New English Bible</i>
NET	<i>NET Bible: New English Translation</i> , Second Beta Edition
NRSV	<i>New Revised Standard Bible</i>
NIDOTTE	<i>New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis</i> (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren

NIV	<i>New International Version</i>
NJB	<i>New Jerusalem Bible</i>
OTPG	<i>Old Testament Passing Guide</i> , Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	<i>Revised English Bible</i>
RSV	<i>Revised Standard Version</i>
SEPT	<i>The Septuagint</i> (Greek-English), Zondervan, 1970
TEV	<i>Today's English Version</i> from United Bible Societies
YLT	<i>Young's Literal Translation of the Holy Bible</i> , Robert Young
ZPBE	<i>Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney



# LỜI CỦA TÁC GIẢ: TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

## Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả (hoặc khi nó được biên tập lại). Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phân giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

## Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch.

1. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS4). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.

2. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Đề ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS4 và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

### Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

### Nguyên tắc thứ tư

Nguyên tắc thứ tư là cần chú ý về thể loại văn học. Tác giả nguyên thủy được thần cảm chọn lựa để ghi chép sử điệp của họ trong các thể loại khác nhau (ví dụ., tường thuật lịch sử, kịch nghệ lịch sử, thơ, tiên tri, phúc âm [dụ ngôn], thư tín, khái thị). Những thể loại khác nhau này có những chìa khóa đặc biệt để giải nghĩa (xem Gordon Fee và Doug Stuart, *Làm thế nào để Đọc Kinh Thánh với tất cả Giá trị của Lời Chúa (How to Read the Bible for All Its Worth)*, D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, Jr., *Phá vỡ những Mật Mã trong Cựu Ước (Cracking Old Testament Codes)*, hoặc Robert Stein, *Chơi với những nguyên tắc (Playing by the Rules)*).

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của Lễ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trấn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

**Bob Utley**

*Trường Đại học East Texas Baptist University*

*Ngày 27 tháng 6 năm 1996*

# HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LỄ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lễ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyện đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lễ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một Hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả! Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm với tôi:

## I. Các giả định

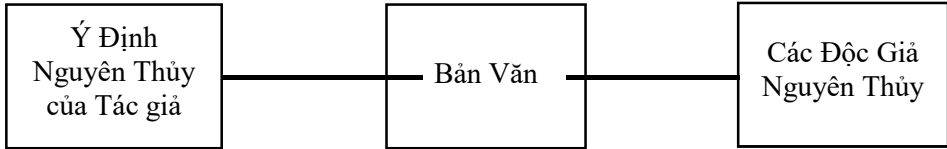
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
  1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
  2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
  3. Bối cảnh ngữ văn của toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
  4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
  5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
  6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp
  7. Những đoạn tương tự nhau

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

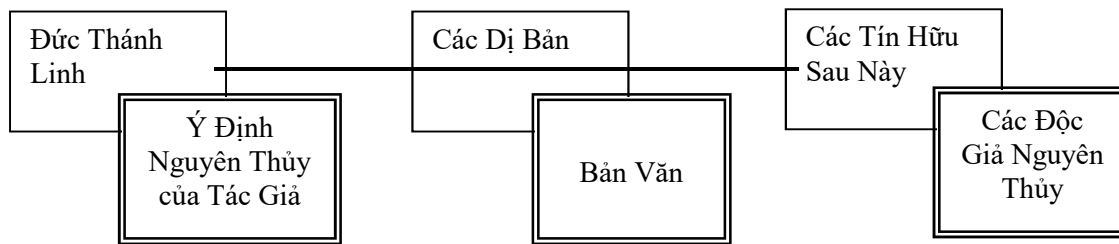
**II. Các phương pháp không thích hợp**

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giá ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lối giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn nào, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

### III. Các Phương Pháp Tiếp Cận Đến Việc Đọc Kinh Thánh Hiệu Quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi Nhà Xuất bản Zondervan và cuốn *Cracking Old Testament Codes* của D. Brent Sandy and Ronald L. Giese, Jr., Xuất bản bởi Broadman and Holman.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khấn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

1. Các yếu tố về tác giả nguyên thủy
  - a. Bối cảnh lịch sử
  - b. Bối cảnh văn chương
2. Sự lựa chọn của tác giả nguyên thủy
  - a. Cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)
  - b. Cách sử dụng từ đương thời
  - c. thể loại
3. Cách hiểu phù hợp của chúng ta
  - a. Các phân đoạn song song có liên quan

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bắt đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

#### A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất

1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
  - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
  - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
  - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
2. Tìm mục đích trọng tâm của toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.

3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
  4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
    - a. Các sách Cựu Ước
      - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
      - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
      - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
      - (4) Các luật lệ
    - b. Các sách Tân Ước
      - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
      - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
      - (3) Thư tín
      - (4) Khải thị
- B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai**
1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
  2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
  3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba**
1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
  2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
    - a. Tác giả
    - b. Thời điểm
    - c. Người nhận
    - d. Lý do cụ thể viết sách này
    - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
    - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
  3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
  4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư**
1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
    - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
    - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
    - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
  2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
    - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
    - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
    - c. Các khái niệm tương phản
  3. Liệt kê những mục sau đây
    - a. Các từ ngữ quan trọng
    - b. Các từ ngữ bất thường
    - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
    - d. Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
  4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
    - a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
      - (1) Các sách “thần học hệ thống”
      - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
      - (3) Kinh thánh phù dẫn
    - b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì toàn bộ

Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.

- c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một Tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
  - a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
  - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
  - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
  - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

#### IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

#### V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:

- B. “Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa Lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiểu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”
- C. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:  
Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Đề đọc Kinh thánh như là Lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, câu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc Lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc Lời Đức Chúa Trời.”
- D. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:  
“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

## VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách này

*Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh* được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
  1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS<sup>4</sup>)
  2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
  3. Bản New King James Version (NKJV)
  4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
  5. Bản Today’s English Version (TEV)
  6. Bản the New Jerusalem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lễ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách logic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.



- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
1. Bối cảnh ngữ văn
  2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
  3. Các thông tin ngữ pháp
  4. Các nghiên cứu theo từ
  5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo Truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
  2. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
  3. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
  4. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
1. Các dị bản
  2. Cách sử dụng từ
  3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
  4. Các bản văn không rõ ý
- G. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

# GIỚI THIỆU SÁCH PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ

## I. ĐIỂM CHÚ Ý

- A. Nó là một trong bốn sách Cựu ước được trích dẫn thường xuyên nhất trong cả Tân Ước (bao gồm: Sáng Thế Ký, Phục Truyền, Thi Thiên và Ê sai). Phục Truyền được trích dẫn 83 lần.
- B. Một trích dẫn từ bộ sách Giải kinh Cựu Ước Tyndale, “Phục truyền luật lệ ký,” được viết bởi J. A. Thompson: “Phục truyền luật lệ ký là một trong những sách tuyệt vời nhất của Cựu Ước. Nó ảnh hưởng trên khía cạnh tôn giáo về góc độ vùng miền và cá nhân trong mọi thời đại và không thể bị vượt qua bởi bất kỳ sách nào trong Kinh Thánh (trang 11).
- C. Đây chắc chắn là một trong những sách yêu thích của Chúa Giê-xu ở trong Cựu Ước:
1. Ngài trích dẫn nó bắt đầu từ khi Ngài chịu cám dỗ bởi Satan trong đồng vắng.
    - a. Ma-thi-ơ 4:4; Lu-ca 4:4 - Phục. 8:3
    - b. Ma-thi-ơ 4:7; Lu-ca 4:12 - Phục. 6:26
    - c. Ma-thi-ơ 4:10; Lu-ca 4:8 - Phục. 6:13
  2. Đây có lẽ là phần dẫn ý ẩn sau của Bài Giảng Trên Núi (trích. Ma-thi-ơ 5-7).
  3. Chúa Giê-xu trích dẫn Phục Truyền. 6:5 là điều răn vĩ đại nhất (trích. Ma-thi-ơ 22:34-40; Mác 12:28-34; Lu-ca 10:25-28).
  4. Chúa Giê-xu trích dẫn phần này của Cựu Ước (Từ Sáng Thế Ký-Phục Truyền) thường xuyên nhất bởi vì Người Do Thái cùng thời với Ngài xem phần này là phần có thẩm quyền cao nhất trong Kinh điển.
- D. Đây là một ví dụ lớn nhất của Kinh Thánh chính là một sự tái giải nghĩa của một sự Mặc khải trước đó của Đức Chúa Trời trong một tình huống mới. Một ví dụ về điều này có thể là sự khác biệt nhẹ giữa Mười Điều Răn trong Xuất. 20:11 và Phục. 5:15. Xuất 20 được đưa ra ở Núi Sinai và nó liên quan đến Thời kỳ lang thang trong Đồng vắng trong khi Phục 5 được ban ra tại Đồng bằng xứ Mô-áp để chuẩn bị cho dân sự định cư trong xứ Ca-na-an.
- E. Phục Truyền Luật lệ ký là một loạt sứ điệp được ban ra bởi Môi-se trong Đồng bằng xứ Mô-áp (phía Đông Giô-đanh). Ba bài giảng tất cả đều được soạn với địa điểm địa lý của bài giảng. Tất cả đều có thể chỉ đến cùng một địa điểm.
1. “bên kia sông Giô-đanh, tại đồng vắng, trong đồng bằng, đối ngang Su-phơ, giữa khoảng Pha-ran và Tô-phên, La-ban, Hát-sê-rôt, và Đi-xa-háp,” 1:1
  2. “Tại bên kia sông Giô-đanh, trong xứ Mô-áp,” 1:5
  3. “ở bên kia sông Giô-đanh, trong vùng đối ngang Bết-Phê -o, tại xứ Si-hôn,” 4:46 4. “trong xứ Mô-áp,” 29:1
- F. Phục truyền là tâm điểm của sứ điệp ngày hôm nay giữa những sự quan tâm của những học giả Cựu Ước về thể loại văn học của nó. Những Học giả Kinh Thánh hiện đại chia ra theo hai học thuyết khác nhau gắn với sự tổng hợp của cả Phục Truyền và phần còn lại của Ngũ Kinh.

## II. TÊN CỦA SÁCH

- A. Trong tiếng Hê-bơ-rơ những tựa của những sách *Tanakh* (Ngũ kinh) là một trong mười chữ đầu của chúng, thường sử dụng từ đầu tiên:
1. Sáng-thế-Ký, “Sự khởi đầu”
  2. Xuất-Ê-díp-tô-ký, “Và những cái Tên”
  3. Lê-vi-ký, “Và Ngài đã gọi”
  4. Dân-số-ký, “Trong đồng vắng”
  5. Phục-truyền-luật-lệ-ký, “Và những lời phán”

- B. Trong bộ Talmud Phục truyền được gọi là “sự nhắc lại của luật pháp” (*Mishnah Hattorah* Phục.17:18).
- C. Trong bản dịch tiếng Hy Lạp của Cựu Ước, được gọi là Bản Bảy mươi (LXX) được soạn thảo vào khoảng năm 250 T.C., Phục Truyền được gọi là “Đệ nhị Luật” bởi vì đã dịch nhầm 17:18 (“chép một bản cho mình”).
- D. Chúng ta có tựa sách tiếng Anh từ bản tiếng La-tinh Jerome’s Latin Vulgate gọi nó là “Đệ nhị Luật” (Deuteronomium).
- E. Nó là một quyển sách về sự hướng dẫn làm thế nào để giữ Giao ước của Đức Chúa Trời .
  - 1. “trong sách luật pháp này,” 28:61
  - 2. “luật pháp này,” 1:5; 4:8; 17:18,19; 27:3,8,26
  - 3. những phần giảng giải khác, 4:1,45; 6:17, 20; 12:1

### III. TÍNH KINH ĐIỂN – Phần này bao gồm Ngũ Kinh hình thành nên phần đầu trong ba phần chính trong Kinh Điển Hê-bơ-rơ

- A. Ngũ Kinh hoặc Luật Pháp — Sáng-Thế-Ký-Phục-Truyền
- B. Các sách Tiên Tri
  - 1. Các sách Tiên Tri sớm — Giô-suê-Các-Vua (ngoại trừ Ru-tơ)
  - 2. Các sách Tiên Tri muộn — Ê-sai-Ma-la-chi (Ngoại trừ Đa-ni-ên và Ca Thương)
- C. Những tác phẩm:
  - 1. Bộ Megilloth (5 Cuộn sách):
    - a. Nhã Ca
    - b. Truyền đạo
    - c. Ru-tơ
    - d. Ca Thương
    - e. Ê-xơ-tê
  - 2. Đa-ni-ên
  - 3. Văn học khôn ngoan:
    - a. Gióp
    - b. Thi Thiên
    - c. Châm Ngôn
  - 4. I & II Sử Ký

### IV. THỂ LOẠI

- A. Phục Truyền là sự pha trộn của một vài thể loại văn học khác
  - 1. Tường thuật lịch sử
    - a. đoạn 1-4
    - b. đoạn 34
  - 2. Sự quở trách, đoạn 6-11
  - 3. Sự hướng dẫn, đoạn 12-28
  - 4. thi thiên/ thánh ca/ bài hát, đoạn 32
  - 5. Sự chúc phước – đoạn 33
- B. Phục Truyền mô tả chính nó là một quyển sách hướng dẫn bởi Đức Chúa Trời cho cuộc sống (Ngũ Kinh) trong 29:21; 30:10; 31:26. Nó là một quyển sách dạy dỗ về Đức tin và cuộc sống để truyền tiếp cho những thế hệ tương lai.

- C. Vai trò lãnh đạo đặc biệt của Đức Chúa Trời được thay bởi sứ điệp mặc khải được viết xuống của Đức Chúa Trời. Sự lãnh đạo của con người sẽ tồn tại, nhưng Sứ điệp mặc khải được viết xuống này được nhấn mạnh với thẩm quyền tác giả.

## V. TÁC QUYỀN

### A. Truyền thống Do Thái:

1. Theo truyền thống khuyết danh cổ xưa cho rằng Môi-se chính là tác giả của sách.
2. Điều này được viết trong:
  - a. Talmud - *Baba Bathra* 14b
  - b. *Mishnah*
  - c. Huấn ca của Ben Sirach 24:23 (được viết vào khoảng 185 T.C.)
  - d. Philo người Alexandria
  - e. Flavius Josephus
3. Chính từ Kinh Thánh:
  - a. Các quan xét 3:4 và Giô-suê 8:31
  - b. “Lời nói của Môi-se”:
    - (1) Phục Truyền 1:1, 3
    - (2) Phục Truyền 5:1
    - (3) Phục Truyền 27:1
    - (4) Phục Truyền 29:2
    - (5) Phục Truyền 31:1, 30
    - (6) Phục Truyền 32:44
    - (7) Phục Truyền 33:1
  - c. “Đức Giê-hô-va phán với Môi-se”:
    - (1) Phục Truyền 5:4-5, 22
    - (2) Phục Truyền 6:1
    - (3) Phục Truyền 10:1
  - d. “Môi-se viết”:
    - (1) Phục Truyền 31:9, 22, 24
    - (2) Xuất Ê-díp-tô Ký 17:14
    - (3) Xuất Ê-díp-tô Ký 24:4, 12
    - (4) Xuất Ê-díp-tô Ký 34:27-28
    - (5) Dân-số Ký 33:2
  - e. Chúa Giê-xu trích dẫn từ hoặc ám ý từ Phục Truyền hoặc đề cập rằng “Môi-se nói”/”Môi-se viết”:
    - (1) Ma-thi-ơ 19:7-9; Mác 10:4-5 – Phục. 24:1-4
    - (2) Mác 7:10 – Phục. 5:16
    - (3) Lu-ca 16:31; 24:27, 44; Giảng 5:46-47; 7:19, 23
  - f. Phao-lô xác nhận Môi-se là tác giả:
    - (1) Rô-ma. 10:19 – Phục. 32:21
    - (2) I Cô-rinh-tô. 9:9 – Phục. 25:4
    - (3) Ga-la-ti. 3:10 - Phục. 27:26
    - (4) Công vụ 26:22; 28:23
  - g. Phi-e-rơ xác nhận Môi-se là tác giả trong bài giảng Lễ Ngũ Tuần của mình – Công vụ 3:22
  - h. Tác giả sách Hê-bơ-rơ xác nhận Môi-se là tác giả - Heb. 10:28; Phục. 17:2-6

### B. Học giả Kinh Thánh Hiện đại

1. Nhiều nhà Thần học trong thế kỷ 18 và 19, đồng ý theo ý kiến của Graf-Wellhausen về thuyết về quyền

tác giả của nhiều người (JEDP), xác nhận rằng Phục Truyền được viết bởi một thầy tế lễ/ tiên tri trong thời trị vì trên vương quốc Giu-đa của Vua Giô-si-a để ủng hộ cho cuộc cải cách thuộc linh của ông. Điều này sẽ dẫn đến quyển sách được viết dưới tên của Môi-se vào khoảng năm 621 T.C.

2. Thuyết này dựa trên:

- a. II Các vua. 22:8; II Sử ký. 34:14-15, “Ta có tìm được cuốn sách luật pháp ở trong đền của Đức Giê-hô-va”
- b. đoạn 12 nói về một địa điểm duy nhất cho đền tạm và Đền thờ sau này
- c. đoạn 17 nói về một vị vua sau này
- d. sự thật về việc viết một quyển sách mượn tên của một tác giả nổi tiếng trong quá khứ là rất phổ biến tại khu vực Cận Đông cổ đại và trong các nhóm Do Thái
- e. sự tương tự về phong cách, từ ngữ và văn phạm giữa Phục Truyền và Giô-suê, Các-vua, và Giê-rê-mi
- f. Phục Truyền ghi chép lại về cái chết của Môi-se (đoạn 34)
- g. Những phần biên tập thêm vào rõ ràng trong Phục Truyền:  
(1) Phục. 3:14 (2) Phục. 34:6
- h. Đôi khi có sự khác biệt không thể giải thích được về tên của Đấng Thánh: El, El Shaddai, Elohim, Giê-hô-va (YHWH), trong nhiều bối cảnh và giai đoạn lịch sử có vẻ như được tập hợp lại.

C. Có những sự biên tập thêm vào cách rõ ràng. Những thầy thông giáo Do Thái được huấn luyện tại Ai Cập khi họ thường xuyên cập nhật những văn bản cổ đại. Những thầy thông giáo người Mê-sô-bô-ta-mi hiếm khi thêm vào văn bản.

Một vài ví dụ trong Phục Truyền là:

1. 27:3,8
2. 28:58
3. 29:21,29
4. 30:10,19
5. 31:24

## VI. THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

A. Nếu sách được viết bởi Môi-se, vẫn có hai khả năng liên quan đến thời điểm và quá trình của cuộc Xuất hành khỏi Ai Cập:

1. Nếu I Các vua. 6:1 được nhận theo nghĩa đen thì sách được viết vào khoảng năm 1445 T.C. (Triều đại thứ 18 vua Thutmose III và Amenhotep II):
  - a. Bản Bảy Mươi (LXX) là 440 năm thay vì 480 năm
  - b. Con số này có thể phản ánh qua số thế hệ thay vì số năm (nghĩa bóng)
2. Các bằng chứng khảo cổ học cho con số 1290 T.C. cho cuộc Xuất hành (Triều đại thứ 19):
  - a. Seti I (1390-1290) di chuyển kinh đô Ai Cập từ Thebes đến khu vực tam giác - Zoan/Tanis.
  - b. Rameses II (1290-1224):
    - (1) Tên của ông xuất hiện trong một thành phố được xây dựng bởi các nô lệ người Do Thái ( Sáng. 47:11; Xuất. 1:11)
    - (2) Ông có 47 con gái
    - (3) Ông không được nối ngôi bởi con trai trưởng
  - c. Những thành chính được bao bọc bởi tường thành ở khu vực Palestine bị hủy diệt và nhanh chóng xây dựng lại vào khoảng năm 1250 T.C.

B. Thuyết của những Học giả Thần học Hiện đại về quyền tác giả của nhiều người:

1. J (YHWH(GIÊ-HÔ-VA)) 950 T.C.
2. E (Elohim) 850 T.C.
3. JE (Kết hợp) 750 T.C.
4. D (Phục Truyền) 621 T.C.
5. P (Thầy tế lễ) 400 T.C.

## VII. NGUỒN TÀI LIỆU LÀM VỮNG THÊM VỀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Những giao ước của người Hê-tít vào khoảng thiên niên kỷ thứ 2 T.C. chỉ ra cho chúng ta một sự tương đồng mang tính lịch sử đương thời với cấu trúc của Phục Truyền (cũng như Xuất Ê-díp-tô Ký và Lê-vi Ký và Giô-suê 24). Cấu trúc những giao ước này thay đổi vào khoảng thiên niên kỷ thứ nhất T.C. Điều này cho chúng ta bằng chứng về tính lịch sử của sách Phục Truyền. Để đọc sâu thêm về lĩnh vực này, hãy xem quyển *Luật pháp và Giao ước ở khu vực Y-sơ-ra-ên và Cận Đông Cổ đại (Law and Covenants in Israel and the Ancient Near East)* được viết bởi G. E. Mendenhall và quyển *Giao ước của Vị Vua Vĩ đại (Treaty of the Great King)* được viết bởi M. G. Kline.
- B. Những tương đồng về cấu trúc giao ước của người Hê-tít và sách Phục Truyền:
1. Lời Mở đầu (Phục. 1:1-5, lời giới thiệu của người nói, Giê-hô-va(YHWH))
  2. Nhắc lại về những hành động trong lịch sử của Vị Vua (Phục. 1:6-4:49, Những hành động của Đức Chúa Trời trong quá khứ cho Y-sơ-ra-ên)
  3. Những điều khoản của Giao ước (Phục Truyền 5-26):
    - a. Điều khoản chung (Phục Truyền 5-11)
    - b. Điều khoản chi tiết (Phục Truyền 12-26)
  4. Kết quả của Giao ước (Phục Truyền 27-29):
    - a. Những ích lợi (Phục Truyền 28)
    - b. Những hậu quả (Phục Truyền 27)
  5. Sự chứng kiến của Đấng Thánh (Phục Truyền. 30:19; 31:19, trong đoạn 32, bài ca của Môi-se cũng có vai trò như là một sự làm chứng):
    - a. một bản chép của Giao Ước được giữ trong Đền thờ của Đấng Thánh
    - b. một bản chép của Giao Ước được giữ trong đền thờ của sự lệ thuộc để được đọc lại hằng năm
    - c. sự độc nhất của giao ước Hê-tít so với những giao ước sau này của người A-sy-ri và Sy-ri là:
      - (1) sự nhắc lại lịch sử về những hành động của vị vua
      - (2) phần rủa sả ít được nhắc đến hơn
- C. Cấu trúc giao ước Hê-tít bị thay đổi nhẹ (một thành phần bị cắt bỏ) trong thiên niên kỷ thứ nhất T.C. Cấu trúc của Phục Truyền phù hợp nhất với thời kỳ Môi-se và Giô-suê!
- D. Để xem phần thảo luận tốt nhất về những Giao ước Hê-tít hãy xem quyển *Đông Phương Cổ đại và Cựu Ước (Ancient Orient and Old Testament)* được viết bởi K. A. Kitchen, trang. 99-102.

## VIII. NHỮNG ĐƠN VỊ VĂN HỌC (văn mạch)

- A. Phân giới thiệu vào sách, 1:1-5
- B. Bài giảng thứ Nhất, 1:6-4:43 (Những hành động trong quá khứ của Đức Giê-hô-va cho ngày nay)
- C. Bài giảng thứ Hai, 4:44-26:19 (Luật pháp của Đức Giê-hô-va cho ngày nay và sau này)
1. Phân Chung –Mười Điều Răn (5-11)
  2. Những ví dụ cụ thể và thi hành (12-26)
- D. Bài giảng thứ Ba, 27-30 (Luật pháp của Đức Giê-hô-va cho tương lai 27-29)
1. Những sự rủa sả (27)
  2. Những phước hạnh (28)
  3. Giao ước được nhắc lại (29-30)

- E. Những lời cuối cùng của Môi-se, 31-33
  - 1. Bài giảng “Tạm biệt”, 31:1-29
  - 2. Bài ca của Môi-se, 31:30-32:52
  - 3. Những lời chúc phước của Môi-se 33:1-29
- F. Cái chết của Môi-se, 34

## IX. NHỮNG LỄ THẬT CHÍNH

- A. Sự chuẩn bị cuối cùng trước khi bước vào Đất Hứa. Giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (Sáng 15) đã được ứng nghiệm!
- B. Sáng 12:1-3 đã hứa về một vùng đất và một dòng dõi. Cựu ước tập chú vào vùng đất; Tân Ước sẽ tập chú vào “dòng dõi” ( Ga-la-ti 3).
- C. Môi se chuẩn bị cho dân sự một đời sống nông nghiệp định cư thay vì một đời sống du mục. Ông làm cho Giao ước Sinai phù hợp với Đất Hứa. Trong một khía cạnh, Phục Truyền chính là hiện pháp của Y-sơ-ra-ên
- D. Sách nhấn mạnh vào sự thành tín của Đức Chúa Trời trong quá khứ, hiện tại, và trong tương lai. Giao ước, tuy nhiên, là có điều kiện! Y-sơ-ra-ên cần phải đáp ứng trong đức tin, sự ăn năn và sự vâng lời. Nếu nó không thực hiện, những sự rủa sả trong đoạn 27-29 sẽ trở thành hiện thực. Môi se là một ví dụ tiêu biểu về tình yêu và sự công chính của Đức Chúa Trời! Ngay cả người lãnh đạo đặc biệt của Đức Chúa Trời cũng có nghĩa vụ vâng lời. Sự bất tuân luôn mang đến hậu quả.

# PHỤC TRUYỀN 1

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI \*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những mạng lệnh trước khi bước vào Ca-na-an	Nhắc lại lịch sử (1:1-3:29)	Phần mở đầu	Bài giảng thứ nhất của Môi-se (1:1-4:43) Địa điểm và nơi chốn
1:1-8	1:1-5	1:1-5	1:1-3 1:4-5 Những hướng dẫn cuối cùng tại Hô-rếp
	1:6-8	1:6-8	1:6-8
Những lãnh đạo chi phái được bổ nhiệm		Môi se bổ nhiệm các quan xét	
1:9-18	1:9-18	1:9-15 1:16-18	1:9-18
Dân Y-sơ-ra-ên từ chối bước vào đất hứa		Các thám tử được sai đi từ Ca-đe Ba-nê-a	Ca-đe: Y-sơ-ra-ên mất đức tin
1:19-25	1:19-21 1:22-25	1:19-21 1:22 1:23-25	1:19-28
1:26-33	1:26-33	1:26-28 1:29-33	1:29-33
Hình phạt cho sự phản nghịch của Y-sơ-ra-ên	1:34-40	CHÚA hình phạt Y-sơ-ra-ên 1:34-38 1:39-40	Sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va tại Ca-đe-Ba-nê-a 1:34-40
1:41-46	1:41-45	1:41	1:41-46

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

\*Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại được chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn theo cách hiểu của họ. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch bao bọc ý tưởng đó theo cách của chính nó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu?

Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

**Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong phần Phụ Lục Một, Hai và Ba**



Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề đôi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG : 1:1-5

<sup>1</sup>Này là lời Môi-se nói cho cả Y-sơ-ra-ên, bên kia sông Giô-đanh, tại đồng vắng, trong đồng bằng, đối ngang Su-phơ, giữa khoảng Pha-ran và Tô-phên, La-ban, Hát-sê-rôt, và Đi-xa-háp. <sup>2</sup>Từ Hô-rếp tới Ca-đe-Ba-nê-a, bởi đường núi Sê -i-rơ, đi mười một ngày đường. <sup>3</sup>Nhằm năm bốn mươi, ngày mồng một tháng mười một. Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã biểu người phải nói cùng họ. <sup>4</sup>Ấy là sau khi người đã đánh giết Si-hôn, vua dân A-mô-rít ở tại Hết-bôn, và Ốc, vua Ba-san, ở tại Ách-ta-rôt và Êt-rê-i. <sup>5</sup>Tại bên kia sông Giô-đanh, trong xứ Mô-áp, Môi-se khởi giảng giải luật pháp này mà rằng

1:1 “Này là lời” Đây chính là tựa tiếng Hê-bơ-rơ cho sách. ĐỘNG TỪ tiếng Hê-bơ-rơ “nói” (BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) là một TỪ CÙNG GỐC với DANH TỪ “những lời” (BDB 182). Bởi vì chính trong sách nói rằng đây là những lời của Môi-se, tôi tin rằng điều đó đã loại trừ khả năng đây là toàn bộ công trình của một người biên soạn, biên tập hoặc tổng hợp lại sau này. Chúng ta thực chất có những lời của Môi-se, mà thực chất chính là những lời của Đức Giê-hô-va (YHWH) (ví dụ: 7:4; 11:13-14; 17:3; 29:6). Điều này không phải để phủ nhận những sự hiệu đính thêm vào hoặc nói rằng Môi-se ghi chú lại về chính cái chết của ông. Nhưng phần quan trọng của tư liệu và nền tảng thần học của sách là của Môi-se.

Những cụm từ tương tự nhau để chia Phục Truyền Luật Lệ Ký ra thành hai phần:

1. “Này là lời,” 1:1 (1:1-5, phần giới thiệu vào bài giảng thứ nhất)
2. “Này là luật pháp,” 4:44 (4:44-49, phần giới thiệu vào bài giảng thứ hai)
3. “Này là điều răn,” 6:1
4. “Này là các lời của sự giao ước,” 29:1 (bắt đầu của bài giảng thứ ba)
5. “này là lời chúc phước,” 33:1

Khi tôi bình luận về chủ đề gây tranh luận về tác quyền/thời điểm viết sách, cho phép tôi trình bày một cách rõ ràng rằng tôi tin rằng cả Kinh Thánh đều được thần cảm (II Tim. 3:15-17). Vấn đề về tác giả và ngày viết là vấn đề về giải kinh học, không phải là vấn đề về sự thần cảm! Đức Thánh Linh chính là tác giả thiên thượng của tất cả những ghi chép trong Kinh điển. Điều này có phải chỉ là giả định? Tất nhiên! Nhưng nó là một sự giả định then chốt, cần phải được xem xét lại và nghiên cứu trước bất kỳ những sự phê bình Kinh Thánh nào có hiệu lực. Những giáo lý về sự Thần Cảm và Kinh điển là hai cột trụ của tác quyền của bất kỳ những phần còn lại của Kinh Thánh.

} “Môi-se nói” Có một số lượng lớn những người đã rời Ai Cập với Môi-se và điều này có thể ảnh hưởng khiến ông không thể nói với họ toàn thể một lần. Có lẽ, ông đã nói với các trưởng lão và họ lặp lại với một nhóm nhỏ hơn hoặc sử dụng văn bản bằng cách trình bày lại một tài liệu đã được chép xuống.

} “cho cả Y-sơ-ra-ên” Hãy xem chủ đề đặc biệt phía dưới đây.

### **Chủ Đề Đặc Biệt: Y-SO-RA-ÊN (tên riêng)**

I. Ý nghĩa của tên không được sáng tỏ, (BDB 975, KB 442), có thể là:

- A. Đức Chúa Trời kiên định (El Persists)
- B. Hãy để Đức Chúa Trời kiên định (Let El Persist (mệnh lệnh))
- C. Đức Chúa Trời gìn giữ (El Preserves)
- D. Hãy để Đức Chúa Trời tranh chiến (Let El Contend)
- E. Đức Chúa Trời đấu tranh (El Strives)
- F. Người đấu tranh với Đức Chúa Trời (cách chơi chữ từ Sáng 32:28)
- G. đáng tin cậy (IDB, vol. 2, p. 765)
- H. thành công
- I. hạnh phúc

II. Cách dùng trong Cựu Ước

- A. Tên mới của Gia-cốp (có nghĩa là người hắt cẳng, BDB 784, KB 872, Sáng 25:26), được thay đổi sau con vật lộn với một Đấng thần linh tại suối Gia-bốc. ( Sáng 32:22-32; Exod. 32:13). Nhiều khi tên theo tiếng Hê-bơ-rơ mang tính chất chơi chữ phát âm nhiều hơn là từ nghĩa ( Sáng 32:28). "Y-sơ-ra-ên" trở nên tên gọi của Gia-cốp ( Sáng 35:10).
- B. Y-sơ-ra-ên là tên gọi chung cho cả 12 bộ tộc con cái Gia-cốp. ( Sáng 32:32; 49:16; Xuất. 1:7; 4:22; 28:11; Phục 3:18; 10:6).
- C. Là danh hiệu của dân tộc được hình thành trước cuộc Xuất Hành. ( Sáng 47:27; Xuất 4:22; 5:2) và sau đó (Phục 1:1; 18:6; 33:10).
- D. Là tên gọi các bộ tộc theo Rê-hô-bô-am sau thời Sau-lơ, Đa-vít và Sô-lô-môn. ( 1 Các Vua 12).
  - 1. Sự phân biệt xảy ra từ trước thời điểm chính thức chia ly. ( II Sam. 3:10; 5:5; 20:1; 24:9; 1 Các Vua. 1:35; 4:20)
  - 2. Các bộ tộc phía bắc cho đến khi thủ đô của họ là Sa-ma-ri rơi vào tay A-si-ri-a 722 T.C. ( 2 Các Vua 17).
- E. Được sử dụng nói về Giu-đa ở một vài nơi ( Ê-sai 1; Mi chê 1:15-16).
- F. Nói về tất cả các bộ tộc con cháu của Gia-cốp sau khi bị đi đày ở A-si-ri-a và Ba-by-lôn ( Ê-sai 17:7,9; Giê-rê-mi 2:4; 50:17,19).
- G. Nói về thường dân so với nhóm các thầy tế lễ, ( 1 Sử Ký 9:2; Ê-xơ-ra 10:25; Nê-hê-mi 11:3).

} **“bên kia sông Giô-đanh”** Chỗ này có lẽ có nghĩa là “trong khu vực của” (BDB 719). Hai câu tiếp theo rất đặc biệt đối với khu vực địa lý của nơi Y-sơ-ra-ên đóng trại mà Môi-se đã đưa ra cho họ trong sự mặc khải này. Nó trở thành một thành ngữ cho (1) khu vực phía đông sông Giô-đanh (Dân số ký 35:14; Phục 1:1,5; 4:41,46,47,49) và (2) khu vực phía tây (Phục 3:20,25; 11:30; 9:1). Nó yêu cầu thêm những cụm từ để chỉ rõ phía nào của bờ sông được nhắc đến (theo quyển *Dẫn nhập vào Cựu Ước (Introduction to the Old Testament)* được viết bởi R. K Harrison, trang 636-638).

} **“tại đồng vắng”** Đây không phải là sa mạc nhưng là khu vực đồng cỏ không có người ở (BDB 184), nơi bị khô cằn và không có sự sống hầu hết thời gian trong năm ngoài trừ mùa đông và khoảng thời gian đầu mùa xuân.

} **“trong đồng bằng” (the Arabah)** cụm từ này có nghĩa đen là “đồng bằng khô cằn” (BDB 787). Điều này chỉ về thung lũng Giô đanh (ví dụ the Thung lũng Vết nứt Lớn (Great Rift Valley) đi từ Biển Ga-li-lê đến Vịnh Aqaba (thực chất là từ Thổ Nhĩ Kỳ đến Mozambique). Do vậy, nó chỉ đến khu vực cả phía nam (cách sử dụng hiện đại) và đến phía bắc của Biển Chết và chúng ta không biết chắc chính xác khu vực nào được nói đến. Nó chỉ đến khu vực bờ đông sông Giô-đanh (3:17; 4:49) hoặc bờ tây (11:30). Câu 1 là phần tóm tắt lại cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên từ Ai Cập đến Si-nai.

} **“Su-phơ”** Đây (từ mượn từ Ai Cập) là từ có nghĩa đen là “những cây sậy” (BDB 693). Điều này chỉ về hoặc là những loại cây nước mặn (Giô-na 2:5) hoặc cây nước ngọt (Xuất 2:5). Ở đây có thể dịch ra là “khu

vực của những cây sậy” hoặc thành phố Su-phơ và có thể liên hệ đến câu 40 (ví dụ, Biển Đỏ có tên nguyên gốc là, “biển của những cây sậy”).

} **“Pha-ran”** Thuật ngữ “Pha-ran” (BDB 803) chỉ đến khu vực đồng vắng chỉ đến phía bắc khu vực đồng vắng Si-nai, nhưng phía nam của đồng vắng xứ Giu-đê (Dân Số Ký 13:3,26). Ốc đảo Ca-đe-Ba-nê-a nằm ở khu vực đồng vắng. Hãy xem chủ đề đặc biệt ở 2:1.

Tuy nhiên, trong câu này, Pha-ran có vẻ như là một khu vực chưa xác định được (có lẽ là một thành phố) ở bờ đông sông Giô-đanh.

} **“Tô-phên”** Thuật ngữ này có nghĩa là “tô trắng” (BDB 1074). Đây là địa điểm chưa biết, có vẻ như phía đông sông Giô-đanh trên địa phận của người Mô-áp.

} **“La-ban”** Thuật ngữ này có nghĩa là “trắng” (BDB 526 III). Đây là một địa điểm chưa biết. Một vài học giả cho rằng nó nằm trên con đường từ núi Si-nai đến Mô-áp (Líp-na, Dân Số Ký 33:20-21), trong khi những người khác cho rằng nó là một thành phố hay một khu làng ở bờ đông sông Giô-đanh trên địa phận Mô-áp.

} **“Hát-sê-rôt”** Tại địa danh này (BDB 348) đã giúp những học giả kinh thánh khẳng định rằng địa danh được đề cập đến sau “Arabah” (trong đồng bằng) chính là địa điểm mà dân Y-sơ-ra-ên đã đóng trại ở khoảng giữa núi Si-nai và đồng bằng Mô-áp (1:2). Nếu điều đó là chính xác, La-ban sẽ chính là Líp-na (Num. 33:20-21) và Hát-sê-rôt sẽ liên hệ với Dân số ký 33:17-18. Đó chính là địa điểm nơi mà A-rôn và Mi-ri-am đã lăm bằm chống lại sự lãnh đạo của Môi-se hoặc chống lại hôn nhân của ông và người vợ Ê-thi-ô-bi của ông (Dân Số Ký 12).

} **“Đi-xa-háp”** Tên địa điểm này (một sự kết hợp giữa từ tiếng A-ram “nơi chôn” và tiếng Hê-bơ-rơ “vàng”) có ý nghĩa là “nơi chôn của vàng” (BDB 191). Những ra-bi liên hệ nơi này với nơi mà người Ai Cập đã chôn người Do Thái vàng khi mà họ rời khỏi Ai Cập (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:22; 11:2; 12:35), nhưng trong văn mạch, đây là một địa điểm khác. Địa điểm này chưa được biết. Nó hoặc là (1) nằm trên bờ đông sông Giô-đanh tại Mô-áp và qua đó ở gần với những địa điểm khác đã được nhắc đến hoặc (2) nằm trên con đường từ Si-nai đến Mô-áp.

**1:2 “Từ Hô-rép tới Ca-đe-Ba-nê-a... đi mười một ngày đường”** Câu này có thể là một câu tóm tắt của hành trình di chuyển của Y-sơ-ra-ên từ ngọn núi Hô-rép/Si-nai đến ốc đảo tại Ca-đe, nhưng, nếu như vậy, lại không phù hợp tốt giữa câu 1 và câu 3. Điều này có thể bao gồm cả việc chỉ ra hành trình có thể lẽ ra chỉ chiếm mười một ngày đường, nhưng bởi vì sự vô tín của cả thế hệ này (hơn 38 năm). Hành trình mười-một-ngày dường như giúp xác nhận địa điểm của ngọn núi Hô-rép/ Si-nai nằm ở phía nam của bán đảo Si-nai.

Cần chú ý rằng địa điểm nơi luật pháp được ban ra được gọi là “Hô-rép.” Hô-rép là một từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “hoang tàn” hoặc “đổ nát” (BDB 352, KB 349). Si-nai (BDB 696) là một từ gốc không-phải-Hê-bơ-rơ, và cả hai đều chỉ về nơi mà Môi-se đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra mắt Đức Giê-hô-va (ví dụ: Hô-rép, Xuất 3:1; Phục 1:6,19; 4:10,15; 5:12 và Si-nai: Xuất 19; Lê Vi Ký. 7:38; 25:1; 26:46; 27:34; Dân Số Ký 1:1,9; 3:1,4,14; 9:1,5).

Tại sao tên “Hô-rép” lại được sử dụng thường xuyên trong Phục Truyền và “Si-nai” lại được sử dụng thường xuyên hơn trong Xuất Ê-díp-tô Ký vẫn chưa được biết. Sự khác nhau về việc dùng từ trong các tác phẩm của Môi-se. Điều này có thể liên hệ đến:

1. những truyền thống truyền miệng được ghi chép bởi những người chép khác nhau
2. Môi-se sử dụng những người chép khác khác nhau
3. bị thay đổi bởi những người chép sau này bởi một lý do không biết
4. Sự đa dạng văn học

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỊA ĐIỂM CỦA NGỌN NÚI SI-NAI**

A. Nếu Môi-se đã nói một cách thực sự chứ không phải nghĩa bóng về ba ngày đường mà ông đã yêu cầu Pha-ra-ôn (Xuất 3:18; 5:3; 8:27), thì sẽ không đủ thời gian để đến địa điểm truyền thống ở phía nam bán đảo Si-nai. Vì vậy, một vài học giả cho rằng ngọn núi nằm gần ốc đảo Ca-đe-Ba-nê-a.

- B. Địa điểm truyền thống được gọi là “Jebel Musa” ở trong đồng vắng Sin, đã có một vài thông tin như sau:
1. Đó là một bình nguyên lớn phía trước một ngọn núi.
  2. Phục 1:2 nói rằng đó là một hành trình mười-một-ngày từ ngọn núi Si-nai đến Ca-đe-Ba-nê-a.
  3. Thuật ngữ “Si-nai” không phải là một từ Hê-bơ-rơ. Nó có thể được liên hệ với Hoang mạc Sin, vốn liên hệ với một cây bụi sa mạc. Tên Hê-bơ-rơ của ngọn núi là Hô-rép (hoang mạc).
  4. Ngọn núi Si-nai là một đại điểm theo truyền thuyết từ thế kỷ thứ tư trước Công nguyên. Nó nằm tại “đất của người Mi-đi-an” bao gồm một khu vực rộng lớn tại bán đảo Si-nai và A-ra-bi.
  5. Đường như các nhà khảo cổ học đã xác nhận được những địa điểm của những thành phố được nhắc đến trong cuộc Xuất Hành (*Elim, Dophkah, Rephidim*) là những thành phố ở phía tây của Bán Đảo Si-nai.
- C. Địa điểm truyền thống của ngọn núi Si-nai đã không được biết đến cho đến *Cuộc hành hương của Silvia (Pilgrimage of Silvia)*, được viết trong khoảng 385-388 T.C (theo cuốn *Giải nghĩa sách Công vụ các Sứ đồ (Commentary on the Book of the Acts)* được viết bởi F. F. Bruce, trang 151).

} **“núi Sê-i-rơ”** BDB 973 nói rằng thuật ngữ “Sê-i-rơ có thể có nghĩa là (1) dê; (2) rậm lông; (3) rậm lông nhiều như những rừng cây rậm rạp; trong khi KB 1989 xác nhận nó có ý nghĩa là “rậm lông”

Trong Cựu Ước từ này thường đi cùng với Ê-đôm (Sáng 14:6; 36:20-21,30; Phục 1:2,44; 2:1,4-5; 33:2). Nó thường được mô tả là một ngọn núi (Sáng 14:6; 36:8-9; Phục 2:1). Vì vậy, nguyên gốc của nó là một khu vực nhiều núi non Hô-rít sau được sáp nhập vào Ê-đôm.

} **“Ca-đe-Ba-nê-a”** Đây là một ốc đảo lớn nằm ở biên giới của Ê-đôm (Dân Số Ký 20:16), khoảng 50 dặm về phía nam của Bê -e-Sê-ba, Với bốn ngọn suối tự nhiên. Tên của địa điểm này có hai yếu tố. Yếu tố thứ nhất từ tiếng Hê-bơ-rơ có ý nghĩa là “thánh khiết” (BDB 873). Yếu tố thứ hai vẫn chưa được biết. Nó trở thành nơi kết nối của những người di chuyển trong đồng vắng (Dân Số Ký 13-14).

**1:3 “nhằm năm bốn mươi”** Đây là mốc thời gian duy nhất trong Phục Truyền. “Bốn mươi” (BDB 917) được sử dụng thường xuyên trong Kinh Thánh đến mức nó có vẻ liên hệ đến một khoảng thời gian rất dài, không thể xác định được. Niên đại thực chất vào khoảng 38 năm (từ núi Si-nai đến bình nguyên Mô-áp).

} **“ngày mồng một tháng mười một”** Tác giả sử dụng mỗi cơ hội để xác định các địa điểm và thời điểm trong những lời chia sẻ với dân Y-sơ-ra-ên . Hãy xem chủ đề đặc biệt phía dưới.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT : LỊCH CỦA KHU VỰC CẬN ĐÔNG CỔ ĐẠI

Ca-na-an (I Kgs. 6:1,37-38; 8:2)	Người Sumer-Ba-by-lôn (Lịch Nippur)	Hê-bơ-rơ (Lịch Geezer)	Tương đương ở thời hiện đại
Abib (“ngọn xanh” của lúa mạch)	Nisanu	Nisan	Tháng 3-tháng 4
Zin (Sự rục rở của mùa xuân)	Ayaru	Iyyar	Tháng 4-tháng 5
	Simanu	Sivan	Tháng 5 – tháng 6
	Du-uzu	Tammuz	Tháng 6 – tháng 7
	Abu	Ab	Tháng 7 – tháng 8
	Ululu	Elul	Tháng 8 – tháng 9

Ethanim (nguồn suối vĩnh cửu)	Teshritu	Tishri	Tháng 9 – tháng 10
Bul (những cơn mưa trên sân vật)	Arah-samna	Marcheshvan	Tháng 10 – tháng 11
	Kislimu	Chislev	Tháng 11 - tháng 12
	Tebitu	Tebeth	Tháng 12- tháng 1
	Shabatu	Shebat	Tháng 1- tháng 2
	Adaru	Adar	Tháng 2- tháng 3

✎ “Môi-se nói cùng dân Y-so-ra-ên mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã biểu người phải nói cùng” Đức Chúa Trời chính là tác giả; Môi-se chính là công cụ, nhưng tất cả những mạng lệnh này đều xuất phát từ giao ước được thiết lập bởi Đức Giê-hô-va.

Có rất nhiều danh xưng khác nhau của Đấng Thánh trong các tác phẩm viết của Môi-se. Theo sau đây là những ví dụ trong Phục Truyền 1-4.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (YHWH), 1:3,8,27,34,37,41,42,43,45; 2:12,14,15,17,21,31; 3:2,20,21,26 (hai lần); 4:12,14,15,21,27
2. GIÊ-HÔ-VA (YHWH) Đức Chúa Trời chúng ta (*Elohim*), 1:1,19,20,25,41; 2:29,36,37; 3:3; 4:7
3. GIÊ-HÔ-VA (YHWH) Đức Chúa Trời người (*Elohim*), 1:10,21,26,30,31,32; 2:7(hai lần),30; 3:18,20,21,22; 4:2,3,4,10,19,21,23(hai lần),24,25,29,30,31,34,40
4. GIÊ-HÔ-VA (YHWH), Đức Chúa Trời (*Elohim*) của tổ phụ các người, 1:11,21; 4:1
5. Đức Chúa Trời (*Elohim*), 1:17; 2:33; 4:24 (Đức Chúa Trời hay kỳ tà), 31(Đức Chúa Trời hay thương xót), 32,33
6. Chúa (*Adon*) GIÊ-HÔ-VA (YHWH), 3:24
7. GIÊ-HÔ-VA (YHWH), Đức Chúa Trời ta (*Elohim*), 4:5
8. GIÊ-HÔ-VA (YHWH), ấy là Đức Chúa Trời (*Elohim*), 4:35,39

Có một vài cách giải thích về sự đa dạng này:

1. Có nhiều tác giả khác nhau
2. nhiều người ghi chép khác nhau
3. Đặc điểm thần học khác nhau
4. Sự đa dạng về văn học

Các học giả phải thừa nhận về tác quyền, sự tổng hợp, biên tập và các hoạt động ghi chép liên quan đến các sách Kinh điển của Kinh Cựu Ước vẫn còn là một màn bí ẩn. Chúng ta cần rất cẩn thận không để cho những lý thuyết hiện đại về phạm trù văn học hoặc một yếu tố nhận định một cách suy diễn về thần học đòi hỏi một và chỉ một cách giải kinh mà thôi. Bí ẩn nghĩa là bí ẩn mà thôi.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC DANH XUNG CỦA ĐẤNG THÁNH

#### A. *El*

1. Ý nghĩa nguyên gốc của thuật ngữ cổ mang tính chủng loại về Đấng Thánh thì chưa được xác định rõ ràng, mặc dù có nhiều học giả tin rằng nó đến một từ gốc ngôn ngữ Akkadian, “trở nên mạnh mẽ” hoặc “trở nên quyền lực” (Sáng 17:1; Dân Số 23:19; Phục 7:21; Thi 50:1).
2. Trong hệ thống đa thần của người Ca-na-an vị thần tối cao của họ là *El* (các văn bản Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh *El* không thường được ghép với các thuật ngữ khác. Có những sự kết hợp trở thành một cách để bày tỏ về đặc tính Đức Chúa Trời.
  - a. *El-Elyon* (“Đức Chúa Trời tối cao”), Sáng 14:18-22; Phục 32:8; Ê-sai 14:14
  - b. *El-Roi* (“Đức Chúa Trời hay đoán xem” hoặc “Đức Chúa Trời bày tỏ về Ngài”), Sáng 16:13
  - c. *El-Shaddai* (“Đức Chúa Trời toàn năng” hoặc “Đức Chúa Trời đầy sự thương xót” hoặc “Đức Chúa Trời của ngọn núi cao”), Sáng 17:1; 35:11; 43:14; 49:25; Xuất 6:3

- d. *El-Olam* (“Đức Chúa Trời Hằng-hữu”), Sáng 21:33. Đây là thuật ngữ liên hệ với lời hứa của Đức Chúa Trời với Đa-vít, II Sa 7:13, 16
- e. *El-Berit* (“Đức Chúa Trời của Sự Giao Ước”) Các Quan Xét 9:46
- 4. *El* ngang hàng với
  - a. Giê-hô-va trong Thi 85:8; Ê-sai 42:5
  - b. *Elohim* trong Sáng 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El*, *Elohim* của cha ngươi”
  - c. *Shaddai* trong Sáng 49:25
  - d. “ky tà (ghen ty)” trong Xuất 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15
  - e. “thương xót” trong Phục 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục 7:9; 32:4
  - f. “rất lớn và đáng sợ” trong Phục 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
  - g. “thông biết mọi điều” trong I Sa 2:3
  - h. “đòn lũy vững chắc” trong II Sa 22:33
  - i. “báo thù cho tôi” trong II Sa 22:48
  - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
  - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
  - l. “sự cứu rỗi tôi” trong Ê-sai 12:2
  - m. “Đấng vĩ đại và quyền năng (vạn quân)” trong Giê 32:18
  - n. “hay báo trả” trong Giê 51:56
- 5. Một sự kết hợp của tất cả những danh xưng chính trong Cựu Ước được tìm thấy trong Giô-suê 22:22 (*El*, *Elohim*, *Giê-hô-va*, được lặp lại)

B. *Elyon*

- 1. Thuật ngữ này căn bản có nghĩa là “tối cao,” “được tôn trọng” hoặc “được tôn cao” (Sáng 40:17; I Các vua. 9:8; II Các vua 18:17; Nê. 3:25; Giê 20:2; 36:10; Thi 18:13).
- 2. Nó được sử dụng cho một ý nghĩa song song với một vài tên/ danh xưng khác của Đức Chúa Trời.
  - a. *Elohim* - Thi 47:1-2; 73:11; 107:11
  - b. *Giê-hô-va* - Sáng 14:22; II Sa 22:14
  - c. *El-Shaddai* - Thi 91:1,9
  - d. *El* – Dân số Ký 24:16
  - e. *Elah* – Được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, được nối với *illair* (từ tiếng A-ram cho “Đức Chúa Trời chí cao”) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
- 3. Thường được sử dụng bởi người không phải là người Y-sơ-ra-ên.
  - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22
  - b. Ba-la-am, Dân Số Ký 24:15
  - c. Môi-se, nói với các dân tộc trong Phục 32:8
  - d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước, được viết cho người ngoại bang, cũng sử dụng từ tương đương trong tiếng Hy Lạp *Hupsistos* (1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ 7:48; 16:17)

C. *Elohim* (SỐ NHIỀU), *Eloah* (SỐ ÍT), được sử dụng nguyên thủy trong thơ ca

- 1. Thuật ngữ này không được tìm thấy ở ngoài Cựu Ước.
- 2. Từ này có thể gọi danh xưng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Chúa Trời của các dân tộc (Xuất 12:12; 20:3). Gia đình Áp-ra-ham đã là những người đa thần. (Giô-suê 24:2).
- 3. Nó có thể liên hệ đến các quan xét Do Thái (Xuất 21:6; Thi 82:6).

4. Thuật ngữ *elohim* cũng được sử dụng cho những thực thể thuộc linh khác (những thiên sứ, ma quỷ) Như trong Phục 32:8 (Bản Bảy Mươi); Thi 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể cũng liên hệ đến những quan xét là con người (Ví dụ: Xuất 21:6; Thi 82:6)
5. Trong Kinh Thánh, nó là tên/ danh xưng đầu tiên cho Đấng Thánh(Sáng 1:1). Nó được sử dụng ngoại trừ Sáng 2:4, nơi mà nó được sử dụng kết hợp với Giê-hô-va . Về căn bản, nó liên hệ về thần học với Đức Chúa Trời chính là Đấng sáng tạo, Đấng duy trì và chu cấp cho mọi sự sống trên hành tinh này.(Thi 104).  
 Nó ở thể khuyết danh cùng với *El* (Phục 32:15-19). Nó cũng có thể hiện diện song song với Giê-hô-va như trong Thi 14 (*elohim*)thì giống một cách chính xác với Thi 53 (Giê-hô-va), ngoại trừ việc thay đổi những tên của Đấng Thánh.
6. Mặc dù ở SỐ NHIỀU và được sử dụng cho các thần khác, thuật ngữ này thường được xác định cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng thường nó ở thể ĐỒNG TỬ SỐ ÍT ĐỀ chỉ rõ lối sử dụng độc thần.
7. Thuật ngữ này được tìm thấy ra từ lời của những người không phải là người Y-sơ-ra-ên như là tên của Đấng Thánh.
  - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22
  - b. Ba-la-am, Dân 24:2
  - c. Môi-se, khi phán với các dân tộc, Phục 32:8
8. Điều lạ ở đây rằng một tên rất phổ biến của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên lại ở SỐ NHIỀU! Mặc dù, không có sự chắc chắn hoàn toàn, nhưng có những giả thuyết sau đây:
  - a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều thể SỐ NHIỀU, thường được sử dụng dành cho sự nhấn mạnh. Liên quan chặt chẽ đến điều này chính là chức năng ngữ pháp Hê-bơ-rơ sau này được gọi là “số nhiều của Đấng Vĩ Đại” nơi mà SỐ NHIỀU được sử dụng để nhấn mạnh một khái niệm.
  - b. Điều này cũng có thể nhắc đến một hội đồng thiên sứ, là những thực thể mà Chúa gặp gỡ họ trên thiên đàng và thi hành những mệnh lệnh của Ngài (1 Các Vua. 22:19-23; Gióp 1:6; Thi 82:1; 89:5,7.
  - c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải trong Tân Ước về Một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng 1:1 Đức Chúa Trời sáng tạo; Sáng 1:2 Đức Thánh Linh vận hành và trong Tân Ước, Chúa Giê-xu là Đấng thi hành của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo (Giăng 1:3,10; Rô-ma. 11:36; I Cô-rinh-tô. 8:6; Cô-lô-se. 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

#### D. Giê-hô-va

1. Đây là tên bày tỏ Đấng Thánh như là một Đức Chúa Trời thiết lập giao ước; Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi, Đấng Cứu Chuộc! Con người phá vỡ giao ước, nhưng Đức Chúa Trời thành tín với lời Ngài, với lời hứa và giao ước của Ngài(Thi 103).  
 Tên này là tên đầu tiên được nhắc đến trong sự kết hợp với *Elohim* trong Sáng 2:4. Có hai lần nhắc đến về sự sáng tạo trong Sáng 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh khác nhau: (1) Chúa là Đấng sáng tạo của cả vũ trụ (vật chất) và (2) Chúa là Đấng sáng tạo cụ thể của loài người. Sáng 2:4 bắt đầu với sự mặc khải đặc biệt về vị trí vinh dự và mục đích của loài người, cũng như là nan đề về tội lỗi và sự phản nghịch với liên hệ với vị trí đặc biệt đó của họ.
2. Trong Sáng 4: 26 có nói rằng “người ta bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va.” (YHWH). Tuy nhiên, Xuất. 6:3 ngụ ý rằng trong giao ước sớm loài người (Các tổ phụ và gia đình của họ) đã biết duy Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng ( *El-Shaddai*). Tên YHWH được giải thích một lần duy nhất trong Xuất. 3:13-16, đặc biệt là câu 14. Tuy nhiên, những sách của Môi-se thường giải nghĩa những thuật ngữ bởi những từ ngữ thông thường chứ không phải những từ cổ (ví dụ: Sáng 17:5; 27:36; 29:13-35). Đã có những giả thuyết được trình bày về ý nghĩa của tên này(được lấy trong tập 2 trang 409-411):

- b. từ một từ gốc tiếng Ả-rập “thôi” (YHWH(GIÊ HÔ-VA) như là một Đức Chúa Trời như con bão)
  - c. Từ một từ gốc Ugartic (Ca-na-an) “phán”
  - d. theo một phần khắc tiếng Phoenician, một PHÂN TỪ CHỈ NGUYÊN NHÂN có nghĩa “người duy trì,” hoặc “Đấng thiết lập”
  - e. từ từ tiếng Hê-bơ-rơ *Qal* được hình thành “Đấng Ta là,” hoặc “Đấng Hiện Hữu” (trong ý nghĩa tương lai, “Đấng Hằng Hữu”)
  - f. từ từ tiếng Hê-bơ-rơ *Hiphil* hình thành “Đấng khiến xảy ra”
  - g. từ động từ gốc Hê-bơ-rơ “sống” (Sáng 3:20), có nghĩa “Đấng Sống tự hữu, hằng hữu”
  - h. từ bối cảnh của Xuất 3:13-16, một hành động của thể a play on the THỂ CHỮA HOÀN THÀNH được sử dụng có nghĩa HOÀN THÀNH (THỂ HOÀN THÀNH) “Ta sẽ tiếp tục là Đấng ta Đã là trong quá khứ” hoặc “Ta sẽ tiếp tục là Đấng ta luôn luôn là” (trích trong quyển *Nhìn khái quát về các Cấu trúc cú pháp trong Cựu Ước (A Survey of Syntax in the Old Testament)* được viết bởi J. Wash Watts, trang 67)  
 Tên đầy đủ của YHWH(GIÊ HÔ-VA) thường được trình bày trong một tiếp vĩ ngữ hoặc cũng có thể trong thể nguyên gốc
    - (1) *Yah* (ví dụ Hallelu - yah)
    - (2) *Yahu* (Isaiah)
    - (3) *Yo* (tên, ví dụ: Joel)
3. Sau này, đối với Do Thái giáo, tên giao ước này trở nên vô cùng thánh khiết (Danh Thánh Thiên Chúa (tetragrammaton)) đến nỗi mà người Do Thái trở nên sợ hãi để nhắc đến e rằng học sẽ vi phạm mạng lệnh trong Xuất 20:7 và Phục 5:11; 6:13. Do vậy, họ thay thế bằng thuật ngữ Hê-bơ-rơ cho “chủ nhân” “chủ” “chồng” “chúa”—*adon* hoặc *adonai* (chúa của tôi). Khi họ đến với từ YHWH (GIÊ HÔ-VA) trong khi đọc Cựu Ước họ phát âm “chúa”. Đó là lý do tại sao tên YHWH (GIÊ HÔ-VA) được viết là CHÚA (LORD) trong các bản dịch tiếng Anh.
4. Cũng như cùng với *El*, YHWH thường được kết hợp với những thuật ngữ khác để nhấn mạnh những đặc điểm của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Có nhiều cách kết hợp các thuật ngữ, đây là một vài ví dụ.
- a. *YHWH - Yireh* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) sẽ chu cấp), Sáng 22:14
  - b. *YHWH - Rophekha* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là Đấng Chữa lành người), Xuất 15:26
  - c. *YHWH - Nissi* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) là cờ xí của tôi), Xuất 17:15
  - d. *YHWH - Meqaddishkem* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) Đấng thánh hóa người), Xuất 31:13
  - e. *YHWH - Shalom* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) là sự Bình an), Các quan xét 6:24
  - f. *YHWH - Sabaoth* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) vạn quân), I Sam. 1:3,11; 4:4; 15:2; thường trong các sách tiên tri
  - g. *YHWH - Ro 'I* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là Đấng chặn giữ tôi), Thi 23:1
  - h. *YHWH - Sidqenu* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là sự công bình chúng ta), Giê-rê-mi 23:6
  - i. *YHWH - Shammah* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) ở đó) Ê-xê-chi-ên 48:35

1:4

NASB, NRSV	“sau khi người đã bị đánh bại”
NKJV	“sau khi người đã bị giết”
TEV	“sau khi Chúa đã đánh bại”
NJB	“người đã đánh bại”

ĐỘNG TỪ (BDB 645, KB 697, *Hiphil* NGUYÊN THỂ) có nghĩa là “đánh, đánh bại” và ngụ ý thần học của nó rằng đó chính là YHWH. Ngài là nguyên nhân đầu tiên và nguyên nhân duy nhất!

✎ “Si-hôn” Si-hôn (BDB 695) là vị vua A-mô-rít trong địa phận kế cận với Óc, vua Ba-san, về phía đông của sông Giô-



đanh. Môi-se được Chúa ban mạng lệnh (2:4-9) không được tấn công những họ hàng của người Do Thái là người Mô-áp và người Ê-đôm (là những dòng dõi của Lót được sinh ra bởi hai con gái ruột của ông trong Sáng 19:30-38). Con đường duy nhất còn lại dẫn đến sông Giô-đanh là qua vương quốc của vua Si-hôn. Thành phố thủ đô của Hết-bôn là thành phố chính đầu tiên mà quân đội Y-sơ-ra-ên đã đánh bại (2:26-37; Phục 21:21-32).

✎ “**Óc**” Óc (BDB 728) là vua của khu vực được gọi là Ba-san, vốn là hai thành phố lớn (Giô-suê 12:4) và nhiều làng mạc (3:1-10). Hình dáng bên ngoài là một Rephaim (người giềng giàng (khổng lồ) 3:11) là cư dân của Ca-na-an (2:20; Giô-suê 12:4). Đây là hậu duệ của những người khổng lồ (2:11) tại Hếp-rôn là những người đã khiến cho dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ báo cáo của hai người thám tử trung tín (Dân số 13:22).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THỜI ĐIỂM CỦA CUỘC XUẤT HÀNH**

A. Có hai ý kiến học thuật chính về ngày của cuộc Xuất Hành:

1. từ trong I Các Vua 6:1, nói rằng “480 năm kể từ cuộc Xuất Hành đến khi xây dựng đền thờ vua Sa-lô-môn”
    - a. Sa-lô-môn bắt đầu cai trị kể từ năm 970 TC. Việc này được xác định qua việc sử dụng chiến trận *Qarqar* (853 TC) là một mốc thời gian được xác định chính xác từ đầu.
    - b. Đền thờ được dựng vào năm thứ tư của ông (965 TC), và cuộc Xuất Hành sẽ xảy ra vào khoảng 1445/1446 TC
  2. Xây ra vào in the triều đại thứ 18 của Ai Cập.
    - a. Pha-ra-ôn của sự áp bức sẽ là *Thutmose III* (1490-1436 TC).
    - b. Pha-ra-ôn của cuộc Xuất Hành sẽ là *Amenhotep II* (1436-1407 TC).
      - (1) Một vài bằng chứng từ Giê-ri-cô dựa trên sự kiện rằng không hề có sự quan hệ thư từ ngoại giao chính thức giữa Giê-ri-cô và Ai Cập trong thời gian cai trị của *Amenhotep III* (1413-1377 TC).
      - (2) Những văn bản *Amarna* ghi chép lại về những thư từ ngoại giao được viết trên những mảnh vỡ bằng đá hoặc gôm kháo cổ (ostraca) về những người *Habiru* qua lại ở vùng đất Ca-na-an trong thời kỳ cai trị của *Amenhotep III*. Do vậy, cuộc Xuất Hành xảy ra trong thời kỳ cai trị của *Amenhotep II*.
      - (3) Thời kỳ Các quan xét không đủ dài nếu Cuộc Xuất Hành được xác định vào thế kỷ 13.
  3. Một vài vấn đề về những mốc thời gian trên:
    - a. Bản Bảy Mươi (LXX) có 440 năm không phải 480.
    - b. Có thể rằng 480 năm đại diện cho 12 thế hệ, mỗi thế hệ 40 năm, do vậy, đây là một con số theo nghĩa bóng.
    - c. Có 12 thế hệ thầy tế lễ từ A-rôn cho đến Sa-lô-môn (I Sử ký 6), sau đó là 12 thế hệ từ Sa-lô-môn cho đến Đền Thờ Thứ hai. Người Do Thái, cũng giống như người Hy Lạp, tính một thế hệ là 40 năm. Do vậy, đây là một con số mang tính chu kỳ tương đối 480 năm (con số theo nghĩa bóng) (trích trong *Xác định lại Ngày của cuộc Xuất Hành và Chinh phục Đất Hứa (Redating the Exodus and Conquest)* của Bimson).
  4. Có ba văn bản khác đề cập đến mốc thời gian:
    - a. Sáng 15:13,16 (trích lại trong Công vụ 7:6), 400 năm nô lệ
    - b. Xuất 12:40-41 (trích lại trong Ga-la-ti 3:17)
      - (1) Bản tiếng Hê-bơ-rơ Masoretic (MT) - 430 năm kiêu ngạo tại Ai Cập
      - (2) Bản Bảy Mươi (LXX) - 215 năm kiêu ngạo tại Ai Cập
    - c. Các quan xét 11:26 - 300 năm giữa thời điểm của Giép-thê và cuộc chinh phục đất hứa (ủng hộ mốc thời điểm 1445)
    - d. Công vụ 13:19, cuộc xuất hành, lang thang và cuộc chinh phục bao gồm 450 năm
  5. Tác giả của Các Vua sử dụng những dẫn chứng lịch sử chính xác và không phải là những con số làm tròn (theo Edwin Thiele trong cuốn *Niên đại của những vị vua Hê -bơ-rơ (A Chronology of the Hebrew Kings)* trang 83-85)
- B. Những bằng chứng khảo cổ học tạm thời dường như dẫn đến mốc thời điểm 1290 TC hoặc vào triều đại thứ 19 của Ai Cập.

1. Giô-sép đã thăm cha mình và vua Pha-ra-ôn cũng trong khoảng thời gian này. Vị Pha-ra-ôn bản xứ đầu tiên chuyên thủ đô của Ai Cập từ Thebes đến khu vực đồng bằng sông Nin, đến một khu vực được gọi là *Avaris/Zoan/Tanis* vốn là một thủ đô cũ của triều đại Hyksos, là vua *Seti I* (1309-1290). Ông sẽ là vị Pha-ra-ôn của sự áp bức.
  - a. Có vẻ như hai mẫu thông tin trên phù hợp với nhau về sự triều đại Hyksos của Ai Cập.
    - (1) Một văn bia được tìm thấy thuộc triều đại của vua Rameses II tưởng nhớ về việc thành lập của Avaris 400 năm trước đó (1700 TC bởi Hyksos)
    - (2) Lời tiên tri trong Sáng 15:13 nói về 400 năm bị áp bức
  - b. Điều này chỉ ra Giô-sép được đẩy lên nắm quyền lực dưới một Pha-ra-ôn *Hyksos* (có nguồn gốc Sê-mít (Semitic)). Triều đại mới Ai Cập này được đề cập đến trong Xuất 1:8.
2. Từ Hyksos, một từ Ai Cập có nghĩa “người cai trị của những vùng đất ngoại bang” vốn là một nhóm của những người cai trị không phải là người Ai Cập gốc Sê-mít, đã kiểm soát Ai Cập trong thời kỳ triều đại thứ 15 và 16 (1720-1570 TC). Một vài người muốn liên hệ với sự kiện Giô-sép đẩy lên nắm quyền lực. Nếu chúng ta trừ 430 năm của cuộc Xuất Hành trong đoạn 12:40 từ năm 1720 TC ta sẽ có mốc thời gian vào khoảng 1290 TC.
3. Con trai của Seti I là Rameses II (1290-1224). Tên này được đề cập đến là một thành phố kho tàng được xây dựng bởi những người nô lệ Hê-bơ-ro, Xuất 1:11. Một khu vực tại Ai Cập gần Gô-sen được gọi là Ram-se, Sáng 47:11. *Avaris/Zoan/Tanis* được biết đến là “Nhà của Rameses” từ 1300-1100 TC
4. Thutmoses III được biết đến là một nhà xây dựng tài giỏi và Rameses II cũng vậy.
5. Rameses II có 47 con gái sống ở những cung điện riêng biệt.
6. Các nhà khảo cổ chỉ ra rằng những thành lớn có tường bao của Ca-na-an (Hát-so, Đê-bia, La-ki) bị phá hủy và nhanh chóng xây dựng lại vào khoảng năm 1250 TC. Cho phép thời kỳ 38 năm lang thang trong hoang mạc phù hợp với mốc thời gian vào năm 1290 TC.
7. Các nhà khảo cổ đã tìm ra được một dẫn chứng về sự hiện diện của người Y-sơ-ra-ên tại phía nam Ca-na-an trong một văn bia của người nối ngôi của Rameses: *Merneptah* (1224-1214 TC-trích theo Văn bia của Merneptah, được xác định thuộc khoảng 1220 TC).
8. Ê-đôm và Mô-áp có vẻ đạt được danh tính là một quốc gia cách mạnh mẽ vào cuối những năm 1300 TC. Những quốc gia này chưa được xác định vào thế kỷ 15 (Glueck).
  9. Sách có tựa Xác định lại thời điểm của cuộc Xuất Hành và Chinh Phục (*Redating the Exodus and Conquest*) được viết bởi John J. Bimson, xuất bản bởi trường đại học Sheffield, 1978, tranh luận lại với các bằng chứng khảo cổ về một mốc thời gian sớm

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG NHÓM NGƯỜI SỐNG TẠI PALESTINE THỜI ĐIỂM TIỀN Y-SƠ-RA-ÊN

A. Đây là những danh sách những nhóm người trên.

1. Sáng thế ký 15:19-21 (10)

- |               |               |                 |               |
|---------------|---------------|-----------------|---------------|
| a. Kê-nít     | d. Hê-tít     | g. A-mô-nít     | j. Giê-bu-sít |
| b. Kê-nê-sít  | e. Phê-rê-sít | h. Ca-na-an     |               |
| c. Cát-mô-nít | f. Rê-pha-im  | i. Ghi-ê-ga-sít |               |

2. Xuất Ê-díp-tô ký 3:17 (6)

- |             |               |
|-------------|---------------|
| a. Ca-na-an | d. Phê-rê-sít |
| b. Hê-tít   | e. Hê-vít     |
| c. A-mô-nít | f. Giê-bu-sít |

3. Xuất Ê-díp-tô ký 23:28 (3)

- a. Hê-vít
- b. Ca-na-an
- c. Hê-tít

4. Phục truyền luật lệ ký 7:1 (7)

- a. Hê-tít
- b. Ghi-rê-ga-sít
- c. A-mô-rít
- d. Ca-na-an
- e. Phê-rê-sít
- f. Hê-vít
- g. Giê-bu-sít

5. Giô-suê 24:11 (7)

- a. A-mô-rít
- b. Phê-rê-sít
- c. Ca-na-an
- d. Hê-tít
- e. Ghi-rê-ga-sít
- f. Hê-vít
- g. Giê-bu-sít

B. Nguồn gốc của những tên này không rõ ràng bởi vì thiếu dữ liệu lịch sử. Sáng thế ký 10:15-19 nhắc đến một vài nhóm người trên liên hệ với Ca-na-an, một người con của Ham.

C. Vài mô tả ngắn gọn về những nhóm người được đề cập trên

- 1. Kê-nít
  - BDB 884
  - Không liên hệ với người Y-sơ-ra-ên
  - tên có liên hệ với “thợ đóng móng ngựa” hay “thợ rèn” vốn có thể liên hệ với những công việc với kim loại hoặc âm nhạc (Sáng 4:19-22)
  - liên hệ với khu vực Si-nai phía bắc của Hêp-rôn
  - tên có liên hệ với Giê-trô, cha vợ của Môi-se (Các quan xét 1:16; 4:11)
- 2. Kê-nê-sít
  - BDB 889
  - Có họ hàng với người Do Thái
  - Một nhánh của người Ê-đôm (Sáng 15:19; 30:15,42)
  - sống tại Nê-ghép
  - có lẽ đã hòa nhập vào Do Thái (Dân số 32:12; Giô-suê 14:6,14)
- 3. Cát-mô-nít
  - BDB 870 II
  - không liên hệ với người Y-sơ-ra-ên, có lẽ là dòng dõi của Ích-ma-ên (Sáng 25:15) - tên được liên hệ với “những người sống ở phía đông”
  - sống ở Nê-ghép
  - có lẽ liên hệ với “những người sống ở phía tây” (Gióp 1:3)
- 4. Hê-tít
  - BDB 366
  - không liên hệ với người Y-sơ-ra-ên
  - là dòng dõi của Heth
  - đến từ vương quốc Anatolia (Tiểu Á, Thổ Nhĩ Kỳ)
  - đã hiện diện từ rất sớm tại Ca-na-an ( Sáng Thế Ký 23; Giô-suê 11:3)
- 5. Phê-rê-sít
  - BDB 827
  - không liên hệ với người Y-sơ-ra-ên, có lẽ là người Hurrians
  - sống tại khu vực có rừng của Giu-đa (Sáng 34:30; Các quan xét 1:4; 16:10)
- 6. Rê-pha-im
  - BDB 952
  - không liên hệ với người Y-sơ-ra-ên, có lẽ là những người không lồ (Sáng 14:5; Dân số 33:33; Phục 2:10-11,20)
  - sống tại khu vực bờ tây sông Giô-đanh
  - thuộc dòng dõi những chiến binh/ anh hùng

7.	A-mô-rít	- BDB 57 - nhóm người Sê-mít phía tây bắc có nguồn gốc từ Ham (Sáng 10:16) - trở thành sự định danh chung cho các nhóm cư dân của Ca-na-an (Sáng 15:16; Phục 1:7; Giô-suê 10:5; 24:15; II Sam 21:2) - tên có thể có nghĩa là “phương tây” - theo từ điển ISBE, tập 1, trang 119, nói về thuật ngữ này có nghĩa là a. những nhóm cư dân chung ồ hu vực Palestine b. nhóm cư dân tại khu vực đồi núi đối diện với đồng bằng duyên hải c. một nhóm người cụ thể với vua riêng của họ
8.	Ca-na-an	- BDB 489 - nguồn gốc từ Ham (Sáng 10:15) - được định danh chung cho tất cả các nhóm cư dân ở Ca-na-an phía bờ tây sông Giô-đanh - nghĩa của từ Ca-na-an không được xác định rõ, có lẽ nó có nghĩa là “thương gia” hoặc “màu đỏ tía” - là một nhóm người sống dọc theo vùng đồng bằng duyên hải (Dân 13:29)
9.	Ghi-rê-ga-sít	- BDB 173 - nguồn gốc từ Ham (Sáng 10:16) hoặc ít nhất là “từ một người con của [vùng đất] Ca-na-an,” từ điển ISBE, tập 2, trang 1232)
10.	Giê-bu-sít	- BDB 101 - nguồn gốc từ dòng dõi của Ham (Sáng 10:16) - từ thành Giê-bu /Sa-lem/Giê-ru-sa-lem (Giô-suê 15:63; Các quan xét 19:10) - Ê-xê-chi-ên 16:3,45 xác nhận rằng họ là một chủng tộc pha trộn giữa người A-mô-rít và Hê-tít
11.	Hê-vít	- BDB 295 - nguồn gốc từ dòng dõi của Ham (Sáng 10:17) - được dịch ra trong bản Bảy Mươi (LXX) là người Hô-rít (Sáng 34:2; 36:20-30; Giô-suê 9:7) - có lẽ từ từ ngữ gốc Hê-bơ-rơ có nghĩa là “hang động” do vậy là những người sống trong hang động - họ sống ở vùng cao nguyên Li-băng (Giô-suê 11:3; Các quan xét 3:3). Trong II Sam 24:6-7 họ được liệt kê sống kế với Ty-ơ và Si-đôn

}] **“Ách-ta-rôt”** Thành này (BDB 800) được đặt tên theo vợ của vị thần Ca-na-an của sự màu mỡ *Ba-anh-A-sê-ral Át-tat-tê*. Bởi vì sự đề cập đến Rê-pha-im, có lẽ thành phố này được đề cập đến trong Sáng 14:5.

}] **“Êt-rê -i”** Đây là một trong những kinh thành của Ốc (Giô-suê 12:4; 13:12).

**1:5 “trong xứ Mô-áp”** Đây là một địa điểm mà người Y-sơ-ra-ên cắm trại trước khi bước vào Đất Hứa. Đây là địa điểm nằm phía bắc của Biển Chết trên bờ đông sông Giô-đanh, nơi mà sách Phục Truyền Luật Lệ ký được viết.

}] **“Môi-se đảm nhận”** ĐỘNG TỪ này (BDB 383, KB 381, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) ngụ ý “kết ước tự nguyện” (Sáng 18:27; Xuất 2:21; Các quan xét 19:6).

}] **“giảng giải luật pháp này”** ĐỘNG TỪ này (BDB 91, KB 106, THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa làm rõ hoặc làm cho dễ hiểu. Từ này chỉ xuất hiện tại đây và hai chỗ khác nơi được dịch là “viết” (27:8; Ha-ba-cúc 2:2). Sự giải thích mà không rõ ràng hoặc khó hiểu thì vô dụng và, trong bối cảnh của giao ước thì còn trở nên nguy hiểm.

Thuật ngữ “luật pháp” (Torah BDB 260) là một từ Hê-bơ-ơ cho “dạy dỗ” hoặc “hướng dẫn” (4:8,44; 27:3,8,26; 28:58,61; 29:20,28; 30:10; 31:9,11,12; 32:46). Trong bối cảnh này nó chỉ đến bài giảng của Môi-se được giảng dạy cho Y-sơ-ra-ên phía bờ đông sông Giô-đanh phía đối diện Giê-ri-cô, trên đồng bằng xứ Mô-áp, ngay trước khi dân Y-sơ-ra-ên băng qua sông Giô-đanh mà không có Môi-se.

**ĐOAN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG : 1:6-8**

“**Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta có phán cùng chúng ta tại Hô-rếp mà rằng: Các ngươi kiêu ngạo trong núi này đã lâu quá. Hãy vòng lại và đi đến núi dân A-mô-rít, cùng đến các miền ở gần bên, tức là đến nơi đồng bằng, lên núi, vào xứ thấp, đến miền nam, lên mé biển, vào xứ dân Ca-na-an và Li-ban, cho đến sông lớn, là sông O-phơ-rát. <sup>8</sup>Kìa, ta phó xứ này cho các ngươi! Hãy vào và chiếm lấy xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ các ngươi, là Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, cùng cho con cháu của họ.**”

**1:6 “Giê-hô-va (CHÚA)”** Đây là danh xưng độc nhất của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (YHWH (GIÊ-HÔ-VA), BDB 217). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

}] **“Đức Chúa Trời chúng ta”** Ngôi ĐẠI TỪ NHÂN XUNG SỐ NHIỀU hàm ý một mối quan hệ giao ước được thực thi và chấp nhận tại Si-nai. Đây là tên của Đấng Thánh “*Ê-lô-him*” (BDB 43). Nó được sử dụng bởi Đấng Tạo Hóa, Đấng Chu cấp và Đấng Giúp đỡ cho tất cả mọi tạo vật (Sáng 1:1-2:3). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

}] **“Hô-rếp”** Hãy xem ghi chú tại 1:2.

}] **“Các ngươi kiêu ngạo trong núi này đã lâu quá”** Đức Chúa Trời phán với dân sự về thời điểm dành cho họ để làm những gì Ngài đã ban mạng lệnh cho họ từ lúc ban đầu, chiếm xứ Ca-na-an (Sáng 15:13-21; Dân số 13-14)! Họ đã sống tại núi Hô-rếp khoảng một năm (so sánh Xuất 19:1 với Dân số 10:11).

**1:7**

<b>NASB</b>	<b>“Hãy vòng lại và khởi hành”</b>
<b>NKJV</b>	<b>“Hãy vòng lại và khởi hành”</b>
<b>NRSV</b>	<b>“Hãy tiếp tục cuộc hành trình”</b>
<b>TEV</b>	<b>“Hãy nhổ trại và di chuyển”</b>
<b>NJB</b>	<b>“Hãy di chuyển, tiếp tục cuộc hành trình”</b>

ĐỘNG TỪ đầu tiên (BDB 815, KB 937, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) có nghĩa là “quay lại” nhưng được sử dụng với một vài nghĩa như sau:

1. quay lại để nhìn một điều gì/ một người nào, Xuất 2:12; 16:10; Dân số 12:10
2. quay lại để chuyển hướng, Sáng 18:22; 24:49; Xuất 14:25; 21:33; Phục 1:7,24; 2:3; 9:15; 10:5
3. xoay sang một thân khác Lê-vi 19:4; Phục 29:18; 30:17; 31:18,20
4. tìm kiếm sự giúp đỡ từ, Lê-vi. 19:31; 20:6
5. gần đến
  - a. buổi chiều, Phục 23:11
  - b. buổi sáng, Xuất 14:2

ĐỘNG TỪ thứ hai (BDB 652, KB 704, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) có nghĩa là “kéo ra” “kéo lên” hoặc “thiết lập” vốn được sử dụng cách thường xuyên trong Dân Số ký cho dân Y-sơ-ra-ên khi di chuyển địa điểm cắm trại của họ. Việc sử dụng từ này được tiếp tục trong Phục Truyền Luật Lệ Ký (1:7,19,40; 2:1,24). Từ này nguyên gốc chỉ đến việc kéo lên những cây cọc của trại.

}] **“và đi”** Đây là từ THỂ MỆNH LỆNH thứ ba song hành *Qal* (BDB 97, KB 112).

}] Có năm khu vực được phân chia ở Palestine từ phía bắc xuống phía nam được nhắc đến:

1. “núi dân A-mô-rít” - Ở đây chỉ về phía bờ đông sông Giô-đanh và các vương quốc của Si-hôn và Óc.
2. “các miền ở gần bên (tại A-ra-ba) tức là đến nơi đồng bằng” - Ở đây chỉ về thung lũng khe núi Giô-đanh ở

- phía nam của Biển (BDB 787, 1:1,7; 2:8; 3:17; 4:49; 11:30; Giô-suê 8:14; 11:2,16; 12:3; 18:18)
3. “lên núi, vào xứ thấp” - Ở đây chỉ về khu vực phía tây và nam của Biển Chết, sau này trở thành khu vực định cư của chi phái Ép-ra-im và Giu-đa.
  4. “đến miền nam (Nê-gép)” - Đây là sa mạc khô cằn phía nam của Biển Chết và hướng về phía (BDB 616)
  5. “lên mé biển” – Đây là đồng bằng duyên hải chạy từ Ai Cập đến Li-băng (i.e., Shephelah, BDB 410)
- Tất cả đều được lấy ra từ vùng đất được hứa với Áp-ra-ham trong Sáng Thế ký 15.

**1:8** Câu 8 là một chuỗi những mạng lệnh:

1. “Hãy xem” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ KHẲNG ĐỊNH
2. “Hãy vào” - BDB 97, KB 112, *Qal* THỂ KHẲNG ĐỊNH
3. “chiếm” - BDB 439, KB 441, *Qal* THỂ KHẲNG ĐỊNH (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 8:1)

}] **“ta phó xứ này cho các người”** Từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “đặt” giống như “ban cho” (BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). Đức Chúa Trời bây giờ đã ban cho họ vùng đất mà Ngài đã hứa với Áp-ra-ham (Sáng 12:1, 5; 15:12-21; Xuất 6:8), nhưng họ phải chiếm lấy nó. Chú ý khía cạnh điều kiện của ngay cả giao ước nền tảng này (4:1; 5:33; 6:18; 8:1; 16:20; 30:16,19).

}] **“xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ các người, là Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Giao ước Lời Hứa các Tổ Phụ tại 9:5.

Hãy xem 4:37; 6:10; 9:5; 10:11,15; 30:20; Sáng 12:5-7; 13:14-17; 15:18; 26:3; Xuất 32:13; 33:1. Vùng đất này bao gồm khu vực từ Ca-đe Ba-nê-a tại phía nam của Byblos và Zephan, Zedad đến Lebo-hamath tại phía bắc (có lẽ xa về phía đông đến ngay cả khu vực phía thượng nguồn sông O-phơ-rát, Sáng 15:18). Hãy xem Át-lát Kinh Thánh MacMillan trang 47.

Có một vài khu vực nơi giới hạn Đất Hứa được ban cho (Xuất 34:1-12; Phục 1:6-8; 3:12-20; 11:24; Giô-suê 1:3-4). Chỉ đến thời kỳ Đa-vít trị vì thì toàn bộ khu vực này nằm dưới sự kiểm soát của Y-sơ-ra-ên.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:9-15**

<sup>9</sup>” Trong lúc đó ta có nói cùng các người rằng: Một mình ta không đủ sức cai trị các người. <sup>10</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã gia thêm các người, kìa ngày nay, các người đông như sao trên trời. <sup>11</sup> Nguyên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các người khiến các người thêm lên gấp ngàn lần và ban phước cho, y như Ngài đã phán cùng các người. <sup>12</sup> Một mình ta làm thế nào mang lấy trách nhiệm và gánh nặng về điều tranh tụng của các người? <sup>13</sup> Hãy chọn trong mỗi chi phái các người những người khôn ngoan, thông sáng, có tiếng, và ta sẽ lập họ lên làm quan trưởng các người. <sup>14</sup> Các người có đáp rằng: Việc người toan làm thật tốt thay. <sup>15</sup> Bấy giờ, ta chọn lấy những người quan trưởng của các chi phái, là những người khôn ngoan, có tiếng, lập lên làm quan trưởng các người, hoặc cai ngàn người, hoặc cai trăm người, hoặc cai năm mươi người, hoặc cai mười người, và làm quản lý trong những chi phái của các người. ”

**1:9 “trong lúc đó”** Đây là một mệnh đề nhắc lại thời điểm trong Phục Truyền Luật Lệ ký. Bốn đoạn đầu là sự ôn lại về những hành động nhân từ của Giê-hô-va thay mặt cho Y-sơ-ra-ên. Thành ngữ này là một cách biểu thị cho một hành động trong quá khứ (1:9,16,18; 2:34; 3:4,8,12,18;4:14).

}] **“một mình ta không đủ sức cai trị các người”** Xem Xuất 18:13-26 cho lời khuyên của Giê-trô dành cho Môi-se về vấn đề đặc biệt này (Môi se đã từng là vị quan xét duy nhất).

**1:10 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã gia thêm các người”** Đây là một phần của lời hứa của Đức Chúa Trời với các Tổ phụ (Sáng 13:16; 17:2,20; 22:17; 48:4; Lê-vi 26:9; Phục 7:13).

}] **“đông như sao trên trời”** Cụm từ này cũng được thấy trong Sáng 15:5; 26:4; Phục 10:22; 28:62. Những cụm từ được sử dụng song song này để biểu thị một con số không đếm được (Sáng 16:10) của Y-sơ-ra-ên là “bụi trên đất” (Sáng 13:16; 28:14; Dân số 23:10); và “cát bờ biển” (Sáng 22:17; 32:12). Tất cả đều xuất phát từ một người đàn ông không thể sinh nở cho đến khi ông được 100 tuổi (Áp-ra-ham)!

Trong Phục 1:28 người Y-sơ-ra-ên, vốn là những người đồng như sao, đã sợ hãi những dân tộc của xứ Ca-na-an bởi vì những đặc điểm sau của họ:

1. đông hơn
  2. cao lớn hơn
  3. thành lớn và kiên cố
- Thật là mĩa mai!

**1:11 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi”** thường được nhắc đi nhắc lại để khẳng định sự chọn lựa rằng cùng một Đức Chúa Trời là Đấng đã phán với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp vẫn còn sống động trong đời sống và số phận của dòng dõi của họ.

} **“khiến các ngươi thêm lên gấp ngàn lần”** Đây thật sự là một cách diễn đạt rất hay. Con số 1000 là một sự nhân lên của số 10 (3 lần) và, vì thế, trở thành một biểu tượng của sự vĩ đại và vô số (Thi 90:4; II Phi-e-rơ 3:8). Ở đây là một danh sách của những lần sử dụng phép thậm xưng được trích từ Từ điển Kinh Thánh NIDOTTE tập 1 trang 417:

1. hành động ban phước của Đức Chúa Trời Phục 1:11; Gióp 42:12; Thi 144:13
2. sự ban phước trên trại quân Giô-suê 23:10
3. sự rửa sã trên trại quân bởi vì sự vô tín Phục 32:30; Ê-sai 7:23; 30:17; A-mốt 5:3
4. Quyền năng còn mãi của Đức Chúa Trời Thi 90:4
5. những lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời Phục 7:9; Thi 105:8
6. cơn giận và tình yêu thương của Đức Chúa Trời Xuất 34:7; Phục 5:9-10
7. phước hạnh của sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở trong đền thờ Thi 84:10

**1:12 “điều tranh tụng”** Từ này có nghĩa là “sự kiện tụng” (BDB 936).

**1:13 “chọn”** ĐỘNG TỪ này (BDB 396, KB 393) là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH. Hãy chú ý rằng Môi-se đang đưa ra mạng lệnh cho dân sự (những lãnh đạo của họ) rằng họ phải gánh lấy trách nhiệm (họ chọn lựa) đối với cộng đồng cùng với ông (Môi-se chỉ định). Đây sẽ là những quan xét (lãnh đạo của các chi phái):

1. “khôn ngoan” - (BDB 314) có nghĩa là có khả năng chọn lựa một cách có suy nghĩ và tin kính (ví dụ: Giô-sép, Sáng 41:33,39; Đa-vít II Sam. 14:20; Sa-lô-môn I Các vua 2:9; 3:12; 5:21)
2. “thông sáng” - (BDB 106, KB 122, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ) có nghĩa là một người nào đó có sự suy xét thận trọng, phân biệt rõ ràng tốt xấu và khôn ngoan (ví dụ: Giô-sép, Sáng 41:33; phủ định trong Giê-rê-mi 4:22)
3. “có tiếng (có kinh nghiệm)” - (BDB 393, KB 390, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG). Đây là một từ rất phổ biến với nghĩa rất rộng.
  - a. NASB, TEV, NJB, JPSOA – có kinh nghiệm
  - b. NKJB - am tường, có kiến thức
  - c. RSV, REB – có danh tiếng
  - d. JB – đã được thử thách
  - e. NIV – được kính trọng
  - f. NET – được biết đến

} **“ta sẽ lập họ”** ĐỘNG TỪ này (BDB 962, KB 1321) là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, được sử dụng với không khí KHÍCH LỆ. Môi-se lập hoặc bổ nhiệm những người nam được chọn vào các vị trí lãnh đạo hoặc thẩm phán (ví dụ Xuất 1:11; 18:21; Phục 17:14,15; Các quan xét 11:11). Tuy nhiên, trên thực tế, YHWH mới chính là Đấng “chọn” (BDB 542, KB 534, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, v. 15) họ, vốn bày tỏ sự chọn lựa của Đức Chúa Trời (4:20,34; I Các vua 11:37). Con người tiến hành theo một kế hoạch thiên thượng!

**1:15 “cai ngàn người, hoặc cai trăm người, hoặc cai năm mươi người, hoặc cai mười người”** Những sự phân chia này sau này trở thành những đơn vị trong trại quân (Xuất 18:21). Hãy xem chủ đề đặc biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HÀNG NGÀN (*ELEPH*)

Đây là từ Hê-bơ-rơ cho “hàng ngàn” (BDB 48). Tuy nhiên, nó được sử dụng cho một vài nghĩa khác nhau.

1. một đơn vị gia đình (Giô-suê 22:14; Các quan xét 6:15; I Sa-mu-ên 23:23; Xa-cha-ri 9:7; 12:6)
2. một đơn vị quân đội Xuất 18:21,25; Phục 1:15
3. một ngàn theo nghĩa đen Sáng 20:16; Xuất 32:28
4. một con số theo nghĩa bóng Sáng 24:60; Xuất 20:6; 34:7; Phục 7:9; Giê-rê-mi 32:18
5. Từ gốc Ugaritic “alluph” có nghĩa là “trường tộc” Sáng 36:15

}

NASB, NKJV

“quản lý”

NRSV, TEV

“những quản lý”

NJB

“những thầy thông giáo”

Thuật ngữ này (BDB 1009) nguyên gốc chỉ đến một thầy thông giáo, nhưng có vẻ nó không chỉ bó hẹp theo cách sử dụng này trong Phục 1:15; 20:5,8,9; hoặc Giô-suê 1:10,32. Trong văn cảnh nó có vẻ chỉ đến những người quan xét nhỏ hơn hoặc những người trợ giúp cho lãnh đạo các chi phái.

Theo *Sổ tay Phục truyền Luật lệ* xuất bản bởi UBS trang 26 cho biết “họ xuất hiện cùng với các trưởng lão (Dân Số Ký 11:16) và với các quan xét (Phục 16:18; Giô-suê 8:33), cũng như trong những bối cảnh quân đội (Phục 20:5,8,9; Giô-suê 1:10; 3:2)”

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:16-18

<sup>16</sup>Trong lúc đó, ta ra lệnh cho những quan xét các ngươi rằng: Hãy nghe anh em các ngươi, và lấy công bình mà xét đoán sự tranh tụng của mỗi người với anh em mình, hay là với khách ngoại bang ở cùng người. <sup>17</sup>Trong việc xét đoán, các ngươi chớ tư vị ai; hãy nghe người hèn như nghe người sang, đừng có sợ ai, vì sự xét đoán thuộc về Đức Chúa Trời. Phạm việc nào lấy làm rất khó cho các ngươi, hãy đem đến trước mặt ta thì ta sẽ nghe cho. <sup>18</sup>Vậy, trong lúc đó, ta có truyền cho các ngươi mọi điều mình phải làm.

**1:16-17** Môi-se ra lệnh cho những quan xét mới cần phải công bằng, không được thiên vị (16:19; 24:17). Không thiên vị là một đặc tính của Đức Chúa Trời (10:17). Y-sơ-ra-ên cần trở nên một dân tộc và xã hội bày tỏ về đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để từ đó thế giới sẽ đến và đặt sự tin cậy và đức tin vào nơi Ngài. Kể từ Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3) điều này đã trở thành kế hoạch của Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên đã thất bại, nhưng ý tưởng về dòng dõi Y-sơ-ra-ên (Chúa Giê-xu, Ê-sai 53) đã thành công (Giăng 14:5-7, 8-11).

} “khách ngoại bang” Những người không-phải-Do-Thái cần phải được đối sự công bằng trong thể chế luật pháp (Lê-vi Ký 19:33-34,35). Y-sơ-ra-ên cần đối xử với họ một cách tử tế độ lượng. (Lê-vi Ký 23:22; Phục 10:19; 24:17; 27:19). Y-sơ-ra-ên đã từng là khách lạ ở tại Ai-cập (Xuất 22:21; 23:9) và có thể cảm nhận được cảm giác như thế nào!

} “công bình” Hãy xem chủ đề đặc biệt bên dưới.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

“Sự công bình” là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là “công minh” hay “công bình.” Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.



Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.

4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vùa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaioisune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ Bản Bảy Mươi (LXX), chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jê-sus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai. Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2)

và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường gặp theo Đức Chúa Trời là Quan án)
  - a. Rô-ma 3:26
  - b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
  - c. II Ti-mô-thê 4:8
  - d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jê-sus công bình
  - a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
  - b. Ma-thi-ơ 27:19
  - c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
  - a. Lê-vi-ký 19:2
  - b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
  - a. Rô-ma 3:21-31
  - b. Rô-ma 4
  - c. Rô-ma 5:6-11
  - d. Ga-la-ti 3:6-14
  - e. Được Chúa ban cho
    - i. Rô-ma 3:24; 6:23
    - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
    - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
  - f. Nhận bởi đức tin
    - g. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
    - h. I Cô-rinh-tô 5:2
  - i. Qua công tác của Đức Chúa Con
    - a. Rô-ma 5:21-31
    - b. II Cô-rinh-tô 5:21
    - c. Phi-líp 2:6-11
5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
  - b. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
  - c. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
  - d. II Cô-rinh-tô 6:14
  - e. I Ti-mô-thê 6:11
  - f. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
  - g. I Giăng 3:7
  - h. I Phi-e-rơ 2:24
6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
  - a. Công-vụ 17:31
  - b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Sau đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"So với Lu-thơ, Can-vin nhấn mạnh nhiều hơn về khía cạnh liên hệ trong khái niệm công bình. Lu-thơ coi sự công bình là sự tha thứ bản thể tội lỗi chúng ta, còn Can-vin coi là sự ban cho chúng ta bản thể công bình của Đức Chúa Trời. (p. 834).

Đối với tôi, mối tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Phúc Âm là Nhân Vật (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Phúc Âm là Chân Lý (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Phúc Âm là một đời sống được biến đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay xem nhẹ điểm nào tất cả, họ sẽ gặp nan đề. Tóm lại:

Chúng ta phải mời Chúa Jê-sus vào lòng!

Chúng ta phải tin Phúc Âm !

Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống Đấng Christ!

✂ **“Trong việc xét đoán, các người chớ tư vị ai”** Thuật ngữ “thiên vị (tư vị)” có nghĩa đen là “đôi mắt” (BDB 815). ĐỘNG TỪ này (BDB 647, KB 699, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “quan tâm đến” Điểm chính ở đây, giống như khi một người khi đối diện với quan tòa, vị thẩm phán ở đây không được cố gắng để xem hoặc nhận ra ai là người đến trước ông, nhưng thay vì vậy lắng nghe sự việc một cách công bằng và không thiên vị. Vị quan tòa cần phải xử tất cả các vụ án mà không có bất cứ sự định kiến nào (Lê-vi Ký 19:15).

✂ **“dừng có sợ ai”** ĐỘNG TỪ này (BDB 158 III, KB 185, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “khiếp sợ” hoặc “sợ hãi” Trong ngữ cảnh này có nghĩa là “khiếp sợ.” Trong Phục Truyền Luật Lệ Ký thuật ngữ này được sử dụng trong hai bối cảnh. Những người lãnh đạo và quan xét của Đức Chúa Trời không được khiếp sợ trước những sự phản ứng của con người khi đưa ra quyết định của họ (1:17) và dân sự của Chúa không được sợ hãi sự điệp của những kẻ tiên tri giả (18:22).

Thuật ngữ này thường được sử dụng trong Thi Thiên để bày tỏ sự kính trọng và kính sợ theo giao ước của người tin Chúa đối với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (33:8; 22:23).

✂ **“việc nào lấy làm rất khó cho các người, hãy đem đến trước mặt ta”** Môi-se chính là đại diện của Đức Chúa Trời trước mặt dân sự. Ông được xem như một tiên tri (câu 18; 18:15-22).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:19-21

<sup>19</sup>“Đoạn, bỏ Hô-rép, chúng ta trải ngang qua đồng vắng minh-mông và góm ghê mà chúng ta thấy kia, hướng về núi dân A-mô-rít, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã phán dặn; rồi chúng ta đến Ca-đe-Ba-nê-a. <sup>20</sup>Bấy giờ, ta nói cùng các người rằng: Các người đã đến núi của dân A-mô-rít mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ban cho chúng ta. <sup>21</sup>Giê-hô-va Đức Chúa Trời người phó xứ này cho người; hãy đi lên, chiếm làm sản nghiệp, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ người đã phán cùng người; chớ ái ngại, chớ kinh khủng. ”

**1:19-25 “Đoạn, chúng ta rời khỏi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 652, KB 704, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng thường xuyên từ Xuất Ê-díp-tô Ký (Xuất 12:37; 13:20; 14:15; 16:1; và thỉnh thoảng trong Dân Số Ký 33). Những câu này liên hệ với hành trình từ ngọn núi Si-nai đến Ca-đe-Ba-nê-a.

**1:19 “Hô-rép”** Có hai tên cho ngọn núi thánh này, Hô-rép và Si-nai, được sử dụng đồng nghĩa với nhau. Hô-rép là một thuật ngữ Sê-mít. Si-nai không phải là một ngọn núi Sê-mít nhưng có lẽ có liên hệ với Hoang mạc Sin. *Sin* là một thuật ngữ cho một giống cây sa mạc rất phổ biến ở trong khu vực. Một vài người tin rằng Hô-rép là một rặng núi và Si-nai chính là đỉnh núi, nhưng chúng ta không biết chắc chắn về điều này.

✂ **“đồng vắng minh-mông và góm ghê”** Thường thường từ “đồng vắng” (BDB 184) có ý nghĩa là một vùng bình

nguyên không có người ở, nhưng chuyển đi vất vả này đưa họ đi ngang qua sa mạc ở bán đảo Si-nai. Có một vài nguồn nước tự nhiên. Chúa cung cấp nước và thức ăn cho họ một cách kỳ diệu trong suốt cả thời kỳ bốn mươi năm này. Ngày hôm nay, sa mạc này có tên là *Et Tih*, vốn có nghĩa là “lang thang”. Hành trình này dài khoảng 100 dặm và đi ngang qua vùng đất khô cằn.

} **“núi dân A-mô-rít”** Ở đây chỉ về phần đất phía nam của vùng đất Ca-na-an (ví dụ: Nê-ghep, A-ra-ba).

} **“y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã phán dặn”**. Để xem danh sách những tên của Đấng Thánh hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3. Chúa dẫn dắt họ bởi:

1. Lời của Môi-se
2. Đám mây vinh quang *Shekinah*, hiện diện phía trên đền tạm. Khi nó di chuyển, dân Y-sơ-ra-ên đi theo.

} **“chúng ta đến Ca-đe-Ba-nê-a”** Từ Hê-bơ-rơ dùng cho thánh khiết là *kadosh* (BDB 871), từ đó chúng ta có từ “Ca-đe”. Ca-đe-Ba-nê-a có nghĩa là “Thánh khiết-(từ còn lại không rõ),” có thể là “thành thánh” hoặc “nơi thánh”. Nó là một nơi cắm trại quan trọng của dân Y-sơ-ra-ên cũng như của Áp-ra-ham bởi vì nó là một ốc đảo lớn trong khu vực.

**1:20-21** Những câu này đã gây nên một nan đề cho các nhà giải kinh bởi vì việc sử dụng ĐẠI TỪ “chúng ta” và “các người” vốn rất thường xuyên xuyên suốt cả sách Phục Truyền. Đây là một lý do mà một số người tin rằng sách Phục Truyền được viết bởi một vài người khác nhau. Tôi nghĩ là Môi-se đã viết (hoặc đọc cho người viết) phần lớn nội dung của sự mặc khải, nhưng hiển nhiên tác phẩm của ông đã bị biên tập bởi những thầy thông giáo sau này và có thể bao gồm những chú thích của những thầy thông giáo nguyên gốc này.

**1:21 “Kìa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người phó xứ ... chiếm làm sản nghiệp”** Ở đây có thể là phần tham khảo cho câu 8, nơi mà Đức Chúa Trời, thông qua Môi-se, đã phán với dân sự hãy chiếm lấy xứ mà Ngài đã hứa ban cho các Tổ phụ (12:5-7; 13:14-17; 15:18; 26:3).

Câu này, cũng giống như câu 7 và 8, bao gồm một vài mạng lệnh:

1. “Kìa (hãy xem)” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. “hãy đi lên” - BDB 748, KB 828, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
3. “chiếm làm sản nghiệp” - BDB 439, KB 441, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
4. “chớ ái ngại” - BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng được sử dụng theo nghĩa MỆNH LỆNH
5. “chớ kinh khùng” - BDB 369, KB 365, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH nhưng được sử dụng theo nghĩa MỆNH LỆNH

}  
NASB, NRSV “hớ run sợ hoặc mất can đảm”  
NKJV “chớ run sợ hoặc bị nản lòng”  
TEV “đừng do dự hoặc sợ hãi”  
NJB “đừng run sợ hoặc bị nản lòng”

Sự ngăn cấm bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (YHWH) dựa trên lòng tin cậy của họ vào những lời hứa giao ước của Ngài và sự hiện diện của Ngài! Cụm từ này lặp lại 12 lần trong Cựu Ước ( 31:8; Giô-suê 1:9; 8:10; 10:25; I Sứ ký 22:13; 28:20; II Sứ ký 20:15; 32:7; Giê-rê-mi 30:10; 46:27).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:22-25**

<sup>22</sup>Các người hết thảy bèn lại gần ta và nói rằng: Hãy sai những người đi trước chúng tôi, đặt do thám xứ và chỉ bảo về đường sá nào chúng tôi phải lên, và các thành chúng tôi phải vào. <sup>23</sup>Lời này đẹp lòng ta; ta chọn mười hai người trong các người, tức mỗi chi phái một người. <sup>24</sup>Mười hai người đó ra đi. lên núi, đi đến khe Éch-côn và do thám xứ. <sup>25</sup>Họ hái cảm trong tay mình *những* trái cây xứ đó, đem về cho chúng ta; thuật lại cùng chúng ta rằng: Xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ban cho thật là tốt. '''

**1:22** Dân Số Ký 13:1-3 là bối cảnh của câu kinh thánh này. Nó gọi lại mạng lệnh của Môi-se cho các chi phái:

1. “hãy sai” - BDB 1018, KB 1511, *Qal* THÊ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY
2. “do thám” - BDB 343, KB 340, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, dùng với nghĩa mạng lệnh
3. “chỉ bảo” - BDB 996, KB 1427, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH dùng với nghĩa mạng lệnh

**1:23 “ta chọn mười hai người trong các người, tức mỗi chi phái một người”** Môi-se đã rất khôn ngoan khi cố gắng và chọn mỗi chi phái một người, như vậy mỗi chi phái đều cảm thấy quan trọng.

**1:24 “khe Êch-côn”** Từ này (BDB 79) có nghĩa là “cụm” hoặc “bó” Dân số Ký 13:23-24 cho biết họ đã cắt một chùm nho lớn đến nỗi cần phải hai người khiêng nó bằng một cái cọc. Đây là cách mà thung lũng (hoặc khe) này được đặt tên tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng địa điểm của nó ở phía nam Palestine thì chưa được xác định, có lẽ một nơi nào đó gần với Hêp-rôn (Dân Số Ký 13:22,23).

⌘ **“do thám xứ”** “do thám” (BDB 920, KB 1183, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) là một thể biến đổi của từ có nghĩa là “chân” (BDB 919), vốn hàm ý họ đã đi xuyên qua cả xứ. Họ đã không có bất cứ con vật nào để cưỡi nhưng đó đã là những bước đi bằng đức tin để rồi đi qua xuyên suốt vùng đất này và bị cư dân của xứ ấy nhìn thấy.

**1:25 “Xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ban cho thật là tốt”** Thật là một sự ấn chứng giao ước đầy mạnh mẽ! Tuy nhiên, họ đã không hành động dựa trên sự ấn chứng thần học, nhưng trên sự sợ hãi của chính họ (ví dụ, câu 21).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:26-33**

<sup>26</sup>“Nhưng các người không muốn lên đó, và đã bội nghịch mạng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người; <sup>27</sup>lầm bầm trong trại mình mà rằng: Ấy bởi Đức Giê-hô-va ghét chúng ta, nên khiến chúng ta ra xứ Ê-díp-tô, đặng phó chúng ta vào tay dân A-mô-rit, để tiêu diệt đi. <sup>28</sup>Chúng ta sẽ đi lên đâu? Anh em chúng ta làm cho chúng ta tiêu gan vì nói rằng: Ấy là một dân đông hơn và cao lớn hơn chúng ta; ấy là những thành lớn và kiên cố đến tận trời; vả lại, tại đó, chúng tôi có thấy những con cháu của dân A-na-kim. <sup>29</sup>Nhưng ta nói cùng các người rằng: Chớ á ngại và chớ sợ sệt gì. <sup>30</sup>Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đi trước, chính Ngài sẽ chiến-cự cho các người, như Ngài đã thường làm trước mắt các người tại xứ Ê-díp-tô, <sup>31</sup>và trong đồng vắng-là nơi người thấy rằng trọn dọc đường người đi, cho đến khi tới chốn này, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã bồng người như một người bồng con trai mình. <sup>32</sup>Đâu vậy, các người vẫn không tin Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, <sup>33</sup>là Đấng đi trước dẫn các người trên đường, để tìm cho các người một nơi đóng trại; ban đêm trong đám lửa, ban ngày trong đám mây, đặng chỉ con đường các người phải đi. ”

**1:26 “đã bội nghịch”** ĐỘNG TỪ này(BDB 598, KB 632, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) trở nên một từ thông dụng trong Phục Truyền (1:26,43; 9:7,23,24; 21:18,20; 31:27; và cả trong Thi Thiên). Nó có CÙNG NGUỒN GỐC trong tiếng A-ram với “tranh cãi” và tiếng Syriac “đấu tranh với” Nó biểu thị một cách cố ý và rõ ràng sự không vâng phục!

⌘ **“mạng (lệnh) của Giê-hô-va”** Mệnh lệnh trong câu 8 và 21 dành cho họ để họ đi lên và chiếm xứ.

**1:27 “lầm bầm trong trại mình”** Dân sự đã ở trong trại mình và lầm (BDB 920, KB 1188, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH); họ đã không làm điều đó một cách công khai, nhưng Chúa đã nhìn thấy tấm lòng của (Thi 106:25) và biết rằng họ đã chống nghịch lại Ngài (“những lời thì thầm phi báng” Châm 16:28; 18:8; 26:20,22). Chúa biết không chỉ những gì chúng ta nói ra(câu 25c) nhưng Ngài còn biết cả những gì trong tấm lòng và động cơ của chúng ta (Dân Số Ký 14:1-6).

⌘ **“Đức Giê-hô-va ghét chúng ta”** Trong câu này dân sự công kích động cơ và bản tính của Đức Chúa Trời (9:28). Họ đã quên đi tất cả những lời hứa tuyệt vời và sự chu cấp của Ngài trong suốt hành trình mệ học từ Si-nai đến Ca-đe và đã tập chú vào tình thế hiện tại của họ, mà họ xem là sẽ bị tiêu diệt.

**1:28 “anh em chúng ta làm cho chúng ta tiêu gan”** Dân sự cố gắng đổ thừa cho những thám tử thay cho sự vô tín của họ. Từ “tan chảy (tiêu)” (BDB 587, KB 606) là một sự ẩn dụ cho một người trở nên sợ hãi và mất đi khả năng

kháng cự (20:8; Giô-suê 2:11; 5:1; 7:5; và có lẽ 14:8).

<b>NASB, REB</b>	<b>“cao lớn hơn”</b>
<b>NKJV, Peshitta</b>	<b>“cao lớn hơn”</b>
<b>NRSV, TEV, NJB, NIV</b>	<b>“mạnh và cao hơn”</b>
<b>NET</b>	<b>“đông đúc và cao hơn”</b>

Rõ ràng ở đây câu hỏi từ các bản dịch khác nhau là thuật ngữ nguyên gốc được sử dụng ở đây là gì. Nó có cùng ý nghĩa hay có thêm thông tin nào mới?

TÍNH TỪ này (BDB 152) căn bản có ý nghĩa là “vĩ đại”. Nó được sử dụng cho:

1. rộng trong kích thước
2. nhiều, đông đảo trong số học
3. mạnh mẽ trong sự cường độ
4. Vĩ đại trong sự quan trọng

Thuật ngữ này rất thông dụng và có nghĩa rất rộng mà chỉ có văn mạch mới giúp làm cho rõ nghĩa. Bản Bảy Mươi (Septuagint) có vẻ hiểu những từ này “đông đúc và mạnh mẽ hơn.” Một phần của vấn đề là chỗ của những “người khổng lồ” trong Cựu Ước!

} **“những thành lớn và kiên cố đến tận trời”** Từ khảo cổ học chúng ta đã tìm ra được những bằng chứng về những thành phố này. La-ki đã là một trong những thành phố phía nam của người A-mô-rít nơi có tường bao dày đến 29 bộ (feet- khoảng 8.8392 mét). Những tường bao của các thành phố này thỉnh thoảng vươn lên những đôn lũy hoặc tháp canh bảo vệ. Có thể hiểu được người Y-sơ-ra-ên đã bị áp đảo tinh thần khi họ nhìn thấy những thành phố (“kiên cố” BDB 130, KB 148, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỂ BỊ ĐỘNG có nghĩa là “không thể tiếp cận được”).

Sự thậm xưng “kiên cố đến tận trời” được sử dụng cùng một cách ẩn dụ như là tên của *Ziggurats* tại Ba-by-lôn (Sáng 11:4).

} **“A-na-kim”** Từ này (BDB 778 I) có nghĩa đen là “những người có cổ dài”. Ở đây nhắc đến những người khổng lồ (Sáng 6).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THUẬT NGỮ SỬ DỤNG CHO NHỮNG CHIẾN BINH HOẶC DÂN TỘC CAO LỚN/MẠNH MẼ**

Những dân tộc cao/ lớn/ mạnh mẽ được gọi bằng một vài tên khác nhau:

1. *Nê-phi-lim* (BDB 658) - Sáng 6:4; Dân Số Ký 13:33
2. *Rê-pha-im* (cả BDB 952 hoặc BDB 952 II) - Sáng 14:5; Phục 2:11,20; 3:11,13; Giô-suê 12:4; 13:12; II Sa-mu-ên 21:16,18,20,22; I Sứ ký 20:4,6,8
3. *Xam-xu-mim* (BDB 273), *Xu-xin* (BDB 265) - Sáng 14:5; Phục 2:20
4. *Ê-mim* (BDB 34) - Sáng 14:5; Phục 2:10-11
5. *A-na-kim* (sons of *Anak*, BDB 778 I) - Dân Số Ký 13:33; Phục 1:28; 2:10-11,21; 9:2; Giô-suê 11:21-22; 14:12,15

**1:29**

<b>NASB</b>	<b>“chớ sửng sốt, cũng đừng sợ hãi chúng”</b>
<b>NKJV</b>	<b>“đừng kinh hoàng, cũng đừng sợ hãi chúng”</b>
<b>NRSV</b>	<b>“đừng khiếp đảm hoặc sợ hãi chúng”</b>
<b>TEV</b>	<b>“đừng sợ hãi những dân tộc đó”</b>
<b>NJB</b>	<b>“đừng hoảng sợ, đừng sợ hãi”</b>

ĐỘNG TỪ thứ nhất (BDB 791, KB 888, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “gây sự run rẩy” Trong tiếng A-ram nó có nghĩa là “run rẩy” hoặc trong tiếng Syriac “đến trong tai nạc hoặc bạo lực” (7:21; 20:3; 31:6).

ĐỘNG TỪ thứ hai (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “sợ hãi” hoặc “kinh hoàng”. Đây là từ thông dụng dùng cho sợ hãi:

1. đối với kẻ thù - Phục 1:21,29; 2:4; 3:2,22; 7:18,19; 20:1,3; 31:6; Giô-suê 11:6
2. những dân tộc của thế gian sợ hãi tuyên dân của - Phục 28:10 (Giô-suê 4:24); Giô-suê 9:24
3. Y-sơ-ra-ên sợ/ kính sợ/ kính trọng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - Phục 4:10; 5:5; 6:2,13,24; 10:12,20; 13:11; 14:23; 17:13,19; 19:20; 21:21; 25:18; 28:58; 31:12; Giô-suê 4:24

**1:30 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đi trước”** Đây là cụm từ khích lệ đầy mạnh mẽ bày tỏ món quà tuyệt vời nhất của Đức Chúa—Sự hiện diện cá nhân và sự chu cấp của Ngài. Chú ý trong câu 30 Ngài đi trước họ trong chiến trận (9:3); trong câu 33 Ngài đi trước họ để dẫn họ đi xuyên qua sa mạc.

**} “chiên-cự cho các ngươi”** Đây là một ví dụ cho “cuộc thánh chiến” hoặc *herem* (BDB 355, Phục 2:24; 3:6; 7:2; 20:16-18; Giô-suê 6:17,21; 8:26; 10:1,28,37; 11:12, 20-21). Đây là sự phát xét của Chúa trên các dân tộc A-mô-rít/Ca-na-an cho tội lỗi của họ, không phải Đức Chúa Trời thiên vị dân sự của Ngài (Sáng 15:16). Chúa đã ban cho những dân tộc Ca-na-an rất nhiều cơ hội để ăn năn, nhưng họ đã không làm điều đó, vì vậy sự phán xét của Ngài đổ xuống trên họ. Chúa cũng sẽ phán xét tuyển dân của Ngài khi họ thực hành cùng những điều như người Ca-na-an (cuộc lưu đày bởi người A-si-ri và người Ba-by-lôn)! Ở đây, Chúa phán với dân sự Ngài đừng sợ nhưng hãy tin cậy Ngài vì Ngài ở cùng phía với họ ( Phục 3:22; 20:4; Giô-suê 10:14,42; 11:5-6)

**1:31 “Đức Chúa Trời ngươi đã bồng ngươi như một người bồng con trai mình”** “Bồng” (BDB 669, KB 724, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có thể chỉ về việc bồng ẵm thực sự một ai hoặc một vật gì đó hoặc là “nâng đỡ một ai đó.” Chúa chính là Cha (Cha Mẹ) thực sự là một phép ẩn dụ một cách riêng tư, gia đình trong Kinh Thánh (8:5; 32:6; Xuất 4:22; Thi 27:10; 68:5; 103:13; Châm 3:12; Ê-sai 1:2; 63:16; Giê-rê-mi 3:19; Ô-sê 11:1-4; Ma-la-chi 1:6; Công vụ 13:18). Trong Cựu Ước “con trai” là một sự ẩn dụ cho mối liên hệ giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với tập thể Y-sơ-ra-ên, nhưng nó đã trở thành cá nhân đối với vị vua từ dòng dõi nhà Đa-vít và dòng dõi hoàng gia từ Ngài (Đấng Mê-si, Thi 2:2,7; Công vụ 13:33).

**1:32 “Dầu vậy (tất cả điều này)”** Nó bao gồm sự hiện diện và chăm sóc đặc biệt của Đức Chúa Trời từ sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 13) xuyên suốt cho đến cuộc Xuất hành (Xuất Ê-díp-tô ký – Dân Số Ký).

**} “các ngươi vẫn không tin Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 52, KB 63, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ) là một thuật ngữ chuyên đề thần học. Nó là nền tảng cho mối liên hệ trung tâm riêng tư đối với giao ước.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIN, TIN CẬY, ĐỨC TIN VÀ SỰ TRUNG TÍN TRONG CỰU ƯỚC (אמין)**

I. Lời mở đầu,  
 Cần phải nói rằng khái niệm thần học rất quan trọng này trong Tân Ước không được định nghĩa rõ ràng trong Cựu Ước. Nó luôn ở đó, xuất hiện trong một số đoạn Kinh thánh và nhân vật quan trọng then chốt.  
 Cựu Ước pha lẫn giữa:

1. Cá nhân và cộng đồng
2. Sự trải nghiệm cá nhân và sự vâng phục giao ước

Đức tin thể hiện trong cả sự trải nghiệm cá nhân và trong cả nếp sống hàng ngày! Nó được mô tả dễ hơn qua ví dụ trong một nhân vật hơn là giải thích qua nghiên cứu từ vựng. Khía cạnh cá nhân được minh họa tốt nhất qua

1. Áp-ra-ham và hậu tự của ông
2. Đa-vít và Y-sơ-ra-ên

Những người này gặp gỡ Đức Chúa Trời và cuộc sống họ được thay đổi, tuy không tuyệt hảo, nhưng tiếp tục trong đức tin). Sự thử thách tiết lộ ưu điểm và yếu điểm của họ. Mối liên hệ mật thiết, tin cậy với Đức Chúa Trời khiến đức tin họ lớn mạnh theo thời gian. Đức tin được thử nghiệm và tinh chế trường tồn, ấy là bằng chứng về sự tận hiến và lối sống của họ.

II. Góc chính của từ vựng

A. **אמין** (BDB 52)

### 1. Động từ: Tin

- a. gốc *Qal* – Hỗ trợ, nuôi dưỡng (ví dụ., II Các vua. 10:1,5; Ê-tơ 2:7, sử dụng ngoài thần học)
- b. gốc *Niphal* – làm chắc chắn, thiết lập, khẳng định, trở nên thành tín, đang tin cậy(1) về con người, Ê-sai 8:2; 53:1; Giê-rê-mi 40:14
  - (2) về sự việc, Ê-sai 22:23
  - (3) về Đức Chúa Trời, Phục. 7:9; Ê-sai 49:7; Giê-rê-mi. 42:5
- c. gốc *Hiphil* – đứng vững, tin, tin cậy
  - (1) Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, Sáng. 15:6
  - (2) Y-sơ-ra-ên ở Ai-cập tin, Xuất 4:31; 14:31 (thể phủ định trong Phục-truyền. 1:32)
  - (3) Y-sơ-ra-ên tin Giê-hô-va phán qua Môi-se, Xuất. 19:9; Thi 106:12,24
  - (4) A-háp không tin Đức Chúa Trời, Ê-sai 7:9
  - (5) bất cứ ai tin Ngài, Ê-sai 28:16
  - (6) Tin sự thật về Đức Chúa Trời, Ê-sai 43:10-12

2. Danh từ (giống đực) – sự thành tín (ví dụ., Phục-truyền. 32:20; Ê-sai 25:1; 26:2)

3. Trạng từ – thực vậy, quả thực, tôi đồng ý, chắc là như vậy(xem. Phục-truyền. 27:15-26; I Các Vua 1:36; I Sử ký 16:36; Ê-sai 65:16; Giê-rê-mi 11:5;28:6). Tương tự chữ “Amen” trong Tân Ước và Cựu Ước

### B. **אמת** (BDB 54) danh từ giống cái, sự chắc chắn, thành tín, lẽ thật

1. Về con người, Ê-sai 10:20; 42:3; 48:1
2. Về Đức Chúa Trời, Xuất 34:6; Ps. 117:2; Ê-sai 38:18,19; 61:8
3. Về lẽ thật, Phục-truyền. 32:4; I Kgs. 22:16; Ps. 33:4; 98:3; 100:5; 119:30; Giê-rê-mi 9:5; Zech. 8:16

### C. **אמונה** (BDB 53), sự chắc chắn, sự bền đỗ, chất lượng

1. về bàn tay, Xuất 17:12
2. về thời gian, Ê-sai 33:6
3. về con người, Giê-rê-mi 5:3; 7:28; 9:2
4. of Đức Chúa Trời, Ps. 40:11; 88:11; 89:1,2,5,8; 119:138

### III. Phao-lô sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phao-lô dựa vào sự hiểu biết mới của ông về Giê-hô-va và Cựu Ước khi gặp Chúa Giê-su trên đường đi Đa-mách (xem. Công vụ 9; 22; 26).

B. Ông tìm được chỗ dựa trong Cựu Ước cho sự hiểu biết mới về hai phân đoạn quang trọng của Cựu Ước, trong đó gốc **אמת** được sử dụng.

1. Sáng thế. 15:6 – Áp-ra-ham gặp Đức Chúa Trời do Ngài chủ động (Sáng thế 12) kết cục đem lại một cuộc sống vâng phục trong đức tin (Sáng thế 12-22). Phao-lô gợi nhớ trường hợp này trong Rô-ma 4 and Ga-la-ti 3.
2. Ê-sai 28:16 – Những ai tin (ví dụ., tảng đá góc mà Đức Chúa Trời đã thử nghiệm và đặt để sẽ không bao giờ
  - a. Rô-ma. 9:33, “bị hổ thẹn hoặc thất vọng”
  - b. Rô-ma. 10:11, cũng giống như trên
3. Ha-ba-cúc. 2:4 – Những ai biết Đức Chúa Trời thành tín, phải sống một cuộc đời thành tín (xem. Giê-rê-mi. 7:28). Phao-lô sử dụng câu này trong Rô-ma 1:17 and Ga-la-ti. 3:11 (xem ghi chú Hê-bơ-rơ 10:38).

### IV. Phi-e-rơ sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

#### A. Phi-ê-rơ kết hợp

1. Ê-sai 8:14 – I Phi-e-rơ 2:8 (khối vấp phạm)
2. Ê-sai 28:16 – I Phi-e-rơ 2:6 (tảng đá góc)
3. Thi 118:22 – I Phi-e-rơ 2:7 (Tảng đá bị chối từ)

B. Ông sử dụng ngôn ngữ độc đáo mô tả Y-sơ-ra-ên, “Một chủng tộc tuyển chọn, một vương đẳng tu tể, Một dân tộc thánh khiết, một gia sản công dân của Đức Chúa Trời”

1. Phục-truyền. 10:15; Ê-sai 43:21
2. Ê-sai 61:6; 66:21



### 3. Xuất. 19:6; Phục-truyền. 7:6

Và bây giờ ông cũng sử dụng khái niệm này khi đức tin Hội thánh trong Đấng Christ

## V. Giảng sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

### A. trong Tân Ước

Từ gốc (*pisteuō*) trong tiếng Hy-lạp. dịch ra là tin, đức tin hoặc tin cậy. Ví dụ danh từ không được sử dụng, nhưng động từ được sử dụng nhiều lần trong Phúc Âm Giảng. Ông không an tâm vì thực chất của sự hứa nguyện đối với Chúa Giê-su Na-za-rét, Đấng Mê-si trong vòng đám đông. Ví dụ khác về đức tin hời hợt bên ngoài có trong Giảng 8:31-59 and Công vụ 8:13, 18-24. Đức tin theo nghĩa Kinh thánh sâu nhiệm hơn là sự hưởng ứng ban đầu. Nó phải trưởng thành trong quá trình môn-đồ-hóa (xem. Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

### B. Sử dụng với giới từ ( PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa “vào.” Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh việc tín đồ đặt đức tin và lòng tin cậy vào Chúa Giê-su

- a. Vào danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
- b. Vào Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45, 48; 12:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công vụ 10:43; Phi-líp. 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
- c. Vào Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
- d. Vào Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
- e. Vào Chúa Giê-su (Giăng 12:11; Công vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
- f. VÀO Ánh Sáng Light (Giăng 12:36)
- g. Vào Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)

2. *en* có nghĩa “ở trong” Giăng 3:15; Mác 1:15; Công vụ 5:14

3. *epi* có nghĩa “trong”, “hoặc trên,” as in Ma-thi-ơ 27:42; Công vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma. 4:5, 24; 9:33; 10:11; I Tim.1:16; I Phi-e-rơ 2:6

4. DATIVE CASE không giới từ trong Ga-la-ti 3:6; Công vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10 ( chỉ có tin, chứ không tin vào)

5. *hoti*, có nghĩa “tin rằng”, về nội dung điều đáng tin:

- a. Chúa Giê-su Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
- b. Chúa Giê-su Đấng Phán: Ta Là (Giăng 8:24)
- c. Chúa Giê-su trong Cha and the Cha trong Con (Giăng 10:38)
- d. Chúa Giê-su Đấng Mê-si (Giăng 11:27; 20:31)
- e. Chúa Giê-su Con Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
- f. Chúa Giê-su được phái bởi Cha (Giăng 11:42; 17:8,21)
- g. Chúa Giê-su là một với Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Chúa Giê-su đến từ Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Chúa Giê-su xác nhận tên mình như tên của Cha theo giao ước, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống cùng Ngài (Rô-ma. 6:8)
- k. Chúa Giê-su chết và sống lại (I Tê-sa 4:14)

## VI. Kết luận

Đức tin theo Thánh Kinh là sự hưởng ứng của con người đối với lời phán và lời hứa Thần Linh. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng, (ví dụ., Giăng 6:44,65), nhưng con người phải đáp lại trong cuộc hội thoại thuộc linh này

### A. Tin cậy

### B. Vâng phục trong giao ước

Đức tin theo kinh thánh là

1. mối liên hệ cá nhân (Đức tin khởi đầu)
2. Khẳng định chân lý theo Kinh Thánh, tin vào mặc khải của Đức Chúa Trời.
3. Vâng phục thích hợp trong cuộc sống hàng ngày

Đức tin theo Kinh thánh không phải là vé đi Thiên Đàng, hay tài khoản bảo hiểm, Nó là mối liên hệ mật thiết. Đây là mục đích của công cuộc sáng tạo, và con người được sáng tạo trong hình ảnh Đức Chúa Trời(xem. Sáng 1:26-27). Trong ý nghĩa “mật thiết” Đức Chúa Trời mong cầu mối liên hệ chứ không phải mức độ hiểu biết thuộc linh.

Mối liên hệ với Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi con cái Ngài cũng phải ánh tnh cách gia truyền (ví dụ., đòi hỏi thánh khiết như Ngài, xem. Lê-vi Ký 19:2; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:15-16). Sự Sa Ngã (xem. Sáng thế 3) ảnh hưởng khả năng đáp ứng của chúng ta, Chính vì vậy mà Đức Chúa Trời đã chủ động trợ giúp chúng ta, ban cho chúng ta tâm lòng và tâm linh mới qua sự ăn năn và đức tin. Nhờ đó chúng ta có thể thông công và vâng phục Ngài.

Cả ba điều trên “liên hệ, chân lý và vâng phục” đều quan trọng, đều phải được duy trì. Trong ngôn ngữ Kinh thánh, mục đích tối hậu là biết và phản chiếu tính cách của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta. Mục đích của đức tin không phải là thiên Đàng trong một ngày nào đó, nhưng trở nên giống-Chúa hàng ngày

Sự thành tín của con người là kết quả (theo Tân Ước), chứ không phải là cơ sở (theo Cựu Ước) cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời, Con người đặt đức tin vào sự thành tín, tin cậy vào sự đáng tin cậy của Ngài. Trọng tâm của quan điểm Tân Ước là con người phải bắt đầu đáp ứng và tiếp tục trong ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời, thể hiện trong Đấng Christ. Ngài đã yêu thương, sai phái, cung ứng. Chúng ta phải đáp lại trong đức tin và sự trung tín (xem. Ê-phê-sô. 2:8-9 and 10)!

Đức Chúa Trời thành tín mong cầu những người trung tín bày tỏ Ngài cho thế gian bắt tin, và giúp họ tìm được niềm tin cá nhân nơi Ngài

**1:33 “Đấng đi trước dẫn các người trên đường, để tìm cho các người một nơi đóng trại; ban đêm trong đám lửa, ban ngày trong đám mây, dựng chỉ con đường các người phải đi”** Chúa đi trước dân sự trong trụ lửa vào ban đêm và trụ mây vào ban ngày, được biết như là “đám mây vinh hiển *Shekinah*” (Xuất 13:21-22; 14:19,24; 19:16-18; 20:21; 24:15,18; 33:9-10; Lê-vi Ký 16:2; Dân Số Ký 9:15-23; 14:14; Thi 78:14) Đám mây tượng trưng cho sự hiện diện và vận chuyển của Đấng Thánh được tìm thấy xuyên suốt qua cả Kinh Thánh (I Các Vua 8:10,12; Ê-xê-chi-ên 1:4; Đa-ni-ên 7:13; Ma-thi-ơ 24:30; 26:64; Công vụ 1:9-11; I Tê-sa 4:17; Khải Huyền 1:7). Ngài sẽ đến trên đám mây!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:34-40**

<sup>34</sup>“Bấy giờ, Đức Giê-hô-va nghe tiếng của lời nói các người, bèn nổi giận và thề rằng: <sup>35</sup>Chẳng một ai của dòng dõi gian ác này sẽ thấy xứ tốt đẹp mà ta đã thề ban cho tổ phụ các người, <sup>36</sup>ngoại trừ Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê. Người sẽ thấy xứ đó; và ta sẽ ban cho người cùng con cháu người xứ mà người đã trải qua, bởi vì người có theo Đức Giê-hô-va cách trung tín trọn vẹn. <sup>37</sup>Lại, Đức Giê-hô-va vì cơ các người cũng nổi giận cùng ta, mà rằng: Người cũng vậy, sẽ không vào đó đâu. <sup>38</sup>Giô-suê, con trai Nun, là đầy tớ người, sẽ được vào đó. Hãy làm cho người vững lòng, vì ấy là người sẽ khiến dân Y-so-ra-ên nhận lấy xứ này làm sản nghiệp. <sup>39</sup>Những con trẻ của các người và các người đã nói rằng sẽ thành một miếng mồi, và những con trai các người hiện bây giờ chưa biết điều thiện hay là điều ác, sẽ vào xứ đó. Ta sẽ ban cho chúng nó xứ này làm sản nghiệp; <sup>40</sup> nhưng các người hãy trở về, đi đến đồng vắng về hướng Biển đỏ. ’

**1:34 “bèn nổi giận và thề rằng”** Cụm từ này “thề rằng” (BDB 989 KB 1396, *Niphal* THỀ CHƯA HOÀN THÀNH), được sử dụng khi Chúa kết ước chính với mối liên hệ giao ước với Y-so-ra-ên. Tại đây Ngài kết ước chính Ngài với hậu quả theo giao ước cho sự không vâng lời-sự rửa sả. Chú ý ở đây lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Áp-ra-ham được dành cho thế hệ tiếp theo, nhưng sự rửa sả chỉ dành cho một thế hệ mà thôi, vốn là sự khởi đầu của thế hệ tội lỗi trong cuộc Xuất Hành (ví dụ: sự vô tín vào lời hứa ban cho họ Ca-na-an của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA).

**1:35** Tất cả những người nam ở độ tuổi quân sự (20 tuổi trở lên), là những người đã từ chối tuân theo mạng lệnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và chiếm xứ, đều bị trừng phạt và dân sự đã phải lang thang trong đồng vắng cho đến khi họ qua đời (38 năm). Sách Hê-bơ-rơ trong Tân Ước, đoạn 3-4, đã bàn luận về vấn đề sự vô tín, không tin này.

Chỉ có hai người thám tử là những đã đưa những tường thuật tích cực, Ca-lép (câu 36) và Giô-suê (1:38) được thoát khỏi mà thôi. Nhưng hậu quả của việc không vâng lời trong sự rửa sả theo giao ước đã dành cho Y-so-ra-ên (Phục 27-29) and Mô-i-se (Phục 3:26-27).

} “xứ tốt đẹp” Đây là một cụm từ được lặp đi lặp lại (Xuất 3:8; Phục 1:35; 3:25; 4:21,22; 8:7,20; Giô-suê 23:13).

Một sự bày tỏ tốt đẹp (1) về sự hiện diện của Đức Chúa Trời (Đức Chúa Trời là “tốt lành” Thi 86:5; 100:5; 106:1; 107:1; 118:1,29; 145:9; và cũng ghi chú trong phép đối song song trong sách Amôt 5:4,6,14,15) và (2) “một vùng đất đượm sữa và mật” (ví dụ: Xuất 3:8,17; 13:5; 33:3; Dân Số Ký 13:27; 14:8; 16:13,14; Phục 6:3; 11:9; 26:9,15; 27:3; 31:20; Giô-suê 5:6).

**1:36 “xứ mà người đã trải qua”** Vùng đất mà Ca-lép sẽ đánh chiếm và từ đó được thừa hưởng nằm tại khu vực xung quanh Hép-rôn. Chúng tôi nghĩ rằng vùng đất này nằm gần với thung lũng Êch-côn (Giô-suê 15:13), nơi những người không lồ sống tại đó!

✂ **“trọn vẹn”** Từ này có nghĩa “trọn cả tâm lòng” (BDB 569, KB 583, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH). Nó chỉ về một người không có bất cứ động cơ nào khác trong lòng; Ca-lép yêu ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với trọn cả tâm lòng và bước theo Ngài. Đó là một sự ân dụ về sự kết ước đúng đắn (Dân Số Ký 14:24; 32:11-12; Giô-suê 14:8,9,14; I Các Vua 11:6). Nó tương đương với cụm từ “hết lòng, hết ý (với tất cả tâm lòng và với tất cả tâm linh)” ( Phục 6:5; 10:12; 13:3; 30:2; I Các Vua 9:4; 11:4).

**1:37 “Đức Giê-hô-va vì có các ngươi cũng nổi giận cùng ta”** Môi-se cố đổ thừa cho dân sự thay cho sự không vâng lời của chính mình ( Phục 3:26, cũng giống như A-đam đã làm trong Sáng 3:12), nhưng hãy xem Dân Số Ký 20:7-13,24; 27:14; Phục 4:21.

ĐỘNG TỪ “nổi giận” (BDB 60, KB 72, *Hithpael* THỂ HOÀN THÀNH) có nguồn gốc từ DANH TỪ có nghĩa là “lỗ mũi” or “mũi” Rõ ràng ở đây nó chỉ đến (1) Sự thờ phụng ra nơi lỗ mũi là dấu hiệu cơ thể của con giận (2) tiếng khịt khịt nơi mũi. Từ này cũng được sử dụng một cách phù hợp cho con giận của Đấng Thánh (sự tu từ hình nhân) (Xuất 32:12; Phục 1:37; 4:21; 9:8,20; II Các Vua 24:20).

Một nơi khác trong kinh thánh sử dụng từ này để liên hệ đến Đấng Thánh là cụm từ “chậm giận” vốn dùng để nhấn mạnh sự kiên nhẫn và nhẫn nại chịu đựng của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Dân Số Ký 14:18; Nê-hê-mi 9:17; Châm 14:29).

**1:38 “Giô-suê, con trai Nun, là đây tớ (người đứng trước) ngươi”** Cụm từ “người đứng trước” là một thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ về một người lãnh đạo. Giô-suê là cánh tay phải của Môi-se và đây có lẽ là lời tiên tri về trách nhiệm lãnh đạo của ông sau này.

✂ **“Hãy làm cho người vững lòng”** ĐỘNG TỪ này (BDB 304, KB 302, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH) có nghĩa là “làm cho mạnh mẽ” (3:28). Chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm điều này trong Giô-suê 1:6,7,9,18!

✂ **“vì ấy là người sẽ khiến dân Y-so-ra-ên nhận lấy xứ này làm sản nghiệp”** Lời hứa này quay trở lại lời tiên tri dành cho các Tổ phụ (Sáng Thế Ký 12, 15, 18, 26) về dòng dõi của họ sẽ được sở hữu vùng đất Ca-na-an (3:28; 31:7; Giô-suê 11:23).

**1:39 “Những con trẻ của các ngươi và các ngươi đã nói rằng sẽ thành một miếng mồi”** Câu này chỉ về Dân Số Ký 14:3,31. Bởi vì sự vô tín của người lớn, Đức Chúa Trời nói với họ rằng con cái của họ chắc chắn sẽ thừa hưởng vùng đất mà Ngài đã hứa ban cho họ.

✂ **“những con trai các ngươi hiện bây giờ chưa biết điều thiện hay là điều ác”** Lịch sử chỉ ra điều này nói đến những con cái là người rời khỏi Ai Cập. Chúa không bắt họ chịu trách nhiệm cho đến khi họ có thể hiểu được giao ước và kết ước.

Trong phần kinh thánh này có hai khía cạnh/ hai thái cực có thể nhìn thấy: ta sẽ ban cho chúng nó xứ này” (sự toàn năng của Đức Chúa Trời, câu 8)

1. “ta sẽ ban cho chúng nó xứ này” (sự toàn năng của Đức Chúa Trời, câu 8)
2. “chúng nó sẽ thừa hưởng nó (làm sản nghiệp)” (sự lựa chọn của con người và trách nhiệm của họ, câu 8) Hãy xem trong Chủ đề Đặc biệt dưới đây

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỘ TUỔI CỦA SỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Hội thánh, bước theo Phao-lô đã tập chú vào Sáng Thế Ký 3 là nguồn cội của tội lỗi và sự xấu xa của con. Từ đó đã phát triển thành một sự tập chú theo thần học Augustine/ Calvin vào sự suy đồi thuộc linh (ví dụ: sự bất khả của con người để đáp ứng lại với Đức Chúa Trời nếu không được giúp đỡ). Nó trở thành một trong năm cột trụ của Thần học Calvin và một nguyên tắc nền tảng của Cơ-đốc Giáo.

Tuy nhiên, các thầy dạy luật Do Thái Giáo (Ra-bi) không bao giờ tập chú vào Sáng Thế Ký 3 trên khía cạnh nguồn gốc của điều ác (một vài người tập chú vào trong Sáng Thế Ký 6), nhưng trách nhiệm cá nhân lại đặt nền tảng trên sự kiến thức và sự kết ước. Họ thừa nhận hai ý niệm (*yetzers*), một cái tốt và một cái xấu. Một ví dụ kinh điển chính là câu châm ngôn “trong tâm lòng mỗi con người đều có hai con chó, một con xấu xa và một con kia tốt. Nhưng con nào được nuôi dưỡng thì trở nên con lớn” Do vậy, con người chỉ phải chịu trách nhiệm sau giai đoạn của sự trưởng thành và có kiến thức/ kết ước với giao ước (theo *Bar Mitzvah* là 13 tuổi cho những bé trai và những bé gái là độ tuổi 12). Những ví dụ khác trong Kinh Thánh về quan điểm thần học này là Giô-na 4:11 và Ê-sai 7:15-16.

Tóm lại điều này trong hai thuật ngữ tương phản nhau:

1. Phao lô /Augustine/Calvin tập chú vào sự toàn năng của Đức Chúa Trời và sự bất lực không có khả năng của con người.
2. Các Ra-bi/Chúa Giê-xu /Phao-lô tập chú vào trách nhiệm theo giao ước.

Không thể chỉ là một trong hai cái/ hoặc nhưng phải là cả hai/ và! Phải cẩn thận với các hệ thống thần học! Cần nhận ra rằng những lễ thật theo nguyên tắc Kinh thánh được trình bày theo cặp một cách đầy căng thẳng. Các tín đồ cần sống một đời sống tin kính trong sự căng thẳng này, không được thêm muốn sự trả lời nhanh chóng, dễ dàng hoặc chơi trò chơi đổ lỗi!

**1:40 “bởi con đường Biển Đỏ (về hướng Biển Đỏ)”** cụm từ này có vẻ chỉ về con đường được gọi là “Con Đường Chính của Vua (the King’s Highway)” là con đường chạy dọc theo Vịnh Aqaba từ Ê-lát đến Ca-đe-Ba-nê-a (Dân Số Ký 14:25; 20:17; 21:22). Ở đây không nói đến vùng nước tại Ai Cập mà dân sự đi qua trong Xuất Ê-díp-tô Ký, trừ khi nó có ý nghĩa “trong một hướng đi chung chung.”

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT : BIỂN ĐỎ

### I. Tên

A. Tên là *Yam Suph* có nghĩa đen là:

1. “Biển Cỏ Rong” or “Biển Cây sậy” (Một loại cây rễ ở Ai Cập)
2. “Biển ở cuối cùng (của đất)” (Một loại rễ ở Sê-mít )

B. Có thể nói về

1. vùng nước mặn, I Các Vua 9:26 (Vịnh Aqaba); Giô-na 2:5 (Biển Địa Trung Hải)
2. vùng nước ngọt, Xuất 2:3; Ê-sai 19:6

C. Bản Bảy Mươi (Septuagint) là bản dịch đầu tiên gọi nó là “Biển Đỏ.” Có lẽ những dịch giả này liên hệ nó với biển của Ê-đôm (đỏ). Cách xác định này được duy trì bởi bản dịch La-tinh Vulgate và sau này là bản dịch tiếng Anh King James.

### II. Địa điểm

A. Có một vài vùng nước được quy đến bởi tên:

1. Vùng nước cạn giữa Ai-Cập và bán đảo Si-nai chiều dài khoảng 190 dặm (Vịnh Suez)
2. Vùng nước giữa bán đảo Si-nai và A-ra-bi chiều dài khoảng 112 dặm (Vịnh Aqaba)

B. Nó có thể có liên hệ với vùng đầm lầy cạn ở phía đông bắc châu thổ sông Nile gần với Tanis, Zoan, Avaris, Rameses, là khu vực ở phía nam của hồ Menzaleh (một khu vực đầm lầy).

- C. Nó có thể được dùng theo nghĩa ẩn dụ của vùng nước bí ẩn về phía nam, thường được sử dụng là vùng biển ở cuối cùng (của đất). Điều này có thể chỉ
1. Biển Đỏ hiện đại (Vịnh Suez hoặc Vịnh Akaba, I Các Vua 9:26)
  2. Ấn Độ Dương (theo Herodotus 1.180)
  3. Vịnh Ba-tư (theo Josephus, *Antiq.* 1.7.3)

### III. *Suph* trong Dân Số Ký 33

- A. Trong Dân Số Ký 33:8 vùng nước được chia đôi một cách kỳ diệu đó được gọi là *suph*.
- B. Trong Dân Số Ký 33:10,11 dân Y-sơ-ra-ên cắm trại bên *yam suph*.
- C. Có hai vùng nước khác nhau.
1. vùng nước đầu tiên không phải là Biển Đỏ (Vịnh Suez)
  2. vùng nước thứ hai có lẽ là Biển Đỏ (Vịnh Suez)
- D. Từ *suph* được sử dụng trong Cựu Ước theo ba cách.
1. vùng nước được rẽ ra bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để cho phép dân Y-sơ-ra-ên vượt qua, nhưng đạo binh Ai-Cập bị chết đuối
  2. vùng mở rộng phía Tây Bắc của Biển Đỏ (Vịnh Suez)
  3. vùng mở rộng phía Đông Bắc của Biển Đỏ (Vịnh Akaba)
- E. *Yam suph* có lẽ không có nghĩa “cây sậy” bởi vì
1. tại Biển Đỏ, đã và đang không có bất cứ cây sậy (cây cói-papyrus) nào (bởi vì nước mặn)
  2. từ nguyên gốc tiếng Ai Cập chỉ đến một vùng đất, không phải là một vùng hồ nước
- F. *Suph* có thể đến từ từ gốc Sê-mít “cuối cùng” và liên hệ đến vùng nước bí ẩn không xác định được ở phía nam (hãy xem phần “Biển Đỏ hay Biển Cây Sậy? *Yam Suph* thật sự có nghĩa là gì (Red Sea or Reed Sea? What *Yam Suph* Really Means)” trong bộ Tiếp cận với Kinh Thánh (*Approaches to the Bible*), tập 1, trang 291-304 được viết bởi Bernard F. Batts).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 1:41-46

<sup>41</sup>“Lúc đó, các người bèn đáp cùng ta mà rằng: Chúng tôi đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va; chúng tôi sẽ đi lên chiến trận và làm mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã phán dặn. Mỗi người trong các người nịt binh khí và toan đại đột đi lên núi. <sup>42</sup>Đức Giê-hô-va bèn phán cùng ta rằng: Hãy nói cùng dân sự: Chớ đi lên và chớ chiến trận, vì ta không ngự giữa các người; e các người bị quân thù nghịch đánh bại. <sup>43</sup>Ta có thuật lại những lời này, nhưng các người không nghe ta, nghịch mạng của Đức Giê-hô-va, đầy sự kiêu ngạo, kéo đi lên núi. <sup>44</sup>Bấy giờ, người A-mô-rít ở trong núi này, đi ra đón và đuổi các người như thể đoàn ong, đánh bại các người tại Sê -i-rơ cho đến Họt-ma. <sup>45</sup>Khi trở về, các người có khóc lóc trước mặt Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va không lắng tai và chẳng khứng nghe tiếng của các người. <sup>46</sup>Ấy vì thế nên các người ở tại Ca-đe lâu ngày, nhiều ngày biết đường bao! ”

**1:41 “Chúng tôi đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va; chúng tôi sẽ đi lên chiến trận”** Đây chắc chắn là thái độ hối tiếc liên hệ tới hậu quả. Về mặt thần học thì rất nhiều lần mất đi cơ hội bởi vì sự vô tín, không thể lấy lại được. Trong văn mạch chỉ ra rất rõ ràng họ đã không vâng lời ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 43). Lẽ thật thần học này là tâm điểm của nhiều câu chuyện tường thuật lịch sử trong Cựu Ước.

**1:42 “ta không ngự giữa các người”** Chia khóa chiến thắng không phải là sức mạnh quân sự nhưng là sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (43).

**1:43** Chú ý sự mô tả song song về Y-sơ-ra-ên:

1. “các người không nghe ta” - BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH

2. “nghịch mạng của Đức Giê-hô-va” - BDB 598, KB 632, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH

3. “đây sự kiêu ngạo, kéo đi lên núi” - BDB 267, KB 268, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH

Nếu Y-sơ-ra-ên đã lắng nghe ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sớm hơn và làm những điều này, lẽ ra họ đã thành công, tuy nhiên khi làm điều đó tại thời điểm này họ lại một lần nữa tiếp tục bày tỏ sự ương ngạnh chỉ làm theo ý mình!

Văn mạch đã chỉ ra một cách rõ ràng rằng sự vâng lời có liên hệ một cách trọn vẹn với những lời hứa giao ước, sự hiện diện và quyền năng của Ngài!

**1:44 “người A-mô-rít ở trong núi”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những dân tộc sống tại Palestine trước Y-sơ-ra-ên 1:4.

}  
**NASB** “nghiền nát các người”  
**NKJV** “đẩy lùi các người”  
**NRSV** “đánh bại các người”  
**TEV** “đuổi đánh các người”  
**NJB** “đuổi các người”

ĐỘNG TỪ này (BDB 510, KB 507, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “đánh ra thành từng mảnh” Câu chuyện này được chép trong Dân Số Ký 14:45.

TÍNH TỪ được sử dụng cho việc đập để lấy dầu ra khỏi hạt ô-liu (Xuất 29:40; Dân Số Ký 28:5). Nó được sử dụng trong câu chuyện hủy diệt (1) con bò vàng (Phục 9:21) và (2) nghiền nát những thần tượng (Mi-chê 1:7).

} “**tại Sê-i-ơ**” Sê-i-ơ chỉ đến Ê-đôm.

}  
**NASB, NKJV, NJB** “**cho đến Họt-ma**”  
**NRSV, TEV** “**xa đến Họt-ma**”

Họt-ma có nghĩa là “nơi cấm” Thuật ngữ (BDB 356) có nghĩa là “chỗ dành cho sự hủy diệt” được phản ánh rõ trong Dân Số Ký 21:3. Nó được gọi nguyên gốc là Xê-phát (Các quan xét 1:17). Sau khi dân Y-sơ-ra-ên hủy diệt nó, họ đặt lại tên cho nơi này là chỗ được hiến dâng/ hủy diệt cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Giống như Giê-ri-cô, Giô-suê 6-7). Nó được xác định ở khu vực định cư của chi phái Si-mê-ôn, phía đông bắc của Bê-e-Sê-ba.

Giới từ này (BDB 723 III) hàm ý rằng các dân tộc Ca-na-an/A-mô-rít đã đuổi đánh người Y-sơ-ra-ên từ Ê-đôm (Si-ê-ơ đến khu vực sát đông bắc của to this area just northeast of Bê-e-Sê-ba, nơi họ đã hoàn toàn bị đánh bại! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã không hiện diện cùng với dân sự phản nghịch và kiêu căng của Ngài!

**1:45 “Khi trở về, các người có khóc lóc trước mặt Đức Giê-hô-va”** Dân sự khóc lóc bề ngoài, nhưng Chúa biết tâm lòng của họ. Nó là sự đau buồn bởi vì hậu quả, không phải vì sự ăn năn.

} “**nhưng Đức Giê-hô-va không lắng tai và chẳng khứng nghe tiếng của các người**” Không phải Chúa không nghe được họ, nhưng Ngài không lắng nghe từ họ. Ngài đã nghe họ, nhưng Ngài phán “Không.” Tội lỗi luôn mang lại hậu quả, kể cả tội đã được tha thứ!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

Mục đích căn bản của Phục Truyền là gì?

Tại sao Si-hôn và Óc được mô tả ngắn gọn ở đây trong khi sau họ được thảo luận đầy trọn trong đoạn 2 và đoạn 3?

Liệt kê ra những yếu tố quan trọng sống còn liên quan đến hệ thống luật pháp của Môi se??

Những người không lò đến từ đâu?

Tại sao Chúa nổi giận phùng phùng với dân Y-sơ-ra-ên?

Tại sao sự ăn năn của dân Y-sơ-ra-ên ảnh hưởng đến quyết định của Chúa?

# PHỤC TRUYỀN 2

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những năm ở trong hoang mạc	Nhắc lại lịch sử (1:1-3:29) 1:46-2:8a	Những năm ở trong hoang mạc  1:46-2:1	Từ Ca-đê đến At-nôn
2:1-7		2:2-6 2:7	2:1-7
2:8-15	2:8b-13a	2:8-9  2:10-12	2:8-13a
	2:13b-15	2:13-15	2:13b-15
2:16-23	2:16-25	2:16-19  2:20-23	2:16-25
2:24-25		2:24-25	
Vua Si-hôn bị đánh bại		Y-sơ-ra-ên đánh bại vua Si-hôn	Chinh phục vương quốc vua Si-hôn
2:26-37	2:26-30  2:31-37	2:26-27  2:28-30  2:31-37	2:26-29  2:30-37

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

#### **Dàn ý ngắn gọn của đoạn 2**

- A. Mối quan hệ của Y-sơ-ra-ên với Ê-đôm, câu 4-7



- B. Mỗi quan hệ của Y-sơ-ra-ên với Mô-áp, câu 8-15
- C. Mỗi quan hệ của Y-sơ-ra-ên với Am-môn, câu 16-19
- D. Câu 20-23 là phần trong ngoặc đơn liên quan đến người *Rê-pha-im* (hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:28)
- E. Mỗi quan hệ của Y-sơ-ra-ên với những dân tộc A-mô-rít phía bờ đông sông Giô đanh, câu 24-37

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 2:1-7

<sup>1</sup>"Đoạn, chúng ta trở lại đi vào đồng vắng về hướng Biển đỏ, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn ta, và chúng ta đi vòng lâu ngày quanh núi Sê -i-rơ. <sup>2</sup>Đức Giê-hô-va có phán cùng ta mà rằng: <sup>3</sup>Các người đi vòng núi này cũng đã lâu rồi, hãy trở lên hướng bắc. <sup>4</sup>Hãy truyền lệnh này cho dân sự: Các người sẽ trải qua địa phận của anh em mình, tức là con cháu Ê-sau, ở tại Sê -i-rơ, và chúng nó sẽ sợ các người. Nhưng hãy giữ lấy mình, <sup>5</sup>chớ có tranh cùng chúng nó, vì ta sẽ không cho các người xứ của chúng nó đâu, dầu đến nỗi một thẻo đất bằng bàn chân cũng không cho. Ta đã ban cho Ê-sau núi Sê -i-rơ làm sản nghiệp. <sup>6</sup>Các người sẽ dùng tiền bạc mà mua lương thực của chúng nó mà ăn, nước mà uống. <sup>7</sup>Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã ban phước cho mọi công việc làm của tay người; Ngài đã biết cuộc đi đường người ngang qua đồng vắng lớn lao này. Trong bốn mươi năm này, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người vẫn ở cùng người; người không thiếu chi hết."

2:1 “đồng vắng” Có một vài “đồng vắng” kết nối với cuộc Xuất hành.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ĐỒNG VẮNG TRONG CUỘC XUẤT HÀNH

1. Đồng vắng Su-rơ- ở phía đông bắc Ai Cập (Xuất 15:22)
2. Đồng vắng Pha-ran – trung tâm của Bán đảo Si-nai (Sáng 21:21; Dân Số Ký 10:12; 12:16; 13:3,26)
3. Đồng vắng Sin – phía nam của Bán đảo Si-nai (Xuất 16:1; 17:1; Dân Số Ký 33:11,12, cũng được gọi là “đồng vắng Si-nai” Xuất 19:1,2; Dân Số Ký 1:1,19; 3:4; 9:1,5)
4. đồng vắng Xin- phía nam Ca-na-an (Dân Số Ký 13:21; 20:1; 27:14; 33:36; 34:3; Phục 32:51)

1:40 “bởi con đường Biển Đỏ (về hướng Biển Đỏ)” cụm từ này có vẻ chỉ về con đường được gọi là “Con Đường Chính của Vua (the King’s Highway)” là con đường chạy dọc theo Vịnh Aqaba Từ Ê-lát đến Ca-đe-Ba-nê-a (Dân Số Ký 14:25; 20:17; 21:22). Ở đây không nói đến vùng nước tại Ai Cập mà dân sự đi qua trong Xuất Ê-díp-tô Ký, trừ khi nó có ý nghĩa “trong một hướng đi chung chung.”

**}** “bởi con đường Biển Đỏ (về hướng Biển Đỏ)” Cụm từ này chỉ về con đường Arabah (TEV “trên con đường đến Vịnh Aqaba”), tại Khe Thung lũng Giô-đanh, vốn chạy từ bắc xuống nam cả hai phía của Biển (câu 8). Nó là một thung lũng rộng và bắt đầu gần thành phố Elath hoặc Ê-xi-ôn-Ghê-be nằm trên Vịnh Aqaba và chạy suốt xuyên qua trung tâm của Ê-đôm, Mô-áp và vương quốc của những dân tộc A-mô-rít cho đến Đa-mách, Sy-ri. Trong Cựu Ước, nó được gọi là “Con Đường Chính của Vua (the King’s Highway)” (Dân Số Ký 20:17 và 21:22).

Thuật ngữ “Biển Đỏ” (BDB 410 GHIẾP với 693) có nghĩa đen là “biển cây sậy/ cỏ lác” Từ này được sử dụng cho “một vùng nước bí ẩn phía nam chưa xác định”. Nó có thể chỉ đến vùng nước mà người Y-sơ-ra-ên băng qua trong cuộc xuất hành và, như ở đây và trong 1:40, đến vùng nước được gọi là Vịnh Aqaba ở phía đông của bán đảo Si-nai. Trong một phân đoạn Cựu Ước, từ này chỉ đến Ấn Độ Dương Hãy xem chủ đề đặc biệt tại 1:40.

**}** “y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn ta,” Phục Truyền mô tả bản thân sách như là một sứ điệp mặc khải từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đến cho Môi-se (câu 1,2,9,17,31). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hướng dẫn dân sự Ngài bởi:

1. sự mặc khải trực tiếp cho Môi-se (câu 2)
2. sự di chuyển của đám mây vinh quang *Shekinah*

3. việc sử dụng *U-rim* và *Thu-mim* (Thầy Tế lễ Thượng phẩm)

} “**núi Sê -i-ro**” Từ này chỉ về vùng đất Ê-đôm (câu 5; 1:2; Xuất 3:1; 17:6).

2:3

NASB “**đi vòng**”  
NKJV, NRSV “**đi men vòng theo**”  
TEV “**lang thang**”  
NJB “**đi đủ xa**”

ĐỘNG TỪ này (BDB 685, KB 738, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP trong câu 3 và một *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH trong câu 1) có nghĩa là “quay vòng” “đi vòng” “vòng.” Người Y-sơ-ra-ên không có một hướng đi rõ ràng bởi vì thể hệ xấu vô tín. Họ đã lang thang vòng quanh Ca-đe-Ba-nê-a trong ba mươi tám năm, nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã ban cho Môi-se một chỉ dẫn chi tiết và rõ ràng. “Đi vòng” và “đi men vòng theo” phù hợp với văn bản nhất.

} “**hãy trở lên hướng bắc**” . này liên hệ với Dân Số Ký 20, nơi Y-sơ-ra-ên hỏi xin phép rằng họ có thể đi xuyên qua vùng đất của người Ê-đôm, nhưng người Ê-đôm đã không cho phép họ. Họ cũng xin phép đi ngang qua vùng đất của người Mô-áp nhưng họ cũng nói không. Đây là phần ghi chép lại một sự kiện xảy ra trước đó (ICC trang 34). Ở đây, họ xin phép để có thể đi theo con Đường Chính của Vua, vốn đi xuyên qua những quốc gia này. Họ sẵn lòng để mua thức ăn và nước uống, nhưng người Ê-đôm và người Mô-áp (những dân tộc họ hàng với người Y-sơ-ra-ên là dòng dõi của Lót và Ê-sau) trả lời: “Không.” Thay vì đi xuyên qua Ê-đôm, họ đi vòng qua lãnh thổ của họ.

Giống như nhiều từ Hê-bơ-rơ khác, từ này (BDB 815, KB 937) có một nghĩa đen, cụ thể (như ở đây) và một được phát triển với nghĩa bóng. Từ “quay lại” tiếng Hê-bơ-rơ cũng thường được dịch là “ăn năn” (II Các Vua 17:13; II Sử ký 30:6; Ê-sai 44:22; Giê-rê-mi 3:11-4:2; Ô-sê 14:1).

2:4 “**ra lệnh**” Từ này (BDB 845, KB 1010, *Piel* THÈ MỆNH LỆNH), cũng giống như “quay lại” (BDB 815, KB 937, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH) trong câu 3, cho thấy Môi-se đang ghi chép lại những mạng lệnh rõ ràng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (cũng như đối với từ *Hithpael* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng THÈ MẠNG LỆNH trong câu 5, “chớ có tranh cùnng chúng nó”). Cá nhân ông hướng dẫn cuộc hành trình của họ.

}

NASB “**những anh em các người**”  
NKJV “**những anh em các người**”  
NRSV “**những họ hàng các người**”  
TEV “**những họ hàng gần các người**”  
NJB “**những bà con**”

Bản dịch tiếng Anh cho thấy hàm ý trong từ tiếng Hê-bơ-rơ “anh em” (BDB 26). Nó được sử dụng vài lần cho Ê-đôm (dòng dõi của Ê-sau, Dân Số Ký 20:14; Phục 2:4,8; Áp-đi-a câu 10).

} “**chúng nó sẽ sợ các người**” Đây là một sứ điệp tiên tri quay lại trong Bài hát Giải Cứu mà Mi-ri-am đã ngợi khen Chúa bởi phép lạ kỳ diệu băng qua Biển Đỏ. Chúa tiên tri rằng “Ê-đôm and Mô-áp sẽ kinh hoàng trước người Y-sơ-ra-ên” (Xuất 15:15).

2:4, 9, 19 Xuyên suốt đoạn này có một vài cụm từ đáng ghi chú kết nối với sự toàn năng của Đức Chúa Trời:

“ta sẽ không cho (câu 5, 9, 19)  
“ta đã ban cho” (câu 5, 9)  
“Đức Giê-hô-va đã ban cho” (câu 12)  
“Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi ban cho tôi” (câu 29)  
“Đức Chúa Trời chúng ta phó người cho chúng ta” (câu 33)

Đoạn này bày tỏ sự toàn năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong một giới hạn toàn cầu (32:8; Nê-hê-mi 9:22), bởi vì mỗi cụm từ nhấn mạnh rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đấng đã ban cho các dân tộc xác định các vùng đất để họ thừa hưởng. Đoạn này cho thấy rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không chỉ loại trừ ban đất cho người Y-sơ-ra-ên mà thôi, nhưng Ngài đã ban đất đai cho tất cả các dân tộc. Một vài dân tộc đã đánh mất đi vùng đất của mình bởi vì tội lỗi của họ (Sáng 15:16) và chính Y-sơ-ra-ên cũng đã đánh mất vùng đất của mình trong một giai đoạn (thời kỳ

phu tù bởi người A-si-ri và Ba-by-lôn) bởi vì tội lỗi của chính mình. Điều này khẳng định rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thực sự là Đức Chúa Trời của cả vũ trụ. Trong thời đại của chế độ đa thần, đây quả thật là một sứ điệp tuyệt vời của chế độ độc thần. Chỉ có một và chỉ một Đức Chúa Trời mà thôi Phục 6:4-6. Ngài là Đấng ban đất đai cho Ê-đôm, Mô-áp, các dân tộc A-mô-rít v.v... (đặc biệt Phục 32:8 trong bản Bảy Mươi ([LXX]).

**3 NASB, NRSV,**

- REB** “Nhưng hãy rất cẩn thận”
- NKJV** “Nhưng hãy giữ lấy mình”
- TEV** (kết hợp cụm từ này với phần tiếp theo ở trong câu “chớ có tranh cùng chúng nó”)
- NJB** “và các người sẽ được bảo vệ”

Cụm từ theo nghĩa đen có ý nghĩa là “vậy hãy rất lưu ý” (một LIÊN TỪ, ĐỘNG TỪ [BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH], and PHÓ TỪ [BDB 547]). Trong bản Bảy Mươi cũng tương tự như bản TEV

Cụm từ này, trong nhiều thể khác nhau, cũng được sử dụng một vài lần trong Phục Truyền (2:4; 4:9,15,23; 6:12; 8:11; 11:16; 12:13,19,30; 15:9; 24:8). Nó hàm ý “hãy giữ cho tâm trí người chú ý” “hãy chú ý những gì người đang làm” “hãy suy nghĩ kỹ càng những hệ quả của hành động của con.”

**2:5**

- NASB** “dầu nhỏ bằng một bước chân”
- NKJV** “dầu đến nổi một theo đất bằng bàn chân”
- +NRSV, NJB** “dầu chỉ dài bằng một bước chân”
- d TEV** “dầu chỉ bằng một bộ (foot) vuông”

Đây là một từ hiếm trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 204). Nó chỉ đến một nơi đặt chân. Cùng nguồn gốc với từ này được sử dụng trong 11:24 và Giô-suê 1:3. Ý nghĩa ở đây là một từ khích lệ đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài đã ban đất đai cho cả Ê-đôm và Mô-áp. Xứ là của họ, mỗi một phân(inch) của nó! Ngài đang trong tiến trình ban đất cho Y-sơ-ra-ên. Món quà vùng đất được ban tặng của Ngài luôn được đảm bảo.

Và bây giờ, cần phải thêm rằng, cuối cùng, bởi vì tội lỗi của họ, những quốc gia đó (Ê-đôm và Mô-áp) đã đánh mất đi lãnh thổ của họ và dân tộc của họ đã bị diệt mất. Tất cả các món quà lãnh thổ được ban cho có điều kiện. Điều này cũng phù hợp với Y-sơ-ra-ên (cuộc lưu đày bởi người A-si-ri và người Ba-by-lôn). Tất cả những giao ước của Đức Chúa Trời (ngoại trừ Sáng Thế Ký 6 và 15) đều có điều kiện.

Những lời hứa cứu chuộc của Ngài thì chắc chắn (không điều kiện), nhưng mỗi người/ mỗi quốc gia cần phải đáp ứng một cách liên tục và liên tục một cách thích hợp! Một đức tin vâng lời một cách liên tục là quan trọng cốt yếu. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA yêu cầu đức tin, sự ăn năn, vâng phục, và bền đỗ trong cả Cựu và Tân Ước.

**2:6** Y-sơ-ra-ên đã phải mua cả thức ăn và nước như là hành động công nhận chủ quyền của Ê-đôm trên lãnh thổ của họ, vốn được ban cho bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. “mua lương thực” (BDB 991, KB 1404, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
2. “mua nước mà uống” (BDB 500, KB 497, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)

**2:7 “Trong bốn mươi năm này, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người vẫn ở cùng người; người không thiếu chi hết”**

Câu này mô tả tình yêu của Chúa ngay cả ở giữa sự phản nghịch của dân Y-sơ-ra-ên (ví dụ: thiếu đức tin vào lời hứa của Ngài sẽ ban cho họ vùng đất hứa Ca-na-an).

Giai đoạn Lang Thang trong Đồng Vắng là một sự đoán phạt với một thể hệ Y-sơ-ra-ên với đức tin kém cỏi, nhưng nó đã được biến đổi sang một thời kỳ của sự hiện diện và chu cấp một cách cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Những thầy dạy luật Do Thái (rabbi) gọi nó là thời kỳ trăng mật giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Y-sơ-ra-ên. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chu cấp:

1. sự bảo vệ
2. sự dẫn dắt cá nhân
3. lương thực
4. nước uống
5. quần áo không cũ mòn
6. chiến thắng trong chiến trận

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 2:8-15

<sup>8</sup>"Vậy, chúng ta có đi ngang qua cách xa anh em ta, là con cháu Ê-sau, ở tại Sê -i-ơ, và bắt đi về hướng đông vắng Mô-áp, đặng tránh con đường đồng bằng, cùng Ê-lát và Ê-xi-ôn-Ghê-be. <sup>9</sup>Đức Giê-hô-va bèn phán cùng ta rằng: Chớ đương địch và chớ chiến trận với dân Mô-áp; vì ta không cho người chi trong xứ dân ấy làm sản nghiệp đâu, bởi ta đã ban A-rơ cho con cháu Lót làm sản nghiệp. <sup>10</sup>(Lúc trước, dân Ê-mim ở tại đó. Ấy là một dân lớn, đông, hình giềng giàng như dân A-na-kim vậy. <sup>11</sup>Người ta cũng cho dân này là dân giềng giàng như dân A-na-kim; nhưng dân Mô-áp gọi họ là Ê-mim. <sup>12</sup>Dân Hô-rít lúc trước cũng ở tại Sê -i-ơ; song con cháu Ê-sau diệt dân ấy, đoạt lấy xứ họ và ở thế cho, y như Y-sơ-ra-ên làm trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho người làm sản nghiệp). <sup>13</sup>Bây giờ, hãy đứng dậy, đi ngang qua khe Xê-rét. Vậy, chúng ta có đi ngang khe Xê-rét. <sup>14</sup>Vả, thì giờ về các cuộc đi đường của chúng ta, từ khi lìa khỏi Ca-đê-Ba-nê-a, tới lúc đi ngang qua khe Xê-rét, cộng là ba mươi tám năm, cho đến chừng các người chiến sĩ về đời ấy đã diệt mất khỏi trại quân, y như Đức Giê-hô-va đã thề cùng các người đó. <sup>15</sup>Vả lại, tay Đức Giê-hô-va cũng tra vào họ đặng diệt họ khỏi trại quân, cho đến chừng nào họ đều tiêu diệt hết."

**2:8** “Vậy, chúng ta có đi ngang qua cách xa anh em ta, là con cháu Ê-sau, ở tại Sê-i-ơ” Cách sử dụng từ “anh em” ở đây có vẻ khá mỉa mai. Họ là họ hàng gần gũi. Họ xuất thân từ cùng những tổ phụ với nhau, Y-sác và Rê-bê-ca, nhưng họ cư xử với nhau giống như bất cứ điều gì chỉ trừ việc là họ hàng anh em.

“Sê-i-ơ” chỉ đến một dãy núi ở Ê-đôm. Vì vậy, “Sê-i-ơ” và “Ê-đôm” có cùng nghĩa với nhau.

**2:8, 27** “con đường đồng bằng (Arabah)” Cụm từ này chỉ đến “Con đường chính của Vua (King’s Highway)” từ Vịnh Aqaba đi Đa-mách (trong câu 1 và Dân Số Ký 20:17,19; 21:22).

**2:8** “Ê-lát” Từ này có nghĩa đen là “cây cọ” (BDB 19). Địa điểm này có lẽ gần với Ê-xi-ôn-Ghê-be (I Các Vua 9:26), một địa điểm ở cực bắc của Vịnh Aqaba.

✂ “**hướng (con đường) đông vắng Mô-áp**” Theo Tập Bản Đồ (Atlas) Kinh Thánh Macmillan, bản đồ số 10, chỉ con đường băng qua sa mạc này thì song song với “Con đường chính của Vua (King’s Highway)” nhưng nằm ở phía đông. Cực nam của con đường này băng qua Ê-đôm và được biết với tên gọi “con đường của đồng vắng Ê-đôm” (II Các Vua 3:8). Con đường chính của Vua và Con đường sa mạc nhỏ hơn này gặp nhau tại Rabbath-bene-ammon, nằm ở phía đông Giê-ri-cô.

**2:9** “Chớ đương địch (quấy nhiễu) và chớ chiến trận (khiêu khích, gây chiến) với dân Mô-áp” Mạng lệnh này được đưa ra song song với 2:5 về Ê-đôm. Cách viết thì khác nhau, nhưng ý tưởng thì giống nhau.

Cả hai ĐỘNG TỪS đều ở THẺ MỆNH LỆNH:

1. “quấy nhiễu” (BDB 849 III, KB 1015, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH, Xuất 23:22; Ê-xơ-tê 8:11)
2. “khiêu khích” (BDB 173, KB 202, *Hithpael* THẺ MỆNH LỆNH, trong câu 19,24; Châm 28:4; Đa-ni-ên 11:10)

✂ “**A-rơ**” Đây cũng là một cách nói chung chỉ về Mô-áp hoặc thủ đô của họ (Dân Số Ký 21:15,28; Phục 2:9,18,29; Ê-sai 15:1). Thành phố này nằm ở phía bờ trái sông Ạc-nôn.

✂ “**con cháu Lót làm sản nghiệp**” Hãy xem Sáng 19:37-38.

**2:10-12** Những câu này là những chú thích biên tập cũng như trong những câu 20-23; 3:9,11,13-14. Những tên sau đây là những dân không lồ (1) Ê-mim (câu 10,11); (2) A-na-kim (câu 10,11,21); và (3) Rê-pha-im (câu 11,20). Những từ đó có thể có nghĩa hoặc là (a) Cao và lớn về kích thước; (b) một nhóm dân nguyên thủy đặc trưng; hoặc (c) sau này trong sách Ê-sai và Giê-rê-mi nó được sử dụng để chỉ về lãnh địa của người chết. Ở đây có lẽ nói về kích thước. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:28.

**2:12** “**Dân Hô-rít**” Có những sự tranh luận về sự liên hệ giữa người Hô-rít (BDB 360) và người Hurrians (ABD, quyển 3, trang 335-338). Tôi không nghĩ họ là một (ABD, quyển 3, trang 288). Tôi tin rằng có hai nhóm người khác nhau mặc dù không được đề trở nên giáo điều (NET Bible, trang 348 #5). Dân Hô-rít là một nhóm người sống

ở khu vực của người Ê-đôm/Si-ê-rơ trước khi Ê-đôm trở thành một quốc gia (Sáng 14:6; 36:20-30).

**2:13 “Bây giờ, hãy đứng dậy, đi ngang qua”** Hai ĐỘNG TỪ này (BDB 877, KB 1086 và BDB 716, KB 778) đều ở *Qal* THỂ MỆNH LỆNH. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vẫn phán với Môi-se chính xác những gì ông cần làm.

} **“khe Xê-rét”** Đây là tên của vùng sông cạn ở giữa Mô-áp và Ê-đôm (Dân Số Ký 21:12). Sông cạn là một khe suối đầy bùn nơi mà nước chảy qua vào mùa mưa, một khe suối theo mùa, không phải là một con sông. Những bùn đất thường tạo thành một “con đường” Nó hình thành nên biên giới giữa Ê-đôm và Mô-áp. Nghĩa của từ “Xê-rét” (BDB 279) không xác định được.

**2:14 “Vả, thì giờ về các cuộc đi đường của chúng ta... là ba mươi tám năm”** Đây là một câu tóm lại về khoảng thời kỳ lang thang trong hoang mạc (câu 7).

**2:14, 16 “các người chiến sĩ về đời ấy” “các người chiến sĩ”** bao gồm tất cả những người nam ở độ tuổi từ 20 đến 50 (Xuất 30:14; 38:26; Dân Số Ký 1:3; 14:29). Tất cả thế hệ vô tín xấu xa này (ví dụ : thiếu lòng tin cậy vào nơi lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) đều phải chết (câu 15) trước khi thế hệ người Y-sơ-ra-ên trẻ hơn có thể chinh phục Đất Hứa.

} **“Đức Giê-hô-va đã thề”** Hãy xem Dân Số Ký 14:28-29; Phục 1:34-35.

**2:15 “tay Đức Giê-hô-va”** Hãy xem chủ đề đặc biệt phía dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC MÔ TẢ NHƯ CON NGƯỜI (NGÔN NGỮ TU TỪ HÌNH NHÂN- (ANTHROPOMORPHIC LANGUAGE))**

I. Thể loại ngôn ngữ này rất thông dụng trong Cựu Ước

II.

A. Những bộ phận cơ thể

1. mắt - Sáng 1:4,31; 6:8; Xuất 33:17; Dân Số Ký 14:14; Phục 11:12; Xa-cha-ri 4:10
2. tay - Xuất 15:17; Dân Số Ký 11:23; Phục 2:15
3. cánh tay - Xuất 6:6; 15:16; Dân Số Ký 11:23; Phục 4:34; 5:15
4. tai - Dân Số Ký 11:18; I Sa-mu-ên 8:21; II Các Vua 19:16; Thi 5:1; 10:17; 18:6
5. mặt - Xuất 32:30; 33:11; Dân Số Ký 6:25; Phục 34:10; Thi 114:7
6. ngón tay - Xuất 8:19; 31:18; Phục 9:10; Thi 8:3
7. giọng nói - Sáng 3:8,10; Xuất 15:26; 19:19; Phục 26:17; 27:10
8. bàn chân - Xuất 24:10; Ê-xê-chi-ên 43:7
9. hình dáng con người - Xuất 24:9-11; Thi 47; Ê-sai 6:1; Ê-xê-chi-ên 1:26
10. thiên sứ của Đức Giê-hô-va - Sáng 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất 3:4,13-21; 14:19; Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22

B. Những hành động của cơ thể

1. phán để thi hành sự sáng - Sáng 1:3,6,9,11,14,20,24,26
2. (tiếng động của) bước đi trong vườn Ê-đen - Sáng 3:8; 18:33; Ha-ba-cúc 3:15
3. đóng cửa tàu của Nô-ê - Sáng 7:16
4. ngửi mùi của các sinh tế - Sáng 8:21; Lê-vi Ký 26:31; A-mốt 5:21
5. ngự xuống - Sáng 11:5; 18:21; Xuất 3:8; 19:11,18,20
6. chôn Môi-se - Phục 34:6

C. Những cảm xúc của con người

1. hối tiếc/hối hận - Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các quan xét 2:18; I Sa-mu-ên 15:29,35; A-mốt 7:3,6
2. nổi giận - Xuất 4:14; 15:7; Dân Số Ký 11:10; 12:9; 22:22; 25:3,4; 32:10,13,14; Phục 6:5; 7:4; 29:20
3. ghen tỵ - Xuất 20:5; 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15; 32:16,21; Giô-suê 24:19
4. ghê tởm/gớm ghiếc - Lê-vi Ký 20:23; 26:30; Phục 32:19

D. Những thuật ngữ trong gia đình

1. Cha
  - a. của Y-sơ-ra-ên - Xuất 4:22; Phục 14:1; 39:5
  - b. của vua - II Sa-mu-ên 7:11-16; Thi 2:7
  - c. ản dụ của những hành động của người cha - Phục 1:31; 8:5; 32:1; Thi 27:10; Châm 3:12; Giê-rê-mi 3:4,22; 31:20; Ô-sê 11:1-4; Ma-la-chi 3:17
2. Cha mẹ - Ô-sê 11:1-4
3. Mẹ - Thi 27:10 (hoán dụ với một người mẹ cho con bú); Ê-sai 49:15; 66:9-13
4. Một người yêu trẻ chung thủy - Ô-sê 1-3

II. Những lý do sử dụng thể loại ngôn ngữ này

- A. Điều này cần thiết để Đức Chúa Trời có thể bày tỏ, mặc khải về chính mình Ngài đối với con. Ý tưởng rất thông dụng khắp nơi về Đức Chúa Trời là một người nam là một sự tu từ hình nhân bởi vì Đức Chúa Trời là thần linh (spirit)!
- B. Ngài lấy những điều ý nghĩa nhất của đời sống con người và sử dụng chúng để mặc khải về chính mình Ngài với loài người sa ngã (cha, mẹ, cha mẹ, người yêu)
- C. Mặc dù là cần thiết, Chúa không muốn bị giới hạn bởi bất cứ hình dạng cơ thể nào (Xuất 20; Phục Truyền 5)
- D. Sự bày tỏ hình nhân cao nhất chính là sự nhập thể của Chúa Giê-xu! Chúa trở nên xác thịt, có thể sờ chạm được (I Giăng 1:1-3). Sự điệp Đức Chúa Trời trở nên Ngôi Lời của Đức Chúa Trời (Giăng 1:1-18).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 2:16-25**

<sup>16</sup>Xây khi các người chiến sĩ đã bị tiêu diệt và chết mất khỏi dân sự, <sup>17</sup>thì Đức Giê-hô-va phán cùng ta mà rằng: <sup>18</sup>Ngày nay ngươi sẽ đi ngang qua A-ơ, bờ cõi của Mô-áp, <sup>19</sup>và đến gần con cháu Am-môn. Chớ đương địch và chớ chiến trận cùng chúng nó; vì ta không cho ngươi chi hết của xứ con cháu Am-môn làm sản nghiệp, bởi ta đã ban xứ đó cho con cháu của Lót làm sản nghiệp. <sup>20</sup>(Nguyên xứ này gọi là xứ Rê-pha-im. Xưa kia dân Rê-pha-im ở đó, dân Am-môn gọi là Xam-xu-mim; <sup>21</sup>ấy là một dân lớn, đông, hình giềnh giàng như dân A-na-kim. Nhưng Đức Giê-hô-va diệt dân Rê-pha-im trước mặt dân Am-môn; dân Am-môn đoạt lấy xứ của họ và ở thế cho. <sup>22</sup>Ấy Ngài đã làm cho con cháu Ê-sau, ở tại Sê-i-ơ, là như vậy, khi Ngài hủy diệt dân Hô-rít trước mặt con cháu Ê-sau; họ chiếm lấy xứ dân ấy và ở thế vào chỗ cho đến ngày nay. <sup>23</sup>Còn dân A-vim, ở trong những làng cho đến Ga-xa, dân Cáp-tô-rim ở từ Cáp-tô ra hủy diệt họ, và ở thế vào cho.) <sup>24</sup>Hãy đứng dậy đi ngang qua khe Ạt-nôn. Kia, ta đã phó Si-hôn, vua Hết-bôn, là người A-mô-rít, cùng xứ người vào tay ngươi; hãy khởi chiếm lấy và giao chiến cùng người. <sup>25</sup>Ngày nay, ta khởi rải trên các dân tộc trong thiên hạ sự sợ hãi và kinh khủng về danh ngươi, đến đỗi khi nghe nói về ngươi, các dân tộc đó sẽ run rẩy và bị sự kinh khủng áp hãm trước mặt ngươi.

**2:16 “các người chiến sĩ đã bị tiêu diệt”** Điều này bày tỏ một sự cân bằng về tình yêu và sự công chính của Đức Chúa. Mục đích của Ngài không chỉ là hình phạt nhưng để giúp cho dân sự của Ngài có thể học từ những sai lầm của họ. Vì vậy, Ngài đã khiến cho những người này, dù đã chịu án tử hình của Ngài, phải lang thang trong đồng vắng trong 38 năm, nhưng Ngài vẫn nuôi nấng họ, Ngài yêu họ và chu cấp cho họ. Đó không phải là một cái chết bất thành linh,

nhưng là một cái chết không nhất định về thời gian. Mọi người nam đến từ Ca-đe-Ba-nê-a, từ 20 tuổi trở lên, giờ đây đều đã chết, ngoại trừ Giô-suê và Ca-lép.

**2:19** Câu này song song với 2:5 và 2:9. Đây là những ĐÔNG TỪ giống như trong câu 9. Động từ thứ nhất (BDB 849, KB 1015) là MỆNH LỆNH trong nghĩa của nó, nhưng không phải trong hình thái. Động từ thứ hai (BDB 173, KB 202) là một *Hithpael* THỂ MỆNH LỆNH. Người Am-môn cũng là họ hàng của người Y-sơ-ra-ên thông qua Lót.

**2:20** “(Nguyên xứ này gọi là xứ Rê-pha-im)” Đây là nhóm người đã sống ở khu vực này. Họ được gọi tên *Xam-xu-mim*. Câu 21 chỉ cho chúng ta rằng họ là một trong những dân khổng lồ (câu 9.) Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:28.

} “**Xam-xu-mim**” Hãy xem Sáng Thế Ký 14:5.

**2:21** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã trung tín với dòng dõi của Ê-sau (câu 5,22) và Lót (câu 9-10, 21-22). Cùng một từ “thánh chiến” được sử dụng để bày tỏ những chiến thắng của cuộc chinh phục của Y-sơ-ra-ên được sử dụng để mô tả những cuộc chinh phục của Ê-đôm and Am-môn cho những phần lãnh thổ của dân tộc họ.

**2:23**

NASB, NRSV,

TEV, REB “dân Av-vim”

NKJV

“dân A-vim”

NJB

“Người Av-vim”

Từ này (BDB 732) có hai ý nghĩa:

1. Một dân tộc đã sinh sống ở vùng đất phía nam Palestine. Họ đã bị đánh bại bởi người Aegean (ví dụ, Phi-li-tin). Albright thậm chí còn liên hệ họ với các cuộc định Hyksos (ABD, quyển 1, trang 531). Đoạn này đã liệt kê những nhóm dân nguyên thủy của những khu vực này trước khi họ bị đánh bại và mất đi chủ quyền.
2. Sau này trong sách Giô-suê, từ này đã trở thành tên của một thành phố thuộc vùng đất được phân chia cho chi phái Bên-gia-min (Giô-suê 18:23). Một vài học giả đã ước đoán rằng những người này là những người đến từ A-hi.

} “**dân Cáp-tô-rim ở từ Cáp-tô**” Từ này (BDB 499) có thể là đảo Co-rét (Crete), Síp (Cyprus), Cáp-ba-đốc (Cappadocia), hoặc bắc Ai Cập (Sáng 10:13-14). Chúng ta không thể biết được chính xác. Từ Cáp-tô-rim (số nhiều của Cáp-tô) có lẽ là những họ hàng hoặc người lân cận của người Phi-li-tin (Sáng 10:14; Giê-rê-mi 47:4; A-môt 9:7).

**2:24** Câu này có một vài mạng lệnh:

1. “Hãy đứng dậy” - BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Sáng 13:17
2. “Hãy huấn bị” - BDB 652, KB 704, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Phục 1:19; 2:1
3. “Hãy đi ngang qua” - BDB 716, KB 778, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Ê-sai 23:12
4. “Hãy nhìn” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
5. “Hãy bắt đầu” - BDB 320 III, KB 319, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, Phục 2:31
6. “Hãy hiềm lấy” - BDB 439, KB 441, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Phục 1:8,21; 2:31; 9:23
7. “Hãy chiến đấu” - BDB 173, KB 202, *Hithpael* THỂ MỆNH LỆNH, Phục 2:5,9,19; Đa-ni-ên 11:10

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang ra lệnh, khích lệ và thách thức dân sự của Ngài hãy tin cậy Ngài và vâng theo lời của Ngài, điều mà những bậc cha mẹ của họ đã không làm. Xứ đã thuộc về họ nếu họ thực hành đức tin của mình!

} “**A-mô-rít**” Hãy xem ghi chú tại 1:4. Thủ đô của vương quốc này là Hết-bôn. Nó đã trở thành phần lãnh thổ được chia cho chi phái Ru-bên.

**2:25** “**ta sẽ bắt đầu đặt (khởi rỗi)**” Hai từ này ở THỂ MỆNH LỆNH trong câu 24. Chúa đã sẵn sàng để hành động như là một chiến binh cho họ nếu như họ tin cậy Ngài và bước vào trong chiến trận với những cư dân tại đó!

} **“sự kinh khủng và sợ hãi”** Từ đầu tiên (BDB 808) có nghĩa là “ở trong sự kinh hoàng” hoặc “khiếp đảm”:

1. Những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên sẽ kinh hoàng trước họ - Phục 2:25; 11:25; Thi 105:38
2. Người Y-sơ-ra-ên sẽ khiếp sợ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nếu họ phạm tội - Phục 28:66,67
3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đáng kính sợ - Thi 119:120

Từ thứ hai (BDB 432) có nghĩa là “sợ hãi”:

1. Sự kính sợ Đức Chúa Trời - Xuất 20:20
2. Sự tôn kính Đức Chúa Trời - Thi 2:11; 5:; 90:11; 119:38
3. Sự sợ hãi cái chết - Thi 55:4-5
4. Sự sợ hãi dân Y-sơ-ra-ên - Phục 2:25

} **“khắp mọi nơi ở dưới các tầng trời”** Đây rõ ràng là một sự thậm xưng (ví dụ: khắp đất tại 4:19; Đa-ni-ên 9:12). Ở đây chỉ về những dân tộc tại xứ Ca-na-an.

} **“run rẩy và bị sự kinh khủng áp hãm”** Cụm từ này song song “sự kinh khủng và sợ hãi” Đ ĐỘNG TỪ đầu (BDB 919, KB 1182, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “rung chuyển” hoặc “run rẩy” (Châm 29:9; Ê-sai 14:9). Đ ĐỘNG TỪ thứ hai (BDB 296, KB 297, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “nhảy” “xoay tít” ( Lam. 4:6) hoặc “quần quai” ( Ê-sai 23:4; 26:18 [khi sinh nở]).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 2:26-31**

<sup>26</sup>“Bấy giờ, từ đồng vắng Kê-đê-môt, ta sai sứ giả đến Si-hôn, vua Hết-bôn, lấy lời hòa hảo đặng nói cùng người rằng: <sup>27</sup> Xin cho phép tôi đi ngang qua xứ vua; tôi đi theo đường cái luôn luôn, không xây qua bên hữu hay bên tả. <sup>28</sup> Vua sẽ nhận lấy bạc bán lương thực cho, để tôi có mà ăn; sẽ nhận lấy bạc bán nước, để tôi có mà uống. Chỉ hãy để cho tôi đi ngang qua luôn, <sup>29</sup> cũng như con cháu Ê-sau ở tại Sê-i-rơ, và dân Mô-áp ở tại A-rơ đã cho phép vậy, --- cho đến chừng nào tôi đi qua Giô-đanh, đặng vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi ban cho tôi. <sup>30</sup> Nhưng Si-hôn, vua Hết-bôn, không khứng chúng ta đi ngang qua địa phận người; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã khiến cho tánh người ngoan ngạnh, lòng người cứng cõi, để phó người vào tay người, y như điều đã xảy đến ngày nay. <sup>31</sup> Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Kìa, từ bây giờ, ta phó Si-hôn và xứ người cho người. Hãy khởi chiếm lấy xứ người đặng làm cơ nghiệp.”

**2:26 “Kê-đê-môt”** Từ này chỉ về khu vực (hoặc nơi định cư) phía bắc của sông A-t-nôn, nhưng địa điểm chính xác thì không xác định được. Địa điểm này sau này trở thành một thành Lê-vi ( Giô-suê 21:37).

**2:27 “Xin cho phép tôi đi ngang qua xứ vua; tôi đi theo đường cái luôn luôn”** Đ ĐỘNG TỪ đầu tiên (BDB 716, KB 778, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐẠY) được sử dụng thường xuyên trong những tóm tắt lịch sử (2:4,8,13,14,18,24,27,28,29,30; 3:18,21,25,27,28; 4:14,21,22,26). Một chức năng ngữ văn khác của từ Hê-bơ-rơ ‘con đường’ hoặc ‘đường’ cùng với GIỚI TỪ được lặp lại hai lần. Đây là một cách nhấn mạnh rằng họ sẽ không chệch hướng khỏi được. Ở đây chỉ đến Con đường của Vua (King’s Highway), vốn đi xuyên qua Ê-đôm, Mô-áp, và Vương quốc của Vua Si-hôn. Môi-se quả quyết rằng họ sẽ băng qua những vương quốc này mà không gây ra bất cứ thiệt hại nào ngay cả khi vua của họ không cho phép Y-sơ-ra-ên đi qua. Đây là một lời đề nghị tương tự với (câu 29) lời đề nghị mà Môi-se đã đề nghị với Ê-đôm ( câu 6).

} **“không xây qua bên hữu hay bên tả”** Chú ý Môi-se đang nói với một tinh thần cộng đồng. Nhiều sự hiểu nhầm về Kinh Thánh có thể quy bởi sự mất mát về bản chất cộng đồng của sự mặc khải của kinh thánh so với sự tập chú vào cá nhân của xã hội phương tây, hiện đại. Những đặc quyền và quyền lợi của cá nhân phải xoay quanh xã hội tập thể trong Cựu Ước

Cụm từ này cũng dựa trên một thành ngữ trong Cựu Ước về đức tin trên nền tảng kinh thánh giống như một lối đi hoặc một con đường (Thi 119:105). Ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ rõ ràng. Ý tưởng này ở đây theo nghĩa đen (ví dụ:con đường chính). Vì vậy cụm từ, “xây qua bên hữu hay bên tả” là theo nghĩa đen. Thường cụm từ này được sử dụng theo nghĩa bóng dành cho đời sống thuộc linh (Dân Số Ký 20:17; 22:26; Phục 5:32; 17:11,20; 28:14; Giô-suê 1:7; 23:6; I Các Vua 22:2).



**2:30 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã khiến cho tánh người ngoan ngoặt, lòng người cứng cỏi”** ĐỘNG TỪ đầu tiên (BDB 904, KB 1151, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “trở nên cứng” theo nghĩa của sự bướng bỉnh hoặc sự cứng cổ:

1. Động từ *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong 1:17; 15:18
2. Động từ *Hiphil* được dùng trong Xuất 7:3; 13:15 trong sự liên hệ với hành động Chúa làm cứng lòng Pha-ra-ôn ngay trước khi cuộc xuất hành
3. Động từ *Hiphil* được sử dụng trong Phục 10:16 khi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cảnh cáo Y-sơ-ra-ên không được cứng lòng hoặc cứng cổ

Dân Số Ký 2 song song với bối cảnh về sự làm cứng lòng của Đấng Thánh đối với tấm lòng của vua Si-hôn (ví dụ: ý muốn).

ĐỘNG TỪ thứ hai(BDB 54, KB 69, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “trở nên mạnh mẽ” Nó thường được sử dụng theo nghĩa tích cực ( Phục 3:28; 31:6,7,23), tuy nhiên, ở đây nó được sử dụng song song với “sự cứng cổ” ( Phục 15:7; II Sử ký 36:13). Trường hợp này tương tự với những gì đã xảy ra với vua Pha-ra-ôn: (1) Chúa làm ông cứng lòng (Xuất 7:3; 9:12; 10:1,20,27; 11:10; 14:4,8,17) hoặc (2) Pha-ra-ôn làm chính mình cứng lòng ( Xuất 8:15,32; 9:34). Những câu trên cho thấy cả sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do lựa chọn được Đức Chúa Trời ban cho của con người. Bối cảnh hàm ý rằng cả Pha-ra-ôn (trong Xuất Ê-díp-tô Ký) và Si-hôn (trong Phục Truyền) đều đã ý chí tự do lựa chọn hoặc tại sao Môi-se lại mất thời gian để đề nghị đàm phán hòa bình với họ? Sự ngụ ý ở đây là Chúa vẫn tể trị và kiểm soát mọi sự. Ngài sắp xếp các hoàn cảnh, nhưng họ đã chối bỏ nó (Hãy xem (Những Câu nói khó hiểu của Kinh Thánh (*Hard Sayings of the Bible*), trang 142-143). Rô-ma đoạn 9 và 10 cũng nói về một nghịch lý như vậy. Đoạn 9 tập chú vào sự toàn năng của Đức Chúa Trời trong khi đoạn 10 nói đến những sự mời gọi mang tính toàn thể vũ trụ (câu 4, “tất cả mọi người”; câu 11,13, “bất cứ ai”; câu 12, “tất cả”[hai lần]). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA LÀM CỨNG LÒNG**

Thoạt nhìn, sự nghịch lý này đã trở thành một sự mâu thuẫn thần học ở giữa những hệ thống thần học:

1. Sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người
2. Augustine và Pelagius
3. Calvin và Arminius

Đối với tôi cả hai đều là những lẽ thật Kinh Thánh. Cả hai lẽ thật cần phải được đặt trong một sự “căng thẳng” thần học. Khái niệm “giao ước” kết chúng lại với nhau. Chúa luôn xuất hiện đầu tiên, Ngài sắp lịch trình mọi điều và kêu gọi loài người sa ngã quay lại (ví dụ: Giăng 6:44,65), nhưng chúng ta cần phải chịu trách nhiệm cho sự lựa chọn của chính chúng ta (Giăng 1:12; 3:16). Trách nhiệm của con người và hậu quả của nó ủy nhiệm cho sự tự do của con người (năng lực của linh hồn (soul competency))! Những hành động đạo đức dựa trên những sự lựa chọn thực tế. Kinh Thánh khẳng định cả hai lẽ thật này (những thái cực thần học)!

Cần chú ý về sự toàn năng của Đức Chúa Trời “Ta đã bắt đầu phó ...xứ người cho người” và sự lựa chọn của con người “hãy bắt đầu khởi chiếm xứ đang làm cơ nghiệp”!

Chắc chắn có thể rằng sự học búa thần học này xảy ra đối với cho chúng ta bởi vì sự hiểu nhầm những thành ngữ thần học Hê-bơ-rơ. Chế độ vô thần độc nhất của Y-sơ-ra-ên đòi hỏi họ phải bảo vệ nó trong mọi điểm. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là nguyên do của mọi vật là cách Do Thái để khẳng định chế độ vô thần. Không gì đơn giản chỉ xảy ra không mà thôi. Nó luôn luôn có một và chỉ nguyên do một mà thôi—ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Những lời này khẳng định rằng phải dẫn loài người hiện đại đến:

1. quy kết sự xấu xa cho Đức Chúa Trời
2. xác nhận sự toàn năng thuộc về Đức Chúa Trời

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẮM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich và Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
  - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
  - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
  - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, “Đức Chúa Trời buồn trong lòng” (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
  - b. Phục truyền 4:29; 6:5 “bằng cả tấm lòng, cả linh hồn”
  - c. Phục truyền 10:16, “tấm lòng không cắt bì” và Rô-ma 2:29
  - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, “tấm lòng mới”
  - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, “tấm lòng mới” so với “tấm lòng bằng đá”

**2:31** Ba THỂ MỆNH LỆNH trong câu 24 được lặp lại:

1. “Hãy nhìn” - BDB 906, KB 115, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. “Hãy bắt đầu” - BDB 320, KB 319, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH

“Hãy chiếm” - BDB 439, KB 441, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 2:32-37

<sup>32</sup>“VẬY, Si-hôn và cả dân sự người ra đón chúng ta, đặng giao chiến tại Gia-hát. <sup>33</sup> Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta phó người cho chúng ta, và chúng ta đánh bại người, các con trai cùng cả dân sự của người. <sup>34</sup> trong lúc đó, ta chiếm hết các thành người, khẩn vái diệt hết các thành, cả người nam, người nữ, và các con trẻ, không chừa lại một ai. <sup>35</sup> Chúng ta chỉ có cướp lấy cho phần mình súc vật và hóa tài của các thành mình đã thắng được. <sup>36</sup> Từ A-rô-e, ở trên mé khe Ật-nôn, và cái thành ở trong trũng, cho đến Ga-la-át, chẳng có một thành nào lấy làm kiên cố quá cho chúng ta; Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã phó các thành đó cho chúng ta hết. <sup>37</sup> Chỗ người không có lại gần xứ của con cháu Am-môn, ở dọc khắp mé khe Gia-bốc, hoặc các thành trên núi hay là chỗ nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta cấm không cho chúng ta chiếm lấy. ”

**2:32** “ra đón chúng ta” Si-hôn thua bởi vì ông rời bỏ những thành kiên cố của mình và đã bị đánh bại nơi đồng

bằng. Đây là một ví dụ Chúa sử dụng sự kiêu ngạo của con người để đạt được mục đích của Ngài.

✚ **“Gia-hát”** Địa điểm chính xác không xác định được, nhưng nó nằm ở phía bờ đông của sông Giô-đanh trên địa phận của vương quốc Si-hôn và có lẽ nằm ở phía nam của thủ đô Hết-bôn bởi vì người Y-so-ra-ên đến từ phía nam.

**2:33 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta phó người cho chúng ta”** Giống như trong câu 31, Sự toàn năng của Chúa (trong câu 32a, “Chúa phó” BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ CHỮA HOÀN THÀNH) và sự tự do của con người (trong câu 32b, “chúng ta đánh bại người” BDB 645, KB 697, *Hiphil* THỂ CHỮA HOÀN THÀNH) đều đơn giản được khẳng định.

**2:34 “không chừa lại một ai”** Đây là một nguyên lý căn bản của một cuộc thánh chiến (*herem*, BDB 355 I, 3:6). Tất cả đều bị giết bởi vì những người này đã phạm tội trong một thời gian rất dài ( Phục 7:16; 20:14). Sáng Thế Ký 15:16 nói rằng “tội lỗi của dân A-mô-rít chưa đầy trọn” và, vì thế, Chúa đã phải chờ đợi một thời gian dài để họ đáp ứng lại với. Họ đã không ăn năn và sự đoán phạt cuối cùng đã đến. Nếu họ không bị hủy diệt, họ sẽ làm hư hoại đi hệ thống thờ phượng và thần học được ban cho tại núi Si-nai. “Thánh Chiến” là một sự phán xét nhưng cũng là một hàng rào bảo vệ!

**2:35 “Chúng ta chỉ có cướp lấy cho phần mình súc vật và hóa tài của các thành”** Ở đây là một ví dụ của một lệnh cấm giới hạn (ví dụ: 3:6-7; Giô-suê 8:2,27; 11:14). Họ có thể cướp lấy một phần chiến lợi phẩm sau khi họ đã tiêu diệt dân thành. Đây là một phần của khái niệm thánh chiến trong Cựu Ước. Cuộc chiến thuộc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và do vậy, những chiến lợi phẩm cũng thuộc về Ngài (ví dụ, Giê-ri-cô, Giô-suê 7).

**2:36**

<b>NASB</b>	<b>“thành ở trong trũng”</b>
<b>NKJV</b>	<b>“thành ở trong khe núi”</b>
<b>NRSV</b>	<b>“cái thành ở trong sông cạn”</b>
<b>TEV</b>	<b>“thành ở giữa thung lũng ấy”</b>
<b>NJB</b>	<b>“thành ở phía dưới của thung lũng”</b>

Sự đa dạng trong các bản dịch tiếng Anh chỉ ra những khả năng. Đối với tôi, một thành phố thì không thể được xây dựng trên một sông cạn bởi vì sự nguy hiểm của lũ quét, vì vậy thung lũng có vẻ phù hợp nhất.

✚ **“chẳng có một thành nào lấy làm kiên cố quá cho chúng ta”** Dân sự của Chúa đã nản chí bởi vì những thành đó đã được xây dựng quá kiên cố, và những cư dân quá cao lớn. Và bây giờ, người Do Thái đã nói rằng “Những người đó cao lớn, nhưng chúng ta sẽ thực hiện nó với sự giúp sức của Chúa” (Phục 1:28).

**2:37** Khu vực của cuộc chinh phục được xác định rất chính xác (bởi mạng lệnh thiên thượng, trong câu 5,9,19).

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Theo dõi hành trình của cuộc chinh phục trên bản đồ.
2. Những ai là dân tộc không lồ?
3. Giải thích câu 34 như thế nào?

# PHỤC TRUYỀN 3

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Vua Óc bị đánh bại	Nhắc lại lịch sử (1:1-3:29)	Y-sơ-ra-ên đánh bại vua Óc	Cuộc chinh phục vương quốc của vua Óc
3:1-11	3:1-7	3:1-2 3:3-7	3:1-7
	3:8-17	3:8-10 3:11	3:8-11
Vùng đất phía Đông sông Giô-đanh được phân chia		Các Chi phái Định cư ở phía Đông sông Giô-đanh	Phân chia xứ ở bên kia sông Giô-đanh
3:12-17		3:12-13a 3:13b-14 3:15-17	3:12-17 Những lời hướng dẫn sâu hơn của Môi-se
3:18-22	3:18-22	3:18-20 3:21-22	3:18-22
Môi-se bị cấm bước vào Đất hứa		Môi-se không được cho phép bước vào xứ Ca-na-an	
3:23-29	3:23-29	3:23-25 3:26-28 3:29	3:23-28 3:29

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu)** ***THEO DÔI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN***

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 3:1-7**

<sup>1</sup>“Bấy giờ, chúng ta trở lại bắt đường Ba-san đi lên. Óc, vua Ba-san, và cả dân sự người ra đón chúng ta, đặt giao chiến tại Êch-rê-i. <sup>2</sup> Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: người chớ sợ, vì ta đã phó người, cả dân sự và xứ người vào tay người; người sẽ làm cho người như người đã làm cho Si-hôn, vua A-mô-rít, ở tại Hết-bôn. <sup>3</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta cũng có phó vào tay chúng ta Óc, vua Ba-san, và cả dân sự người; chúng ta có đánh bại người đến chừng không còn lại một ai. <sup>4</sup> Trong lúc đó chúng ta chiếm lấy các thành của người, không có thành nào mà mình không chiếm lấy; tức là sáu mươi cái thành và toàn miền Ật-gốp, là nước của Óc trong xứ Ba-san. <sup>5</sup> Các thành này vốn là đồn lũy có vách cao, cửa và cây gài; cũng có lấy những thành không có vách rất nhiều. <sup>6</sup> Chúng ta khẩn vái tận diệt các thành này, như chúng ta đã làm cho Si-hôn, vua Hết-bôn, tức là khẩn vái diệt hết các thành, các người nam, người nữ, và con trẻ. <sup>7</sup> Nhưng chúng ta chiếm lấy về phần mình hết thầy súc vật và hóa tài của các thành ấy ”

**3:1 “trở lại bắt đường”** Ở đây chỉ về Con đường chính của Nhà Vua (King’s Highway). Đây là con đường ở bên kia- sông Giô-đanh đi trực tiếp xuyên qua trung tâm của Ê-đôm, Mô-áp, và Am-môn. Nó là con đường lữ hành chính đi từ Vịnh Aqaba đến Đa-mách.

} **“Ba-san”** Những tên này có nghĩa là “bằng phẳng” (BDB 143), theo nghĩa của một vùng đất nông nghiệp hàng đầu (ví dụ: không có đá). Đây là một vùng đất rất màu mỡ và có những khu rừng ở phía bắc bên kia sông Giô-đanh, khu vực phía bắc của Sông Yarmuk hoặc có thể là Sông Jabbok ở ngay phía bắc của chân núi Hết-môn, có nghĩa là nó bao gồm cả khu vực được biết có tên là Ga-la-át. Khu vực này nổi tiếng cho sản phẩm gỗ tốt và những bầy gia súc khổng lồ.

} **“Óc, vua Ba-san”** Hãy xem Dân Số Ký 21:33-35; Phục 1:4.

} **“tại Êch-rê-i”** Thành này nằm tại ngã ba Sông Yarmuk và là một khu vực sinh sống của những cư dân hoàng gia. Thủ đô của nó là Ách-ta-rôt nằm ở phía bắc. Óc đương đầu với dân Y-sơ-ra-ên ở tại đây, có lẽ sử dụng dòng sông như là một vị trí phòng thủ tự nhiên.

**3:2 “Đức Giê-hô-va phán cùng ta”** Hãy xem ghi chú tại 2:2.

} **“Người chớ sợ”** ĐỘNG TỪ này (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng theo nghĩa THỂ MỆNH LỆNH) được sử dụng khá thường xuyên trong Phục Truyền (ví dụ, 1:19,21,29; 2:4; 3:2,22; 4:10). Đức Chúa Trời chiến đấu cho họ (ví dụ, cuộc thánh chiến, Dân Số Ký 21:34; Giô-suê 10:8; 11:6).

}  
**NASB, NKJV** “ta đã phó người”  
**NRSV** “ta đã trao người...vào tay người”  
**TEV** “ta sẽ trao người”  
**NJB** “ta sẽ đặt người vào sự thương xót của người”

ĐỘNG TỪ này (BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “trao” “đặt” or “sắp đặt” Nó là một ĐỘNG TỪ thông dụng. Hãy chú ý cách sử dụng của nó trong cấu trúc văn học của Phục Truyền (1:8,15,20,21,25,27,35,36,39; 2:5,9,12,19,24,25, 28,29,30,31,33,36; 3:2,3,12,13,15,16,18,19,20; 4:1,8,21,38,40). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đấng ban cho. Chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi!

} **“chúng ta có đánh bại người đến chừng không còn lại một ai”** Đây chính là ngôn ngữ và cũng là thực tế của cuộc “thánh chiến.” Nó phản ánh khái niệm Hê-bơ-rơ herem, hoặc “dưới sự cấm chỉ” ( câu 6). Trường hợp này là một đại diện trong Cựu Ước liên hệ với từ này vốn cho chúng ta thấy cách nó được sử dụng trong nhiều cách khác nhau. Khái niệm của từ “thánh chiến (herem);” “cấm chỉ (ban)” hoặc “cô ban (corban)”:

1. Hủy diệt hoàn toàn—không còn bất cứ vật nào thờ còn sống được tha, không còn bất cứ vật liệu nào mà không bị phá hủy (Phục 20:16-18; I Sa-mu-ên 15:3; Giô-suê 7)
2. Giết tất cả mọi người, nhưng chừa lại đàn gia súc (Phục 2:34, 35; 3:6, 7)
3. Chỉ giết tất cả người nam (Phục 20:10-15)

**3:4 “vùng Ất-gốp”** Từ “địa phận” (BDB 286) có nghĩa đen là “sợi thừng nhỏ” được sử dụng cho:

1. một sợi thừng bện
2. một thước đo
3. một mảnh đất (ví dụ, khu vực, Giô-suê 17:5, hoặc vùng đất được thừa kế, Phục 32:9; Giô-suê 17:14)
4. một nhóm người ví dụ, nhóm những tiên tri, I Sa-mu-ên 10:5,10)

**⌋ “Ất-gốp”** Từ này (BDB 918) là tên của một khu vực hoặc một mảnh đất. Nó nằm trên đất Ba-san (3:4,13,14; I Các Vua 4:13). Từ gốc này có liên hệ đến “đất đai” (BDB 918) hoặc “đồng” (BDB 918), nhưng cũng không chắn chắn.

**3:5 “Các thành này vốn là đồn lũy có vách cao, cửa và cây gài”** Các thành này được xây dựng từ những khối đá núi lửa vốn khá lớn. Chúng cho thấy một quang cảnh khá đáng sợ. Kích cỡ của các thành có thể phản ánh dân số của những dân tộc sống ở khu vực này. Tuy nhiên, đức tin của người Y-sơ-ra-ên đã mạnh hơn sự sợ hãi của họ trước những người khổng lồ (giềng giàng) (2:20-24).

Trong quyển *Sổ tay Phục Truyền (Handbook on Deuteronomy)* được xuất bản bởi Liên hiệp Kinh Thánh hội (the United Bible Societies) đề cập đến “cửa (cổng) và cây gài” có lẽ chỉ đến những cổng đôi với một thanh bằng kim loại được cài ngang qua cả hai (trang 68-69). Điều này có thể giải thích cho từ “các cổng” ở số nhiều: (1) có thể chỉ bởi vì chúng có nhiều hơn một cổng hoặc (2) tính chất, cấu trúc của cổng có hai lớp cổng trong và cổng ngoài (ví dụ, giường đôi (số nhiều)).

### 3:6

NASB, NKJV,

NRSV “hủy diệt hoàn toàn”

TEV

“hủy diệt”

NJB

“lời rửa sạch của sự hủy diệt”

REB

“dưới sự cấm chỉ nghiêm trọng”

JPSOA

“bị diệt vong”

ĐỘNG TỪ này (BDB 355, KB 353) được sử dụng hai lần trong câu này (*Hiphil* THỀ MỆNH LỆNH and *Hiphil* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI). Nó căn bản có nghĩa là hứa nguyện dâng hiến điều gì đó cho Đức Chúa Trời đến nỗi nó trở thành quá thánh khiết cho con người đến nỗi nó cần phải bị hủy diệt. Nó thường được sử dụng trong bối cảnh “cuộc thánh chiến” (2:34; 7:2; Xuất 22:20; Giô-suê 6:17,21) để khẳng định rằng chiến thắng và, do vậy, những chiến lợi phẩm thuộc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Trong bối cảnh của cuộc chinh phục, những vật được biệt riêng dâng hiến cho Đức Chúa Trời chính là các dân tộc Ca-na-an và tài sản của họ. Họ bị phán xét bởi những tội lỗi đòi bại của họ và sự cố ý không ăn ( Sáng 15:16; Lê-vi Ký 18:24-26; Phục 9:5).

Để xem phần thảo luận sâu hơn về “cuộc thánh chiến” hãy xem quyển *Y-sơ-ra-ên cổ đại (Israel Ancient)*, được viết bởi Roland deVaux, quyển 1, trang 258-267.

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 3:8-11

<sup>8</sup>” Vậy, trong lúc đó, chúng ta chiếm lấy cửa hai vua A-mô-rít, xứ bên kia sông Giô-đanh, từ khe Ất-nôn đến núi Hết-môn <sup>9</sup>(dân Si-đôn gọi núi Hết-môn là Si-ri-ôn; còn dân A-mô-rít đặt tên là Sê-ni-ro); <sup>10</sup> các thành của đồng bằng, toàn Ga-la-át và toàn Ba-san, cho đến Sanh-ca và Êt-rê-i, là hai thành của nước Ốc trong Ba-san. <sup>11</sup>(Vì về dân tộc Rê-pha-im, chỉ có một mình Ốc, vua Ba-san, còn lại. Nay, cái giường bằng sắt của người, há chẳng còn tại Ráp-ba, thành của con cháu Am-môn sao? Bề dài giường là chín thước, bề ngang bốn thước, theo thước tay người nam.)”

**3:8 “Nhu vậy, chúng ta chiếm hết đất đai (từ tay) của hai vua”** Câu 24 nói rằng “cánh tay quyền năng của Chúa” như vậy, phép tu từ hình nhân (Xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15) bày tỏ về quyền năng và sức mạnh của Đức Chúa Trời. Tại đây, một lần nữa là sự tác động qua lại sự toàn năng của Đức Chúa Trời và sự nỗ lực của con người

✎ “núi Hết-môn” núi Hết-môn là giới hạn phía bắc của vùng đất mà Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên. Nó là dãy núi lớn nhất trong cả khu vực nằm tại Li-băng, phía bắc của Biển Chinnereth (Ga-li-lê). Tên của nó (BDB 356) có liên hệ với từ *herem* (vật biệt dâng (đáng diệt) và tại địa điểm có rất nhiều đền thờ (*Y-sơ-ra-ên Cổ đại (Ancient Israel)* được viết bởi Roland deVaux, quyển 1, trang 279-282). Nó là giới hạn phía bắc của những đất đai được chinh (Các quan xét 1:1).

**3:9 “dân Si-đôn”** Đây là một thành lớn của Phê-ni-xi cổ đại ( I Các Vua 16:31). Nó nằm tại bờ biển phía bắc của Ty-rơ, sau này trở thành một thành phố. Nó được nhắc đến thay vì Ty-rơ cho thấy sự lâu đời của sách (Phục Truyền).

✎ “Si-ri-ôn” Từ này (BDB 970, Thi 29:6) được sử dụng cho ngọn núi Hết-môn đã được tìm thấy trong những văn bản tiếng Ugaritic cũng cho thấy sự lâu đời của sách này.

✎ “Sê-ni-ro” Từ này (BDB 972, I Sứ ký 5:23; Nhã Ca 4:8; Ê-xê-chi-ên 27:5) được tìm thấy trong sổ sách của Shalmaneser III, vị vua A-si-ri người đã tấn công Đa-mách.

### 3:10

NASB, TEV “cao nguyên”  
NKJV “đồng bằng”  
NRSV, NJB “bình nguyên”

Từ này (BDB 449) có nghĩa là “một khu vực bằng phẳng” Nó có thể chỉ đến một khu vực đồng bằng hoặc một khu vực bình nguyên bằng. Ở đây, có thể từ này chỉ đến khu vực cao nguyên ở giữa Sông Arnon và thành phố Hết-bôn (4:43; Giô-suê 13:9,16,17,21; Giê-rê-mi 48:8,21). Bình nguyên này là một phần của Mô-áp và trở thành phần đất thừa kế của chi phái Ru-bên (Giô-suê 20:8).

✎ “Ga-la-át” Từ này (BDB 166) không rõ nguồn gốc và ý nghĩa. Một khái niệm (chơi chữ) rất thông dụng được sử dụng trong Sáng 31:48. Nó có thể chỉ đến:

1. một chi phái (ví dụ, Dân Số Ký 26:29; Các quan xét 5:17)
2. một vùng đất (ví dụ, Sáng 37:25)

Nó luôn chỉ đến một khu vực phía đông Sông Giô-đanh từ Sông Arnon cho đến Vùng Ba-san.

✎ “Sanh-ca” Thành này có vẻ được hình thành từ phía ranh giới đông nam của Ba-san và nó thường được sử dụng cùng với ngọn Hết-môn, để hình thành sự mở rộng của Ba-san ( Giô-suê 12:5; 13:11; I Sứ ký 5:11).

**3:11** Có vẻ đây là một sự biên tập chú thích, cũng giống như trong 2:10-12,20; 3:9.

✎ “Rê-pha-im” Từ này có thể có nghĩa (1) một nhóm người (dân tộc); (2) những người khổng lồ; hoặc (3) lãnh thổ của người chết. Bối cảnh ở đây có vẻ nói về những người khổng lồ. Hãy xem Chủ đề Đặc Biệt tại 1:28.

✎

NASB, NKJV “cái khung giường của người là một khung giường sắt”  
NRSV, NJB “cái giường bằng sắt của người”  
TEV “quan tài của người, làm bằng đá”  
REB “quan tài bằng đá của người làm bằng đá bazan”

Từ (BDB 793) căn bản có nghĩa là “một cái khung bằng gỗ” nó có thể sử dụng làm chân song, ghế ngồi,



giường, yên ngựa, ghế/ngai vàng. Ở đây nó chỉ về một nơi để ngủ:

1. giường - II Sa-mu-ên 17:28; Gióp 7:13; Thi 6:6; 41:3; A-mốt 6:4
2. Ghế nệm/ giường - Châm 7:16
3. quan tài (bằng đá, ví dụ, nơi yên nghỉ/ ngủ cuối cùng của một ai đó)

Có thể rằng từ “sắt” ở đây chỉ về to màu của quan tài bằng đá bazan ( NET Bible, trang 350). NIDOTTE, quyển 1, trang 741, nói rằng “không có sự hỗ trợ về mặt văn học nào cho rằng đây là một quan tài hoặc mộ đá.”

} **“Ráp-ba”** Đây là thủ đô của vương quốc Am-môn ( Giô-suê 13:25). Ngày nay nó là thủ đô của nước Gioóc-đa-ni (Jordan) , Amman.

} **“thước (một cu-bít bình thường)”** Từ này có nghĩa là “một cu-bít của một người nam” vốn là một thành ngữ cho “cu-bít tiêu chuẩn” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CU-BÍT

Có hai loại cu-bít (BDB 52, KB 61) trong Kinh Thánh. Loại cu-bít bình thường là khoảng cách từ ngón tay dài nhất của một người nam trung bình đến khuỷu tay của anh ta, thường thì dài khoảng 18 inơ (inches)(ví dụ, Sáng 6:15; Xuất 25:10,17,23; 26:2,8,13,16; 27:1,9,12,13,14,16,18; Dân Số Ký 35:4,5; Phục 3:11). Nhưng cũng có loại cu-bít dài hơn (cu-bít của hoàng gia) được sử dụng trong xây dựng(ví dụ, Đền thờ Sa-lô-môn), vốn rất thông dụng tại Ai Cập ( dài 21 ngón tay), Palestine (24 ngón tay), và đôi khi Ba-by-lôn (30 ngón tay). Nó dài khoảng 21 inơ ( Ê-xê-chi-ên 40:5; 43:13).

Người cổ đại sử dụng các bộ phận cơ thể người trong đo đạc. Người vùng Cận Đông cổ đại sử dụng:

1. chiều dài từ khuỷu tay đến ngón (cu-bít)
  2. chiều rộng từ ngón cái kéo dài ra đến ngón út (gang tay, Xuất 28:16; 39:9; I Sa-mu-ên 17:4)
  3. chiều dài giữa bốn ngón tay chụm lại trong một bàn tay (bàn tay (chiều rộng), Xuất 25:25; 37:12; I Các Vua 7:26; II Sứ ký 4:5)
  4. chiều rộng của khớp giữa ngón tay (ngón tay (chiều rộng), Giê-rê-mi 52:21)
- từ cu-bít (BDB 52, KB 61) vốn không hoàn toàn được quy chuẩn nhưng vốn có hai chiều dài căn bản.
- a. từ khuỷu tay đến ngón tay giữa (khoảng 18 inơ, Phục 3:11)
  - b. cu-bít hoàng gia dài hơn một chút (khoảng 20 inơ, II Sứ ký 3:3; Ê-xê-chi-ên 40:5; 43:13)

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 3:12-17

<sup>12</sup>“ Vậy, trong lúc đó, chúng ta chiếm lấy xứ này. Ta cho người Ru-bên và người Gát từ xứ A-rô-e, ở trên khe Ạt-nôn và phân nửa núi Ga-la-át, cùng các thành của nó. <sup>13</sup> Ta cho phân nửa chi phái Ma-na-se phần còn lại của núi Ga-la-át, và toàn Ba-san, nước của Óc, tức là cả miền Ạt-gôp cùng toàn Ba-san vậy. -- - Miền ấy gọi là xứ Rê-pha-im. <sup>14</sup> Giai-rơ, con trai Ma-na-se, chiếm lấy cả miền Ạt-gôp cho đến giới hạn dân Ghê-su-rít và Ma-ca-thít, đặt tên mình cho các thôn xứ Ba-san, là thôn Giai-rơ, đến ngày nay hãy còn. --- <sup>15</sup> Ta cũng cho Ma-ki xứ Ga-la-át. <sup>16</sup> Về người Ru-bên và người Gát, ta cho phần Ga-la-át có ranh ở giữa khe Ạt-nôn cho đến khe Gia-bốt, là giới hạn của con cháu Am-môn <sup>17</sup> luôn với đồng bằng Giô-đanh, từ Ki-nê-rết tới biển của đồng bằng, tức là Biển Mặn, dưới triền núi Phích-ga, về phía đông. ”

**3:12 “người Ru-bên và người Gát”** Hai chi phái này tiếp quản vương quốc Si-hôn ( Giô-suê 13:15-23,24-28).

**3:13 “phân nửa chi phái”** Các con trai của Giô-sép trở thành các nửa-chi phái Ma-na-se và Ép-ra-im ( Sáng 41:50,52; 48:1-7). Phần kế nghiệp của Ma-na-se bị chia đôi, một nửa ở phái bờ tây sông Giô-đanh và nửa kia ở phía bờ đông.

**3:14 “Giai-ro”** Đứng hơn “con trai”, ở đây có nghĩa là “dòng dõi của” ( Dân Số Ký 32:41). Một vài thế hệ đã bị lược trong dòng dõi này. Câu 12-13 mang tính chất tổng quát và từ câu 14-17 cho biết chi tiết hơn ( theo quyền Phục Truyền (Deuteronomy) được viết bởi Craigie, NIC, trang 121).

✂ **“con trai Ma-na-se”** “con trai” ở đây đứng hơn có nghĩa là dòng dõi thay vì là con trai trực tiếp ( I Sứ ký 2:22).

✂ **“dân Ghê-su-rít và Ma-ca-thít”** Đây là những dân tộc có chủng tộc khác (BDB 178 and 591). Họ sống ở biên giới phía bắc của vùng đất Ba-san ( Giô-suê 13:13). Y-sơ-ra-ên không chiến đấu cùng những dân này.

✂ **“thôn Giai-rơ (Havoth-jair)”** Từ này có nghĩa “những thành” “khu vực” hoặc “vương quốc” (BDB 795 II) của Giai-rơ.

✂ **“đến ngày nay hã còn”** Cụm từ này chỉ về một giai đoạn thay vì một thời điểm (2:22; 3:14; 4:38; 10:8,15; 29:28; Giô-suê 7:26; 8:28,29; 9:27; 13:13; 14:14; 16:10; 22:3,17; 23:8; Các quan xét 1:21,26; 10:4; 18:12,30; 19:30). Câu 5 dường như có cùng tác động. Nhưng vấn đề ở đây là “bao nhiêu lâu ” sau. Nó cũng liên hệ với “(sớm) cho đến nay” (ví dụ, Giô-suê 6:25; 23:9) hoặc nó có thể có nghĩa nhiều thế hệ sau này. Ai là người ghi chép lại những lời của Mô-i-se? Ai là người sắp xếp Ngũ Kinh (Pentateuch)? Ai là người biên tập lại cuối cùng? Nền học thuật hiện đại không thể trả lời được những câu hỏi này!

**3:15 “cho Ma-ki”** Dân Số Ký 32:39-40 cho biết những thông tin về người này.

**3:17 “Arabah (đồng bằng)”** Từ này là một từ khác chỉ về thung lũng Sông Giô-đanh, vốn chạy từ phía trên của Biển Ga-li-lê đi băng qua Biển Chết đi xuống phía Vịnh Aqaba tại Bán đảo Si-nai (hãy xem ghi chú tại 1:1). Đây là một khe nứt địa lý là nơi Sông Giô-đanh chảy qua, từ chân ngọn núi Hết-môn xuống Biển Chết.

✂ **“Ki-nê-rét”** Từ này (BDB 490) là tên của một thành phố tại Ga-li-lê vốn nằm gần một hồ lớn được gọi bởi một vài tên khác nhau trong Kinh Thánh”

1. Ki-nê-rét (ví dụ, Dân Số Ký 34:11; Giô-suê 12:3; 13:27)
2. Ga-li-lê (ví dụ, Ma-thi-ơ 4:18; Mark 1:16; Giảng 6:1)
3. Ghê-nê-xa-rét (ví dụ, Lu-ca 5:1)
4. Ti-bê-ri-át (ví dụ, Giảng 6:1; 21:1)

✂ **“biển của Arabah (đồng bằng)”** Từ này ( 4:49; Giô-suê 3:16; 12:3, cũng được gọi là “biển của đồng bằng” trong II Các Vua 14:25) là một tên khác dành cho Biển Mặn ( Sáng 14:3; Dân Số Ký 34:3,12; Giô-suê 3:16; 15:2,5; 18:19) hoặc, giống như nó được gọi ngày nay, Biển Chết. Nó còn được gọi là “biển phía tây” ( Ê-xê-chi-ên 47:18; Giô-ên 2:20; Xa-cha-ri 14:8) hoặc đơn giản chỉ là “biển” ( Ê-sai 16:8; Giê-rê-mi 48:32).

✂ **“Phích-ga”** Ngọn núi này (BDB 820) được xác định là/ hoặc rất gần với ngọn núi Nê-bô (BDB 612 I, 32:49; 34:1). Có lẽ chúng là hai đỉnh song song của một rặng núi hoặc là tên của rặng núi và đỉnh cao nhất của nó. Các ngọn núi này là kết quả của sự xói mòn của bình nguyên Mô-áp phía trên của Arabah. Tên này phổ biến hơn là Nê-bô trong Cựu Ước( Dân Số Ký 21:20; 23:14; Phục 3:17,27; 4:49; 34:1)

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 3:18-22**

<sup>18</sup> Vả, trong lúc đó, ta truyền lệnh này cho các người, mà rằng: Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người có phó xứ này cho các người đặng nhận lấy làm sản nghiệp; hết thảy những chiến sĩ trong các người phải cầm binh khí đi qua trước anh em mình, là dân Y-sơ-ra-ên. <sup>19</sup> Chỉ những vợ, con trẻ, và súc vật các người -- ta biết rằng các người có nhiều súc vật -- sẽ ở lại trong những thành mà ta đã cho các người, <sup>20</sup> đến chừng nào Đức Giê-hô-va cho anh em các người sự an nghỉ như mình, và anh em cũng nhận được xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người ban cho họ tại phía bên kia sông Giô-đanh; đoạn mọi người trong các người sẽ trở về sản nghiệp mình mà ta đã ban cho các người. <sup>21</sup> Đương lúc ấy, ta cũng truyền lệnh này cho Giô-suê mà rằng: Mắt người có thấy mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã làm cho hai vua sẽ

**làm như vậy cho các nước nào mà người sẽ đi qua. <sup>22</sup> Đừng sợ các nước đó, vì chính Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người tranh chiến cho các người.'**

**3:18 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người có phó xứ này cho các người”** Câu này chỉ đến khu vực bờ đông (bên kia sông Giô-đanh) của Arabah.

**⌋ “phải cầm binh khí đi qua trước anh em mình”** Bởi vì Ru-bên, Gát và phân nửa chi phái Ma-na-se đã định cư ở phía bờ đông sông Giô-đanh là vùng đất đã được chinh phục, bây giờ họ tiếp tục bước vào trước tiên trong chiến trận tiếp tục để chiến đấu cho đất đai của anh em họ (câu 19-20.)

**3:19 “nhiều súc vật”** Cụm từ “nhiều súc vật” vốn là chiến lợi phẩm họ lấy được từ trong chiến trận bao gồm cả từ (1) Ai Cập và (2) Những quốc gia bên kia sông Giô-đanh.

**⌋ “mà ta đã cho các người”** Nguồn gốc của tất cả những phước hạnh chính là Đức Chúa Trời (ĐỘNG TỪ thường xuyên được sử dụng “ban cho” BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). Họ đã không thể nào tự chính mình chiếm được những chiến lợi phẩm đó từ cuộc chiến.

**3:20 “Đức Giê-hô-va cho anh em các người sự an nghỉ”** Sách Hê-bơ-rơ chính là sách chú giải trong Tân Ước dành cho Ngũ Kinh. Trong Hê-bơ-rơ đoạn 4, từ “yên nghỉ” được sử dụng theo ba cách:

1. ngày thứ bảy là ngày nghỉ mà Chúa nghỉ ngơi sau Sự Sáng, ngày Sa-bát
  2. người Y-sơ-ra-ên nghỉ ngơi sau khi họ chinh phục Đất Hứa ( 12:10; 25:19; Giô-suê 23:1)
  3. thiên đàng, sự nghỉ ngơi-ngày thứ bảy đời đời
- Ở đây “yên nghỉ” chỉ đến sự yên ninh, #2.

**3:21** Bởi vì sự chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong đồng vắng và phía bên kia Giô-đanh, người Y-sơ-ra-ên đã trở nên tin cậy Ngài và tiến bước!

**3:22 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người tranh chiến cho các người”** Đây là không phải nỗ lực, kỹ năng, phương kế của con người của con người nhưng chính là sự năng lực của Đức Chúa Trời ( 1:30; 20:4; Xuất 14:14; 15:3).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 3:23-29**

<sup>23</sup>”Trong lúc này, ta cầu khẩn cùng Đức Giê-hô-va mà rằng: <sup>24</sup>Lạy Chúa Giê-hô-va, Chúa đã khởi tỏ cho kẻ tôi tớ Chúa sự oai nghiêm lớn, và cánh tay quyền năng của Chúa; vì trên trời dưới đất há có thần nào làm được việc và công sự quyền năng giống như của Chúa chẳng? <sup>25</sup>Tôi xin Chúa cho phép tôi đi qua xem xứ tốt tươi, núi đẹp đẽ này, và Li-ban ở bên kia sông Giô-đanh. <sup>26</sup>Nhưng Đức Giê-hô-va, bởi có các người, nổi giận cùng ta, không nhận lời ta, bèn phán rằng: Thôi; chớ còn nói về việc này cùng ta nữa. <sup>27</sup>Hãy đi lên chót Phích-ga, ngược mắt người lên về hướng tây, hướng bắc, hướng nam, và hướng đông mà nhìn xứ ấy, vì người sẽ không đi ngang qua sông Giô-đanh này đâu. <sup>28</sup>Song hãy truyền mạng lệnh cho Giô-suê, làm cho người vững lòng bền chí; vì ấy là người phải đi qua trước mặt dân này, khiến chúng nhận lấy xứ mà người sẽ thấy, <sup>29</sup>Ấy vậy, chúng ta có ở trong trũng, đối ngang Bết-Phê-o.”

**3:23-29** Đây là một ghi chú hết sức cá nhân của Môi-se. Đây là chỗ duy nhất trong cả Kinh Thánh mà chúng ta có thể thống kê được sự khẩn cầu của Môi-se cho chính mình. Trong những nơi khác, ông cầu nguyện cho dân sự hoặc cho xứ. Đây là một sự cái nhìn hé mở vào trong tấm lòng của Môi-se, một con người tuyệt vời.

**3:23**

**NASB, NKJV,**

**NJB**

**“cầu khẩn”**

NRSV  
TEV

“nài xin”  
“câu nguyện khẩn thiết”

Cầu xin khẩn thiết (BDB 335, KB 334, *Hithpael* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, I Các Vua 8:33,47,59; II Sử ký 6:37; Job 8:5; 9:15; Thi 30:8; 142:1; Hosea 12:4) Đức Giê-hô-va. Môi-se trong sự thống khổ đau đớn bởi vì không được phép bước vào Đất Hứa.

**3:24 “Lạy Chúa Giê-hô-va”** Từ “Chúa” dùng ở đây là từ *adonai* (BDB 10), là từ Hê-bơ-rơ dùng cho “chủ” “chủ nhân” “chồng” hoặc “Chúa” Từ “Giê-hô-va” là từ Hê-bơ-rơ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (BDB 217). Ông đang nói “Chúa, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.” Cách định danh này hiếm khi được sử dụng trong các tác phẩm của Môi-se. Đây là ngôn ngữ cầu nguyện của Môi-se. Xem Chủ đề Đặc Biệt: Tên của Đấng Thánh tại 1:3.

✂ **“Chúa đã khởi tố cho kẻ tội tở Chúa sự oai nghiêm lớn, và cánh tay quyền năng của Chúa”** Môi-se đang khẩn nài với sự hiểu biết mật thiết của mình về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Đặc tính của Ngài (hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:31 và 10:17), và những hành động của Ngài có lẽ sẽ làm động lòng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để Ngài cho ông đi qua sông Giô-đanh, nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không phải là Đấng thiên vị cho bất cứ một người nào!

✂ **“vì trên trời dưới đất há có thần nào làm được việc và công sự quyền năng giống như của Chúa chẳng”** Đây là có phải là khái niệm rằng Chúa là Đức Chúa Trời tối cao giữa nhiều vị thần khác, được gọi là thuyết duy tôn nhất thần (henotheism ;ví dụ, Xuất 15:11 and Phục 4:7; 5:7, hãy xem *Kinh Thánh Nghiên Cứu Do Thái (The Jewish Study Bible)*, trang 379-380)? Có phải Môi-se không chối bỏ sự hiện hữu của cả những vị thần khác, nhưng cho rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là vị thần mạnh nhất? Hay đây chính là chủ nghĩa độc thần (ví dụ, 4:35,39; 6:4; Xuất 20:2-3; Ê-sai 43:11; 44:6,8,24; 45:5,6-7,14,18,21,22), chỉ có một và chỉ một Đức Chúa Trời mà thôi? Chúng ta thực sự không biết. Tôi thà tin rằng Môi-se không phải đang nhắc đến những vị thần khác, nhưng đang nói đến những thế lực thuộc linh mà đôi khi được gọi là *elohim* (Thi 8:5; 82:1,6; 1 Sa-mu-ên 28:13).

**3:25 “Tôi xin Chúa cho phép tôi đi qua xem”** Cụm từ này có hai ĐỘNG TỪ:

1. “đi qua” - BDB 716, KB 778, *Qal* THÈ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY
2. “xem” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng theo nghĩa THÈ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY

**3:26 “Đức Giê-hô-va...nổi giận”** Đây là một ví dụ cho ngôn ngữ tu từ hình nhân (“nổi giận” BDB 720, KB 780, hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15). Làm thế nào chúng ta có thể diễn tả được sự nổi giận của Đức Chúa Trời mà không sử dụng từ ngữ của con người? Chúng ta không thể, nhưng chúng ta phải nhớ rằng Chúa không phải là con người và không suy nghĩ và hành động như con người. Chúng ta sử dụng từ ngữ của con người để bày tỏ bản tính của Ngài biết rằng con người sa ngã không thể nào diễn tả trọn vẹn Đức Chúa Trời.

Tội lỗi công khai của Môi-se ( 32:51; Dân Số Ký 20:10-12; 27:12-14) đã mang đến hậu quả công khai!

✂ **“bởi có các người”** Hãy xem ghi chú tại 1:34,37.

✂ **“Thôi; chớ còn nói về việc này cùng ta nữa”** Môi-se đã cầu nguyện lặp đi lặp lại (Dân Số Ký 20:2-13; 27:13; Phục 1:37; 3:23-27), “Con xin lỗi, làm ơn cho con vào Đất Hứa.” Cuối cùng, Chúa phán “Không, đừng nói gì về việc này nữa” (BDB 414, KB 418, *Hiphil* THÈ MỆNH LỆNH).

**3:27** Câu này và câu 28 có một chuỗi các mệnh lệnh trong sự đáp ứng với lời cầu nguyện của Môi-se:

1. “hãy đi lên” - BDB 748, KB 828, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
2. “hãy ngược lên” - BDB 669, KB 724, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
3. “hãy nhìn” BDB 906, KB 1157, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
4. “hãy truyền” - BDB 845, KB 1010, *Piel* THÈ MỆNH LỆNH
5. “hãy khích lệ” - BDB 304, KB 302, *Piel* THÈ MỆNH LỆNH
6. “hãy làm vững lòng” - BDB 54, KB 65, *Piel* THÈ MỆNH LỆNH

Chúa đã chu cấp cho Môi-se và cho Y-sơ-ra-ên (khi ban năng lực cho Giô-suê trong câu 28b,c).

✂ **“chót (đỉnh) Phích-ga”** hãy xem ghi chú tại câu 17.

✂ **“ngước mắt người lên về hướng tây, hướng bắc, hướng nam, và hướng đông mà nhìn xứ ấy”** Đây

chính là ví dụ tuyệt vời cho tình yêu và cơn giận của Ngài “Ta đã phán rằng con không thể bước vào Đất Hứa, nhưng ta sẽ cho phép con ngắm nhìn nó.”

**3** “**vì người sẽ không đi ngang qua sông Giô-đanh này**” Chúa không phải là Đấng thiên vị bất cứ người nào. Môi-se là một người nam vĩ đại của Đức Chúa Trời, nhưng ông đã công khai không vâng lời Ngài, và bởi vì vậy, ông đã phải đau khổ bởi vì những hậu quả của sự bất tuân của mình (Gióp 34:11; Thi 28:4; 62:12; Pro. 24:12; Truyền đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rinh-tô 3:8; II Cô-rinh-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-10; II Tim 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

**3:29 “Bết-Phê-o”** Từ này nghĩa đen là “nhà/đền thờ của Phê-o” (BDB 112). Phê-o là một ngọn núi hoặc một thành phố ở tây bắc Mô-áp. Đây là địa điểm mà dân Y-sơ-ra-ên phạm tội thờ hình tượng (Sự thờ phượng thần của sự màu mỡ Ba-anh, Dân số Ký 22-23). Nó trở thành phần thừa kế của chi phái Ru-bên ( Giô-suê 13:20).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức THánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Những kiến thức thần học nào về Đức Chúa Trời chúng ta học được trong phần này?
2. Bạn liên hệ Đức Chúa Trời trong câu 3 và câu 6 như thế nào với Đức Chúa Trời trong Tân Ước?
3. Trong câu 24 có dạy gì về sự tồn tại những vị thần khác không?
4. Chúa bày về tự thương xót nhưng công chính của Ngài đối với Môi-se trong câu 27?

# PHỤC TRUYỀN 4

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Môi-se đưa Mạng Lệnh Hủy Vâng Lời	Kết Luận cho Phần Chia Sê Đầu Tiên	Môi-se thúc giục Y-so-ra-ên Vâng lời	Sự Bội Nghịch tại Bết-Phê –o Trái Nghịch với Sự Khôn Ngoan Thật
4:1-8	4:1-4 4:5-8	4:1-4 4:5-6 4:7-10	4:1-8  Sự Mặc Khải tại Hô-rép; Những Yêu Cầu Của Mạng Lệnh ấy
4:9-14	4:9-14		4:9-14
Hãy Cẩn Thận Sự Thờ Hình Tượng		4:11-14	
4:15-24	4:15-20 4:21-24	4:15-24	4:15-20  Về Hình Phạt sẽ xây đến Với Sự Bỏ Đạo 4:21-24
4:25-31	4:25-31	4:25-31	4:25-28 4:29-31
4:32-40	4:32-40	4:32-40	Sự Vinh Hiển khi Được Chọn Bởi Đức Chúa Trời 4:32-34 4:35-38 4:39-40
Các Thành Ân Náu Phía Đông Sông Giô-đanh	Một Phụ Lục	Các Thành Ân Náu Phía Đông Sông Giô-đanh	Các Thành Ân Náu
4:41-43	4:41-43	4:41-43	4:41-43
Phần Giới Thiệu về Luật Pháp của Đức Chúa Trời	Phần Chia Sê Thứ Hai của Môi-se (4:44-26:19;28)	Phần Giới Thiệu về Luật Pháp của Đức Chúa Trời được Ban Hành	Bài Giảng Thứ Hai của Môi-se (4:44-11:32)
4:44-49	4:44-49	4:44-49	4:44-49

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÔI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chia khóa đề đôi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

#### 1. Đoạn thứ nhất

2.Đoạn thứ hai

3.Đoạn thứ ba

4.v.v...

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:1-4

<sup>1</sup>” Hỡi Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy nghe những mạng lệnh và luật lệ mà ta dạy các ngươi; hãy làm theo, để các ngươi được sống và vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi ban cho các ngươi nhận được. <sup>2</sup> Các ngươi chớ thêm chi và đừng bớt chi về điều ta truyền cho, để giữ theo các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi mà ta đã truyền. <sup>3</sup> Nhân dịp của Ba-anh-Phê-o, mắt các ngươi đã thấy điều Đức Giê-hô-va đã làm; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi có diệt khỏi giữa ngươi mọi kẻ tin theo Ba-anh-Phê-o. <sup>4</sup> Còn các ngươi, là những kẻ vẫn theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, ngày nay hết thảy còn sống.”

**4:1 “nghe”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH) thường được sử dụng trong Phục Truyền (ví dụ, 1:16; 4:1; 5:1; 6:3,4; 9:1; 20:3; 27:10; 33:7). Nó căn bản có nghĩa là “nghe và làm theo như vậy.” Nó còn tập chú vào hành động, không chỉ nghe không mà thôi ( Gia-cơ 1:22-25). Phân đoạn này có một vài cảnh báo trong câu 1, 2, 6, 9, 13, 14, 15, 19, 23, và 26 (Mi-chê 1:2; 3:1; 6:1).

**⌘ “những mạng lệnh và luật lệ”** Những điều này bao gồm tập hợp những sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nó là tất cả những gì Đức Chúa Trời bày tỏ về chính mình Ngài và những yêu cầu theo giao ước của Ngài. Nó tương đồng với nghĩa của từ Torah (Ngũ Kinh) (từ học thuật “những sự dạy dỗ” ví dụ, sự ban hành Luật Pháp-Môi-se).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THUẬT NGỮ DÙNG CHO SỰ MẶC KHẢI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (sử dụng cho sách PHỤC TRUYỀN và THI THIÊN)

I. “những luật lệ” BDB 349, “một đạo luật, sắc lệnh, hoặc quy định”

A. (từ) giống đực,  $\pi\pi$  - Phục 4:1,5,6,8,14,40,45; 5:1; 6:1,24,25; 7:11; 11:32; 16:12; 17:19; 26:17; 27:10; Thi 2:7; 50:16; 81:4; 99:7; 105:10,45; 148:6

B. (từ) giống cái,  $\pi\eta\eta$  - Phục 6:2; 8:11; 10:13; 11:1; 28:15,45; 30:10,16; Thi 89:31; 119:5,8,12, 16,23,26,33,48,54,64,68,71,80,83,112,124,135,145,155,171

II. “Luật pháp” BDB 435, “sự hướng dẫn”

- Phục 1:5; 4:44; 17:11,18,19; 27:3,8,26; 28:58,61; 29:21,29; 30:10; 31:9; Thi 1:2; 19:7; 78:10; 94:12; 105:45; 119:1,18,29,34,44,51,53,55,61,70, 72,77,85,92,97,109,113,126,136,142,150,153,163,165,174

III. “Những lời chứng” BDB 730, “những luật pháp thiên thượng”

A. SỐ NHIỀU,  $\pi\eta\eta$  - Phục 4:45; 6:17,20; Thi 25:10; 78:56; 93:5; 99:7; 119:22,24,46,59,79, 95,119,125,138,146,152,167,168

B.  $\pi\eta\eta$  hoặc  $\pi\eta\eta$  - Thi 19:8; 78:5; 81:5; 119:2,14,31,36,88,99,111,129,144,157

- IV. “những lời giáo huấn” BDB 824, “một trách nhiệm được giao”  
 - Thi 19:8; 103:18; 111:7; 119:4,15,27,40,45,56,63,69,78,87,93,94,100, 104, 110,128,134,141,159,168,173
- V. “các mạng lệnh” BDB 846  
 - Phục 4:2,40; 5:29; 6:1,2,17,25; 8:1,2,11; 10:13; 11:13; 15:5; 26:13,17; 30:11,16; Thi 19:8; 119:6,10,19,21,32,35,47,48,60,66,73,86,96, 98,115, 127,131,143,151,166,176
- VI. “những sự phán xét/pháp lệnh” BDB 1048, “những sự cai trị” hoặc “công lý”  
 - Phục 1:17; 4:1,5,8,14,45; 7:12; 16:18; 30:16; 33:10,21; Thi 10:5; 18:22; 19:9; 48:11; 89:30; 97:8; 105:5,7; 119:7,13,20,30,39,43,52,62,75,84, 102,106,120,132,137,149,156,160,164; 147:19; 149:9
- VII. “các đường lối Ngài” BDB 202, Những nguyên tắc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho đời sống của dân Ngài  
 - Phục 8:6; 10:12; 11:22,28; 19:9; 26:17; 28:9; 30:16; 32:4; Thi 119:3, 5,37,59
- VIII. “(những) lời Ngài”  
 A. BDB 202 - Phục 4:10,13,36; 9:10; 10:4; Thi 119:9,16,17,25,28,42,43, 49,57,65,74, 81,89,101,105,107,114,130,139,147,160,161,169  
 B. BDB 57  
 1. “lời” - Phục 17:19; 18:19; 33:9; Thi 119:11,67,103,162,170,172  
 2. “lời hứa” - Thi 119:38,41,50,58,76,82,116,133,140,148,154  
 3. “mạng lệnh” - Thi 119:158

} **“mà ta dạy các ngươi”** Môi-sephục vụ như là một sứ giả của những sự mặc khải và những lời tuyên bố của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (như một tiên tri, 3:14; 4:1-17; 18:15-18; 34:10-12).

} **“làm theo”** Từ NGUYÊN MẪU (BDB 793, KB 889, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) này khích lệ dân sự lắng nghe và vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời (16:12; 30:8).

} **“để các ngươi được sống và vào xứ (tiền vào chiếm hữu đất đai)”** Hãy chú ý bản chất điều kiện của giao ước của Đức Chúa Trời (ví dụ, 5:33; 8:1; 16:20; 30:16,19). Cả ba ĐỘNG TỪ đều là *Qal* THỂ HOÀN THÀNH. ĐỘNG TỪ cuối trong câu 1 (ban) là một *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ. Món quà của Đức Chúa Trời phụ thuộc vào hành động của dân Y-sơ-ra-ên!

} **“Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi”** Ở đây nhắc đến các Tổ phụ (Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cóp, 1:11,21; 4:1,31,37; 6:3; 12:1; 26:7; 27:3). Tất cả những giao ước với các Tổ phụ đều ảnh hưởng đến những điều kiện (ngoại trừ Sáng Thế Ký 6-9 và 15:12-21).

**4:2 “các ngươi chớ thêm chi và đừng bớt chi về điều ta truyền cho”** Câu này không chỉ đến những người ghi chép Luật Do Thái (scribes) khi cập nhật văn bản của Luật pháp, nhưng đúng hơn là “các ngươi không được thêm bớt bất cứ điều gì vào bản chất cốt lõi của Luật Pháp ( 12:32; Châm Ngôn 30:5-6; Truyền Đạo 3:14; Giê-rê-mi 26:2). Những sự ngăn cấm thêm hoặc bớt này xuất phát từ đặc tính của văn học Cận Đông cổ đại. Có những sự khác biệt không đáng kể được ghi nhận trong Mười Điều Răn được ghi chép trong Xuất 20 và Phục Truyền 5.

**4:3 “Ba-anh-Phê-o”** Từ này chỉ về địa điểm nơi mà dân Y-sơ-ra-ên xây khởi việc đi theo ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và theo những vị thần của sự trù phú củangười Mô-áp (Dân Số Ký 25:1-9).

**4:4 “các ngươi, là những kẻ vẫn theo Giê-hô-va”** Từ Hê-bơ-rơ “nắm chặt” “trung thành” (BDB 180) được dịch là một ĐỘNG TỪ trong bản dịch NASB. Nó trái ngược với “đi theo” trong câu 3 (*Ba-anh*). THỂ ĐỘNG TỪ của từ này được sử



dụng trong:

1. trung thành với vợ của một người nào đó trong Sáng 2:24
2. của Ru-tơ bám chặt lấy Na-ô-mi trong Ru-tơ 1:14.

Nó chỉ rõ một thái độ của sự trung thành hoặc sự kết ước. Nó được sử dụng song song với “tình yêu” trong Sáng 34:3; I Các Vua 11:2; Châm 18:24 (hãy xem NIDOTTE, quyển 1, trang 911).

Ngay cả trong sự lựa chọn của Đức Chúa Trời, con người cũng phải đáp ứng lại một cách phù hợp. Ngay cả khi Chúa đã chọn Y-sơ-ra-ên để trở thành quốc gia tế lễ của Ngài (Xuất 19:5-6), mỗi cá nhân đều phải chọn Đức Chúa Trời. Đây là sự cân bằng giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do lựa chọn của con người. Nó cũng là cân bằng của tập thể (“các người” SỐ NHIỀU) với sự đáp ứng cá nhân (“mỗi người trong các người”).

Trong câu 4 không có ĐỘNG TỪ trong câu 4; Ý TRỢ ĐỘNG TỪ được truyền tải bởi hai TÍNH TỪ (BDB 180, 311).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:5-8**

<sup>5</sup>” Nay đây, ta đã dạy các người những mạng lệnh và luật lệ y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta đã phán dặn ta, để các người làm theo ở giữa xứ mình sẽ vàoặng nhận lấy. <sup>6</sup> Vậy, các người phải giữ làm theo các mạng lệnh và luật lệ này; vì ấy là sự khôn ngoan và sự thông sáng của các người trước mặt các dân tộc; họ nghe nói về các luật lệ này, sẽ nói rằng: Dân này là một dân khôn ngoan và thông sáng không hai! <sup>7</sup> Vả chăng, há có dân lớn nào mà có các thần mình gần như chúng ta có Giê-hô-va Đức Chúa Trời gần chúng ta, mọi khi chúng ta cầu khẩn Ngài chẳng? <sup>8</sup> Lại, há có nước lớn nào có những mạng lệnh và luật lệ công bình như cả luật pháp này, mà ngày nay ta đặt trước mặt các người chẳng?”

#### **4:5**

NASB, NRSV “hãy xem”  
NKJV “chắc chắn (này đây)”  
TEV -----  
NJB “hãy nhìn”

Đây là một từ *Qal* THÊ MỆNH LỆNH (BDB 906, KB 1157). Nó là một cách khẳng định theo nghĩa đen rằng Môi-se đã hoàn thành trách nhiệm của mình và bây giờ dân sự cần phải đáp ứng thích đáng.

#### **4:6**

NASB “vậy hãy giữ và làm theo (*chúng*)”  
NKJV “vậy hãy cẩn thận giữ lấy (*chúng*)”  
NRSV “Các người phải chuyên cần giữ lấy chúng”  
TEV “Vâng giữ chúng cách trung tín”  
NJB “Hãy giữ chúng, và đem vào thực hành”

Có hai ĐỘNG TỪ trong cụm từ này:

1. “giữ” (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), có nghĩa là “giữ” “canh giữ” hoặc “giữ gìn”. ĐỘNG TỪ này được sử dụng khá thường xuyên trong Ngũ Kinh (Pentateuch) (Phục Truyền, 2:4; 4:2,6,9,15,23,40; và nhiều nơi khác)
2. “làm theo” (BDB 793, KB 889, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “thực hiện” hoặc “làm” ĐỘNG TỪ này cũng được sử dụng thường xuyên trong Cựu Ước (ví dụ, Phục 4:1,3,6,13,14,16,23,25).

**4:6 “sự khôn ngoan”** Từ này (BDB 315) cũng được sử dụng trong Châm Ngôn 1:2,7 và trong TÍNH TỪ trong 1:6. Sự khôn ngoan là tri thức của Đức Chúa Trời và ý định của Ngài. Nó là sự tìm kiếm của con người bởi vì họ được làm nên theo hình ảnh và giống với Đức Chúa Trời ( Sáng 1:26-27), và trong mối quan hệ với Ngài (trong câu 7-8).

**⌋ “sự thông sáng (thông hiểu)”** Từ này (BDB 108) được sử dụng song song với sự khôn ngoan. Mục đích của nó là một đời sống tin kính, hiểu biết và hạnh phúc (ví dụ, Phục 32:28; Châm 2:1-22; 3:13-18).

**⌋ “(chắc chắn) Dân này là một dân khôn ngoan và thông sáng”** Có phải Chúa chọn dân Y-sơ-ra-ên bởi vì Ngài yêu họ hơn những dân tộc khác? Đức Chúa Trời yêu tất cả mọi người ngang bằng nhau (Giăng 3:16; I Tim. 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Chúa đơn giản chỉ cần một nơi để bắt đầu. Ngài chọn Áp-ra-ham và dòng dõi của ông để trở

thành một vương quốc thầy tế lễ dành cho thế gian ( Sáng 12:3; Xuất 19:4-6; Công vụ 3:25; Ga-la-ti 3:8). Sự tuyển chọn của họ có mục đích hơn là một sự chọn lựa bởi vì một tình yêu tuyệt vời. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ĐỊNH KIẾN THUẬN TÚY TIN LÀNH CỦA BOB**

Tôi phải thừa nhận với các bạn, những độc giả, rằng tôi đã định kiến ở chủ đề này. Hệ thống thần học của tôi không phải là Thần học Calvin hoặc Thần học Khải Thị theo Giai đoạn Lịch sử (Thuyết Giai đoạn thần thị-Dispensationalism), nhưng là Rao giảng Tin Lành theo Đại Mạng Lệnh. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời có một kế hoạch đời đời cho sự cứu chuộc cho toàn thể nhân loại (ví dụ, Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18,19-20,21-32), tất cả các tạo vật được tạo dựng theo ảnh tượng của Ngài ( Sáng 1:26-27). Những giao ước đã trở nên một trong Đấng Christ (Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Chúa Giê-xu chính là sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, sự mầu nhiệm đã từng ẩn giấu nhưng giờ đây được bày tỏ ( Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

Sự định kiến này đã đem lại sắc màu cho tất cả những sự giải nghĩa Kinh thánh của tôi (ví dụ: Giô-na). Tôi đọc xuyên suốt qua cả Kinh Thánh! Chắc chắn nó là một định kiến (mà tất cả mọi nhà giải kinh đều có), nhưng đó là một sự giả định được hình thành-theo-Kinh Thánh.

**4:7 “há có dân lớn nào mà có các thần mình gần như chúng ta có”** Câu này chỉ về sự hiện diện cá nhân của Đức Chúa Trời (ví dụ, tính nội tại (immanence -Chúa hiện hữu cách phổ quát và nội tại nơi vũ trụ)) với dân Y-sơ-ra-ên trong hình dạng của đám mây *Shekinah* (thời kỳ lang thang trong hoang mạc) và sau này ở trong hòm giao ước (thời bên kia Sông Giô-đanh cho đến thời kỳ hoàng gia).

**3 “mọi khi chúng ta cầu khẩn Ngài”** Câu này chỉ rằng người Do Thái đã có sự tự tin rằng Đức Chúa Trời Đấng đã dựng nên toàn thế giới này chính là Đấng sẽ đáp ứng với họ khi họ kêu cầu Ngài. Đức Chúa Trời vừa là Đấng quyền năng vừa cá nhân (ví dụ, Thi 34:18; 145:18)! Một Đức Chúa Trời Đấng hành động, hoàn toàn trái ngược với những hình tượng của dân Ca-na-an!

**4:8 “những mạng lệnh và luật lệ công bình như cả luật pháp này”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**3 “công bình”** Đây là một sự ẩn dụ rút ra từ cây sậy sông (river reed). Sự công bình của Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn hoặc thước đo của bất cứ điều gì chúng ta cần đo lường. Luật pháp được đặt nền tảng trên đặc tính của Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:16.

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:9-14**

” Chỉ hãy giữ lấy người, lo canh cẩn thận linh hồn mình, e người quên những điều mà mắt mình đã thấy, hầu cho chẳng một ngày nào của đời người những điều đó lìa khỏi lòng người: phải dạy cho các con và cháu người.<sup>10</sup> Hãy nhớ ngày người châu Giê-hô-va Đức Chúa Trời người tại Hô-rêp, khi Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hãy nhóm hiệp dân sự để ta khiến chúng nghe lời ta, hầu cho tập kính sợ ta đương lúc họ còn sống nơi thế thượng, và dạy lời đó cho con cái mình.<sup>11</sup> Vậy, các người lại gần và đứng dưới núi. --- Vả, núi cả lửa cháy cho đến tận trời; có sự tối tăm, mây mịt mịt và đen kịt. ---<sup>12</sup> Từ trong lửa, Đức Giê-hô-va phán cùng các người; các người nghe một tiếng nói, nhưng không thấy một hình trạng nào; chỉ nghe một tiếng mà thôi.<sup>13</sup> Ngài rao truyền cho các người biết sự giao ước của Ngài, tức là mười điều răn, khiến các người gìn giữ lấy, và Ngài chép mười điều răn ấy trên hai bảng đá.<sup>14</sup> Trong lúc đó, Đức Giê-hô-va cũng phán dặn ta dạy các người những mạng lệnh và luật lệ, để các người làm theo tại trong xứ mà mình sẽ đi vào nhận lấy.”

4:9

NASB

“Chỉ hãy giữ lấy người và chuyên cẩn giữ linh hồn mình”

NKJV

“Chỉ hãy giữ lấy người, lo canh cẩn thận linh hồn mình”

NRSV

“Nhưng hãy cẩn thận và canh giữ chặt chẽ chính mình”

TEV  
NJB

**“Hãy ở trong sự canh giữ! Hãy chắc chắn...”**  
**“Nhưng hãy cẩn thận, như người giá trị cuộc sống mình”**

Cụm từ này có hai THẺ MỆNH LỆNH từ một nguồn gốc chung với nhau:

1. “hãy lưu ý” - BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THẺ MỆNH LỆNH, 4:15; Giô-suê 23:11; Giê-rê-mi 17:21).
2. “giữ” - BDB 1036, KB 1581, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH trong nghĩa “giữ bằng cách làm theo” ( 7:12). Sự vâng phục chính là vấn đề sống-hay-chết ở đây ( 30:15-20)!

} **“e người quên...lia khỏi lòng người”** Hãy xem Phục 8:11-20.

} **“tâm lòng”** Trong tâm lý học Hê-bơ-rơ những cảm xúc chính là trung tâm của tâm lòng. Tâm lòng chính là trung tâm của trí tuệ (đặc biệt là trí nhớ) và tính cách. Đức Chúa Trời phán rằng “Đừng quên đi luật pháp!” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Tâm lòng tại 2:30.

} **“chẳng một ngày nào của đời người”** Một nếp sống kết ước được yêu cầu (câu 10; 6:2; 12:1; 16:3).

} **“phải dạy cho các con và cháu người”** Mạng lệnh này là một chủ đề được lặp lại đều đặn trong Phục Truyền (câu 10; 6:7, 20-25; 11:19; 31:13; 32:46; và ghi chú trong Xuất 10:2; 12:26; 13:8,14). Nếu các tín đồ không dạy dỗ con cái của họ về Đức Chúa Trời, họ đã thất bại trong trách nhiệm là cha mẹ (nói theo nguyên tắc Kinh Thánh)! Đức tin tuân chảy qua các thế hệ gia đình (5:10; 7:9)!

**4:10 “Hãy nhớ ngày người chầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời người tại Hô-rép”** Những thính giả ở đây là con cái của thế hệ xuất hành (ra khỏi Ai Cập). Phần này đặc biệt chỉ đến Xuất Ê-díp-tô Ký 19-20. Hãy nhớ lại những hành động giải cứu vĩ đại của Đức Chúa Trời (ví dụ: cuộc xuất hành ) là một chủ đề được lặp lại đều đặn (5:15; 7:18; 8:2,18; 9:7,27; 11:2; 15:15; 16:3,12; 4:9,18,22; 25:17; 32:7).

} **“hầu cho tập kính sợ ta”** Chúa đã hành động giống như Ngài đã hành động tại ngọn núi Hô-rép để họ sẽ có thể giữ hình ảnh Ngài với một sự kính sợ cách tôn kính (Xuất 20:20; Châm Ngôn 1:7; 9:10; Truyền Đạo 12:15; Ê-sai 11:2-3; Thi 34:11).

**4:11 “núi cả lửa cháy”** ngọn lửa là biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời (Xuất 19:18; Phục 5:23; 9:15; Hê-bơ-rơ 12:18). Nó cũng có thể biểu tượng cho sự tinh sạch. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt ở dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỬA

Lửa có cả hai ý nghĩa tích cực và tiêu cực trong Lời Chúa.

#### A. Tích cực

1. sự ấm áp ( Ê-sai 44:15; Giăng 18:18)
2. ánh sáng ( Ê-sai 50:11; Ma-thi-ơ 25:1-13)
3. nấu nướng ( Xuất 12:8; Ê-sai 44:15-16; Giăng 21:9)
4. làm tinh sạch ( Dân Số Ký 31:22-23; Châm Ngôn 17:3; Ê-sai 1:25; 6:6-8; Giê-rê-mi 6:29; Ma-la-chi 3:2-3)
5. sự thánh khiết ( Sáng 15:17; Xuất 3:2; 19:18; Ê-xê-chi-ên 1:27; Hê-bơ-rơ 12:29)
6. Sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời ( Xuất 12:21; Dân Số Ký 14:14; I Các Vua 18:24)
7. Sự ban năng lực của Đức Chúa Trời ( Công vụ 2:3)

#### B. Tiêu cực

1. đốt ( Giô-suê 6:24; 8:8; 11:11; Ma-thi-ơ 22:7)

2. hủy diệt ( Sáng 19:24; Lê-vi Ký 10:1-2)
  3. sự giận dữ ( Dân Số Ký 21:28; Ê-sai 10:16; Xa-cha-ri 12:6)
  4. hình phạt ( Sáng 38:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15)
  5. dấu hiệu giả của ngày phán xét ( Khải Huyền 13:13)
- C. Con giận của Chúa nghịch cùng được diễn tả bằng ngọn lửa ẩn dụ.
1. Con giận của Ngài bùng cháy ( Ô-sê 8:5; Sô-phô-ni 3:8)
  2. Ngài đổ ra như lửa ( Na-hum 1:6)
  3. ngọn lửa đời đời ( Giê-rê-mi 15:14; 17:4)
  4. sự phán xét ngày tận thế ( Ma-thi-ơ 3:10; 13:40; Giảng 15:6; II Tê-sa 1:7; II Phi-e-rơ 3:7-10; Khải Huyền 8:7; 13:13; 16:8)
- D. Cũng giống như rất nhiều ẩn dụ khác ở trong Kinh Thánh(ví dụ: men, sự tử) ngọn lửa có thể là một phước hạnh hoặc là một sự rửa sạch, phụ thuộc vào bối cảnh mà nó được nhắc đến

**}** “**sự tối tăm, mây mịt mịt và đen kịt**” Sự hiện diện theo vật chất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có thể được hiểu theo hai cách:

1. hoạt động phun của núi lửa - Xuất 19:18; Thi 68:7-8; 77:18; 97:2-5; Các quan xét 5:4-5; II Sa-mu-ên 22:8; Ê-sai 29:6; Giê-rê-mi 10:10
2. cơn bão - Xuất 19:16,19; Thi 68:8; 77:18; Các quan xét 5:4; Ê-sai 29:6; Na-hum 1:3

Vì vậy, sự tối tăm dày đặc (đen kịt)( 5:22; II Sa-mu-ên 22:10; I Các Vua 8:12; II Sử ký 6:1) có thể là:

1. những đám mây tro bụi
2. những đám mây đen mưa

Sự che phủ này là sự bảo vệ của dân Y-sơ-ra-ên (Xuất 19:18). Họ nghĩ rằng nếu con người nhìn lên Đức Chúa Trời thì họ sẽ phải chết ( Sáng 16:13; 32:30; Xuất 3:6; 20:19; 33:20; Các quan xét 6:22-23; 13:22).

**4:12 “nhưng không thấy một hình trạng nào”** Chúa không có hình dạng cơ thể ( Giảng 4:24). Ngài cho phép Môi-se nhìn ngấm “phía sau” Ngài ở trong Xuất 33:23. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn rằng không có bất cứ chân dung cơ thể nào bởi vì xu hướng của con người sa ngã sẽ hướng đến sự thờ hình tượng (trong câu 15-19).

**4:13 “Ngài rao truyền cho các người biết sự giao ước của Ngài”** ĐỘNG TỪ này (BDB 616, KB 665, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH), khi được sử dụng cùng với Chúa là chủ ngữ sẽ chỉ về sự khai thị mới (ví dụ, II Sa-mu-ên 7:11; Ê-sai 42:9; 45:19; A-mốt 4:13).

ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH hàm ý rằng “muời điều răn” chưa phải là tất cả sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Có rất nhiều sự giải thích về ý nghĩa của Mười Điều Răn (Decalog ) trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký và Phục Truyền. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC**

Thuật ngữ Cựu Ước *berith*, giao ước, không dễ để định nghĩa. Không có bất cứ ĐỘNG TỪ phù hợp trong tiếng Hê-bơ-rơ. Mọi cố gắng để tìm nguồn gốc của khái niệm từ nguyên đều được chứng minh là không thuyết phục. Tuy nhiên, tâm điểm hiển nhiên của khái niệm này đã cưỡng ép các nhà học giả phải khảo sát cách sử dụng của từ này để cố gắng xác định ý nghĩa-chức năng của nó. Giao ước là phương tiện mà bởi đó Đức Chúa Trời-chân thật – và - chỉ - một liên hệ với loài người được tạo dựng của Ngài. Khái niệm về giao ước, hiệp ước, hoặc hiệp định là rất quan trọng trong việc hiểu về sự mặc khải Kinh Thánh này. “Sự căng thẳng” (tension) giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí lựa chọn tự do của con người được nhìn thấy một cách rõ ràng trong khái niệm của giao ước. Một vài giao ước được đặt nền tảng bên ngoài đặc tính và hành động của Đức Chúa Trời:

1. Sự Sáng Tạo ( Sáng 1-2)
2. sự kêu gọi Áp-ra-ham ( Sáng 12)

3. Sự Sáng Tạo ( Sáng 1-2)
4. sự kêu gọi Áp-ra-ham ( Sáng 12)
5. giao ước với Áp-ra-ham ( Sáng 15)
6. sự gìn giữ và lời hứa dành cho Nô-ê ( Sáng 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước yêu cầu một sự đáp ứng

1. bởi đức tin A-đam phải vâng lời Chúa và không được ăn trái của cây ở giữa vườn Ê-đen
2. bởi đức tin Áp-ra-ham phải rời khỏi gia đình mình, bước đi theo Chúa, và tin cậy rằng ông sẽ có những dòng dõi hậu tự trong tương lai
3. bởi đức tin Nô-ê phải dựng một con tàu khổng lồ, cách xa những vùng nước và tập hợp những loài động vật
4. bởi đức tin Môi-se đã đem dân Y-so-ra-ên ra khỏi Ai Cập và nhận lấy những hướng dẫn về đời sống xã hội và tôn giáo cùng với những lời hứa về các phước hạnh và các sự rửa sá (Phục 27-29)

Cùng một sự căng thẳng (tension) liên quan đến mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời với con người được đề cập trong “giao ước mới.” Sự căng thẳng có thể dễ dàng nhận thấy khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Có phải giao ước dựa trên những hành động ân điển của Đức Chúa Trời hay là nó đòi hỏi sự đáp ứng của con người? Đây chính là vấn đề thiêu đốt của Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới. Mục đích của cả hai là giống nhau: (1) sự phục hồi mối quan hệ đã mất ở trong Sáng 3 và (2) sự thiết lập một dân tộc công bình là những người phản chiếu đặc tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 xử lý tình trạng căng thẳng bằng việc loại bỏ sự thi hành của con người bằng phương tiện của sự chấp nhận đạt được. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở nên một sự khao khát từ bên trong thay vì sự biểu hiện bên ngoài. Mục đích là một dân tộc công bình, tin kính vẫn giống nhau không thay đổi, nhưng phương pháp luận thay đổi. Con người sa ngã đã chứng minh chính mình không thể phù hợp để trở thành hình ảnh phản chiếu của Đức Chúa Trời. Nan đề ở đây không phải là giao ước, nhưng là sự tội lỗi và yếu đuối của con người ( Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Sự căng thẳng tương tự giữa những giao ước Cựu Ước có điều kiện và không có điều kiện vẫn tiếp tục còn lại ở trong Tân Ước. Sự Cứu Rỗi tất nhiên là miễn phí trong sự hoàn tất công việc của Chúa Giê-xu Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (vừa ban đầu vừa liên tục). Nó vừa là một sự công bố hợp pháp chính thức vừa là sự kêu gọi trở nên giống như Đấng Christ, một sứ điệp biểu thị của sự chấp nhận và một mạng lệnh đến với sự thánh khiết! Các tín đồ không phải được cứu bởi việc làm của họ, nhưng được cứu trong sự vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Đời sống tin kính trở thành bằng chứng của sự cứu chuộc, không phải phương tiện của sự cứu chuộc. Đây là tình trạng căng thẳng có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong sách Hê-bơ-rơ.

✂ “**mười điều răn**” nghĩa đen có nghĩa là “mười lời phán” (BDB 797 GHEP (với)182) và được biết đến trong tiếng Hy Lạp là Mười Điều Răn (Decalogue). Chúng rất ngắn gọn, một sự tóm lược của sự mặc khải của Đức Chúa Trời (Xuất 20; Phục Truyền 5).

✂ “**Ngài chép mười điều răn ấy**” Chính Ngài đã viết (phép tu từ hình nhân (anthropomorphic)), Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15 “mười lời phán” ( Xuất 31:8; 32:15-16). Sự bày tỏ theo nghĩa đen của câu này không ảnh hưởng đến nguồn gốc thiên thượng của những mạng lệnh ấy!

✂ “**hai bảng đá**” Từ những khám phá khảo cổ gần đây và những gì chúng ta gọi là Những Hiệp Định Chư Hầu Hê-tít (Suzerain Hittite Treaties) (vào thiên niên kỷ thứ hai T.C.), chúng ta biết rằng Phục Truyền được viết theo cấu trúc và định dạng văn học của những hiệp định này. Tôi nghĩ rằng “hai bảng đá” chỉ đến hai bản chính xác của mười điều răn vốn được đòi hỏi bởi những khuôn mẫu của hiệp định (đó cũng là những tư liệu của những hành động trong quá khứ của thế lực mạnh hơn là phía thảo ra hiệp định đó, ví dụ, Phục Truyền 1-4). Từ đó thiết lập phần lịch sử của Phục Truyền. Hãy xem phần dẫn nhập vào sách, trang vii.

**4:14 “để các người làm theo”** Chỉ biết ý muốn Chúa là không đủ cho cuộc đời của bạn, nhưng phải thực hiện nó ( những câu 1,2,5,6; Lu-ca 6:46; Gia-cơ 2:14-20).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:15-20**

<sup>15</sup> “Vậy, các người hãy cẩn thận giữ lấy linh hồn mình cho lắm, vì các người không có thấy một hình trạng nào trong ngày Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, từ nơi giữa lửa phán cùng các người, tại Hô-rêp; <sup>16</sup> e các người phải làm hư hoại cho mình chẳng, và làm một tượng chạm nào, tạo hình trạng của tà thần nào, hoặc hình của người nam hay người nữ, <sup>17</sup> Hoặc hình của con thú nào đi trên đất, hoặc hình của vật nào có cánh bay trên trời, <sup>18</sup> hoặc hình của loài côn trùng nào bò trên đất, hay là hình của con cá nào ở trong nước dưới đất; <sup>19</sup> lại, e khi người ngược mắt lên trời thấy mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tức là toàn cả thiên binh, thì người bị quyến dụ quì xuống trước các vì đó, và thờ lạy các tinh tú này mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chia phân cho muôn dân dưới trời chẳng. <sup>20</sup> Còn các người, Đức Giê-hô-va đã chọn và rút các người khỏi lò lửa bằng sắt kia, là xứ Ê-díp-tô, để các người thành một dân riêng của Ngài, y như các người đã là điều đó ngày nay.

**4:15**

NASB “Hãy canh giữ cẩn thận chính mình”  
NKJV “Hãy cẩn thận lưu ý chính mình”  
NRSV “hãy cẩn thận và canh giữ chặt chẽ chính mình”  
TEV “Để tốt lành cho chính người, vậy, hãy chắc chắn”  
NJB “hãy rất cẩn thận về những gì người sẽ làm”

ĐỘNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH) được sử dụng trong 4:2,6,9(hai lần),15,23,40. Những hành động của Y-sơ-ra-ên được kết nối có điều kiện với giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Họ đã phải rất vất vả tránh xa sự thờ hình tượng ( 5:8-10).

**4:16 “làm hư hoại cho mình chẳng, và làm một tượng chạm”** Đây là một sự dẫn chứng về con bò vàng ( Xuất 32) liên hệ với việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không có cơ thể vật chất. Người Y-sơ-ra-ên bị bày tỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bằng bất cứ vật thể vật lý nào ( trong câu 16-18,23,25; 5:8; Xuất 20:4).

⌋ **“hoặc hình của người nam hay người nữ”** Khuynh hướng của loài người là khiến Đức Chúa Trời giống như người nam hoặc người nữ. Nếu chúng ta đặt Chúa trong hình thể của con người, chúng ta đã đặt Ngài vào trong một hình thể mà chúng ta có thể điều khiển.

**4:17 “hình của con thú nào”** Cụm từ này có thể chỉ về (1) cách sử dụng động vật của các quốc gia khác để đại diện cho các vị thần và nữ thần của họ hoặc (2) các tính chất của các loài động vật để diễn tả về Đức Chúa Trời.

**4:18 “bò trên đất”** Cụm từ này có lẽ chỉ về Bọ cánh cứng Scarab của người Ai Cập là con vật linh thiêng đối với họ

**4:19 “mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tức là toàn cả thiên binh”** Những người cổ đại, cũng như hiện đại (từ vi-chiêm tinh) cảm thấy các ngôi sao đại diện cho các thế lực hoặc sức mạnh nắm quyền điều khiển cuộc sống của con người. Sự thờ phượng những vật thể có nguồn gốc từ trăng sao có vẻ đã bắt nguồn từ Ba-by-lôn (Sáng Thế Ký 1 có thể là một sự chống lại đối với hình thức thờ hình tượng, cũng giống như Xuất 20 là một sự chống lại sự thờ hình tượng của người Ai Cập). Y-sơ-ra-ên phải mạnh mẽ chối bỏ hình thức thờ hình tượng này!

⌋ **“mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chia phân cho muôn dân”** ĐỘNG TỪ này (BDB 323, KB 322, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “phân chia” nhưng trong nghĩa của sự phân phối hoặc chia phần. Câu này có thể hàm ý là Chúa khích lệ sự thờ phượng trăng sao, nhưng tôi nghĩ rằng thay vì nghĩa đó là một cách khác để chỉ về sự toàn năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên toàn thế gian ( 29:26; 32:8). Sự thờ hình tượng chưa bao giờ là kế hoạch hoặc ý định của Đức Chúa Trời dành cho con người.

**4:20 “lò lửa bằng sắt”** Một lò lửa thường lấy những quặng chưa sử dụng được, đốt nóng nó và tạo thành kim loại

có thể sử dụng được. Đây là ẩn dụ tương đồng về những gì Chúa đã làm cho Y-sơ-ra-ên tại Ai Cập ( I Các Vua 8:51; Giê-rê-mi 11:4 và cùng một ẩn dụ ở trong sách Ê-sai 48:10).

✂ **“thành một dân riêng của Ngài”** Đây là một tước hiệu đặc biệt dành do dân giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, Xuất 19:5; Phục 7:6; 14:2; 26:18; Titus 2:14; và I Phi-e-rơ 2:9). Họ có một phần thừa kế thiên thượng (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cùng với đất đai) bởi vì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thậm chí đã chọn họ từ trước cả sự Sáng Tạo ( 32:8-9; Thi 33:6-12; Giê-rê-mi 10:16; 51:19) để họ đại diện cho chính mình Ngài đối với thế gian.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:21-24**

<sup>21</sup> “Đoạn, Đức Giê-hô-va, vì có các người, nổi giận cùng ta, có thể rằng ta không được đi ngang qua sông Giô-đanh, và chẳng đặng vào xứ tốt đẹp mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người làm sản nghiệp. <sup>22</sup> Vì ta phải chết trong xứ này, không đi ngang qua sông Giô-đanh được; nhưng các người sẽ đi qua và nhận lấy xứ tốt đẹp ấy. <sup>23</sup> Khá cẩn thận giữ lấy mình, chớ quên sự giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã lập cùng các người, và chớ làm tượng chạm nào, hình của vật nào mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã cấm; <sup>24</sup> vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người như một đám lửa tiêu cháy, là Đức Chúa Trời hay kỳ tà. ”

**4:21 “Đức Giê-hô-va, vì có các người, nổi giận cùng ta”** Môi-se đang nhắc nhở dân sự về sự hình phạt của Chúa đối với ông bởi vì sự không vâng phục (1:37; 3:26; Dân Số Ký 20:7-13). Nếu họ không vâng phục, họ cũng sẽ bị hình phạt!

**4:23 “Khá cẩn thận giữ lấy mình”** ĐÔNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH) được lặp lại khá thường xuyên trong phân đoạn này. Có những lợi ích của giao ước, nhưng giao ước cũng bao gồm những hậu quả (4:25; đoạn 27-29).

✂ **“chớ quên sự giao ước”** ĐÔNG TỪ này (BDB 1013, KB 1489, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) cũng được tìm thấy ở một vài nơi khác trong phân đoạn này (trong câu 9,23,31) cũng ở trong 6:12; 8:11,14,19[hai lần]; 9:7; 24:19[hai lần]; 25:19; và 30:13; 31:21; 32:18. Đây là một chủ đề lớn được lặp đi lặp lại!

**4:24 “ghen tỵ (kỳ tà)”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả trong câu này trong hai cách:

1. “một đám lửa tiêu cháy” (BDB 77 và BDB 37, KB 46, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, Xuất 24:17; Phục 4:24; 9:3; Hê-bơ-rơ 12:29) chỉ đến
  - a. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Đức Chúa Trời ban ra giao ước tại núi Si-nai
  - b. Ngài là Đức Chúa Trời của sự phán xét nếu như giao ước bị vi phạm
2. “một Đức Chúa Trời ghen tỵ” (BDB 888 và 42, Xuất 20:5; 34:14; Phục 5:9; 6:15; Giô-suê 24:19) chỉ về giao ước yêu thương, cá nhân của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên, đây là một sự tương đồng tu từ với giao ước hôn nhân (Ô-sê 1-3). Giao ước đổ vỡ gây nên sự chối bỏ ví dụ: Giô-suê 24:19; Na-hum 1:2). Từ này có nghĩa rất rộng:
  - a. sự đam mê - Châm 6:34; Nhã Ca 8:6
  - b. cơn giận – Châm 14:30; 27:4
  - c. sự ghen tương - Sáng 26:14; Dân Số Ký 5:11-22; Ê-xê-chi-ên 31:9
  - d. tranh đấu - Truyền Đạo 4:4
  - e. sự tận tụy - Dân Số Ký 11:29(danh sách từ NIDOTTE, quyển 3, trang 938)

Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Đức Chúa Trời được Mô tả như Con người (Ngôn ngữ Tu từ hình nhân (Anthropomorphic Language)) tại 2:15.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:25-31**

<sup>25</sup> “Khi các người sẽ có con cùng cháu, và khi đã ở lâu trong xứ rồi, nếu các người làm bại hoại mình, làm tượng chạm nào, hình của vật chi mặc dầu, mà hành ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người

**để chọc Ngài nổi giận,**<sup>26</sup> thì ngày nay ta bắt trời và đất làm chứng quyết cho các ngươi rằng các ngươi sẽ chết tội, và khuất mắt khỏi xứ mà mình sẽ đi nhận lấy tại bên kia sông Giô-đanh. Các ngươi chẳng ở đó lâu dài đâu, nhưng sẽ bị tận diệt.<sup>27</sup> Đức Giê-hô-va sẽ tản lạc các ngươi trong các nước, chỉ còn lại số nhỏ trong các nước mà Đức Giê-hô-va sẽ dẫn các ngươi vào; <sup>28</sup> ở đó các ngươi sẽ cúng thờ những thần bằng cây và bằng đá, là công việc của tay loài người làm nên, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng ăn, cũng chẳng ngủ.<sup>29</sup> Ở đó ngươi sẽ tìm cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, và khi nào hết lòng hết ý tìm cầu Ngài thì mới gặp.<sup>30</sup> Khi ngươi bị gian nan, và các việc này xảy đến cho ngươi, bấy giờ trong ngày cuối cùng, ngươi sẽ trở về cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, và vâng theo tiếng Ngài.<sup>31</sup> Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi là Đức Chúa Trời hay thương xót sẽ không bỏ ngươi và không hủy diệt ngươi đâu; cũng chẳng quên sự giao ước mà Ngài đã thề cùng các tổ phụ ngươi. "

**4:25 “khi đã ở lâu trong xứ rồi”** Đây không nặng về một lời hứa cho một cá nhân về sự trường thọ, nhưng là một lời hứa tập thể đến các xã hội nơi mà cha mẹ dạy dỗ con cái về Đức Chúa Trời và con cái tôn kính cha mẹ mình. Những gia đình vững chắc hình thành những xã hội vững chắc (ví dụ, những câu 9, 10,40 and 5:16,33).

✂ **“làm bại hoại”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1007, KB 1469, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “làm hư hỏng” hoặc “tàn phá” và, bởi sự mở rộng ẩn dụ, chỉ đến những sự vi phạm giao ước (ví dụ, sự thờ hình tượng, 4:16,25; 9;12; 31:29).

✂ **“để chọc Ngài nổi giận”** Cụm từ này là một *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (BDB 494, ví dụ, 32:21; I Các Vua 15:30; 16:13). Một lần nữa, ngôn ngữ tu từ hình nhân mô tả phản ứng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với tội lỗi của con người! Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15.

**4:26 “ngày nay ta bắt trời và đất làm chứng quyết cho các ngươi”** Câu này là một phần của Những Hiệp Định Chur Hâu Hê-tít (Suzerain Hittite Treaties) (cần một nhân chứng thuộc linh hùng mạnh, Dẫn nhập vào Sách, VII). Đây là hai điều vĩnh cửu nhất ở trong toàn thể tạo vật vật chất được thọ tạo. Chúng thường được gọi bởi Đức Chúa Trời để hành động như những chứng nhân. Nó cũng phản ánh trong hệ thống pháp luật của người Y-sơ-ra-ên cần hai nhân chứng trong một vụ xử án trước tòa ( Xuất 35:30; Phục 17:6; 19:15). Cụm từ này thường được sử dụng trong mối liên hệ với sự phê chuẩn giao ước với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 4:26; 30:19; 31:28).

✂ **“các ngươi sẽ chết tội, và khuất mắt khỏi xứ”** Hãy xem Phục 27-29, nhưng hãy chú ý sự cân bằng thần học trong câu 31. Không được giúp đỡ, con người sa ngã không còn hy vọng nào cho sự vâng giữ giao ước! ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-36).

**4:27 “tản lạc các ngươi trong các nước”** Điều này có vẻ tiên đoán sự phụ tù của dân giao ước bởi A-si-ri (722 TC) và Ba-by-lôn (605, 597, 586, 582 TC), vốn được tiên tri trước tại 28:64 và 29:28.

✂ **“chỉ còn lại số nhỏ”** Đây là một phần của hậu quả liên quan đến việc phá vỡ giao ước. Nó trái ngược với giao ước phước hạnh được hứa với Áp-ra-ham trong Sáng 15:5.

**4:28 “các ngươi sẽ cúng thờ những thần ... là công việc của tay loài người”** ĐỘNG TỪ “phụng sự” (BDB 712, KB 773, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) được sử dụng trong nghĩa của sự thờ phượng hoặc thực hiện một nhiệm vụ tôn giáo:

1. cách tích cực, đối với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - Xuất 3:12; 4:23; Phục 6:13; I Sa-mu-ên 7:3
2. cách tiêu cực đối với các thần khác - Xuất 23:33; Phục 4:19,28; Giô-suê 23:7; Các quan xét 2:10,19; 10:6,10; I Sa-mu-ên 22:10; I Các Vua 16:31; II Các Vua 17:12  
Nguyên gốc Hê-bơ-rơ của từ này trở thành một danh xưng được tôn trọng: tôi tớ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:
  1. Các Tổ phụ - Xuất 32:13; Phục 9:27
  2. Ca-lép - Dân Số Ký 14:24
  3. Môi-se - Xuất 14:31; Dân Số Ký 12:7; Phục 34:5; I Các Vua 8:53
  4. Giô-suê - Giô-suê 24:29
  5. Đa-vít - I Sa-mu-ên 23:10; 25:39
  6. Ê-sai - Ê-sai 20:3



7. Đấng Mê-si - Ê-sai 53; Xa-cha-ri 3:8
8. Nê-bu-cát-nét-xa - Giê-rê-mi 25:9; 27:6; 43:10
9. Si-ru - Ê-sai 44:28; 45:1
10. quốc gia Y-sơ-ra-ên - Ê-sai 41:8; 44:1-2; 45:4

Những trích dẫn trong câu 26,27,28 chỉ về bản chất điều kiện của lời hứa của Đức Chúa Trời (ví dụ, câu 26, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mang họ ra khỏi xứ; câu 27, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tản lạc họ ra khắp các dân; câu 28, họ thấy sự thờ hình tượng trực tiếp) và sự ngu dốt của tội thờ hình tượng!

**4:29 “ngươi sẽ tìm cầu Giê-hô-va”** ĐỘNG TỪ này(BDB 134, KB 152, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “tìm kiếm” sự phục hồi mối quan hệ giao ước với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vốn đã bị đổ vỡ bởi sự không vâng lời. Sự ăn năn đòi hỏi sự kết ước toàn diện (ví dụ, “với tất cả tâm lòng và linh hồn (hết lòng hết ý)” 26:16; 30:2,10).

Sự tha thứ của Đức Chúa Trời luôn luôn sẵn sàng đối với sự ăn năn thật (câu 29-31; 30:1-3,10). Sự ăn năn thật không phải là một việc làm môi lưỡi, nhưng là đức tin hoàn chỉnh. Sự ăn năn phải là một sự thay đổi đời sống, không phải là cảm xúc. Chúng ta thấy những ví dụ của sự ăn năn cạn cợt, ngăn ngui trong Ô-sê 6:1-3 và Giê-rê-mi 3:21-25.

Nếu họ tìm kiếm Ngài, họ sẽ tìm được ( Giê-rê-mi 24:7; 29:13). Không khó để tìm kiếm ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài chỉ trông đợi dân sự Ngài bày tỏ đặc tính của Ngài! Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 30:2.

**4:30** Môi-se tiên tri về sự phản nghịch của Y-sơ-ra-ên, và Giô-suê cũng vậy ( Giô-suê 24:19-28). Sự sa ngã đã làm hư hại về mặt thuộc linh đối với khả năng vâng lời Chúa của con người ( Rô-ma 1-3; Ga-la-ti 3).

Hãy chú ý rằng mặc dầu câu 26 có vẻ như hàm ý về một sự phán xét tức thì nhưng câu 27 lại nói về sự phu tù bởi người A-si-ri (722 TC) và người Ba-by-lôn (605, 597, 586, 582 TC) và câu 30 nói về một sự phán xét cuối cùng (“trong ngày cuối cùng”). Y-sơ-ra-ên phải liên hệ theo giao ước với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Họ có thể làm được bởi sự vâng phục theo giao ước (mà Rô-ma 1-3 và Ga-la-ti 3 cho biết điều này là không thể) hoặc họ có thể làm được bởi giao ước mới đức tin/ sự ăn năn qua Chúa Giê-xu. Tất cả mọi tín hữu đều cầu nguyện cho một cuộc phấn hưng ngày-cuối giữa dân tộc Do Thái(có lẽ trong Xa-cha-ri 12:10 hoặc Rô-ma 11).

**4:31 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi là Đức Chúa Trời hay thương xót”** Để xem về những danh xưng của Đấng Thánh (*El, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Elohim*) hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

TÍNH TỪ “hay thương xót” (BDB 933) có nghĩa là “đầy sự thương xót ” hoặc “động lòng thương xót.” Nó là một trong những đặc tính được sử dụng để bày tỏ về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA Y-SƠ-RA-ÊN**

1. Hay thương xót (BDB 933) - Xuất 34:6; Phục 4:31; II Sứ ký 30:9; Thi 86:15; 103:8; 111:4; Nê-hê-mi 9:17,31; Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
2. Nhân từ (BDB 337) - Xuất 34:6; II Sứ ký 30:9; Thi 86:15; 103:8; 111:4; Nê-hê-mi 9:17,31; Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
3. Chậm nóng giận (BDB74 TỪGHÉP BDB 60) - Xuất 34:6; Thi 86:15; 103:8; Nê-hê-mi 9:17; Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
4. giàu lòng yêu thương vững bền (BDB 912 I TỪGHÉP BDB 338) - Xuất 34:6-7; Thi 86:15; 103:8; Nê-hê-mi 9:17; Giô-ên 2:13; Giê-rê-mi 42:5
5. Thành tín (BDB 54) - Phục 7:9; Ê-sai 49:7; Giô-na 42:5
6. dư dật sự tha thứ (BDB 699) - Nê-hê-mi 9:17
7. Không bao giờ bỏ rơi họ (BDB 736 I) - Nê-hê-mi 9:17,31
8. Đối ý về sự tai vạ (BDB 636, KB 688, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ + BDB 948) - Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
9. Đức Chúa Trời vĩ đại (BDB 42, 152) - Nê-hê-mi 1:5; 9:32

- |  |  |
|--|--|
| 10. Đức Chúa Trời vĩ đại và đáng kính sợ (BDB 152, 431) - Nê-hê-mi 1:5; 4:14; 9:32 |  |
| 11. Giữ giao ước của Ngài (BDB 1036, 136) - Nê-hê-mi 1:5; 9:32                     |  |
| 12. yêu thương vững bền (BDB 338) - Nê-hê-mi 1:5; 9:32                             |  |

**} “(Ngài) sẽ không bỏ người và không hủy diệt người đâu; cũng chẳng quên sự giao ước mà Ngài đã thề cùng các tổ phụ người”** Có ba ĐỘNG TỪ phủ định:

1. Bỏ - BDB 951, KB 1276, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (nghĩa đen là “đề cho đôi tay buông”), Có nghĩa là bỏ rơi hoặc từ bỏ (31:6,8; Giô-suê 1:5; 10:6; I Sứ ký 28:20; Hê-bơ-ơ 13:5)
2. Hủy diệt - BDB 1007, KB 1469, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, có nghĩa là “tàn phá” “làm đổ nát” và “hủy diệt” (9:26; 10:10; Giê-rê-mi 30:11)
3. quên - BDB 1013, KB 1489, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (Lê-vi Ký 20:45; Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Lời Hứa Giao Ước dành cho Các Tổ Phụ tại 9:5)

Vấn đề thần học đầy khó khăn này là làm thế nào để nắm được những lời hứa cách sâu sắc trong mối liên hệ với những yêu cầu theo giao ước trước đó. Sự bất khả của Y-sơ-ra-ên trong việc gìn giữ giao ước đã được ghi lại trong lịch sử của họ và trong những tác phẩm của Phao-lô (Rô-ma 2-3; Ga-la-ti 3). Nhu cầu cho một “giao ước mới” dựa vào hành động của con người nhưng ý định thiên thượng và hành động chính là sự trả lời của Đức Chúa Trời. (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi, nhưng Y-sơ-ra-ên thì không như vậy! Sự đòi hỏi của Đức Chúa Trời về một dân công bình đã không thể được đáp ứng bởi sự cố gắng hay ý chí của con người! Chúng ta cần một tâm lòng mới và một tâm linh mới!

Bạn phải quyết định! Có phải Cựu Ước cần phải được xem xét qua Tân Ước hay Tân Ước phải được xem qua Cựu Ước? Có phải sự tập chú là vào Y-sơ-ra-ên hoặc cả thế giới? Là vấn đề đức tin hay dòng dõi? Nếu ở đây là một vấn đề “đan xen” giữa kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời về sự cứu chuộc, thì nó không phải là hội thánh (ví dụ, giai đoạn thần thị thuyết (dispensationalism), nhưng là Y-sơ-ra-ên!

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẠI SAO NHỮNG LỜI HỨA GIAO ƯỚC TRONG CỰU ƯỚC DƯỜNG NHƯ KHÁC BIỆT VỚI NHỮNG LỜI HỨA GIAO ƯỚC TRONG TÂN ƯỚC**

Xuyên suốt qua nhiều năm học của tôi về lai thế học, tôi đã nhận ra rằng phần lớn Cơ Đốc Nhân không có hoặc không muốn biết về một niên đại học về ngày cuối cùng được phát triển, hệ thống đầy đủ. Có một vài Cơ Đốc Nhân là những người tập chú hoặc chọn chuyên đề này vì những lý do thần học, tâm lý học hoặc hệ phái. Những Cơ Đốc Nhân này có vẻ trở nên bị ám ảnh về việc tất cả sẽ kết thúc như thế nào, và vì vậy trong cách nào đó đã mất đi sự thúc đẩy mạnh mẽ của phúc âm! Các tín đồ không thể tác động đến thời điểm của lai thế học (ngày cuối cùng) thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể tham gia vào mạng lệnh phúc âm (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Phần lớn các tín đồ đều xác quyết về Lần Đến Thứ Hai của Đấng Christ và một sự cực độ ngày-cuối-cùng của những lời hứa của Đức Chúa Trời. Những vấn đề giải kinh bắt đầu xuất hiện từ việc chúng ta hiểu như thế nào sự cực độ tạm thời này bắt nguồn từ một vài những nghịch lý theo Kinh thánh.

1. sự giăng co (tension) giữa những khuôn mẫu mang tính tiên tri theo Giao ước Cũ và những khuôn mẫu mang tính sứ đồ theo Giao Ước Mới
2. sự giăng co giữa chủ nghĩa độc thần của Kinh Thánh (Đức Chúa Trời chỉ một cho tất cả) và sự chọn lựa của Y-sơ-ra-ên (một dân tộc đặc biệt)
3. sự giăng co giữa khía cạnh điều kiện của những giao ước kinh thánh và những lời hứa (“nếu... thì”) và sự thành tín không điều kiện của Đức Chúa Trời đối với sự cứu chuộc con người sa ngã.
4. sự giăng co giữa thể loại văn học Cận Đông so với các khuôn mẫu văn học phương tây hiện đại
5. sự giăng co giữa Vương quốc của Đức Chúa Trời ngay trong hiện tại nhưng vẫn còn đến trong tương lai
6. sự giăng co giữa niềm tin về sự trở lại của Đấng Christ sẽ sắp xảy ra và niềm tin rằng nhiều sự kiện sẽ phải xảy ra trước.
7. Chúng ta hãy bàn luận về những sự giăng co này cùng một lần.

## SỰ GIẢNG CO THỨ NHẤT (Các phạm trù về chủng tộc, quốc gia và địa lý so với tất cả những người tin Chúa trên khắp thế giới)

Những nhà tiên tri ở trong Cựu Ước tiên tri về một sự phục hồi của một quốc gia Do Thái tại khu vực Palestine với trung tâm tại Giê-ru-sa-lem nơi mà tất cả mọi quốc gia trên thế giới sẽ tập hợp lại để ngợi khen và phụng sự một Đấng cai trị thuộc dòng dõi, nhưng Chúa Giê-xu cũng như những Sứ Đồ trong Tân Ước không tập chú vào chương trình này. Có phải Cựu Ước không được thần cảm? (Ma-thi-ơ 5:17-19)? Hoặc là những tác giả Tân Ước đã bỏ quên mất sự kiện then chốt của thời kỳ sau rốt?

Có một vài nguồn thông tin về thời kỳ kết thúc của thế giới:

1. Các tiên tri trong Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. Những tác phẩm Khải thị (apocalyptic) Cựu Ước ( Ê-xê-chi-ên 37-39; Đa-ni-ên 7-12; Xa-cha-ri)
3. Những tác phẩm không-kinh-điển trong thời kỳ-hai-thế kỷ trước và sau Chúa Giê-xu của các tác giả Do Thái (intertestamental, non-canonical Jewish apocalyptic writers) (ví dụ: I Enoch, vốn là một nguồn gián tiếp trong sách Giu-đe)
4. Chính Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Những tác phẩm của Phao-lô ( I Cô-rinh-tô 15; II Cô-rinh-tô 5; I Tê-sa 4-5; II Tê-sa 2)
6. những tác phẩm của Giảng (I Giảng và Khải Huyền).

Có phải tất cả đều dạy một cách rõ ràng về chương trình của thời kỳ cuối cùng (những sự kiện, niên đại, các nhân vật)? Nếu không, tại sao? Hay là không phải tất cả chúng đều được thần cảm (ngoại trừ các tác phẩm Do Thái trong hai thế kỷ trước và sau Chúa Giê-xu)?

Đức Thánh Linh mặc khải những lẽ thật cho các tác giả Cựu Ước trong các thuật ngữ và phạm trù mà họ có thể hiểu được. Tuy nhiên, bởi một sự mặc khải theo tiến trình mà Đức Thánh Linh đã mở rộng những khái niệm lai thế học Cựu Ước này trở thành một viễn cảnh toàn cầu (universal scope) (“Sự mầu nhiệm của Đấng Christ,” Ê-phê-sô 2:11-3:13. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 10:6). Ở đây có một vài ví dụ thích hợp:

1. Thành Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước được sử dụng như là một phép ẩn dụ thay cho dân sự của Đức Chúa Trời (Si-ôn), nhưng chiếu vào trong Tân Ước trở thành một thuật ngữ bày tỏ về sự chấp nhận tất cả những ai ăn năn tin nhận (Giê-ru-sa-lem mới trong Khải Huyền 21-22). Sự mở rộng thần học của một thành phố vật chất, thực sự đã trở thành một dân mới của Đức Chúa Trời (những người Do Thái và người ngoại tin nhận) là một sự báo hiệu trước trong lời hứa cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho con người sa ngã trong Sáng 3:15, từ trước rất lâu bắt cứ người Do Thái hoặc thành phố Do Thái nào xuất hiện. Ngay cả sự kêu gọi Áp-ra-ham ( Sáng 12:1-3) cũng bao gồm cả Dân ngoại (Gentiles) ( Sáng 12:3; Xuất 19:5).
2. Trong Cựu Ước, những kẻ thù của dân Chúa là những đất nước lân cận tại khu vực Cận Đông Cổ Đại, nhưng ở trong Tân Ước, chúng được mở rộng thành tất cả những người không tin, chống nghịch-Đức Chúa Trời, những người bị linh cảm điều khiển bởi Satan. Cuộc chiến đã di chuyển từ một sự xung đột khu vực, địa lý trở thành xung đột toàn cầu, toàn vũ trụ (Cô-lô-se).
3. Đất hứa vốn là một bộ phận nhỏ trong Cựu Ước (những lời hứa dành cho các Tở phụ trong Sáng Thế Ký, Sáng 12:7; 13:15; 15:7,15; 17:8) đã trở thành toàn thể trái đất. Giê-ru-sa-lem mới hạ xuống trở thành trái đất được dựng mới, không chỉ hoặc ngoại trừ khu vực Cận Đông ( Khải Huyền 21-22).
4. Một vài những ví dụ khác ở trong các khái niệm mang tính tiên tri trong Cựu Ước được mở rộng là:
  - a. dòng dõi Áp-ra-ham nay trở thành những người cắt bì theo nghĩa thuộc linh ( Rô-ma 2:28-29)
  - b. dân giao ước nay bao gồm cả Dân Ngoại ( Ô-sê 1:10; 2:23, được trích trong Rô-ma 9:24-26; và cả Lê-vi Ký 26:12; Xuất 29:45, được trích trong II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất 19:5; Phục 14:2, được trích trong Tít 2:14)
  - c. đền thờ nay là Chúa Giê-xu ( Ma-thi-ơ 26:61; 27:40; Giảng 2:19-21) và qua Ngài là hội thánh địa phương ( I Cô-rinh-tô 3:16) hoặc mỗi cá nhân tín hữu ( I Cô-rinh-tô 6:19)
  - d. ngay cả Y-sơ-ra-ên và những cụm từ Cựu Ước có tính chất mô tả của nó bây giờ chỉ về toàn thể dân Chúa (ví dụ, “Y-sơ-ra-ên” trong Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 6:16, hoặc “vương quốc thầy tế lễ” trong I Phi-e-rơ 2:5, 9-10; Khải Huyền 1:6)

Khuôn mẫu tiên tri đã được ứng nghiệm và được mở rộng và nay trở thành toàn bộ. Chúa Giê-xu và các tác giả Sứ Đồ không trình bày về Ngày-sau-rốt theo cùng một cách như những tiên tri Cựu Ước (theo cuốn *Tương lai của Vương Quốc trong những Lời Tiên Tri và Sự Ứng Nghiệm (The Future of The Kingdom in Prophecy and Fulfillment)* được viết bởi Martin Wyngaarden. Những nhà giải kinh hiện đại cố gắng ép những khuôn mẫu Cựu Ước đi theo nghĩa đen hoặc xoay chuẩn của sách Khải Huyền trở một sách theo kiểu Do Thái và cưỡng ép nghĩa những cụm từ của Phao-lô và Chúa Giê-xu trở nên vụn vặt và khó hiểu! Những tác giả Tân Ước không phủ nhận những tiên tri Cựu Ước nhưng bày tỏ những ảnh hưởng cuối cùng mang tính toàn cầu trong tương lai. Do đó, không có bất cứ một hệ thống lai thế học nào trật tự và lô-gic theo Chúa Giê-xu hoặc Phao-lô. Mục đích ưu tiên của họ là sự cứu chuộc hoặc chặn bày.

Tuy nhiên, ngay cả trong Tân Ước cũng có những sự giằng co. Không có một hệ thống rõ ràng của những sự kiện lai thế học. Trong nhiều cách khác nhau, Khải Huyền sử dụng những ẩn dụ (allusion) Cựu Ước một cách đáng kinh ngạc để diễn đạt về ngày cuối cùng trong những dạy dỗ của Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 24; Mark 13)! Nó theo khuôn mẫu (thể loại) văn học được khởi đầu bởi Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri, nhưng sau đó phát triển trong thời kỳ hai-thế-kỷ trước và sau Chúa Giê-xu (intertestamental period) (Văn học Khải thị Do Thái (Jewish apocalyptic literature)). Điều này có thể luôn ở trong cách mà Giảng liên hệ với những Giao Ước Cựu và Tân Ước. Nó bày tỏ khuôn mẫu của sự phản nghịch của con người và sự kết ước cứu chuộc của Đức Chúa Trời; Nhưng cũng cần ghi chú rằng mặc dù Khải Huyền sử dụng ngôn ngữ, những nhân vật và những sự kiện Cựu Ước nhưng nó giải nghĩa lại chúng trong ánh sáng của thế kỷ thứ nhất Rô-ma ( Khải Huyền 1:7).

### **SỰ GIẰNG CO THỨ HAI** (tư tưởng độc thần và một tuyến dân được lựa chọn)

Sự nhấn mạnh theo kinh thánh của một Đức Chúa Trời thân vị, thuộc linh, sáng tạo và giải cứu ( Xuát 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7). Sự độc nhất của Cựu Ước trong thời kỳ của sách chính là tính độc thần của nó. Mọi quốc gia xung quanh đều là những nước đa thần giáo. Sự duy nhất của Đức Chúa Trời chính là tâm điểm của sự mặc khải Cựu Ước ( Phục 6:4). Sự Sáng Tạo là một giai đoạn của mục đích của mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người, được tạo dựng trong hình và ảnh tượng của Ngài ( Sáng 1:26-27). Tuy nhiên, nhân loại chống nghịch, phạm tội nghịch lại tình yêu thương, sự dẫn dắt và mục đích của Đức Chúa Trời ( Sáng 3). Tình yêu và mục đích của Đức Chúa Trời đã mạnh mẽ và chắc chắn đến nỗi Ngài đã hứa sẽ cứu chuộc nhân loại sa ngã ( Sáng 3:15)!

Sự căng thẳng nổi lên khi Chúa chọn để sử dụng một người, một gia đình, một quốc gia để vươn đến phần còn lại của nhân loại. Sự lựa chọn Áp-ra-ham và người Do Thái như là một vương quốc của (những) thầy tế lễ ( Xuát 19:4-6) đã gây nên sự kiêu ngạo thay vì sự phụng sự, aused pride instead of service, sự loại trừ thay vì sự bao gồm. Sự kêu gọi Áp-ra-ham của Đức Chúa Trời đã bao gồm sự phước hạnh đã được định trước cho cả nhân loại ( Sáng 12:3). Cần nhớ rõ và nhấn mạnh rằng sự lựa chọn Cựu Ước là một sự phụng sự, không phải là sự cứu rỗi. Cả Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ làm đúng trước Chúa, chưa bao giờ được cứu chuộc đời đời chỉ bởi dựa trên quyền thừa kế của họ (Giăng 8:31-59; Ma-thi-ơ 3:9), nhưng bởi đức tin và sự vâng lời cá nhân mà thôi ( Sáng 15:6, được trích lại trong Rô-ma 4). Y-sơ-ra-ên mất đi sứ mạng của mình (hội thánh giờ đây là vương quốc (của những) thầy tế lễ - 1:6; II Phi-e-rơ 2:5,9), biến sự nhiệm vụ thành đặc ân, sự phụng vụ trở thành một chỗ đứng đặc biệt! Đức Chúa Trời chọn một trở thành chọn tất cả!

### **SỰ GIẰNG CO THỨ BA** (những giao ước điều kiện và những giao ước không điều kiện)

Có một sự giằng co thần học hoặc một nghịch lý giữa những giao ước có điều kiện và (những giao ước) không điều kiện. Chắc chắn rằng mục đích/ kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời là không có điều kiện (Sáng 15:12-21). Tuy nhiên, sự đáp ứng của con người được ủy nhiệm thì luôn luôn có điều kiện!

Khuôn mẫu “nếu... thì” xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời là thành tín còn nhân loại thì bất tín. Sự căng thẳng này đã gây ra rất nhiều sự bối rối. Những nhà giải kinh thường có khuynh hướng tập chú vào chỉ một “sừng của song đê” sự thành tín của Đức Chúa Trời hoặc sự nỗ lực của con người, sự toàn năng của Đức Chúa Trời hoặc ý chí tự do lựa chọn của con người. Nhưng cả hai đều theo nguyên tắc Kinh Thánh và cần thiết.

Điều này liên hệ với lai thế học, với những lời hứa Cựu Ước của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên. Nếu Đức Chúa Trời đã hứa, thì điều đó giải quyết vấn đề! Chúa luôn ràng buộc với những lời hứa của Ngài; danh tiếng của Ngài liên hệ với chúng ( Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Những giao ước có điều kiện gặp nhau ở Đấng Christ ( Ê-sai 53), không phải Y-sơ-ra-ên! Sự thành tín cuối cùng của Đức Chúa Trời trong sự cứu chuộc dành cho tất cả những người ăn năn và tin nhận, không phải phụ thuộc vào những ai là cha hoặc mẹ của bạn! Đấng Christ, không phải Y-sơ-ra-ên,

là chìa khóa cho tất cả những giao ước và lời hứa của Đức Chúa Trời. Nếu ở đây có một khoảng trống cần được lấp đầy trong Kinh Thánh, thì đó không phải là Hội Thánh, mà là Y-sơ-ra-ên ( Công vụ 7 và Ga-la-ti 3).

Sứ mệnh toàn cầu phúc âm cần được công bố đã được chuyển giao cho Hội Thánh (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Nó vẫn là một giao ước có điều kiện! Điều này không phải để ngụ ý chỉ rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn chối bỏ người Do Thái (Rô-ma 9-11). Có thể có một chỗ hoặc mục đích dành cho những ngày sau cuối, một Y-sơ-ra-ên tin kính ( Xa-cha-ri 12:10).

**SỰ GIẢNG CO THỨ TU'** (văn học Cận Đông và những khuôn mẫu phương tây).

Thể loại (văn học) là một yếu tố then chốt trong việc giải nghĩa Kinh Thánh. Hội thánh phát triển trong một bối cảnh văn hóa phương tây (Hy Lạp). Văn học phương đông thì mang tính hình bóng, ẩn dụ và biểu tượng hơn là những khuôn mẫu văn học theo văn hóa hiện đại phương tây. Nó tập chú vào con người, những cuộc đấu, và những sự kiện nhiều hơn là những lẽ thật được khẳng định một cách cô đọng, súc tích. Các Cơ Đốc Nhân đã có những dẫn vật trong việc sử dụng những khuôn mẫu văn học và lịch sử của chính họ để giải nghĩa những lời tiên tri trong Kinh Thánh (cả Cựu Ước và Tân Ước). Mỗi thể hệ và thực thể địa lý đã sử dụng chính văn hóa, lịch sử và y theo nghĩa đen của chính họ để giải thích Khải Huyền. Tất cả họ đều đã sai! Nó là sự kiêu ngạo khi nghĩ rằng khuôn mẫu văn hóa phương tây là sự tập chú trong những lời tiên tri Kinh Thánh!

Thể loại (văn học) mà vốn trong đó, tác giả-được thần cảm-nguyên thủy đã chọn để viết chính là một khế ước- văn học với người đọc. Sách Khải Huyền không phải là một sách tường thuật lịch sử. Nó là một sự kết hợp giữa thư tín (chapters 1-3), tiên tri, và chính là thể loại văn học Khải thị. Thật sai lầm khi bắt Kinh Thánh nói lên nhiều hơn những gì được dự định bởi tác giả nguyên thủy hoặc khi bắt Kinh Thánh nói ít hơn những gì ông (tác giả nguyên thủy) dự định! Sự kiêu ngạo và chủ nghĩa giáo điều của những người giải kinh lại càng không phù hợp hơn đối với một sách như Khải Huyền.

Hội Thánh vốn chưa bao giờ đồng ý với một sự giải nghĩa - thích đáng về Khải Huyền. Sự quan tâm của tôi chính là lắng nghe và tương tác với cả Kinh Thánh, không phải chỉ một số phần được lựa chọn mà thôi. Tư duy phương đông của Kinh Thánh bày tỏ lẽ thật theo những “cặp-đây sự căng thẳng (tension-filled pairs)”. Khuynh hướng phương tây đối với những lẽ thật được đề xuất thì không phù hợp nhưng không lại mất cân xứng! Tôi nghĩ rằng có thể loại bỏ ít nhất một vài bế tắc trong việc giải nghĩa Khải Huyền bằng cách ghi nhận sự thay đổi mục đích đến với thể hệ những tín đồ kế tiếp. Hiện nhiên đối với phần lớn các nhà giải kinh, Khải Huyền cần được giải nghĩa trong ánh sáng của chính thời đại và thể loại nó được viết ra. Một sự tiếp cận lịch sử với Khải Huyền cần được xử lý với những gì mà những độc giả- nguyên thủy có lẽ và có thể hiểu. Trong nhiều cách, những nhà giải kinh hiện đại đã đánh mất đi ý nghĩa của nhiều biểu tượng (symbol) của sách. Sự đột phá khởi đầu chính của Khải Huyền là để khích lệ những tín đồ bị bắt bớ. Nó bày tỏ sự tể trị của Đức Chúa Trời trên lịch sử (như những gì đã xảy ra trong những sự mặc khải tiên tri Cựu Ước); nó khẳng định rằng lịch sử đang tiến đến một điểm cuối cùng đã được ấn định, sự phán xét hay phước hạnh (cũng như những sự mặc khải tiên tri trong Cựu Ước). Nó khẳng định tình yêu thương, sự hiện diện, quyền năng, và toàn năng của Đức Chúa Trời trong những thuật ngữ Khải thị Do Thái trong thế kỷ thứ nhất.

Nó hoạt động trong cùng những phương hướng thần học đến với mọi thể hệ những người tin Chúa. Nó mô tả sự mâu thuẫn mang tính toàn vũ trụ giữa cái ác và điều thiện. Những chi tiết từ thế kỷ thứ nhất có thể đã bị mất đi nhiều trong thời đại chúng ta, nhưng không hề mất đi những lẽ thật đầy sự yên ủi và quyền năng. Khi những nhà thần học hiện đại phương tây cố gắng để ép buộc những chi tiết của Khải Huyền vào trong thời đại lịch sử đương thời của họ, khuôn mẫu của những sự giải nghĩa sai trật lại tiếp tục!

Khá chắc chắn rằng những chi tiết của sách có thể trở nên rất thu hút theo nghĩa đen một lần nữa (cũng giống như những gì đã xảy ra đối với Cựu Ước trong mối liên hệ với sự sinh ra, cuộc đời, và sự chết của Đấng Christ) cho thể hệ sau cùng của những người tin Chúa khi họ đối diện với sự tấn công dữ dội của kẻ cầm đầu chống nghịch Đức Chúa Trời (II Tê-sa 2) và cho nền văn hóa. Không ai có thể biết được những sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của Khải Huyền cho đến khi những lời của Chúa Giê-xu (trong Ma-thi-ơ 24; Mác 13; and Lu-ca 21) và Phao-lô (I Cô-rinh-tô 15; I Tê-sa 4-5; and II Tê-sa 2) cũng trở thành những bằng chứng lịch sử. Những sự ước chừng, suy đoán, và chủ nghĩa giáo điều đều là không phù hợp. Văn học Khải Thị cho phép sự mềm dẻo này. Cảm ơn Chúa bởi vì những hình ảnh và biểu tượng này vượt quá sự tường thuật lịch sử! Chúa vẫn đang kiểm soát mọi sự; Ngài tể trị; Ngài sẽ đến!

Hầu hết những nhà giải kinh hiện đại đã lỡ mất tâm điểm của thể loại văn học này! Những nhà giải kinh phương tây hiện đại lại thường tìm kiếm một hệ thống thần học rõ ràng, hợp lý hơn là công bằng với một thể loại văn học Khải Thị Do Thái mơ hồ, mang tính biểu tượng và đầy kịch tính. Sự thật này được trình bày rất tốt bởi văn

học Khải Thị Do Thái mơ hồ, mang tính biểu tượng và đầy kịch tính. Sự thật này được trình bày rất tốt bởi Ralph P. Martin trong bài luận của ông “Tiếp cận với Chú Giải Tân Ước (Approaches to New Testament Exegesis)” trong quyển *Giải nghĩa Tân Ước (New Testament Interpretation)*, được biên tập bởi I. Howard Marshall:

“Trừ khi chúng ta nhận ra sự chất lượng đầy mạnh mẽ của tác phẩm này và tái hiện lại cách mà ngôn ngữ được sử dụng phur là một phương tiện để chuyển tải lẽ thật tâm linh, chúng ta đã phạm sai lầm một cách đau đớn trong cách chúng ta hiểu về tác phẩm Khải Thị, và cố gắng một cách sai trật để diễn dịch những khái tượng của nó giống như thể nó là một quyển sách văn xuôi theo nghĩa đen và chỉ quan tâm đến việc mô tả những sự kiện thực nghiệm và dữ liệu lịch sử mà thôi. Cố đạt được điều này chính là rơi vào mọi loại nan đề của việc giải nghĩa. Nghiêm trọng hơn nó dẫn đến sự bóp méo ý nghĩa cốt yếu của văn học Khải Thị và do vậy lỗ mất giá trị vĩ đại của bộ phận này trong Tân Ước như là một sự khẳng định sống động trong ngôn ngữ kỳ bí về sự toàn năng của Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ và nghịch lý về sự cai trị của Ngài vốn trộn lẫn giữa sức mạnh và tình yêu thương (5:5,6; Sự Từ cũng chính là Chiên Con)” (trang 235).

W. Randolph Tate trong sách *Giải Nghĩa Kinh Thánh (Biblical Interpretations)* của ông cho biết:

“Không có bất cứ thể loại văn học nào của Kinh Thánh được đọc với đầy lòng nhiệt thành với những kết quả đầy muộn phiền như văn học khai thị, đặc biệt là sách Đa-ni-ên và Khải Huyền. Thể loại này đã chịu đau đớn từ một lịch sử đầy thảm họa của việc giải nghĩa sai dựa trên một sự hiểu nhầm căn bản về thể loại, cấu trúc và mục đích văn học của nó. Vì chính sự đòi hỏi của nó là để làm lộ ra những gì sẽ sớm xảy ra, ngày tận thế đã được xem như là một bản đồ dẫn đường dẫn đến một kế hoạch về tương lai. Thiếu sót bi thảm trong cách nhìn này chính là sự cho rằng hệ thống ý tưởng của sách là ở thời đại của người đọc hơn là (thời đại) của chính tác giả. Cách tiếp cận lạc lối này (đặc biệt trong sách Khải Huyền) đã đối xử với tác phẩm như thể nó là một bản mật mã mà trong đó những sự kiện hiện đại cần được sử dụng để giải nghĩa những biểu tượng trong tác phẩm... Đầu tiên, nhà giải kinh cần phải nhận ra rằng văn học khai thị truyền thông những thông điệp qua tính biểu tượng. Giải nghĩa một biểu tượng theo nghĩa đen trong khi nó là ẩn dụ nghĩa bóng đơn giản chính là giải nghĩa sai. Vấn đề ở đây không phải là những sự kiện trong văn học khai thị có phải là phải là sự kiện lịch sử hay không. Những sự kiện này có thể là sự kiện lịch sử, chúng có thể thực sự đã xảy ra, hoặc có thể xảy ra, nhưng tác giả trình bày những sự kiện và truyền thông về ý nghĩa qua những hình ảnh và những nguyên mẫu” (trang 137).

Trong quyển *Từ điển Những Hình ảnh trong Kinh Thánh (Dictionary of Biblical Imagery)*, được biên tập bởi Ryken, Wilhost and Longman III:

“Những độc giả ngày hôm nay thường cảm thấy hóc búa và bối rối bởi thể loại văn học này. Tính hình tượng đầy bất ngờ và những kinh nghiệm không-nằm trong-thế giới này có vẻ như khá kỳ lạ và vượt ngoài sự đồng bộ với phần lớn Kinh Thánh. Sự chấp nhận không hoài nghi giá trị của thể loại văn học này giúp bỏ khỏi rất nhiều những người đọc sự căng thẳng một cách vất vả để xác định “điều gì sẽ xảy ra” mà lại mất đi sứ điệp khai thị đã được định trước (trang 35).”

**SỰ GIẢNG CO THỨ NĂM** (Vương quốc Đức Chúa Trời đã đến trong hiện tại cũng như sẽ đến trong tương lai)

Vương quốc Đức Chúa Trời ở trong hiện tại, nhưng sẽ ở tương lai. Nghịch lý thần học này tập chú vào điểm trọng tâm của lai thế học. Nếu một người kỳ vọng sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của tất cả những lời tiên tri Cựu Ước cho Y-sơ-ra-ên, khi đó, Vương quốc trở thành hầu hết về sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên thành một sự cục bộ địa lý và một sự ưu việt thần học! Điều này bắt buộc rằng Hội Thánh cần được cất lên một cách bí mật trong đoạn 5 và tất cả những đoạn còn lại đều liên hệ với Y-sơ-ra-ên (nhưng hãy chú ý Khải Huyền 22:16).

Tuy nhiên, nếu sự tập chú vào vương quốc được khởi đầu bằng lời hứa Cựu Ước về Đấng Mê-si, khi đó (vương quốc) là hiện tại với sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ, và khi đó sự tập chú trở nên sự nhập thể, cuộc đời, những dạy dỗ, sự chết, và sự sống lại của Đấng Christ. Sự nhấn mạnh thần học vào sự cứu rỗi hiện tại. Vương quốc đã đến, Cựu Ước được ứng nghiệm qua việc Đấng Christ ban sự cứu rỗi cho tất cả, không phải vào sự cai trị thiên hy niên của Ngài trên một số người!

Điều này chắc chắn đúng rằng Kinh Thánh phán cả về hai lần đến của Đấng Christ, nhưng ở đâu là điểm nhấn mạnh? Đối với tôi phần lớn những lời tiên tri Cựu Ước tập chú vào lần đến thứ nhất, sự thiết lập vương quốc Mê-si (Đa-ni-ên 2). Trong nhiều cách, điều này là tương đồng với sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 7). Trong Cựu Ước sự tập chú vào sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời, nhưng cơ chế cho sự bày tỏ về sự cai trị đó

chính là chức vụ của Đấng Mê-si ( I Cô-rinh-tô 15:26-27). Câu hỏi ở đây không phải là điều nào đúng; cả hai đều đúng, nhưng điểm nhấn mạnh là điểm nào? Phải thừa nhận rằng một số nhà giải kinh đã trở nên quá tập chú vào sự cai trị thiên hy niên của Đấng Mê-si ( Khải Huyền 20) và họ đã lỡ mất sự tập chú kinh thánh vào sự tể trị đời đời của Đức Chúa Cha. Sự cai trị của Đấng Christ là một sự kiện chuẩn bị. Cũng như hai lần đến của Đấng Christ không phải là hiển nhiên rõ ràng trong Cựu Ước, cũng không phải là một sự cai trị tạm thời của Đấng Mê-si!

Chìa khóa để đến với những bài giảng dạy của Chúa Giê-xu chính là vương quốc Đức Chúa Trời. Nó ở cả trong hiện tại (trong sự cứu chuộc và phục vụ), và trong tương lai (quyền năng và sự rộng khắp). Sách Khải Huyền, nếu như nó tập chú vào sự cai trị thiên hy niên của Đấng Christ, ( Khải Huyền 20), thì cũng là sự khởi đầu, chứ không phải sau cùng ( Khải Huyền 21-22). Không rõ ràng từ Cựu Ước rằng một sự cai trị tạm thời là cần thiết; cũng như là một hiện tượng hay một sự kiện, sự cai trị Mê-si ở trong Đa-ni-ên 7 là đời đời, không phải một ngàn năm (thiên hy niên).

**SỰ GIẢNG CO THỨ SÁU** (Sự trở lại cận kề của Đấng Christ và *Sự-tái lâm (Parousia)* còn trì hoãn).

Hầu hết các tín đồ đều được dạy rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại sớm, bất thành linh, và đầy sự bất ngờ ( Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30; Khải Huyền 1:1,3; 2:16; 3:11; 22:7,10,12,20). Những mối thể hệ tín đồ trông đợi cho đến nay vẫn chưa xảy ra! Sự sớm đến (tức thì) của sự trở lại Chúa Giê-xu là một lời hứa đầy quyền năng cho mỗi thế hệ, nhưng một thực tế là chỉ dành cho một thế hệ mà thôi (và đó là một thế hệ bị bắt bớ). Tín đồ phải sống một đời sống như là Ngài sẽ đến ngay trong ngày mai, nhưng hãy lên kế hoạch và thi hành Đại Mạng lệnh nếu như Ngài (Ma-thi-ơ 28:19-20) còn trì hoãn.

Một vài phân đoạn trong các Phúc âm ( Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và I, II Tê-sa-lô-ni-ca đều dựa trên sự trì hoãn của Lần Đến thứ Hai (*Parousia*). Có một vài sự kiện lịch sử cần phải xảy ra trước:

1. Giảng tin lành ra toàn cầu ( Ma-thi-ơ 24:14; Mark 13:10)
2. Sự xuất hiện của “con người Tội ác” ( Ma-thi-ơ 24:15; II Tê-sa 2; Khải Huyền 13)
3. con bắt bớ dữ dội ( Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải Huyền 13)

Đây là một sự mơ hồ có mục đích ( Ma-thi-ơ 24:42-51; Mác 13:32-36)! Hãy sống mỗi một ngày như đây sẽ là ngày cuối cùng của bạn nhưng hãy lên kế hoạch và rèn luyện cho chức vụ tương lai!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:32-40**

<sup>32</sup>” Vậy, người hãy hỏi học về thời kỳ có trước người, từ ngày Đức Chúa Trời dựng nên loài người trên đất, tự góc trời này đến góc trời kia, nếu bao giờ có xảy ra việc nào lớn dường ấy, hay là người ta có nghe sự chi giống như vậy chẳng? <sup>33</sup> tức là: há có một dân tộc nào nghe tiếng Đức Chúa Trời từ trong lửa phán ra như người đã nghe, mà vẫn còn sống chẳng? <sup>34</sup> hay là Đức Chúa Trời há có cậy lấy sự thử thách, dấu kỳ, điềm lạ, chiến tranh, cánh tay quyền năng giơ thẳng ra, cùng cậy công sự to tát và góm ghê, đặng thử đi chiếm một dân tộc cho mình ở giữa một dân tộc khác, như mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã làm cho các người tại xứ Ê-díp-tô, dưới mắt mình chẳng? <sup>35</sup> Người đã chứng kiến mọi điều đó, để nhìn biết rằng Giê-hô-va, ấy là Đức Chúa Trời, chớ không ai khác hơn Ngài. <sup>36</sup> Ngài từ trên trời khiến cho người nghe tiếng Ngài để dạy người; trên đất Ngài khiến cho người thấy đám lửa lớn Ngài, và từ trong lửa người có nghe lời Ngài phán ra <sup>37</sup> Bởi vì Ngài yêu mến các tổ phụ người, nên chọn lấy dòng dõi các người ấy, và chánh Ngài nhờ quyền năng lớn mình rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, <sup>38</sup> đặng đuổi khỏi trước mặt người những dân tộc lớn hơn và mạnh hơn người, đặng đưa người vào xứ của dân đó, và ban cho làm sản nghiệp, y như điều ấy xảy đến ngày nay. <sup>39</sup> Vậy, ngày nay hãy biết và ghi tạc trong lòng người rằng Giê-hô-va, ấy là Đức Chúa Trời trên trời cao kia và dưới đất thấp này: chẳng có ai khác. <sup>40</sup> Hãy giữ những luật lệ và điều răn của Ngài, mà ngày nay ta truyền cho người, hầu cho người và con cháu người đều có phúc, ở lâu dài trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người mãi mãi.”

**4:32 “hỏi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 981, KB 1371, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) có nghĩa là câu hỏi Đức Chúa Trời về sự độc nhất của mối liên hệ giữa Y-sơ-ra-ên với Đấng Thánh (câu 32-40).

**}** “từ ngày Đức Chúa Trời dựng nên loài người trên đất” câu này chỉ đến Sáng Thế Ký 1-2; cũng hãy xem trong Thi Thiên 104.

**4:34 “cánh tay quyền năng giơ thẳng ra”** Đây là những thành ngữ hình nhân (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15) sử dụng để miêu tả quyền năng giải cứu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho dân Y-sơ-ra-ên ( 5:15; 6:21; 7:19; 9:29; 11:2; 26:8). Trong một vài nơi khác trong Kinh Thánh, cụm từ được rút gọn lại thành “cánh tay quyền năng” ( 3:24; 6:21; 7:8; 9:26; Giô-suê 4:24) hoặc “cánh tay giơ thẳng” ( 9:29; Xuất 6:6). Cụm từ thành ngữ này có một sự liên hệ song song với những văn bản Ai Cập liên hệ với “vua” (NIDOTTE, quyển 3, trang 92).

**4:35 “để nhìn biết rằng”** Những phép lạ trong câu 34 có mục đích để thiết lập đức tin cho Y-sơ-ra-ên (Xuất 7:5,17; 10:2; 31:13). Đối với thuật ngữ “biết” (BDB 393, KB 390, *Qal* THÊ GHÉP BÁT ĐỊNH) Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BIẾT (sử dụng hầu hết trong Phục Truyền như là một kiểu mẫu (paradigm))**

Từ Hê-bơ-ro “biết” (BDB 393) có nhiều nghĩa (lớp nghĩa rộng) trong thể *Qal*.

1. hiểu điều tốt và điều xấu - Sáng 3:22; Phục 1:39; Ê-sai 7:14-15; Giô-na 4:11
2. biết qua sự am hiểu - Phục 9:2,3,6; 18:21
3. biết qua kinh nghiệm - Phục 3:19; 4:35; 8:2,3,5; 11:2; 20:20; 31:13; Giô-suê 23:14
4. xem xét - Phục 4:39; 11:2; 29:16
5. biết một cách cá nhân
  - a. một người - Sáng 29:5; Xuất 1:8; Phục 22:2; 28:35,36; 33:9
  - b. một vị thần - Phục 11:28; 13:2,6,13; 28:64; 29:26; 32:17  
ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - Phục 4:35,39; 7:9; 29:6; Ê-sai 1:3; 56:10-11
  - c. về tình dục - Sáng 4:1,17,25; 24:16; 38:26
6. một kỹ năng được học hoặc kiến thức - Ê-sai 29:11,12; A-mốt 5:16
7. hãy khôn ngoan - Phục 29:4; Châm 1:2; 4:1; Ê-sai 29:24
8. Sự hiểu biết của Đức Chúa Trời
  - a. về Môi-se - Phục 34:10
  - b. về Y-sơ-ra-ên - Phục 31:21,27,29

**} “Giê-hô-va, ấy là Đức Chúa Trời”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

**} “không ai khác hơn (ngoài) Ngài”** Không có bất cứ linh hoặc thần nào khác cùng phạm trù với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, câu 39; 6:4; 32:39). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 6:4.

**4:36 “Ngài từ trên trời khiến cho người nghe tiếng Ngài”** Động từ này chỉ về sự bày tỏ vật lý của sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại ngọn Hô-rép/Si-nai, được chép trong Xuất 19.

**4:37 “Bởi vì Ngài yêu mến các tổ phụ người”** Phần này chỉ về sự lựa chọn của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp (Các Tổ phụ trong Sáng Thế Ký 12-50, 7:7-8; 10:15).

**} “(Ngài) chọn lấy”** Sự tuyển chọn (“chọn lựa” BDB 103, KB 119, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) trong Cựu Ước được dùng cho sự phục vụ (ví dụ, Si-ru, Ê-sai 44:24-45:7), không phải là sự cứu chuộc như trong Tân Ước.

**} “chánh Ngài ... người ra khỏi xứ Ê-díp-tô”** Cụm từ “cách cá nhân(chánh)” (BDB 815) có nghĩa đen là “đổi mặt” chỉ về sự hiện diện cá nhân của Đức Chúa Trời ( 5:4; Sáng 32:30; Xuất 33:14-15; Ê-sai 63:9, “thiên sứ của sự hiện diện của Ngài”). Từ này cũng có nguồn gốc là “mặt đối mặt” ( Xuất 33:11; Phục 34:10 cùng một ý tưởng “miệng đối miệng” trong Dân Số Ký 12:8).

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thật sự là Đức Chúa Trời Đấng ở cùng chúng ta (ví dụ, *Em-ma-nu-ên* trong Ê-sai 7:14; 8:8,10). Tội lỗi phá vỡ sự mật thiết và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ngoảnh mặt Ngài khỏi ( 31:17; Lê-vi Ký 17:10;



20:3,6; Ê-sai 59:2; Giê-rê-mi 18:17; Ê-xê-chi-ên 7:22; 39:23,24,29).

#### 4:38

NASB, NKJV,

NRSV “những dân tộc lớn hơn và mạnh hơn”

TEV, REB “những dân tộc lớn hơn và quyền lực hơn”

NJB “những quốc gia lớn hơn và đông đúc hơn”

Những quốc gia này có thể xem như (4:38; 7:1; 11:23; Giô-suê 23:9) là

1. đông đảo hơn về dân số ( 7:7)
2. dân cư to lớn vĩ đại hơn về mặt kích thước cơ thể (những người khổng lồ)( Dân Số Ký 13:22,28,33; Phục 1:28)

} “y như điều ấy xảy đến ngày nay” Phần này có vẻ là dấu hiệu của một sự ghi chú của người biên tập sau này, nhưng nó chỉ đến những vương quốc của Si-hôn và Ốc ở phía bờ đông của sông Giô-đanh. Hãy xem ghi chú tại 3:14.

4:39 Đây là một sự khẳng định mạnh mẽ của tư tưởng độc thần. Hãy xem ghi chú tại 6:4.

4:40 “những luật lệ và điều răn” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

} “hầu cho ...ở lâu dài trong xứ” ĐỘNG TỪ này có nghĩa đen là “kéo dài ra” (BDB 73, KB 88, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Xuất 20:12; Phục 4:26,40; 5:16,33; 6:2; 11:9; 17:20; 22:7; 25:15; 30:18; 32:47). hãy chú ý yếu tố điều kiện!

} “mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời ban cho ngời mãi mãi” ĐỘNG TỪ này (BDB 678, KB 733, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ CHỦ ĐỘNG) phải được dịch nghĩa trong ánh sáng của ý nghĩa của thuật ngữ “cho mọi thời đại” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

#### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MÃI MÃI (*OLAM*)

Từ nguyên của thuật ngữ Hê-bơ-rơ *’olam*, מלך (BDB 761) thì không chắc chắn (NIDOTTE, quyển 3, trang 345).

Nó được sử dụng trong nhiều nghĩa khác nhau (thường được xác định bởi văn mạch). Những nghĩa sau đây chỉ là những ví dụ được lựa chọn mà thôi.

1. những điều cổ xưa
  - a. các dân tộc, Sáng 6:4; I Sa-mu-ên 27:8; Giê-rê-mi 5:15; 28:8
  - b. các địa điểm, Ê-sai 58:12; 61:4
  - c. Đức Chúa Trời, Thi 93:2; Châm 8:23; Ê-sai 63:16
  - d. sự vật, sự việc, Sáng 49:26; Job 22:15; Thi 24:7,9; Ê-sai 46:9
  - e. thời gian, thời đại, Phục 32:7; Ê-sai 51:9; 63:9,11
2. thời điểm tương lai
  - a. cuộc đời của một ai đó, Xuất 21:6; Phục 15:17; I Sa-mu-ên 1:22; 27:12
  - b. sự cường điệu dành cho vua, I Các Vua 1:31; Thi 61:7; Nê-hê-mi 2:3
  - c. sự hiện diện liên tục
    - (1) trái đất Thi 78:69; 104:5; Truyền Đạo 1:4
    - (2) tầng trời, Thi 148:5
  - d. Sự hiện hữu của Đức Chúa Trời
    - (1) Sáng 21:33
    - (2) Xuất 15:18
    - (3) Phục 32:40

- (4) Thi 93:2
- (5) Ê-sai 40:28
- (6) Giê-rê-mi 10:10
- (7) Đa-ni-ên 12:7
- e. giao ước
  - (1) Sáng 9:12,16; 17:7,13,19
  - (2) Xuất 31:16
  - (3) Lê-vi Ký 24:8
  - (4) Dân Số Ký 18:19
  - (5) II Sa-mu-ên 23:5
  - (6) Thi 105:10
  - (7) Ê-sai 24:5; 55:3; 61:8
  - (8) Giê-rê-mi 32:40; 50:5
- f. Giao ước đặc biệt với Đa-vít
  - (1) II Sa-mu-ên 7:13,16,25,29; 22:51; 23:5
  - (2) I Các Vua 2:33,45; 9:5
  - (3) II Sứ ký 13:5
  - (4) Thi 18:50; 89:4,28,36,37
  - (5) Ê-sai 9:7; 16:5; 37:35; 55:3
- g. Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời
  - (1) Thi 45:2; 72:17; 89:35-36; 110:4
  - (2) Ê-sai 9:6
- h. luật pháp của Đức Chúa Trời
  - (1) Xuất 29:28; 30:21
  - (2) Lê-vi Ký 6:18,22; 7:34; 10:15; 24:9
  - (3) Dân Số Ký 18:8,11,19
  - (4) Thi 119:89,160
- i. những lời hứa của Đức Chúa Trời
  - (1) II Sa-mu-ên 7:13,16,25; 22:51
  - (2) I Các Vua 9:5
  - (3) Thi 18:50
  - (4) Ê-sai 40:8
- j. Những hậu tự của Áp-ra-ham và Đất hứa
  - (1) Sáng 13:15; 17:19; 48:4
  - (2) Xuất 32:13
  - (3) I Sứ ký 16:17
- k. những lễ hội giao ước
  - (1) Xuất 12:14,17,24
  - (2) Lê-vi Ký 23:14,21,41
  - (3) Dân Số Ký 10:8
- l. cõi đời đời mãi mãi
  - (1) I Các Vua 8:13
  - (2) Thi 61:7-8; 77:8; 90:2; 103:17; 145:13
  - (3) Ê-sai 26:4; 45:17
  - (4) Đa-ni-ên 9:24
- m. những điều mà những Thi Thiên cho biết những người tin Chúa sẽ làm mãi mãi
  - (1) cảm tạ, Thi 30:12; 79:13
  - (2) ở trong sự hiện diện của Ngài, Thi 41:12; 61:4,7

- (3) tin cậy vào sự thương xót của Ngài, Thi 52:8
- (4) ngợi khen Chúa, Thi 52:9
- (5) hát ngợi khen, Thi 61:8; 89:1
- (6) công bố sự công chính của Ngài, Thi 75:9
- (7) tôn vinh danh Ngài, Thi 86:12; 145:2
- (8) chúc tụng danh Ngài, Thi 145:1

3. cả tiến về quá khứ và tương lai trong thời gian (“Từ trước vô cùng (đời đời) cho đến đời đời”)
  - a. Thi 41:13 (Ngợi khen Đức Chúa Trời)
  - b. Thi 90:2 (Chính Đức Chúa Trời)
  - c. Thi 103:17 (sự nhân từ của Chúa)

Hãy nhớ, văn mạch sẽ xác định nghĩa rộng của thuật ngữ. Các giao ước và lời hứa đời đời thì có điều kiện (ví dụ, Giê-rê-mi 7). Hãy cẩn thận khi đọc với cách nhìn hiện đại về thời gian của chính bạn hoặc ngay cả hệ thống thần học Tân Ước của chính bạn vào trong mỗi sự sử dụng trong Cựu Ước của từ có nghĩa rất linh động này. Tân Ước phủ cập những lời hứa Cựu Ước.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 4:41-43**

<sup>41</sup> **Môi-se bèn biệt ra ba cái thành ở bên kia sông Giô-đanh, về hướng mặt trời mọc, <sup>42</sup> để kẻ sát nhân vô ý giết người lân cận mình, mà không có ghét trước, được thể trốn tránh và ẩn núp trong một cửa của các thành này, và được sống. <sup>43</sup> Ấy là Bết-se nơi rừng vắng, trong xứ đồng bằng, để cho người Ru-bên; Ra-môt nơi Ga-la-át, để cho người Gát, và Gô-lan nơi Ba-san, để cho người Ma-na-se.**

**4:41 “ba cái thành ở bên kia sông Giô-đanh”** Những thành này được gọi là “thành ẩn náu” (Dân Số Ký 35; Phục Truyền 19; Giô-suê 20). Có tất cả 6 thành như vậy, bao gồm ba thành mỗi phía của sông Giô-đanh. Tất cả chúng là những thành Lê-vi (Giô-suê 21), nơi mà những người Lê-vi, là những người không được phân chia đất thừa kế, sinh sống. Chúng là một phần của hệ thống công lý “mắt đền mắt” của Y-sơ-ra-ên. Nếu một ai đó vô ý giết chết một người tham dự vào giao ước thì gia đình đó có quyền hợp pháp để giết anh ta (ví dụ, sự trả thù huyết trong Dân Số Ký 35:12; Phục 19:6,12; Giô-suê 20:3,5,9). Nếu một ai là người vô tình giết một người khác và chạy trốn đến những thành đặc biệt này, ở tại đó sẽ xuất hiện một phiên tòa bởi các trưởng lão; và nếu anh được khám phá không phải là một kẻ giết người có chủ ý, thì anh có thể sống ở trong thành một cách an toàn (cho đến khi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm qua đời). Sau đó anh có thể quay trở về nhà mình và sống an toàn (trong một cách hợp pháp).

Chú ý “bên kia sông Giô-đanh” ở đây có giá trị tương đương chỉ đến phía bờ đông của sông.

**4:42 “vô ý”** Từ phủ định này (BDB 395) chỉ đến cái chết của một người Y-sơ-ra-ên một cách tai nạn, mà không có bất kỳ kế hoạch hoặc chủ định nào. Chúng ta có thể gọi nó là ngộ sát.

Sự thiếu vắng của động cơ xấu ở đây chính là yếu tố then chốt. Nó trở thành tiêu điểm thần học của hệ thống sinh tế. Bất kỳ tội lỗi nào phạm cách cố ý sẽ không còn bất kỳ sinh tế nào phù hợp (Xuất 21:12-14; Lê-vi Ký 4:2,22,27; 5:15-18; 22:14; Dân Số Ký 15:27,30; Phục 17:12-13; Giô-suê 20:1-6). Ngay cả sinh tế quốc gia được thi hành bởi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trong ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Lê-vi Ký 16) cũng không thể che phủ được tội lỗi cố chủ ý (Thi Thiên 51:14-17)! Lẽ nào bạn không vui mừng khi chúng ta ở dưới sinh tế của Tân Ước của Chúa Giê-xu?!

Tại điểm này tôi muốn thêm vào một trích dẫn từ NIDOTTE, quyển 2, bản luận về khái niệm:

“vô ý” hoặc ‘tình cờ, không cố ý’ (Lê-vi Ký 4:2) về cả hai yếu tố cả về mặt chiến lược (strategic) và sự sai lầm (problematic) (4:13,22,27; 5:15,18; 22:14; Dân Số Ký 15:22,24-29). Do vậy, một vài học giả đã kết luận rằng tế lễ chuộc tội chỉ có thể được dùng cho tội lỗi vô ý mà thôi, đó là, những tội lỗi phạm do sơ suất hoặc những tội lỗi phạm mà không biết rằng hành vi cụ thể đó là tội lỗi

(hãy xem Melgrom, 1991, 228-29). Tuy nhiên, từ ‘vô ý’ căn bản có nghĩa là ‘trong sự phạm sai lầm’ (động từ này có nghĩa là phạm một sai lầm, lạc lối). Mặc dù nó cũng có thể có nghĩa rằng sai lầm đó không cố ý hoặc vô tình (hãy xem ví dụ trong Dân Số Ký 35:11,15,22-23; Giô-suê 20:39), nhưng cũng không nhất thiết phải là trường hợp điển hình (hãy xem I Sa-mu-ên 26:21; Truyền Đạo 5:6)” (trang 94).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 4:44-49**

<sup>44</sup>Này là luật pháp mà Môi-se đặt trước mặt dân Y-sơ-ra-ên <sup>45</sup>Này là chứng cứ, mạng lệnh, và luật lệ mà Môi-se truyền cho dân Y-sơ-ra-ên khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, <sup>46</sup> ở bên kia sông Giô-đanh, trong trũng đối ngang Bết-Phê-o, tại xứ Si-hôn, vua dân A-mô-rít, ở Hết-bôn, mà Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên đánh bại khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô. <sup>47</sup> Dân Y-sơ-ra-ên chiếm xứ người luôn với xứ Óc, vua Ba-san, là hai vua dân A-mô-rít, ở tại bên kia sông Giô-đanh, về hướng mặt trời mọc, từ A-rô-e <sup>48</sup> trên bờ khe Ật-nôn, cho đến núi Si-ri-ôn, nghĩa là Hết-môn <sup>49</sup> và toàn đồng bằng bên kia sông Giô-đanh, về phía đông cho đến biển của đồng bằng, dưới triền núi Phích-ga.

**4:44-45 “luật pháp...chứng cứ...mạng lệnh...luật lệ”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**4:45 “Này là (những) chứng cứ”** Đây là những từ mà tác giả Thi Thiên đã sử dụng để chỉ về Ngũ Kinh (Torah), hoặc Luật pháp của Đức Chúa Trời. Từ “Torah (Ngũ Kinh)” có nghĩa là “những sự dạy dỗ” của Đức Chúa Trời. Luật pháp được ban ra không phải với ý định là một gánh nặng để làm con người sụp đổ. Những lời truyền khẩu vốn mọc lên xung quanh Luật pháp làm cho nó trở thành một gánh nặng to lớn. Cự Ước không có gì ngoài sự yêu thương, sự tự-khải thị về Đức Chúa Trời ở giữa sự chối bỏ của con người. Luật pháp Cự Ước chỉ đến sự nghiêm trọng của tội lỗi, sự mong manh của con người, và nhu cầu cần có một Đấng Cứu Rỗi, nhưng nó được ban hành trong tình yêu thương ( Thi 19:7-9).

**⌋ “mà Môi-se truyền cho dân Y-sơ-ra-ên khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô”** Môi-se đang đi qua Mười Điều Răn lần thứ hai ở đây. Nhưng dân sự là những người đã lắng nghe nó lần này chỉ là trẻ thơ ở thời điểm lần thứ nhất khi họ được ban luật pháp tại ngọn núi Si-nai. Ông đang nhắc lại Luật pháp. Môi-se đang làm cho những con trẻ Y-sơ-ra-ên điều mà ông trông đợi cha của ông đã làm tại chính nhà mình. Mỗi thế hệ phải dạy cho thế hệ sau về ý định của Đức Chúa Trời cho đời sống của họ.

**4:46-49** Những câu này là sự tóm lại lịch sử cho hai chiến thắng này. Lý do mà Chúa cho phép hai chiến thắng tại phía đông sông Giô-đanh tương tự với khái niệm về trái đầu mùa. Những trái đầu mùa trong Do Thái Giáo chỉ là một phần nhỏ của vụ mùa thu hoạch để chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời là thành tín và toàn bộ vụ mùa sẽ đến trong tương lai. Sự đánh bại hai vua A-mô-rít ở phía đông sông Giô-đanh phán với Y-sơ-ra-ên rằng “Ta yêu con. Ta đã hứa với con sẽ ban cho con xứ. Con biết rằng ta có ý định đó. Hãy tin cậy và vâng lời tava ta sẽ ban cho con phần còn lại.”

Đây là một lời tóm lại ngắn gọn kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên vào cuối thời kỳ lang thang trong đồng vắng Mô-áp.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Có phải đức tin Cựu Ước căn bản chính là một luật lệ để giữ hay là mối liên hệ với Đức Chúa Trời?
2. Tại sao Kinh Thánh nhấn mạnh việc cha mẹ cần dạy cho con cái của họ về Đức Chúa Trời?
3. Tại sao Đức Chúa Trời nghiêm cấm con người làm những hình tượng đại diện cho Ngài?
4. Y-sơ-ra-ên đã là kho báu đặc biệt của Đức Chúa Trời như thế nào? Và tại sao?
5. Hãy liệt kê hai điều kiện quyết định để có một xã hội lành mạnh bền vững.
6. Hãy liệt kê ba hậu quả của việc phá vỡ giao ước.
7. Đoạn này dạy về tư tưởng độc thần (monotheism) hay là thuyết duy tôn nhất thần (henotheism)?
8. Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn Y-sơ-ra-ên?
9. Mục đích của sự báo thù “mắt đền mắt” là gì?
10. Có phải hệ thống sinh tế có thể xử lý thích đáng với tội lỗi của con người? Tại sao có hoặc không?
11. Đấng Christ trở thành sinh tế ưu việt hơn như thế nào?

# PHỤC TRUYỀN 5

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Nhắc lại Mười Điều Răn	Ban hành luật pháp tại núi Si-nai	Mười điều răn	Mười điều răn
5:1-5	5:1-5	5:1-5	5:1 5:2-5
5:6-7	5:6-7	5:6 5:7	5:6 5:7
5:8-10	5:8-10	5:8-10	5:8-10
5:11	5:11	5:11	5:11
5:12	5:12	5:12	5:12
5:13	5:13	5:13	5:13
5:14	5:14	5:14	5:14
5:15	5:15	5:15	5:15
5:16	5:16	5:16	5:16
5:17	5:17	5:17	5:17
5:18-21	5:18-21a 5:21b	5:18-21	5:18-21
5:22	5:22-27	5:22	5:22
Dân Sợ Sợ Hãi sự Hiện Diện của Đức Chúa Trời		Sự Sợ Hãi của Dân Sợ	Môi-se Người Trung Bảo
5:23-33	5:28-33	5:23-27 5:28-31 5:32-33	5:23-27 5:28-31 Yêu Mến Đức Giê-hô-va chính là Cốt Lõi của Luật Pháp (5:32-6:13) 5:32-6:3

### **CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

#### 1. Đoạn thứ nhất

2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NGHIÊN CỨU VỀ BỐI CẢNH

- A. Roland de Vaux, trong tập *Y-sơ-ra-ên Cổ Đại (Ancient Israel)*, quyển 1, trang 143-144, đã liệt kê những bộ giáo luật (law codes) trong Cựu Ước:
1. Mười Điều Răn - Xuất 20:2-17; Phục 5:6-21
  2. Bản Giao Ước - Xuất 20:22-23:33
  3. Đệ Nhị Luật (Phục Truyền Luật Lệ Ký) - Phục Truyền 12-26
  4. Luật về sự thánh khiết - Lê Vi Ký 17-26
  5. Giáo luật về hệ thống Tế Lễ - Lê Vi Ký 1-7, 11-16
- Tất cả những giáo luật này đều được xem là *Ngũ Kinh (Torah)*. Chúng là những sắc luật thiên thượng đặc biệt bắt buộc dành cho những hành động và thái độ.
- B. Phân loại giáo luật của Y-sơ-ra-ên
1. Luật phán quyết (casuistic – laws) được phân loại bởi cấu trúc “nếu...thì”. Đây là những hậu quả của những hành động. Thường được sử dụng như những quy định dành cho xã hội.
  2. Luật hiển nhiên (apodictic – laws) được trích như là những sự ngăn cấm chung (thường sử dụng những mệnh đề dành cho NGÔI THỨ HAI SỐ NHIỀU - “(các) người không được...”). Đây là những quy định dành cho đời sống thuộc linh.
- C. Những sự ảnh hưởng về văn hóa
1. về nội dung – từ những bộ luật trước đó
    - a. Lipit-Ishtar
    - b. Bộ luật Hammurabi
  2. về cấu trúc – Hiệp ước Hê-tít (Hittite treaties) (nước bá chủ (suzerain)), vốn xuất hiện trong một vài cấu trúc khuôn mẫu, nhưng trong Phục Truyền và Giô-suê 24 theo khuôn mẫu của giai đoạn những năm 2000 TC, cho thấy tính lịch sử lâu đời của nó ( John H. Walton, *Văn học Y-sơ-ra-ên Cổ Đại Trong Bối Cảnh Văn Hóa của nó (Ancient Israelite Literature in Its Cultural Context)*, trang 95-107 và K.A. Kitchen, *Kinh Thánh trong Chính Thế Giới của nó (The Bible in Its World)*, trang 80-95; hãy xem phần dẫn nhập vào sách, VII.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:1-5

<sup>1</sup> Vậy, Môi-se gọi cả Y-sơ-ra-ên mà nói rằng: **Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe những luật lệ và mạng lệnh mà ngày nay ta rao truyền nơi lỗ tai các ngươi; các ngươi phải học tập và cẩn thận làm theo những điều đó.** <sup>2</sup> **Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta có lập giao ước cùng chúng ta tại Hô-rép.** <sup>3</sup> **Chẳng phải cùng tổ phụ chúng ta mà Đức Giê-hô-va đã lập giao ước này đâu, nhưng cùng hết thảy chúng ta hiện ngày nay còn sống đây.** <sup>4</sup> **Đức Giê-hô-va tại trên núi từ giữa lửa, đã đối diện phán cùng các ngươi.** <sup>5</sup> **Đương lúc đó, ta đứng giữa Đức Giê-hô-va và các ngươi, đặng truyền lại lời của Ngài cho các ngươi; vì các ngươi sợ lửa, không lên trên núi. Ngài phán rằng:"**

**5:1 “Hỡi (cả) Y-sơ-ra-ên”** Luật pháp dành cho tất cả mọi người (không phải chỉ một nhóm người ưu tú), nhưng Môi-se có lẽ phán với những trưởng lão là người truyền lại những lời của ông đến cho toàn thể dân sự

(các chi phái, gia tộc). Về “Y-sơ-ra-ên” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:1.

} “**hãy nghe**” Xem ghi chú tại 4:1.

} “**những luật lệ và mạng lệnh**” Xem ghi chú tại 4:1.

} “**phải học tập và cẩn thận làm theo những điều đó**” Cụm từ này có ba thể ĐỘNG TỪ:

1. “phải học tập” (BDB 540, KB 531, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 4:10; 5:1; 14:23; 17:19; 18:9; 31:12,13)
2. “giữ (quan sát) chúng” (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 4:2,6,9,40; 5:10,12,29,32; 6:2,3, 17[hai lần],25; 7:8,9[hai lần],11,12[hai lần],v.v...)
3. “cẩn thận” – “làm” theo từng chữ (BDB 793, KB 889, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)

Ở đây có ba thể ĐỘNG TỪ tóm tắt lại nghĩa của *shema* (BDB 1033, KB 1570, 4:1; 5:1,23,24,25,26, 27[hai lần], 28[hai lần]; 6:3,4; 9:1; 20:3; 27:9), vốn có nghĩa “hãy lắng nghe và từ đó làm theo như vậy”!

**5:2 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Danh Xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

} “**lập**” từ này nghĩa đen là “cắt” (BDB 503, KB 500, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH [hai lần]). Đây là phương pháp để phê chuẩn của giao ước Cựu Ước (ví dụ, “hãy cắt (lập) một giao ước” Sáng 15:18; 21:27,32; 31:44; Xuất 34:27; Phục 5:3; 29:12; 31:16). Áp-ra-ham đã lấy một con dê, một con bò đực, và những động vật khác, cắt chúng ra làm hai, đặt hai nửa sang hai bên, và bước xuyên qua khoảng giữa của hai nửa như là một dấu hiệu của giao ước. Nó đơn giản có nghĩa là một lời rửa sả trên những ai phá vỡ giao ước ( Sáng 15:9-18; Giê-rê-mi 34:18) hoặc ngay cả là một sự nỗ lực để niêm ân giao ước.

} “**giao ước cùng chúng ta**” Hãy xem ghi chú tại 4:13.

} “**tại Hô-rép**” Hô-rép là từ Hê-bơ-rơ để chỉ ngọn núi Si-nai. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại Phục 1:2.

**5:3 “tổ phụ chúng ta”** Một vài học giả xem cụm từ này chỉ về Các Tổ phụ, Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, nhưng những người khác xem nó chỉ về những cha ông, thế hệ tội lỗi là những người đã chết trong đồng vắng ( Dân Số Ký 26:63-65). Cụm từ tiếp theo có vẻ như xác nhận cho lựa chọn thứ hai.

} “**cùng hết thảy chúng ta hiện ngày nay còn sống đây**” Điều này chỉ về thế hệ con cái (những người dưới 20 tuổi) của thế hệ tội lỗi. Điều này rõ ràng chỉ về những lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã tương thích với thế hệ này và mỗi một thế hệ, bao gồm cả ngày hôm nay.

**5:4 “đối diện”** Cụm từ này chỉ về một cuộc đối mặt cá nhân (không phải nghĩa đen) tại Núi Hô-rép/Si-nai trong Xuất 19. Nó chính là một thành ngữ được lặp đi lặp lại ( Sáng 32:30; Xuất 33:11; Phục 5:4; 34:10; Các quan xét 6:22; Ê-xê-chi-ên 20:35).

} “**từ giữa lửa**” Đây là một sự lặp lại trích từ Xuất 19 (4:12,15,33,36; 5:4,22,24,26; 9:10; 10:4).

**5:5 “ta đứng giữa Đức Giê-hô-va và các người... vì các người sợ”** Dân sự đã sợ hãi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho nên Môi-se đã trở thành người trung gian giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và dân Y-sơ-ra-ên ( Xuất 19:16).

## **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:6**

**“ Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, đã rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức là khỏi nhà nô lệ.”**

**5:6 “Ta là Giê-hô-va”** Câu này có thể diễn giải là: “Ta là Đấng ‘Ta Là.’” Ta là Đấng sống mãi, là Đức Chúa Trời sống duy nhất. Ta là (Đấng) tồn tại mãi mãi. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là thể của ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ “là” ( Xuất 3:14).



Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

} “**đã rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô**” Chú ý rằng sự chọn lựa ân điển và tuyển chọn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đến trước khi Luật Pháp được ban hành. Đức Chúa Trời đã chọn Y-sơ-ra-ên, không phải họ đã chọn Ngài. Sự chọn lựa này được thực hiện rõ ràng chỉ với Áp-ra-ham trong lời hứa/ giao ước không điều kiện trong Sáng 15:12-21.

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:7

**7" Trước mặt ta người chớ có các thần khác. "**

**5:7 “Trước mặt ta người...các thần khác”** “Trước” (BDB 818 #7) có nghĩa đen là “trước Mặt Ta” vốn là một thành ngữ được dùng cho “không có bất kỳ điều gì trong cùng loại của ta” ( Xuất 20:3,23). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là độc nhất, hiện diện duy nhất! Đây là một sự khẳng định của tư tưởng độc thần ( Xuất 8:10; 9:14; Phục 4:35,39; 33:26; I Sa-mu-ên 2:2; II Sa-mu-ên 7:22; 22:32; Ê-sai 46:9). Sự khẳng định và mạng lệnh đầu tiên chính là sự độc nhất của đức tin của Y-sơ-ra-ên trong một khu vực Cận Đông đa thần cổ đại! Hãy xem ghi chú tại 6:4.

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:8-10

**8" Người chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống như những vật trên trời cao kia, hoặc ở nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. 9 Người chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là Đức Chúa Trời kỳ tà, hễ ai ghét ta, ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, 10 và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta."**

**5:8 “tượng chạm”** Từ này có nghĩa đen là “hình ảnh được chạm khắc” (BDB 820). Từ này có thể chỉ đến (1) bất cứ hình ảnh biểu tượng vật lý nào về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 4:12,15-19,23,25). Con bò vàng trong Xuất 32 đã là một biểu tượng diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA; hoặc (2) những hình tượng ngoại bang ( Lê-vi Ký 19:4; 26:1).

} “**đất**” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Vùng Đất, Quốc Gia, Trái Đất (אָרֶץ) dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VÙNG ĐẤT, QUỐC GIA, MẶT ĐẤT(אָרֶץ)

Giống như những từ gốc Hê-bơ-rơ, bối cảnh văn mạch là quan trọng thiết yếu trong việc xác định nghĩa dự định của chúng. Sự giới hạn về số lượng của những từ gốc Hê-bơ-rơ (là một ngôn ngữ Sê-mít cổ đại) gây nên mỗi từ trong số đó thực hiện chức năng của nó với những ý nghĩa và khoảng nghĩa rộng khác nhau. Từ gốc này (BDB 75, KB 90) có thể có nghĩa là

1. cả hành tinh (mặt đầu những người cổ đại không nhận ra được kích thước và hình dạng của nó. thường nó được sử dụng để chỉ về “thế giới đã biết”)
  - a. Sáng Thế Ký 1:2; 6:9; 10:32; 11:1,4,8,9; 14:19; 18:18,25; 22:18, v.v...
  - b. Xuất 9:29; 19:5
  - c. Thi 8:1,9; 24:1; 47:2,7; Giê-rê-mi 25:26,29,30
  - d. Châm Ngôn 8:31
  - e. Ê-sai 2:19,21; 6:3; 11:4,9,12; 12:5
2. mặt đất trong sự tương phản với bầu trời
  - a. Sáng Thế Ký 1:2
  - b. Xuất 20:4
  - c. Phục Truyền 5:8; 30:19
  - d. Ê-sai 37:16

3. tu từ ẩn dụ cho những cư dân loài người trên hành tinh
  - a. Sáng Thế Ký 6:11; 11:1 b.  
I Các Vua 2:2; 10:24
  - c. Gióp 37:12
  - d. Thi Thiên 33:8; 66:4
4. đất nước hoặc vùng lãnh thổ
  - a. Sáng Thế Ký 10:10,11; 11:28,31
  - b. đặc biệt là Y-sơ-ra-ên (món quà từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ngài sở hữu nó)
5. bụi đất, Giô-suê 7:21
6. âm phủ (KB 91)
  - a. Xuất 15:12
  - b. Thi 22:29; 71:20; Giê-rê-mi 17:13; Giô-na 2:6
7. thế giới mới
  - a. Ê-sai 9:1-7; 65:17; 66:22
  - b. hãy xem trong Tân Ước, Rô-ma 8:19-22; Ga-la-ti 6:15; II Phi-e-rơ 3:13; Khải Huyền 21:1,5

Hãy nhớ xem văn mạch, bối cảnh, bối cảnh thi đặc biệt quan trọng. Đôi khi các từ cùng gốc có thể giúp đỡ, nhưng không phải luôn luôn.

**5:9 “Người chớ qui lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó”** Đây là hai ĐỘNG TỪ ở thể phủ định:

1. “quỳ lạy” - BDB 1005, KB 295 *Hishtaphel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH hoặc *Hithpael* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, vốn có nghĩa là “quỳ xuống” “phủ phục” ( 4:19; 8:19; 11:16; Xuất 20:5; 23:24)
2. “hầu việc” - BDB 712, KB 773, *Hophal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, có nghĩa là “làm” “phục vụ như một nô lệ” hoặc “thi hành một hành động thờ phượng ( 13:2; Xuất 20:5; 23:24

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA biết rõ về khuynh hướng “sùng đạo” và “mê tín” của tâm lòng con người sa ngã và cố gắng bảo vệ sự mặc khải về chính mình Ngài và những mục đích của chính mình Ngài khỏi những ảnh hưởng hủy diệt của sự thờ hình tượng của khu vực Cận Đông.

**} “ghen tỵ (kỵ tà)”** Hãy xem ghi chú tại 4:24.

**} ĐỘNG TỪ “viếng thăm”** (BDB 823, KB 955, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) có một vài nghĩa:

1. viếng thăm để ban phước - Sáng 21:1; 50:24,25; Xuất 13:19; Ru-tơ 1:6; Thi 65:9; 106:4; Giê-rê-mi 27:22; 29:10; 32:5
2. viếng thăm để hình phạt- Xuất 20:5; 34:7; Giê-rê-mi 11:22; 13:21; 21:14; 24:25; A-môt 3:2,14; Ô-sê 1:4; 2:15; 4:14; 12:2

**} “tội tổ phụ”** Từ “sự vi phạm (tội)” (BDB 730) có thể liên hệ với từ gốc tương tự, “xoay trở” (ví dụ, II Sa-mu-ên 19:20; 24:17; I Các Vua 8:47; Thi 106:6). Y-sơ-ra-ên bị hình phạt cho sự không vâng phục (ví dụ, Xuất 20:5; 34:7; Lê-vi Ký 18:25; Dân Số Ký 14:18; Phục 19:15; Giê-rê-mi 25:12; 36:31; A-môt 3:2).

**} “con cháu đến ba bốn đời (là những kẻ ghét ta)”** Hãy chú ý hình phạt không phải là sự độc đoán hoặc cách không phân biệt, nhưng cách trực tiếp đến những kẻ “ghét” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (BDB 971, KB 1338, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG). Điều này hàm ý rằng sự vô tín bị truyền lại qua những gia đình. Sự ảnh hưởng của các bậc cha mẹ là then chốt đến sự phát triển của đức tin (hãy xem ghi chú tại 4:10). Tại khu vực Cận Đông cổ đại một vài thế hệ những gia đình sống cùng với nhau. Sự vô tín của một thế hệ và/hoặc sự không vâng phục ảnh hưởng đến toàn thể (đại) gia đình. Đây là một phần của khái niệm Hê-bơ-rơ về tập thể (ví dụ, một người ảnh hưởng đến toàn bộ— A-đam, A-can, Đa-vít, Chúa Giê-xu)

Đối với nghĩa về tập thể cũng cần thêm vào khía cạnh cá nhân của đức tin ( 24:16; II Các Vua 14:6; Giê-rê-mi

31:29-30; Ê-xê-chi-ên 18)!

**5:10 “bày tỏ (làm ơn)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 793, KB 889) là một *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, phù hợp với hành động tiếp nối của ĐỘNG TỪ trong câu 9.

} **“sự chăm sóc yêu thương”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TỐT LÀNH, TỬ TẾ (*HESED*)**

Từ này có nghĩa rất rộng. BDB mô tả nó như sau (338-339).

A. Được sử dụng liên hệ với con người

1. sự tử tế đối với những người lân cận (ví dụ, I Sa-mu-ên 20:14; II Sứ ký 24:22)
2. sự tử tế đối với những người nghèo khổ, thiếu thốn (ví dụ, Mi-chê 6:8)
3. Sự yêu thích ( Giê-rê-mi 2:2; Ô-sê 6:4)
4. hình dáng bề ngoài ( Ê-sai 40:6)

B. Được sử dụng liên hệ với Đức Chúa Trời

1. sự trung thành giao ước và tình yêu
  - a. “trong sự cứu chuộc khỏi kẻ thù và tai họa” (ví dụ, Giê-rê-mi 31:3; Ê-xo-ra 27:28; 9:9)
  - b. “trong sự bảo tồn mạng sống khỏi cái chết” (ví dụ, Job 10:12; Thi 86:13)
  - c. “sự đẩy mạnh đời sống thuộc linh” (ví dụ, Thi 119:41,76,88,124,149,150)
  - d. “trong sự cứu chuộc khỏi tội lỗi” ( Thi 25:7; 51:3)
  - e. “trong việc giữ các giao ước” (ví dụ, II Sứ ký 6:14; Nê-hê-mi 1:5; 9:32)
2. diễn tả một thuộc tính thiên thượng (ví dụ, Xuất 34:6; Mi-chê 7:20)
3. sự tốt lành của Đức Chúa Trời
  - a. “giàu có, đầy dẫy” (ví dụ, Nê-hê-mi 9:17; Thi 103:8)
  - b. “rộng lớn về quy mô” (ví dụ, Xuất 20:6; Phục 5:10; 7:9)
  - c. “đời đời” (ví dụ, I Sứ ký 16:34,41; II Sứ ký 5:13; 7:3,6; 20:21; Ê-xo-ra 3:11)
4. những hình ảnh của sự tốt lành (ví dụ, II Sứ ký 6:42; Thi 89:2; Ê-sai 55:3; 63:7; Ca thương 3:22)

} **“đến hàng ngàn”** Hai câu này giúp tôi thấy được bản tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Bản tính căn bản của Ngài là tình yêu kiên nhẫn, nhưng Ngài cũng hình phạt những kẻ nào cố ý chối bỏ Ngài (đặc biệt những người có tri thức về sự mặc khải của Ngài, ví dụ, dân giao ước). Những con số ở trong hai câu này tạo nên điểm tôi muốn nói.

1. thăm (phạt) tội lỗi đến ba bốn đời
2. bày tỏ tình yêu thương giao ước đến ngàn đời ( 7:9)

} **“những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta”** Đây là một đặc tính của Phục Truyền để liên hệ sự vâng lời giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để yêu mến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 6:5; 7:9; 10:12; 11:1,13,22; 13:3; 19:9; 30:6,16,20).

Tình yêu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không phải là một tình yêu thất thường, nhưng được định một cách rõ ràng. Ngài không thiên vị. Sự bắt đầu tình yêu giao ước của Ngài được duy trì bằng sự vâng lời giao ước.

“Giữ” (BDB 1036, KB 1581) là khái niệm then chốt trong đoạn này ( 5:1,10,12,29,32 và nhiều lần khác trong Phục Truyền). Cựu Ước được đặt nền tảng trên ân điển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và sự vâng lời/ thi hành của con người. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn chỉ cho con người về sự bất khả đáp ứng một cách hoàn toàn ( Ga-la-ti 3). Tân Ước ( Giê-rê-mi 31: 31- 34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) dựa trên sự khởi đầu của ân điển của Đức Chúa Trời và sự cứu chuộc bởi Đấng Christ. Các tín đồ cần vẫn phải được dành riêng để trở nên công chính (Ê-phê-sô 1:14; 2:10), nhưng họ đã được chấp nhận và tha thứ nhờ ân điển bởi đức tin ( Ê-phê-sô 2:8-9). Giờ đây họ vâng lời/ thi hành trong nghĩa của sự biết ơn và tình yêu gia đình (ví dụ, “những kẻ yêu mến Ta”). Mục đích thì giống nhau, một dân

công chính (giống như-Đấng Christ), nhưng phương cách đã thay đổi từ sự thi hành của con người sang sự thi hành của Đấng Christ ( Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:11**

**11, Người chớ lấy danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi; vì Đức Giê-hô-va không cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.**

**5:11 “Người chớ lấy”** ĐỘNG TỪ này (BDB 669, KB 724, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “nâng lên”, “mang” hoặc “lấy” nó có vẻ chỉ về một hành động nói. Người Y-sơ-ra-ên được kêu gọi để nói lên “danh xưng” trong sự thờ phượng ( 6:13; 10:20), nhưng không phải tên của những kẻ khác!

Sự nhấn mạnh bắt đầu trong Sáng 4:25-26, nơi dòng dõi của Sét “bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va”; Áp-ra-ham cũng hành động tương tự (Sáng 12:8; 21:33); Y-sác cũng làm như vậy (Sáng 26:25). Khái niệm giống như vậy được đặt trong một bối cảnh lai thế học bởi Giô-ên 2:28-32. Điều này được tiếp tục bởi Sứ Đồ Phi-e-rơ trong Lễ Ngũ Tuần và đã được xác nhận sự ứng nghiệm (Công vụ 2:14-21); Sứ Đồ Phao-lô sử dụng cụm từ này để chỉ về sự cứu chuộc phổ thông trong Rô-ma 10:9-13.

Danh xưng đại diện cho ngôi và đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Dân Y-sơ-ra-ên cần trở nên một vương quốc thầy tế lễ cho cả thế giới ( Xuất 19:5-6), nhưng bi kịch là sự không vâng lời-giao ước đã khiến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phải hình phạt họ (Phục Truyền 27-29), điều đó có nghĩa sứ điệp đến thế giới đã bị làm méo mó bởi:

1. Sự hình phạt của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên thay vì ban phước
2. Dân sự của Đức Chúa Trời quay sang thờ hình tượng
3. Dân sự của Đức Chúa Trời phát triển sự kiêu ngạo, sự tách biệt và tự cho mình là đúng đắn!

**} “cách vô ích (mà làm chơi)”** Từ này (BDB 996) có nghĩa là “trống rỗng” “không có thực” “vô ích” ( Xuất 20:7; Thi 139:20). Đây cũng là từ được sử dụng trong 5:20 dành cho một lời chứng “sai trật”. Có thể rằng mạng lệnh không có ý nói về việc thờ trong danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 6:13; 10:20), nhưng trong việc sử dụng danh xưng của Ngài trong những lời chứng theo luật pháp cách đối trá. Y-sơ-ra-ên trở nên một sự làm chứng “dối ” về đặc tính và mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì sự không vâng lời lặp đi lặp lại của họ, đã gây nên sự phán xét của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Phục Truyền 27-29). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:6.

**} “vì Đức Giê-hô-va sẽ không cho là vô tội”** ĐỘNG TỪ này (BDB 667, KB 720, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH có nghĩa là “tha bổng”) là một sự ần dụ cho một điều gì đó trong sạch, qua đó trở nên vô tội hoặc được tự do khỏi sự định tội ( Xuất 20:7; 34:7; Dân Số Ký 14:18; Giê-rê-mi 30:11; 46:28; Giô-ên 3:21; Na-hum 1:3). Ở đây có hai hậu quả dành cho tội lỗi của con người. Đại diện, bày tỏ một cách sai trật về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là tội lỗi nghiêm trọng nhất, đặc biệt đối với những kẻ biết Ngài (Lu-ca 12:48; Hê-bơ-rơ 10:26-31)!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:12-15**

<sup>12</sup> **Hãy giữ ngày nghỉ đặt làm nên thánh, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã phán dặn người.**  
<sup>13</sup> **Người hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày; <sup>14</sup> nhưng ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người: chớ làm một công việc nào hết, hoặc người, con trai con gái, tôi trai tớ gái của người, hoặc bò, lừa, hoặc một trong các súc vật của người, hay là khách ở trong nhà người, hầu cho tôi trai và tớ gái người cũng được nghỉ như người.** <sup>15</sup> **Khá nhớ rằng người đã làm tôi mọi nơi xứ Ê-díp-tô, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời người dùng tay quyền năng giơ thẳng ra đem người ra khỏi đó; bởi cớ ấy cho nên Giê-hô-va Đức Chúa Trời người có dặn biểu người phải giữ ngày nghỉ.**

**5:12 “quan sát (giữ)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI) có nghĩa là “gìn giữ” được sử dụng lặp đi lặp lại trong Phục Truyền.

**} “ngày Sa-bát (ngày nghỉ)”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGÀY SA BÁT

Từ này (BDB 992) có nghĩa là “nghỉ ngơi” hoặc “sự chấm dứt một hoạt động”. Các dùng của một ngày bắt đầu bằng sự thờ phượng trong Sáng 2:2-3, nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sử dụng sự nghỉ ngơi của Ngài làm khuôn mẫu cho các loài động vật (Xuất 23:12) và loài người (con người cần có một kế hoạch định kỳ cho công việc, nghỉ ngơi và thờ phượng. Lần sử dụng đặc biệt thứ nhất của ngày này bởi Y-sơ-ra-ên là ở trong Xuất 16:25-26 khi lượm ma-na. Nó sau đó trở thành một phần của “Mười Điều Răn” (Xuất 20:8-11; Phục 5:12-15). Đây là một ví dụ nơi mà Mười Điều Răn trong Xuất 20 thì có khác biệt nhỏ với Mười Điều Răn trong Phục Truyền 5. Phục Truyền đang chuẩn bị cho sự định cư của Y-sơ-ra-ên, một đời sống nông nghiệp tại Ca-na-an.

} “**thánh**” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT (שׁוֹדֵק)

### I. Cách dùng trong Cựu ước

- A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là “chia ra.” Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông “được biệt riêng ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng”
- B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chốn, thời điểm, và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký, và Dân-số-ký.
- C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).
- D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình, và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời “đầy thương xót” và một Đức Chúa Trời “thánh khiết” của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

### II. Cách dùng trong Tân ước

- A. Các trước giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
- B. Chúa Jê-sus thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jê-sus thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5).
- C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jê-sus thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ đốc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ.

**5:13 “làm”** Những luật tương tự như câu 13-14 tạo nên sự phát triển của Lời Truyền Khẩu (Ma-thi-ơ 5:21-48) được chép lại bởi vì những câu hỏi như “Cái gì là việc làm?” trở nên quan trọng thiết yếu. Những thầy dạy luật Do Thái nghĩ ra một định nghĩa để những người Do Thái trung tín sẽ không vi phạm Luật Pháp. Sự không rõ nghĩa của Luật Pháp được chép đã làm cho Luật Truyền Khẩu rất luật pháp được phát triển

**5:14 “ngày thứ bảy là ngày nghỉ (Sa-bát)”** Ngày Sa-bát là một ngày của sự nghỉ ngơi (BDB 992). Có hai nguồn gốc của việc ban ra ngày Sa-bát: (1) Xuất 20:11 hướng về Sáng Thế Ký 1-2, khi Phục Truyền hướng về sự nô lệ tại Ai Cập ( 5:15). Nó trở thành một sự đánh dấu của giao ước (giống như sự cắt bì) của dân sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

(Xuất 31:13,17; Ê-xê-chi-ên 20:12,20). Sự vâng lời là bắt buộc ( Ê-sai 56:2; 58:13; Giê-rê-mi 17:21-22).

Giống như mặt trời và mặt trăng ( Sáng 1:14) ngày Sa-bát cung cấp một sự phân chia thời gian cho các hoạt động của loài người ( Truyền Đạo 3). Ngày thứ bảy trong tuần trở thành một cách đánh dấu những ngày và năm đặc biệt (Xuất 23 và Lê Vi Ký 23). Đặc biệt, ngày Sa-bát bắt đầu vào chiều ngày thứ Sáu và đi qua cả buổi tối ngày thứ bảy, bởi vì người Y-sơ-ra-ên đánh dấu ngày trong Sáng Thế Ký 1 theo loại (“buổi chiều và buổi mai” Sáng 1:5,8,13,19,23,31).

**5:15 “Khá nhớ rằng”** Hãy xem ghi chú tại 7:18.

**§ “ngươi đã làm tôi mọi nơi xứ Ê-díp-tô”** Môi-se sử dụng kinh nghiệm của cảnh nô lệ để thúc đẩy dân Y-sơ-ra-ên có những hành động thương xót đối với những người thiết thời trong xã hội của họ:

1. cho phép tôi tớ (và súc vật) có một ngày nghỉ - 5:12-15; 16:12
2. giải phóng và trao quyền hợp pháp cho những nô lệ người Hê-bơ-rơ - 15:12-15
3. công bằng và chính trực với những người thiết thời và không phải là người bản xứ - 24:17-18
4. để lại góc ruộng và lần mót lại của vụ mùa dành cho người nghèo - 24:19-22

Cụm từ này cũng được sử dụng vô số lần để cảnh cáo Y-sơ-ra-ên hành động thích hợp trong ánh sáng của món quà ân điển đất đai của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, 6:10-15) và vâng theo giao ước (ví dụ, 8:1-10) kéo những hậu quả nghiêm trọng sẽ xảy đến (ví dụ, 8:11-20)

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:16**

**<sup>16</sup> Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi có phán dặn, hầu cho ngươi được sống lâu và có phúc trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban cho.**

**5:16 “hiếu kính”** ĐỘNG TỪ này (BDB 457, KB 455, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH) nguyên gốc có nghĩa là “trở nên nặng” và được phát triển thành một ý nghĩa ẩn dụ của “hãy trao một sức nặng công bằng cho” hoặc “kính trọng” Sự kính trọng này không dựa trên sự đồng ý, nhưng dựa trên thẩm quyền và sự tôn trọng. Trong một nghĩa nó làm mẫu cho mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người. Một thái độ thuận phục thẩm quyền là quan trọng thiết yếu trong đời sống ngoan đạo!

Chúa Giê-xu cũng nhắc đến những mệnh lệnh này nhiều như số lần ở trong Phục Truyền:

1. 5:16 - Ma-thi-ơ 15:4; Mác 7:10
2. 5:16-20 - Ma-thi-ơ 19:18-19a; Mác 10:19; Lu-ca 18:20
4. 5:17 - Ma-thi-ơ 5:21
5. 6:4-5 - Ma-thi-ơ 22:37; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:27
6. 6:13 - Ma-thi-ơ 4:10; Lu-ca 4:8
7. 6:16 - Ma-thi-ơ 4:7; Lu-ca 4:12
8. 19:15 - Ma-thi-ơ 18:16
9. 19:15 - Ma-thi-ơ 5:38

Phao-lô cũng trích dẫn trong Phục truyền khá thường xuyên:

1. 5:16 - Ê-phê-sô 6:2-3
2. 5:21 - Rô-ma 7:7
3. 19:15 - II Cô-rinh-tô 13:1
4. 21:23 - Ga-la-ti 3:13
5. 25:4 - II Cô-rinh-tô 9:9; I Tim. 5:18
6. 27:26 - Ga-la-ti 3:10
7. 30:12-14 - Rô-ma 10:6-8
8. 32:21 - Rô-ma 11:8
9. 32:35 - Rô-ma 12:19-20
10. 32:43 - Rô-ma 15:10

( Richard N. Longenecker, *Bình luận Kinh Thánh trong Giai đoạn Sứ Đồ (Biblical Exegesis in the Apostolic Period)*, trang 42-43, 92-95). Có vẻ như những tác giả Tân Ước sử dụng Cựu Ước một cách rộng khắp nhưng không luật pháp!

} **“mẹ người”** Điều này chỉ ra sự quan tâm cao độ đến tình mẫu tử ngay cả trong một xã hội Phương Đông phụ nữ về mặt luật pháp nằm ở mức độ là vật sở hữu hoặc tài sản. Một người mẹ Hê-bơ-rơ được kính trọng ở trong chính nhà của bà. Thâm quyền của cha mẹ phải được tôn trọng một cách nghiêm khắc (Xuất 21:17; Phục 27:16). Cả hai cần phải được tôn trọng và vâng phục (Châm 1:8; 6:20; 15:20; 19:26; 20:20; 23:22-25; 30:11,17).

} **“hầu cho người được sống lâu”** Câu 33; 4:40; 11:9 chỉ ra rằng đây là một lời hứa dành cho xã hội, không phải trước hết cho cá nhân. Nếu một xã hội trở nên tiêu biểu bởi sự kính trọng trong gia đình và tôn trọng đời sống gia đình, xã hội đó sẽ trở nên bền vững và tồn tại theo thời gian. Hãy xem ghi chú tại 4:40.

**5:17-21** Đây là những luật lệ rất thông dụng với tất cả những xã hội phương đông. Từ những khám phá khảo cổ học chúng ta biết về những Bộ Luật Lipit-Ishtar và Hammurabi của người Ba-by-lôn vốn có niên đại trước Bộ Luật Môi-se hàng trăm năm. Bộ Luật Hammurabi khá giống với Mười Điều Răn. Sự tương tự này chỉ ra (1) rằng đã có nhiều điều đã là sai trật ngay từ ban đầu trong mỗi tình huống và mỗi xã hội và (2) và rằng Môi-se là một nhân vật của chính thời đại và văn hóa của ông cũng như là một tiên tri của Đức Chúa Trời.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:17**

<sup>17</sup> **Người chớ giết người.**

**5:17** “giết người” ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ “giết người” (BDB 953, KB 1283, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) nguyên gốc có nghĩa là “nghiền nát một cách đầy bạo lực” Sinh mạng thuộc về Đức Chúa Trời. Điều này không có nghĩa là giết trong mọi trường hợp bởi Y-sơ-ra-ên có cả sự trừng phạt tước đoạt sinh mạng (ví dụ, Dân Số Ký 35:30) và Cuộc Thánh Chiến (ví dụ, 20:13,16-17). Mạng lệnh ở đây nói rằng “Người không được giết người cách bạo lực cho những lý do đầy ích kỷ hoặc trả thù” hoặc “đừng phạm tội giết người không-hợp lệ, có chủ ý” Theo ý tôi, đoạn này không thể sử dụng được trong những sự quở trách theo nguyên tắc Kinh Thánh để chống lại những hành động quân sự hoặc án tử hình.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GHI CHÚ TẠI XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ 20 (TỘI SÁT NHÂN)**

**I. BÓI CẢNH**

- A. Cần nhớ rằng ngay cả những mạng lệnh có vẻ mang tính xã hội cũng rất tôn giáo. Sự toàn năng của Đức Chúa Trời trên tạo vật và sự cứu chuộc có hình bóng trong những mạng lệnh trên. Mạng lệnh cấm không được giết người, trong một sự tập chú thích đáng, là một lời nói về hình ảnh của Đức Chúa Trời trong mỗi con người và Đức Chúa Trời quan tâm và chú ý đến sinh mạng của con người.
- B. Cần nhớ rằng mỗi mạng lệnh đều phản ánh về đức tin đến cộng đồng. Sự ngăn cấm không được lấy đi mạng sống trong một động cơ không hợp pháp chính là sự ưu tiên một và sự tập chú nguyên gốc vào tức tin của cộng đồng. Hê quả của nó đưa ra một cách rộng rãi cho toàn thể nhân loại!

**II. NGHIÊN CỨU NHỮNG THUẬT NGỮ QUAN TRỌNG**

**A. “Giết người”**

- 1. Đây là một thuật ngữ hiếm gặp (*rasah*) cho việc lấy đi mạng sống, chỉ được sử dụng 46 lần trong Cựu Ước mà thôi. Có hai từ khác phổ biến hơn rất nhiều.
  - a. *Harag*, được sử dụng 165 lần
  - b. *Hemit*, được sử dụng 201 lần
- 2. Từ (*Rasah*) có vẻ có một ý nghĩa nguyên gốc và một ý nghĩa mở rộng.
  - a. Nguyên gốc từ này chỉ đến việc lấy đi mạng sống của một người tham gia vào giao ước trong một cách hợp pháp và có suy nghĩ trước, thường được liên hệ với “người bà con có quyền chuộc” hoặc “go’el.” Cách sử dụng này bao hàm cả sự suy tính trước nhưng trong một nghĩa của sự trả thù một cách hợp pháp ( Dân Số Ký 35:30-34; Lê-vi Ký 24:13-23).

Trong thực tế Luật Lex Talionis, “mắt đền mắt” ( Sáng 9:5-6) là một cách để giới hạn sự trả thù. Sau này, các thành án náu (Phục 4:41; Giô-suê 20:3) được thiết lập để một thành viên của giao ước là người vô tình hoặc trong lúc quá nóng giận giết đi một thành viên khác của cộng đồng có thể chạy trốn khỏi sự thịnh nộ của gia đình nạn nhân.

- b. Sau đó từ này chỉ về động cơ hoặc thái độ đằng sau việc lấy đi mạng sống. Khái niệm “sự cố ý” trở nên quan trọng nhất! ( Xuất 21:12-14; Dân Số Ký 35:11,22; Phục 28:24).
  - c. Sự khác biệt này trở nên rất quan trọng trong mạng lệnh này. Nó có vẻ, trong văn mạch chỉ đến chỉ những người ở trong cộng đồng giao ước mà thôi. Nó liên quan đến người bà con có quyền chuộc hoặc báo thù huyết. Tuy nhiên, thuật ngữ này được sử dụng trong những đoạn sau đó vốn chỉ đến trong Mười Điều Răn, Ô-sê 4:2 và Giê-rê-mi 7:9, để chỉ về một kẻ giết người. Từ này liên quan đến luật pháp nhưng về động cơ. Nó mở rộng từ những người láng giềng đến những đồng loại con người.
3. Từ này chắc chắn không liên hệ với vấn đề đạo đức hiện đại của chúng ta về chiến tranh hoặc án tử hình. Người Do Thái không bao giờ gặp vấn đề với sự tử hình của cộng đồng hoặc các cuộc thánh chiến (hoặc, về khía cạnh này, bao gồm cả các cuộc chiến tranh không phải là thánh chiến!).
  4. Cách dịch tốt nhất đối với văn hóa hiện đại của chúng ta sẽ là “sự giết người cách cố ý.”

### III. NHỮNG CÁCH NHÌN THEO BỐI CẢNH

- A. Những mạng lệnh thứ sáu, thứ bảy và thứ tám được ban hành từ chỉ hai từ Hê-bơ-rơ. Chúng rất ngắn gọn và tập trung vào vấn đề.
- B. Sự sống, bao gồm tất cả những gì thuộc về sự sống, đều liên hệ đến Đức Chúa Trời. Cách chúng ta đối xử với người khác sẽ phản ánh suy nghĩ của chúng ta về Đức Chúa Trời

### IV. NHỮNG PHẢN TƯƠNG ĐỒNG TRONG TÂN ƯỚC

- A. Chúa Giê-xu
  1. Sự mở rộng của Ngài về mạng lệnh này (Ma-thi-ơ 5:21-26) cho chúng ta một sự định hướng thích đáng về những sự thảo luận hiện đại về cách áp dụng những lời Kinh Thánh này vào thời điểm của chúng ta.
  2. Chúa Giê-xu rõ ràng đã chuyển Mười Điều Răn từ lĩnh vực hành động sang lĩnh vực động cơ. Chúng ta chính là những gì chúng ta suy nghĩ “Một người suy nghĩ điều gì trong tâm lòng, điều đó chính là anh ta Ý tưởng về sự sống lại càng phù hợp và quan trọng hơn rất những gì chúng ta thường đánh giá.
- B. Sứ Đồ Giăng
  1. I Giăng. 3:15, trong cùng một tư tưởng được đề cập về sự ghét bỏ cũng được xem như là giết người.
  2. Những từ tiếng Hy Lạp được sử dụng trong Ma-thi-ơ 5:21 và I Giăng 3:15 là những từ khác nhưng ý nghĩa về bản chất thì tương đồng.
  3. Chú ý về khía cạnh tích cực trong I Giăng 4:19-21.

### V. NHỮNG LỄ THẬT ÁP DỤNG

- A. Mặc dù ngay cả khi một sự giết người vô ý có thể thoát khỏi sự báo thù huyết bằng cách trốn thoát đến một thành án náu ( Dân Số Ký 35; Giô-suê 20), anh ta cũng phải trả giá bằng một hình phạt của sự giam cầm trong thành đó cho đến khi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm qua đời. Những hậu quả của hành động của anh ta vẫn tồn tại!

Mặc dù câu này không liên hệ trực tiếp đến việc tự sát, có lẽ bởi vì những người cổ đại không bao giờ suy nghĩ về điều này, những lời Kinh Thánh vẫn cho một nguyên tắc thuộc linh về sự thiêng liêng của sự sống con người và sự toàn năng của Đức Chúa Trời cũng như là mục đích của sự sống của con người được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Những lời Kinh Thánh này phán một cách vô cùng mạnh mẽ vào trong thời đại của chúng ta trong lĩnh vực này!



B. Những lời này, tuy nhiên, không phán với chúng ta về những điều quyết định về những câu hỏi hiện đại là: (1) án tử hình hoặc (2) chiến tranh. Đối với Y-so-ra-ên, những điều này không phải là điều xấu ở giữa họ. Người Y-so-ra-ên đều liên quan với cả hai hành động này. Tuy nhiên, nguyên tắc về sự đặc biệt quan trọng của sự sống được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và ở dưới sự kiểm soát của Ngài là lẽ sự quan trọng trong lĩnh vực này.

C. Lời Chúa ở đây phán một điều rất cần thiết về sự cao trọng và thánh khiết của sự sống con người! Chúng ta trong sự tin tưởng cộng đồng là những người quản trị, không chỉ cho hành động riêng của chúng ta, nhưng cho chính xã hội của chúng ta. Món quà sự sống vừa mang tính cá nhân vừa tập thể.

Chúng ta có trách nhiệm cho những sự lạm dụng thân thể, quan hệ xã hội và tâm lý cho chính cơ thể của chúng ta cũng như là những sự lạm dụng thân thể, quan hệ xã hội và tâm lý của những người khác trong cộng đồng của chúng ta. Điều này đặc biệt đúng ở trong một xã hội như xã hội của chúng ta là nơi chúng ta được cho phép có ý kiến, và bởi vậy, có thể thay đổi hệ thống đó. Chúng ta là những người cầm giữ những anh em mình!

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HÒA BÌNH VÀ CHIẾN TRANH

### I. Dẫn nhập

A. Kinh Thánh, nguồn duy nhất cho đức tin và sự thực hành của chúng ta, không có bất cứ một đoạn nào định nghĩa về sự hòa bình. Thực tế, có một sự nghịch lý trong cách Kinh Thánh trình bày về điều này. Cựu Ước có thể ngụ ý chỉ rằng để tiến tới sự hòa bình là chủ nghĩa quân sự. Tân Ước, tuy nhiên, lại đặt sự xung đột trong những thuật ngữ thuộc linh về sự sáng và sự tối tăm.

B. Đức tin trên nền tảng kinh thánh, cũng như là những tôn giáo trên thế giới ở trong quá khứ và hiện tại, tìm kiếm và vẫn còn trông đợi, một thời đại hoàng kim của sự thịnh vượng mà nơi đó sẽ không còn sự xung đột.

1. Ê-sai 2:2-4; 11:6-9; 32:15-18; 51:3; Ô-sê 2:18; Mi-chê 4:3

2. Đức tin theo kinh thánh tiên tri về mộ sự trung gian trực tiếp của Đấng Mê-si, Ê-sai 9:6-7

C. Tuy nhiên, làm thế nào để chúng ta có thể sống trong một thế giới của sự xung đột? Có ba sự đáp ứng cơ bản đã phát triển theo thứ tự thời gian kể từ sau sự qua đời của các Sứ Đồ cho đến thời kỳ Trung Cổ.

1. Chủ nghĩa hòa bình—mặc dù rất hiếm ở thời xưa, nhưng nó đã là sự đáp ứng của hội thánh đầu tiên đối với xã hội quân sự La Mã.

2. Duy-chiến tranh—sau sự cải đạo của Constantine (313 sc) hội thánh bắt đầu hợp lý hóa sự ủng hộ quân sự của một “vùng lãnh thổ Cơ-đốc” để phản ứng lại với những cuộc xâm lược liên tiếp của người Barbarian. Đây căn bản là lập trường Hy Lạp kinh điển. Lập trường này được tuyên bố lần đầu bởi Ambrose và sau đó được mở rộng và phát triển bởi Augustine.

3. Cuộc Thánh Chiến (Crusade)—khái niệm này tương tự với khái niệm Thánh Chiến (Holy War) Trong Cựu Ước. Nó được phát triển trong thời kỳ Trung Cổ trong sự phản ứng lại với sự phát triển của Hội Giáo tại “Xứ Thánh” và những lãnh thổ Cơ-đốc cổ xuanhư là Bắc Phi, Tiểu Á, và Đế Quốc Đông La Mã. Cuộc Thánh Chiến không phải trên danh nghĩa của vùng lãnh thổ, nhưng trên danh nghĩa của Hội Thánh và dưới sự đỡ đầu của Hội Thánh.

4. Cả ba quan điểm trên đều được phát triển trong một bối cảnh Cơ-đốc với những cách nhìn khác nhau về việc làm thế nào để những Cơ Đốc Nhân có thể liên hệ với một hệ thống thế giới sa ngã. Mỗi quan điểm đều nhấn mạnh một phần Kinh Thánh cụ thể tách biệt với những phần khác Chủ nghĩa hòa bình có khuynh hướng tách biệt chính mình với phần còn lại của thế gian. Phản ứng “Duy Chiến tranh” chủ trương ủng hộ sử dụng quyền lực của vùng lãnh thổ để kiểm soát một thế giới xấu xa (Martin Luther). Lập trường Thánh Chiến đã ủng hộ Hội Thánh tấn công hệ thống thế giới sa ngã để kiểm soát nó.

5. Roland H. Bainton, trong quyển sách ông viết, *Những Thái Độ của Cơ Đốc Nhân đối với Chiến Tranh và Hòa Bình (Christian Attitudes Toward War and Peace)* được xuất bản bởi Abingdon, trang 15 nói rằng:

“Cuộc Cải Chánh thúc giục những cuộc chiến tranh tôn giáo một cách vội vàng, mà tại đó, ba lập trường lịch sử lại tái xuất hiện: lập trường duy chiến tranh giữa những người Lutherans và Anglicans (Anh Giáo), lập trường thánh chiến giữa những Giáo Hội - Cải Chánh, và chủ nghĩa hòa bình giữa những người Anabaptists (Giáo phái Rửa Tội lại) sau này là Giáo hội Quakers. Vào thế kỷ thứ mười tám, những ý tưởng hòa bình nhân văn của thời kỳ Phục Hưng được phục hồi trong tư tưởng và thực hành. Thế kỷ mười chín là một thời đại của hòa bình cách tương đối và một sự công khai ủng hộ việc loại bỏ chiến tranh. Thế kỷ hai mươi đã xảy ra hai cuộc chiến tranh thế giới. Trong giai đoạn này, một lần nữa, ba lập trường lịch sử lại tái diễn. Các hội thánh tại Hoa Kỳ đã đặc biệt chọn thái độ thánh chiến đối với Chiến Tranh Thế Giới thứ Nhất, chủ nghĩa hòa bình trở nên phổ biến ở giữa hai cuộc chiến tranh; và tinh thần một cách gần chính xác của cuộc Chiến Tranh Thế Giới thứ Hai là duy chiến tranh.”

D. Định nghĩa chính xác của “hòa bình” đã là một chủ đề gây tranh cãi.

1. Đối với người Hy Lạp, nó có vẻ chỉ đến một xã hội của trật tự và sự gắn kết chặt chẽ.
2. Đối với người La Mã, nó là sự thiếu vắng của xung đột được đem lại thông qua quyền lực của vùng lãnh thổ.
3. Đối với người Hê-bơ-rơ hòa bình là một món quà của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dựa trên sự đáp ứng thích hợp của nhân loại đối với Ngài. Nó thường được đặt giữa những thuật ngữ nông nghiệp (Phục 27-28). Không chỉ là sự thịnh vượng, nhưng là một sự an ninh và bảo vệ thiên thượng được bao gồm.

## II. Những Tư Liệu từ Kinh Thánh

### A. Trong Cựu Ước

1. Thánh Chiến (Holy War) là một khái niệm cơ bản trong Cựu Ước. Cụm từ “chớ giết người” trong Xuất 20:13 và Phục 5:17 trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ về sự mưu sát (giết người một cách cố ý) (BDB 953), không phải chỉ về cái chết bởi tai nạn hoặc khi nóng giận hoặc trong chiến tranh. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cũng từng được xem như là một chiến binh cho dân sự của Ngài (Giô-suê – Các Quan Xét và Ê-sai 59:17, cũng như là hình ảnh ẩn dụ trong Ê-phê-sô 6:14).
2. Đức Chúa Trời thậm chí còn sử dụng chiến tranh như là một công cụ của sự hình phạt dân sự ương ngạnh của Ngài – Cuộc lưu đày sang A-si-ri của Y-sơ-ra-ên (722 TC); Cuộc lưu đày sang Ba-by-lôn của Giu-đa (586 TC).
3. Thật sùng sốt, trong một không khí quân phiệt như vậy, khi đọc về “tôi tớ khốn khổ” trong Ê-sai 53 vốn có thể xếp vào tư tưởng hòa bình cứu chuộc.

### B. Trong Tân Ước

1. Trong các sách Phúc Âm, những người lính được nhắc đến mà không có sự định tội. Người đội trưởng Rô-ma được nhắc đến khá thường xuyên và gần như là tất cả trong một nghĩa rất vinh dự.
2. Ngay cả những người lính cũng không phải tuân lệnh bỏ đi công việc của họ (hội thánh đầu tiên).
3. Tân Ước không ủng hộ một câu trả lời chi tiết đối với những điều xấu về mặt xã hội trong giới hạn của những lý thuyết chính trị hoặc hành động, nhưng trong sự cứu chuộc thuộc linh. Sự tập chú ở đây không phải là những cuộc chiến thuộc thế giới này, nhưng vào cuộc chiến thuộc linh giữa sự sáng và sự tối tăm, giữa điều thiện và cái ác, giữa tình yêu và sự hận thù, giữa Đức Chúa Trời và Satan (Ê-phê-sô 6:10-17).
4. hòa bình là một thái độ của tâm lòng ở giữa những nan đề của thế gian. Nó chỉ liên hệ với mối quan hệ của chúng ta với Đấng Christ mà thôi (Rô-ma 5:1; Giăng 14:27), không phải với các vùng lãnh thổ. Những người đem lại sự hòa bình trong Ma-thi-ơ 5:9
5. không phải là chính trị, nhưng là sự công bố phúc âm! mối liên hệ, không phải sự xung đột, nên đặc trưng cho đời sống của Hội Thánh, đối với cả chính nó và với một thế giới hư mất.

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:18

<sup>18</sup> Ngươi chớ phạm tội tà dâm.

**5:18 “tội tà dâm”** Trong Cựu Ước, tội tà dâm (BDB 610, KB 658, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ nói về chỉ những sự quan hệ tình dục ngoài hôn nhân. Đây là một tội ác nghiêm trọng bởi vì những quan điểm Cựu Ước về sau khi chết. Họ tin rằng trong một cách nào đó, một người tiếp tục sống qua những hậu tự của họ. Ngoài ra, sự quan trọng của các chi phái được thừa hưởng và truyền đi những vùng đất được chia làm sản nghiệp bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA làm cho tội tà dâm trở nên một vấn đề rất nghiêm trọng.

Hãy chú ý, luật thứ nhất là sự trung tín với cha mẹ, luật thứ hai là hãy trung tín không được lấy đi mạng sống của anh em mình; ý tưởng thứ ba là hãy trung tín ở trong gia đình. Ngay cả những người phụ nữ đã hứa hôn cũng được xem như là đã được cưới( Phục 22:23. Ma-ry bị cáo buộc là không chung thủy bởi vì cô đã hứa hôn với Giô-sép.

Ý tưởng về sự tà dâm thường được sử dụng theo nghĩa bóng biểu tượng cho sự thờ hình tượng. Ê-xê-chi-ên và Ô-sê mô tả về Đức Chúa Trời như là một người chồng của Y-sơ-ra-ên, vì vậy, khi Y-sơ-ra-ên đi theo những thần khác, nó bị gọi là “đi làm gái” và được xem như là sự ngoại tình thuộc linh hoặc không chung thủy.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:19**

**<sup>19</sup>Người chó trộm cướp.**

**5:19 “trộm cướp”** có lẽ ở đây chỉ về bắt cóc và bán (BDB 170, KB 198, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 24:7; Xuất 21:16), bởi vì trong văn mạch xoay quanh luật pháp. Nó bày tỏ về sự trung tín với một anh em giao ước mà mạng sống của người đó thuộc về Đức Chúa Trời. Tất cả những luật xoay quanh đều dẫn đến án tử hình. Điều này có vẻ khắc nghiệt cho những sự trộm vặt

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:20**

**<sup>20</sup>Người chó làm chứng dối cho kẻ lân cận mình.**

**5:20 “ làm chứng dối”** Trong những xã hội cổ đại, khi cáo buộc một điều gì, trách nhiệm của người bị cáo buộc là chứng minh người cáo buộc là sai hơn là cách thi hành của hệ thống tư pháp Hoa Kỳ của chúng ta là xem một người là vô tội cho đến khi anh ta bị chứng minh là có tội. Nếu bạn chứng minh người cáo buộc bạn là sai trật, anh ta phải chịu hình phạt của tội mà anh đã cáo buộc bạn (19:16-21). Bởi vì sự không tuân theo Mười Điều Răn sẽ gây ra cái chết, sự làm chứng dối là một tội nghiêm trọng! Sự làm chứng dối bày tỏ một sự không trung tín đối với đức tin của cộng đồng. Sự dối trá hủy diệt danh tiếng và lấy đi mạng sống của một anh em hoặc chị em giao ước. Chúa xem sự dối trá này là nghiêm trọng (Gióp 17:5; Thi 101:5; Châm 11:9; Giê-rê-mi 9:8-9).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:21**

**<sup>21</sup>Người chó tham vợ của kẻ lân cận mình; chó tham nhà của người, hoặc ruộng, tôi trai tớ gái, bò, lừa hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận người.'**

**5:21 “chó tham... chó thèm muốn (tham)”** Hai ĐỘNG TỪ này đồng nghĩa:

1. “tham” - BDB 326, KB 325, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, có nghĩa là “một sự khao khát mãnh liệt” đối với một vật nào đó, có thể trong nghĩa tích cực hoặc tiêu cực. Trong bối cảnh này, nó nói về một sự khao khát ích kỷ, không kiểm soát được đối với một điều gì đó mà thuộc về một anh em giao ước.
2. “thèm muốn” - BDB 16, KB 20, *Hiphpael* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, có nghĩa là “khao khát” ( 14:26) hoặc “tham muốn” (thường trong bối cảnh tình dục như trong 5:21) nhiều và nhiều hơn nữa cho tôi với bất kỳ giá nào (ví dụ, Dân Số Ký 11:4; Thi 106:14; Châm 13:4; 21:26; 23:3,6; 24:1).

Điều này chỉ đến một thái độ và động cơ bên trong của một người nào đó. Nó là đỉnh cao của tất cả mọi

mạng lệnh khác. Đây là mạng lệnh duy nhất phải xử lý với câu hỏi tại sao chứ không phải như thế nào. Mạng lệnh này không chỉ nói là “đừng làm điều đó” nhưng còn là “đừng suy nghĩ như vậy.” Chúa Giê-xu dạy chúng ta rằng chúng ta không chỉ không giết người, nhưng chúng ta không nên ghét, hoặc bày tỏ một thái độ có thể dẫn đến hậu quả giết người. Chúa Giê-xu lấy mạng lệnh cuối cùng và phát triển những mạng lệnh còn lại đến một mức độ động cơ và thái độ bên trong (Ma-thi-ơ 5:17-48). Đây là tất cả sự khác biệt của thể giới của một người không trộm cướp bởi vì điều đó không làm đẹp lòng Chúa với một người không trộm cướp bởi vì anh sợ bị bắt. Một người thì hành động trên những nguyên tắc Cơ Đốc và người kia thì hành động dựa trên lợi ích của chính mình.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 5:22-27**

**22**“**Tại trên núi, giữa lửa, mây và sự tối tăm, Đức Giê-hô-va có dùng tiếng lớn phán những lời này cho cả hội các người, Ngài không thêm chi hết; đoạn Ngài ghi các lời đó trên hai bảng đá, và trao cho ta.**”<sup>23</sup> **Vả, trong khi cả núi phát lửa, các người vừa nghe tiếng từ giữa nơi tối tăm phán ra, thì những quan trưởng của các chi phái, và những trưởng lão các người đến gần ta mà nói rằng:**”<sup>24</sup> **Kìa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã tỏ ra sự vinh hiển và sự oai nghiêm Ngài cho chúng tôi, và chúng tôi có nghe tiếng Ngài từ giữa lửa phán ra; ngày nay chúng tôi thấy rằng Đức Chúa Trời có phán cùng loài người và loài người vẫn còn sống.**”<sup>25</sup> **Nhưng bây giờ, có sao chúng tôi phải chết? vì đám lửa lớn này sẽ tiêu diệt chúng tôi hết. Ví bằng chúng tôi còn có nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, thì chúng tôi phải chết.**”<sup>26</sup> **Vì trong loài người, có ai đã nghe tiếng của Đức Chúa Trời sanh hoạt từ giữa lửa phán ra, như chúng tôi, mà vẫn còn sống?**”<sup>27</sup> **Vậy, ông hãy đi đến gần, nghe mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi sẽ phán, rồi hãy truyền lại cho chúng tôi mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi sẽ phán cho ông; thì chúng tôi sẽ nghe và làm theo.”**

**5:22 “Ngài không thêm chi hết”** Mười Điều Răn (Decalog) và sự giải nghĩa chúng từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải Môi-se (so sánh Xuất 31:18 & 34:27-28). Đây là sự mặc khải (từ Đức Chúa Trời), không phải sự khám phá hoặc phê chuẩn của con người. Cụm từ “(và) Ngài không thêm chi hết” là một cách thuộc văn chương khẳng định sự hoàn tất của một sự mặc khải ( 4:2; 12:32).

Những câu 22-27 chỉ về kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên tại ngọn Hô-rếp/Si-nai và được chép lại trong Xuất 19-20. Sự mặc khải này phải được tôn trọng và không được thêm bớt hoặc làm xáo trộn ( 4:2; 12:32; Phục 30:6; Truyền Đạo 3:14).

**5:23 “những quan trưởng của các chi phái, và những trưởng lão”** Những trưởng lão đến với Môi-se bởi vì họ trở nên sợ hãi ( câu 25-26; Xuất 19:16,18; 20:18-20) bởi sự mặc khải vật lý gắn liền với sự xuất hiện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại núi Hô-rếp/Si-nai.

**5:24 “sự vinh hiển và sự oai nghiêm (vĩ đại) Ngài”** Từ gốc Hê-bơ-rơ “vinh hiển” (BDB 458) có cùng gốc với “kính trọng” (BDB 457) trong câu 16. Cả hai đều là những thuật ngữ thương mại có nghĩa là “nặng” hoặc “cân nặng,” vốn dùng để chỉ sự tôn trọng. Nó thường được sử dụng cho danh xưng của Đức Chúa Trời (ví dụ, Thi 29:2; 66:2; 79:9; 96:8), cho thân vị (ví dụ, Xuất 24:16-17; 33:18,22; 40:34-35; Dân Số Ký 14:22), và cho những hành động (ví dụ, Xuất 16:7,12).

Từ thứ hai “sự vĩ đại” (BDB 152) thường được sử dụng chỉ về Đức Chúa Trời trong Phục Truyền ( 3:24; 5:24; 9:26; 11:2; 32:3; Thi 150:2). Hãy xem ghi chú tại 4:31 và 10:17

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN**

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ những trái cân (“sức nặng”). Trái nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm

tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

**3 “ Đức Chúa Trời... phán ra”** Đức Chúa Trời thực sự bày tỏ về chính Ngài và con người có thể hiểu được và có thể liên hệ với Ngài! Đây là nền tảng của sự hiểu biết của chúng ta đối với sự mặc khải của Đức Chúa Trời và những yêu cầu giao ước của Đức Chúa Trời.

**5:27 “ ông hãy đi đến gần, nghe mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi sẽ phán”** Câu này có hai *Qal* ĐỘNG TỪ THÊ MỆNH LỆNH :

1. “đi đến gần” - BDB 897, KB 1132, có nghĩa là “tiến đến gần” hoặc “tiếp cận.” Sự lại gần ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thường có những hậu quả nguy hiểm ( Xuất 16:7; Lê-vi Ký 16:1; Dân Số Ký 16:16).
2. “nghe” - BDB 1033, KB 1570, đây là ĐỘNG TỪ được nhắc lại khá thường xuyên *shema* (ví dụ, “chúng tôi sẽ lắng nghe và vâng giữ”).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 5:28-33**

<sup>28</sup>“Đương khi các ngươi bàn cùng ta, Đức Giê-hô-va nghe những lời của các ngươi, nên phán cùng ta rằng: Ta có nghe những lời dân này bàn cùng ngươi; chúng nó nói như vậy lấy làm thậm phải.<sup>29</sup> Ồ! chớ chi dân này thường có một lòng kính sợ ta, hằng giữ theo các điều răn ta như thế, để chúng nó và con cháu chúng nó được phước đời đời!<sup>30</sup> Hãy đi nói cùng dân sự rằng: Khá trở về trại mình;<sup>31</sup> còn ngươi, hãy ở lại đây với ta, ta sẽ truyền các điều răn, luật lệ, và mạng lệnh mà ngươi sẽ dạy lại cho, để chúng nó làm theo các điều đó trong xứ ta sẽ ban cho họ nhận lấy.<sup>32</sup> Vậy, các ngươi khá cẩn thận làm theo, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã phán dặn các ngươi; chớ xây qua bên hữu, hoặc qua bên tả.<sup>33</sup> Các ngươi khá đi theo trọn đường mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã chỉ cho, để các ngươi được sống, hưởng phước, và ở lâu dài trong xứ mà mình sẽ nhận được.”

**5:28-33** Hãy chú ý Đức Chúa Trời phán rằng “để các ngươi được sống, hưởng phước.” Những mạng lệnh này không được ban ra để làm gánh nặng cho dân sự. Đức Chúa Trời ban cho dân sự Ngài sự tự do. Chúa đã ban luật pháp cho chúng ta để đem lại một cuộc sống toàn vẹn, lành mạnh và hạnh phúc.

**5:29 “Ồ! chớ chi dân này thường có một lòng kính sợ ta, hằng giữ theo các điều răn ta”** Đây là một sự dẫn nhập cảm thán (“Ồ! chớ chi dân này,” BDB 566 đi với BDB 678, KB 733, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) là một cụm từ thông dụng trong Cựu Ước, được sử dụng hai mươi lăm lần, phần lớn ở trong sách Gióp (NIDOTTE, quyển 3, trang 209). Ở đây, nó thể hiện một sự mơ ước (II Sa-mu-ên 18:33; Thi 55:6).

Chúa mong đợi cho con người một sự hạnh phúc và bình an, nhưng nó bao gồm theo những trách nhiệm. Nếu họ vâng phục, sự tốt lành sẽ đến với họ, với con cái của họ, và với con cái của con cái của họ và cứ tiếp tục mãi (Phục 27-29).

**5:30,31** Hai câu này có một chuỗi những mạng lệnh:

1. “hãy đi” - BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, câu 30
2. “nói” - BDB 55, KB 65, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, câu 30
3. “trở về” - BDB 996, KB 1427, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, câu 30

4. “đứng” - BDB 763, KB 840, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH, câu 31
5. “truyền” - BDB 180, KB 210, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH, câu 31
6. “dạy lại” - BDB 540, KB 531, *Piel* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH (có thể trong văn mạch có ý nghĩa THẺ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY), câu 31

**5:31 “các điều răn, luật lệ, và mạng lệnh”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**} “ta sẽ ban cho họ nhận lấy”** Có hai ĐỘNG TỪ trong cụm từ này:

1. “ban” - BDB, 678, KB 733, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
2. “nhận lấy” - BDB, 429, KB 441, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Thông điệp này bao gồm:

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham, Sáng 12:1-3; 15:18-21
2. Lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Y-sác, Sáng 26:3-5
3. Lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Gia-cốp, Sáng 28:13-15; 35:9-12
4. Lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên, Sáng 15:16; Xuất 6:4,8; Phục 4:38,40; 19:10; 20:16; 21:23; Giô-suê 1:2,3,6,11,13,15; 2:9,24; 18:3; 21:43; 24:13

Chúa đã ban/ hứa về một vùng đất đặc biệt cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Y-sơ-ra-ên phải (1) nhận lấy nó (2) định cư tại đó, và (3) gìn giữ sự trung tín giao ước trên nó ( 4:40; 7:12-13; 8:1-20).

**5:32 “ chớ xây qua bên hữu, hoặc qua bên tả”** Đây là một thành ngữ liên hệ với lời của Đức Chúa Trời như là một con đường hay một lối đi được phân định rõ ràng (Thi 119:105; Châm 6:23). Sự lầm lạc khỏi con đường/ lối đi rõ ràng của Đức Chúa Trời chính là tội lỗi ( 9:12,16; 17:11,20; 28:14; Giô-suê 1:7; 23:6; 31:29; II Các Vua 22:2; II Sử ký 34:2; Châm 4:27). Hãy xem ghi chú tại 2:27.

**5:33 “Các người khá đi theo”** Trong văn mạch có nghĩa là “lời sống” (BDB 229, KB 246, *Qal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH). Đức tin trên nền tảng Kinh Thánh không chỉ là những luật lệ cần phải tuân giữ, nhưng nó cần phải là một cách sống hằng ngày, một mối liên hệ 24 giờ mỗi ngày, 7 ngày một tuần với Đức Chúa Trời bởi đức tin. Đức tin này phải được tuôn ra từ một đời sống tin kính.

**} “để các người được...hưởng phước”** ĐỘNG TỪ này (BDB 373, KB 370, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH) có nghĩa đen là “dễ chịu” hoặc “tốt lành” TÍNH TỪ này thường được sử dụng để mô tả về Đất Hứa ( 1:25,25; 3:25; 4:21,22,...). ĐỘNG TỪ mô tả về cuộc sống tốt lành mà Đức Chúa Trời đã hứa dành cho sự vâng phục giao ước ( 15:16; 19:13).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Mối liên hệ giữa luật pháp và ân điển là gì? Các Cơ Đốc Nhân có nên tuân giữ Mười Điều Răn hay không?
2. Mục đích của Luật pháp là gì?
3. Tại sao Mười Điều Răn lại khác nhau khi so sánh Xuất 20 và Phục Truyền 5?
4. Mục đích của ngày Sa-bát là gì? Tại sao chúng ta không thờ phượng vào ngày thứ bảy?
5. Chúng ta nhìn thấy chủ đề kết nối những câu 16-21 là gì?

# PHỤC TRUYỀN 6

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Mạng lệnh Lớn Nhất	Ý Nghĩa của Mạng Lệnh Thứ Nhất	Đại Mạng Lệnh	Yêu Mến Đức Giê-hô-va là Điều Cốt Yếu của Luật Pháp (5:32-6:13) 5:32-6:3
6:1-3	6:1-3	6:1-3	
6:4-5	6:4-9	6:4-9	6:4-9
6:6-9			
Cảnh Cáo Sự Không Vâng Phục		Cảnh Báo Chống lại Sự Không Vâng Phục	
6:10-15	6:10-15	6:10-15	6:10-13 Lời Yêu Cầu Sự Trung Thành 6:14-15
6:16-19	6:16-19	6:16-19	6:16-19
6:20-25	6:20-25	6:20-25	6:20-25

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **BỐI CẢNH**

Đã có những cuộc thảo luận giữa những nhà giải kinh rằng đoạn 6 hình thành nên kết luận cho Mười Điều Răn hay là sự dẫn nhập cho phần tiếp theo là sự mở rộng những tư tưởng được trình bày trong Mười Điều Răn. Bởi vì 5:28-33 có vẻ rõ ràng đối với tôi rằng từ đó chúng ta bắt đầu một phần mới nhấn mạnh về sự vâng lời.

- A. Nhiều người cho rằng đoạn 6 là một sự mở rộng của điều răn thứ nhất vốn khẳng định sự ưu tiên một của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong đời sống của chúng ta.
- B. Đây là một sự nhấn mạnh tiếp tục trong đoạn này vào những lời hứa nguyên thủy của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 12:1-3 và sự ứng nghiệm của chúng ( 6:1, 3, 10, 18, và 23).



**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 6:1-3**

**1**"Vả, này là điều răn, luật lệ và mạng lịnh mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã phán dặn ta dạy lại cho, để các ngươi làm theo nó trong xứ mà các ngươi sẽ đi vào nhận lấy; **2** hầu cho ngươi kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, trọn đời, ngươi và con cháu ngươi vâng giữ các luật lệ và điều răn của Ngài mà ta truyền cho ngươi, để ngươi được sống lâu ngày. **3** Hỡi Y-sơ-ra-ên, ngươi hãy nghe lấy và cẩn thận làm theo, hầu cho ngươi được phước và thêm lên nhiều trong xứ đượm sữa và mật, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi đã phán hứa cùng ngươi.

**6:1 “điều răn, luật lệ và mạng lịnh”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**3** “**Giê-hô-va Đức Chúa Trời**” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

**3** “**dạy... làm theo**” Đoạn 6, cùng với sự kết luận trong đoạn 5, có thể được mô tả là sự nhấn mạnh một cách tích cực vào sự cần thiết của sự vâng lời ( 5:29,31,32,33; 6:1,2,3,4,17,24, và 25). Sự nhấn mạnh trọng tâm vào nhu cầu của sự vâng lời trong Tân Ước (Lu-ca 6:46; Giăng 14:21; Gia-cơ 2:14-26; I Giăng 5:2). Một cách để chúng ta bày tỏ với Chúa rằng chúng ta thật sự yêu mến Ngài chính là chúng ta hãy vâng theo những lời Ngài đã phán truyền cho chúng ta. Sự tập chú vào sự vâng lời phải hướng về đầu tiên là Đức Chúa Trời và sau đó là những anh/ chị em giao ước của chúng ta. Chúa luôn luôn bắt đầu ở trong ân điển (những lợi ích giao ước), nhưng Ngài trông đợi chúng ta tuân theo những yêu cầu giao ước của Ngài!

**3** “**trong xứ mà các ngươi sẽ đi vào nhận lấy**” điều này tất nhiên, chỉ về Sáng 12:1-3. Trong Cựu Ước “xứ” theo khía cạnh lời hứa Áp-ra-ham được nhấn mạnh trong khi trong Tân Ước, “chỗ” theo khía cạnh lời hứa Áp-ra-ham được nhấn mạnh (chi phái Giu-đa, nhà Y-sai, dòng Đa-vít).

**6:2 “ hầu cho ngươi kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, trọn đời, ngươi và con cháu ngươi vâng giữ các luật lệ và điều răn của Ngài”** Tư tưởng gia đình kính sợ và thờ phượng được nhấn mạnh trong Phục Truyền ( 4:9-10; 5:29; 6:13; 11:19; 32:46). Nó là sự trái ngược thần học với Phục 5:9!

**3** “**kính sợ...vâng giữ**” Sự kính sợ (BDB 431, KB 432, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được bày tỏ qua việc “vâng giữ”(BDB 1036, KB 1581, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) tất cả những yêu cầu giao ước của Ngài!

**3** “**vâng giữ**” Hãy xem ghi chú tại 5:1.

**3** “ **trọn đời**” Chú ý rằng ở đây là một sự nhấn mạnh vào một cách sống—vâng lời hằng ngày, không phải chỉ là những thời điểm thờ phượng hoặc những lễ nghi hàng năm mà thôi. Đức tin theo nền tảng kinh thánh là đức tin khởi đầu và sự ăn năn theo sau bởi một đời sống đức tin và ăn năn ( Mác 1:15; Công vụ 3:16,19; 20:21).

**3** “**để ngươi được sống lâu ngày**” Cụm từ này thường được giải nghĩa trong mối liên hệ với Phục 5:16 như là một lời hứa của sự sống thọ cách cá nhân dành cho những ai hiếu kính cha mẹ của mình. Tuy nhiên, bởi vì cách sử dụng lặp đi lặp lại cụm từ này trong Phục 4:40; 5:16,33; 6:2; 11:9, nó rõ ràng là một thành ngữ cho lời hứa về một xã hội vững bền, chứ không phải là sự sống lâu cách cá nhân. Giao ước của Đức Chúa Trời được thiết kế để thúc đẩy một xã hội tin kính, vững bền, lành mạnh và kết quả (trong câu 3; và ghi chú đầy đủ tại 4:40).

**6:3** Hãy chú ý cách những ĐỘNG TỪ và ý tưởng được lặp đi lặp lại nhiều lần.

**3** “**hầu cho ngươi được phước**” Cụm từ này song song với cụm từ “để ngươi được sống lâu ngày” ở trong câu 2. Chú ý cụm từ này cũng được tìm thấy ở 5:33; 15:16; 19:13

⌋ “ và thêm lên nhiều trong xứ đượm sữa và mật, y như...hứa cùng ngươi” Cần được ghi chú rằng phương cách căn bản của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để thu hút các quốc gia đến với Ngài chính là ban phước cho Y-sơ-ra-ên trong một cách độc nhất. Tuy nhiên, sự không vâng lời của Y-sơ-ra-ên đã không cho phép viễn cảnh này có thể trở thành hiện thực. Phần rửa sả và ban phước trong Phục Truyền 27-29 chính là điểm then chốt trong việc hiểu rõ về lịch sử của con cái của Áp-ra-ham. Họ đã được phán một cách đặc biệt về sự dư dật sẽ đổ đến với họ nếu như họ bước theo Đức Chúa Trời và sự rửa sả sẽ đổ đến với họ nếu họ không vâng lời. Lịch sử của Y-sơ-ra-ên chính là lịch sử của sự không vâng lời.

cụm từ “xứ đượm sữa và mật,” là một cụm thuật ngữ trong những tài liệu tiếng Ugaritic và tiếng Ai Cập để mô tả về vùng đất Palestine. Nó được sử dụng khá thường xuyên (Xuất 3:8,17; 13:5; 33:3; Lê-vi Ký 20:24; Dân Số Ký 13:27; 14:8; 16:13; Phục 6:3; 11:9; 26:9; 27:3; 31:20).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 6:4-9

“Hỡi Y-sơ-ra-ên! hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai. <sup>5</sup> Ngươi phải hết lòng, hết ý, hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi. <sup>6</sup> Các lời mà ta truyền cho ngươi ngày nay sẽ ở tại trong lòng ngươi; <sup>7</sup> khá ân cần dạy dỗ điều đó cho con cái ngươi, và phải nói đến, hoặc khi ngươi ngồi trong nhà, hoặc khi đi ngoài đường, hoặc lúc ngươi nằm, hay là khi chỗi dậy. <sup>8</sup> Khá buộc nó trên tay mình như một dấu, và nó sẽ ở giữa hai con mắt ngươi như ấn chỉ; <sup>9</sup> cũng phải viết các lời đó trên cột nhà, và trên cửa ngươi.”

**6:4 “hãy nghe”** Đây là ĐỘNG TỪ Hê-bo-rơ *shema* (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:1. Nó có nghĩa là “hãy lắng nghe và làm theo như vậy.” Đây chính là sự tập chú vào giao ước theo Kinh Thánh. Cách sử dụng của ĐỘNG TỪ này trong Phục Truyền chỉ ra rằng nó được sử dụng theo nghi thức tế lễ tại cách sắp xếp của những sự thờ phượng (ví dụ, 4:1; 5:1; 9:1; 20:3; 27:9-10). Lời cầu nguyện này trong Phục 6:4-6, từ những ngày của đền thờ thứ hai (516 TC), được lặp đi lặp lại ngay cả cho đến ngày nay bởi dân tộc Do Thái trong cả buổi sáng và buổi chiều tại mỗi dịp thờ phượng. Nó là sự xưng nhận đức tin tâm điểm của họ.

⌋

NASB, NKJV,

NET, NIV

“Giê-hô-va có một”

NRSV, TEV

“Giê-hô-va một mình”

NJB

“Giê-hô-va duy nhất”

LXX

“Giê-hô-va chỉ có một”

JPSOA

“Giê-hô va chỉ một mình”

REB

“Giê-hô-va Đức Chúa Trời duy nhất của chúng ta”

Ở đây không có ĐỘNG TỪ. Cột trụ trung tâm của sự khẳng định Do Thái về tư tưởng độc thân (mặc dù cũng cần thừa nhận rằng lễ thật thần học trung tâm này không nổi bật trong văn mạch). Y-sơ-ra-ên rất khác biệt với những quốc gia đa thần lân cận và đặc biệt là sự nhấn mạnh trên Ca-na-an về rất nhiều những thần tượng địa phương *Ba-anh* của nó.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TƯ TƯỞNG ĐỘC THÂN

Tư tưởng của “chủ nghĩa độc thân” (có một và chỉ một Đức Chúa Trời), chứ không chỉ là một “thần cao nhất” của chủ nghĩa đa thần hoặc một thần tốt lành của nhị nguyên luận (dualism) của người I-ran (Bái hóa giáo xứ Ba Tư-Zoroastrianism), là độc nhất đối với Y-sơ-ra-ên (Áp-ra-ham, 2000 TC). Chỉ có một sự ngoại trừ hiếm hoi trong thời gian ngắn tại Ai Cập (Amenhotep IV, cũng được biết dưới tên Akhenaten, 1367-1350 hoặc 1386-1361 TC).

Khái niệm này được mô tả qua những cụm từ sau trong Cựu Ước.

1. “không có ai giống như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA *Elohim* của chúng ta,” Xuất 8:10; 9:14; Phục 33:26; I Các Vua 8:23
2. “không có ai ngoài Ngài” Phục 4:35,39; 32:39; I Sa-mu-ên2:2; II Sa-mu-ên22:32; Ê-sai 45:21; 44:6,8; 45:6,21
3. “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có một” Phục 6:4; Rô-ma 3:30; I Cô-rinh-tô 8:4,6; I Tim. 2:5; Gia-cơ 2:19

4. “không có ai giống như Ngài” II Sa-mu-ên 7:22; Giê-rê-mi 10:6
5. “chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời” Thi 86:10; Ê-sai 37:16
6. “chẳng có Đức Chúa Trời nào tạo thành trước ta, và cũng chẳng có sau ta nữa,” Ê-sai 43:10
7. “không có Đấng nào khác, ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác nữa” Ê-sai 45:5,6,22
8. “chẳng có ai khác, không có Đức Chúa Trời nào nữa” Ê-sai 45:14,18
9. “ngoài ta chẳng có Đức Chúa Trời nào khác,” Ê-sai 45:21
10. “chẳng có Chúa nào khác;...chẳng có ai giống như ta,” Ê-sai 46:9

Cần phải thừa nhận rằng giáo lý quan trọng cốt yếu này được bày tỏ trong những cách theo tiến trình. Những lời khẳng định đầu tiên có thể được hiểu như là “thuyết duy tôn nhất thần (henotheism)” hoặc chủ nghĩa độc thần thực dụng (practical monotheism) (có nhiều thần, nhưng chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất cho chúng ta, Xuất 15:11; 20:2-5; Phục 3:28; 5:7; 6:4,14; 10:17; 32:12; I Các Vua 8:23; Thi 83:18; 86:8; 136:1-2).

Những phần kinh thánh đầu tiên bắt đầu mô tả về một sự độc nhất (độc thần triết học) xuất hiện sớm (Xuất 8:10; 9:14; Phục 4:35,39; 33:26). Những sự công bố đầy đủ và hoàn chỉnh được tìm thấy trong Ê-sai 43-46 (43:11; 44:6,8; 45:7,14,18,22; 46:5,9).

Những phần Kinh Thánh chỉ đến Phục 6:4 trong Rô-ma 3:30; I Cô-rinh-tô 8:4,6; Ê-phê-sô 4:6; I Ti-mô-thê 2:5; và Gia-cơ 2:19. Chúa Giê-xu trích câu Kinh Thánh này là mạng lệnh thứ nhất trong Ma-thi-ơ 22:36-37; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:27. Trong Cựu Ước, cũng như trong Tân Ước, khẳng định sự có thực của các thực thể thuộc linh khác (các quỷ, các thiên sứ), nhưng chỉ có một Chúa tạo hóa/cứu chuộc mà thôi (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Sáng 1:1).

Tư tưởng độc thần theo Kinh Thánh được đặc trưng bởi

1. Đức Chúa Trời có một và độc nhất (bản thể luận (ontology) được giả định, chưa được xác định cụ thể)
2. Đức Chúa Trời có thân vị (personal - có thể có mối quan hệ với) (Sáng 1:26-27; 3:8)
3. Đức Chúa Trời có phẩm chất đạo đức (Xuất 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi 103:8-10)
4. Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người theo ảnh tượng của Ngài (Sáng 1:26-27) cho mỗi quan hệ (ví dụ, #2). Ngài là một Đức Chúa Trời ghen tỵ (Xuất 20:2-3)

Trong Tân Ước

1. Đức Chúa Trời có ba sự phát lộ vĩnh hằng có thân vị (eternal, personal manifestations) (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi tại 8:11)
2. Đức Chúa Trời là được bày tỏ một cách hoàn toàn và hoàn hảo qua Chúa Giê-xu (Giăng 1:1-14; Cô-lô-se 1:15-19; Hê-bơ-rơ 1:2-3)
3. Đức Chúa Trời là được bày tỏ một cách hoàn toàn và hoàn hảo qua Chúa Giê-xu (Giăng 1:1-14; Cô-lô-se 1:15-19; Hê-bơ-rơ 1:2-3)
4. Kế hoạch cứu chuộc vĩnh hằng con người sa ngã chính là sự hy sinh chính Con một của Ngài làm của lễ chuộc tội (Ê-sai 53; Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21; Phi-líp 2:6-11; sách Hê-bơ-rơ)

**6:5 “Người phải hết lòng, hết ý, hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người”** Đây là một sự nhấn mạnh mẽ khẳng định rằng sự đáp ứng của chúng ta với Chúa cần bao gồm toàn thể con người chúng ta. Chúa Giê-xu sử dụng cùng một câu Kinh Thánh này kết hợp với Lê-vi Ký 19:18 để khẳng định toàn thể bản chất của luật pháp (Ma-thi-ơ 22:36-38; Mác 12:29-34; Lu-ca 10:27-38).

“tình yêu” của các tín đồ (BDB 12, KB 17 *Qal* THÈ HOÀN THÀNH) được bao gồm. Đó là đặc trưng của Phục Truyền để liên hệ với sự vâng lời giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là bằng chứng của tình yêu của một người đối với Ngài (5:10; 6:5; 7:9; 10:12; 11:1,13; 13:3; 19:9; 30:6,16,20). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:10.

Những thuật ngữ “lòng (heart)” và “ý (soul)” thường được sử dụng cùng với nhau để chỉ về một người hoàn chỉnh (4:29; 10:12; 11:13; 13:3; 26:16; 30:2,6,10).

Thuật ngữ “lòng” (BDB 659) mô tả lực- sống (life force) của con người (ví dụ, hơi thở) trong cả con người và các động vật (ví dụ, Sáng 1:20-30; 2:7,19; 7:22; Gióp 34:14-15; Thi 104:29,30; 146:4; Truyền Đạo 3:19-

21). Ở đây chỉ đến sự khao khát mãnh liệt.

“sức (might)” (BDB 547) ở đây nghĩa là “sự dư dật” hoặc “sức mạnh” ( II Các Vua 23:25). Ba thuật ngữ này “lòng” “ý” “sức” đại diện cho con người hoàn chỉnh và vì thế, tương đương với cụm từ “với tất cả tâm lòng.” Chú ý từ “tất cả” (BDB 481) được lặp lại ba lần cho sự nhấn mạnh.

Mạng lệnh này được nhấn mạnh bởi Chúa Giê-xu là mạng lệnh lớn nhất (Ma-thi-ơ 22:34-40; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:25-37). Mỗi phần đề cập đến các mẫu lãnh đạo Do Thái khác nhau. Tuy nhiên, nó cần phải được hiểu rằng cuộc đời của Chúa Giê-xu và các Sứ Đồ chính là thời kỳ chuyển tiếp của Cựu Ước và Tân Ước. Hai luật này, yêu Chúa (Phục 6:5) và yêu anh em mình (Lê-vi Ký 19:18) chắc chắn cũng là sự tóm lại của giao ước mới!

Đối với câu hỏi, “làm thế nào để những tín đồ Tân Ước đáp ứng?” với những luật pháp Cựu Ước, hãy xem:

1. *Làm thế nào để Đọc Kinh Thánh với Tất Cả Giá Trị của Nó (How to Read the Bible for All Its Worth)*, được viết bởi Douglas Stuart, trang 165-169
2. *Phá vỡ những Mật Mã Cựu Ước (Cracking Old Testament Codes)*, được viết bởi D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, trang 123-125.

**6:6 “ Các lời ”** Các lời chỉ về giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vốn được ban ra qua Môi-se.

**}** “**sẽ ở tại trong lòng người**” Tấm lòng (BDB 523), trong tiếng Hê-bơ-rơ, biểu hiện cho hướng tập chú của cuộc đời mỗi cá nhân. Sự nhấn mạnh trong Cựu Ước cũng có ý nghĩa như là sự trung tín bên trong cũng như là trong Tân Ước ( Phục 4:29; 6:5, 6; 10:12; 11:13,18; 13:3; 26:16; 30:2, 6, 10; Trong Tân Ước, “hết trí” Mác 12:30; Lu-ca 10:27).

Chúng ta đôi khi tạo nên một sự phân biệt sai trật giữa Giao ước Cũ là một luật pháp bên ngoài và Giao Ước mới là đức tin bên trong. Có lẽ chúng ta rút ra sự sai lầm này từ Giê-rê-mi 31:31-34, vốn nhấn mạnh “một tấm lòng mới.” Tuy nhiên, ngay cả trong Cựu Ước, các cá nhân tín hữu cũng được trông đợi hướng toàn bộ con người mình, tất cả những hành động, động cơ đến với Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

**6:7 “khá ân cần dạy dỗ điều đó cho con cái người”** ĐỘNG TỪ (BDB 1041, KB 1606, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “làm sắc” và trong thể *Piel* này là lần sử dụng duy nhất. Từ này trong tiếng Ugaritic có nghĩa là “lặp lại.” Điều này có vẻ là sự tập chú cơ bản ở trong câu Kinh Thánh này. Những thầy dạy luật Do Thái sử dụng câu này để nhấn mạnh rằng *Shema* cần phải được “lặp lại” mỗi buổi sáng và buổi chiều. Chúng ta nói về ý muốn của Đức Chúa Trời cho mỗi đời sống của chúng ta trong suốt cả toàn bộ những hoạt động hằng ngày của chúng ta. Đó là bổn phận của các bậc cha mẹ cần truyền lại đức tin cách sống này ( Phục 4:9; 6:20-25; 11:19; 32:46, Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:9). Khá thú vị rằng dòng chảy của nhiều lần dạy dỗ khác nhau này đã đi vào thành một khuôn mẫu văn chương giống nhau như trong Thi Thiên 139:2-6 và Châm Ngôn 6:20-22. Điều này đã nhấn mạnh vào trách nhiệm của cha mẹ được lặp lại trong Châm Ngôn 22:6. Những ngôi trường hiện nay của hội thánh không thể thay thế sự huấn luyện của cha mẹ nhưng chắc chắn có thể làm vững chắc thêm cho nó!

**6:8 “Khá buộc nó trên tay mình như một dấu, và nó sẽ ở giữa hai con mắt người như ấn chỉ”** Nguyên gốc cụm từ này có vẻ như được sử dụng như là một ẩn dụ (LXX). Bối cảnh là những cơ hội của nếp sống dạy dỗ lời của Chúa. Tuy nhiên, những thầy dạy luật Do Thái đã áp dụng câu kinh thánh này thực sự theo nghĩa đen và họ bắt đầu bọc một dây da xung quanh tay trái của họ cùng với một cái hộp nhỏ (*tefillin*) đi kèm với những câu Kinh Thánh được lựa chọn từ Ngũ Kinh (Torah). Cùng một kiểu hộp như vậy cũng được quấn dây vào trước trán của họ. Những “dấu (phylacteries - hộp đựng thánh điển)” hoặc “ấn chỉ (frontals - hộp đeo trước trán)” (BDB 377) cũng được nhắc đến trong Phục 11:18 và Ma-thi-ơ 23:5.

**6:9 “ cũng phải viết các lời đó trên cột nhà, và trên cửa người.”** Một lần nữa là một cử chỉ hình bóng rằng Chúa phải trở nên một phần, không chỉ trong cuộc sống gia đình của chúng ta, nhưng cả trong cuộc sống xã hội của chúng ta (ví dụ, cửa, 21:19; 22:15,24). Ngách cửa (BDB 265) của một ngôi nhà thường được em là nơi của ma quỷ trong thế giới của người Hy Lạp và La Mã, trong thế giới của người Do Thái, nó đại diện cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời (ví dụ, là chỗ mà máu của Lễ Vượt Qua được bôi vào, Xuất 12:7,22,23).

“cửa người” (BDB 1044) có thể chỉ về nơi của các cuộc gặp nhau mang tính chất xã hội và tư pháp (ví dụ,

như các cửa thành). Thường, những hộp nhỏ này và những vật đánh dấu trên cửa (*mezuzah*) chứa đựng những đoạn Kinh Thánh: Phục 6:4-9; 11:13-21 và Xuất 13:1-10,11-16.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 6:10-15**

**10** "Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời đã dẫn ngời vào xứ mà Ngài thề cùng tổ phụ ngời, là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, đặt ban cho ngời, khiến ngời lấy được những thành lớn và tốt mà ngời không có xây cất; **11** những nhà đầy đủ các thứ của mà ngời không có chất chứa; các giếng mà ngời không có đào; cây nho và cây ô-li-ve mà ngời không có trồng; khi ngời ăn và được no nê, **12** khá giữ lấy mình, kéo ngời quên Đức Giê-hô-va, là Đấng đã đem ngời ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức là khỏi nhà nô lệ. **13** Ngời phải kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời, phục sự Ngài, và lấy danh Ngài mà thề. **14** Chớ theo các thần khác trong những thần của các dân tộc ở xung quanh các ngời, **15** vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời ngự ở giữa ngời, là Đức Chúa Trời kỳ tà, e cơn thịnh nộ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời nổi lên cùng ngời và Ngài diệt ngời khỏi mặt đất chẳng. "

**6:10-11** Phần này chỉ ra rằng Y-so-ra-ên sắp sửa sở hữu xứ của những dân tộc Ca-na-an (Sáng 15:16). Họ sẽ chiếm lấy nhà cửa, đồng ruộng và những vườn nho. Nhưng, trong câu 12 nhấn mạnh rằng học không được quên rằng chính là Đức Giê-hô-va đã chu cấp cho họ những điều đó chứ không phải là từ những nguồn lực riêng của họ (4:9; 8:11-20; Thi 103:2). Nếu họ quên ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, sự đảo ngược sẽ ngay lập tức xảy ra. họ sẽ mất đi nhà cửa, đồng ruộng, và những vườn nho (28:27-48). Tình yêu thiên thượng bắt đầu bằng mối quan hệ giao ước, nhưng sự vâng phục của con người giữ gìn nó.

**6:12** “**khá giữ lấy mình**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH) được sử dụng khá thường xuyên trong Phục Truyền, nhưng thường được sử dụng trong *Qal* thể từ gốc. Hình thức *Niphal* được tìm thấy trong 2:4; 4:9,15,23; 6:12; 8:6,11; 11:16; 12:13,19,30; 15:9; 23:9; 24:8 và thường có nghĩa “hãy cẩn thận”!

✂ “**kéo ngời quên**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1013, KB 1489, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) là lời cảnh cáo được lặp đi lặp lại trong Phục Truyền (4:9,23,31; 6:12; 8:11,14,19[hai lần]; 9:7; 25:19).

✂ “**Đức Giê-hô-va, là Đấng đã đem ngời ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức là khỏi nhà nô lệ**” Đây là sự nhấn mạnh liên tiếp trong sách Phục Truyền về sự ân điển của Chúa đến với Y-so-ra-ên trước nhất (Phục 4:10; 5:29; 6:2). Thật là bất hạnh nếu mô tả Cựu Ước là luật pháp và Tân Ước là ân điển (Martin Luther).

**6:13** Câu Kinh Thánh đưa ra những điều Y-so-ra-ên nên làm đối với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khi họ khởi hoàn bước vào Đất Hứa:

1. “phải kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời” - BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. “thờ phượng Ngài,” - BDB 712, “phục sự” KB 773, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
3. “lấy danh Ngài mà thề” - BDB 989, KB 1396, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:11. Tất cả những phần trên đều liên hệ đến sự thờ phượng và được sử dụng thường xuyên trong những tác phẩm của Mô-i-se.

Một phần của sự thờ phượng sai trật của Y-so-ra-ên chính là đưa ra một khẳng định nào đó bằng danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Chúa Giê-xu có vẻ đã trích dẫn câu này trong Ma-thi-ơ 4:10 trong sự đối chất với Ma quỷ. Ngài đã đổi từ “kính sợ” trong câu 13 thành từ “thờ phượng”, vốn chỉ cho chúng ta rằng hai thuật ngữ về căn bản đồng nghĩa với nhau. Tên của Đức Chúa Trời bày tỏ đặc tính và chính mình Ngài.

**6:14** Câu này thêm một yêu cầu vào danh sách của câu 13:

4. “Chớ theo các thần khác” - BDB 229, KB 246, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Ở đây là sự thờ phượng các thần về sự màu mỡ phồn thực Ca-na-an bị nghiêm cấm.

✂ “**các thần...những thần**” Đây là những thuật ngữ *Elohim* (BDB 43) và *El* (BDB 43). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

**6:15** “vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời ngự ở giữa ngời” Đây là mục đích của sự sáng tạo. Chúa muốn sống cùng với những người được Ngài tạo dựng nên theo hình ảnh của Ngài (Sáng 1:26-27). Đây là khái niệm Mê-si của *Em-ma-nu-ên*, nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” ( Ê-sai 7:14 and Ma-thi-ơ 28:20).

**}** “**Đức Chúa Trời ghen tương (ky tà)**” Từ Hê-bơ-rơ này có thể có nghĩa “mãnh liệt” hoặc “ghen tương” (BDB 888, Phục 4:24; 5:9; Hãy xem ghi chú tại 4:24). Sự ghen tương là một từ ở trong tình yêu. Chúng ta chỉ ghen với những ai mà chúng ta có một tình yêu sâu đậm, kéo dài. Đây là một sự khẳng định của tình yêu của Đức Chúa Trời được diễn tả cách tu từ hình nhân trong từ ngữ của gia đình, con người. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15.

**}** “**con thanh nộ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời nổi lên cùng ngời, và Ngài diệt ngời khỏi mặt đất**” Như là sự mặc khải đáng ngạc nhiên về tình yêu của Đức Chúa Trời, cùng một quyển sách đó mặc khải về con giận của Đức Chúa Trời. Cũng quyển sách đó làm tràn ngập chúng ta với tình yêu của Ngài cũng làm chúng ta choáng ngợp với con giận của Ngài (“làm bùng lên” BDB 354, KB 351, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 11:16-17; 31:16-17; Các quan xét 2:14; 6:13, và “quét sạch” or “hủy diệt” BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH, 1:27; 2:22; 9:20; Giô-suê 9:24). Một cách tốt để hiểu về mối liên hệ giữa tình yêu của Đức Chúa Trời là hãy so sánh Phục 5:9 với 7:9. Cũng như cách Đức Chúa Trời thăm phạt những lối sống, tội lỗi đầu tiên từ cha cho đến con cho đến boa bốn đời, Ngài cũng viếng thăm và ban phúc hạnh của đức tin cho đến ngàn đời của những ai yêu mến Ngài. Tình yêu Thiên Chúa bị chối bỏ chính là con giận của Ngài. Ê-sai gọi con thanh nộ của Đức Chúa Trời là “Việc khác thường của Ngài” ( Ê-sai 28:21).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 6:16-19**

<sup>16</sup>“Các ngời chó thử Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngời, như đã thử Ngài tại Ma-sa. <sup>17</sup>Khá cẩn thận giữ lấy những điều răn, chứng cứ, và luật lệ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngời đã truyền cho ngời. <sup>18</sup>Vậy, ngời phải làm điều ngay thẳng và tốt lành trước mặt Đức Giê-hô-va, để ngời được phúc và vào nhận lấy xứ tốt đẹp mà Đức Giê-hô-va đã thề hứa cùng tổ phụ ngời, để ban cho ngời; <sup>19</sup>và Đức Giê-hô-va sẽ đuổi hết những kẻ thù nghịch ra khỏi trước mặt ngời, y như Ngài đã phán vậy.”

**6:16** “**Các ngời chó thử Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngời, như đã thử Ngài tại Ma-sa**” Địa điểm đó được đặt tên là “thử” *massah* (BDB 650). Đây là sự chỉ đến một sự kiện đã xảy ra trong Xuất 17:1-7 (“thử” BDB 650, KB 702, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH), nơi mà dân sự đã làm bành chống nghịch lại sự chu cấp của Đức Chúa Trời và sự hiện diện của Ngài (Phục 9:22; 33:8). Họ bày tỏ sự thiếu đức tin ( Thi 95:8; Hê-bơ-rơ 3-4). Đừng làm điều đó một lần nữa (“thử” *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH)! Câu này cũng được sử dụng bởi Chúa Giê-xu trong sự chịu cám dỗ của Ngài bởi Sa-tan (Ma-thi-ơ 4:7; Lu-ca 4:12).

**6:17** “**Khá cẩn thận giữ lấy những điều răn...của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngời**” Hãy xem ghi chú tại 6:3. Sự nhấn mạnh liên tiếp vào sự vâng lời (Hãy xem ghi chú tại 5:1) làm tràn ngập và chuẩn bị cho sự hoạt động của mối liên hệ giao ước. Tất cả những giao ước của Đức Chúa Trời với con người đều được khởi động bởi chính Ngài cách không điều kiện, nhưng họ phải đáp ứng một cách có điều kiện (5:32, 33; 6:1, 2, 3, 17, 24, 25).

**}** “**những điều răn, chứng cứ, và luật lệ của Giê-hô-va**” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**6:18** Có ba từ để đánh giá những hành động của Y-sơ-ra-ên:

1. “ngời phải làm điều ngay thẳng” - ĐỘNG TỪ, BDB 793 I, KB 889, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, “làm”
  - a. “ngay thẳng” - BDB 449 có nghĩa “ngay thẳng” hoặc “dễ chịu,” Xuất 15:26; Phục 6:18; 12:25,28; 13:18; 21:9
  - b. “tốt lành” - BDB 373 II, được sử dụng hai lần, “điều gì dễ chịu” Sáng 16:6; Phục 12:28 (BDB 375 III, câu 24)
2. “để ngời được phúc” - BDB 405, KB 408, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, “được tốt lành,” 4:40; 5:16,29,33; 6:3,18; 12:25,28; 22:7

Hãy chú ý cả ba điều trên đều được tìm thấy trong 12:25,28. Nếu Y-sơ-ra-ên vâng giữ những yêu cầu giao ước, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đem lại sự thịnh vượng và lâu dài!

**6:19** “ sẽ đuổi hết những kẻ thù nghịch ra khỏi trước mặt ngươi” Chúa ban cho họ Đất Hứa (“sẽ đuổi hết,” BDB 213, KB 239, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, Sáng 15:16-21). Ngài ban cho họ chiến thắng quân sự, nhưng Y-sơ-ra-ên vẫn phải sẵn sàng cho chiến trận, đi ra và chiến đấu. Có lẽ đây là một sự kết hợp tốt để chỉ về sự chu cấp của Đức Chúa Trời và sự cần thiết của một sự đáp cách trung tín theo giao ước ( Giô-suê 1-12).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 6:20-25**

<sup>20</sup>“Về ngày sau, khi con ngươi hỏi ngươi rằng: Các chứng cứ, luật lệ, và mạng lệnh này là chi, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã truyền cho cha? <sup>21</sup> thì hãy đáp rằng: Chúng ta đã bị làm tội mọi cho Pha-ra-ôn tại xứ Ê-díp-tô, và Đức Giê-hô-va có dùng tay mạnh đem chúng ta ra khỏi xứ ấy. <sup>22</sup> Đức Giê-hô-va có làm trước mặt chúng ta những dấu kỳ và phép lạ rất lớn lao đáng sợ, mà hại xứ Ê-díp-tô, Pha-ra-ôn, và cả nhà ngươi; <sup>23</sup> Ngài đã đem chúng ta ra khỏi xứ ấy, để dẫn vào xứ Ngài đã thề cùng tổ phụ chúng ta; để ban cho chúng ta. <sup>24</sup> Đức Giê-hô-va có phán cùng chúng ta khá làm theo các luật lệ này, kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, hầu cho chúng ta được phước luôn luôn, và được Ngài bảo tồn sự sống cho chúng ta y như Ngài đã làm đến ngày nay. <sup>25</sup> Vả, chúng ta sẽ được xưng là công bình nếu chúng ta cẩn thận làm theo các điều răn này trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, y như Ngài đã phán dặn vậy.”

**6:20** Đây là sự nhấn mạnh liên tục về sự huấn luyện giao ước thuộc linh đối với con cái (Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:10).

Khía cạnh bất thường trong bối cảnh này (ví dụ, câu 20-33) là những người chứng kiến tận mắt đã qua đời và con cháu của họ sẽ là những người kể chuyện. Vì vậy đây có thể là một cấu trúc mang tính nghi lễ (ví dụ, “khi con cái của các ngươi hỏi...ngươi sẽ nói rằng...,” Xuất 12:26,27; 13:14-15; Phục 6:20-25; Giô-suê 4:6-7,21-24).

Có thể rằng 6:20-24 là một trong những đoạn được trích lại về chuyến đi đức tin của Y-sơ-ra-ên với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, kể từ sự kêu gọi Áp-ra-ham cho đến cuộc Xuất Hành - Chinh Phục Đất Hứa ( 26:5-9; Giô-suê 24:2-13; Thi Thiên 77; 78; 105; 136).

**6:21** “ dùng tay mạnh” Hãy xem ghi chú tại 4:34.

**6:22** Điều này chỉ đến mười tai vạ tại Ai Cập. Mỗi một tai vạ là một sự hình phạt chống lại những thần Ai Cập. Hiển nhiên những tai họa này trải rộng qua một giai đoạn khoảng mười tám tháng, nếu một ai ước lượng về những mức độ của các hiện tượng tự nhiên đi kèm với chúng. Chúa cũng có thể giáng chúng một cách nhanh hơn rất nhiều nhưng cá nhân tôi tin rằng Ngài đang âm việc với đức tin của những người Ai Cập cũng như là những người Hê-bơ-ơ. Đám đông pha trộn của những người rời khỏi Ai Cập cũng gồm cả những người Ai Cập tin Chúa.

**6:24** Câu này bày tỏ cho Y-sơ-ra-ên lợi ích của việc vâng theo những mạng lệnh của Đức Chúa Trời(1) luôn luôn cho chính sự tốt lành của họ (BDB 375 III, câu 18) và (2) cho chính sự sống của họ (BDB 310, KB 309, *Piel* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) như là một dân tộc (ví dụ, 4:1; 8:1; 30:16,19).

}

NASB, NKJV,

TEV

“luôn luôn”

NRSV

“lâu dài”

NJB

“cho đến đời đời”

Từ này theo từ ngữ được ghép từ “tất cả” (BDB 481) và “những ngày” (BDB 398) được sử dụng như là một sự ẩn dụ cho sự lâu dài, vĩnh cửu ( 5:29; 28:33; Sáng 6:5; Thi 52:1, hãy xem *Những từ đồng nghĩa trong Cựu Ước* (*Synonyms of the Old Testament*), được viết bởi Robert B. Girdlestone, trang 316).

**6:25** “chúng ta sẽ được xưng là công bình ” Giống như Áp-ra-ham đã bắt đầu sự tin cậy/đức tin và sự vâng lời tiếp theo sau đã được chấp nhận bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Sáng 15:6) như là “công chính” thì sự vâng lời giao ước về phía của Y-sơ-ra-ên ( 24:13) cũng như vậy. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Sự Công chính tại 1:16.

} “nếu chúng ta cẩn thận làm theo các điều răn này” Hãy chú ý sự lặp đi lặp lại bản chất điều kiện của những

lời hứa này:

1. “nếu chúng ta cần thận”- BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, 4:6,9,40; 5:1,10,12,29,32; 6:2,3,17(được lặp lại hai lần)
2. “quan sát (làm theo)” - BDB 793, KB 889, *Qal* NGUYÊN MẪU, 4:6; 5:1,15,27,32; 6:1,3,18,24,25. Hãy xem ghi chú tại 5:1.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Đoạn 6 liên hệ với Mười Điều Răn như thế nào?
2. Tại sao có những sự nhấn mạnh vào sự vâng lời đối với giao ước?
3. Những điều quan trọng đáng chú ý của Phục 6:4-6 là gì và chúng liên hệ như thế nào đối với thuyết đa thần, thuyết duy tôn nhất thần và thuyết độc thần?
4. Trách nhiệm của những bậc cha mẹ tin kính đối với con cái của họ là gì?
5. Giải thích từ nguyên học và sự sử dụng của thuật ngữ “sự công bình” trong Kinh Thánh trong sự tập chú vào cả Cựu Ước và Tân Ước.



# PHỤC TRUYỀN 7

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tuyển dân được lựa chọn	Cuộc sống tại Ca-na-an	Dân của riêng Đức Giê-hô-va	Y-so-ra-ên, một tuyển dân được biệt riêng
7:1-5	7:1-6	7:1-6	7:1-6
7:6-11	7:7-11	7:7-11	Tuyển dân được lựa chọn của Chúa và sự yêu mến của Ngài 7:7-11
Những phước hạnh của sự vâng lời		Phước hạnh của sự vâng lời	
7:12-16	7:12-16	7:12-16	7:12-15 7:16 Quyền năng của Đức Giê-hô-va
7:17-26	7:17-26	7:17-26	7:17-20 7:21-24 7:25-26

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 7:1-5

<sup>1</sup> Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời đã dẫn ngời vào xứ mình sẽ nhận được, đuổi khỏi trước mặt ngời nhiều dân tộc, là dân Hê-tít, dân Ghi-rê-ga-sít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, tức bầy dân tộc lớn và mạnh hơn ngời, <sup>2</sup> khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời đã phó các dân ấy cho, và ngời đánh bại chúng, thì phải diệt hết chúng đi, chớ lập giao ước cùng,

và cũng đừng thương xót lấy<sup>3</sup> Người chớ làm sui gia với chúng, chớ gả con gái mình cho con trai họ, cũng đừng cưới con gái họ cho con trai mình,<sup>4</sup> vì các dân tộc này sẽ dụ con trai người lia bỏ ta mà phục sự các thần khác, rồi cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng người, diệt người cách vội vàng.<sup>5</sup> Nhưng đối cùng các dân đó, các người phải làm như vậy: phá những bàn thờ, đập bể những pho tượng, đánh hạ các thần A-sê-ra và đốt những hình chạm của chúng nó. "

**7:1 “Hê-tít”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những dân tộc sống tại Ca-na-an trước người Y-sơ-ra-ên tại 1:4.

**⌋ “bảy dân tộc lớn”** Các danh sách của các quốc gia này khác với 10, 7, 5, 3, hoặc 1 (ví dụ dân Ca-na-an hoặc dân A-mô-rít).

**7:1-5** Có một vài ĐỘNG TỪ được sử dụng để đưa mạng lệnh yêu cầu Y-sơ-ra-ên vâng lời đối với các nhóm dân tộc sống tại Ca-na-an:

1. “sẽ đuổi đi” – trong câu 1, BDB 675, KB 730, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, có nghĩa đen là “đuổi đi” II Các Vua 16:6; ở đây theo nghĩa bóng là, “quét sạch,” trong câu 2.
2. “Đức Giê-hô-va sẽ phó các dân ấy trước người” – trong câu 2, BDB 678, KB 733, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, câu 23; Dân Số Ký 21:3 và Chúa cũng sẽ làm điều này với Y-sơ-ra-ên bởi vì tội lỗi của nó I Các Vua 14:16
3. “người sẽ đánh bại chúng” - câu 2, BDB 645, KB 697, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH, “đánh bại hoàn toàn” Xuất 9:25; 21:20
4. “tận diệt hoàn toàn” - câu 2, BDB 355, KB 353, *Hiphil* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI, 2:34; 3:6(hai lần); 7:2(hai lần)
5. “chớ lập giao ước cùng” - câu 2, BDB 503, KB 500, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, “cắt bỏ, không có giao ước” Xuất 23:32; 34:12
6. “đừng bày tỏ sự thương xót với chúng” - câu 2, BDB 335, KB 334, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, câu 16; 13:8
7. “người chớ làm thông gia với chúng” - câu 3, BDB 368, KB 364, *Hithpael* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, có nghĩa đen là “đừng trở nên con rể” Sáng 34:9; Giô-suê 23:12
8. “người phải phá đổ những bàn thờ của chúng” - câu 5, BDB 683, KB 736, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 12:3; Xuất 34:13(23:24); II Các Vua 23:12; II Sử ký 31:1
9. “đập vỡ những cột tượng thiêng của chúng” - câu 5, BDB 990, KB 1402, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, II Các Vua 11:18, những biểu tượng bằng đá hình dương vật biểu tượng cho vị thần sinh sản của nam giới, *Ba-anh*, II Sử ký 31:1
10. “đục xuống những A-sê-ra của chúng” - câu 5, BDB 154, KB 180, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, câu 25; 12:3; II Sử ký 14:3; 31:1; 34:4,7
11. “đốt những hình chạm của chúng” - câu 5, BDB 976, KB 1358, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, I Sử ký 14:12; Mi-chê 1:7, những vật tà đạo của sự thờ hình tượng cần bị đốt bỏ

**7:2 “tận diệt chúng hoàn toàn”** Đây chính là từ *herem* (BDB 355, KB 353, *Hiphil* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI). Nó có nghĩa là các vật được biệt riêng dâng cho Chúa để phó cho sự hủy diệt. Từ trong Tân Ước dành cho khai niệm này là *cô-ban*. Nó có liên hệ với ý niệm về sự thánh khiết hoặc một điều gì đó được biệt riêng ra để Chúa sử dụng. Bởi vì một điều gì đó quá thánh khiết, nó không thể được sử dụng bởi con người, và cách duy nhất để đảm bảo nó sẽ không được sử dụng là hủy diệt nó. Vì vậy, trong giới hạn của người Y-sơ-ra-ên, khi những thành phố bị đánh chiếm, những người nam, và đôi khi là phụ nữ, trẻ xem và súc vật cũng sẽ bị giết. Đối với thời hiện đại, điều này có vẻ thật tàn bạo, nhưng đó là một việc làm rất phổ biến trong thời điểm đó. Một ví dụ tốt của điều này chính là Giê-ri-cô trong 6 hoặc La-ki trong Giô-suê 10:28,35. Sáng Thế Ký 15:16; Dân Số Ký 33:55; Giô-suê 23:13 chỉ ra lý do thần học của sự tận diệt hoàn toàn người Ca-na-an.

**⌋ “chớ lập giao ước với chúng”** Giô-suê 9 cho chúng ta một ví dụ lịch sử của sự thất bại của người Y-sơ-ra-ên trong việc vâng giữ mạng lệnh này.

**NASB** “đừng bày tỏ sự ưa thích với chúng”  
**NKJV** “cũng không bày tỏ thương xót với chúng”  
**NRSV** “hãy tỏ ra không thương xót”  
**TEV** “đừng...bày tỏ bất cứ sự thương xót nào”  
**NJB** “không...bày tỏ với chúng bất cứ sự thương cảm nào”

ĐỘNG TỪ thể phủ định(BDB 335 I, KB 334, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “bày tỏ sự ưa thích” hoặc “nhân từ” Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên không có sự lựa chọn này ( câu 16; 13:11-16; 19:13,21; 25:12). Sự thương xót sẽ làm ô nhiễm vùng đất với điều xấu; thương xót sẽ tha thứ cho những gì mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ không tha thứ!

**7:3 “người sẽ không cưới hỏi, làm sui gia với chúng”** Ở đây không có bất kỳ sự ngụ ý phân biệt chủng tộc nào;nhưng là bởi những lý do tôn giáo (Xuất 34:12-17). Những đoạn kinh thánh chính liên hệ với điều này là Ê-xơ-ra 10 và Nê-hê-mi 13. Chúa không muốn dân sự của Ngài cưới hỏi với dân Ca-na-an bởi vì sự thờ hình tượng của họ, vốn kéo tâm lòng của họ khỏi Ngài và làm hủy hoại sứ điệp của Ngài về chính Ngài dành cho toàn thế giới.

**7:4 “vì các dân tộc này sẽ dụ con trai người lia bỏ ta”** Hãy xem Dân Số Ký 33:55; Giô-suê 23:13. Đây là nguồn gốc của tư tưởng hiện đại Do Thái rằng người mẹ chính là yếu tố then chốt của nguồn gốc của một người Do Thái theo pháp lý.

**7:5 “kéo đồ.. .đập vỡ.. .hạ xuống.. .đốt”** Hãy xem danh sách đầy đủ tại 7:1-5.

**⌘ “A-sê-ra”** Trong bản dịch KJV là “lùm cây” Nghĩa đen có nghĩa là “những biểu tượng bằng gỗ của một nữ thần” (BDB 81). Đây là một cây cột bằng gỗ được trồng bên cạnh cột đá được dựng lên của Ba-anh, vị thần của sự sinh sản của nam giới. A-sê-ra hay Át-tạt-tê chính là vợ và được biểu tượng bằng cái cọc bằng gỗ. Không xác định được chúng là những cây còn sống hoặc là những cây gậy được chạm khắc.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 7:6-11**

<sup>6</sup>“ Vì người là một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người; Ngài đã chọn người trong muôn dân trên mặt đất, đặt làm một dân thuộc riêng về Ngài. <sup>7</sup> Đức Giê-hô-va triu mến và chọn lấy các người, chẳng phải vì các người đông hơn mọi dân khác đâu; thật số các người là ít hơn những dân khác. <sup>8</sup> Nhưng ấy vì Đức Giê-hô-va thương yêu các người, và giữ lời thề mà Ngài đã lập cùng tổ phụ các người, nên Đức Giê-hô-va nhờ tay mạnh rút các người ra, chuộc khỏi nhà nô lệ, và cứu khỏi tay Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô. <sup>9</sup> Vậy nên, phải nhận biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, ấy là Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Trời thành tín, giữ sự giao ước và nhân từ đến ngàn đời cho những người yêu mến Ngài và vâng giữ các điều răn Ngài; <sup>10</sup> và Ngài báo ứng nhần tiền cho những kẻ ghét Ngài, mà hủy diệt chúng nó đi. Ngài không trì hoãn cùng kẻ nào ghét Ngài đâu, sẽ báo ứng nhần tiền cho kẻ đó. <sup>11</sup> Vậy, khá cẩn thận làm theo những điều răn, luật lệ, và mạng lệnh mà ta truyền cho người ngày nay.”

**7:6 “dân thánh. . .Ngài đã chọn người”** sự lựa chọn trong Cựu Ước (ví dụ, “được lựa chọn” - BDB 103, KB 119, *Qal*, THỂ HOÀN THÀNH) cho một chức vụ, vốn không phải luôn liên quan đến sự cứu chuộc ( Si-ru trong Ê-sai 44:28; 45:1). “Được lựa chọn,” cũng như “thánh khiết,” liên hệ nhiều với mối liên hệ của họ với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hơn là sự kính trọng cá nhân, cũng như việc sử dụng “thánh đồ” để chỉ về tín đồ trong Tân Ước. Chúa đã chọn Y-sơ-ra-ên để chọn một quốc gia để chọn cả thế giới ( Xuất 19:5-6). Ngài muốn một “dân tộc thánh” (BDB 872) để bày tỏ cho thế giới về đặc tính và khát vọng được nhận biết họ của Ngài. Nhưng, ngay cả ở trong quốc gia này, nó vẫn luôn là những hành động đức tin của cá nhân sẽ làm cho người đó trở nên ngay thẳng với Chúa, chứ không đơn giản trở thành một phần của cộng đồng giao ước ( Ê-xê-chi-ên 18). Cộng đồng giao ước được xây dựng bởi những cá nhân kết ước chính mình, bởi đức tin, với Luật pháp của Đức Chúa Trời. Nó được xây dựng bởi không chỉ những người Do Thái; mà còn là những người ngoại ở giữa họ, là những người lạ, và những nô lệ ngoại bang trong gia đình được gia nhập cách ân điển và được dự phần trong giao ước lựa chọn (Xuất 12:38).

NASB	“sở hữu riêng”
NKJV,	
NASB Ghi chú cuối trang	“một của cái quý báu”
NRSV, NIV	“tài sản được sở hữu”
TEV	----
NJB	“dân tộc được Ngài sở hữu”
JPSOA, REB	“tài sản đặc biệt”
NET Bible	“chiến lợi phẩm”

Từ này có nghĩa là “một dân tộc được sở hữu” (BDB 766 I và 688, Xuất 19:5) hoặc “một tài sản quý giá” Từ này có nghĩa là một tài sản có giá trị, được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ về tuyển dân giao ước (7:6; 14:2; 26:18; Thi 135:4; Tít 2:14; I Phi-e-rơ 2:9). Có lẽ ngày nay chúng ta sẽ nói Y-sơ-ra-ên là chiếc vương miện châu báu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, để rao truyền kiến thức và sự mặc khải của Ngài với tất cả các quốc gia). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những định kiến thuần túy rao giảng tin lành của Bob tại 4:6.

**7:7 “Đức Giê-hô-va trứu mến và chọn lấy các người, chẳng phải vì các người đông hơn mọi dân khác đâu; thật số các người là ít hơn những dân khác”** ĐÔNG TỪ ban đầu (BDB 365 I, KB 362, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “ép lại với nhau” hoặc “buộc” 10:15 (một từ khác cho yêu thương [câu 8], nhưng có chung một lẽ thật trong 4:37) và có lẽ cả trong Ê-sai 38:17. ĐÔNG TỪ này được sử dụng cho sự khao khát trong Sáng 34:8; Phục 21:11).

Câu này làm nổi bật lên sự thương xót, ân điển và tình yêu không xứng và không đáng của Chúa! Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Hành động Ân điển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với Y-sơ-ra-ên tại 9:4-6. Về điều này, rất khó để có thể yêu Y-sơ-ra-ên bởi vì sự bướng bỉnh cứng cổ của nó (9:6,13; 31:27). Ân điển của Chúa bày tỏ thậm chí còn rõ ràng hơn bởi vì sự phản nghịch nổi loạn của Y-sơ-ra-ên!

**7:8 “vì Đức Giê-hô-va thương yêu các người”** Nhiều lần Cựu Ước nhấn mạnh rằng Chúa sẽ làm ứng nghiệm những lời hứa của Ngài với tổ phụ của họ, Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp (Sáng Thế Ký 12, 15, 18, 26, 28). Nhưng ở đây Chúa bày tỏ rằng Ngài đã làm điều đó bởi vì Ngài cũng yêu mến thế hệ này, nữa!

⌋ **“rút các người ra”** ĐÔNG TỪ (BDB 422, KB 425, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) được sử dụng khá thường xuyên và có nhiều nghĩa khác nhau (những ví dụ trong Phục Truyền):

1. nghĩa đen
  - a. một đội quân ra trận, 1:44; 2:32; 3:1; 20:1,10; 24:5; 29:7
  - b. nước từ khe suối, 8:7
  - c. rời đi, 9:7; 16:3,6
  - d. sự kết quả của đồng ruộng, 14:22; 28:38
  - e. sự vay mượn, cầm cố 24:11
2. nghĩa bóng
  - a. tương đương với sự giải cứu, 1:27; 4:20; 5:6,15, v.v...
  - b. địa điểm nguồn gốc, 2:23
  - c. tương đương với mua chuộc, 7:8
  - d. phi báng hoặc danh tiếng xấu, 22:14
  - e. bước hôn nhân, 22:19; 24:2
  - f. đời sống hằng ngày, 28:6,19; 33:18
  - g. dẫn dắt, 31:2

**Chỉ có văn mạch mới có thể xác định được nghĩa phù hợp. Đây chính là sự chính xác của mọi từ ngữ.!**

⌋ **“đã chuộc”** ĐÔNG TỪ này (BDB 804, KB 911, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa “mua với một giá.” Nó được sử dụng cho việc mua hoặc chuộc (1) con đầu lòng (Xuất 13:1-22; Dân Số Ký 18:15-17) và người Lê-vi (Dân Số Ký 3:44-51) hoặc (2) một nô lệ (15:15; 24:18, ví dụ, Y-sơ-ra-ên).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIÁ CHUỘC, SỰ CỨU CHUỘC

### I. CỤU ƯỚC

- A. Có hai thuật ngữ về mặt pháp lý trong tiếng Hê-bơ-ơ để hiểu khái niệm này.
- B. Ga'al (BDB 145 I, KB 169 I), có nghĩa "được tự do bởi giá chuộc đã trả" Một dạng đánh vần khác là 'go'el' thêm vô ý nghĩa "chuộc lại bởi người trung bảo", thường là qua một thành viên gia đình (Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp). Người này đứng ra chuộc lại tài sản, súc vật, ruộng đất đã mất (Lê vi Ký 25,27), (Ru-tơ 4:14; Isa. 29:22). Khái niệm này được mở rộng tới việc Đức Giê-hô-va chuộc lại dân Y-sơ-ra-ên từ Ai-cập. (Xuất 6:6; 15:13; Thi Thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 31:11). Ngài trở thành "Đấng Cứu Chuộc" (Gióp 19:25; Thi Thiên 19:14; 78:35; Châm 23:11; Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
- C. Padah (BDB 804, KB 911), có ý nghĩa căn bản là "giải cứu", "giải phóng"
- sự cứu chuộc các con trường. (Xuất 13:13-15 và Dân Số Ký 18:15-17)
  - sự cứu chuộc thuộc thể khác sự cứu chuộc thuộc linh (Thi Thiên 49:7,8,15)
  - Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và phản loạn. (Thi Thiên 130:7-8)
- D. Khái niệm cứu chuộc liên hệ tới vài điều sau:
- Có nhu cầu giải cứu, như vòng nô-lệ, tù tội,
    - về mặt thuộc thể
    - về mặt xã hội,
    - về mặt thuộc linh. (Thi Thiên 130:8)
  - Một giá chuộc phải trả cho sự tự do, phóng thích, hồi phục.
    - của dân Y-sơ-ra-ên (Phục 7:8)
    - của từng cá nhân (Gióp 19:25-27; 33:28; Ê-sai 53)
  - Có người trung bảo. Trong 'ga'al' người này là người thuộc gia hay họ hàng (i.e., go'el, BDB 145).
  - Đức Giê-hô-va tự miêu tả với các thuật ngữ tương tự.
    - Người Cha
    - Người Chồng
    - Người bà con có quyền chuộc lại, / Đấng Cứu Chuộc Báo Thù. Qua giá chuộc được trả, sự cứu chuộc được đảm bảo.

### II. Tân Ước

- A. Có vài thuật ngữ để hiểu khái niệm này
- Agorazō ( I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; II Phi-e-rơ 2:1; Khải Huyền 5:9; 14:34). thuật ngữ thương mại nói về trả giá để mua thứ gì đó. Chúng ta được mua lại bởi huyết, chúng không là chủ nhân của sự sống, chúng ta thuộc về Đấng Christ.
  - Exagorazō (Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại, ngụ ý chỉ Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta. Ngài gánh chịu sự nguyên rủa của luật pháp. (Luật Môi-se, Ê-phê-sô 2:14-16; Cô-lô-se 2:14), mà tội nhân không thể thực hiện. Ngài gánh chịu sự rủa sả ( Phục 21:23) cho tất cả chúng ta. (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21)! Trong Chúa Giê-su, sự công nghĩa và tình thương của Đức Chúa Trời gặp gỡ, kết quả trong sự tha thứ, tiếp nhận và cửa mở vào thiên đàng. Nơi Đức Chúa Trời ngự.
  - Luō, "giải cứu, phóng thích"
    - Lutron, "một giá đã trả" ( Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45). Những thuật ngữ này được phát ra từ môi miệng của Chúa Giê-su về sứ mạng của Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, qua trả giá cho món nợ tội lỗi mà Ngài không gây ra. (Giăng 1:29).
    - Lutroō, "phóng thích"
      - cứu chuộc Y-sơ-ra-ên (Lu-ca 24:21)
      - cứu chuộc và làm thánh một dân tuyển (Tít 2:14)
      - trở nên sinh tể thay thế vô tội. (IPhi-e-rơ 1:18-19)
    - Lutrōsis, "sự cứu chuộc," "giải phóng," hay "giải cứu"
      - Xa-cha-ri tiên tri Chúa Giê-su , Luca 1:68
      - An-ne ca ngợi Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su, Lu-ca 2:38
      - Chúa Giê-su là sinh tể tốt hơn, Hê 9:12

4. Apolytrōsis

a. sứ chuộc ở thời điểm Tái Lâm (Công vụ 3:19-21)

- (1) Lu-ca 21:28
- (2) Rô-ma 8:23
- (3) Ê-phê-sô 1:14; 4:30
- (4) Hê-bơ-rơ 9:15

b. cứu chuộc trong sự chết của Đấng Christ

- (1) Rô-ma 3:24
- (2) 1 Cô-rinh-tô 1:30
- (3) Ê-phê-sô 1:7
- (4) Cô-lô-se 1:14

5. Antilytron ( 1 Ti. 2:6). Đây là câu quan trọng liên hệ tới sự chết chuộc tội trên Thập Tự giá. (trong tự câu Tít 2:14) Chúa Giê-su là Đấng Duy Nhất có thể chết thay cho loài người và trở nên Sinh Tồn có thể chấp nhận cho Đức Chúa Trời (Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; 1 Ti-mô-thê. 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi 3:9; 1 John 2:2; 4:14).

B. Quan điểm thần học của Tân Ước.

1. Nhân loại trong vòng nô lệ tội lỗi. (Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18,23; 6:23).
2. Vòng tội lỗi của nhân loại được bày tỏ trong luật Mô-sê (Ga-la-ti 3) và Bài Giảng Trên Núi. (Ma-thi-ơ 5-7). Công đức lại là án tử hình của nhân loại (Cô-lô-se 2:14
3. Chúa Giê-su là Con Chiên vô tội của Đức Chúa Trời. đã chết thay cho chúng ta (Mác 10:45; Giăng 1:29; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta được chuộc lại để phục vụ Đức Chúa Trời. (Rô ma 6).
4. Đức Giê-hô-va và Chúa Giê-su là “người bà con có quyền chuộc lại” của chúng ta, (một hình ảnh ẩn dụ về thành viên gia đình: Cha, chồng, con, anh em, họ hàng gần gũi)
5. Sự Cứu chuộc không phải là giá phải trả cho Sa-tan (theo thần học trung cổ), nhưng là sự làm hòa với Đức Chúa Trời trong công nghĩa và yêu thương qua trung gian Chúa Giê-su. Hòa bình bắt đầu nơi Thập Tự Giá, sự bạo loạn được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong con người với sự thông công Thần – nhân mật thiết.
6. Vẫn còn sót lại khía cạnh sự cứu chuộc, ( Rô ma 8:23; Ê-phê-sô . 1:14; 4:30), sẽ được ứng nghiệm bởi sự phục sinh của thân thể và gỡ gỡ Chúa Ba Ngôi (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi. Thân thể chúng ta sẽ trở nên giống Ngài. (1 Giăng 3:2). Chúa đã có thân thể phục sinh, 1 Cor. 15:12-19 với 1 Cô. 15:35-58 nhưng còn có phần thuộc linh, là nghịch lý chúng ta không thể hiểu nổi . Rõ ràng chúng ta sẽ có thân thể phục sinh và thân thể thuộc linh, cũng như Chúa Giê-su.

7:9 “nhận biết” Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:35.

✎ Chú ý rằng người Y-sơ-ra-ên cần phải “nhận biết” (BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) về Đức Chúa Trời:

1. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, Ngài là Đức Chúa Trời” - tất cả là những DANH TỪ, 4:35,39 với MẠO TỪ BẤT ĐỊNH trước danh từ cuối *Elohim*
2. “Đức Chúa Trời thành tín” - BDB 52, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ, Ê-sai 49:7. Đây chính là sự xác nhận thần học chính ( Thi Thiên 89)! Nó được xác định bởi hai điều tiếp sau
3. “(là Đấng) giữ sự giao ước” - ĐỘNG TỪ, BDB 1036, KB 1581, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, câu 12; Sáng 28:15,20; Giô-suê 24:17; Thi 146:6
4. “và nhân từ (Ngài)” – DANH TỪ, BDB 338, trong câu 9,12; I Các Vua 8:23; II Sử ký 6:14; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4

Trong sự sáng đó họ cần phải:

1. yêu mến Ngài, câu 9, BDB 12, KB 17, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG ( 6:5; 7:13; 11:1,13,22; 13:3). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:10.
2. giữ mạng lệnh Ngài, câu 9, BDB 1036, KB 1581, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG. Hãy xem ghi chú tại 5:1. Chú ý sự cân bằng giữa sự thành tín của Chúa với sự trung tín của dân Y-sơ-ra-ên! sự phước hạnh đến với

một dân tộc vâng lời từ Đức Giê-hô-va chảy đến ngàn đời. Ngàn ở đây là nghĩa bóng của sự phong phú rất lớn, không luôn theo nghĩa đen ( Thi 90:4; Khải Huyền 20:2,3,4,7). Hãy xem ghi chú tại 5:9.

⌋ “Đức Chúa Trời thành tín” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:32.

**7:10-11** Chú ý sự đáp lại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với những kẻ “ghét Ngài” - BDB 971, KB 1338, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, 5:9; Xuất 20:5; Dân Số Ký 10:35; II Sử ký 19:2; Thi 68:1; 81:15; 83:2; 139:21:

1. “hủy diệt chúng” - BDB 1, KB 2, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
2. “báo trả chúng với mặt Ngài” - BDB 1022, KB 1532, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, có nghĩa là “báo đáp,” “báo trả,” Giê-rê-mi 51:24

**7:11** “điều răn, luật lệ, và mạng lịnh” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 7:12-16**

<sup>12</sup> Nếu người nghe các luật lệ này, và gìn giữ làm theo, thì đối cùng người Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ giữ lời giao ước và sự thương xót mà Ngài đã thề cùng tổ phụ người. <sup>13</sup> Ngài sẽ yêu mến người, ban phước cho người, gia tăng người, ban phước cho con cái người, cho thổ sản người, cho ngũ cốc, rượu, và dầu của người, cho lúa để của bò cái, chiên cái người sai đong trên đất mà Ngài đã thề cùng tổ phụ người, để ban cho người. <sup>14</sup> Người sẽ được phước hơn mọi dân: nơi người sẽ chẳng có ai son sẻ, hoặc nam hay nữ, hoặc con đực hay con cái trong bầy súc vật của người. <sup>15</sup> Đức Giê-hô-va sẽ khiến các tật bệnh lìa xa người; và những bệnh lây của xứ Ê-díp-tô kia, mà người đã biết, thì Ngài sẽ chẳng giáng cho người đâu, nhưng giáng cho những kẻ nào ghét người. <sup>16</sup> Vậy, phải diệt các dân tộc mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời phó cho người, mắt người chớ đoái thương chúng nó, và đừng hầu việc các thần họ; vì ấy sẽ là một cái bẫy cho người. "

**7:12** Chú ý mối quan hệ tương hỗ (ví dụ, trách nhiệm giao ước của cả hai phía). Chú ý rằng “giao ước của Ngài” và “sự nhân từ Ngài” là song song với nhau.

**7:13-15** Chú ý những phước hạnh giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. yêu mến người
2. ban phước cho người
3. gia tăng người
4. ban phước cho con cái người
5. ban phước cho thổ sản người
  - a. ngũ cốc
  - b. rượu mới
  - c. dầu
6. ban phước cho đàn gia súc
7. không bị son sẻ (vô sinh) ( Xuất 23:26)
  - a. trên người ( Sáng 11:30; 16:1; 25:21; 29:31)
  - b. súc vật ( 28:4; 30:9)
8. không bị bệnh tật (từ hiểm gặp chỉ được sử dụng ở tại đây và 28:10)
9. đánh bại kẻ thù của người

Những phước hạnh phong phú này ( Xuất 23:25-26) cũng được thiết lập rất rõ ràng trong Phục Truyền 28, nhưng chúng cũng được kèm theo những hậu quả của việc không vâng phục ( Phục Truyền 27 và 28:15-58). Tính chất điều kiện của giao ước Môi-se là rất rõ ràng Suốt cả phần còn lại của lịch sử của Y-sơ-ra-ên có thể hiểu được trong ánh sáng của Phục Truyền 27-29. Những lời hứa và phước hạnh của Đức Chúa Trời chỉ dành cho một Y-sơ-ra-ên trung tín, tin cậy và vâng phục. Y-sơ-ra-ên đã không bao giờ có thể giữ vững được mức độ thực hiện này, và do vậy chính là nhu cầu của một giao ước mới ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38; Ga-la-ti 3), vốn đặt trên nền tảng là những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Tất cả những người theo đuổi tình yêu theo CỰ ƯỚC của Chúa Giê-xu cầu nguyện và kỳ vọng một sự phục

hung cuối rớt ( Rô-ma 9-11). Nhưng cần phải nhắc rõ ở đây là, thiếu đi Chúa Giê-xu thì không thể có sự hy vọng giao ước ( Giăng 14:6; 1:12; 3:16; 20:31).

**7:16 “cái bẫy”** Những thần tượng cần phải được hoàn toàn phòng tránh nếu không chúng sẽ trở thành cái bẫy (BDB 430, Xuất 23:33; Dân Số Ký 33:55; Giô-suê 23:13; Các quan xét 2:3; 8:27; Thi 106:36), vốn thực sự có nghĩa đen “một cái bẫy thú có môi”!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 7:17-26**

<sup>17</sup>” Nếu người nói trong lòng rằng: Các dân tộc này đông hơn ta, làm sao đuổi chúng nó ra được? <sup>18</sup> thì chớ sợ, hãy nhớ lại điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã làm cho Pha-ra-ôn và cả xứ Ê-díp-tô, <sup>19</sup> tức là những sự thử thách lớn lao mắt người đã thấy, những dấu kỳ phép lạ, cánh tay quyền năng giơ thẳng ra, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã cất lấy, đem người ra khỏi xứ Ê-díp-tô: Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ đãi như vậy các dân tộc mà người sợ hãi đó. <sup>20</sup> Vả lại, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ sai những ong lổ đến hại chúng nó, cho tới chừng nào những kẻ đã thoát khỏi và trốn núp, bị diệt hết trước mặt người. <sup>21</sup> Chớ vì có chúng nó mà sợ hãi chi; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ngự tại giữa người, là Đức Chúa Trời rất lớn và đáng sợ. <sup>22</sup> Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ lần lần đuổi các dân tộc này khỏi trước mặt người; người không thể diệt chúng nó mau, e những thú rừng thêm nhiều lên mà hại người chẳng; <sup>23</sup> song Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ phó chúng nó cho người, và khiến cho sa vào sự kinh hoàng dữ dội, cho đến chừng nào chúng nó bị diệt mất. <sup>24</sup> Ngài sẽ phó các vua chúng nó vào tay người, người phải xóa danh các vua đó khỏi dưới trời, chẳng còn một ai chống cự trước mặt người, cho đến chừng nào người đã diệt chúng nó. <sup>25</sup> Các người phải thiêu đốt những tượng chạm về các thần chúng nó. Chớ tham lam, cũng chớ lấy cho mình bạc hay vàng bọc các tượng ấy, e người phải mắc bẫy chẳng; vì vật ấy lấy làm góm ghiếc cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. <sup>26</sup> Chớ đem vàng góm ghiếc này vào nhà mình, e người cũng đáng bị diệt như nó. Khá góm ghê và hiềm nó đến điều, vì là một vật đáng diệt. ”

**7:17 “Nếu người nói trong lòng rằng”** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ cho “Nếu các người suy nghĩ hoặc nghi ngờ” (câu 21; 9:23; Thi 95:8). Điểm chính của cả đoạn này là để khích lệ Y-sơ-ra-ên:

1. bởi những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nghịch lại Ai Cập (ví dụ, các tai vạ), trong câu 18-19
2. bởi những hành động theo lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nghịch lại Ca-na-an (ví dụ, ong lổ), trong câu 20-24

**7:18 “hãy nhớ”** ĐỘNG TỪ này(BDB 269, KB 269, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal*THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) thường xuyên được sử dụng để nhấn mạnh ( 5:15; 7:2[hai lần]; 8:18; 9:7,27; 15:15; 16:3,12; 24:9,18,22; 25:17; 32:7). Các tín hữu cần phải lùi lại một bước nhìn xem để có thể thấy được cánh tay hiện diện của Đức Chúa Trời. Bởi sự hiện diện và đặc tính Ngài trong quá khứ, Ngài cũng sẽ như vậy trong tương lai(“đối với những ai yêu mến Ngài và vâng giữ điều răn Ngài). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hành động và sẽ hành động trong lịch sử cho dân sự của Ngài!

**7:19** Chú ý những từ được sử dụng để mô tả những hành động cứu chuộc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại Ai Cập:

1. “những sự thử thách lớn lao” BDB 152 và 650 II, 4:34; 29:3 (từ có cùng nguồn gốc [III] được sử dụng khi Y-sơ-ra-ên “thử thách” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong suốt thời gian họ lang thang trong đồng vắng, 6:16, 9:22)
2. “những dấu kỳ” BDB 16, 4:34; 7:19; 26:8; 29:2; 34:11; Thi 28:43; 105:27; 135:9
3. “(những) phép lạ” BDB 68, 4:34; 6:22; 7:19; 26:8; 34:11; Thi 78:43; 105:27; 135:9
4. “cánh tay quyền năng” BDB 305 và 388, 4:34; 5:15; 6:21; 7:8,19; 9:26; 11:2; 26:8; 34:12, hãy xem ghi chú tại 4:34
5. “(cánh tay) giơ thẳng ra” BDB 283 và 639 (*Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG), 4:34; 5:15; 7:19; 9:29; 11:2; 26:8

Tôi vừa trình bày những phép song hành trong Phục Truyền. Chúng cũng xuất hiện trong Xuất Ê-díp-tô Ký. Những hành động cứu chuộc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là sự hy vọng vĩ đại cho Y-sơ-ra-ên! Chúng là sự ứng nghiệm của lời hứa dành cho Áp-ra-ham ( Sáng 15:12-21). Chúng chính là sự mở đầu của giao ước quốc gia.



**7:20 “Đức Chúa Trời người sẽ sai những ong lỗ”** Có hai nghĩa có thể ở đây cho “những ong lỗ” (BDB 864): (1) nó hoặc là bao gồm cả nghĩa bóng ( Phục 1:44, vốn được mô tả là một đoàn quân được mô tả như là một bầy ong) hoặc là (2) nghĩa đen ( Xuất 23:28; Giô-suê 24:12, nơi mà ong lỗ (ong bắp cày) được sai đến bởi Đức Chúa Trời để đánh bại những đội quân ngoại bang). Đức Chúa Trời bày tỏ cho dân sự Ngài rằng Ngài đang chiến đấu cho họ!

**7:21 “Người chớ sợ hãi chúng nó”** ĐỘNG TỪ này (BDB 791, KB 888, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được lặp lại vài lần ( 1:29; 7:21; 20:3; 31:6; Giô-suê 1:9).

**⌋ “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ngự tại giữa người”** Đây là một lẽ thật vĩ đại. Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng Thánh, ngự giữa dân sự của Ngài ( Xuất 29:45; Dân Số Ký 5:3; 35:34). Đây chính là ý nghĩa của từ *Em-ma-nu-ên* ( Ê-sai 7:14; 8:8,10).

**⌋ “Đức Chúa Trời rất lớn và đáng sợ”** Cụm từ này được cấu thành từ:

1. Một TÍNH TỪ - “rất lớn, vĩ đại” BDB 42
2. a *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ - “đáng kính sợ” BDB 431, KB 432

Mô tả này về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (sử dụng có nguồn gốc *Niphal*) cũng được tìm thấy trong 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 4:14; 9:32; Đa-ni-ên 9:4.

**7:22** Câu kinh thánh này cũng bày tỏ sự cân bằng giữa quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, “quét sạch” BDB 675, KB 730, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) và sự giới hạn của con người:

1. “người không thể diệt chúng nó mau”
2. “e những thú rừng thêm nhiều lên mà hại người chẳng”

**7:23** Những hành động của Đức Chúa Trời được mô tả:

1. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ sai những ong lỗ đến hại chúng nó,” câu 20
2. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ ... khiến cho sa vào sự kinh hoàng dữ dội, câu 23 (DANH TỪ và ĐỘNG TỪ có cùng nguồn gốc), trong câu 23, Xuất 23:27 đây cũng là từ dùng cho cuộc thánh chiến)
3. “Ngài sẽ phó các vua chúng nó vào tay người,” trong câu 24

**7:24 “người phải xóa danh các vua đó khỏi dưới trời”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1, KB 2, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) được sử dụng ở đây là một thành ngữ của sự hủy diệt toàn bộ và hoàn toàn và sự chết đến nỗi họ sẽ không còn có dòng dõi hậu tự (ví dụ, cuộc thánh chiến).

**⌋ “chẳng còn một ai chống cự trước mặt người”** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho sự đối đầu quân sự (ví dụ, hai đội quân, 11:25; Giô-suê 1:5; 10:8; 23:9).

**7:25-26** Những câu này mô tả cách Y-sơ-ra-ên sẽ hành động đối với các hình tượng Ca-na-an (ví dụ, “những tượng chạm” (BDB 820 CẤU TRÚC GHÉP 43; hãy xem ghi chú đầy đủ tại 12:3):

1. “phải thiêu đốt” - BDB 976, KB 1358, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, trong câu 5,25; 12:3
2. “Chớ tham lam, cũng chớ lấy cho mình bạc hay vàng (bạc các tượng ấy)”
  - a. Chớ đem vàng góm ghiếc này vào nhà mình, trong câu 25,26
  - b. e người phải mắc bẫy (BDB 430) bởi nó
  - c. vật ấy lấy làm góm ghiếc (BDB 1072, 12:3)
  - d. nó là một vật đáng diệt (ví dụ, “một thứ bị rửa sả,” BDB 214)
  - e. Khá góm ghiếc trọn vẹn (BDB 1055, cả ĐỘNG TỪ và DANH TỪ), ghé thăm (BDB 1073) nó

**7:26 “một vật đáng diệt”** Từ này liên hệ với từ *herem*, vốn có nghĩa “được biệt riêng ra cho Chúa cho sự hủy diệt hoàn toàn.” Từ này thường được dịch là “ở dưới sự ngăn cấm (đáng diệt).” Bất cứ sự sử dụng trần tục nào của một vật ở dưới sự ngăn cấm này sẽ làm ô uế nó, và bởi vậy, nó cần phải bị hủy diệt hoàn toàn.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao Đức Chúa Trời lại lấy vùng đất lãnh thổ của một quốc gia này và trao nó cho một quốc gia khác?
2. Kinh thánh có nói “Không!” với hôn nhân khác chủng tộc hay không?
3. Việc Chúa chọn dân Y-sơ-ra-ên trở thành tuyển dân đặc biệt của Ngài có ý nghĩa là gì?

# PHỤC TRUYỀN 8

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Hãy Ghi Nhớ Giê-hô-va Đức Chúa Trời Ngươi	Sự Cám Dỗ Kiêu Ngạo Và Sự Tự Chủ	Một Xứ Tốt Lành Lâm Sản Nghiệp	Sự Thù Thách Nơi Sa Mạc
8:1-10	8:1-10	8:1-10	8:1-4 8:5-6 Đất Hứa và Sự Cám Dỗ Của Nó
		Cảnh Báo Về Sự Quên Đức Giê-hô-va	8:7-10
8:11-20	8:11-20	8:11-20	8:11-16 8:17-20

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ**

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 8:1-10**

<sup>1</sup>"Hãy cẩn thận làm theo hết thầy điều răn mà ta truyền cho các ngươi ngày nay, để các ngươi được sống, được gia thêm, và được vào nhận lấy xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề cùng tổ phụ các ngươi, để ban cho các ngươi. <sup>2</sup> Hãy nhớ trọn con đường nơi đồng vắng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã dẫn ngươi đi trong bốn mươi năm này, để hạ ngươi xuống và thử ngươi, dạy biết điều có ở trong lòng ngươi, hoặc ngươi có gìn giữ những điều răn của Ngài hay chẳng. <sup>3</sup> Vậy, Ngài có hạ ngươi xuống, làm cho ngươi bị đói, đoạn cho ăn ma-na mà ngươi và tổ phụ ngươi chưa hề biết, để khiến ngươi biết rằng loài người sống chẳng phải nhờ bánh mà thôi, nhưng loài người sống nhờ mọi lời bởi miệng Đức Giê-hô-va mà ra. <sup>4</sup> Trong bốn

mười năm này áo xống người không hư mòn, chân người chẳng phù lên. <sup>5</sup> Vậy, khá nhận biết trong lòng rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sửa phạt người như một người sửa phạt con mình vậy. <sup>6</sup> Hãy kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, gìn giữ những điều răn của Ngài, đi theo các đường lối Ngài; <sup>7</sup> vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ khiến người vào xứ tốt tươi, có nhiều khe, suối, nước sâu phun lên trong trũng và trên núi; <sup>8</sup> xứ có lúa mì, lúa mạch, dâu nho, cây vả, cây lựu; dầu ô-li-ve và mật; <sup>9</sup> xứ đó người sẽ ăn bánh đầy đủ, chẳng thiếu món chi; đá xứ đó là sắt, và từ trong núi người lấy đồng ra. <sup>10</sup> Vậy, người sẽ ăn no nê, và ngợi khen Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, vì có xứ tốt tươi mà Ngài đã ban cho."

**8:1** “hết thấy điều răn mà ta truyền cho các người ngày nay” Chú ý DANH TỪ (BDB 846, Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1) và ĐỘNG TỪ (BDB 845, KB 1010, *Piel* ĐỘNG TÍNH TỪ) là những TỪ CÙNG GỐC (có cùng nguồn gốc).

} “(Người) hãy cẩn thận làm theo” ĐỘNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Hãy xem ghi chú tại 6:12) được sử dụng thường xuyên trong Phục Truyền ( *Qal*, 4:2,6,9,40; 5:1,10,12,29,32; 6:2,3,17[hai lần],25; 7:8,9,11,12[hai lần]; 8:1,2,6,11; 10:13; 11:1,8,22[hai lần],32; *Niphal* 2:4; 4:9,15,23; 6:12; 8:11; 11:16). Câu này chỉ ra rằng một mối quan hệ yêu thương theo giao ước và sự vâng phục là cách của Đức Chúa Trời để Ngài ban phước cho nhân loại và hoàn thành những lời hứa của Ngài (trong câu 2,6,16, 18; 4:1).

} “nhận lấy (sở hữu) xứ” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

#### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỞ HỮU XỨ

ĐỘNG TỪ này (BDB 439, KB 441, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) được sử dụng lặp đi lặp lại trong mối liên hệ với:

1. Lời hứa/ lời thề của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với các Tổ phụ ( 1:8; 10:11)
2. Hành động của Y-sơ-ra-ên dựa trên những lời hứa này và việc chiếm lấy xứ ( 2:24; 3:18-20)
3. Nó tương đương với “sự thừa kế” (3:28)
4. Y-sơ-ra-ên phải vâng theo giao ước để có thể duy trì sự sở hữu vùng đất ( 4:1,5,14; 6:1; 8:1; 11:8- 9,26-32)

**8:2** “hãy nhớ” ĐỘNG TỪ (BDB 269, KB 269, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 5:15; 7:18[hai lần]; 8:2,18; 9:7,27; 15:15; 16:3,12; 24:9,18,22; 25:17; 32:7), “hãy nhớ,” được sử dụng theo hai cách trong Cựu Ước. Nó chính là yêu cầu cho con người theo giao ước để nhớ về những hành động của Chúa và Luật pháp của Ngài. Đây chính là thành ngữ Hê-bơ-rơ “hãy giữ Đức Chúa Trời (trong sự) ưu tiên một” Nó chính là sự yêu cầu dành cho con người để Đức Chúa Trời sẽ không nhớ đến tội lỗi của chúng ta.

} “nơi đồng vắng” Người Y-sơ-ra-ên (ví dụ, những thầy dạy luật của họ) nhìn lại thời kỳ lang thang trong đồng vắng như là “kỳ trăng mật” giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Y-sơ-ra-ên. Chúa đã chưa bao giờ đến gần với dân sự của Ngài hơn giai đoạn thử thách này bởi vì họ phải phụ thuộc hoàn toàn vào Ngài cho tất cả mọi điều. Giờ đây, họ sẽ có sự đầy đủ và phước hạnh trong Đất Hứa. Chúa đã cảnh báo họ cần phải tiếp tục phụ thuộc vào Ngài bởi vì Ngài đã và sẽ là nguồn gốc của tất cả mọi điều (câu 18).

} “bốn mươi năm” Con số này thường được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ về một khoảng thời gian dài, dài hơn một chu kỳ của mặt trăng (28 ngày). Tuy nhiên, ở những chỗ khác, nó là theo nghĩa đen. Rất khó để biết để chọn theo nghĩa nào nếu thiếu đi bối cảnh lịch sử hoặc những thông tin của Kinh Thánh. Thời kỳ lang thang trong đồng vắng kéo dài khoảng 38 năm.

} “(Ngài) hạ người xuống và thử người” Chú ý trình tự ngữ pháp:

1. TỪ NÓI, “để” (BDB 775)
2. ba *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP:
  - a. “hạ” (BDB 776, KB 853, trong câu 2,3,16)

- b. “thử” (BDB 650, KB 702, câu 16)
- c. “biết” (BDB 393, KB 390, những câu 2[hai lần],3,[ba lần],5,16)

Chúa thử thách (BDB 650, KB 702, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, câu 16; 13:3; Các quan xét 2:22; 3:1,4) chúng ta với cách nhìn hướng đến việc làm vững mạnh thêm đức tin của chúng ta (ví dụ, Sáng 22:1; Xuất 15:25; 16:4; 20:20; Phục 8:2,16; 13:3; Các quan xét 2:22; II Sứ ký 32:31 và Ma-thi-ơ 4:1; Hê-bơ-rơ 12:5-13). Nếu chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ bị thử thách! Chúng ta thường bị thử thách trong những lĩnh vực của đời sống chúng ta mà chúng ta đặt nó ưu tiên đối với chúng ta. Sự thử thách có ý nghĩa khiến cho chúng ta trở nên giống Đấng Christ nhiều hơn.

Thuật ngữ “hạ mình (khiêm nhường)” (BDB 776, KB 853, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) được sử dụng trong câu 2,3,16. Cựu Ước chỉ gọi một mình Môi-se là khiêm nhường (Dân Số Ký 12:3; và nhiều lần khác trong Thi Thiên) và Tân Ước gọi Chúa Giê-xu là khiêm nhường (Ma-thi-ơ 11:29). Đức Chúa Trời trông đợi một thái độ khiêm nhường và tin cậy ở nơi dân sự Ngài (ví dụ, 10:3; Ê-xơ-ra 8:21).

Thuật ngữ “tầm lòng” ở đây được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ về những động cơ của chúng ta (câu 2,5,14, và 17). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:30.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA THỬ THÁCH DÂN SỰ NGÀI

Từ “thử” (BDB 650, KB 702, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH) được sử dụng với nghĩa “thử thách” Nó được sử dụng theo nghĩa mang một người nào đó đến một nơi mà tại đó họ có thể nhận ra và hành động dựa theo những thứ ưu tiên được đặt ra bởi họ. Hiện nhiên trong Sáng Thế Ký 12 đến 22 rằng Đức Chúa Trời đặt để Áp-ra-ham với một loạt những tình huống (các thầy dạy luật Do Thái cho là 10) với mục đích hướng tình yêu và sự tập chú của Áp-ra-ham vào Đức Chúa Trời và chỉ mình Ngài mà thôi. Những sự thử thách này với mục đích không nhiều dành cho lợi ích của Đức Chúa Trời nhưng cho lợi ích của Áp-ra-ham và sự thấu hiểu về Đức Chúa Trời của ông là người đã gọi ông ra khỏi xứ U-rơ của những người Canh-đê. Áp-ra-ham được yêu cầu cần phải bỏ lại gia đình, nhà cửa, bạn bè, phần thừa kế, truyền thống và kế cả tương lai của mình (đứa con của lời hứa) để đi theo Chúa bởi đức tin. Chúa thử thách con cái Ngài trong những lĩnh vực mà họ ưu tiên (Ma-thi-ơ 4:1; Hê-bơ-rơ 5:8; 12:5-13).

Chúa thử thách (BDB 650) với mục đích nhận biết (BDB 393). Y-sơ-ra-ên thường xuyên thử thách Chúa bằng sự phản nghịch và Đức Chúa Trời được chứng minh là ngay thẳng theo Lời Ngài. Giờ đây Đức Chúa Trời sẽ ban cho Y-sơ-ra-ên và dân sự của nó một cơ hội để bày tỏ những lời của sự trung thành và đức tin của họ.

1. Chúa thử thách toàn bộ dân sự của Ngài
  - a. Xuất 15:25; 16:4; 20:20
  - b. Phục 8:2,16; 13:3
  - c. Các quan xét 2:22; 3:1,4
2. Chúa thử thách riêng những cá nhân người Y-sơ-ra-ên
  - a. Áp-ra-ham, Sáng 12:1-12
  - b. Ê-xê-chia, II Sứ ký 32:31
3. Những tác giả Thi Thiên kêu cầu Chúa thử thách họ để cất bỏ khỏi họ những vết nhơ ẩn giấu (26:2; 139:23)
4. Dân sự của Chúa trong Tân Ước cũng được thử thách cách công bằng, cũng như Chúa Giê-xu cũng bị thử thách (Ma-thi-ơ 4; Lu-ca 4; Hê-bơ-rơ 5:8).

**8:3 “ma-na”** Từ này (BDB 577 I, dân sự gọi nó là “ma-na” [Xuất 16:31] xuất phát từ câu hỏi trong Xuất 16:15, “Cái gì vậy?” Môi-se gọi nó là “bánh từ trời,” Xuất 16:4) chính là sự chu cấp đặc biệt của Đức Chúa Trời trong suốt thời kỳ lang thang trong đồng vắng. Nó được mô tả trong Xuất 16:4, 14-15; 31; Dân Số Ký 11:7-8, nhưng vật liệu chính xác của nó thì không xác định được đối với chúng ta (BDB cho biết người Bedouins tại vùng Si-nai biết nó và nó là một thứ nước dịch từ một loại dây nhánh cây, nhưng nó không phù hợp với sự mô tả trong Kinh thánh). Đức Chúa Trời chu cấp những nhu cầu của họ mỗi ngày chứ không phải cho một thời gian dài để rồi dân sự sẽ học cách tin cậy Ngài cho những nhu cầu hằng ngày của họ. Ngài cũng làm điều này đối với cả những tín đồ trong giao ước mới (Ma-thi-ơ 6:11).

} **“biết”** Từ gốc này (BDB 393, KB 390) được sử dụng 3 lần trong câu này (Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:35):

1. “ngươi...chưa hề biết” - *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
2. “và tổ phụ ngươi chưa hề biết” - *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
3. “để khiến ngươi biết” - *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Cũng hãy chú ý những chỗ khác trong đoạn này:

câu 2 “biết” - *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

câu 5 “biết” - *Qal* THÊ HOÀN THÀNH

câu 16 lặp lại hai lần

} **“rằng loài người sống chẳng phải nhờ bánh mà thôi”** Đây chính là lời mà Chúa Giê-xu đã trích lời của Satan trong những trải nghiệm cám dỗ của Ngài ( Ma-thi-ơ 4:14; Lu-ca 4:4). Con người cần một mối quan hệ cá nhân, tin cậy với Đức Chúa Trời hơn bất kỳ điều gì (ví dụ, Thi 42:1-4; 63:1; 143:6, Augustine đã nói về một khoảng trống được tạo dựng bởi Chúa trong mỗi con người)! Vật chất không đủ cho cuộc sống đích thực (“nhưng...nhờ mọi lời bởi miệng Đức Giê-hô-va mà ra”).

**8:4 “áo xông người không hư mòn”** Cả Rashi (Nhà Giải Kinh Do Thái vào thời kỳ Trung Cổ) và Justin Martyr (một giáo phụ thời hội thánh đầu tiên) đều xác nhận rằng quần áo của con cái họ cũng lớn lên khi họ lớn lên và không bao giờ cũ mòn đi ( Phục 29:5 thêm vào rằng cả giày dép của họ cũng vậy; Nê-hê-mi 9:21)! Thật là một sự bày tỏ tuyệt vời về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời cho tất cả những nhu cầu.

} **“chân người (cũng) chẳng phù lên”** Đây là một ĐỘNG TỪ hiếm trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 130, KB 148, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, Nê-hê-mi 9:21) có nghĩa là “sung lên” Từ này có cùng nguồn gốc với DANH TỪ chỉ về sự nở ra của bánh mì. Điều này chỉ ra cơ thể của họ cũng được thêm sức trong suốt một chặng đường dài và khó khăn.

**8:5 “Đức Chúa Trời người sửa phạt người như một người sửa phạt con mình”** Ở đây là một ẩn dụ tương đồng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là một người cha yêu thương ( Châm 3:15). Ngài sửa phạt chúng ta cho sự tốt lành của chính chúng ta ( Hê-bơ-rơ 12:5-13). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15.

Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MỐI QUAN HỆ CHA THIÊN THƯỢNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

### I. Cự Ước

A. Có một nghĩa rằng Chúa là cha theo ý nghĩa của sự sáng tạo:

1. Sáng 1:26-27
2. Ma-la-chi 2:10
3. Công Vụ 17:28

B. Cha chính là sự ẩn dụ tương đồng được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau:

1. cha của Y-sơ-ra-ên (bởi sự chọn lựa)
  - a. “Con” - Xuất 4:22; Phục 14:1; 39:5; Ê-sai 1:2; 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:19; 31:20; Ô sê 1:10; 11:1; Ma-la-chi 1:6
  - b. “con trưởng nam” - Xuất 4:22; Giê-rê-mi 31:9
2. cha của Vua Y-sơ-ra-ên (Đấng Mê-si)
  - a. II Sa-mu-ên 7:11-16
  - b. Thi 2:7; Công vụ 13:33; Hê-bơ-rơ 1:5; 5:5
  - c. Ô-sê 11:1; Ma-thi-ơ 2:15
3. ẩn dụ tương đồng của cha mẹ yêu thương

- a. cha (phép ẩn dụ)
  - (1) bông ẵm - Phục 1:31
  - (2) sửa phạt - Phục 8:5; Pro. 3:12
  - (3) chu cấp (ví dụ: Xuất Ê-díp-tô Ký) - Phục 32:6
  - (4) không bao giờ bỏ rơi - Thi 27:10
  - (5) tình yêu - Thi 103:13
  - (6) tình bạn/sự hướng dẫn - Giê-rê-mi 3:4
  - (7) sự chữa lành/tha thứ - Giê-rê-mi 3:22
  - (8) Đấng ban sự thương xót - Giê-rê-mi 31:20
  - (9) Đấng dạy dỗ - Ô-sê 11:1-4
  - (10) con đặc biệt - Ma-la-chi 3:17
- b. mẹ (ẩn dụ)
  - (1) sẽ không bỏ rơi - Thi 27:10
  - (2) tình yêu của một người mẹ đang cho con mình bú – Ê-sai 49:15; 66:9-13 và Ô-sê 11:4 (với ý nghĩa được đề nghị điều chỉnh theo văn mạch của “vòng ôm” với “em bé”)

## II. Tân Ước

- A. Đức Chúa Trời Ba Ngôi (những phần Kinh Thánh nói về cả Ba Ngôi được đề cập đến)
  - 1. Các Phúc âm
    - a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19
    - b. Giăng 14:26
  - 2. Phao-lô
    - a. Rô-ma. 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
    - b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
    - c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
    - d. Ga-la-ti 4:4-6
    - e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
    - f. I Tê-sa 1:2-5
    - g. II Tê-sa 2:13
    - h. Titus 3:4-6
  - 3. Phi-e-rơ – I Phi-e-rơ 1:2
  - 4. Giu-đe – trong câu 20-21
- B. Chúa Giê-xu
  - 1. Chúa Giê-xu là “Con Một” - Giăng 1:18; 3:16,18; I Giăng 4:9
  - 2. Chúa Giê-xu chính là “Con của Đức Chúa Trời” – Ma-thi-ơ 4:3; 14:33; 16:16; Lu-ca 1:32,35; Giăng 1:34,49; 6:69; 11:27
  - 3. Chúa Giê-xu là Con Yêu dấu – Ma-thi-ơ 3:17; 17:5
  - 4. cách gọi của Chúa Giê-xu đối với Đức Chúa Trời là *Abba* - Mác 14:36
  - 5. cách sử dụng các ĐẠI TỪ CỦA Chúa Giê-xu cả về chính mình Ngài và mối quan hệ chúng ta với Đức Chúa Trời
    - a. “Cha Ta,” ví dụ: Giăng 5:18; 10:30,33; 19:7; 20:17
    - a. “Cha các ngươi,” Ma-thi-ơ 6:9,14,26
    - b. “Cha chúng ta,” Ma-thi-ơ. 6:9,14,26

- C. Một trong những ẩn dụ về gia đình để trình bày về mối liên hệ mật thiết giữa Đức Chúa Trời và con người
1. Đức Chúa Trời là Cha
  2. Các Cơ Đốc Nhân là:
    - a. các con của Đức Chúa Trời
    - b. là con cái
    - c. được sinh bởi Đức Chúa Trời
    - d. được tái sinh
    - e. được nhận làm con
    - f. được sinh ra
    - g. là gia đình của Đức Chúa Trời

**8:6 “đi theo các đường lối Ngài”** Đây là một phép ẩn dụ phổ biến trong kinh thánh cho lối sống hằng ngày (ví dụ, 5:33; 8:6; 10:12; 11:22; 19:9; 26:17; 28:9; 30:16). Chúa muốn chúng ta sống cho Ngài mỗi ngày. Đức tin theo kinh thánh không phải là một tín điều hay một hành động nghi lễ hoặc một bài học thuộc lòng hoặc một hệ thống thần học, nhưng là mối quan hệ hằng ngày với Đức Chúa Trời.

✎ **“kính sợ Ngài”** *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP này tương đồng với “bước đi.” Đây là khái niệm của sự sợ hãi và kính trọng (4:10; 5:29; 6:2,13,24; 7:19; 8:6; 10:12,20; 13:4; 14:23; 17:19; 31:12-13).

**8:7-10** Đây là sự nhấn mạnh vào giá trị của nước trong một xã hội nông nghiệp và sự kết quả của đất đai tại Đất Hứa. Trong những tài liệu cổ của Mê-sô-bô-ta-mi, Palestine được biết là “vùng đất đơm sữa và mật” (Xuất 3:8,17; 13:5; 33:3; Phục 6:3; 11:9; 26:9; 27:3; 31:20). Nó cũng có một lượng khoáng chất rất lớn, trong câu 9. Những phước hạnh của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên vốn để giúp để hình thành một sự đáp ứng biết ơn (trong câu 10). Chúa muốn chúng ta vui hưởng thế giới tạo vật của Ngài nhưng cần ghi nhớ rằng Ngài đã ban nó cho chúng ta.

**8:10** Phần đầu của câu này là nguồn của mệnh lệnh của các thầy dạy luật Do Thái cần phải cầu nguyện sau khi ăn. Truyền thống này không phải trong bối cảnh văn mạch, nhưng thay vì vậy, khá giáo điều, và không có liên quan gì đến “dự định của tác giả”!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 8:11-20**

<sup>11</sup> Người khá cẩn thận, e quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, không giữ gìn những điều răn, mạng lệnh, và luật lệ của Ngài, mà ngày nay ta truyền cho người chẳng; <sup>12</sup> lại e sau khi đã ăn no nê, cất nhà tốt đặng ở, <sup>13</sup> thấy bò chiên của mình thêm nhiều lên, bạc, vàng, và mọi tài sản mình dư dật rồi, <sup>14</sup> thì bấy giờ lòng người tự cao, quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, là Đấng đã đem người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức khỏi nhà nô lệ chẳng. <sup>15</sup> Ấy là Ngài đã dẫn người đi ngang qua đồng vắng mênh mông góm ghiếc này, đầy những rấn lửa, bò cạp, đất khô khan chẳng có nước; Ngài khiến ọc từ hòn đá rất cứng phun ra cho người; <sup>16</sup> lại trong đồng vắng, Ngài ban cho người ăn ma-na mà tổ phụ người chưa hề biết, để hạ người xuống và thử người, hầu về sau làm ơn cho người. <sup>17</sup> vậy khá coi chừng, chớ nói trong lòng rằng: Ấy nhờ quyền năng ta và sức lực của tay ta mà đoạt được những sản nghiệp này. <sup>18</sup> Hãy nhớ lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, vì ấy là Ngài ban cho người sức lực đoạt được những sản nghiệp, để làm trọn sự giao ước Ngài đã thề cùng tổ phụ người, y như Ngài đã làm ngày nay. <sup>19</sup> Nếu người quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà theo các thần khác, hầu việc và quí lạy trước các thần ấy, thì ngày nay ta cáo quyết rằng: Các người hẳn sẽ bị diệt mất! <sup>20</sup> Các người sẽ bị diệt mất như những dân tộc kia mà Đức Giê-hô-va tuyệt diệt trước mặt các người, bởi vì không nghe theo tiếng Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người.”



**8:11 “khá cẩn thận”** ĐÔNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THÊ MỆNH LỆNH, 5:12; ;8:6; 11:8; 16:1) được dịch là “giữ,” “vâng giữ,” “làm theo cách cẩn thận” (Hãy xem ghi chú tại 6:12). Nó được gọi là sự vâng lời.

} **“quên”** ĐÔNG TỪ này (BDB 1013, KB 1489, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 4:9,23,31; 6:12; 8:11,14,19[hai lần]; 9:7;25:19) trái nghĩa với “ghi nhớ” ( 5:15; 7:18; 8:2,18; 9:7,27; 15:15; 16:3,12; 24:9,18; 25:17; 32:7).

Đây là khuynh hướng của sự thỏa mãn của con người sa ngã, và kể cả những người sùng đạo. Khi chúng ta quên đi phước hạnh của Đức Chúa Trời chúng ta lừa dối chính chúng ta trong suy nghĩ rằng chúng ta đã tự chính mình làm điều đó bởi chính những nguồn lực của chúng ta! Đáng Chu cấp phải được đặt ưu tiên một, không phải là những sự ban cho ( Thi 103:20)!

} **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời”** Chú ý họ cần phải ghi nhớ Đức Chúa Trời và cách hiệu quả để làm điều này chính là sự vâng lời( Lu-ca 6:46). Đối với các danh của Đấng Thánh, Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

} **“những điều răn, mạng lệnh và luật lệ”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những thuật ngữ của sự Mặc Khải của Đức Chúa Trời trong 4:1.

**8:13 “thêm nhiều”** ĐÔNG TỪ này (BDB 915, KB 1176, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được lặp lại ba lần để bày tỏ những khía cạnh khác biệt của những phước hạnh của Đức Chúa Trời.

**8:15 “những rắn lửa”** không rõ chúng (TÍNH TỪ, BDB 977 I và ĐÔNG TỪ BDB 638) có tên này bởi vì màu sắc của chúng (từ ĐÔNG TỪ) hoặc từ sự đau đớn (bởi độc tính) của cú đớp của chúng ( Dân số Ký 21).

} **“Ngài khiến nước từ hòn đá rất cứng phun ra cho ngời”** Sự kiện này được ghi chép lại trong Xuất 17:6 và lặp lại trong Dân Số Ký 20;11. Phao-lô, trong I Cô-rinh-tô 10:4, nói rằng đá này chính là biểu tượng của sự chu cấp Mê-si của Đức Chúa Trời.

**8:16 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA** thử thách để ban phước (ví dụ, Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 22; Y-sơ-ra-ên trong Xuất 20:20; ma-na trong Xuất 16:4). Sự thử thách (BDB 650, KB 702) thậm chí trở thành lời cầu nguyện trong Thi 26:2 và trong các từ ngữ khác, nhưng có cùng một ý tưởng, trong Thi 139:1,23.

**8:17 “nhờ quyền năng ta và sức lực của tay ta mà đoạt được những sản nghiệp này”** Cẩn thận với sự tự phụ tự mãn và kiêu ngạo ( trong câu 18; Gia-cơ 4:13-17). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những hành động ân điển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với Y-sơ-ra-ên trong 9:4-6.

**8:18 “Hãy nhớ lại”** Hãy xem ghi chú tại 7:18.

} **“sự giao ước Ngài đã thề cùng tổ phụ ngời”** Cuộc Chinh phục chính là đỉnh điểm của kế hoạch cứu chuộc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ngược về Sáng 3:15; 12:1-3; 26:24; 28:13-15. Cụm từ này trở nên sự khẳng định lặp đi lặp lại trong Phục Truyền( 1:8; 6:10; 8:18; 9:5,27; 29:13; 30:20; 34:4).

ĐÔNG TỪ này (BDB 989, KB 1396) là một *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH, trong những lời hứa giao ước có thể là THỤ ĐỘNG hoặc PHẢN THÂN (ví dụ, Sáng 12:3).

**8:19** Những hậu quả của sự không vâng phục là rõ rệt giống như là kết quả của sự vâng phục! chú ý rằng ĐÔNG TỪ “đi theo” (BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), “phục vụ” (BDB 712, KB 773, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), và “thờ phượng” (BDB 1005, KB 295, *Hishtaphel* THÊ HOÀN THÀNH) là tương đương với nhau.

}  
NASB “Nếu ngời quên Đức Giê-hô-va”  
NKJV “Nếu bằng bất cứ cách nào ngời quên Đức Giê-hô-va”  
NRSV “Nếu ngời có quên Đức Giê-hô-va”  
TEV “Đừng bao giờ quên Đức Giê-hô-va ”

## NJB “Hãy chắc chắn, nếu người quên Đức Giê-hô-va”

Cấu trúc ghép của ĐỘNG TỪ “quên” (BDB 1013, KB 1485) được lặp đi lặp lại, một thể NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI được nối tiếp bởi một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Đây là một cấu trúc của phương pháp nhấn mạnh của người Hê-bơ-rơ. Cùng một thể như vậy là từ “diệt mất” trong câu 19.

**8:20 “Các người sẽ bị diệt mất”** Chú ý rằng trong câu 19 và 20 ĐỘNG TỪ “diệt mất” (BDB 1, KB 2) được sử dụng bốn lần (NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI trong câu 19; *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH hai lần trong các câu 19 và 20, và một *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ trong câu 20). Đây là một từ thông dụng cảnh cáo trong Phục Truyền. Nó được sử dụng trong một vài cách khác nhau:

1. Chúa sẽ hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên nếu họ không vâng theo Giao ước Ngài - 4:26 (hai lần); 8:19,20; 9:3; 11:17; 28:20,22,51,63; 30:18(hai lần).
2. Chúa ra lệnh cho Y-sơ-ra-ên để hủy diệt hoàn toàn dân Ca-na-an - 7:24; 8:20; 12:2,3.
3. Chúa sẽ hủy diệt những kẻ nào ghét bỏ Ngài - 7:10.
4. Chúa sẽ hủy diệt Quân đội Ai Cập - 11:4

Y-sơ-ra-ên sẽ phải ở dưới hậu quả của “cuộc thánh chiến” nếu họ vi phạm giao ước (Phục Truyền 27-29)! Chúa không phải là Đấng vị nể con người!

Có những hậu quả nghiêm trọng dành cho sự không vâng phục cũng như những ích lợi vĩ đại dành cho sự vâng phục. Đặc ân luôn đem lại trách nhiệm! “Vì ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều” (Lu-ca 12:48)!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Liệt kê những phép lạ ân điển mà Ngài đã thi hành cho dân sự Ngài trong đồng vắng vốn được liệt kê trong đoạn 8.
2. Đức Chúa Trời có thử thách dân sự của Ngài hay không? Tại sao?
3. Tại sao sự khiêm nhường lại được nhấn mạnh rất nhiều lần trong đoạn này?

# PHỤC TRUYỀN 9

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Nhắc lại sự Phán nghịch của Y-so-ra-ên	Sự căm dỗ của sự Tự Xưng Công chính Righteousness (9:1-10:11)	Sự Phán nghịch của Dân Sự	Đức Giê-hô-va Không phải Y-so-ra-ên, Đạt Thắng Lợi
9:1-12	9:1-3 9:4-5 9:6-7 9:8-14	9:1-3 9:4-6 9:7-11 9:12	9:1-6 Cách Cư xử của  Cách Cư xử của Y-so-ra-ên tại Hô-rép; Môi-se Cầu Thay 9:7-14
9:13-24	9:15-21 9:22-24	9:13-14 9:15-21 9:22-24	9:15-21 Y-so-ra-ên lại Phạm tội. Lời Cầu Nguyện Của Môi-se 9:22-24
9:25-29	9:25-29	9:25-29	9:25-29

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DỐI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 9:1-6

<sup>1</sup>"Hỡi Y-so-ra-ên, hãy nghe! ngày nay ngươi sẽ đi ngang qua sông Giô-đanh, đặng chiếm lấy các dân

tộc lớn và mạnh hơn người, những thành lớn và tường cao đến trời,<sup>2</sup> một dân to lớn và tác cao, là con cháu A-na-kim, mà người đã biết, và có nghe nói rằng: “Ai sẽ đương địch nổi trước mặt con cháu A-nác?”<sup>3</sup> Vậy, ngày nay phải biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đi trước người, như một đám lửa hùng, sẽ tiêu diệt và hạ xuống các dân này trước mặt người; người sẽ đuổi ra và diệt chúng nó cách mau, y như Đức Giê-hô-va đã phán cùng người.<sup>4</sup> Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã đuổi chúng nó khỏi trước mặt người, chớ nói trong lòng rằng: Ấy vì cơ sự công bình tôi mà Đức Giê-hô-va khiến tôi vào nhận lấy xứ này; thật là bởi gian ác của các dân tộc đó, nên Đức Giê-hô-va mới đuổi chúng nó ra khỏi trước mặt người.<sup>5</sup> Người vào nhận lấy xứ của các dân tộc ấy, chẳng phải vì cơ sự công bình người, hay là lòng chánh trực của người đâu nhưng vì cơ sự gian ác của chúng nó, nên Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ đuổi chúng nó ra khỏi trước mặt người, để làm cho ứng nghiệm lời hứa Ngài đã thề cùng các tổ phụ người, là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cóp.<sup>6</sup> Vậy, khá biết rằng chẳng phải vì cơ sự công bình người mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người cho người nhận lấy xứ tốt tươi này đâu; bởi người vẫn là một dân cứng cổ. ”

**9:1 “hãy nghe”** Đây là thuật ngữ Hê-bơ-rơ *shema* (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, 4:1; 5:1; 6:3,4; 9:1; 20:3; 27:9), vốn có nghĩa là “lắng nghe và từ đó làm theo” Hãy xem ghi chú tại 4:1.

⌋ **“Hỡi Y-sơ-ra-ên”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:1.

⌋ **“các dân tộc lớn và mạnh hơn người”** Đây là chủ đề được lặp đi lặp lại (Hãy xem ghi chú tại 1:28). Điểm thần học này (ví dụ, sự lựa chọn toàn năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và lời hứa của Ngài đối với các tổ phụ) chép tại 7:6-9. Ngài là Đấng ngay thẳng và đáng tin cậy. Đặc tính của Ngài càng được khuếch đại trong sự ngoan cố và cứng cổ của người Y-sơ-ra-ên (trong câu. 6,7,13,24,27; 10:16; 31:27).

**9:2 “A-na-kim...con cháu A-nác”** Từ nguyên học của từ này có nghĩa là “cổ dài” và, vì vậy, chỉ đến những người không lồ. Trong Phục 2:10-11 họ liên hệ với người *Rê-pha-im* và trong Dân Số Ký 13:33 họ liên hệ với người *Nê-phi-lim*. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:28.

⌋ **“biết”** Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:35.

**9:3 “biết”** ĐỘNG TỪ này (BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) được sử dụng thường xuyên và có một vài nghĩa khác nhau. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:35.

⌋ **“một đám lửa hùng”** Ở đây BDB 77 kết hợp với BDB 37. Phép ẩn dụ này mô tả sự đoán phạt của Chúa trên các dân trong xứ bởi vì tội lỗi của họ ( trong câu 4-5; Sáng 15:16). Hãy xem ghi chú tại 4:24. Để biết thêm về một sự thảo luận ngắn và tốt về những hình ảnh được sử dụng để mô tả Đức Chúa Trời, hãy xem *The Dictionary of Biblical Imagery*, trang 332-336.

⌋ **“(Ngài) sẽ tiêu diệt và hạ xuống các dân này trước mặt người”** Hai ĐỘNG TỪ của cuộc chinh phục là tương đồng với nhau và mô tả những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên:

1. “tiêu diệt” - BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. “đánh bại” - BDB 488, KB 484, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Cũng ghi chú rằng Y-sơ-ra-ên phải hành động trong đức tin và phải chiến đấu:

1. “người sẽ đuổi ra” - BDB 439, KB 441, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH
2. “diệt chúng nó cách mau” - BDB 1, KB 2, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH và ĐỘNG TÍNH TỪ (BDB 555 II)

Chú ý sự cân bằng thần học và giao ước giữa hành động được hứa trước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA toàn năng và sự đáp ứng trung tín được ủy thác của quân đội và các lãnh đạo Y-sơ-ra-ên. Cả hai đều quan trọng then chốt!

Cũng cần chú ý rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hoàn thành trách nhiệm của Ngài, nhưng Y-sơ-ra-ên đã không hoàn thành một cách hoàn toàn nhiệm vụ đuổi sạch những cư dân bản xứ ( Các Quan Xét 1-2). Y-sơ-ra-ên lẽ ra nên hành động mau chóng ( 7:22), nhưng họ đã không làm điều đó!

**9:4-6 “chớ nói trong lòng rằng: Ấy vì có sự công bình tôi...nên Đức Giê-hô-va mới đuổi chúng nó ra khỏi trước mặt ngươi”** Câu này tương tự với 8:11-20. Đức Chúa Trời đang chỉ ra cho dân sự một lần nữa rằng Ngài đang hành động, không phải bởi vì họ là tốt lành, nhưng bởi vì (1) sự hung ác của cư dân trong xứ ( Sáng 15:12-21; Lê-vi Ký 18:24-25; 20:13-14) và (2) Lời hứa của Ngài dành cho Tổ phụ của họ bắt đầu từ trong Sáng 12:1-3. Ngài muốn họ phải nhớ rằng Ngài đang kiểm soát cách tuyệt đối.

ĐỘNG TỪ đầu tiên “nói” (BDB 55, KB 65) là một *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, được sử dụng trong nghĩa THÊ MỆNH LỆNH. Tâm lòng sa ngã của con người vẫn hiện diện mãi và rất nguy hiểm về mặt thuộc linh.

ĐỘNG TỪ thứ hai “đuổi” (BDB 213, KB 239, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) bày tỏ hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA liên quan đến cuộc Chinh phục ( 6:19; Giô-suê 23:5).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG HÀNH ĐỘNG ÂN ĐIỂN CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA DÀNH CHO Y-SƠ-RA-ÊN**

Cần phải nêu rõ ở đây rằng cuộc Xuất Hành, thời kỳ Lang Thang trong Đòng Vắng, và cuộc Chinh Phục Đất Hứa chính là những hành động ân điển dựa trên phần của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, chứ không phải là những phần thưởng xứng đáng dựa trên những hành động của Y-sơ-ra-ên:

1. Nó không chỉ là tình yêu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho “tổ phụ” - Phục 4:37-38; 7:8; 10:15
2. Nó đã không phải là dân số của Y-sơ-ra-ên - Phục 7:7
3. Nó không phải là sức mạnh và năng lực của Y-sơ-ra-ên - Phục 8:17
4. Nó không phải là sự công chính và ngay thẳng của Y-sơ-ra-ên - Phục 9:5-6
5. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vẫn tiếp tục yêu thương Y-sơ-ra-ên ngay cả ở giữa sự phán xét - Giê-rê-mi 31:3

**9:5 “chẳng phải vì có sự công bình ngươi, hay là lòng chánh trực của ngươi đâu”** Hai DANH TỪ tương tự nhau trong ngữ cảnh:

1. “công bình” - BDB 842, 6:25; 9:4,5,6; 24:13; 33:21, Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:16
2. “chánh trực” - BDB 449, có nghĩa là sự liêm chính hay đời sống đạo đức, I Sứ ký 29:17; Thi 119:7

Y-sơ-ra-ên không được ban xứ Ca-na-an bởi vì sự công chính của nó, nhưng bởi vì sự khôn công chính của người Ca-na-an ( trong câu 4; Sáng 15:12-21; Lê-vi Ký 18:24-28, Hãy xem ghi chú tại 3:6).

**3 “để làm cho ứng nghiệm lời hứa Ngài đã thề cùng các tổ phụ người, là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp”** Chú ý ĐỘNG TỪ:

1. “để làm cho ứng nghiệm lời hứa” - BDB 877, KB 1086, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
2. “Ngài đã thề” - BDB 989, KB 1396, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC LỜI HỨA DÀNH CHO CÁC TỔ PHỤ**

Lời hứa khởi đầu của một mối quan hệ giao ước được thực hiện với:

1. Áp-ra-ham, Sáng 12:1-3
  - a. vùng đất, Sáng 12:7; 13:4-15; 15:18-21
  - b. dân sự, Sáng 13:16; 15:4-5; 17:2-6; 22:18
  - c. là nguồn phước cho cả thế giới, Sáng 18:18; 22:18
2. Y-sác, Sáng 26:2-4
  - a. vùng đất
  - b. dân sự
  - c. nguồn phước cho cả thế giới

3. Gia-cóp, Sáng 28:2-4,13; 35:9-12; 48:3-4
  - a. đất
  - b. dân sự
4. quốc gia Y-so-ra-ên (lãnh thổ), Xuất 3:8,17; 6:8; 13:5; 33:1-3; Phục 1:7-8,35; 4:31; 9:3; 11:25; 31:7; Giô-suê 1:6

} “sự công bình” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:16.

**9:6, 13 “ngươi vẫn là một dân cứng cổ”** Đây là một cụm từ có nguồn gốc nông nghiệp chỉ về một con bò không điều khiển được. Cụm từ này có nghĩa đen là “có một cái cổ cứng” hoặc “cứng cổ” (BDB 904 GHÉP với BDB 791, 6,7,13,24,27; 10:16; 31:27; Xuất 32:9; 33:3,5; 34:9).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 9:7-21

<sup>7</sup> "Hãy nhớ lại, chớ quên rằng, trong đồng vắng ngươi đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi. Từ ngày ra khỏi xứ Ê-díp-tô cho đến chốn này, ngươi thường phản nghịch cùng Đức Giê-hô-va. Tại Hô-rếp, các ngươi cũng đã chọc giận Đức Giê-hô-va; nên Ngài nổi thịnh nộ toan diệt các ngươi. <sup>9</sup> Khi ta đi lên núi đặng lãnh hai bảng đá, tức là hai bảng về sự giao ước mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng các ngươi, ta ở trên núi bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, không ăn bánh, chẳng uống nước; <sup>10</sup> và Đức Giê-hô-va trao cho ta hai bảng đá, bởi ngón tay Đức Chúa Trời viết ra, có đủ những lời mà Đức Giê-hô-va từ giữa lửa, tại trên núi, có phán ra cùng các ngươi, trong ngày nhóm hiệp. <sup>11</sup> Xảy khi bốn mươi ngày và bốn mươi đêm mãn rồi, Đức Giê-hô-va ban cho ta hai bảng đá, tức là hai bảng về sự giao ước. <sup>12</sup> Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hãy đứng dậy, mau mau xuống khỏi đây, vì dân mà ngươi đem ra khỏi xứ Ê-díp-tô đã tự bại hoại, tội bỏ đạo của ta đã truyền cho, mà chế cho mình một tượng đúc. <sup>13</sup> Đức Giê-hô-va lại phán cùng ta rằng: Ta nhìn xem dân này, kìa là một dân cứng cổ. <sup>14</sup> Hãy để mặc ta diệt chúng nó, và xóa tên chúng nó khỏi dưới trời, rồi ta sẽ làm cho ngươi thành một dân tộc mạnh và lớn hơn dân ấy. <sup>15</sup> Vậy, ta bèn xây lại đi xuống núi, cả núi vẫn có lửa cháy: hai tay ta cầm hai bảng đá về sự giao ước. <sup>16</sup> Bây giờ, ta nhìn xem, kìa các ngươi đã phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, rất tội bỏ đạo Ngài đã truyền cho, mà làm cho mình một con bò con đúc. <sup>17</sup> Ta bèn nắm hai bảng đá, liệng ra khỏi tay, đập bể trước mặt các ngươi. <sup>18</sup> Đoạn, vì có các ngươi làm dữ, phạm tội trọng trước mặt Đức Giê-hô-va, chọc cho Ngài giận, nên ta lại sấp mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va, trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm như lần trước, không ăn bánh và chẳng uống nước. <sup>19</sup> Vì ta sợ cơn thịnh nộ và tức giận của Đức Giê-hô-va đã nổi phùng lên, đặng diệt các ngươi; nhưng Đức Giê-hô-va còn nhậm lời ta lần này nữa. <sup>20</sup> Đức Giê-hô-va cũng nổi nóng phùng cùng A-rôn, đến nỗi muốn giết người; song ta cũng cầu nguyện cho A-rôn trong lúc đó. <sup>21</sup> Đoạn, ta lấy vật tội lỗi của các ngươi, tức là con bò con mà các ngươi đã làm, đem đốt trong lửa, đập bể ra từng miếng, nghiền cho đến đổi nó tan ra bụi, rồi đổ bụi ấy nơi khe ở trên núi chảy xuống."

**9:7 “Hãy nhớ lại, chớ quên rằng”** Hai ĐỘNG TỪ ban đầu này (BDB 269, KB 269, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, 5:15; 7:18[hai lần]; 8:2; 9:7,27; 15:15; 16:3,12; 24:9,18,22; 25:17; 32:7 và BDB 1013, KB 1489, *Qal* THÊ CHỨA HOÀN THÀNH, thực hiện chức năng là một THÊ MỆNH LỆNH, 4:9,23; 6:12; 8:11,14,19[hai lần]; 9:7) để giúp cho dân Y-so-ra-ên nhớ lại (Hãy xem ghi chú tại 7:18) và không lặp lại sự thiếu đức tin nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, những lời hứa và quyền năng của Ngài giống như họ đã làm nhiều lần trong thời kỳ ra khỏi Ai Cập và thời kỳ lang thang trong hoang mạc.

Môi-se đề cập đến những hành động phản loạn và thờ hình tượng của họ ở tại chân núi Hô-rếp trong câu 8, nơi A-rôn đã thiết kế con bò vàng trong sự khăng khăng đòi của dân sự!

**9:7-8 “ngươi đã chọc giận Giê-hô-va”** Hãy xem Xuất 16; 32; và Dân 13-14; 16:21,25 như là những ví dụ.

**9:7-22** Những câu này chỉ về những hành động của Y-sơ-ra-ên khi Môi-se ở tại núi Hô-rép/Si-nai đang nhận Luật Pháp ( Xuất 32).

**9:9** “hai bảng đá, tức là hai bảng về sự giao ước mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng các ngươi” Rõ ràng cụm từ “hai bảng đá, tức là hai bảng về sự giao ước” là tương đồng nhau. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Giao ước tại 4:13. Đây là những lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chứ không phải của Môi-se. Đây là sự mặc khải, không phải ý kiến hoặc sự khám phá của con người.

**9:9,11,18** “bốn mươi ngày” Con số này thường có nghĩa bóng của một khoảng thời gian dài, không xác định, dài hơn một chu kỳ mặt trăng (28 ngày) nhưng lại ngắn hơn một sự chuyển mùa. Thời gian rời khỏi Núi Hô-rép/Si-nai cho đến khi bước vào Ca-na-an là ba mươi tám năm.

**9:9, 18** “ta...không ăn bánh, chẳng uống nước” Câu này chỉ về hai nghĩa riêng biệt về 40 ngày kiêng ăn bao gồm cả (1) một sự bảo tồn kỳ diệu ( Xuất 24:18; 34:28) hoặc (2) một thành ngữ khoa dụ cho một sự ăn kiêng giới hạn (không thức ăn, nhưng có uống nước).

**9:10** “hai bảng đá” Bởi vì Hiệp Ước Chur Hâu Hê-tít có thể chính là bối cảnh lịch sử, cụm từ này có thể chỉ về hai bản ghi chép hoàn chỉnh của Luật Pháp. Hãy đọc phần dẫn nhập vào sách, VII.

**}** “bởi ngón tay Đức Chúa Trời viết ra” Đây là một thành ngữ dùng cho nguồn gốc Thiên Thượng của Mười Điều Răn và những giải thích của chúng ( Xuất 31:18; 32:15-16; Phục 4:13). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Đức Chúa Trời được mô tả như con người (Ngôn ngữ hình nhân) tại 2:15.

**}** “Đức Giê-hô-va từ giữa lửa, tại trên núi, có phán ra cùng các ngươi” Đây là chủ đề được lặp lại đều đặn (4:12,15,33,36; 5:5,22,24,26; 9:10; 10:4). Cụm từ nhấn mạnh những hành động của Đức Chúa Trời và nội dung của sự mặc khải cá nhân giao ước tại Núi Hô-rép/Si-nai.

**9:12-14** Theo những ghi chép của Môi-se về cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời tại Núi Hô-rép/Si-nai ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sử dụng một vài mạng lệnh:

1. “hãy đứng dậy,” câu 12 - BDB 877, KB 1086, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
2. “xuống khỏi đây,” câu 12 - BDB 432, KB 434, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
3. “hãy để mặc ta,” câu 14 - BDB 951, KB 1276, *Hiphil* THẺ MỆNH LỆNH
4. “ta diệt chúng nó,” câu 14 - BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa THẺ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY
5. “xóa tên chúng nó,” câu 14 - BDB 562, KB 567, *Qal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa THẺ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY

**}** “dân mà ngươi đem ra khỏi xứ Ê-díp-tô” ĐỘNG TỪ này (BDB 422, KB 425, *Hiphil* THẺ HOÀN THÀNH) được sử dụng nhiều lần bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng chỉ có ở đây bởi Môi-se.

**}** “một tượng đúc” Đây không phải là một tượng thần, nhưng là một hình ảnh vật chất đại diện cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Đây là một sự vi phạm đại mạng lệnh thứ hai. Họ đã muốn một vị thần họ có thể nhìn thấy và chạm vào giống như các dân tộc tại Ai Cập và Ca-na-an đã có.

**9:14** Có phải đây là một ví dụ của con giận của Đức Chúa Trời hay nó là một bài kiểm tra dành cho chức vụ lãnh đạo của Môi-se ( từ câu 25, Xuất 32:30-35)?

**}** “xóa tên chúng nó khỏi dưới trời” Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ ( 25:5; Thi 41:5) dành cho một sự tận diệt hoàn toàn dân Y-sơ-ra-ên!

**9:15** “cả núi vẫn có lửa cháy” Lửa cháy hay ánh sáng rực chính là biểu tượng của sự hiện diện của Đức Chúa Trời ( 1:32-33; Ê-sai 66:15). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Lửa tại 4:11.

**9:16** “(Ngươi) làm cho mình một con bò con đúc” ĐỘNG TỪ tương đương (BDB 793 I, KB 899, *Qal* THẺ HOÀN

THÀNH) được sử dụng trong hai câu 12 và 21. Ở đây hình tượng này được gọi là (1)“con bò con đực” (BDB 722, Xuất 32:4,8) (2)trong câu 21, “con bò con,” nhưng (3) trong câu 12 là một “tượng đực” ( Xuất 34:17; Lê-vi Ký 19:4).

**9:17 “nghiền nó trước mắt người”** Trong ngày đó giao ước được viết bởi Đức Chúa Trời đã bị phá vỡ (cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng).

**9:19 “Đức Giê-hô-va còn nhậm lời ta”** Hãy xem Xuất 34. Hãy chú ý nguồn gốc của sự sợ hãi của Môi-se (BDB 388, KB 386, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 28:60):

1. Con giận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - BDB 60, Xuất 32:12
  2. Sự không hài lòng đầy nóng nảy của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - BDB 404, 29:23
  3. Con thẹn nộ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - BDB 893, KB 1124, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 1:34; Lê-vi Ký 10:6; Dân Số Ký 16:22
  4. đến nỗi muốn giết người - BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 6:15; 9:20
- Dân số Ký 1 và 2 có thể có vai trò như là phép thể đôi (hendiadys-hai đoạn độc lập được nối với nhau) ( TEV, NET Bible).

**9:20 “cho A-rôn”** Môi-se cầu nguyện cho A-rôn không được ghi chép trong Xuất 32.

**9:21** Hãy xem Xuất 32:20. Hãy chú ý nhiều ĐỘNG TỪ được sử dụng để bày tỏ những gì Môi-se đã làm đối với con bò vàng, một vật tội lỗi:

1. “đốt trong lửa,” BDB 926, KB 1358, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
2. “đập bể ra từng miếng,” BDB 510, KB 507, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, II Các Vua 18:4; Mi-chê 1:7
3. “nghiền nhỏ,” BDB 377, KB 374, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI
4. “đến nỗi nó tan ra bụi,” BDB 200, KB 229, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
5. “đổ bụi ấy nơi khe ở trên núi chảy xuống,” BDB 1020, KB 1527, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 9:22-24**

<sup>22</sup> "Các người cũng có chọc giận Đức Giê-hô-va tại Tha-bê-ra, tại Ma-sa, và tại Kíp-rốt-Ha-tha-va. <sup>23</sup> Khi Đức Giê-hô-va sai các người đi từ Ca-đe-Ba-nê-a, có dặn rằng: Hãy đi lên nhận lấy xú ta ban cho các người, thì các người đã bội nghịch mạng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, không tin Ngài và không nghe theo tiếng Ngài <sup>24</sup> Từ ngày ta biết các người cho đến bây giờ, các người thường phản nghịch cùng Đức Giê-hô-va. "

**9:22 “Tha-bê-ra”** Tên của địa điểm này đến từ một cách chơi chữ từ ĐỘNG TỪ “đốt” (BDB 129). Đây là một địa điểm địa lý nơi mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã trả lời cho những sự lăm bằm không ngót của họ với sự hình phạt bằng lửa (Dân Số Ký 11:1-3,34-35). Nó cách vào khoảng ba ngày đường từ Núi Hô-rép/Si-nai về phía bắc.

**✎ “Ma-sa”** Đây là một địa điểm khác nảy sinh xung đột giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Y-sơ-ra-ên trong cuộc Xuất Hành( Xuất 17:7). Từ này thường được kết nối với Mê-ri-ba ( Phục 33:8), nhưng không phải luôn luôn ( 6:16; 9:2). Hai từ này đi chung với nhau sẽ có nghĩa là “thử thách (BDB 650 III, 6:16; 9:22; 33:8; Xuất 17:7; Thi 95:8) và cãi vã.”

**✎ “Kíp-rốt-Ha-tha-va”** Tên này có nghĩa là “mò mả của sự tham muốn” (BDB 869, Dân Số Ký 11:31-35). Trong Numbers 11 không có sự di chuyển nào được ghi chép giữa Ta-bê-ra và Kíp-rốt-Ha-tha-va, nhưng ở đây trong Phục Truyền hai địa điểm này là riêng rẽ.

**9:23 “đi lên nhận lấy xú”** Những từ này là *Qal* THÊ MỆNH LỆNH và bày tỏ những lời trực tiếp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thông qua Môi-se đến Y-sơ-ra-ên:

1. “đi lên” - BDB 748, KB 828



2. “nhận lấy (sở hữu)” - BDB 439, KB 441

Chú ý một lần nữa mạng lệnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho Y-sơ-ra-ên để hành động dựa trên đức tin của họ vào sự toàn năng và những lời hứa của Ngài. Nhưng thay vì đức tin, Y-sơ-ra-ên đã biểu lộ sự vô tín:

1. “các người đã bội nghịch mạng lệnh” - BDB 598, KB 632, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Dân Số Ký 20:24; 27:14; Phục 1:26,43; 9:23; Thi 107:11
2. “các người (cũng) không tin Ngài” - BDB 52, KB 63, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:32)
3. “và (cũng) không nghe theo tiếng Ngài” - BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH (những *Qal* THÊ HOÀN THÀNH phản ánh một tình trạng đã được thiết lập). Điều này hoàn toàn đối nghịch với sự vâng lời và trách nhiệm theo giao ước.

} “các người đã bội nghịch” Hãy xem ghi chú tại 1:26.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 9:25-29**

<sup>25</sup> “VẬY, vì có Đức Giê-hô-va có phán rằng Ngài toan diệt các người, nên ta cứ sấp mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, <sup>26</sup> cầu khẩn Ngài mà rằng: Chúa Giê-hô-va ôi! xin chớ diệt dân sự của Chúa, là cơ nghiệp của Chúa, mà Chúa, đã lấy sự oai nghiêm Ngài chuộc lại, và nhờ tay quyền năng rút ra khỏi xứ Ê-díp-tô. <sup>27</sup> Xin hãy nhớ đến những tội tớ của Chúa, là Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, chớ chấp sự cứng lòng, hung dữ, và tội ác của dân này, <sup>28</sup> e dân của xứ mà Chúa đã đem chúng tôi ra khỏi đó, nói rằng: Bởi vì Đức Giê-hô-va không thể đem dân ấy vào xứ Ngài đã hứa, và vì Ngài ghét chúng nó, nên dẫn chúng nó ra khỏi xứ đặng giết đi trong đồng vắng. <sup>29</sup> Song chúng vốn là dân sự và cơ nghiệp của Chúa, mà Chúa đã dùng quyền năng lớn và cánh tay giơ thẳng ra, rút ra khỏi xứ Ê-díp-tô.”

**9:25** Lời cầu thay của Môi-se sử dụng hai ĐỘNG TỪ:

1. “ta cứ sấp mình xuống” - BDB 656, KB 709
  - a. *Hithpael* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, câu 25
  - b. *Hithpael* THÊ HOÀN THÀNH, trong câu 25
2. “cầu khẩn” – trong câu 26 - BDB 813, KB 933, *Hithpael* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

**9:26-29** Những câu 26-29 cho thấy ba lý do Môi-se đưa ra cho Đức Chúa Trời trong câu trả lời dành cho câu hỏi của Ngài “Vi sao ta phải dung thứ cho Y-sơ-ra-ên?”:

1. Lời hứa của Ngài dành cho Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp ( Xuất 32:13)
2. Ca-na-an sẽ hiểu nhầm về đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
3. Ca-na-an sẽ không hiểu được sự phán xét của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Y-sơ-ra-ên. Đoạn văn bao gồm ba ĐỘNG TỪ thỉnh cầu và cầu nguyện:
  1. “xin chớ diệt,” câu 26 - BDB 1007, KB 1469, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
  2. “xin hãy nhớ,” câu 27 - BDB 269, KB 269, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
  3. “chớ chấp (chớ nhìn)” (“xoay khỏi”), câu 27 - BDB 815, KB 937, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH

Môi-se nài xin đến đặc tính và kế hoạch cứu chuộc đời đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho tất cả mọi người như là nền tảng cho việc không hủy diệt dân sự không vâng phục giao ước của Ngài. Hơn nữa là nguyên tắc không chỉ cho một dân tộc! Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những thiên kiến thuần túy tin lành của Bob tại 4:6.

**9:26** hãy chú ý cách Môi-se cầu nguyện đã gợi nhắc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về mối quan hệ giao ước của Ngài:

1. “Chúa Giê-hô-va” (từ gốc, “*adon YHWH* (GIÊ-HÔ-VA),” 3:24. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.
2. “dân sự của Chúa” – danh xưng giao ước, trong câu 29
3. “cơ nghiệp của Chúa” – món quà giao ước, trong câu 29
4. “Chúa đã... chuộc lại, - BDB 804, KB 911, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, hành động ân điển giao ước (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Sự chuộc mua/Cứu chuộc tại 7:8). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã giải cứu họ từ cõi nô lệ để đến với gia đình ( 7:8; 9:26; 13:5)
5. “Chúa đã... rút ra khỏi xứ Ê-díp-tô” - BDB 422, KB 425, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH, lời hứa giao ước với

Áp-ra-ham ( câu 29; Sáng 15:16-21)

Những hành động của Chúa bởi vì bản chất của Ngài! Ngài luôn làm theo kế hoạch cứu chuộc của Ngài! Niềm hy vọng vĩ đại dành cho toàn thể nhân loại là không dòi dôi, đầy ân điển, thương xót, và đặc tính yêu thương của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, Xuất 34:6; Ma-la-chi 3:6). Hãy xem ghi chú tại 4:31 và 10:17.

**3** “và nhờ tay quyền năng” Cụm từ này và “cánh tay giơ thẳng ra” trong câu 29 được tìm thấy cả ở trong những văn bản Ai Cập đề chỉ về Vua Ai Cập. Môi-se chọn những cụm từ này để người Y-sơ-ra-ên đã nghe trước đó trong mối quan hệ với Pha-ra-ôn. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã thực sự là vua của họ!

**9:27** Hãy chú ý những đặc tính của dân Y-sơ-ra-ên:

1. “sự cứng lòng... của dân này” - BDB 904, những câu 6,7,13,24,27
2. “sự hung dữ” - BDB 957, Giê-rê-mi 14:20; Ê-xê-chi-ên 3:19; 33:12
3. “tội ác (của họ)” - BDB 308, Xuất 32:30; Phục 9:18; Thi 32:5; 51:5; Châm 5:22; 13:6; 14:34; 21:4; 24:9 (Phục Truyền sử dụng từ dành cho những cây ngải đắng)

**9:28** “e dân của xứ mà Chúa đã đem chúng tôi ra khỏi đó, nói rằng” Đức Chúa Trời, bởi vì danh tiếng của Ngài và mục đích cứu chuộc toàn cầu, đã dung thứ cho Y-sơ-ra-ên. Một cụm từ khác được sử dụng trong cùng một nghĩa là, “vì có danh Ngài” ( Ê-sai 48:9-11; Ê-xê-chi-ên 20:9,14,22,44; 36:21-23; Đa-ni-ên 9:17-19).

**9:29** “quyền năng lớn và cánh tay giơ thẳng ra” Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:34.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn Y-sơ-ra-ên?
2. Câu 14 có phải là một sự phản ánh đúng về bản chất của Đức Chúa Trời? Nếu không phải, bản chất Ngài là gì?
3. Hãy liệt kê và thảo luận ba lý do mà Môi-se đã đưa ra tại sao ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không nên hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên.

# PHỤC TRUYỀN 10

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Hai Bảng Đá Thứ Hai	Sự Cầm Đỡ của sự Tự Xưng Công Chính (9:1-10:11)	Môi-se Nhận Bảng Mạng Lệnh Một Lần Nữa	Hòm Giao Ước Sự Lựa Chọn Của Chi Phái Lê-vi
10:1-5	10:1-5	10:1-5	10:1-5
10:6-11	10:6-9 10:10-11	10:6-9 10:10-11	10:6-9 10:10-11
Điểm Cốt Yếu Của Luật Pháp	Những Gì Đức Giê-hô-va đòi hỏi (10:12-11:32)	Những gì Đức Chúa Trời Yêu Cầu	Cất Bì Tắm Lòng
10:12-22	10:12-22	10:12-22	10:12-13 10:14-22

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 10:1-5

<sup>1</sup>" Trong lúc đó, Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hãy đục hai bảng đá như hai bảng trước, và hãy lên đến ta trên núi; ngươi cũng phải đóng một cái hòm bằng cây. <sup>2</sup> Ta sẽ viết trên hai bảng này những lời đã có trên hai bảng trước mà ngươi đã đập bể, rồi để hai bảng này trong hòm. <sup>3</sup> Vậy, ta đóng một cái hòm bằng cây si-tim, đục hai bảng đá, y như hai bảng trước, rồi đi lên trên núi, cầm hai bảng đó trong tay. <sup>4</sup> Ngài viết trên hai bảng này lời Ngài đã viết lần trước, tức là mười điều răn mà Đức Giê-hô-va từ giữa lửa tại trên núi, có phán cùng các ngươi, trong ngày nhóm hiệp; rồi Đức Giê-hô-va trao cho ta. <sup>5</sup> Ta trở đi xuống núi, để hai bảng vào hòm mà ta đã đóng, và hai bảng ấy còn ở tại đó, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn ta vậy. "

**10:1 “núi”** Từ này chỉ về Núi Hô-rép/Mt. Si-nai. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:2.

**}** Môi-se sẽ chuẩn bị cho lần gặp gỡ thứ hai của ông với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. “hãy đục hai bảng đá như hai bảng trước” - BDB 820, KB 949, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, Xuất 34:1,4
2. “hãy lên đến (với) ta” - BDB 748, KB 828, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
3. “đóng một cái hòm” - BDB 793, KB 889, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, Xuất 25:10

Giao ước Hê-tít cũng đòi hỏi hai bản ghi chép của những thỏa thuận. Một bản trao cho vị vua thấp hơn để đọc mỗi năm và bản kia được để trong đền thờ của vị thần của vị vua lớn hơn. Hãy xem phần Dẫn nhập vào sách, VII.

**}** “**một cái hòm bằng cây**” Xuất 37:1 cho biết Bết-sa-lê-ên đã làm Hòm Giao Ước. Rashi cho biết những chi tiết của hòm giao ước không được biết cho đến khi Môi-se xuống núi Si-nai lần thứ hai. Vì vậy, Môi-se phải làm một cái hòm phác thảo trước, và sau đó Bết-sa-lê-ên đã làm một chiếc hòm hoàn thiện hơn (Xuất 25:10- 22). Chiếc hòm đầu tiên được làm cách nhanh chóng bởi Môi-se, chỉ giữ Mười Điều Răn (I Các Vua 8:9). Chiếc hòm sau đó chứa: Mười Điều Răn, một mẫu ma-na, và chiếc gậy nở hoa của A-rôn. Để xem một sự thảo luận tốt và ngắn gọn, hãy xem bộ, *Ancient Israel*, quyển 2, được viết bởi Roland de Vaux, trang 292-303.

**10:2 “Ta sẽ viết”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã viết ra Luật pháp, câu 4 và Xuất 34:1. Tuy nhiên, Xuất 34:27 cho biết Môi-se viết. Có lẽ Đức Chúa Trời đã viết ra Mười Điều Răn, nhưng Môi-se đã viết ra những tài liệu mô tả và công bố, vốn giải thích và áp dụng nó. Nó không phải là tư tưởng của Môi-se và kể cả những ảnh hưởng văn hóa của ông, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng đã sáng tạo nên Luật Pháp. Đức Chúa Trời sử dụng những ví dụ và định dạng theo văn hóa mà Môi-se đã quen thuộc. Trong nhiều cách, định dạng của Luật Pháp thì tương tự với bộ luật Ba-by-lôn, nhưng nội dung thì khác.

**}** “**một cái hòm**” Sự lưu trữ những tài liệu đặc biệt này trước vị thần là đặc điểm của vùng Cận Đông. So sánh *Egyptian Book of the Dead* (trong một chiếc hộp được đặt dưới chân của Thot) với Giao ước Chư Hầu Hê-tít vào thiên niên kỷ thứ hai TC. Hãy xem phần Dẫn Nhập vào Sách, VII.

**10:3 “cây si-tim”** Đây là một loại gỗ màu cam nâu (BDB 1008) sinh trưởng trong vùng sa mạc. Nó là một loại cây sa mạc phổ biến (Ê-sai 41:19). Loại gỗ này liên hệ với tất cả các vật dụng khác ở trong Đền Tạm. Từ này chỉ được chép duy nhất một lần ở đây ở ngoài sách Xuất Ê-díp-tô Ký.

**10:4 “Mười Điều Răn”** Cụm từ này có nghĩa đen là “mười lời phán” (BDB 796 GHEP với BDB 182). Những luật mang tính chất căn bản và nền tảng này rất ngắn gọn và nêu ra những nguyên tắc chung. Chúng yêu cầu một mối quan hệ mật thiết và độc nhất với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (trong câu 20), vốn phản ánh sự thờ phượng và vâng phục độc nhất, vốn dĩ để yêu cầu một mối quan hệ thương xót phù hợp với những thành viên khác của giao ước (và cả những người không phải là thành viên, 10:17-19). Biết rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tác động trên cả đời sống và toàn bộ những ưu tiên của nó!

**}** “**từ giữa lửa tại trên núi,**” Điều này chỉ về sự hiện diện của Chúa tại Núi Hô-rép/Si-nai, được ghi chép trong Xuất 19:16-20. Sự hiện diện của Ngài được mô tả như là “từ giữa lửa tại trên núi” (Xuất 24:17). Cụm từ này được sử dụng vài lần ở trong sách Phục Truyền (4:12,15,33,36; 5:4,24,26).

Ngon lửa (BDB 77) là biểu tượng của sự hiện diện vinh hiển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. một ngọn đuốc Sáng 15:17
2. bụi gai cháy trong Xuất 3:2
3. lửa tại núi Hô-rép, Xuất 19:18; Phục 4:11,12,15,33,36
4. Trụ *Shekinah* bằng lửa trong Xuất 13:21,22; 14:24; Dân Số Ký 9:15,16; 14:14; Thi 78:14
5. Than lửa trong khái tượng của Ê-xê-chi-ên về cỗ xe ngai di chuyển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong sách Ê-xê-chi-ên 1:13; 10:2

Mười Điều Răn được nhắc lặp đi lặp lại rằng nó được đọc từ giữa lửa (4:12,15,33; 5:4,22,24,26; 9:10; 10:4). Mười Điều Răn là những mặc khải giao ước và cá nhân từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải từ tâm trí của Môi-se.

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 10:6-9

<sup>6</sup> (Vả, dân Y-sơ-ra-ên đi từ Bê-rốt Bê-nê-Gia-can đến Mô-sê-ra. A-rôn qua đời và được chôn tại đó; Ê-lê-a-sa, con trai người, làm chức tế lễ thế cho người. <sup>7</sup> Từ đó, dân Y-sơ-ra-ên đi đến Gút-gô-đa, rồi từ Gút-gô-đa đến Dốt-ba-tha, là xứ có nhiều sông rạch. <sup>8</sup> Trong lúc ấy, Đức Giê-hô-va biệt chi phái Lê-vi riêng ra, đặt khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, châu chực trước mặt Đức Giê-hô-va, phục sự Ngài, và nhân danh Ngài chúc phước, cho đến ngày nay. <sup>9</sup> Bởi cớ đó, Lê-vi không phần, không nghiệp với anh em mình; Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp của người y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã phán cùng người.)

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG HIỆU ĐÍNH THÊM VÀO SAU NÀY TRONG SÁCH PHỤC TRUYỀN

Đoạn này (10:6-9) được nhìn bởi các học giả hiện đại là một trong một vài những phần hiệu đính thêm vào tác phẩm của Môi-se. Mặc dù không thể chứng minh rằng phần tổng kết này thuộc về thời kỳ Môi-se, khá rõ ràng ở đây có một vài những phần hiệu đính thêm vào. Y-sơ-ra-ên đã ở tại Ai Cập trong nhiều thế kỷ và những nhà ghi chép luật Ai Cập, không giống như những nhà chép luật vùng Mê-sô-bô-ta-mi, được đào tạo để cập nhật những văn bản theo ý chí. Đối với chúng ta, những ai tin vào sự thần cảm và bảo vệ của sự mặc khải thiên thượng sẽ khẳng định sự hướng dẫn của Thánh Linh Trong Cựu Ước có liên hệ với cả những phần được cho là thêm vào này. Chúng không ảnh hưởng đến những tín lý chính hoặc đẩy lên những câu hỏi về lịch sử của những câu Kinh Thánh xung quanh. Cần phải thừa nhận bởi những người hiện đại, chúng ta đơn giản chỉ có thể biết:

1. thời gian
2. tác giả
3. phương pháp biên soạn

của Cựu Ước trong giai đoạn sớm nhất của nó. Chúng ta chỉ có thể chấp nhận nội dung này cách giả định để bảo tồn lời của Chúa!

Một giả thuyết khác dành cho những phần được cho là hiệu đính thêm vào đã được đề nghị bởi R. H. Polzin, “Phục Truyền” trong quyển *The Literary Guide to the Bible*. Giả thuyết này cho rằng những phần bình luận thêm vào bởi một người tường thuật, không phải một người biên tập. Ông đề nghị rằng những phần bình luận của người tường thuật này có thể nhìn thấy 1:1-5; 2:10-12, 20-23; 3:9, 11, 13b-14; 4:4-5:1a; 10:6-7, 9; 27:1a, 9a, 11; 28:69; 29:1; 31:1, 7a, 9-10a, 14a, 14c-16a, 22-23a, 24-25, 30; 32:44-45,48; 33:1; 34:1-4a, 5-12. Polzin khẳng định rằng người được cho là người tường thuật này đang công bố với thẩm quyền đáng tin cậy như Môi-se, vốn đưa về giai đoạn của “Lịch Sử Phục Truyền” ở thời kỳ Giô-suê đến Các Vua. Giả thuyết này sẽ giải thích sự tương đồng giữa Ngũ Kinh và Những Sách Tiền Tiên Tri.

**10:6 “Bê-rốt Bê-nê-Gia-can đến Mô-sê-ra”** Hai từ đầu (BDB 91,122) được dịch theo nghĩa đen là, “Những cái giống củanhững con trai của Jaakan” ( Dân Số Ký 33:31). Mô-sê-ra có nghĩa là “sự hình phạt” (BDB 64). Mô-sê-ra (có lẽ là một huyện), vốn có lẽ tương đồng với Ngọn Hô-rơ ( Dân Số Ký 20:22-29; 33:38), là địa điểm mà A-rôn qua đời tại đó. Cả hai đều chỉ đến những vùng địa lý mà người Y-sơ-ra-ên đã lang thang.

} **“A-rôn qua đời... tại đó”** Dân Số Ký 20:27-28 cho biết sự kiện này xảy ra tại ngọn núi Hô-rơ. A-rôn, cũng như Môi-se, đã không được vào Đất Hứa bởi vì sự không vâng phục của ông ( Dân Số Ký 20:8,12).

} **“Ê-lê-a-sa”**Tên của ông có nghĩa là “Đức Chúa Trời đã giúp đỡ” (BDB 46). Ông là con thứ ba của A-rôn ( Xuất 6:23). Hai người con đầu đã bị giết bởi vì họ đã xem nhẹ mạng lệnh của Đức Chúa Trời ( Lê-vi Ký 10:1-7; Dân Số Ký 3:4). Các Ra-bi Do Thái cho rằng bởi vì Lê-vi Ký 10:9 cấm uống rượu khi họ đang làm nhiệm vụ trong khi Na-đáp và A-bi-hu, đã say rượu.

Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm phải được truyền lại từ gia đình của A-rôn ( Xuất 29:9; 40:15; Dân Số Ký 3:5-10; 25:13).

**10:7 “Gút-gô-đa”** Nghĩa của tên này thì không rõ ràng (BDB 151). Nó có lẽ được xác định với Hor-haggidgad trong Dân Số Ký 32:32. Cả hai địa điểm này đều là nơi Y-sơ-ra-ên đã cắm trại trong hành trình của họ từ Núi Hô-rép/Si-nai đến Ca-đe-Ba-nê-a. JPSOA dịch là “Gudgod.”

✂ **“Đốt-ba-tha”** Từ này có nghĩa là “sự thỏa mãn” (BDB 406, có lẽ bởi vì sự hiện diện của nước). Nó cũng được đề cập là một địa điểm cắm trại trong Dân Số Ký 33:33-34. JPSOA dịch là “Jotbath.”

**10:8 “Đức Giê-hô-va biệt chi phái Lê-vi riêng ra”** ĐỘNG TỪ “biệt riêng” (BDB 95, KB 110, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, Dân Số Ký 8:14; 16:9; I Sứ ký 23:13) có nghĩa là “phân ra.” Ở đây sự chia ra này dành để

- (1) một nghi lễ tôn giáo đặc biệt liên quan đến đền tạm và đền thờ sau này;
- (2) những phước hạnh của dân sự ( 10:8; Lê-vi Ký 9:22-23; Dân Số Ký 6:22-27);
- (3) sự phán xét những tranh luận của dân sự ( 21:5); và
- (4) phán xử giữa sự tinh sạch và không tinh sạch ( Lê-vi Ký 10:10). ĐỘNG TỪ này tương đương với “chọn lựa” (BDB 103, KB 119, 18:5; 21:5).

Y-sơ-ra-ên cần phải được biệt riêng ra với những quốc gia khác ( Lê-vi Ký 20:24-26; I Các Vua 8:53; ví dụ, “một quốc gia thánh,” Xuất 19:6), như vậy chi phái Lê-vi được biệt riêng ra khỏi những chi phái khác như là những người hầu việc đặc biệt về tôn giáo của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Họ được chọn bởi vì

- (1) Lê-vi là chi phái của Môi-se và A-rôn;
- (2) Chi phái Lê-vi chọn địa vị “quyền trưởng nam” dành cho người Hê-bơ-rơ ( Xuất 13; Dân Số Ký 3:12; 8:14-19); hoặc

(3) Chi phái Lê-vi trung tín đáp ứng với sự kêu gọi của Môi-se trong việc hình phạt dân Y-sơ-ra-ên ( Xuất 32:25-29). Trong Sáng 29:34, Lê-a gọi đứa con thứ ba là Lê-vi bởi vì chồng bà không yêu mến bà, nhưng đứa con có nghĩa là “Gia-cóp được gắn liền (hoặc kết nối) với tôi” (BDB 532).

Là một chi phái thầy tế lễ, họ sẽ

- (1) khiêng hòm giao ước
- (2) đứng trước mặt Đức Giê-hô-va để hầu việc Ngài (ví dụ, tất cả những trách nhiệm trong đền tạm và sau này là, đền thờ, tại Giê-ru-sa-lem, trong 18:5; Dân Số Ký 18:1-7
- (3) chúc phước Danh Ngài (ví dụ, Dân Số Ký 6:24-27)

Sau này sẽ có những nhiệm vụ được phát triển được giao cho một vài gia đình của chi phái Lê-vi để trở thành những thầy tế lễ và những người khác sẽ thực hiện trách nhiệm là những người Lê-vi. Tuy nhiên, trong sách Phục Truyền tất cả những người Lê-vi có thể hành động như những thầy tế lễ (so sánh 31:9 và 25). Hãy xem quyển *Ancient Israelite*, quyển 2, trang 358-371 được viết bởi Roland deVaux.

**10:9 “Lê-vi không có phần chia hoặc sản nghiệp”** Mặc dù chi phái Lê-vi không được chia một phần đất, nhưng phần của bốn mươi tám thành phố đã được chia cho họ cùng với những đồng cỏ xung quanh ( Dân Số Ký 35:1-8; Giô-suê 21).

✂ **“Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp của người”** Điều này chỉ rõ địa vị đặc biệt của chức vụ của họ ( Dân Số Ký 18:20; Phục 10:9; 18:1,2; Giô-suê 13:33; Ê-xê-chi-ên 44:28)! Lời hứa tuyệt vời này dành cho chi phái Lê-vi trở nên một lời kêu xin từ trong tâm lòng của tất cả mọi người tín hữu chân chính ( Thi 16:5; 73:23-28; 119:57; 142:5; Ca Thương 3:24).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 10:10-11**

<sup>10</sup>“Vậy, ta ở trên núi trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm như lần đầu, và lần này Đức Giê-hô-va lại nhậm lời ta, bằng lòng không diệt người.”<sup>11</sup> Nhưng Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: **Hãy đứng dậy, đi đầu dân sự, đặt chúng nó vào nhận lấy xứ mà ta đã thề cùng tổ phụ chúng nó, để ban cho chúng nó.”**

**10:10 “bốn mươi ngày và bốn mươi đêm như lần đầu”** Hãy xem Xuất 34:28; Phục 9:18.

✂ **“Đức Giê-hô-va... bằng lòng không diệt người”** Đây chính là chức vụ cầu thay của Môi-se (9:25-29; Xuất 32:9-14).

**10:11 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA** ra lệnh cho Y-sơ-ra-ên hành động trên những gì Ngài đã hứa với họ—cuộc chinh phục Đất Hứa::

1. “hãy đứng dậy” - BDB 877, KB 1086, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH SỐ ÍT, 2:13,24, vốn ở SỐ NHIỀU và chỉ về Y-sơ-ra-ên. Ở đây số ít chỉ về Môi-se.
2. “tiến lên” - BDB 229, KB 246, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH SỐ ÍT, có nghĩa đen là “nhỏ trại và bắt đầu chặng tiếp theo của cuộc hành trình” (Xuất 17:1; 40:36,38; I Dân Số Ký 10:2,12; 33:1,2). Môi-se cần phải dẫn đầu dân sự tiến lên về phía trước.
3. “đặng chúng nó vào” - BDB 97, KB 112, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH SỐ NHIỀU, vốn thực hiện chức năng như là THẺ MỆNH LỆNH
4. “nhận lấy xứ” - BDB 439, KB 441, *Qal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH SỐ NHIỀU, vốn thực hiện chức năng như là THẺ MỆNH LỆNH

Y-sơ-ra-ên được gọi để ứng nghiệm lời thề với các Tô Phụ ( 1:8; Giô-suê 21:43).Đức Chúa Trời sử dụng công cụ là con người (ví dụ, Xuất 3:7-12)! Đó là mục đích và quyền năng của Ngài, nhưng dân sự giao ước của Ngài phải hành động trong đức tin và sự tin cậy!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 10:12-22**

<sup>12</sup>“**Vậy, hỡi Y-sơ-ra-ên, bây giờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đòi ngươi điều chi? há chẳng phải đòi ngươi kính sợ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời ngươi, đi theo các đạo Ngài, hết lòng hết ý kính mến và phục sự Giê-hô-va, Đức Chúa Trời ngươi, <sup>13</sup> giữ các điều răn và luật lệ của Đức Giê-hô-va, mà ta truyền cho ngươi ngày nay, để ngươi được phước?** <sup>14</sup> **Kìa, trời và các tầng trời cao hơn trời, đất và mọi vật ở nơi đất đều thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi. <sup>15</sup> Chỗ Đức Giê-hô-va ưa đẹp các tổ phụ ngươi và yêu mến; rồi trong muôn dân, Ngài đã chọn dòng dõi họ, tức là các ngươi, y như các ngươi thấy ngày nay. <sup>16</sup> Vậy, hãy trừ sự ô uế của lòng mình đi, chớ cứng cổ nữa; <sup>17</sup> vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi là Đức Chúa Trời của các thần, và Chúa của các chúa, tức là Đức Chúa Trời rất lớn, có quyền năng và đáng sợ, không thiên vị ai, chẳng nhận của hối lộ, <sup>18</sup> bào chữa công bình cho kẻ mồ côi và người góa bụa, thương người khách lạ, ban đồ ăn và áo xống cho người. <sup>19</sup> Vậy, các ngươi phải thương người khách lạ, vì các ngươi đã làm khách trong xứ Ê-díp-tô. <sup>20</sup> Ngươi phải kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, phục sự Ngài, trứ mến Ngài, và chỉ danh Ngài mà thề. <sup>21</sup> Ấy chính Ngài là sự vinh quang ngươi và là Đức Chúa Trời ngươi, Đấng đã làm những việc lớn lao và đáng kinh nể, mà mắt ngươi đã thấy. <sup>22</sup> Khi tổ phụ ngươi xuống xứ Ê-díp-tô, số có bảy mươi người; còn bây giờ, Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã làm cho ngươi nhiều bằng số sao trên trời vậy.”**

**10:12-13** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG YÊU CẦU GIAO ƯỚC CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ĐỐI VỚI Y-SƠ-RA-ÊN**

Những yêu cầu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (BDB 981, KB 1371, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) được nêu ra trong một chuỗi những *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP:

1. “hãy kính sợ Đức Giê-hô-va” - BDB 431, KB 432, 4:29; 10:20
2. “hãy bước đi trong đường lối Ngài” - BDB 229, KB 246, 4:29
3. “yêu mến Ngài” - BDB 12, KB 17, 6:5; 10:15; Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:10
4. “phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi với tất cả tấm lòng và linh hồn ngươi” - BDB 712, KB 773, 4:29; 6:5; 10:12; 11:13; 13:3; 26:16; 30:2,6,10
5. “phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi,” - BDB 1036, KB 1581 Đoạn này tương tự với Mí-chê 6:6-8. Cả hai đều nói về đức tin ảnh hưởng đến đời sống hằng ngày

**10:13 “để người được phước”** Sự vâng lời mang lại phước hạnh; nhưng sự không vâng phục mang lại sự đoán phạt (đoạn 27-29).

**10:14** Câu này hàm ý về tư tưởng độc thần. Điều này chỉ về bầu khí quyền của hành tinh này, vũ trụ (vòm sao), và ngai của Đức Chúa Trời (ví dụ, ba tầng trời).

**10:15** Chú ý cách trình bày song song bày tỏ về sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là tuyển dân đặc biệt của Ngài (ví dụ, “người trong các dân trên mặt đất” Xuất 19:5-6; Phục 7:6; 14:2):

1. “ura-đẹp và yêu mến” - BDB 365 I, KB 362, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 7:7. Trong 4:37 từ khác dành cho tình yêu thương (BDB 12, KB 17) được sử dụng.
2. “Ngài đã chọn dòng dõi họ” - BDB 103, KB 119, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 4:37.

**} “y như ... ngày nay”** Hãy xem ghi chú tại 3:14.

**10:16** Y-sơ-ra-ên cần phải đáp ứng lại với sự lựa chọn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bằng:

1. “cắt bì lòng các người” - BDB 557, KB 555, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH. Đây là một phép ẩn dụ của sự mở lòng ra với Chúa ( Lê-vi Ký 26:41; Phục 10:16; 30:6; Giê-rê-mi 4:4; 9:25-26). Nó được mô tả trong một vài cách:
  - a. cắt bì thể xác các người - Sáng 17:14 (dấu hiệu giao ước)
  - b. cắt bì môi miệng các người— thành ngữ trong Xuất 6:12,30
  - c. cắt bì tai các người - Giê-rê-mi 6:10
  - d. chỉ về một tấm lòng ngay thẳng, không chỉ nói về phép cắt bì cơ thể - 30:6; Giê-rê-mi 4:4; 9:25-26; Ê-xê-chi-ên 44:9; Rô-ma 2:28-29
2. “chớ cứng cổ nữa” - BDB 904, KB 1151, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 9:6,7,13,24,27; 31:27. Hãy xem ghi chú tại 2:30.

**10:17** Chú ý cách sử dụng tán dương mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. Đức Chúa Trời của các thần - BDB 43, Thi 136:2
2. Chúa của các chúa - BDB 10, Thi 136:3
3. Đức Chúa Trời rất lớn - BDB 152, 3:24; 5:24; 9:26; 11:2; 32:3; Nê-hê-mi 1:5; 9:32
4. Đức Chúa Trời quyền năng - BDB 150, Nê-hê-mi 9:32; Thi 24:8; Ê-sai 10:21
5. Đức Chúa Trời đáng sợ - BDB 431, KB 432, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ, 7:21; Nê-hê-mi 1:5; 9:32

**} “(Đáng) không thiên vị ai”** Cụm từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “người không nhướng mặt lên” (BDB 669, KB 724, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH và BDB 815). Cụm từ này thường được sử dụng cho các vị thẩm phán ( 1:17; 16:19; 24:17; Lê-vi Ký 19:15). Điều này ám ý chỉ về Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời của sự phán xử công bằng (Phục 10:17; II Sử ký 19:7).

**} “chẳng nhận của hối lộ”** Đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả bằng những thuật ngữ luật pháp của con người (trong câu 18-19). Nó thường được kết hợp với cụm từ phía trên.

**10:18-19** Chú ý cách những đặc tính pháp lý của Đức Chúa Trời trong câu 18 được đưa vào thực hiện:

1. “Ngài thực thi (BDB 793 I, KB 889, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ) công lý cho”:
  - a. những kẻ mồ côi
  - b. những người góa bụa ( 24:17; 26:12-13; 27:19; Thi 68:4-5”
2. “bày tỏ tình yêu của Ngài (BDB 12, KB 17, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ) cho những người khách lạ bằng cách tặng cho họ” (BDB 678, KB 733, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP):
  - a. đồ ăn
  - b. quần áo

Người Y-sơ-ra-ên cần phải làm những điều này bởi hai lý do:



1. Nó bày tỏ đặc tính của Đức Chúa Trời của họ (câu 17; Ê-sai 58:6-7,10).

2. Họ biết được cảm giác khi bị đối xử không công bằng (trong câu 19; 24:18,22; Xuất 22:21; 23:9).

Xuất 22:22-23 cũng chỉ ra rằng Đức Chúa Trời sẽ nghe những lời cầu nguyện của những người bất lực trong xã hội và hành động thay cho họ ( Thi 146:9; Ma-la-chi 3:5; cũng như Đấng Mê-si sẽ thi hành, Ê-sai 11:4).

**10:20** Cũng như yêu cầu của Đức Chúa Trời được đặt ra trong hai câu 12-13 bởi một vài NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, ở đây được đặt ra một lần nữa trong *Qal* ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH:

1. “kính sợ Giê-hô-va” - BDB 431, KB 432, 5:29; 6:13; 13:4

2. “phục sự Ngài” - BDB 712, KB 773, 13:4

3. “trú mền Ngài” - BDB 179, KB 209, 11:22; 13:4

4. “chỉ danh Ngài mà thờ” - BDB 989, KB 1396, 5:11; 6:13. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:11. Tất cả những điều này liên hệ với những động cơ và hành động thích đáng của sự thờ phượng.

**10:21 “Ngài là sự vinh quang người”** Ngôn ngữ của Phục Truyền có nhiều điểm chung với Văn Học Khôn Ngoan. Cụm từ này được thấy trong Thi 109:1. Trong cụm từ này và cụm từ tiếp theo thì không có ĐỘNG TỪ. Chúng là những sự khẳng định mạnh mẽ rằng những hành động cứu chuộc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong thời kỳ lang thang trong đồng vắng thật đáng để ngợi khen:

1. sự ngợi khen của họ (BDB 239)

2. *Elohim* của họ (BDB 43)

**⎓ “Đáng đã làm những việc lớn lao và đáng kính này, mà mắt người đã thấy”** Câu này chỉ về những hành động và sự chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong thời kỳ họ rời khỏi Ai Cập, thời kỳ lang thang trong đồng vắng (11:2), và điều đó chuẩn bị lặp lại trong cuộc chinh phục!

**10:22 “số có bảy mươi người (tất cả)”** Bảy mươi là con số tròn được sử dụng cho người. Hãy xem Sáng Thế Ký 46:27; Xuất 1:5. Một câu của Xuất 1:5, được tìm thấy trong Qumran (Cuốn Biển Chết) có số lượng là 75, vốn phù hợp với Công vụ 7:14-15. Để đọc thêm về một cuộc thảo luận tốt và ngắn gọn về sự khác biệt về số lượng hãy đọc quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 521 hoặc quyển, *Encyclopedia of Bible Difficulties*, được viết bởi Gleason L. Archer trang 378-379.

**⎓ “nhiều bằng số sao trên trời”** Đây là sự ứng nghiệm lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 1:10.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Mục đích của Luật Pháp của Đức Chúa Trời là gì (theo nghĩa của Cựu Ước)?
2. Đoạn này có phản ánh quan điểm độc thân hay không? Ở đâu và khi nào?
3. Phục Truyền bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại như thế nào?

# PHỤC TRUYỀN 11

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tình Yêu và Sự Vâng Phục được Ban Thưởng	Những Gì Đức Giê-hô-va Đòi Hỏi (10:12-11:32)	Sự Vĩ Đại của Đức Giê-hô-va	Những Kinh Nghiệm Quá Khứ của Y-so-ra-ên
11:1-7	11:1-7	11:1-7	11:1-7
		Những Phước Hạnh của Đất Hứa	Những Lời Hứa và Sự Cảnh Báo
11:8-12	11:8-12	11:8-12	11:8-9 11:10-17
11:13-17	11:13-17	11:13-17	Kết Luận
11:18-21	11:18-21	11:18-21	11:18-21
11:22-25	11:22-25	11:22-25	11:22-25
11:26-32	11:26-28 11:29-30 11:31-32	11:26-32	11:26-32

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:1-7

<sup>1</sup> "Người phải kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và hằng gìn giữ điều Ngài truyền người phải gìn giữ, tức là luật lệ, mạng lệnh, và điều răn của Ngài. <sup>2</sup> Ngày nay, các người hãy nhìn biết — vì ta không nói cùng con trẻ các người, bởi chúng nó chẳng biết chi, và cũng chẳng thấy chi — những lời răn dạy của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, sự oai nghiêm Ngài, cánh tay quyền năng giơ thẳng ra của Ngài, <sup>3</sup> những phép lạ và công việc Ngài làm ra giữa xứ Ê-díp-tô mà hại Pha-ra-ôn, vua Ê-díp-tô, và toàn xứ người. <sup>4</sup> Hãy nhận biết điều Ngài làm cho đạo binh Ê-díp-tô, ngựa và xe Ê-díp-tô, trong khi chúng đuổi

theo các người, bị Đức Giê-hô-va lấp nước Biển Đỏ lại, và hủy diệt chúng nó đến ngày nay; <sup>5</sup> việc Ngài đã làm cho các người trong đồng vắng cho đến khi tới chốn này; <sup>6</sup> và cũng hãy nhận biết điều Ngài làm cho Đa-than, A-bi-ram, con trai Ê-li-áp, cháu Ru-bên, khi đất tại giữa cả Y-sơ-ra-ên hả miệng nuốt hai người, gia quyến, luôn với trại và mọi vật chi theo họ. <sup>7</sup> Vì tận mắt các người đã thấy hết thấy những việc lớn mà Đức Giê-hô-va đã làm.”

**11:1** Chú ý cách hai ĐỘNG TỪ trong câu này được liên hệ. Chúng có sự tương đồng thần học. Từ đầu sẽ kết quả trong từ tiếp theo!

1. “kính mến Đức Giê-hô-va” - BDB 12, KB 17, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, những câu 13,22. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:10.

2. “gìn giữ điều Ngài truyền” - BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH điều này được lặp lại tại 6:2,4-5; 10:12. Tình yêu bao gồm cả một hành động (sự vâng phục) và cảm xúc (“vói tất cả tâm lòng và vói tất cả linh hồn và vói tất cả ý chí,” 13:3)

} “điều Ngài truyền ...luật lệ, mạng lệnh, và điều răn của Ngài” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**11:2** “Ngày nay, các người hãy nhìn biết...ta không nói cùng con trẻ các người, bởi chúng nó chẳng biết chi, và cũng chẳng thấy chi” Môi-se đang thỉnh cầu những ai chứng kiến tận mắt( như là những người Lê-vi và những con cái ở dưới độ tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự, dưới 20 tuổi, 1:6,9,14; 5:2,5; 11:2,7) sự kiện cuộc Xuất Hành và lang thang trong hoang mạc ( 4:34; 7:19).

} “Nhận biết” Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:35.

} “Sự oai nghiêm Ngài” Sự kỷ luật của Đức Chúa Trời (BDB 416) là ý tích cực, trong câu 3; và tiêu cực trong câu 6. Dạy dỗ trẻ thơ là đặc tính của Đức Chúa Trời Cha chúng ta (Hê-bơ-rơ 12:5-13). Đây là một thành ngữ khôn ngoan được sử dụng rất thường xuyên trong sách Châm Ngôn.

} “Sự vĩ đại của Ngài” Hãy xem ghi chú tại 10:17 và 4:31.

} “cánh tay quyền năng giơ thẳng ra của Ngài” Đây là cụm từ hình nhân được sử dụng cho năng quyền của Đức Chúa Trời ( 4:34; 5:15; 6:21; 9:29). Hãy xem ghi chú tại 4:34.

**11:4** “lấp nước Biển đỏ” Từ Hê-bơ-rơ ở đây là “Biển Cây Sậy” (BDB 410 GHÉP 693 I). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:40. lấp có nghĩa đen là “cháy băng qua mặt của chúng their faces” (BDB 847, KB 1012, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH, Xuất 14:23-31), vốn là một thành ngữ chỉ về sự chết đuối.

**11:5** Câu này là sự nhắc nhở về sự chu cấp siêu nhiên của Đức Chúa Trời trong thời kỳ lang thang trong hoang mạc. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 8:4.

**11:6** “Đa-than, A-bi-ram” Hãy xem Dân Số Ký 16:1-35; 26:9-10; Thi 106:16-18.

} “tại giữa cả Y-sơ-ra-ên” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:1.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:8-12

<sup>8</sup>” Vậy, phải gìn giữ hết thấy điều răn mà ta truyền cho các người ngày nay, để các người được mạnh mẽ, vào nhận lấy xứ mà mình sẽ chiếm được, <sup>9</sup> hầu cho các người sống lâu ngày trên đất mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ các người, và cho dòng dõi của họ, tức là xứ đượm sữa và mật. <sup>10</sup> Vì, xứ người sẽ vào

**nhận lấy chẳng phải như xứ Ê-díp-tô, là nơi mình đã ra khỏi; tại nơi ấy người gieo mạ và phải nhờ lấy chân mình mà tưới, như một vườn rau cỏ; <sup>11</sup> nhưng xứ các người sẽ đi vào nhận lấy đó, là một xứ có núi và trũng, nhờ mưa trời mà được thấm tưới. <sup>12</sup> Ấy là một xứ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người săn sóc, mắt Ngài hằng đoái xem nó từ đầu năm đến cuối. "**

**11:8 “Vậy”** Từ này chỉ về tất cả những sự đề cập lịch sử trước đó trong đoạn 11 và có lẽ cả trước đó. Phần lớn Phục Truyền, cho đến đây, đã nhắc đi nhắc lại sự cảnh cáo này.

**11:9 “hầu cho các người sống lâu ngày trên đất”** So sánh câu 21 với Phục 5:16. Đây không phải là lời hứa sự sống lâu dành cho một cá nhân nhưng là một lời hứa van hóa của sự vững bền dành cho xã hội nào tôn trọng Luật Pháp của Đức Chúa Trời ( 4:1; 8:1) và qua đó tôn trọng gia đình ( 4:40; 5:16,33; 6:2). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:40.

✂ **“Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ các người”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Lời Hứa Giao Ước dành cho các Tổ Phụ tại 9:5.

✂ **“một vùng đất đượm sữa và mật”** Đây không chỉ là mô tả về mặt vật chất nhưng là một sự mô tả kỹ thuật cho vùng đất Palestine trong các tài liệu Ugaritic và Ai Cập. Hãy xem ghi chú tại 6:3.

**11:10 “chẳng phải như xứ Ê-díp-tô”** Sự gieo trồng mùa màng khá khác biệt với Ai Cập so với Palestine. Palestine có mưa theo mùa ( câu.11), Ai Cập phải phụ thuộc vào sự tưới tiêu từ sông Nin và những trận ngập lụt hàng năm.

✂ **“lấy chân mình mà tưới”** Chỗ này có lẽ chỉ về (1) một hệ thống tưới tiêu mà trong đó cánh đồng bị ngập và sau đó người ta sử dụng chân để đạp vào một cái lỗ trên con đê để mở cho nước chảy ra hoặc (2) một cối xay nước được sử dụng để chuyển nước lên cho việc tưới tiêu.

**11:11 “một xứ... nhờ mưa trời mà được thấm tưới”** Đối với những người dân sống trong sa mạc, thì không có một phúc hạnh nào lớn hơn là có mưa thường xuyên và đầy đủ ( 8:7-9). Đất đai màu mỡ là điều kiện trên sự vâng lời giao ước ( trong câu 16-17; Lê-vi Ký 26:14-20; Phục 28:12,23-24; I Các Vua 8:35; 17:1; II Sứ ký 7:11-14; Ê-sai 5:6; Giê-rê-mi 14; A-mốt 4:7-8).

**11:12 “mắt Ngài”** Đây là một sự mô tả nhân hình về Đức Chúa Trời giống như trong câu 2. Nó mô tả sự hiện diện và chăm sóc đặc biệt của Ngài tại Đất Hứa. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:15.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:13-17**

<sup>13</sup> <sup>13</sup> **Vậy, nếu các người chăm chỉ nghe các điều răn ta truyền cho các người ngày nay, hết lòng hết ý kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và phục sự Ngài, <sup>14</sup> Thì ta sẽ cho mưa mùa thu và mưa mùa xuân xuống thuận thì tại trong xứ các người; người sẽ thâu góp ngũ cốc, rượu, và dầu của người. <sup>15</sup> Ta cũng sẽ khiến đồng ruộng người sanh cỏ cho súc vật người; người sẽ ăn và được no nê. <sup>16</sup> Các người khá cẩn thận, kéo lòng mình bị dụ dỗ, xây bỏ Chúa, mà hầu việc các thần khác, và quì lạy trước mặt chúng nó chẳng; <sup>17</sup> e con thạnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ phùng lên cùng các người, Ngài đóng các tầng trời lại, nên nổi chẳng có mưa nữa, đất không sanh sản: như vậy, các người sẽ vội chết mất trong xứ tốt tươi này, là xứ mà Đức Giê-hô-va ban cho các người.”**

**11:13** Chú ý tính chất điều kiện (“nếu” BDB 49, trong câu 22; và “vâng phục” BDB 1033, KB 1570, *Qal* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỀ CHƯA HOÀN THÀNH từ cùng nguồn gốc, vốn bày tỏ sự nhấn mạnh và có nghĩa là “lắng nghe và làm theo như vậy!”) của phúc hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là:

1. “yêu mến” - BDB 12, KB 17, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

2. “phục sự” - BDB 712, KB 773, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP. Trong từ gốc trong tiếng Ả-rập có nghĩa là thờ phượng và vâng phục, Xuất 3:12; 4:3; 7:16; 8:1
3. “hết lòng, hết ý,” 4:29; 6:5; và đặc biệt trong 10:12. Môi-se lặp đi lặp lại lời cổ vũ thúc đẩy này với mục đích nhấn mạnh.

**} “tấm lòng”** Đối với người Hê-bơ-rơ Cổ đại từ “tấm lòng” đại diện cho tâm trí và dự định, trí tuệ và động cơ của một cá nhân. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:30.

**} “ý (linh hồn)”** từ này có nghĩa là “động lực sống được ban cho bởi Đức Chúa Trời ” (BDB 659). Nó có thể chỉ về con người hay động vật trong Sáng Thế Ký.

**11:14 “Ngài sẽ cho mưa” “Ngài sẽ ban”** (BDB 678, KB 733) mô tả những phước hạnh và rửa sả giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

- |     |        |   |  |
|-----|--------|---|--|
| 1.  | câu 9  | - | <i>Qal</i> TỪGHÉP BÁT ĐỊNH (phước hạnh)        |
| 2.  | câu 14 | - | <i>Qal</i> THÊ HOÀN THÀNH (phước hạnh)         |
| 3.  | câu 15 | - | <i>Qal</i> THÊ HOÀN THÀNH (phước hạnh)         |
| 4.  | câu 17 | - | <i>Qal</i> THÊ CHƯA HOÀN THÀNH (rửa sả)        |
| 5.  | câu 17 | - | <i>Qal</i> THÊ HOÀN THÀNH (rửa sả)             |
| 6.  | câu 21 | - | <i>Qal</i> TỪGHÉP BÁT ĐỊNH (phước hạnh)        |
| 7.  | câu 25 | - | <i>Qal</i> THÊ CHƯA HOÀN THÀNH (phước hạnh)    |
| 8.  | câu 26 | - | <i>Qal</i> PHÂN TỪ (phước hạnh / rửa sả)       |
| 9.  | câu 29 | - | <i>Qal</i> THÊ HOÀN THÀNH phước hạnh / rửa sả) |
| 10. | câu 31 | - | <i>Qal</i> PHÂN TỪ (phước hạnh)                |
| 11. | câu 32 | - | <i>Qal</i> PHÂN TỪ (phước hạnh / rửa sả)       |

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn ban phước, nhưng sự vâng lời giao ước của Y-so-ra-ên sẽ xác định sự đáp ứng (phước hạnh hoặc rửa sả, đoạn 27-29) mà họ sẽ nhận được.

Đức Chúa Trời phân biệt với thiên nhiên nhưng vẫn ở trong sự tể trị hoàn toàn trên thiên nhiên. Ngài sử dụng thiên nhiên để bày tỏ về chính Ngài đối với nhân loại ( Phục 27-28; Thi 19:1-6; Rô-ma 1:19-25; 2:14-15).

**} “mưa sớm”** Palestine có hai mùa mưa rơi hằng năm. Những trận mưa sớm (mưa thu) (cho gieo trồng) đến vào tháng Mười và tháng Mười Một (BDB 435, Giê-rê-mi 5:24; Ô-sê 6:2; Giô-ên 2:23).

**} “mưa muộn”** Những trận mưa muộn (cho những vụ mùa chín) đến vào Tháng Hai đến tháng Tư (BDB 545, Giê-rê-mi 3:3; Giô-ên 2:23). Tại những thời điểm khác sương móc nặng là nguồn ẩm duy nhất. Ô-sê 6:3 sử dụng điều này như là một ẩn dụ cho sự phục hưng thuộc linh vào thời kỳ cuối cùng.

**} “ngũ cốc, rượu, và dầu của người”** Đây là những sản phẩm chủ yếu dành cho thức ăn hàng ngày của họ (7:13).

**11:15 “cho súc vật người”** Thuật ngữ “súc vật” (BDB 96) chỉ về:

1. tất cả các động vật sống ngoại trừ con người, Sáng 8:1; Xuất 9:9,10,22
2. động vật là gia súc, Sáng 47:17; Xuất 20:10; Lê-vi Ký 19:19; 26:22; Dân Số Ký 3:41,45; Phục 2:35

**} “người sẽ ăn và được no nê”** ĐỘNG TỪ này là một lời hứa lặp lại theo chu kỳ trong Phục Truyền (6:11; 8:10; 11:15; 14:29). Nó được tạo thành bởi hai ĐỘNG TỪ:

1. “ăn” - BDB 37, KB 46, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
2. “được thỏa mãn (no nê)” - BDB 959, KB 1302, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH

**11:16-17** Những câu này là sự cảnh báo (“hãy cẩn thận,” BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH, 4:9,15,23; 6:12; 8:11; 11:16; 12:13,19,28,30; 15:9; 24:8, Hãy xem ghi chú tại 6:12) về sự thờ hình tượng và hậu quả của nó

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HẬU QUẢ CỦA TỘI THỜ HÌNH TƯỢNG**

- A. “lòng tôi có thẳm mê hoặc” - BDB 834, KB 984, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Gióp 31:27
1. “vội bỏ (xoay đi)” - BDB 693, KB 747, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, Xuất 32:8; 9:12; 17:11,17; Giê-rê-mi 5:23
  2. “hầu việc các thần khác” - BDB 712, KB 773, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 7:4,16; 8:19; 11:16; 13:6,13; 17:3; 28:14,36,64; 29:26; 30:17; 31:20; Giô-suê 23:16; 24:2,16; Giê-rê-mi 11:10; 13:10; 16:11,13; 22:9; 25:6; 35:15
  3. “thờ phượng” - BDB 1005, KB 295, *Hithpael* (Owens, trang 805) và *Hishtaphel* (theo Parsing Guide, trang 146)
- Rõ ràng đây là một khuynh hướng lặp đi lặp lại về phần của Y-sơ-ra-ên! Hậu quả của tội thờ hình tượng thật sự kinh khủng.
- B. “Con giận của Đức Giê-hô-va sẽ nổi lên nghịch cùng ngươi” - BDB 354, KB 351, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, Xuất 4:14; 22:24; 32:10; Dân Số Ký 11:1,10; 12:9; 32:10; Phục 6:15; 7:4; 11:17; 29:27; Giô-suê 23:11
1. “Ngài sẽ đóng cửa thiên đàng và sẽ không có mưa.” Đây chính là một phần của sự rửa sả dành cho tội không vâng phục theo giao ước, 28:24; II Sử ký 6:26-28; 7:13
  2. “đất đai sẽ không sinh bông trái” –đây là kết quả của việc không có mưa
- C. “các ngươi sẽ hư mất mau chóng tại xứ tốt tươi” - BDB 1, KB 2, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 4:26; 7:4; 8:19,20; 28:20,22; 30:18; Giô-suê 23:13,16

Sẽ không có giải pháp trung hòa nào! Đức Chúa Trời bày tỏ giao ước của Ngài là hoàn toàn vâng phục hoặc hoàn toàn không vâng theo. Nhân loại sa ngã không thể nào đạt được mức độ phù hợp hoặc hoàn toàn vâng phục này (Giô-suê 24:19). Vì vậy, đã và đang có một nhu cầu cho một giao ước mới dựa trên sự thương xót và bày tỏ của Ngài ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38; Rô-ma 3:9-18,23; Ga-la-ti 3)!

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:18-25**

<sup>18</sup>” Vậy, hãy cất để trong lòng và trong trí mình những lời ta nói cùng các ngươi, đeo nó như một dấu nơi tay, như một ấn chỉ giữa hai con mắt. <sup>19</sup> Hãy dạy nó lại cho con cái mình, nói đến hoặc khi ngươi ngồi ở trong nhà hay là đi đường, hoặc khi ngươi nằm hay là chỗi dậy. <sup>20</sup> Cũng phải ghi các lời ấy trên cột nhà và trên cửa mình, <sup>21</sup> hầu cho những ngày của các ngươi và của con cái các ngươi được nhiều thêm trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ các ngươi, y như những ngày của trời ở trên đất. <sup>22</sup> vì nhược bằng các ngươi cẩn thận gìn giữ hết thảy điều răn này mà ta truyền cho các ngươi phải làm lấy, kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, đi theo các đạo Ngài, và trú mền Ngài, <sup>23</sup> thì Đức Giê-hô-va sẽ đuổi những dân tộc này ra khỏi trước mặt các ngươi, khiến các ngươi thắng được dân tộc lớn và mạnh hơn mình. <sup>24</sup> Phàm nơi nào bàn chân các ngươi sẽ đạp đến, đều thuộc về các ngươi. Giới-hạn các ngươi sẽ chạy từ đồng vắng tới Li-ban, từ sông Ô-phơ-rát đến biển tây. <sup>25</sup> Chẳng ai đứng nổi được trước mặt các ngươi; Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi sẽ rải sự kinh khủng và sợ hãi trong khắp xứ các ngươi sẽ đạp chân lên, y như Ngài đã phán. ”

**11:18-20** Đây là những câu tóm tắt lại của đoạn 6:6-9. Chúng có mục đích gây ấn tượng cho những người trung tín về nhu cầu cần sống đời sống trong ánh sáng của những lời của Đức Chúa Trời!

**§ “hãy cất để trong lòng và trong trí mình những lời”** Đây là một sự ẩn dụ, BDB 962, KB 1321, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 32:46. Đây là ý nghĩa của những ẩn dụ trong 6:8 và Xuất 13:9,16. Hãy luôn giữ Lời Chúa ngay phía trước trán của những suy nghĩ của bạn. Hãy ôn lại mỗi hành động trong ánh sáng của Lời Ngài!

**11:19** “Hãy dạy nó lại cho con cái mình” Hãy xem ghi chú tại 4:9.

**11:20 “viết”** Trong quá khứ một vài học giả đã đặt câu hỏi về khả năng của Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên gia đoạn đầu có thể viết. Khi những bằng chứng về khảo cổ được phát triển, không ai ngày nay có thể chối bỏ điều này. Hãy đọc tài liệu “The Question of Israelite Literary” trong bộ *Approaches to the Bible*, quyển 2, trang 142-53 (được xuất bản bởi Biblical Archaeology Society, 1995).

**11:21**

**NASB** “cũng như các tầng trời hiện diện ở trên đất”

**NKJV** “y như những ngày của trời ở trên đất”

**NRSV** “cũng như các tầng trời hiện diện ở trên đất”

**TEV, NJB** “cũng như bầu trời hiện diện ở trên đất”

Đây là một thông điệp song hành với “mạng lệnh đời đời” (ví dụ, Xuất 12:14,17,24,25; 13:10). Đây là một sự ẩn dụ chỉ về sự vĩnh cửu.

**11:22** Tính chất điều kiện của giao ước (trong câu 13) và những yêu cầu của nó được lặp lại theo chu kỳ:

1. điều kiện tương tự với trong 13, nhưng có sự khác biệt nhỏ:
  - a. “Vì nhược bằng (vì nếu)” và, BDB 49
  - b. “vâng giữ” BDB 1036, KB 1581, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ (cách sử dụng cấu trúc ghép về ngữ pháp để đem lại sự nhấn mạnh)
2. những yêu cầu (một chuỗi những *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, như trong câu 13):
  - a. “phải làm lấy” - BDB 793, KB 889
  - b. “kính mến” - BDB 12, KB 17
  - c. “đi theo” - BDB 229, KB 246, 8:6
  - d. “trú mền (nắm chặt lấy)” - BDB 179, KB 209, 10:20; 13:4

**11:23-25** Đây là kết quả được hứa trước (ví dụ, “như Ngài đã phán với người” câu 25) của giao ước điều kiện:

1. “Đức Giê-hô-va sẽ đuổi những dân tộc này ra khỏi trước mặt các người,,” trong câu 23, BDB 439, KB 441, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, Xuất 34:24; Dân Số Ký 32:21; Phục 4:37-38; 9:4-5; Giô-suê 23:5,13
2. “các người thắng được dân tộc lớn và mạnh hơn mình,” câu 23, BDB 439, KB 441, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 7:17; 9:3; Dân Số Ký 33:52
3. “nơi nào bàn chân các người sẽ đạp đến, đều thuộc về các người,,” câu 24, BDB 201, KB 231, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, trong Giô-suê 1:3. Ranh giới lãnh thổ của họ được mô tả trong Sáng 15:18; Xuất 23:31; Phục 1:7; 3:12-17; Giô-suê 1:1-4; 13:8-12
4. “Chẳng ai đứng nổi được trước mặt các người,,” câu 25, BDB 426, KB 427, *Hithpael* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 7:24; Giô-suê 1:5; 10:8; 23:9
5. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người sẽ rài,,” BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
  - a. “sự sợ hãi” - BDB 808, 2:25
  - b. “kính khủng” - BDB 432, Sáng 9:2Ở đây có cùng một lễ thật, nhưng trong những từ khác nhau trong Xuất 23:27 và Giô-suê 2:9.

**11:24** Để xem ghi chú đầy đủ về các ranh giới của Đất Hứa hãy xem 1:8.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:26-28**

<sup>26</sup>” Kia, ngày nay ta đặt trước mặt các người sự phước lành và sự rửa sã: <sup>27</sup> sự phước lành, nếu các người nghe theo các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, mà ta truyền cho ngày nay; <sup>28</sup> sự rửa sã, nếu các người không nghe theo các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, nhưng xây bỏ đường ta chỉ cho ngày nay, đặng đi theo các thần khác mà các người không hề biết.

**11:26-28** Những câu này tiếp tục về những hậu quả của giao ước điều kiện giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và dân sự của Ngài. Chúng được mở rộng trong Phục Truyền 27-29. Những câu này giải thích nhiều về lịch sử của người Do Thái. Đoạn này bắt đầu với một lời kêu gọi sự chú ý rất phổ biến, “hãy xem” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ



MỆNH LỆNH, 1:8,21; 2:24; 4:5; 11:26; 30:15; 32:39. Thuật ngữ “ngày nay” (BDB 398) là một cách thức giục một hành động tức thời và quyết đoán ( 4:39).

1. “phước lành” - BDB 139

a. “nếu các người nghe theo” - BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, “nghe và làm theo như vậy,” đưa ra lệnh trong câu 4:1; 5:1; 6:3,4; 9:1; 20:3; 27:10; 33:7; điều kiện trong câu 7:12; 11:13( hai lần); 15:5( hai lần); 28:1( hai lần),13; 30:10,17

2. “sự rửa sả” - BDB 887

a. “nếu các người không nghe theo,” cũng giống như ở trên, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

b. “xây bờ” - BDB 693, KB 747, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH

c. “đi theo các thần khác” - BDB 229, KB 246, có nghĩa đen là, “bước đi,” 6:14; 8:19; 11:28; 13:2; 28:14; Các quan xét 2:12; Giê-rê-mi 7:6,9; 11:10; 13:10

Sự tương phản của số phận này được gọi là “hai con đường” ( đoạn 28 và 30:1,15-20; Thi 1; Giê-rê-mi 21:8; Ma-thi-ơ 7:13-14).

**11:28 “biết”** Từ này có nghĩa đen là “biết.” Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 4:35.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:29-32**

<sup>29</sup> Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người khiến người vào xứ đặng nhận lấy, thì phải rao sự chúc lành trên núi Ga-ri-xim, và sự chúc dữ trên núi Ê-banh. <sup>30</sup> Hai núi này há chẳng phải ở bên kia sông Giô-đanh, qua khỏi đường tây, tại đất dân Ca-na-an ở trong đồng ruộng, đối ngang Ghinh-ganh, gần những cây dễ bộp của Mô-rê sao? <sup>31</sup> Vì các người sẽ đi ngang qua sông Giô-đanh, đặng vào nhận lấy xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người ban cho; các người sẽ lấy xứ làm sản nghiệp và ở tại đó. <sup>32</sup> Vậy, phải cẩn thận làm theo hết thầy những luật lệ và mạng lệnh mà ngày nay ta đặt trước mặt các người. "

**11:29 “sự chúc lành...và sự chúc dữ”** Câu này mô tả về nghi lễ lập lại giao ước bởi Giô-suê tại Si-chem ( đoạn 27-28 và Giô-suê 8:30-35). Rõ ràng hai nhóm hát người Lê-vi đã hát hoặc tụng lên ơn phước từ ngọn Ga-ri-xim và những sự rửa sả từ ngọn Ê-banh. Hai núi này nằm bên hông của Si-chem (có nghĩa là bên cánh vai, BDB 1014). Những nhà khảo cổ những hòn đá bàn thờ lớn ở trên ngọn núi Ê-banh vốn là địa điểm phù hợp với những mô tả về bàn thờ ở trong Kinh Talmud. Hãy xem dẫn nhập vào sách tại trang VII.

Phần này đi theo Giao ước Chư Hầu Hê-tít, vốn gắn với vua và những kẻ thần phục ông ( Phục 27: Giô-suê 24 cũng đi theo trật tự như vậy).

**11:30 “A-ra-ba”** Đây là thung lũng sông Giô-đanh về phía nam Biển Chết. Hãy xem ghi chú tại 1:1.

**}** “**Ghinh-ganh**” Từ này có nghĩa là “vòng tròn của những hòn đá” (BDB 166 II), vốn là tên của địa điểm cắm trại đầu tiên của Y-sơ-ra-ên tại Ca-na-an ( Giô-suê 4:19). Tuy nhiên, chỗ này có thể xa hơn về phía bắc của Si-chem (Hãy xem *The IVP Bible Background Commentary, OT*, trang 181).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 11:18-25**

<sup>18</sup> Vậy, hãy cất đũa trong lòng và trong trí mình những lời ta nói cùng các người, đeo nó như một dấu nơi tay, như một ấn chỉ giữa hai con mắt. <sup>19</sup> Hãy dạy nó lại cho con cái mình, nói đến hoặc khi người ngồi ở trong nhà hay là đi đường, hoặc khi người nằm hay là chỗi dậy. <sup>20</sup> Cũng phải ghi các lời ấy trên cột nhà và trên cửa mình, <sup>21</sup> hầu cho những ngày của các người và của con cái các người được nhiều thêm trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ các người, y như những ngày của trời ở trên đất. <sup>22</sup> vì nhược bằng các người cẩn thận gìn giữ hết thầy điều răn này mà ta truyền cho các người phải làm lấy, kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, đi theo các đạo Ngài, và trú mến Ngài, <sup>23</sup> thì Đức Giê-hô-va sẽ đuổi những dân tộc này ra khỏi trước mặt các người, khiến các người thắng được dân tộc lớn và mạnh hơn mình. <sup>24</sup> Phàm nơi nào bàn chân các người sẽ đạp đến, đều thuộc về các người. Giới-hạn các người sẽ chạy từ đồng vắng tới Li-ban, từ sông O-phơ-rát đến biển tây. <sup>25</sup> Chẳng ai đứng nổi được trước mặt các người; Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người sẽ rải sự kinh khủng và sợ hãi trong khắp xứ các người sẽ đạp chân lên, y như Ngài đã phán. "

**“những cây để bọp của Mô-rê”** Đây là một lùm cây hoặc một loài cây thánh. Chúng ta biết địa điểm này gần với vị trí thánh gần Si-chem nhờ Sáng 12:6 và 35:4. Mô-rê có nghĩa là “người dạy” (BDB 435).

**11:31-32** Đây là những câu tóm lại nhắc lại những gì đã được đề cập đến trước đó.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao Phục Truyền lại lặp lại những cụm từ giống nhau và những việc xảy ra trong lịch sử nhiều như vậy?
2. Tại sao yếu tố điều kiện và ý chí (sự lựa chọn) của Giao ước lại được nhấn mạnh?
3. Sự toàn năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được nhấn mạnh như thế nào?

# PHỤC TRUYỀN 12

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Một Địa Điểm của sự Thờ Phụng Được Mô Tả	Trung Tâm của Sự Thờ Phụng	Một Địa Điểm dành cho Sự Thờ Phụng	Bộ Luật Phục Truyền (12:1-26:15)
12:1-28	12:1	12:1-3	12:1
			Nơi Thờ Phụng
	12:2-7		12:2-3
		12:4-7	12:4-7
	12:8-12	12:8-14	12:8-12
			Những Quy Định về Sinh Tế
	12:13-14		12:13-14
	12:15-19	12:15-19	12:15-16
			12:17-19
	12:20-27	12:20-28	12:20-28
	12:28		
Hãy Chú ý những Thần Giả		Sự Cảnh Cáo Sự Thờ Hình Tượng (12:29-13:18)	Chống Lại Những Tà Giáo ở Ca-na-an
12:29-32	12:29-32	12:29-31	12:29-13:1
	Cảnh Cáo Sự Thờ Hình Tượng (12:32-13:18)	12:32	

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## PHẦN GIỚI THIỆU

- A. Phần này khởi đầu của sự mở rộng của Mười Điều Răn vào trong những quy định hằng ngày (từ đoạn 12-26), vốn bao gồm cuộc sống thể tục và thiêng liêng của Y-so-ra-ê-nê. Nếu một người theo dõi đề cương của Giao Ước Hê-tít, sẽ thấy nó (1) 4:1- 11:32 bao gồm những luật đại cương và (2) 12:1-26:19 là mang tính chất mở rộng và giải thích của những luật này.

Các học giả đã phân loại bốn “Bộ Luật Pháp” Trong Ngũ Kinh:

1. Quyển sách Giao Ước, Xuất 20:22-23:33
2. Bộ Luật Tế Lễ, Xuất 25-31 và từ 34:29 xuyên suốt đến Lê Vi Ký 16
3. Bộ Luật Thánh Khiết, Lê Vi Ký 17-26
4. Bộ Luật Phục Truyền, Phục Truyền đoạn 12-26 và 28

Tuy nhiên, sự liệt kê này càng trở nên hiệu quả bởi cách tiếp cận phê bình nguồn của Julius Wellhausen ( J=YHWH (GIÊ-HÔ-VA); E=*Elohim*; D=Phục Truyền; and P=những tác giả thầy tế lễ) với Ngũ Kinh so với hiện đại, những song hành tương đồng thiên niên kỷ thứ 2 TC, ( trong quyển *Old Testament times* được viết bởi R. K. Harrison, và quyển *Ancient Israelite Literature In Its Cultural Context* được viết bởi John H. Walton).

- B. Đây là đoạn mà tại đây những sự tranh luận xảy ra về niên đại của Phục Truyền nổi lên. Trung tâm của nó xoay quanh câu 1-7 vốn được gọi là một bàn thờ trung tâm thờ phượng (sau này là Giê-ru-sa-lem).
- C. Có vẻ như những câu trên chỉ về hai giai đoạn và mục đích phân biệt với nhau: (1) trong đồng vắng (đền tạm) và (2) trong Đất Hứa. Mục đích của tất cả các luật là một sự thờ phượng thích đáng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về nơi chốn, đồng cơ và cách thức. Sự thờ hình tượng và những địa điểm thờ phượng của nó bị chối bỏ. Sự căng thẳng có vẻ xảy ra giữa những địa điểm thờ phượng hợp pháp địa phương (Xuất 20:24; Phục 16:21) và một địa điểm trung tâm thờ phượng của người Y-so-ra-ê-nê. Những bàn thờ địa phương đặc biệt ( Phục Truyền 27) cũng được cho phép (ví dụ, I Các Vua 3:3-5), nhưng hòm Giao ước, đền tạm, và sau này là Đền Thờ được nhấn mạnh.
- D. Theo lịch sử ghi chép lại cuộc phục hưng bởi vua Ê-xê-chia xảy ra theo hướng về địa điểm thờ phượng trung tâm hơn là cuộc phục hưng của vua Giô-si-a, vốn thường được sử dụng như là những cơ hội theo lịch sử cho việc viết sách Phục Truyền (ví dụ, 621 TC, II Các Vua 18:22; II Sử ký 32:12 và Ê-sai 36:7). Cuộc cải cách của vua Giô-si-a khởi nguyên xử lý với sự thờ hình tượng không phải là hệ thống thờ phượng trung tâm! Cá nhân tôi từ chối thuyết JEDP về sự phê bình nguồn sách Phục Truyền (theo cuốn *More Evidence That Demands A Verdict* được viết bởi Josh McDowell).

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:1-7

<sup>1</sup>" Đây là những luật lệ và mạng lệnh mà trọn đời mình sống trên đất các ngươi phải gìn giữ làm theo trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi đã ban cho ngươi nhận lấy. <sup>2</sup> Phạm nơi nào những dân tộc, mà các ngươi sẽ đuổi đi, đã hầu việc các thần chúng nó, hoặc trên núi cao, hoặc trên đồng cỏ hay là dưới cây xanh, thì các ngươi phải hủy diệt sạch hết đi. <sup>3</sup> Phải phá đổ bàn thờ, đập bể pho tượng, và thiêu những trụ A-sê-ra của chúng nó trong lửa; lại làm tan nát những tượng chạm về các thần chúng nó, và xóa tên các thần ấy cho khỏi chỗ đó. <sup>4</sup> Chớ tùy tục chúng nó mà phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi; <sup>5</sup> song nơi nào trong những chi phái các ngươi, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi sẽ chọn, đặt đặt danh Ngài, tức là nơi ngự của Ngài, thì các ngươi phải tìm đi đến đó, <sup>6</sup> đem dâng tại đó những của lễ thiêu, các hi sinh, thú một phần mười, lễ vật dâng giờ lên, của lễ hoàn nguyện, của lễ lạc ý, và các con đầu lòng của bầy bò và chiên; <sup>7</sup> rồi các ngươi sẽ ăn tại đó, trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, vui vẻ cùng gia quyến mình, vì mọi việc tay mình làm đã được Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban phước cho."

**12:1 “những luật lệ và mạng lệnh”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

} **“các nơi phải gìn giữ làm theo”** Đây là sự kết hợp của một ĐÔNG TỪ, “gìn giữ” (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) và một *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, (BDB 793, KB 889). Đây là một chủ đề được lặp lại tuần hoàn (ví dụ, Xuất 23:13,21; 34:11-12; Lê-vi Ký 18:4-5,26,30; Phục 4:6,9,15,23,40; và nhiều chỗ khác nữa đặc biệt là trong Phục Truyền và trong Văn học Khôn Ngoan).

} **“mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ người đã ban cho người”** ĐÔNG TỪ chỉ một hành động hoàn tất (BDB 678, KB 733, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), là những sự kiện xảy ra trong tương lai. Đây là cách nói của người Hê-bơ-rơ để chỉ sự chắc chắn (ví dụ, Sự Hoàn Thành mang tính Tiên Tri). Đây là chủ đề lặp lại chu kỳ trong sách Phục Truyền ( 1:8,20,21,25,35,36,39; 2:29; 3:18,20; 4:1,21,38,40; 5:16,31; 6:10,23; 7:13,16; 8:10; 9:6,23; 10:11; 11:9,17,21,31; 12:1,9; 15:4; 17:14; 18:9;19:1,2,8,14; 21:23; 24:4; 25:15,19; 26:1,2,3,6,9,10,15; 27:3; 28:8,11,52; 31:7; 32:49; 34:4). Nó bày tỏ sự lựa chọn và sự chu cấp ân điển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên.

} **“nhận lấy”** ĐÔNG TỪ này (BDB 439, KB 441, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) là một lời hứa lặp lại đều đặn. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Sở Hữu Vùng Đất tại 8:1.

} **“trên đất”** “trên đất” là một cách khác để nói về “trên Vùng Đất” (trong câu 19). Hễ khi người còn Y-sơ-ra-ên vẫn giữ những mạng lệnh của Đức Chúa Trời, thì họ còn có thể sống tại Đất Hứa. Hãy xem ghi chú tại 4:40.

Câu này gồm có hai từ khác nhau nói về “đất”:

1. “trên vùng đất” - BDB 75
2. “trên đất” - BDB 9

Cả hai đều chỉ về cả mặt đất hoặc về vùng đất Ca-na-an. Chúng thường là những từ đồng nghĩa ( 4:38-40; 11:8-9; 12:1; 26:2,15).

**12:2 “phải hủy diệt sạch hết đi”** “Hủy diệt hoàn toàn” đến từ một từ Hê-bơ-rơ có nghĩa “gây cho thối rữa” (BDB 1, KB 2, *Piel* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, vốn chỉ về cường độ, trong câu 3; Dân Số Ký 33:52[hai lần]; II Các Vua 21:3). Đức Chúa Trời đã răn bảo người Y-sơ-ra-ên phải diệt hết những bàn thờ ngoại bang để rồi chúng sẽ không trở thành một phần của sự thờ phượng phồn thực (sự sinh sản) của họ ( Xuất 23:24; 34:13).

} **“trên núi cao, hoặc trên nông hay là dưới cây xanh”** Đây là những địa điểm của những bàn thờ địa phương của *Ba-anh* và *A-sê-ra* nơi mà những nghi lễ phồn thực được thực hiện ( Giê-rê-mi 2:20; 3:2,6; 17:2; Ê-sai 57:5,7; Ô-sê 4:13).

**12:3 “những cột thánh”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ỨNG XỬ ĐƯỢC YÊU CẦU CỦA Y-SƠ-RA-ÊN ĐỐI VỚI SỰ THỜ PHƯỢNG PHỒN THỰC CA-NA-AN

Danh sách những câu kinh thánh của một vài những yếu tố tôn giáo của sự thờ phượng *Ba-anh* và cách mà Y-sơ-ra-ên phải hủy diệt chúng.

1. “Phải phá đổ bàn thờ”
  - a. ĐÔNG TỪ này, BDB 683, KB 736, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, Phục 7:5; II Sứ ký 31:3; 34:4
  - b. thành phần, “những bàn thờ,” BDB 258, Những bàn thờ của *Ba-anh* được dựng lên từ những hòn đá được đeo gọt với một hòn đá được dựng đứng và có một lỗ để trồng một cây hoặc giữ một cây cột được chạm khắc bằng gỗ (*A-sê-ra*)
2. “đập bể (những) pho tượng (thánh)”
  - a. ĐÔNG TỪ này, BDB 990, KB 1402, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, Phục 7:5; II Các Vua 3:2; 10:27

- b. thành phần, “những cột,” BDB 663. Đây là những hòn đá dựng đứng được sử dụng như là biểu tượng hình dương vật tượng trưng cho vị thần sinh sản của nam giới ( 16:22).
- 3. “thiếu những trụ A-sê-ra của chúng nó trong lửa”
  - a. ĐỘNG TỪ, BDB 976, KB 1358, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Phục 7:5, in II Sử ký 31:1 và 34:4; chúng cần phải bị “chặt xuống.”
  - b. thành phần, *trụ A-sê-ra*, BDB 81. Nó biểu tượng cho cây của sự sống. A-sê-ra ( ABD, quyển 1, trang 483- 87, mặc dù trong văn thơ từ Ugarit, Anath là vợ của *Ba-anh*, theo ABD, quyển 1, trang 225-27), là vợ của *Ba-anh*. Nó có thể là một cây sống hoặc một cây gậy được chạm khắc.
- 4. “làm tan nát những tượng chạm về các thần chúng nó”
  - a. ĐỘNG TỪ, BDB 154, KB 180, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Phục 7:5; II Sử ký 14:2; 31:1; 34:4,7
  - b. thành phần, “những tượng chạm về các thần chúng nó,” BDB 820 GHÉP 43. Phục 7:5; và II Sử ký 34:7 cung cấp một sự phân biệt rõ giữa *trụ A-sê-ra* và những hình tượng khác.
- 5. “xóa tên các thần ấy cho khỏi chỗ đó”
  - a. ĐỘNG TỪ này, BDB 1, KB 2, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, Phục 12:2 (hai lần)
  - b. thành phần, “tên,” BDB 1027. Có vẻ như việc trình bày tên của vị thần là chủ nhân của vùng đất, vốn đã bị hủy diệt, và do vậy, tên của họ cũng sẽ diệt vong. Và giờ đây tên của YHWH sẽ là tên/nơi thờ phượng (Phục 12:5,11).

**12:5 “nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi sẽ chọn”** Đức Chúa Trời đã chọn (BDB 103, KB 119, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, trong các câu. 11,14,18,21,26; 14:23-25; 15:20; 16:2,6,11,15; 17:8,10; 18:6; 26:2; 31:11) địa điểm thờ phượng ( Xuất 20:24).

Hòm giao ước (hòm) đã di chuyển cùng với Y-sơ-ra-ên:

1. Ghinh-ganh, Giô-suê 4:19; 10:6,15
2. Si-chem, Giô-suê 8:33
3. Si-lô, Giô-suê 18:1; Các quan xét 18:31; I Sa-mu-ên 1:3
4. Bê-tên, (và có lẽ) Các quan xét 20:18,26-28; 21:2
5. Ki-ri-at Giê-a-rim, hòm giao ước, I Sa-mu-ên 6:21; 7:1-2 (các thầy tế lễ tại Nob, I Sa-mu-ên 21-22)
6. Giê-ru-sa-lem
  - a. Đa-vít chiếm the thành lũy Giê-bu ( II Sa-mu-ên 5:1-10)
  - b. Đa-vít đem hòm giao ước đến Giê-ru-sa-lem ( II Sa-mu-ên 6)
  - c. Đa-vít mua địa điểm của đền thờ (II Sa-mu-ên 24:15-25; II Sử ký 3:1)

Nhiều học giả hiện đại đã cố khẳng định rằng Phục Truyền được viết sau này để phù hợp với cuộc cải cách trung tâm hóa sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên của vua Ê-xê-chia và vua Giô-si-a. Tuy nhiên, Phục Truyền không gọi Giê-ru-sa-lem là địa điểm đặc biệt mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ chọn. Trong văn mạch về sự đối nghịch thần học giữa:

1. Những nơi linh thiêng của *Ba-anh* và một nơi linh thiêng của Y-sơ-ra-ên
2. tư tưởng độc thần của Y-sơ-ra-ên với chế độ đa thần của Ca-na-an (và phần còn lại của vùng Cận Đông Cổ Đại)

}	
NASB	“để thiết lập danh Ngài tại đó cho sự cư trú của Ngài”
NKJV	“đặt đặt danh Ngài, tức là nơi ngự của Ngài”
NRSV	“chỗ Ngài ngự để đặt danh Ngài ở tại đó”
TEV	“nơi dân sự sẽ bước vào trong sự hiện diện của Ngài”
NJB	“nơi đó sẽ đặt danh Ngài và ngự tại đó”

Việc phiên dịch câu này bị ảnh hưởng bởi câu 11. Câu 5 chép “cho Ngài ngự” (BDB 1015), trong khi câu 11 có nghĩa “để làm nơi ngự” (BDB 1014, KB 1496, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP). Về ngữ nghĩa chúng rất giống nhau và không có bất kỳ sự khác biệt thần học hay là về ý nghĩa.

Người Do Thái dùng tên của Đức Chúa Trời thay cho sự hiện diện của Ngài. Đây là sự đề cập trực tiếp đến Đền tạm trong những ngày đầu.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: “DANH XUNG” CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

Cách sử dụng “danh xưng” như là một sự thay thế cho chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là tương đương với trong Xuất 23:20-33 việc sử dụng “thiên sứ,” là nhân vật được gọi là “danh ta ngự trong mình người” Sự thay thế tương tự có thể thấy trong cách sử dụng của “sự vinh quang Ngài” (Giăng 1:14; 17:22). Những sự thay thế này để cố gắng làm nhẹ đi sự hiện diện nhân hình cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Xuất 3:13-16; 6:3). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chắc chắn được nhắc đến trong từ ngữ của con người, nhưng cũng được biết rằng Ngài hiện diện cách thuộc linh thông qua tạo hóa ( I Các Vua 8:27; Thi 139:7-16; Giê-rê-mi 23:24; Công vụ 7:49 trích Ê-sai 66:1).

Có một vài ví dụ khác của “danh xưng” đại diện cho bản chất thần linh và sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. Phục 12:5; II Sa-mu-ên 7:13; I Các Vua 9:3; 11:36
2. Phục 28:58
3. Thi 5:11; 7:17; 9:10; 33:21; 68:4; 91:14; 103:1; 105:3; 145:21
4. Ê-sai 48:9; 56:6
5. Ê-xê-chi-ên 20:44; 36:21; 39:7
6. A-môt 2:7
7. Giăng 17:6,11,26

Ý tưởng của “kêu cầu” (sự thờ phượng) danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã được thấy rất sớm trong Sáng Thế Ký:

1. 4:26, dòng dõi của Sét
2. 12:8, Áp-ra-ham
3. 13:4, Áp-ra-ham
4. 16:13, A-ga
5. 21:33, Áp-ra-ham
6. 26:25, Y-sác

và trong Xuất Ê-díp-tô Ký

1. 5:22-23, nhân danh Chúa mà nói
2. 9:16, danh ta đồn khắp cả thiên hạ ( Rô-ma 9:17)
3. 20:7, chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi mà làm chơi ( Lê-vi Ký 19:12; Phục 5:11; 6:13; 10:20)
4. 20:24, nơi nào có ghi nhớ danh ta ( Phục 12:5; 26:2)
5. 23:20-21, một thiên sứ (“danh ta ngự trong mình người”)
6. 34:5-7, Môi-se ...hô (hoặc “kêu lên”) danh Giê-hô-va. Đây là một vài những câu Kinh Thánh mô tả đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Nê-hê-mi 9:17; Thi 103:8; Giô-ên 2:13).

Biết tên của một ai đó hàm ý chỉ về sự mật thiết ( Xuất 33:12), Môi-se biết tên ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và trong 33:17, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA biết tên của Môi-se. Trong văn mạch, Môi-se muốn xem sự vinh hiển của Chúa ( trong câu 18), nhưng Chúa cho phép ông nhìn thấy sự “nhân từ Ngài” (trong câu 19), vốn tương đồng với “danh xưng” (câu 19).

Người Y-sơ-ra-ên sẽ hủy diệt “các danh xưng” của những thần Ca-na-an ( Phục 12:3) và kêu cầu Ngài ( Phục 6:13; 10:20; 26:2) tại nơi đặc biệt Ngài khiến tên Ngài sẽ ngự tại đó ( Xuất 20:24; Phục 12:5,11,21; 14:23,24; 16:2,6,11; 26:2).

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có một mục tiêu cho toàn thể giới liên quan đến tên của Ngài:

1. Sáng 12:3
2. Xuất 9:16
3. Xuất 19:5-6
4. Phục 28:10,58
5. Mi-chê 4:1-5

**12:6** Câu này liệt kê ra những loại tế lễ:

1. **“tế lễ thiêu”** Điều này có nghĩa là tế lễ thiêu toàn bộ (BDB 750 II). Một cách để bày tỏ một sự dâng hiến hoàn toàn và toàn bộ. Đây là một sinh tế tình nguyện ( Lê Vi Ký 1).
2. **“các tế lễ”** Đây chỉ về thiêu một phần, của lễ được đốt một phần (BDB 257). Đây là những của lễ chuộc tội, của lễ thù ân, của lễ bình an, v.v.... Đây là bất kỳ những của lễ có máu ( Lê Vi Ký 7).
3. **“thuế một phần mười”** Thuế một phần mười là cách của Y-sơ-ra-ên hỗ trợ cho những thầy tế lễ, là những người đã không được hưởng phần đất cơ nghiệp. Có vẻ như có ba loại thuế một phần mười (BDB 798):
  - a. cho đền thờ trung tâm
  - b. cho những người Lê-vi ở địa phương
  - c. mỗi ba năm dành cho những người nghèo ở địa phương (Lê-vi Ký 27:30-33; Dân Số Ký 18:21-22)
4. **“lễ vật dâng giờ lên”** Đây là từ Hê-bơ-rơ dành cho “của lễ thù ân” (BDB 929, Lê-vi Ký 7:32). Điều này chỉ về một tế lễ mà tại đó một phần của con vật được dâng giờ lên cho thầy tế lễ để ăn.
5. **“của lễ hoàn nguyện”** Từ này (BDB 623) là một ví dụ của một sự hứa nguyện có điều kiện với Chúa, “Tôi sẽ làm điều này, nếu Ngài làm điều kia.” Đây là điều người Do Thái giữ phần của họ trong lời thề hứa (Lê-vi Ký 7:16-18).
6. **“của lễ lạc ý”** Từ này (BDB 621) chỉ về một của lễ trong sự biết ơn hoặc ngợi khen từ một người được tràn ngập với sự tốt lành của Đức Chúa Trời ( Lê-vi Ký 22: từ câu 18).
7. **“các con đầu lòng”** Từ này (BDB 114) là một sử chỉ về Thiên Sứ Sự Chết đi ngang qua Ai Cập và giết các con đầu lòng của bầy gia súc và của con người. Trong ánh sáng của sự kiện này, tất cả các con đầu lòng của bầy súc vật và con người chỉ thuộc về độc nhất Đức Chúa Trời ( Xuất 13; Lê-vi Ký 27:26-27)!

**12:7 “rồi các ngươi sẽ ăn tại đó, trước mặt Giê-hô-va ... cùng gia quyến mình”** Câu này chỉ về bữa ăn mối liên hệ, vốn là tiền đề thần học của cả Lễ Vượt Qua và Tiệc Thánh ( những câu 12,18; 14:26; Khải Huyền 3:20). Dân sự của Đức Chúa Trời được tạo dựng để vui hưởng (BDB 970, KB 1333, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) với Ngài trong tạo vật vật chất và sự mật thiết của sự thờ phượng ( Lê-vi Ký 23:40; Dân Số Ký 10:10; Phục 12:7,12,18; 14:26; 16:11; 26:11; 27:7; 28:47).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:8-12**

**8<sup>u</sup>** Chớ làm như chúng ta làm ngày nay đây, là mỗi người làm tùy ý mình tưởng là phải; **9<sup>u</sup>** vì các ngươi chưa vào nơi an nghỉ, và chưa hưởng lấy cơ nghiệp mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho ngươi. **10<sup>u</sup>** Vậy, các ngươi sẽ đi ngang qua sông Giô-đanh, ở trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi ban cho làm sản nghiệp. Ngài sẽ ban sự bình an cho các ngươi, không để kẻ thù nghịch xung quanh hãm áp, và khiến cho các ngươi được ở yên ổn. **11<sup>u</sup>** Bây giờ, sẽ có một chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi chọn, dựng cho danh Ngài ở; ấy là nơi các ngươi sẽ đem dâng mọi điều ta dặn các ngươi, tức là những của lễ thiêu, các hi sinh, thuế một phần mười, lễ vật dâng giờ lên, và mọi của lễ tốt nhất, mà các ngươi hứa nguyện dâng cho Đức Giê-hô-va. **12<sup>u</sup>** Các ngươi, con trai, con gái, tôi trai, và tở gái của các ngươi sẽ vui vẻ trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, luôn với người Lê-vi ở trong thành các ngươi, vì người không có phần, cũng không hưởng nghiệp chung với các ngươi."

**12:8 “Chớ làm như chúng ta làm ngày nay đây”** Những điều này sẽ trở nên đều đặn hơn trong Đất Hứa. Sự thực thi tôn giáo trong thời kỳ hoang mạc trong đồng vắng sẽ đơn giản hơn những sự thực thi được hệ thống trong Đất Hứa và, đặc biệt trong đền thờ, sau này sẽ ở tại Giê-ru-sa-lem.

**✎ “mỗi người làm tùy ý mình tưởng là phải”** Câu này có nghĩa trung lập ở đây, nhưng trong Các Quan xét nó có ý nghĩa tiêu cực của mỗi một cá nhân cho là sự tự do khỏi những trách nhiệm giao ước bằng cả sự lựa chọn tội lỗi và chối bỏ giao ước ( 17:6; 21:25).

**12:9** Hãy xem ghi chú tại 12:1

**12:10 “Ngài sẽ ban sự bình an ...yên ổn”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi (BDB 628, KB 679, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) khỏi kẻ thù của các ngươi. Sự bình yên này (BDB 442, KB 444, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)



không phải là thành quả bởi vì sức mạnh vĩ đại về quân sự của Y-sơ-ra-ên, nhưng bởi sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

**12:11 “một chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi chọn”** Đây là sự đề cập đến địa điểm trung tâm thờ phượng ( đền tạm và hòm giao ước trong các câu 5 và 14), vốn được chọn đầu tiên ở Si-lô. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 12:5.

**12:12 “các ngươi sẽ vui vẻ”** Đây chính là mục đích của Luật pháp của Đức Chúa Trời ( trong các câu 7,18; 14:26; 28:47).

**✚ “các ngươi và”** Chú ý cách tất cả mọi người trong gia đình bao gồm cả những tôi tớ, cả những người Lê-vi ở địa phương ( trong câu 19) đều được bao gồm! Trong một nghĩa những người này đều trở thành những thành viên nổi dãi của gia đình. Họ đều được yêu thương và chu cấp, cả trong những sự cần thiết trong cuộc sống và cả đời sau (sự thờ phượng).

**12:12, 19 “người Lê-vi ở trong thành các ngươi”** Tất cả những thầy tế lễ đều là người Lê-vi, nhưng không phải tất cả người Lê-vi đều là thầy tế lễ. Ở đây “Người Lê-vi” chỉ về những người không phải là thầy tế lễ của gia đình của Lê-vi là những người biểu tượng cho người nghèo và người thiếu thốn ( trong câu 18,19; 14:27,29; 16:11,14; 26:12-13), bởi vì người Lê-vi không được phần chia đất. Họ được tôn trọng là những thầy dạy Luật Pháp tại địa phương.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:13-14**

<sup>13</sup> “Khá coi chừng, chớ dâng của lễ thiêu mình trong những nơi nào ngươi thấy; <sup>14</sup> nhưng phải dâng tại nơi Đức Giê-hô-va sẽ chọn trong một của các chi phái ngươi, và tại đó ngươi phải làm mọi điều ta truyền dạy. ”

**12:13 “Khá coi chừng, chớ dâng của lễ thiêu mình trong những nơi nào ngươi thấy”** Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ cho ngươi những nơi đặc biệt cho việc dâng của lễ ( trong câu 5,11,14). Đừng sử dụng nhiều bàn thờ Ca-na-an tại địa phương chỉ bởi vì chúng ở đó. Đừng dâng sinh tế cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên những bàn thờ được xây dựng *Ba-anh*. Tuy nhiên, vẫn có những bàn thờ tại địa phương được dựng lên cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Phục 16:21; I Các Vua 3:4).

Câu này có ba ĐỘNG TỪ:

1. “hãy cẩn thận” - BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH
2. “chớ dâng” - BDB 748, KB 828, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
3. “thấy” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:15-19**

<sup>15</sup> “Song trong các thành mình, ngươi được mặc ý giết những thú vật và ăn thịt nó, tùy theo sự phước lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ ban cho ngươi; vô luận người bị ô uế hay là người được tinh sạch sẽ đều ăn thịt nó như ăn con hoàng dương và con nai đực. <sup>16</sup> Chỉ các ngươi chớ ăn huyết; phải đổ huyết trên đất như nước vậy. <sup>17</sup> Của thuế một phần mười về ngũ cốc, về rượu hay là dầu, cùng những con đầu lòng của bầy bò hay chiên, vật chi ngươi hứa nguyện dâng lên, các của lễ lạc ý, hay là lễ vật dâng giờ lên, thì các ngươi chớ dâng nên ăn tại trong các thành mình. <sup>18</sup> Nhưng ngươi, các con trai, con gái tôi trai, và tôi gái ngươi, cùng người Lê-vi ở trong thành ngươi, phải ăn những vật ấy trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi tại chỗ Ngài sẽ chọn; ngươi sẽ vui vẻ trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, về mọi việc tay ngươi đã làm. <sup>19</sup> Trọn đời ngươi ở trong xứ, khá giữ mình, chớ bỏ bê người Lê-vi. ”

**12:15, 20-24 “ngươi được mặc ý giết”** Điều này chỉ ra một sự mở rộng của Luật Pháp ( Lê-vi Ký 17:1 trở đi). Nếu một con thú bị giết (BDB 256, KB 261, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) để làm thức ăn chứ không phải để làm sinh tế, nó có thể bị giết tại bất cứ nơi đâu.

**12:15 “ô uế hay... tinh sạch”** Chỗ này không chỉ đến những thú vật không tinh sạch như là đồ ăn ( trong câu 20-22; Lê-vi Ký 11), nhưng những con vật không tinh sạch như là vật sinh tế. Một con chiên tì vết có thể bị ăn thịt bởi con người cũng như là một số loài thú hoang dã như nai, nhưng không được là con lợn v.v...

**12:16 “các người chớ ăn huyết”** Câu này liên hệ với sự tôn sùng của người Hê-bơ-rơ dành cho huyết như là biểu tượng của sự sống. Ngay cả khi họ giết những con vật, dù là để ăn hoặc là để dâng sinh tế, họ đổ huyết ra ngoài ( 15:23; Lê-vi Ký 17:13) và không ăn nó, bởi vì sự sống thuộc về Đức Chúa Trời. Huyết đại diện cho sự sống, sự sống thuộc về Đức Chúa Trời ( trong câu 23-25; Sáng 9:4; Lê-vi Ký 7:11-12; 17:10-11)!

**12:17-18** Đây là một sự cảnh báo khác về việc chỉ sử dụng nơi thánh ở trung tâm cho sự thờ phượng (trong câu 26).

**12:17 “thuế một phần mười”** Câu này liệt kê danh sách một vài điều cần phải bị đánh thuế một phần mười (BDB 798 14:23; 18:4; Dân Số Ký 18:12):

1. “ngũ cốc” - BDB 186
2. “rượu” - BDB 440
3. “dầu” - BDB 850

Đây là một xã hội nông nghiệp.

**12:19** Hãy xem ghi chú tại câu 12.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:20-28**

<sup>20</sup> "Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã mở rộng bờ cõi người, y như Ngài đã phán, và vì người ước ao ăn thịt nên nói: Tôi muốn ăn thịt! thì khá tùy ý ăn lấy. <sup>21</sup> Nếu chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chọn đặt danh Ngài, cách xa người, người được giết bò hay chiên mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người, y như ta dặn; rồi tùy ý người muốn ăn lấy nó trong thành mình. <sup>22</sup> Phải ăn thịt ấy như ăn con hoẵng dương và con nai đực; vô luận người bị ô uế hay là người tinh sạch cũng đều ăn cả. <sup>23</sup> Song phải giữ mình, chớ ăn huyết; vì huyết là sự sống, nên chớ ăn thịt luôn với sự sống. <sup>24</sup> Người chớ ăn huyết; phải đổ nó trên đất như nước. <sup>25</sup> Đừng ăn huyết, hầu người và con cháu người được phước, bởi vì có làm điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va. <sup>26</sup> Còn về thú vật người biệt riêng ra thánh, hay là hứa nguyện dâng lên, thì phải đem nó theo mình đến nơi Đức Giê-hô-va đã chọn, <sup>27</sup> dâng thịt và huyết nó làm của lễ thiêu trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người; còn huyết các con sinh khác, thì phải đổ trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, đoạn mới ăn thịt nó. <sup>28</sup> Hãy giữ và nghe các điều này mà ta dặn biểu người, để người và con cháu người được phước đời đời, bởi vì làm điều tốt lành và ngay thẳng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người."

**12:20 “Tôi muốn ăn thịt”** ĐỘNG TỪ này (BDB 37, KB 46) được lặp lại ba lần:

1. *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY
2. *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
3. *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Nếu họ ao ước được ăn thịt trong Đất Hứa họ sẽ chắc chắn có thể làm điều đó:

1. đúng loại thịt ( 17,22)
2. giết ở đúng nơi (câu 15,18,21,27)
3. giết đúng cách (câu 16,23-25)

**12:23 “hãy chắc chắn”** ĐỘNG TỪ này (BDB 304, KB 302, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) có nghĩa là “hãy mạnh mẽ” (31:6,7,23) trong nghĩa chắc chắn tránh khỏi một vài điều ( I Sứ ký 28:7).

**12:26 “vật thánh”** Điều này chỉ về những vật được đề cập đến trong câu 17.

**12:28 “Hãy cẩn thận”** ĐÔNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH) được sử dụng lặp lại trong Phục Truyền ( 4:9,15,23; 6:12; 8:11; 11:16; 12:13,19,28,30; 15:9; 24:8) để khích lệ sự vâng phục với giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

✂ **“để người và con cháu người được phước đời đời,”** ĐÔNG TỪ này (BDB 405, KB 408, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng một vài lần ở trong sách Phục Truyền ( 4:40; 5:16,29,33; 6:3,18; 12:25,28; 22:7) và trong Giê-rê-mi ( 7:23; 38:20; 42:6) nhắc đến sự phước hạnh, niềm hạnh phúc, vui vẻ và trọn vẹn của dân sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Một lần nữa, sự vâng lời giao ước được liên hệ với phước hạnh và sống lâu trên đất. Sự vâng phục toàn vẹn được nhắc nhở đến những thế hệ tiếp theo ví dụ, coi đời đời). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: đời đời (*'Olam*) tại 4:40.

✂ **“bởi vì làm điều tốt lành và ngay thẳng”**

1. “tốt lành” BDB 373 II
  - a. trong ánh mắt của Chúa, 6:18; 13:18; II Sử ký 14:2
  - b. trong mắt của con người, Giê-suê 9:25; Các quan xét 19:24; Giê-rê-mi 26:14
2. “ngay thẳng” BDB 449, cũng giống như từ trên nhưng cũng trong Phục 12:25; 13:18; I Các Vua 11:38; 14:8; 15:11; 22:43; II Các Vua 12:2 (để xem cấu trúc song hành 1. b. ở trên, hãy xem 12:8).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:29-31**

<sup>29</sup> Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã diệt khỏi trước mặt người những dân tộc mà người đi đến đặng đuổi đi đó, khi người đã đuổi chúng nó rồi, và được ở trong xứ chúng nó, <sup>30</sup> thì hãy giữ lấy mình, kéo sau khi chúng nó đã bị diệt khỏi trước mặt người, người sa vào bẫy, bắt chước chúng nó, cầu các thần chúng nó, mà hỏi rằng: Các dân tộc này phục sự các thần mình thế nào? Ta cũng muốn làm theo vậy nữa. <sup>31</sup> Người chó phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời người như vậy, vì mọi điều Đức Giê-hô-va lấy làm gớm ghiếc và ghét, thì chúng nó đã làm cho các thần mình; đến đỗi chúng nó thiêu con trai và con gái mình trong lửa, để cúng thờ các thần mình. <sup>32</sup> Các người khá cẩn thận làm theo mọi điều ta dặn biểu các người: chó thêm hay là bớt chi hết."

**12:29 “Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã diệt khỏi trước mặt người những dân tộc”** ĐÔNG TỪ này (BDB 503, KB 500, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA loại bỏ những người ngay bằng cách giết họ ( 19:1; Giê-suê 23:4; II Sa-mu-ên 7:9; Giê-rê-mi 44:8). Điều này chỉ rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang chiến đấu những trận chiến của Y-sơ-ra-ên.

**12:30 “chú ý”** Hãy xem ghi chú tại câu 28.

✂ **“người sa vào bẫy”** ĐÔNG TỪ này (BDB 669, KB 723, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) trong từ gốc *Qal* của nó, có nghĩa đen là “hạ một người xuống bằng một cây gậy” ( Thi 9:16). Gốc từ *Niphal*, được sử dụng chỉ ở đây, là một sự mở rộng tu từ hàm ý “ném một cây gậy vào mục tiêu.”

✂ **“đừng cầu hỏi các thần của chúng”** ĐÔNG TỪ này (BDB 205, KB 233, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “tìm kiếm”:

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 12:5; 4:29; Giê-rê-mi 10:21; 29:13
2. Các thần Ca-na-an trong 12:30; II Sử ký 25:15,20; Giê-rê-mi 8:2

**12:31 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA** phán với Y-sơ-ra-ên rất rõ ràng nếu họ thực hành những nghi lễ phồn thực gớm ghiếc, Ngài sẽ quét họ ra khỏi xứ ( 7:4; Lê-vi Ký 18:24-30) như Ngài đã làm với người Ca-na-an ( Sáng 15:16-21). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA “ghét” (BDB 971, KB 1338, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) sự thờ hình tượng ( 12:31; 16:22; Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Đức Chúa Trời được mô tả như con người [Ngôn ngữ nhân hình] tại 2:15). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THẦN MO-LÓC**

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ngăn cấm sự thờ phượng thần *Mo-lóc* (BDB 574), vị thần lửa Ca-na-an (của người Am-môn), là vị thần được thờ phượng bằng cách hy sinh con đầu của mỗi gia đình trong cộng đồng với mục đích để đảm bảo sự sinh sản và màu mỡ của đất đai. Tên của thần này (cũng được sử dụng bởi người Y-sơ-ra-ên) là một sự chơi chữ Hê-bơ-rơ của sự phát âm tương tự của từ “vua” và âm của từ có nghĩa là “sự xấu hổ.” Y-sơ-ra-ên được cảnh báo về vị thần này rất sớm và thường xuyên ( Lê-vi Ký 18:21; 20:2,3,4,5; I Các Vua 11:7; II Các Vua 23:10; Giê-rê-mi 32:35; Mi-chê 6:7). Sự thờ phượng này thường xuyên được mô tả đặc điểm của nó bởi cụm từ, “đem ngang qua lửa” ( 12:31; 18:10; II Các Vua 16:3; 17:17,31; 21:6; Thi 106:37; Giê-rê-mi 7:31; 19:5).

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 12:32**

<sup>32</sup>“Các ngươi khá cẩn thận làm theo mọi điều ta dạy biểu các ngươi: chớ thêm hay là bớt chi hết.”

**12:32 “chớ thêm hay là bớt chi hết”** Đức Chúa Trời rất nghiêm túc về sự vâng phục dành cho Lời Ngài (Hãy xem ghi chú tại 4:2). Tuy nhiên, Phục Truyền cũng bày tỏ một vài những điều chỉnh của những luật lệ trong thời kỳ sa mạc. Chúng ta cần phải áp dụng các lẽ thật của Kinh Thánh cho văn hóa và thời đại mới. Đức Chúa Trời mặc khải về chính mình Ngài với một nền văn hóa cụ thể vào một thời điểm cụ thể. Một vài sự mặc khải chỉ liên hệ với thời điểm đó và nhóm người đó mà thôi (ví dụ, cuộc thánh chiến, chế độ đa thê, chế độ nô lệ, sự khuất phục của phụ nữ), nhưng phần nhiều của nó là những lẽ thật không ảnh hưởng bởi thời gian có thể áp dụng vào tất cả các thời đại (để xem một sự thảo luận làm thế nào để phân biệt giữa sự vĩnh cửu và văn hóa, hãy xem cuốn *How To Read the Bible For All Its Worth*, được viết bởi Fee and Stuart, trang 149- 164 và cuốn, *Gospel and Spirit*, được viết bởi Gordon Fee, trang 1-36).

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao có quá nhiều sự nhấn mạnh vào địa điểm thờ phượng trung tâm?
2. Tại sao lại có sự thay đổi của một số luật?
3. Tại sao huyết lại quá quan trọng đối với người Hê-bơ-rơ?
4. Tại sao những luật lệ này lại rất chi tiết?

# PHỤC TRUYỀN 13

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB (sử dụng cách chia câu bản Bảy Mươi (LXX))
Hình Phạt của Sự Bội Đạo	Những Cảnh Báo Nghịch Lại Sự Thờ Hình Tượng  (12:32-13:19)	Những Cảnh Báo Nghịch Lại Sự Thờ Hình Tượng  (12:29-13:18) 12:32-13:5	Nghịch lại những Tà Giáo Ca-na-an  (12:29-13:1)
13:1-5	13:1-5		Nghịch lại Những Sự Cám Dỗ của Sự Thờ Hình Tượng 13:2-6
13:6-11	13:6-11	13:6-11	13:7-12
13:12-18	13:12-18	13:12-18	13:13-19

### **CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO ĐỐI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phân giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NGHIÊN CỨU VỀ BỐI CẢNH**

- A. Đây là một phân đoạn khó trong Kinh Thánh để có thể giải nghĩa và hiểu được. Đây không phải là một đoạn được dùng để bày tỏ về tình yêu của Đức Chúa Trời.
- B. Đoạn này là một cuộc bút chiến tranh luận nghịch lại sự thờ hình tượng trong tất cả các lĩnh vực của tôn giáo cũng như đời sống dân sự.
  1. Câu 1-5 nói về những tiên tri giả ( 18:20).
  2. Câu 6-11 nói về những thành viên trong gia đình là những người cố gắng lôi kéo các thành viên khác vào trong sự thờ hình tượng.

3. Câu 12-18 nói về cả thành hoặc cả cộng đồng đi theo sự thờ hình tượng ( 29:18).

- C. có vẻ như có một sự phân biệt trong Cựu Ước giữa một tiên tri và một kẻ hay chiêm bao. Một khái tượng bởi một người đang tỉnh táo và có thể kiểm soát được những khả năng trí tuệ của mình. Ê-xê-chi-ên, bên bờ sông Kê-ba, là một ví dụ của khái tượng. Đa-ni-ên là một ví dụ của một người giải nghĩa những giấc mơ. Cả hai đều là sự mặc khải từ Đức Chúa Trời. Cách thông thường Đức Chúa Trời phán với con người ngày nay không phải là khái tượng và những giấc mơ nữa, nhưng Ngài vẫn có quyền năng để thực hiện cả hai.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 13:1-5

<sup>1</sup>" Nếu giữa người có nổi lên một tiên tri hay là một kẻ hay chiêm bao làm cho người một dấu kỳ hoặc phép lạ, <sup>2</sup> nếu dấu kỳ hoặc phép lạ này mà người đã nói với người được ứng nghiệm, và người có nói rằng: Ta hãy đi theo hầu việc các thần khác mà người chẳng hề biết, <sup>3</sup> thì chớ nghe lời của tiên tri hay là kẻ hay chiêm bao ấy, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người thử các người, đặng biết các người có hết lòng hết ý kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người chẳng. <sup>4</sup> Các người phải theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người, kính sợ Ngài, gìn giữ các điều răn Ngài, vâng nghe tiếng phán Ngài, phục sự Ngài và trứu mến Ngài. <sup>5</sup> Nhưng người ta phải giết tiên tri hay là kẻ hay chiêm bao ấy, vì hấn có giục dấy loạn cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, là Đấng đã đem các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chuộc các người khỏi nhà nô lệ, --- đặng xô người ra ngoài con đường của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chỉ cho người đi. Ấy, người sẽ diệt kẻ hung ác khỏi giữa mình là như vậy. "

**13:1** Không phải bất cứ người nào công bố rằng họ đang phán cho Đấng Thánh đều có thể tin cậy. Chúng ta cần phải thử chúng ( Phục 18:20-22; Ma-thi-ơ 7; 24:24; I Giăng 4:1-6; II Phi-e-rơ 3:15-16).

**13:1,3** “tiên tri” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG LỜI TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC

#### I. GIỚI THIỆU

##### A. Những thông điệp mở đầu:

1. Cộng đồng của những người tin Chúa không hoàn đồng ý với nhau về cách giải nghĩa những lời tiên tri. Những lẽ thật khác có thể thiết lập một vị trí chính thống xuyên qua suốt nhiều thế kỷ, nhưng không phải trường hợp này.
2. Có một vài cách định nghĩa tốt những giai đoạn của những lời tiên tri trong Cựu Ước:
  - a. trước thời kỳ hoàng gia:
    - (1) một vài cá nhân được gọi là các tiên tri
      - (a) Áp-ra-ham - Sáng 20:7
      - (b) Môi-se - Dân Số Ký 12:6-8; Phục 18:15; 34:10
      - (c) A-rôn - Xuất 7:1 (người phát ngôn cho Môi-se)
      - (d) Mi-ri-am - Xuất 15:20
      - (e) Mê-đát và Ên-đát- Dân Số Ký 11:24-30
      - (f) Đê-bô-ra - Các quan xét 4:4
      - (g) khuyết danh - Các quan xét 6:7-10
      - (h) Sa-mu-ên - I Sa-mu-ên 3:20
    - (2) những câu chỉ về các tiên tri là một nhóm - Phục 13:1-5; 18:20-22

(3) những nhóm hoặc hội nhóm tiên tri - I Sa-mu-ên 10:5-13; 19:20; I Các Vua 20:35,41; 22:6,10-13; II Các Vua 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1, v.v...

(4) Đấng Mê-si được gọi là tiên tri - Phục 18:15-18

b. những (lời tiên tri) không được ghi chép lại trong thời kỳ hoàng gia (họ đề cập đến vua):

(1) Gát - I Sa-mu-ên 22:5; II Sa-mu-ên 24:11; I Sứ ký 29:29 (2) Nathan - II Sa-mu-ên 7:2; 12:25; I Các Vua 1:22

(3) A-hi-gia - I Các Vua 11:29

(4) Giê-hu - I Các Vua 16:1,7,12

(5) Khuyết danh - I Các Vua 18:4,13; 20:13,22

(6) Ê-li - I Các Vua 18-II Các Vua 2

(7) Mi-chê - I Các Vua 22

(8) Ê-li-sê - II Các Vua 2:9,12-13

c. những tác phẩm tiên tri kinh điển (chúng nhắc đến quốc gia cũng như là vua): Ê-sai-Ma-la-chi (ngoại trừ sách Đa-ni-ên)

## B. Những thuật ngữ trong Kinh Thánh

1. *Ro'eh* = “nhà tiên kiến,” I Sa-mu-ên 9:9. sự nhắc đến này chính nó chỉ ra sự chuyển đổi thành từ *Nabi*. *Ro'eh* là thuật ngữ chung cho “nhìn” Người này hiểu được những con đường và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tham vấn biết chắc ý muốn của Chúa trong một vấn đề.

2. *Hozeh* = “nhà tiên kiến,” II Sa-mu-ên 24:11. Từ này căn bản chính là một từ đồng nghĩa của *Ro'eh*. Nó là một từ hiếm hơn cho “nhìn.” Thẻ ĐỘNG TÍNH TỬ được sử dụng cho hầu hết các tiên tri (ví dụ, “chú ý”).

3. *Nabi* = “tiên tri,” ĐỘNG TỪ cùng gốc Akkadian *Nabu* = “kêu gọi” và từ gốc Ả-rập *Naba'a* = “công bố.” Đây là từ phổ biến nhất trong Cựu Ước để gọi tên một tiên tri. Nó được sử dụng hơn 300 lần. Từ nguyên chính xác thì không xác định được nhưng hiện nay có vẻ đây là lựa chọn tốt nhất. Có lẽ cách hiểu tốt nhất đến từ mô tả của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về sự quan hệ của Môi-se với Pha-ra-ôn thông qua A-rôn (Xuất 4:10-16; 7:1; Phục 5:5). Một tiên tri là một người nói chuyện với dân sự của Ngài cho Đức Chúa Trời (A-môt 3:8; Giê-rê-mi 1:7,17; Ê-xê-chi-ên 3:4.)

4. Cả ba thuật ngữ trên đều được sử dụng cho chức vụ của các tiên tri trong I Sứ ký 29:29; Sa-mu-ên - *Ro'eh*; Na-than *Nabi*’ và Gát - *Hozeh*.

5. Cụm từ, *ish ha - 'elohim*, “Người của Đức Chúa Trời,” cũng là sự gọi tên rộng hơn danh cho một người phát ngôn cho Đức Chúa Trời. Nó được sử dụng 76 lần trong Cựu Ước trong nghĩa của “nhà tiên tri.”

6. Thuật ngữ “tiên tri” trong nguồn gốc tiếng Hy Lạp. Nó đến từ: (1) *pro* = “trước” hoặc “cho” và (2) *phemi* = “nói.”

## II. ĐỊNH NGHĨA CỦA VIỆC TIÊN TRI

A. Thuật ngữ “tiên tri” có một trường ngữ nghĩa rộng trong tiếng Hê-bơ-rơ hơn là trong tiếng Anh. Những sách lịch sử từ Giô-suê xuyên suốt đến Các Vua (ngoại trừ sách Ru-tơ) đều được xếp loại bởi người Do Thái chính là những “sách tiên tri thời kỳ sớm” Cả hai Áp-ra-ham (Sáng 20:7; Thi 105:5) và Môi-se (Phục 18:18) đều được gọi là những tiên tri (cũng như Mi-ri-am, Xuất 15:20). Do vậy, cần phải cẩn thận việc thừa nhận những định nghĩa tiếng Anh!

B. “Thần học tiên tri có thể được định nghĩa cách hợp lệ chính là sự thông hiểu lịch sử vốn chấp nhận chỉ ý nghĩa theo hướng sự quan tâm thiên thượng, mục đích cũng như sự tham dự thiên thượng mà thôi,” *Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 3, trang 896.

C. “Nhà tiên tri không phải là một triết gia, cũng không phải là một nhà thần học hệ thống, nhưng là một nhân vật trung gian giao ước là người chuyển lời của Đức Chúa Trời đến với dân sự của Ngài

với mục đích định hình tương lai của họ qua việc sửa đổi lại hiện tại của họ, theo “Những nhà tiên tri và việc nói tiên tri (Prophets and Prophecy),” *Encyclopedia Judaica* quyển 13 trang 1152.

### III. MỤC ĐÍCH CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Lời tiên tri là cách để Chúa phán với dân sự của Ngài, để cung cấp cho họ sự hướng dẫn trong hệ thống hiện tại của họ và niềm hy vọng vào sự Tể trị của Ngài trên đời sống của họ và những sự kiện trên thế giới. Thông điệp của họ căn bản mang tính tập thể. Nó vốn có mục đích khiển trách, khích lệ đem lại đức tin và sự ăn năn, và bày tỏ cho dân sự của Đức Chúa Trời về chính Ngài và những kế hoạch của Ngài. Chúng giữ dân sự của Đức Chúa Trời trung thành với những giao ước của Đức Chúa Trời. Cũng phải thêm vào rằng thường thì chúng được sử dụng để bày tỏ rõ ràng sự lựa chọn người phát ngôn của Đức Chúa Trời (Phục 13:1-3; 18:20-22). Điều này, được chấp nhận sau cùng, sẽ chỉ đến Đấng Mê-si.
- B. Thông thường, nhà tiên tri lấy sự khủng hoảng lịch sử hoặc thần học của thời điểm của ông và trình bày nó trong một hệ thống lai thế học. Các nhìn lại thế học về lịch sử là độc nhất trong Y-sơ-ra-ên và ý nghĩa về sự lựa chọn thiên thượng và những lời hứa giao ước của nó.
- C. Chức vụ của nhà tiên tri có vẻ để cân bằng (Giê-rê-mi 18:18) và nắm lấy chức vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm như một cách nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời. U-rim and Thu-mim vượt lên thành một thông điệp bằng lời từ người phát ngôn của Đức Chúa Trời. Chức vụ của nhà tiên tri dường như đã trôi qua sau sách Ma-la-chi. Nó không xuất hiện lại cho đến 400 năm sau với Giảng Báp-tít. Không chắc chắn ân tứ “tiên tri” liên hệ như thế nào với Cựu Ước. Những tiên tri trong Tân Ước (Công vụ 11:27-28; 13:1; 14:29,32,37; 15:32; I Cô-rinh-tô 12:10,28-29; Ê-phê-sô 4:11) không phải là những nhà mặc khải của một sự mặc khải mới hoặc của Kinh Thánh, nhưng là những người nói trước hoặc tiên tri về ý định của Đức Chúa Trời trong những trường hợp giao ước.
- D. Sự tiên tri không dành riêng hoặc chủ yếu mang tính chất tiên đoán về bản chất. Tiên đoán là một cách để xác nhận chức vụ và sứ điệp của nó, nhưng cần phải ghi chú rằng “chỉ ít hơn 2% of những lời tiên tri Cựu Ước nói về Đấng Mê-si. Chỉ ít hơn 5% đặc biệt mô tả về Thời Kỳ Giao Ước mới. Chỉ ít hơn 1% nói về những sự kiện sẽ đến.” (theo *How to Read the Bible For All Its Worth*, được viết bởi Fee & Stuart trang 166)
- E. Các nhà tiên tri đại diện cho Đức Chúa Trời trước dân sự, trong khi Các Thầy Tế Lễ đại diện cho dân sự trước mặt Đức Chúa Trời. Đây là một thông điệp chung. Có những sự ngoại lệ như Ha-ba-cúc, người đề cập những câu hỏi với Đức Chúa Trời.
- F. Một lý do khó để hiểu những tiên tri là bởi vì chúng ta không biết cách những sách của họ được cấu trúc như thế nào. Chúng không theo trình tự thời gian. Chúng có vẻ theo chủ đề nhưng không phải luôn là cách như người ta mong đợi. Thường thì không có bối cảnh lịch sử rõ ràng, khung thời gian và phần chia rõ rệt giữa những sấm ngữ (lời tuyên phán). Những sách này thì khó để: (1) đọc qua một lần đọc; (2) hệ thống bởi chủ đề; và (3) xác định lẽ thật trung tâm và ý định tác giả trong mỗi sấm ngữ.

### IV. CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Trong Cựu Ước có vẻ như có một sự tiến triển của khái niệm “(nhà ) tiên tri” và “(sự) tiên tri.” Trong thời kỳ sớm của Y-sơ-ra-ên có một sự phát triển của một hội nhóm của những tiên tri, được lãnh đạo bởi những lãnh đạo mạnh mẽ lời cuốn như Ê-li hoặc Ê-li-sê. Đôi khi cụm từ, “các môn đồ (các con trai-bản KJV) của những tiên tri” được sử dụng để đề cập đến nhóm này (II Các Vua 2). Các tiên tri được mô tả bởi những hình thức của sự xuất thần (I Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18- 24).
- B. Tuy nhiên, giai đoạn này trôi qua nhanh chóng thành những cá nhân nhà tiên tri. Đã có những nhà tiên tri (cả thật và giả) là người được xác định cùng với các vị Vua, và sinh sống trong cung điện (Gát, Na-than). Cũng có những người sinh sống độc lập, đôi lúc hoàn toàn không kết nối với tình trạng xã hội của Y-sơ-ra-ên (A-mốt). Họ bao gồm cả nam giới và phụ nữ (II Các Vua 22:14.)
- C. Các tiên tri mặc khải tương lai tùy thuộc vào hành vi của con người trong thì hiện tại. Mặc khác, tiên tri cũng bày tỏ chương trình chung của Chúa không liên hệ tới sự đáp ứng của con người, ví dụ như chương trình thời tận thế, khá đặc thù cho các tiên tri vùng Trung Cận Đông. Dự đoán sự kiện và gìn giữ giao ước là tiêu điểm của sứ điệp tiên tri ( Fee and Stuart, trang 150). Độc giả và thính giả của sứ điệp tiên tri chủ yếu là toàn thể cộng đồng và dân tộc.



- D. Hầu hết các lời tiên tri được ban phát truyền miệng. Sau đó được ghi chép lại theo chủ đề, thứ tự thời gian, văn tự Trung Cận Đông khó hiểu đối với chúng ta. Bởi bắt đầu bằng sứ điệp truyền miệng chứ không bằng văn xuôi qua giấy bút, chúng ta gặp khó khăn khi đọc từ đầu đến cuối mà không biết bối cảnh lịch sử thời điểm đó.
- E. Các tiên tri sử dụng một vài khuôn mẫu để trình bày sứ điệp:
1. Khung cảnh toà án – Đức Chúa Trời đưa dân sự ra tòa, ví dụ trường hợp li dị của tiên tri Ô-sê tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời từ chối Y-sơ-ra-ên bởi họ không chung thủy với Ngài (Ô-sê 4; Mi-chê 6).
  2. Ca than trong tang lễ. được thấy trong Ê-sai 5 và Ha-ba-cúc 2, bắt đầu bởi thán từ "khốn thay"
  3. Phước hạnh và nguyên rủa theo giao ước được công bố, điều kiện trong giao ước được nhấn mạnh và tương lai được vẽ ra tùy theo hậu quả tương xứng cho sự đáp ứng của Y-sơ-ra-ên (Phục truyền 27-28).
- F. HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI KINH LỜI TIÊN TRI
1. Phát hiện ý định ban đầu của tiên tri, hoặc người sưu tập sách tiên tri, bằng cách nghiên cứu bối cảnh lịch sử và tính cách văn chương, ngữ cảnh của từng sứ điệp. Thông thường bối cảnh chung là Y-sơ-ra-ên bất tín trong giao ước Mô-sê trong một khía cạnh nào đó.
  2. Đọc và giải kinh trọn vẹn một sứ điệp chứ không từng phần. Lập bố cục nội dung, mục lục cho từng sứ điệp và cả cuốn sách. Tìm sự liên hệ với bối cảnh lịch sử ở thời điểm đó.
  3. Giả thiết cách giải kinh theo nghĩa đen, trừ phi một chi tiết trong phân đoạn gợi ý chúng ta dùng nghĩa bóng. Khi đó mới áp dụng nghĩa bóng theo thể văn xuôi.
  4. Phân tích hành động mang tính biểu tượng trong bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Hãy nhớ rằng văn chương Trung Cận Đông khác với văn chương hiện đại và căn chương Tây Phonug.
  5. Cần thận với lời tiên tri dự đoán.
    1. Phải chăng những lời tiên tri hoàn toàn thích ứng cho thời tác giả sống?
    2. Phải chăng những lời tiên tri đã trở nên hiện thực trong Y-sơ-ra-ên?
    3. Phải chăng đây là các sự kiện tương lai?
    4. Phải chăng các tiên tri mang tính đương thời và tương lai?
    5. Cho phép tác giả của Kinh thánh, chứ không phải nhà giải kinh hướng dẫn bạn đến câu trả lời
  6. Những quan tâm đặc biệt:
    1. Những dự đoán có phụ thuộc vào sự hưởng ứng hay không?
    2. Ai là mục tiêu của lời tiên tri và vì sao vậy?
    3. Cả về bối cảnh lịch sử và Kinh thánh, có thể có nhiều khả năng thực hiện lời tiên tri không?
    4. Các tác giả Tân Ước, trong sự thần cảm của Thánh Linh, có thể thấy Đấng Mê-si-a trong nhiều chi tiết của Cựu Ước mà chúng ta không thấy. Họ hiểu được hình bóng học và các chơi chữ. Bởi chúng ta không được thần cảm, tốt nhất để nguyên sự diễn giải cho các tác giả
- G. CÁC TÀI LIỆU HỮU ÍCH
1. *A Guide to Biblical Prophecy* by Carl E. Amending and W. Ward Basque
  2. *How to Read the Bible for All Its Worth* by Gordon Fee and Douglas Stuart
  3. *My Servants the Prophets* by Edward J. Young
  4. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* by D. Brent Sandy
  5. *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, vol. 4, pp. 1067-1078

NJB	“một kẻ hay chiêm bao”
NRSV	“những kẻ hay tiên tri bởi những giấc mơ”
TEV	“những người giải nghĩa giấc mơ”
JPSOA	“những tiên tri giấc mơ”

Từ này là một cấu trúc ghép của ĐỘNG TỪ (BDB 321, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) và DANH TỪ SỐ NHIỀU (BDB 321). Sự tiên tri ( 18:14-15) hoặc nỗ lực để hiểu, biết được hoặc tác động vào ý muốn của vị thần/ các vị thần là phổ biến ở khu vực Cận Đông cổ đại. Có nhiều cách để tiên tri:

1. giấc mơ/thời miên (các trạng thái tâm thần)
2. thăm, que (những công cụ làm ra bởi con người)
3. các đám mây /bão /hạn hán (thời tiết)
4. chim chóc (cách bay hoặc thể loại)
5. những sự kiện của bầu trời (sự di chuyển của các chòm sao, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, v.v...)
6. tình trạng của lá gan cừu (hoặc những con vật hiến tế khác)

**13:1, 2 “dấu kỳ”** Có vẻ như đối với tôi từ “dấu” (BDB 16) trong Kinh Thánh được sử dụng để nói về những điều gì đã được tiên tri trước và sau đó sẽ ứng nghiệm. Từ này được sử dụng theo một vài nghĩa khác nhau trong Phục Truyền:

1. Những phép lạ/tai vạ mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm qua Môi-se tại Ai Cập để ép buộc Pha-ra-ôn phải cho Y-sơ-ra-ên rời đi, 4:34; 6:22; 7:18-19; 11:3; 26:8; 29:2-3; 34:11.
2. Những vật đựng nhỏ vốn chứa đựng những văn bản Kinh Thánh, 6:8; 11:8
  - a. trên cánh tay trái
  - b. ở trước trán
  - c. ở trên phía trước cửa (mày cửa)
3. Những phép lạ/sự tiên tri của những tiên tri giả đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên xa khỏi sự thờ phượng đặc biệt dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 13:1-2.
4. Sự phán xét của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên một Y-sơ-ra-ên bất tuân sẽ thực thi như một lời cảnh báo tương lai dành cho các thế hệ của người Y-sơ-ra-ên, 28:46.

} “phép lạ” “phép lạ” (BDB 65) có vẻ chỉ về một hành động phép lạ được làm trong sự hiện diện của những người chứng kiến. Nó thường được sử dụng theo cụm đôi cùng với “những dấu kỳ.”

**13:2 “dấu kỳ hoặc phép lạ này mà người đã nói với người được ứng nghiệm”** Những phép lạ không ngẫu nhiên đến từ Đức Chúa Trời ( Xuất 7:11,22; Ma-thi-ơ 24:24; II Tê-sa 2:9). Nó cũng đúng với những lời tiên tri chính xác ( 18:22).

Nếu “Nhà Tiên Tri” trong Phục 18:18-19 là hình bóng báo trước về Đấng Mê-si, thì sau đó là nhà tiên tri giả là hình bóng trước về Anti-Christ ( 18:20). Sự “giả dối” bị lộ ra nếu:

1. những lời không xảy ra
2. những lời không đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

} **“Ta hãy đi theo hầu việc các thần khác”** Hai ĐỘNG TỪ này dẫn đến sự chệch hướng dự kiến từ sự thờ phượng đặc biệt dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. “đi theo” - BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY. Đây là lời cảnh báo được lặp lại, 6:14; ;8:19; 11:28; 13:2,6,13; 28:14; 29:18,26
2. “hầu việc” - BDB 712, KB 773, *Hophal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, được sử dụng trong nghĩa THÊ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY. Đây cũng là sự cảnh báo được lặp lại, 5:9; 7:4,16; 8:19; 11:16; 13:2,6,13; 17:3; 28:14,36,64; 29:18,26; 30:17; 31:20.

Cum từ “Ta hãy đi theo hầu việc các thần khác” là lời cảnh báo lặp lại, không chỉ trong Phục Truyền, nhưng cả trong Giê-rê-mi.

} **“các thần khác mà người chẳng hề biết”** Vấn đề ở đây là khả năng thi hành các dấu kỳ, nhưng là sự thờ phượng đặc biệt dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Nhận biết tại 4:35.

**13:3 “chớ nghe lời của tiên tri”** ĐÔNG TỪ này (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỀ CHƯA HOÀN THÀNH) *shema* được lặp lại thường xuyên, vốn có nghĩa “nghe và làm theo như vậy” Hãy xem ghi chú tại 4:1.

✂ **“vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người thử các người”** ĐÔNG TỪ này (BDB 650, KB 702, *Piel* ĐÔNG TÍNH TỪ) bày tỏ lẽ thật Đức Chúa Trời đặt con người trong những hoàn cảnh của sự thử thách hoặc cám dỗ với mục đích để nhận biết và làm vững mạnh đức tin/ sự tin cậy/ sự vâng phục Ngài ( Sáng 22:1-12; Xuất 15:25; 16:4; 20:20; Phục 8:2,16; Các quan xét 2:22; 3:1,4; II Sử ký 32:31). Ngay cả sự hiện diện của các tiên tri giả giữa dân sự là một cách để phân tách những người tin kính thật với những tín đồ bề ngoài. Đức Chúa Trời Ngài sử dụng sự xấu xa cho chính mục đích của Ngài ( Sáng Thế Ký 3)!

✂ **“hết cả tấm lòng và linh hồn của các người (hết lòng hết ý)”** Hãy xem ghi chú tại 4:29. Đây là một ẩn dụ cho sự tập chú hoàn toàn và toàn bộ. Y-sơ-ra-ên được gọi cách lặp đi lặp lại để đến với tình yêu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với sự tập chú hoàn toàn ( 6:5; 7:9; 10:12; 11:1,13,22; 13:3; 19:9; 30:6,16,20).

**13:4** Câu này bao gồm một chuỗi các *Qal* THỀ CHƯA HOÀN THÀNH, vốn nắm vai trò là những sự hướng dẫn cho một sự thờ phượng đặc biệt ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. “đi theo,” BDB 229, KB 246, 8:6
2. “kính sợ,” BDB 431, KB 432
3. “gìn giữ,” BDB 1036, KB 1581, 5:29; 6:2
4. “vâng nghe,” BDB 1033, KB 1570
5. “phục sự,” BDB 712, KB 773
6. “trú mền (gắn chặt),” BDB 179, KB 209 Câu này tương tự với 6:13 và 10:20.

**13:5 “người ta phải giết tiên tri hay là kẻ chiêm bao ấy”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rất quan tâm đến sự ô uế sự thờ phượng Ngài như trong Phục Truyền 12 chỉ ra rõ ràng. Nếu sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trở nên ô uế ở đây, Tân Ước không thể trở thành hiện thực. Đức Chúa Trời quan tâm rằng dân sự của Ngài thực hành sự thờ phượng của họ ở trong cách chính xác mà Ngài đã ra lệnh cho họ ( 4:2; 12:32). Nếu nó không phải là sự thờ phượng thuần khiết, thì hậu quả chính là cái chết, vốn bao gồm những người Ca-na-an và những tiên tri giả trong vòng dân sự Y-sơ-ra-ên ( 13:5,9,15). Sự cám dỗ là có thể dành cho những cá nhân trong cộng đồng ( 4:19; 13:5,10).

✂ **“chuộc”** Từ này (BDB 804, KB 911, *Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ) là một cách mô tả một giá đã được trả để giải phóng một người nào đó ra khỏi cảnh nô lệ hay tù đày. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 7:8.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 13:6-11

**6** “ Khi anh em một mẹ với người, hay là con trai, con gái người, vợ yêu mền, hoặc bạn hữu thiết người, giục người cách mật nhiệm, mà rằng: Ta hãy đi hầu việc các thần khác, mà người hay tổ phụ người không biết, <sup>7</sup> tức là các thần của những dân tộc ở chung quanh, hoặc gần hay xa người, từ đầu nầy của đất cho đến đầu kia, <sup>8</sup> thì chớ chịu theo nó, chớ khứng nghe nó. Mắt người đừng thương tiếc nó; chớ động lòng xót xa mà che chở cho nó. <sup>9</sup> Người hẳn phải giết nó, tay mình phải tra vào mình nó trước hết đặng giết đi; rồi kể sau tay của cả dân sự. <sup>10</sup> Phải ném đá cho nó chết, vì nó tìm thế giục người xa cách Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, là Đấng đã đem người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức khỏi nhà nô lệ. <sup>11</sup> Vậy, cả Y-sơ-ra-ên sẽ hay điều đó và sợ hãi, chẳng còn làm một việc ác đường ấy tại giữa người nữa.”

**13:6, 8 “Khi anh em ...con trai, con gái người, vợ yêu mền... bạn hữu thiết người”** Kẻ là một người là người cực kỳ gần gũi yêu thương, người thân, hoặc bạn bè nỗ lực để cám dỗ người để thờ phượng thần khác, một người Y-sơ-ra-ên trung tín phải nộp họ để bị ném đá bởi cộng đồng ( trong câu 9-10). Đây là tâm điểm của trách nhiệm giao ước của một cá nhân. Đây là thông điệp then chốt trong bối cảnh cấu trúc xã hội nơi mà gia đình là điều quan trọng nhất ( Ma-thi-ơ 10:34-39; Lu-ca 14:25-27).

**13:6 “Ta hãy đi hầu việc các thần khác,”** Những ĐỘNG TỪ này đều là *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY:

1. “đi” - BDB 229, KB 246
2. “hầu việc” - BDB 712, KB 773

Chúng có chức năng là những phép ẩn dụ cho sự thờ phượng.

**13:7 “các thần của những dân tộc ở chung quanh, hoặc gần hay xa người, từ đầu này của đất cho đến đầu kia”** Câu này có một vài cách giải nghĩa hợp lý. Cụm từ có thể chỉ về:

1. Những thần Ca-na-an, cho dù ở phía bắc hoặc phía (“đất” = “vùng đất”)
2. những thần ngoại bang, dù cho ở tại Mê-sô-bô-ta-mi hoặc Palestine (“hoặc gần hay xa người”)
3. sự cảnh báo đặc biệt chống lại sự thờ phượng những thần trăng sao tinh tú, cho dù là mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, các hành tinh, các chòm sao, sao chổi, sao băng, sao mới xuất hiện, nhật, nguyệt thực, v.v... (những vật mọc lên và được thiết lập)

**13:8** Câu này liệt kê (một chuỗi của những *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH phủ định) làm thế nào một người đi theo ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phải xử với một người đi theo (những) thần ngoại bang:

1. thì chớ chịu theo nó - BDB 2, KB 3
2. chớ khứng nghe nó - BDB 1033, KB 1570
3. mắt người đừng thương tiếc nó - BDB 299, KB 298, 7:2,16
4. chớ động lòng xót xa mà che chở cho nó - BDB 328, KB 328, I Sa-mu-ên 15:3
5. chớ... che chở cho nó - BDB 491, KB 487 (nghĩa đen “bao bọc”)

Một giải nghĩa ngắn ở điểm #3. Thể văn này là một thành ngữ “đừng để những cảm xúc con người của người ảnh hưởng đến những hành động được đòi hỏi bởi Đức Chúa Trời.” Nó được tìm thấy vài lần trong Phục Truyền 7:16; 13:8; 19:13,21; 25:12 ( NIDOTTE, quyển 2, trang 50).

**13:9 “Người hăn phải giết nó, tay mình phải tra vào mình nó trước hết đặng giết đi”** Bản Kinh thánh MT (Masoretic Text) không có từ “ném đá” trong câu này, mặc dù chắc chắn đó là phương cách xử tử được nói (câu 10). Bản MT có một *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của ĐỘNG TỪ này “giết” BDB 246, KB 255 (“hăn phải giết”), vốn bày tỏ sự nhấn mạnh.

Ai là người chứng kiến người đó sẽ phải là người ném viên đá đầu tiên ( câu 10; 17:7).

Nếu một người nói dối về sự cáo buộc đó, sau đó anh ta sẽ phạm tội giết người có suy tính ( 5:20).

**13:10 “Phải ném đá cho nó chết”** Bản MT có ĐỘNG TỪ này cho “ném đá cho đến chết” (BDB 709, KB 768, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) và từ dùng cho “ném đá” (BDB 6), vốn có nghĩa đen là “ném anh ta với những viên đá.” Ném đá là hình phạt tử hình cần được thực hiện bởi cả cộng đồng giao ước ( Lê-vi Ký 20:2,27; 24:13-23; Dân Số Ký 15:32-36; Phục 13:10; 21:21; Giô-suê 7:22-26).

Đây không phải là một từ thường xuyên được sử dụng cho hình phạt tử hình theo luật pháp. Từ này dùng cho trường hợp khẩn cấp của sự ngay lập tức, sự thanh trừng then chốt cái xấu ( Xuất 32:27; Lê-vi Ký 20:15,16; Dân Số Ký 25:5; Phục 13:10; Ê-xê-chi-ên 9:6).

Người bị ném đá bởi cộng đồng cho các tội:

1. thờ hình tượng, Lê-vi Ký 20:2-5 (also possibly 6-8); Phục 13:1-5; 17:2-7
2. phi báng Đức Chúa Trời, Lê-vi Ký 24:10-23; I Các Vua 11-14; Lu-ca 4:29; Công Vụ 7:58 (cả hai đều phản ánh Xuất 22:28); cũng được ghi chú trong Giảng 8:59; 10:31; 11:8
3. chối bỏ thẩm quyền của cha mẹ, Phục 21:18-21 (và có lẽ Lê-vi Ký 20: 9)
4. Sự không chung thủy trong hôn nhân, Phục 22:22,23-27 (và có lẽ Lê-vi Ký 20:10-16)
5. Sự phản nghịch (sự không vâng lời được biết đối với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), Giô-suê 7

3

NASB  
NKJV  
NRSV

“cám dỗ”

“dụ dỗ”

“cố gắng xoay người đi”

TEV

“cố gắng dẫn người đi”

NJB

“cố gắng làm người chệch hướng”

Đây là ĐỘNG TỪ (BDB 623, KB 673, *Hiphil* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) có nghĩa là “bắt phải theo” Những tiên tri giả (câu 1) và những người nói như là thành viên giao ước (câu 6) đã cố gắng buộc những người tin cậy xa rời khỏi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA xoay sang những thần quốc gia khác. ĐỘNG TỪ này ( những câu 5,12; 4:19; II Các Vua 17:21) song hành với “dụ dỗ” (BDB 694, KB 749, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) trong câu 6.

Thật thú vị rằng cùng một gốc từ Hê-bơ-ơ được sử dụng để diễn tả sự lưu đày (sự tản lạc).

**13:11** Có nhiều điều hơn liên quan đến hình phạt hơn khía cạnh trừng phạt dành cho một các nhân. Những người phạm tội phản nghịch phải chịu đau khổ với những hậu quả (ví dụ, ném đá), nhưng đó là một sự ngăn chặn dành cho những ai chứng kiến hoặc nghe về hình phạt đó ( 17:12-13; 19:15-21; 21:18-21; Rô-ma 13:4).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 13:12-18**

<sup>12</sup>” Khi người nghe nói về một trong các thành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người ở, <sup>13</sup> rằng có những kẻ gian tà từ giữa mình ra dụ dỗ dân thành đó, mà rằng: Ta hãy đi hầu việc các thần khác mà các người không hề biết, <sup>14</sup> thì phải tìm kiếm, hỏi thăm, và tra xét cho kỹ càng. Bằng điều người ta nói là chân thật và quả quyết, và nếu một điều gồm ghiếc như vậy đã phạm giữa người, <sup>15</sup> thì người phải giết dân sự thành ấy bằng lưỡi gươm; phải dùng gươm tận diệt nó và mọi vật ở trong, luôn với súc vật của nó. <sup>16</sup> Đoạn, người phải gom hết thảy của cướp lại giữa phố thành, rồi đốt hết thành và hết mọi của cướp nó trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, thì nó sẽ thành một đồng hư tàn mãi mãi, không hề được cất lại nữa. <sup>17-18</sup> Phạm vật đáng tận diệt, chẳng nên còn gì dính lại mảy may nơi tay người, để khi người vâng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, gìn giữ các điều răn Ngài, mà ta truyền cho người ngày nay, và làm điều ngay thẳng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, thì Đức Giê-hô-va người con giận Ngài, làm ơn cho, và đoái thương người, khiến cho người thêm nhiều lên, y như Ngài đã thề cùng tổ phụ người.”

**13:13** “kẻ gian tà (kẻ vô dụng)” Theo nghĩa đen từ này có nghĩa là “các con của *Bê-li-an*” (BDB 116). Từ Hê-bơ-ơ có nghĩa là “kẻ vô dụng” hoặc “không có ích cho bất cứ điều gì” ( Các quan xét 19:22; 20:13; I Sa-mu-ên 10:27; 30:22; I Các Vua 21:10,13; Châm 6:12). Vào thời kỳ Tân Ước, *Bê-li-an* trở thành một từ đồng nghĩa với Sa-tan ( II Cô-rinh-tô 6:15).

⌋ “**dụ dỗ**” Hãy xem ghi chú tại câu 10.

**13:14** Câu này liệt kê ra một danh sách liệt kê ra một chuỗi những ĐỘNG TỪ của sự điều tra (tất cả là THÊ HOÀN THÀNH *Qal*):

- 1. NASB “tra xét”
  - NKJV, NRSV “tham vấn”
  - NJB “tìm kiếm bằng chứng”
- ĐỘNG TỪ này là BDB 205, KB 233, có nghĩa là “điều tra,” 17:4,9; 19:18

- 2. NASB, NKJV “tìm kiếm”
  - NJB “kiểm tra nó”
- ĐỘNG TỪ này là BDB 350, KB 347, nghĩa là “tìm kiếm,” Thi 139:1,23; Pro. 18:17

- 3. NASB “tham vấn kỹ càng”
- NKJV “xét hỏi cách mẫn cán”
- NJB “tham vấn cách kỹ càng nhất”

Đây là một sự kết hợp của BDB 981, KB 1371, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, “xét hỏi” and BDB 405, KB 408, *Hiphil* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐỐI, “toàn diện,” 17:4; 19:8

**13:15** “**phải ... tận diệt nó**” Cụm từ này có nghĩa là “hủy diệt hoàn toàn” (BDB 355) có nghĩa là “được biệt

riêng ra cho Đức Chúa Trời cho sự hủy diệt.” Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 3:6. Hậu quả tương đương được ban ra cho những người ngoại đạo phải đau khổ cũng dành cho người Do Thái nếu như họ thờ phượng các thần khác.

### 13:16

**NASB** “nó sẽ thành một đồng hư tàn mãi mãi”

**NKJV** “nó sẽ trở thành một đồng mãi mãi”

**NRSV** “Nó sẽ duy trì là một đồng đổ nát mãi mãi”

**TEV** “nó phải bị bỏ mặc đổ nát mãi mãi”

**NJB** “ngươi phải để nó dưới sự rửa sả của sự hủy diệt”

Cụm từ cuối cùng là một câu thành ngữ rửa sả Hê-bơ-rơ (ví dụ, Giô-suê 8:28; Giê-rê-mi 49:2). Đối với khái niệm “mãi mãi” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:40.

**13:16 “vật đáng tận diệt”** Đây là ý tưởng Hê-bơ-rơ của những chiến lợi phẩm của “cuộc thánh chiến” được biệt riêng dành cho Ngài (BDB 356). Điều này lần đầu tiên được thực hiện (và câu 17) xảy ra trong Giô-suê 6-7!

**13:17-18** Chú ý dòng chảy liền mạch của ý tưởng:

1. Những kẻ thờ hình tượng xứng đáng với sự phán xét (ví dụ, cuộc thánh chiến, tất cả những vật chi thờ, chết), từ câu 12-15.
2. Tất cả những chiến lợi phẩm của thành được dâng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là một của lễ thiêu toàn thể (ví dụ, trong cuộc thánh chiến tất cả những vật giá trị được dâng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), trong câu 16-17
3. Sự vâng lời đem lại những phước hạnh trong câu 17-18:
  - a. Đức Giê-hô-va nguôi cơn giận Ngài
  - b. làm ơn cho, 30:3
  - c. đoái thương ngươi, (có cùng nguồn gốc với từ trên, BDB 933)
  - d. khiến cho ngươi thêm nhiều lên
  - e. y như Ngài đã thề cùng tổ phụ ngươi.
4. phước hạnh là điều kiện dành cho sự vâng lời, câu 18

**⌋ “làm điều đúng trong mắt của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi”** Cụm từ này xảy ra vài lần trong Phục Truyền ( 6:18; 12:28; 13:18). Nó cũng được dùng trong I Các Vua 11:38; 14:8; 15:11; 22:43; II Các Vua 12:3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là chuẩn mực của công lý và sự công chính bởi tất cả những gì được phán xét. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Sự công chính tại 1:16.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao đoạn này lại rất nghiêm khắc trong việc xử lý với những người khác đức tin?
2. Có thể sử dụng đoạn Kinh Thánh này trở thành nền tảng trong việc đối xử với những người khác đức tin trong thời đại của chúng ta hay không?
3. Làm thế nào để bạn nhận ra một người phát ngôn sai trật của Chúa? Còn về các phép lạ thì sao?
4. Hãy giải thích khái niệm tập thể trong Cựu Ước (ví dụ: một người ảnh hưởng đến mọi người), vốn sẽ trả lời được rất nhiều câu hỏi về Tân Ước.

# PHỤC TRUYỀN 14

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Than Khóc Không Thích Hợp	Nếp Sống của Một Người Thánh	Một Sự Ngăn Cấm Sự Than Khóc	Nghịch Lại Một Hành Động Thờ Hình Tượng
14:1-2	14:1-2	14:1-2	14:1-2
Thịt Tinh Sạch và Ô Uế		Những Động Vật Tinh Sạch Và Ô Uế	Những Động Vật Tinh Sạch Và Ô Uế
14:3-8	14:3-8	14:3-8	14:3-8
14:9-10	14:9-10	14:9-10	14:9-10
14:11-20	14:11-20	14:11-18 14:19-20	14:11-20
14:21	14:21a 14:21b	14:21a 14:21b	14:21a 14:21b
Những Nguyên Tắc Dâng Phần Mươi		Luật Dâng Phần Mươi	Sự Dâng Phần Mươi Hàng Năm
14:22-27	14:22-27	14:22-26 14:27-29	14:22-23 14:24-27 Sự Dâng Phần Mươi Năm Thứ Ba
14:28-29	14:28-29		14:28-29

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối chiếu theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...



## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH DÀNH CHO 14:1-16:17

- A. Phục Truyền 14:1-2 là một sự khẳng định mở đầu rằng Y-sơ-ra-ên, là dân tộc độc nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA's (Xuất 19:5-6), phải sống giống như vậy!
- B. Phục Truyền 14:3-16:17 là một sự tóm lại một vài yêu cầu giao ước chính dành cho dân sự của Đức Chúa Trời được thiết lập trước đó trong Xuất Ê-díp-tô Ký và Dân Số Ký
1. Thức ăn tinh sạch và không tinh sạch trong 14:1-21 được tìm thấy đầu tiên trong Lê-vi Ký 11:1-23.
  2. Sự dâng phần mười trong 14:22-29 được ban cho trước tiên trong Dân Số Ký 18:21-29.
  3. Sự hủy bỏ món nợ trong 15:1-11 được ban cho đầu tiên trong Lê-vi Ký 28:8-38.
  4. Sự giải phóng những nô lệ người Hê-bơ-rơ trong 15:12-18 được ban cho đầu tiên trong Lê-vi Ký 25:38-55.
  5. Sự chuộc lại con đầu lòng trong 15:19-23 được ban cho đầu tiên trong Xuất 13:1-16.
  6. Ba dịp lễ hành hương hàng năm trong 16:1-17 được ban cho đầu tiên trong in Lê-vi Ký 23:4-8 và cả trong Dân Số Ký 28:16-29:40.
- (Đề Cương này được rút ra từ quyển *Old Testament Theology*, được viết bởi Paul R. House, trang 184)
7. Tính chất tóm lại của sách Phục Truyền có thể được nhìn thấy khá rõ ràng. thường những luật lệ được điều chỉnh một cách nhẹ nhàng cho hệ thống mới  
Cần phải đề cập một lần nữa rằng người hiện đại không biết cấu trúc của các sách Cựu Ước được chỉ như thế nào, khi nào, và tại sao như vậy.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 14:1-2

<sup>1</sup>" Các ngươi là con cái Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi. Chớ vì người chết mà cắt thịt mình, hoặc cạo giữa hai con mắt; <sup>2</sup> bởi ngươi là một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi: Đức Giê-hô-va đã chọn ngươi trong các dân trên mặt đất, hầu ngươi làm dân riêng của Ngài."

**14:1 "Các ngươi là con cái Giê-hô-va"** Chú ý những sự ẩn dụ gia đình được sử dụng như là những thuật ngữ của giao ước ( 1:31; 8:5; 32:5). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Đức Chúa Trời là Cha ở 8:5. Chú ý ba danh vị đặc biệt được sử dụng cho người Y-sơ-ra-ên được sử dụng trong các câu 1-2.

**}** **"cắt thịt mình"** ĐỘNG TỪ này là BDB 151, KB 177, *Hithpoel* (một biến thể hiếm của từ gốc *Hithpael*) THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và thường được tìm thấy trong những từ "rạch" hoặc "cắt". Đây là một tập quán thờ phượng ngoại đạo (bao gồm cả việc gây chú ý của các thần hoặc gây nên cảm xúc than khóc cho người chết, Lê-vi Ký 19:28; 21:5; I Các Vua 18:28; Giê-rê-mi 16:6; 41:5; 47:5; 48:37).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG TỤC LỆ THAN KHÓC

Người Y-sơ-ra-ên bày tỏ sự đau buồn cho sự chết của một người yêu thương và sự thống hối cá nhân, cũng như là những tội ác cộng đồng, trong một vài cách:

1. xé áo ngoài, Sáng 37:29,34; 44:13; Các quan xét 11:35; II Sa-mu-ên 1:11; 3:31; I Các Vua 21:27; Gióp 1:20
2. rắc tro bụi lên người, Sáng 37:34; II Sa-mu-ên 3:31; I Các Vua 21:27; Giê-rê-mi 48:37
3. cởi bỏ giày dép, II Sa-mu-ên 15:30; Ê-sai 20:3
4. đặt tay lên đầu, II Sa-mu-ên 13:19; Giê-rê-mi 2:37
5. rắc bụi đất lên đầu, Giô-suê 7:6; I Sa-mu-ên 4:12; Nê-hê-mi 9:1

6. ngồi dưới đất, Ca Thương 2:10; Ê-xê-chi-ên 26:16 (nằm dưới đất, II Sa-mu-ên 12:16) Ê-sai 47:1
7. đâm ngực, I Sa-mu-ên 25:1; II Sa-mu-ên 11:26; Na-hum 2:7
8. tự cắt cơ thể, Phục 14:1; Giê-rê-mi 16:6; 48:37
9. kiêng ăn, II Sa-mu-ên 1:12; 12:21; I Các Vua 21:27; I Sứ ký 10:12
10. hát tụng bài ca thương, II Sa-mu-ên 1:17; 3:31; II Sứ ký 35:25
11. để đầu trơn (bút tóc ra hoặc cạo đầu), Giê-rê-mi 48:37
12. cắt ngắn râu, Giê-rê-mi 48:37
13. che đầu hoặc che mặt, II Sa-mu-ên 15:30; 19:4

**} “cạo giữa hai con mắt (phía trước đầu)”** Điều này (“làm cho trơn, BDB 901) cũng chỉ đến tập tục than khóc của những quốc gia xung quanh ( Giê-rê-mi 16:6; 41:5; Ê-xê-chi-ên 27:31; 44:20). Trái ngược lại (1) Các thầy tế lễ của người Y-sơ-ra-ên hoàn toàn không được cạo tóc ( Lê-vi Ký 21:5) và (2) Người Y-sơ-ra-ên thậm chí không được cho phép cắt tia râu của họ ( Lê-vi Ký 19:27). Rất nhiều luật lệ của Y-sơ-ra-ên được ban ra hoàn toàn đối ngược với tập quán thông thường của người Ca-na-an!

**} “vì người chết”** Những tập tục than khóc được mô tả này thì liên quan với:

1. sự thờ phượng tổ tiên
2. sự thờ phượng thần *Ba-anh* (vị thần tự nhiên chết đi [mùa đông] và sống lại [mùa xuân] của hệ thống thần Ca-na-an)

**14:2 “dân thánh”** Ý tưởng này liên hệ với nhiệm vụ của Y-sơ-ra-ên phải bày tỏ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Đấng Mê-si của Ngài (Xuất 19:6; Phục 7:6). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:6.

Phục Truyền tiêu biểu cho ngôn ngữ giao ước, vốn mô tả Đấng Thánh là “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” và dân sự “thánh,” “được chọn,” “của quý đặc biệt” của Ngài ( 4:20; 7:6; 14:2; 26:18; 28:9; 29:12-13). Cũng hãy chú ý Giê-rê-mi ( 7:23; 11:4; 13:11; 24:7; 30:22; 31:1,33; 32:38). Và tất nhiên, ai có thể quên Ô-sê 1-3!

**} “Đức Giê-hô-va đã chọn người”** ĐỘNG TỪ này (BDB 103, KB 119, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) được sử dụng cho sự lựa chọn toàn của Đức Chúa Trời dành cho:

1. Áp-ra-ham, Sáng 12:1; Nê-hê-mi 9:7
2. Các Tổ Phụ, Phục 7:8
3. dòng dõi của các tổ phụ, Phục 4:37; 10:15
4. Y-sơ-ra-ên, Phục 7:6; Thi 135:4; Ê-sai 44:1,8; 43:10; Ê-xê-chi-ên 20:5
5. Giê-su-run (Y-sơ-ra-ên hoặc Giê-ru-sa-lem), Phục 32:15; 33:5,26; Ê-sai 44:2
6. một vị vua Y-sơ-ra-ên (một biểu tượng của sự cai trị của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vốn báo trước về Đa-vít (I Sa-mu-ên 10:24; 16:8,9,10; II Sa-mu-ên 6:21], người sẽ trở thành một hình bóng Đấng Mê-si), Phục 17:14-17
7. nơi dành cho danh Ngài ngự (ví dụ, đền thờ trung tâm), Phục 12:5,11,14,18,21,26; 14:24; 15:20; 16:2,6,7,11,15; 17:8,10; 31:11

Sự toàn năng và mục đích của Đức Chúa Trời bày tỏ trong sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của Ngài. “Sự lựa chọn” trong Cựu Ước luôn liên hệ với chức vụ, không nhất thiết liên hệ với sự cứu rỗi, như trong Tân Ước. Y-sơ-ra-ên đã phải bày tỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho toàn thể thế giới, để rồi cả thế giới có thể được cứu ( Sáng 12:3; được trích lại trong Công Vụ 3:25 and Ga-la-ti 3:8). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:6.

**} “trong các dân trên mặt đất, hầu người làm dân riêng của Ngài”** Từ “riêng của (vật sở hữu)” (BDB 688) có nghĩa là một của quý đặc biệt ( Xuất 19:5; Thi 135:4; Ma-la-chi 3:17). Cụm từ này được lặp lại theo chu kỳ trong sách Phục Truyền ( 7:6; 14:2; 26:18). Hãy đọc Chủ đề Đặc biệt: Những thiên kiến thuần túy Tin Lành của Bob tại 4:6! Từ đây, bạn sẽ nhìn thấy cách nhìn của tôi về sự giải nghĩa Kinh Thánh! nó bày tỏ trung tâm thống nhất của thế giới quan của tôi (ví dụ, Đại Mạng Lệnh)!

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 14:3-8

<sup>3</sup>" Chớ ăn một vật chi gồm giết. <sup>4</sup> Này những loài vật mà các người được ăn: con bò, con trù, con dê cái, <sup>5</sup> con nai đực, con hoàng dương, con hươu đực, con dê rừng, con sơn dương, con bò rừng, và con linh dương. <sup>6</sup> Trong những loài vật, các người được ăn con nào có móng rẽ ra, chân chia hai và nhoi, <sup>7</sup> nhưng trong những con vật nhoi, có móng rẽ ra và chân chia hai, này là những con các người không phép ăn: con lạc đà, con thỏ rừng, và con thỏ nhà, chúng nó nhoi; song không có móng rẽ ra: phải cầm nó là không sạch cho các người. <sup>8</sup> Con heo cũng vậy; vì nó có móng rẽ ra, nhưng không nhoi: phải cầm nó là không sạch cho các người. Chớ ăn thịt của các con vật đó, và chớ đụng đến xác chết chúng nó. "

**14:3 “(người) chớ ăn”** Các câu từ 3-21 phản ánh Lê Vi Ký 11:2-19, nhưng với những sự khác biệt. Những khác biệt như thế này vốn rất khó để giải thích đã gây nên những sự suy xét nghiên cứu từ rất nhiều nguồn khác nhau. Hãy chú ý ĐỒNG TỪ này “ăn” (BDB 37, KB 46) được sử dụng 17 lần trong đoạn này. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC LUẬT VỀ THỨC ĂN TRONG CỰU ƯỚC

Theo ý kiến của tôi những luật về thức ăn (Lê Vi Ký 11; Phục Truyền 14) không được ban ra nguyên thủy cho những mục đích sức khỏe và vệ sinh (theo Maimonides, *Guide* 3:48; *Kiddushin* 49b [Talmudic tractate]), nhưng bởi những mục đích thần học. Người Y-sơ-ra-ên thì không có liên hệ với người Ca-na-an ( Ê-sai 65:4; 66:3,17). Nhiều luật được ban ra cho Y-sơ-ra-ên thông qua Môi-se liên quan đến việc ăn uống, tổ chức xã hội, và tập quán thờ phượng (ví dụ, Xuất 8:23).

Trong câu hỏi “những luật về thức ăn này có ngăn cấm hoặc thậm chí có ích cho những tín hữu trong Tân Ước,” Tôi sẽ nói Không! Không! Không! Đây là những lý do của tôi:

1. Chúa Giê-xu chối bỏ việc những luật về thức ăn này là một cách để tiếp cận và làm hài lòng Đức Chúa Trời, Mác 7:14-23 (chắc chắn những giải nghĩa mang tính biên tập bởi cả Phi-e-rơ hoặc Giảng Mác trong câu 19 thì đều được thần cảm ngang nhau)
2. Câu hỏi đầu tiên chính là vấn đề của Giáo Hội Nghị Giê-ru-sa-lem trong sách Công Vụ đoạn 15, ở chỗ nào mà được quyết định rằng người ngoại không cần phải vâng theo những luật tôn giáo Cựu Ước ( đặc biệt trong câu 19). Câu 20 không phải là một luật về thức ăn, nhưng là một sự nhượng bộ yêu thương với những tín hữu người Do Thái vốn có thể ở trong những hội thánh người ngoại.
3. Kinh nghiệm của Phi-e-rơ trong Công Vụ 10 tại thành Gióp-bê cũng không phải nói về thức ăn, nhưng về sự chấp nhận tất cả mọi người, mà Thánh Linh sử dụng sự không còn thích hợp nữa của luật về thức ăn như là một biểu tượng để dạy Phi-e-rơ!
4. Cuộc thảo luận của Phao-lô về những tín hữu “yếu đuối” và “mạnh mẽ” lưu ý chúng ta không được ép buộc sự giải nghĩa cá nhân của chúng ta, đặc biệt về những luật lệ Cựu Ước, lên tất cả những tín đồ khác ( Rô-ma 14:1-15:13; I Cô-rinh-tô 8-10).
5. Sự cảnh cáo của Phao-lô về chủ nghĩa luật pháp và chủ nghĩa xét đoán trong mối liên hệ với những giáo sư giả Trí Huệ Giáo được chép trong Cô-lô-se 2:16-23 phải trở thành một sự cảnh báo đối với tất cả tín đồ trong mọi thời đại!

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG SỰ ĐÁNG KINH TỎM

“Những sự đáng kinh tởm” (BDB 1072) có thể chỉ về một vài điều:

1. những điều liên hệ với những người Ai Cập:
  - a. họ kinh tởm việc ăn chung với người Hê-bơ-rơ, Sáng 43:32
  - b. họ kinh tởm những người chẵn chiên, Sáng 46:34
  - c. họ ghê tởm những của lễ của người Hê-bơ-rơ, Xuất 8:26

2. những điều liên hệ với những cảm giác của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với những hành động của Y-sơ-ra-ên:
  - a. thức ăn không tinh sạch, Phục 14:2
  - b. hình tượng, Phục 7:25; 18:9,12; 27:15
  - c. những sự thông linh ngoại đạo, Phục 18:9,12
  - d. đốt con cho thần *Mo-lóc*, Lê-vi Ký 18:21-22; 20:2-5; Phục 12:31; 18:9,12; II Các Vua 16:3; 17:17-18; 21:6; Giê-rê-mi 32:35
  - e. Sự thờ hình tượng Ca-na-an, Phục 13:14; 17:4; 20:17-18; 32:16; Ê-sai 44:19; Giê-rê-mi 16:18; Ê-xê-chi-ên 5:11; 6:9; 11:18,21; 14:6; 16:50; 18:12
  - f. dâng sinh tế những con vật tì vết, Phục 17:1 ( 15:19-23; Ma-la-chi 1:12-13)
  - g. dâng sinh tế cho các thần tượng, Giê-rê-mi 44:4-5
  - h. cưới một người đàn bà mà người đã ly dị trước đó, Phục 24:2
  - i. phụ nữ mặc quần áo của nam giới (có lẽ là một sự thờ phượng của người Ca-na-an), Phục 22:5
  - j. tiền từ một hành động mại dâm tôn giáo (sự thờ phượng của người Ca-na-an), Phục 23:18
  - k. sự thờ hình tượng của người Y-sơ-ra-ên, Giê-rê-mi 2:7
  - l. quan hệ tình dục đồng tính (có lẽ là một sự thờ phượng của người Ca-na-an), Lê-vi Ký 18:22; 20:13
  - m. sử dụng trái cân dối, Phục 25:15-16; Châm 11:1; 20:23
  - n. vi phạm những luật về thức ăn ((có lẽ là một sự thờ phượng của người Ca-na-an), Phục 14:3
3. Những ví dụ trong Văn Thơ Khôn Ngoan:
  - a. Châm 3:32; 6:16-19; 11:1,20; 12:22; 15:8,9,26; 16:5; 17:15; 20:10,23; 21:27; 28:9
  - b. Thi Thiên 88:8
  - c. Gióp 30:10
4. Có một cụm từ lai thể học lặp lại định kỳ “sự hoang tàn gớm ghiếc” được sử dụng trong Đa-ni-ên ( 9:27; 11:31; 12:11). Có vẻ nó chỉ đến ba điều khác nhau (lời tiên tri ứng nghiệm nhiều lần):
  - a. Antiochus IV Epiphanes trong thời kỳ yên lặng Maccabean ( I Mác-ca-bê 1:54,59; II Mác-ca-bê 6:1-2)
  - b. Một vị tướng người La Mã (sau trở thành Hoàng đế), Titus, người đã cướp phá Giê-ru-sa-lem và hủy diệt đền thờ vào năm 70 sc( Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:14; Lu-ca 21:20)
 Một lãnh đạo thế gian thời kỳ cuối rốt được gọi là “người tội ác” ( II Tê-sa 2:3-4) hoặc là “Antichrist (Kẻ địch lại Đấng Christ)” ( I Giăng 2:18; 4:3; Khải Huyền 13)

} “**vật chi gớm ghiếc**” Cụm từ này (BDB 481 GHÉP 1072) cũng được sử dụng trong Phục 14:3.

**14:5 “con nai đực, con hoàng dương, con hươu đực”** Đây là những động vật hoang dã không tinh sạch cho dâng sinh tế nhưng tinh sạch cho thức ăn. Chúng không được đề cập đến trong Lê Vi Ký 11 bởi vì chúng không được biết đến tại Ai Cập. Một vài loài thì khó để người hiện đại có thể định danh chúng cách cụ thể.

**14:6 “những con vật nhoi có móng rẽ ra và chân chia hai”** Đây là hướng dẫn nền tảng cho những con vật sinh tế tinh sạch được chép trong Lê-vi Ký 11:4.

Cụm từ, “móng rẽ,” là một thể tăng cường (ĐỘNG TỪ BDB 828, KB 969, *Hiphil* TỪ GHÉP THỂ HOÀN THÀNH VỚI DANH TỪ BDB 828) cũng như trong câu 7. Sự mô tả này được kết hợp với một thể tăng cường thứ hai (ĐỘNG TỪ BDB 1042, KB 1608, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG GHÉP VỚI DANH TỪ (BDB 1043). Sự mô tả này rất cụ thể và rõ ràng.

} Một vài con vật vốn chỉ hoàn tất một phần hai yêu cầu trên (“có móng rẽ” và “nhai lại”) được liệt kê trong câu 7.

14:7	
NASB	“thỏ rừng”
NKJV	“con thỏ đá”
NRSV, TEV	“con lửng đá”
LXX, NJB,	
NJB, NIV	“con thỏ”
JPSOA	“con đa man”

Con vật này (BDB 1050 I) rõ ràng được đề cập đến trong 11:6 như là “một con thỏ rừng” hoặc “thỏ.” Rất đáng ngạc nhiên rằng Lê Vi Ký nói (như ở đây được cho là) rằng con thỏ nhai lại. Đây là một chỗ tốt để nhắc nhở độc giả rằng người Y-sơ-ra-ên đặt cơ sở kiến thức về tự nhiên dựa trên những đặc điểm quan sát (ngôn ngữ hiện tượng). Những con thỏ, về thực chất, không nhai lại, nhưng sự cử động của mũi của chúng quá nhanh khiến nhìn thấy tưởng như chúng nhai lại. Đây không phải là một sai lầm của Kinh Thánh, nhưng là sự ghi nhận thể giới cổ đại của người nguyên thủy, trong sự ghi nhận của những người cổ xưa dựa trên kiến thức và sự quan sát của họ, chứ không phải với thể giới hiện đại và những phương pháp khoa học.

**14:18 “Con heo”** Lợn bị ăn và sử dụng trong các nghi lễ hiến tế bởi người Ca-na-an (Ê-sai 65:4; 66:3,17). Chúng được xếp loại là không tinh sạch bởi vì thói quen ăn thịt này đối với chúng (một lý do tương tự cũng phù hợp với chó) và nơi nghỉ ngơi yêu thích của chúng (vũng bùn). Những con lợn bị hiến tế thường xuyên trong văn hóa Hê-tít, Hy Lạp và Rô-ma. Chúng cũng bị ăn thịt (bởi một số nhóm người) trong toàn bộ các nền văn hóa Địa Trung Hải. Để xem về một cuộc thảo luận mở rộng về thức ăn và các sinh tế của khu vực Cận Đông, hãy xem bộ ABD, quyển 6, “Zoology,” trang 1109-1167, để xem phần nói về lợn, hãy xem trang 1130-1135.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 14:9-10**

<sup>9</sup>” Phàm loài nào ở trong nước, có mang và có vẩy, thì các người được ăn; <sup>10</sup> nhưng con nào không có mang, không có vẩy, thì chẳng nên ăn; phải cầm là không sạch cho các người.”

**14:9 “loài nào ở trong nước, có mang và có vẩy”** Đây là hướng dẫn căn bản của Lê-vi Ký 11:9-12. Một lần nữa, những lý do chính xác vì sao những sự ngăn cấm này không được giải thích ở bất kỳ nơi nào khác trong Cựu Ước. Hãy xem ghi chú tại 14:3.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 14:11-20**

<sup>11</sup>” Các người được ăn mọi con chim sạch. <sup>12</sup> Song, này là những con các người không nên ăn: chim ưng, chim ngạc, con kên kên; <sup>13</sup> con diều, con ó, và mọi thứ lão ung; <sup>14</sup> mọi thứ quạ; <sup>15</sup> chim đà diều, con tu hú, chim thủy kê, và mọi thứ bò cắc; <sup>16</sup> chim mèo, chim ụt, con hạc, <sup>17</sup> chim thẳng bè, con công cộc, chim thẳng cộc, <sup>18</sup> con cò, và mọi thứ diệc; chim rẽ quạt, và con dơi. <sup>19</sup> Mọi loài côn trùng hay bay sẽ là không sạch cho các người; chớ nên ăn. <sup>20</sup> Các người được ăn mọi con chim sạch.”

**14:11** Phần này song hành với Lê-vi Ký 11:13-19. Lý do vì sao những con vật này là “không tinh sạch” không được nêu ra, nhưng có vẻ chắc chắn rằng danh sách những loài chim này ăn xác thối.

**14:18 “chim rẽ quạt”** Đây là loài chim (BDB 189) ăn tất cả các loại côn trùng, bao gồm cả bộ hung (ăn phân). Chúng trở nên nổi tiếng bởi vì cách ăn ở những nơi dơ bẩn và có hang ổ được lấp đầy bởi phân, bởi vì vậy, chúng trở thành một loài chim di trú “không tinh sạch.”

**14:19 “Mọi loài côn trùng hay bay (bản tiếng Anh NASB : những loài sống lúc nhúc)”** Cụm từ này (BDB 481 GHÉP VỚI 1056 & 733, Sáng 7:14,21) chỉ về những loài côn trùng biết bay. Phần này song hành với Lê-vi Ký 11:20-23, chỗ nói về một số loài côn trùng là tinh sạch để ăn (ví dụ, châu chấu, Ma-thi-ơ 3:4; Mark 1:6). Những loài côn trùng này là loài côn trùng này chính là thức ăn cho nhiều loài chim không tinh sạch đã được liệt kê.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 14:21**

<sup>21</sup> " Các người chớ ăn một con thú nào chết tự nhiên. Hãy đưa nó cho người khách ngụ trong thành mình, và người ấy sẽ ăn nó, hay là mình cũng được bán cho người ngoại bang. Vì người là một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người.

**14:21 “Các người chớ ăn một con thú nào chết tự nhiên”** Chỗ này có thể tương ứng với Xuất 22:31. Một lý do đó là huyết vẫn còn ở trong nó ( 12:16,23-25; Sáng 9:4). Luật này không áp dụng cho tất cả mọi người trong Đất Hứa (ví dụ, những người khách lạ và người nước ngoài (ngoại bang) thì được miễn không phải tuân theo, nhưng hãy xem ghi chú trong Lê-vi Ký 17:15). Những luật về thức ăn này với mục đích biệt riêng Y-sơ-ra-ên ra khỏi những tập tục thờ phượng của xã hội Ca-na-an.

⌋ **“Người chớ nấu thịt dê con trong sữa mẹ nó”** Theo những văn bản *Ras Shamra* (Hãy xem quyển *Ugaritic Handbook*, được viết bởi Cyrus H. Gordon, trang 174) cho biết điều này được làm trong những nền văn hóa khác như là một biểu tượng của sự sinh sản, màu mỡ của đất. Do Thái Giáo đã phát triển thành những luật về sự kiêng ăn nghiêm ngặt (để riêng những công cụ chứa đựng trong nấu ăn và bát đĩa dành cho thịt và các sản phẩm từ sữa) được đặt nền tảng dựa trên câu Kinh Thánh này. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh này dường như liên quan với hệ thống hiến tế của người Ca-na-an ( Xuất 23:19; 34:26). Có rất ít hoặc không có lý do nào liên quan đến lý do vệ sinh hay dịch bệnh.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 14:22-27**

<sup>22</sup> Mỗi năm người chớ quên đóng thuế một phần mười về huê lợi của giống mình gieo, mà đồng ruộng mình sanh sản. <sup>23</sup> Tại trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, trong nơi Ngài sẽ chọn dựng để danh Ngài ở, người phải ăn vật thuế một phần mười về ngũ cốc, rượu, dầu, và con đầu lòng của bầy bò hay chiên của người, hầu cho người tập hăng kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. <sup>24</sup> Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã ban phước cho, nếu đường đi lấy làm xa quá cho người, đến đâu không thể đem nộp của thuế một phần mười ấy được, --- vì chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người chọn để đặt danh Ngài, cách xa người, --- <sup>25</sup> thì bấy giờ, người hãy đổi thuế một phần mười đó ra bạc, cầm bạc này trong tay, đi đến nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chọn, <sup>26</sup> rồi đưa bạc ấy đổi lấy mọi thức chi mình ước ao, hoặc bò hay chiên, hoặc rượu hay là đồ uống say, tức là mọi món chi mình muốn. Người phải ăn nó tại đó, trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và vui vẻ với gia quyến mình. <sup>27</sup> Chớ bỏ bê người Lê-vi ở trong thành người, vì người không có phần, cũng không hưởng cơ nghiệp chi chung với người."

**14:22 “thuế một phần mười”** Dân Số Ký đoạn 18 thảo luận về thuế một phần mười cho những người Lê-vi tại địa phương cũng như những thầy tế lễ tại khu vực thánh trung tâm. Tuy nhiên, đoạn này tương đương với đoạn 12 và giải quyết chủ yếu với những vấn đề về thuế một phần mười của nền nông nghiệp địa phương. Hãy xem ghi chú tại đoạn 12.

**14:23 “trong nơi Ngài sẽ chọn dựng để danh Ngài ở”** Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 12:5.

**14:26 “rồi đưa bạc ấy đổi lấy mọi thức chi mình ước ao”** phần này chỉ về những vật sẽ bị đánh thuế một phần mười tại đền thờ thánh trung tâm. Câu này song hành với 12:20. Cụm từ này đã bị “luật pháp hóa” một cách kinh khủng! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trông đợi, mong mỏi sự vui vẻ của chúng ta! Ngài chỉ muốn chia sẻ sự vui vẻ cùng với chúng ta ( 12:7,18; 16:14; 27:7; I Sứ ký 29:22; Thi 104:15; Truyền Đạo 2:24; 3:12,13,22; 5:18; 8:15; 9:7-9; Ê-sai 22:13). Tân Ước thậm chí còn mở rộng khái niệm này bằng cách đề cập cách rõ ràng rằng không có bất kỳ điều gì trong thế giới tạo hóa vật chất là không tinh sạch trong và bởi chính nó (ví dụ, Công vụ 10:15; Rô-ma 14:2,14,20; I Cô-rinh-tô 6:12; 10:23-33; I Ti-mô-thê 4:4). Điều này không có mục đích để trao cho con người “vé” để phạm tội, nhưng để khích lệ sự tự do của các Cơ Đốc Nhân khỏi chủ nghĩa phán xét và luật pháp ( Cô-lô-se 2:16-23). Tuy nhiên, những tín hữu trưởng thành sẽ phải cẩn thận trong thế giới sa ngã này để rồi không làm điều gì gây vấp phạm hoặc tổn thương một anh em yếu đuối hơn là người mà Đấng Christ cho họ ( Rô-ma 14:1-15:13)!

⌋ **“đồ uống say”** Đây (BDB 1016) chính là rượu được thêm vào các nước trái cây tự nhiên lên men được thêm

vào để làm cho độ phân trăm rượu sẽ trở nên cao hơn (sẽ nhanh say hơn). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: RƯỢU (SỰ LÊN MEN RƯỢU) VÀ SỰ SAY SỬA (SỰ NGHIỆN NGẬP)**

### **I. Những thuật ngữ trong Kinh Thánh**

#### **A. Trong Cựu Ước**

1. *Yayin* – Đây là thuật ngữ chung dành cho rượu (BDB 406), được sử dụng 141 lần. Từ nguyên thì không Xác định được bởi vì nó không phải là một từ có gốc Hê-bơ-rơ. Nó luôn luôn có nghĩa là nước trái cây lên men, thường thì là trái nho. Một vài đoạn Kinh Thánh tiêu biểu là Sáng 9:21; Xuất 29:40; Dân Số Ký 15:5,10.
2. *Tirosh* – Đây là “rượu mới” (BDB 440). Bởi vì điều kiện thời tiết của khu vực Cận Đông, sự lên men bắt đầu càng sớm trong vòng sáu giờ sau khi ép chiết nước trái cây. Thuật ngữ này chỉ về rượu trong quá trình đang lên men. Để xem một số đoạn Kinh Thánh tiêu biểu, hãy xem Phục 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11.
3. *Asis* – Đây rõ ràng là nước giải khát có cồn (“rượu ngọt” BDB 779, ví dụ, Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar* – Đây là thuật ngữ “đồ uống say” (BDB 1016). Từ gốc Hê-bơ-rơ được sử dụng trong từ “say sưa” hoặc “say rượu.” Nó được thêm vào một vài thứ được thêm vào để làm cho nó càng dễ và nhanh say. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm Ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

#### **B. Trong Tân Ước**

1. *Oinos* – Từ tương đương trong tiếng Hy Lạp của từ *Yayin*
2. *Neos oinos* (rượu mới) – từ tương đương trong tiếng Hy Lạp của từ *tirosh* (Mác 2:22).
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt, *asis*) – rượu ở trong những giai đoạn sớm của quá trình lên men (Công Vụ 2:13).

### **II. Sự sử dụng trong Kinh Thánh**

#### **A. Cựu Ước**

1. Rượu là một món quà của Đức Chúa Trời (Sáng 27:28; Thi 104:14-15; Truyền Đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-mốt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần của tế lễ (Xuất 29:40; Lê-vi Ký 23:13; Dân Số Ký 15:7,10; 28:14; Phục 14:26; Các Quan Xét 9:13).
3. Rượu cũng được sử dụng như là một phương thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm Ngôn 31:6-7).
4. Rượu cũng có thể trở thành một vấn đề thực sự (Nô-ê - Sáng 9:21; Lot - Sáng 19:33,35; Sam-sôn - Các Quan Xét 16:19; Na-banh - I Sa-mu-ên 25:36; U-ri - II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn - II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la - I Các Vua 16:9; Bê-n-Ha-đát - I Các Vua 20:12; Những quan trưởng - A-mốt 6:6; và những người đàn bà trong A-mốt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm Ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11,22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người nhất định (Thầy tế lễ đang ở trong chức vụ, Lê-vi Ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; người Na-xi-rê, Dân Số Ký 6; và những Quan Trưởng, Châm Ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu cũng được sử dụng trong văn mạch lai thế học (A-mốt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

#### **B. Trong những tài liệu trong thời kỳ Yên Lặng (400 năm giữa Cựu Ước và Tân Ước)**

1. Rượu sử dụng với sự tiết chế rất có ích (Huân Ca (Ecclesiasticus) 31:27-30)).
2. Các ra-bi Do Thái nói rằng, “Rượu là sự vĩ đại nhất trong tất cả các phương thuốc, những nơi mà không có rượu, thì ở tại đó phải cần các loại thuốc.” (BB 58b).

#### **C. Trong Tân Ước**

1. Chúa Giê-xu đã biến một lượng lớn nước trở thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Giê-xu đã uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; từ câu 22:17).
3. Phi-e-rơ đã bị cáo buộc là say trong “rượu mới” trong Ngày Lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 2:13).
4. Rượu cũng được sử dụng như một loại thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Những người lãnh đạo không được lạm dụng (rượu). Điều này không có nghĩa là họ phải kiêng rượu hoàn toàn (I Ti-mô-thê 3:3,8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu cũng được sử dụng trong văn mạch lai thể học (Ma-thi-ơ 22 từ câu 1; Khải Huyền 19:9).
7. Sự say sưa bị lên án (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

### III. Những điểm thần học

#### A. Sự đối nghịch biện chứng

1. Rượu là một món quà của Đức Chúa Trời.
2. Sự say rượu là một nan đề lớn.
3. Các tín đồ trong một số nền văn hóa phải giới hạn sự tự do của họ vì lợi ích của phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14).

#### B. Khuynh hướng đi xa khỏi giới hạn được đưa ra

1. Đức Chúa Trời là nguồn của tất cả mọi điều tốt lành.
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những món quà của Đức Chúa Trời bằng việc vượt qua giới hạn được đưa ra bởi Đức Chúa Trời.

#### C. Sự lạm dụng ở trong chúng ta, chứ không ở trong sự việc mà chúng ta lạm dụng. Không hề có bất kỳ sự xấu xa nào trong thế giới tạo vật vật chất ( Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

### IV. Văn hóa Do Thái Thế Kỷ Thứ Nhất và Sự Lên Men Rượu

- A. Sự lên men rượu bắt đầu từ rất sớm, khoảng 6 tiếng sau khi nho bị ép nước.
- B. Truyền thống Do Thái nói rằng khi bọt bắt đầu xuất hiện nhẹ ở trên bề mặt (dấu hiệu của sự lên men), thì nó đã sẵn sàng cho việc đánh thuế phần mười rượu (*Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là “rượu mới” hoặc “rượu ngọt.”
- C. Sự lên men dữ dội đầu tiên sẽ kết thúc sau một tuần.
- D. Sự lên men thứ hai mất khoảng 40 ngày. Vào giai đoạn này, nó có thể được xem là “rượu lâu ngày” và có thể được dâng lên ở bàn thờ (*Edhuyyoth* 6:1).
- E. Rượu lắng xuống trên cặn rượu (rượu cũ) cũng được xem là rượu tốt nhưng phải được đem lọc kỹ trước khi sử dụng.
- F. Rượu được xem là lâu năm hoàn toàn thường sau một năm lên men. Ba năm là khoảng thời gian dài nhất mà rượu có thể lưu trữ an toàn. Nó được gọi là “rượu cũ” và phải bị pha loãng với nước.
- G. Chỉ trong khoảng 100 năm gần với điều kiện tiệt trùng cùng với việc thêm vào những hóa chất giúp trì hoãn sự lên men. Thế giới cổ xưa không thể dừng lại sự lên men tự nhiên.

### V. Những thông điệp cuối

- A. Hãy chắc chắn những kinh nghiệm của bạn, nền tảng thần học, và sự giải nghĩa Kinh Thánh sẽ không làm sụt giảm Chúa Giê-xu và văn hóa Do Thái/Cơ Đốc trong thế kỷ thứ nhất! Chúng có mục đích rõ ràng không phải là hoàn toàn kiêng rượu.
- B. Tôi không phải đang biện hộ cho việc sử dụng rượu trong xã hội. Tuy nhiên, nhiều người đã quá phóng đại vai trò của chủ đề này trong kinh thánh và giờ đây công bố sự công chính vượt trội hơn dựa trên một sự thành kiến văn hóa/ hệ phái.
- C. Đối với tôi, Rô-ma 14 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp một tư tưởng và sự hướng dẫn dựa trên tình yêu và sự tôn trọng đối với những tín hữu anh em và sự lan truyền của phúc âm trong văn hóa của chúng ta



chứ không phải sự tự do cá nhân hoặc tư tưởng chỉ trích mang tính phán xét. Nếu Kinh Thánh là nguồn duy nhất của đức tin và sự thực hành, thì chúng ta phải xem xét lại về vấn đề này.

- D. Nếu chúng ta thúc ép sự kiêng khem rượu hoàn toàn là ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ áp dụng như thế nào về Chúa Giê-xu, cũng như những nền văn hóa thường xuyên sử dụng rượu (ví dụ, Châu Âu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

} “**người phải ăn nó tại đó, trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người**” Điều này chỉ về của lễ bình an mà tại đó Đức Chúa Trời và người dâng của lễ và gia đình của ông ăn cùng nhau trong sự biểu tượng. Tại Phương Đông cổ đại, ăn cùng nhau chính là dấu hiệu của giao ước.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 14:28-29**

**<sup>28</sup>” Cuối hạn ba năm, người phải lấy một phần mười của huê lợi năm ấy ra, chứa tại trong thành mình. <sup>29</sup> Bấy giờ, người Lê-vi, vốn không có phần chi, cũng chẳng hưởng cơ nghiệp chi chung với người, luôn với người khách, kẻ mồ côi, và người góa bụa ở trong thành người, sẽ đều đến ăn cho no nê, hầu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban phước cho mọi công việc tay người đã làm.”**

**14:29 “người khách, kẻ mồ côi, và người góa bụa”** Sách Phục Truyền nhấn mạnh vào sự chăm sóc, quan tâm nó dành cho tất cả mọi người trong Đất Hứa( 10:18; 26:12-15)! Thuế một phần mười vào năm thứ ba có mục đích dành cho người Lê-vi và những người nghèo tại địa phương.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Các tiêu chuẩn nào được sử dụng để quyết định điều gì là tinh sạch và điều gì là không?
2. Có phải tất cả những luật lệ này đều đến từ Đức Chúa Trời? Nếu như vậy, tại sao chúng ta lại không giữ chúng ngay hôm nay?
3. Mục đích của thuế một phần mười là gì?

# PHỤC TRUYỀN 15

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Các Món Nợ Sẽ Được Hủy Bỏ Mỗi Bảy Năm	Nếp Sống của Một Dân Tộc Thánh (14:1-15:23)	Năm Thứ Bảy	Năm Sa-bát
15:1-6	15:1-6	15:1-3	15:1-6
Sự Rộng Rãi Đối Với Người Nghèo		15:4-6	
15:7-11	15:7-11	15:7-11	15:7-11
Luật Liên Quan Đến Các Nô Lệ		Đổi Xử Với Các Nô Lệ	Những Nô Lệ
15:12-18	15:12-17a	15:12-15	15:12-15
		15:16-18	15:16-17
	15:17b		
	15:18		15:18
Luật về Con Đâu Lông Của Súc Vật		Con Đâu Lông Của Gia Súc và Chiên	Con Đâu Lông
15:19-23	15:19-23	15:19-23	15:19-23

### **CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TRONG ĐOẠN 15**

- A. Đoạn 15 là một sự tiếp tục của những luật cụ thể giải quyết một số nhu cầu nông nghiệp cụ thể và những lễ thật mang tính biểu tượng liên quan mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn mang lại trong dân sự của Ngài.

- B. Đoạn này được chia một cách khá tốt vào ba phần riêng biệt:
1. Câu 1-11 xử lý với sự mở rộng của sự nghỉ ngơi trong năm Sa-bát trong Xuất 23:10-13 và Lê-vi Ký 25:1-7 dành cho những người nợ nần và người nghèo khổ địa phương. II Sứ Ký 36:21 cho biết rằng sự phu tù là kết quả của việc người Do Thái đã thất bại khi giữ Luật này.
  2. Từ câu 12-18 xử lý với những người nô lệ anh em, là những người Hê-bơ-rơ (là nam giới hoặc phụ nữ) là những người phải làm việc cho một người nào đó để trả những món nợ.
  3. Từ câu 19-23 xử lý với con đầu lòng của bầy gia súc, hoặc về việc dâng hiến những con vật đầu lòng.
- C. Đoạn này được mô tả bởi cách sử dụng đôi ĐỘNG TỪ:
1. Một vài ĐỘNG TỪ ở THỂ BÁT ĐỊNH TUYỆT ĐỐI và THỂ CHƯA HOÀN THÀNH có cùng nguồn gốc (vốn là một hình thể ngữ pháp với mục đích làm tăng cường ý nghĩa):
    - a. “hắn ban phước,” câu 4, *Piel* của BDB 138, KB 159
    - b. “chăm chỉ nghe theo,” câu 5, *Qal* của BDB 1033, KB 1570
    - c. “cởi mở tự do,” câu 8, *Qal* của BDB 834 I, KB 986
    - d. “cho vay rộng rãi,” câu 8, *Hiphil* của BDB 716, KB 778
    - e. “ban cho rộng rãi,” câu 10, *Qal* của BDB 678, KB 733
    - f. “cởi mở tự do,” câu 11, *Qal* của BDB 834, KB 986
    - h. “cung cấp tùy nghi,” câu 14, *Hiphil* của BDB 778, KB 858
  2. Một số là cùng một ĐỘNG TỪ, được sử dụng hai lần:
    - a. “cho vay. . không vay,” câu 6, một *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH và một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 716, KB 778
    - b. “quản. . chẳng quản,” câu 6, một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH và một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 605, KB 647
    - c. “giải phóng. . tự do. . chớ cho ra đi,” từ câu 12,13, cả ba *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 1018, KB 1511
    - d. “ăn. . không ăn,” các câu 22,23, cả *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 37, KB 46 Chú ý mục hai là một thể khẳng định được theo sau bởi một cách sử dụng phủ định.
  3. Có một sự lặp lại của DANH TỪ và một *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI của một nguồn gốc chung trong câu 2
    - “tha thứ. . giải phóng,” cả hai đều từ BDB 1030, KB 1557

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 15:1-6

<sup>1</sup> Vào cuối mỗi bảy năm anh em phải tha nợ. <sup>2</sup> Đây là cách thức tha nợ: Mỗi chủ nợ sẽ tha món nợ mà mình đã cho người lân cận vay, không được thúc ép người lân cận hay anh em mình phải trả, vì lệnh tha nợ của Đức Giê-hô-va đã được công bố. <sup>3</sup> Anh em có thể thúc ép người ngoại quốc trả nợ nhưng với anh em mình thì phải xóa bất cứ món nợ nào mà họ đã mắc với anh em. <sup>4</sup> Giữa anh em sẽ không có người nghèo khó vì Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ ban phước cho anh em khi sống trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm cơ nghiệp, <sup>5</sup> miễn là anh em chăm chú lắng nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời và cẩn thận làm theo các điều răn mà tôi truyền cho anh em ngày nay. <sup>6</sup> Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ ban phước cho anh em như Ngài đã hứa. Anh em sẽ cho nhiều nước vay nhưng anh em không vay mượn ai cả; anh em sẽ cai trị nhiều nước nhưng các nước ấy sẽ chẳng cai trị anh em.”

**15:1 “Cuối mỗi năm thứ bảy”** Hai điều đã xảy ra: (1) Đất đã bị bỏ hoang như là biểu tượng của sự sở hữu của Đức Chúa Trời trên mảnh đất cũng như sự chăm sóc của Ngài dành cho người nghèo (Xuất 23:10-13; Lê-vi Ký 25:1-7). Trong quyển *The Antiquities of the Jews*, được viết bởi Josephus XIII.8.1, chúng ta tìm thấy một sự đề cập đến thói quen của người Giu-đa để cho đất nghỉ ngơi và (2) ở tại đây, những người Y-so-ra-ên được giải phóng khỏi món nợ (trong câu 2; 31:10). Năm thứ bảy được xem như là con số toàn vẹn bởi vì sáu ngày của sự sáng tạo và ngày thứ bảy của sự nghỉ ngơi trong Sáng 1:1-2:3.

**15:2 “tha”** Từ này (BDB 1030) có nghĩa là “hãy bỏ xuống” Trong Xuất 23:10-11 ĐÔNG TỪ này được sử dụng cho đất sẽ bị bỏ hoang mỗi bảy năm. DANH TỪ này được sử dụng trong Cựu Ước chỉ hai lần, ở đây và trong 31:10. Ở đây nó được sử dụng theo nghĩa bóng cho việc tha nợ, khi người tá điền thuê không thể trả món nợ trong năm mà việc trồng trọt bị cấm và bởi vì như vậy không có công việc cho những lao động được thuê. Người ngoại bang, trong chiều ngược lại, có thể làm việc trên đồng và trả lại món nợ của anh.

**}** “**Mỗi chủ nợ sẽ tha**” Đây là sự tha vĩnh viễn hay tạm thời không được biết rõ. Theo văn mạch có vẻ thiên về việc tha vĩnh viễn, nhưng tôi tin rằng nó có thể chỉ món nợ trong năm đất chịu sự bỏ hoang được tha ( NET Bible, trang 368 #16). Sự tha thứ của Đức Chúa Trời trên chúng là nền tảng của việc những chủ đất tha thứ các món nợ (theo cách biểu tượng, tạm thời).

**15:3 “người ngoại quốc”** Từ này chỉ về một người không phải là người Y-sơ-ra-ên là người sống lâu dài tại vùng Palestine (BDB 648, 14:21; 15:3; 17:15; 23:20; 29:22), là người được cấp cho những quyền dân sự và sự bảo vệ hợp pháp bởi pháp chế Môi-se.

Từ khác “người khách lạ” (BDB 158) được sử dụng cho những người mới đến hoặc những người lang thang là những người cũng được những quyền giới hạn và sự bảo vệ ( 1:16; 5:14; 10:18,19[hai lần]; 14:21,29; 16:11,14; 23:7; 24:14,17,19,20,21; 26:11,12,13; 27:19; 28:43; 29:11; 31:12).

Sự chăm sóc này cho những người không phải là người Y-sơ-ra-ên chỉ rõ:

1. đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. sự bao gộp vào có thể
3. những kinh nghiệm quá khứ của Y-sơ-ra-ên tại Ai Cập

**15:4 “Giữa các người sẽ không có người nghèo khó”** Những câu 4-6 chỉ ra tình huống của ý tưởng (biểu tượng trong sự yêu cầu của Năm Sa-bát và năm Hoan Hỷ). Ý tưởng này hiếm xảy ra trong lịch sử. Nhiều người Y-sơ-ra-ên đã mất đất của gia đình của họ. Đã luôn luôn có những người nghèo ở giữa người Do Thái ( Ma-thi-ơ 26:11).

**15:5** Đây là một cảnh báo chu kỳ về sự vâng phục theo giao ước

1. “Nếu người chăm chú nghe theo cách vâng lời” - *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 1033, KB 1570 (vốn chỉ sự mãnh liệt)
2. “Vâng theo cách cẩn thận tất cả những mạng lệnh” - hai *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP của từ BDB 1036, KB 1581 và BDB 793, KB 889

Những lời hứa giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là có điều kiện trong việc phải tiếp tục đáp ứng cách vâng Lời.

**15:6 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA’s** phán/hứa (BDB 180, KB 210, *Piel* PERFECT) những phước hạnh được mô tả:

1. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người,” *Piel* THỂ HOÀN THÀNH của BDB 138, KB 159, câu 4 (hai lần); 1:11; 2:7; 7:13 (hai lần); 12:7; 14:24,29; 15:10,14,18; 16:10,15.
2. “người sẽ cho nhiều nước vay, còn chánh người không vay ai.” Đây là *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH dạng phủ định của BDB 716, KB 778.
3. “người sẽ quản hạt nhiều nước, song các nước ấy sẽ chẳng quản hạt người.” Đây là *Qal* THỂ HOÀN THÀNH và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH dạng phủ định của BDB 605, KB 647.

Những lời hứa này có cả những hàm ý mang tính quốc tế và lai thế học ( Ê-sai 9:6-7; 11:1-10; Mi-chê 5:1-5a).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 15:7-11**

<sup>7</sup>” Nếu trong thành nào của xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho, ở giữa người có một người anh em bị nghèo, thì chớ cứng lòng nắm tay lại trước mặt anh em nghèo của mình đó. <sup>8</sup> Nhưng khá sè tay mình ra, cho người vay món chi cần dùng trong sự nghèo nàn của người. <sup>9</sup> Khá coi chừng, kẻo có một ác tưởng nơi lòng người, rằng: Năm thứ bảy tức là năm giải thích, hầu gần! Khá coi chừng, kẻo mắt người chẳng đoái thương anh em nghèo của mình, không giúp cho người gì hết, e người kêu cùng Đức Giê-hô-va về người, và người sẽ mắc tội chẳng. <sup>10</sup> Người phải giúp cho người, chớ cho mà có lòng tiếc; vì tại có

**Ấy, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ ban phước cho mọi công việc của người, và mọi điều người đặt tay vào mà làm. <sup>11</sup> Vì sẽ có kẻ nghèo trong xứ luôn luôn, nên ta mới dặn biểu người mà rằng: Khá sè tay mình ra cho anh em bị âu lo và nghèo khó ở trong xứ người."**

**15:7 “Nếu ...ở giữa người có một người anh em bị nghèo”** Thực tế được liệt kê trong câu 11. Sự nghèo túng có thể được định nghĩa như là sự thiếu vắng của sự tôn trọng và quan tâm. Ở đây sự thiếu vắng này được gây nên bởi vì sự mất mát của đất đai của gia đình xảy ra bởi sự vay mượn tiền với sự thế chấp bằng đất đai.

**} “một người anh em”** Luật Môi-se bày tỏ sự quan tâm đặc biệt và sự thương xót của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho:

1. Những anh/chị em giao ước nghèo túng
2. góa phụ
3. trẻ mồ côi
4. những cư dân ngoại bang
5. những khách lạ

Đây là một sự thương xót vượt quá ranh giới kinh tế-xã hội làm cho bộ luật của trở nên độc nhất Y-sơ-ra-ên. Những bộ luật cổ khác ưu ái những người ưu tú, kẻ giàu có, và hoàng gia. Y-sơ-ra-ên ưu ái người yếu đuối, những người túng quẫn về xã hội và kinh tế, dễ bị tổn thương về phương diện pháp lý và những người không có quyền công dân!

**} “Nếu trong thành nào của xứ”** Chú ý không chỉ những người nghèo địa phương, nhưng cả cách xã hội đối xử với người nghèo. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn dân sự của Ngài phải hành động với những người thiếu thốn trong cách Ngài hành động với họ!

**} “chớ cứng lòng nắm tay lại trước mặt anh em nghèo của mình đó”** Cả động cơ và hành động đều tham dự vào (II Cô-rinh-tô 9:7):

1. “chớ cứng lòng,” *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 54, KB 65, II Sử ký 36:13
2. “(cũng chớ) nắm tay lại,” *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 891, KB 1118

**15:8** Chú ý những NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI phù hợp với những THÊ CHƯA HOÀN THÀNH tương ứng của chúng với mục đích nhấn mạnh:

1. “hãy mở rộng tay mình” - *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 834, KB 986. Sự ẩn dụ song hành với câu 7.
  - a. hãy mở lòng (chớ cứng lòng)
  - b. hãy mở rộng tay mình (đừng nắm chặt tay) trong câu 11,13
2. “cho người ấy vay (cách rộng rãi)” - *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 716, KB 778

**} “cho người ấy vay bất cứ thứ gì họ cần”** Đây là BDB 191 GHÉP với 341, vốn bao gồm đủ để đáp ứng nhu cầu của anh em mình, không phải là một sự qua loa chiếu lệ để cho qua ( Gia-cơ 2:15-26; I Giăng 3:16-17).

**15:9 “Khá coi chừng”** Đây là một *Niphal* THÊ MỆNH LỆNH (BDB 1036, KB 1581), vốn là một chủ đề định kỳ (4:9,15,23; 6:12; 8:11; 11:16; 12:13,19,28,30; 15:9; 24:8). Có những kết quả giao ước dành cho sự vâng phục và không vâng phục.

**} “ác tướng”** Từ “hèn hạ (ác)” đến từ gốc chung với (BDB 116) cũng giống như *Belial*. Nó chỉ về sự “vô dụng,” “không suy nghĩ,” “một con người xấu xa” (Châm 6:12). Hãy xem ghi chú tại 13:14.

**}**

NASB “mắt người trở nên thù địch”  
 NKJV “mắt người trở nên ác (chẳng đoái thương)”  
 NRSV “nhìn . . . cách thù địch”  
 TEV -----  
 NJB “nhìn cách tà ác”

Từ “thù địch” (BDB 949, KB 1269, *Qal* HOÀN THÀNH) có nghĩa “tê hại” hoặc “xấu xa” Một thành ngữ tương đương được sử dụng trong 28:54,56. ĐỘNG TỪ tương tự được lặp lại trong câu 10, nơi được dịch là “tiếc.” Thành ngữ này liên hệ với thái độ trở nên kiên cố giận dữ của một người trong một hoàn cảnh cố định và hoặc dành cho (những) người cụ thể. Động cơ là tối quan trọng trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời nhìn vào tâm lòng!

✎ “e người kêu cùng Đức Giê-hô-va về người, và người sẽ mắc tội chẳng” Lời cầu nguyện của người nghèo không làm cho nó trở thành một tội (ví dụ, sự phạm pháp), nhưng nó làm nổi bật lên trước mặt ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tội lỗi trong tâm lòng con người âm mưu và ích kỷ ( 24:18; Xuất 22:23). Những phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là có điều kiện trong những động cơ và hành động giao ước. Dân sự của Ngài cần phải theo hình mẫu của đặc tính của Ngài!

15:10 Đây là một sự tóm lại của sự tổng kết của văn mạch từ câu 7.

}“Người phải giúp (cách rộng rãi)”Hãy xem những ý tưởng theo văn mạch, C, 1, e.

15:11 “Hãy mở rộng bàn tay giúp đỡ người” Hãy xem những ý tưởng theo văn mạch, C, 1, f.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 15:12-17**

<sup>12</sup>” Khi một trong các anh em người, là người Hê-bơ-rơ, bắt luận nam hay nữ, bị bán cho người, thì sẽ hầu việc người trong sáu năm, song qua năm thứ bảy, người phải giải phóng người. <sup>13</sup> Khi người giải phóng người, chớ cho người đi ra tay không. <sup>14</sup> Phải cấp cho người một vật chi, hoặc trong bầy mình, hoặc của sân đập lúa mình, hoặc của hầm rượu mình, tức là cấp cho người vật bồi trong của cải mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã ban phước cho người. <sup>15</sup> Hãy nhớ rằng mình đã làm tội mọi trong xứ Ê-díp-tô, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chuộc người; bởi cố ấy, ngày nay ta truyền cho người làm các điều này. <sup>16</sup> Nhưng nếu kẻ tội mọi người nói rằng: Tôi không muốn đi ra khỏi nhà chủ, --- vì nó mến người và gia quyến người, lấy làm thỏa lòng phục dịch người, --- <sup>17</sup> thì bấy giờ, người phải lấy một cái dùi, để tai người kẻ cửa mà xỏ, vậy người sẽ làm tôi tớ người luôn luôn. Người cũng phải làm như vậy cho tớ gái mình.”

15:12 Từ này có nghĩa đen là “anh em” (BDB 26), nhưng được sử dụng trong nghĩa quốc gia của “một thành viên giao ước” hoặc là “anh em (bà con)” ( Lê-vi Ký 19:17; 25:25,35,36,39,47; Phục 15:12; 17:15). Nó nhấn mạnh sự hiệp nhất quốc gia trong sự riêng biệt của các gia đình và chi phái. Từ học và thần học ở đây rất gần với Ga-la-ti 6:10.

✎ “Hê-bơ-rơ” Từ “Hê-bơ-rơ” (BDB 720, KB 782) là một từ hiếm của Cựu Ước. Nó chỉ cả về (1) dòng dõi theo chủng tộc của Eber, cháu trai của Shem ( Sáng 10:21; (2) một từ bày tỏ về một nhóm lớn của người Sê-mít (*Habiru*) ở tại Cận Đông Cổ Đại, là những người đã đi cư bằng qua Mê-sô-bô-ta-mi như là những người du mục trong thiên niên kỷ thứ hai TC hoặc (3) một nhóm lỏng lẻo của những người lao động ngoại bang nghèo nàn (từ được sử dụng bởi những người ngoại bang để bày tỏ về gia đình của Áp-ra-ham, Gia-cốp và Giô-sép).

✎ “nam hay nữ” Điều này chỉ về sự bình đẳng theo luật pháp ( trong câu 17, cũng như trong ghi chú Sáng 1:26-27). Những bộ luật sớm chia chúng ra (ví dụ, nam - Xuất 21:2-6; nữ - Xuất 21:7-11). Đây là sự bắt đầu rời khỏi then chốt từ Bộ Luật từ Hammurabi, một văn bản hợp pháp Ba-by-lôn vào trước thời kỳ Môi-se, và hệ thống văn hóa của của những quốc gia Ca-na-an. Dân sự của Đức Chúa Trời là khác biệt!

} **“bị bán cho người”** ĐỘNG TỪ này (BDB 569, KB 581, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ về việc một người bán anh ta/cô ta vào trong tình trạng nô lệ theo giao kèo (Lê-vi Ký 25:39,47,48,50; những người là anh em Hê-bơ-rơ được thảo luận trong câu 39- 46; Xuất 21:2-6).

} **“thì sẽ hầu việc người trong sáu năm”** Điều này có vẻ không liên hệ theo thứ tự thời gian với năm Sa-bát được đề cập trong các câu 1-11, nhưng nếu như vậy thì ý nghĩa của câu 9 sẽ không xác định được.

} **“người phải giải phóng người”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1018, KB 1511, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) thật sự quan trọng bởi nó được lặp lại ba lần trong những câu 12-13.

**15:14** Khi một người nô lệ được trả tự do sau sáu năm phục vụ, anh ta cần được cho tất cả những gì anh cần để thiết lập gia đình của anh ta.

1. “người cần chu cấp cho anh ta cách tùy nghi,” Đây là một ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ, có nghĩa đen là, “người cần phải làm một cái vòng cổ cho anh ta.” Hãy xem những Ý Tưởng theo Văn Mạch C, 1, g.
2. Chú ý các yêu tố sẽ được ban cho:
  - a. từ trong bầy
  - b. từ trong sân đập lúa
  - c. từ hầm rượu
  - d. những hướng dẫn tương tự được ban cho trong Xuất 21:3-4; Lê-vi Ký 15:41
3. Sự ban cho này được thực hiện trong tinh thần và số lượng mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã bày tỏ cho dân Y-so-ra-ên, trong các câu 4,6,10,18 và đặc biệt trong câu 15 và Lê-vi Ký 25:41.

**15:15 “Hãy nhớ rằng mình đã làm tội mọi trong xứ Ê-díp-tô”** Nguyên tắc căn bản của sự rộng rãi của những người chủ nô lệ chính là sự thật mà chính gia đình của anh cũng đã từng một lần ở tại Ai Cập và Đức Chúa Trời đã rộng rãi với ông.. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 5:15.

} **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã chuộc người”** ĐỘNG TỪ này (BDB 804, KB 911, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng một vài lần trong sách Phục Truyền, luôn luôn chỉ về hành động ân sủng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã giải cứu Y-so-ra-ên ra khỏi vòng nô lệ tại Ai Cập ( 7:8; 9:26; 13:5; 15:15; 21:8; 24:18). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 7:8. Cựu Ước thật sự là một chứng nhân về một tình yêu nguyên thủy và sự thương xót của Đức Chúa Trời cũng như Tân Ước! Con người đã không tìm kiếm Đức Chúa Trời, Ngài đã tìm kiếm và chuộc mua họ! Hành động khởi thủy và đặc tính không đòi hỏi của Ngài chính là niềm hy vọng lớn của chúng ta! Những hành động của Đấng Mê-si cho tất cả đã được bày tỏ trước trong những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-so-ra-ên!

**15:16** Câu này song hành với Xuất 21:5. Nó minh họa cho một mối quan hệ tình nguyện đầu phục vốn phản ánh đức tin/tình yêu/sự thuận phục giao ước giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Y-so-ra-ên. Mục tiêu của giao ước chính là một đời sống yêu thương hạnh phúc trên đất theo sau bởi một sự nối tiếp của một mối quan hệ thậm chí còn mật thiết hơn trong thế giới thuộc linh. Những phước hạnh luôn luôn là bởi-sản phẩm của mối quan hệ, không bao giờ là mục tiêu!

**15:17 “để tai người kẻ cửa mà xổ”** Điều này có hai biểu tượng: (1) tai chính là biểu tượng của sự thuận phục và (2) cái cửa chính là biểu tượng cho tình yêu dành cho nhà, gia đình (TEV). Tập tục này được thực hiện tại nhà không phải tại đền thờ hoặc cổng thành, tùy thuộc vào ai là người mà *Elohim* trong Xuất 21:6 chỉ về. Bản Bảy Mươi (Septuagint), Peshitta, và bản Targums tiếng A-ram hiểu đó là “các quan xét”, vốn là một sự thay đổi so với tập tục trước đó ( Xuất 21:1-6). Điều này khiến anh ta trở thành nô lệ vĩnh viễn.

} **“vĩnh viễn”** Từ Hê-bơ-rơ là *'olam* (BDB 761). Cách sử dụng này chỉ ra rằng một từ Hê-bơ-rơ phải được định nghĩa trong văn mạch của nó. Nó có thể có nghĩa là “vĩnh viễn” hoặc “trong một thời gian dài được ấn định giới hạn” Các ra-bi Do Thái nói rằng nó có nghĩa “cho đến năm Hoan Hỷ,” nhưng trong văn mạch này nó có nghĩa là trọn cả đời người nô lệ đó. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:40.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 15:18**

<sup>18</sup> "Người chớ có nặng lòng mà giải phóng người, vì người đã phục dịch người sáu năm, ăn phân nửa công giá của một người làm mướn; vậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ ban phước cho người trong mọi công việc người làm. "

**15:18** “Người chớ có nặng lòng mà giải phóng người” Điều này có nghĩa rằng một người không được phàn nàn khi một người nô lệ được giải phóng sau sáu năm phục vụ.

⌋

NASB “làm gấp hai công việc”  
NKJV “anh đáng giá gấp đôi một người tôi tớ được thuê mướn”  
NRSV “đáng giá như là lương bổng của những người lao động được thuê”  
TEV “một nửa của phí tổn của những tôi tớ được thuê”  
NJB “anh ấy đáng giá gấp hai những người tôi tớ được trả lương người sẽ phải trả”  
NET Bible “gấp hai lần thời gian của một người tôi tớ được thuê mướn”

Có một số sự hoài nghi về bản dịch chính xác (có nghĩa đen là, “cho một nửa phí tổn của,” BDB 1041GHÉP với 969 I). Có ba khả năng:

1. người nô lệ là một người tôi tớ ngày và đêm
2. người nô lệ làm việc không công, trong khi một người được thuê mướn phải trả lương
3. Ê-sai 16:14 liệt kê ba năm là thời gian làm việc cho một người được thuê (cũng như Bộ Luật Hammurabi quy định), do vậy, một nô lệ làm việc lâu gấp đôi.

⌋ “**vậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ ban phước cho người trong mọi công việc người làm**” phước hạnh giao ước theo sau sự vâng phục giao ước, đặc biệt khi một thái độ yêu thương, tha thứ giúp đỡ phù hợp hiện diện!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 15:19-23**

<sup>19</sup> "Người phải biệt riêng ra thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mọi con đầu lòng đực sanh trong bầy bò hay chiên của người. Chớ cày bằng con đầu lòng của bò cái mình, và chớ hót lông con đầu lòng của chiên cái mình. <sup>20</sup> Mỗi năm, người và gia quyến người sẽ ăn nó trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tại nơi mà Ngài sẽ chọn. <sup>21</sup> Nhưng nếu nó có tí vít chi, què hay đui, hoặc bị tật nặng khác, thì chớ dâng nó cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, <sup>22</sup> phải ăn nó trong thành mình: kẻ bị ô uế và kẻ được sạch cũng đều được ăn hết, như ăn con hoàng dương hay là con nai đực. <sup>23</sup> Chấn người chớ ăn huyết nó; phải đổ huyết trên đất như nước vậy."

**15:19-23** Những câu này xử lý với cách sử dụng và không sử dụng phù hợp của con đầu lòng của bầy gia súc. Điều này quay lại với Xuất 13:2, vốn có bối cảnh của tai vạ về thiên sứ sự chết giết chết con đầu lòng của con người và súc vật ở tại Ai Cập và những nhà của những người ở tại Gô-sen được đánh dấu bằng huyết. Nó là một cách biểu tượng chỉ về sự sở hữu của Đức Chúa Trời trên tất cả mọi điều ( Xuất 13:2; Lê-vi Ký 2:14-16).

**15:19** “**Người phải biệt riêng ra thánh... mọi con đầu lòng đực sanh trong bầy**” Xuất 13 cho chúng ta nguồn gốc từ Kinh Thánh, cũng hãy chú ý Dân Số Ký 18:15-16. Đây trở thành cách chu cấp cho thu nhập của người Lê-vi.

**15:20** Điều này quay lại với 12:17-19; 14:23. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 12:5.

**15:21** “**Nhưng nếu nó có tí vít chi...thì chớ dâng nó cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người**” Một con vật có một khiếm khuyết (không bình thường) theo bất cứ cách nào, ví dụ, sự mù lòa, bạch tạng, ốm đau, què quặt, biến



dạng,v.v... không thể dâng làm sinh tế, nhưng có thể ăn với gia đình và bạn bè trong cách bình thường ở địa phương ( 12:15-16).

**15:22**

**NASB** “Những người ô uế, và người được sạch cũng đều được ăn hết”

**NKJV** “kẻ bị ô uế, và kẻ được sạch cũng đều được ăn hết”

**NRSV** “Những người ô uế và người được sạch thì giống nhau”

**TEV** “tất cả các người, dù là tinh sạch hoặc không tinh sạch theo lễ nghi, đều có thể ăn”

**NJB** “Người tinh sạch và kẻ không tinh sạch”

Trong tiếng Hê-bơ-rơ điều này có thể chỉ về:

1. những người có thể ăn chúng
2. những thứ để ăn

Lựa chọn #1 có vẻ là tốt nhất (LXX).

**15:23** “Còn người chó ăn huyết nó” Huyết là biểu tượng của sự sống và sự sống thuộc về Đức Chúa Trời ( Sáng 9:4-6; Lê-vi Ký 1:17; 7:26-27; 17:10-16; 19:26; Phục 12:16, 23-25; I Sa-mu-ên 14:32-34). Những biểu tượng trong những câu trước chỉ về sự sở hữu của Đức Chúa Trời trên tất cả tạo hóa, đặc biệt trên những vật sống.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Có bất cứ bằng chứng lịch sử nào cho việc vâng giữ năm Sa-bát hay không?
2. Mục đích căn bản của những luật cụ thể trong đoạn 15?
3. Những nguồn gốc có thể của thuật ngữ “Hê-bơ-rơ”?

# PHỤC TRUYỀN 16

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Nhắc lại về Lễ Vượt Qua 16:1-8	Lịch Những Ngày Lễ Trong Năm 16:1-8	Lễ vượt qua 16:1-4 16:5-8	Những Kỳ Lễ: Lễ Vượt Qua và Lễ Bánh Không Men 16:1-8
Nhắc lại Lễ Các Tuần Lễ 16:9-12	16:9-12	Lễ Mùa Gặt 16:9-12	Những Kỳ Lễ Khác 16:9-12
Nhắc Lại Ngày Lễ Lều Tạm 16:13-17	16:13-15 16:16-17	Lễ Lều Tạm 16:13-15 16:16-17	16:13-15 16:16-17
Công Lý Phải Được Thực Thi (16:18-17:13) 16:18-20	Những Luật về Sự Công Chính và Tôn Giáo (16:18-17:20) 16:18-20	Thực Thi Công Lý (16:18-17:13) 16:18-20	Những Quan Án 16:18-20 Những Sự Xúc Phạm Sự Thờ Phụng (16:21-17:7)
16:21-17:1	16:21-17:1	16:21-17:1	16:21-17:1

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 16:1-8**

<sup>1</sup>" Hãy giữ tháng lúa trở làm lễ Vượt qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, vì ấy trong tháng lúa trở, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, đương ban đêm đem ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô. <sup>2</sup> Tại trong nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn để danh Ngài ở, ngươi phải dùng con sinh bằng bảy chiên và bảy bò, dâng làm lễ Vượt qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi. <sup>3</sup> Với lễ Vượt qua, chớ ăn bánh pha men; trong bảy ngày ngươi sẽ ăn bánh không men, tức là bánh hoạn nạn, đừng giữ lễ ấy, vì ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô vội vàng; hầu cho trọn đời ngươi nhớ ngày mình đã ra khỏi xứ Ê-díp-tô. <sup>4</sup> trong bảy ngày, không nên thấy men nơi nhà ngươi, hay trong khắp địa phận ngươi, thịt con sinh mà ngươi đã giết lúc chiều của ngày thứ nhứt, thì chớ để đến sáng mai. <sup>5</sup> Ngươi không được giết con sinh về lễ Vượt qua trong một thành nào mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban cho ngươi; <sup>6</sup> nhưng chỉ trong nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ chọn để danh Ngài ở; ấy là nơi mà ngươi phải giết con sinh về lễ Vượt qua, vào lối chiều, vừa khi mặt trời lặn, nhằm giờ mà ngươi đã ra khỏi xứ Ê-díp-tô. <sup>7</sup> Phải nấu thịt con sinh, và ăn tại trong nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ chọn, rồi sáng mai trở về trại mình. <sup>8</sup> Trong sáu ngày, ngươi phải ăn bánh không men, và qua ngày thứ bảy, sẽ có một lễ trọng thể cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi: ngươi chớ làm một công việc nào."

**16:1 “giữ”** Đây thật sự là một từ được lặp lại cách định kỳ (BDB 1036, KB 1581, *Qal* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐÓI) trong Phục Truyền— 73 lần! Đoạn này được viết trong một phong cách Hê-bơ-rơ tương tự như trong Mười Điều Răn trong đoạn 5.

⌋ **“tháng”** Từ này có cùng nguồn gốc với “trăng mới” (BDB 294 I). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Lịch Cận Đông Cổ Đại tại 1:3.

⌋ **“Abib”** Từ này có nghĩa là “hạt (lúa mì) mới” (BDB 1), vốn chỉ về những bông lúa mì đầu tiên chín. Nó chính là sự xác định của người Ca-na-an cho giai đoạn thời gian từ tháng Ba đến tháng Tư. Sau này trong những tác phẩm viết của người Ba-by-lôn từ *Nisan* được sử dụng để chỉ về khoảng thời gian này. Xuất 12:2,6 cung cấp những ngày tháng cụ thể mà chỉ được đề cập cách khái quát ở đây.

⌋ **“làm”** Đây là ĐỘNG TỪ rất phổ biến, “làm,” “thực hiện” (BDB 793, KB 1581) được sử dụng vài lần trong đoạn 16 và được dịch ra theo nhiều cách:

1. “cử hành,” trong câu 1,10,13
2. “sẽ là” trong câu 8
3. “phải giữ cách cẩn thận,” trong câu 12
4. “không được. . . làm,” trong câu 21

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỄ VƯỢT QUA**

- I. Những thông điệp mở đầu
  - A. Những hành động thánh của sự phán xét trên người Ai Cập và sự giải cứu trên Y-sơ-ra-ên chính là tiêu chuẩn cho tình yêu và sự thiết lập như là một quốc gia Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.
  - B. Cuộc xuất hành là một sự ứng nghiệm đặc biệt của lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Áp-ra-ham in Sáng 15:12-21. Lễ Vượt Qua tưởng nhớ về cuộc xuất hành.
  - C. Đây là lần cuối cùng, lan rộng (về mặt địa lý, ví dụ, Ai Cập và Gô-sen) và hủy diệt nhất (con đầu lòng của con người và súc vật bị giết) trong cả mười tai vạ bị giáng xuống bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Ai Cập thông qua Môi-se.
- II. Thuật ngữ này bản thân (BDB 820, KB 947)
  - A. Nghĩa của DANH TỪ này không xác định

1. liên hệ với “tai va,” theo cách “giáng một cú đánh” (ví dụ, Xuất 11:1); Thiên sứ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đánh con đầu lòng của con người và gia súc

B. Nghĩa của ĐỘNG TỪ này:

1. “đi cà nhấc” hoặc “khập khiễng” ( II Sa-mu-ên4:4), được sử dụng trong nghĩa “nhảy vượt qua những nhà được đánh dấu” (ví dụ, Xuất 12:13,23,27, BDB 619, một từ nguyên rất phổ biến)
2. “đi giẹo, nhảy” ( I Các Vua 18:21)
3. theo người Akkadian - “làm nguôi”
4. theo người Ai Cập - “đánh” (hãy xem A. 1.)
5. song hành với ĐỘNG TỪ trong Ê-sai 31:5, “đứng canh gác” ( REB trong Xuất 12:13)
6. một cách chơi chữ phổ biến của cộng đồng Cơ Đốc đầu tiên giữa từ Hê-bơ-rơ *pasah* và từ Hy Lạp *pasch* , “chịu đau khổ”

C. Những tiền lệ lịch sử có thể:

1. những người chăn cừu dâng sinh tế trong năm mới
2. những người di cư Bedouin dâng sinh tế và có một bữa ăn cộng đồng tại thời điểm chuyển trại đến những đồng cỏ mùa xuân để bảo vệ khỏi những điều ác
3. sự hiến tế để bảo vệ khỏi những điều ác bởi những người du cư

D. Những lý do vì sao phải hết sức cố gắng không chỉ để làm rõ chắc chắn ý nghĩa của chính từ đó cũng nhưng còn là nguồn gốc của nó, là bởi vì có quá nhiều những điểm đặc trưng khác nhau của Lễ Vượt Qua cũng được tìm thấy trong những nghi lễ thời cổ đại khác:

1. diễn ra vào mùa xuân
2. từ nguyên của DANH TỪ không xác định
3. liên hệ với việc quan sát vào ban đêm
4. việc sử dụng huyết
5. hình ảnh của những thiên sứ/các quỷ dữ
6. bữa ăn đặc biệt
7. những yếu tố nông nghiệp (bánh không men)
8. không có sự hiện diện của các thầy tế lễ, không có bàn thờ, không có sự tập chú địa phương

### III. Sự Kiện

A. Sự kiện chính được ghi chép trong Xuất 11-12.

B. Ngày lễ hàng năm được mô tả trong Xuất 12 và được kết hợp thành tám ngày lễ gọi là Lễ Bánh Không Men.

1. nguồn gốc nó đã là một sự kiện địa phương, Xuất 12:21-23; Phục 16:5 ( Dân Số Ký 9)
  - a. không có thầy tế lễ
  - b. không có bàn thờ đặc biệt
  - c. sự sử dụng chuyên biệt của huyết
2. nó trở thành một sự kiện tại đền thờ trung tâm
3. điều này kết hợp với sự dâng sinh tế địa phương (ví dụ, huyết của chiên con tưởng nhớ đến việc vượt qua của thiên sứ sự chết) và một ngày lễ mùa thu hoạch tại đền thờ trung tâm được hoàn tất khoảng gần với thời điểm của *Abib* hoặc *Nisan* 14 và 15-21

C. Sự sở hữu biểu tượng trên tất cả những con đầu lòng của con người và gia súc và sự giải cứu của họ được mô tả trong Xuất 13.

### IV. Những Sự Giải Thích Lịch Sử Của Việc Giữ Lễ Vượt Qua

- A. Lễ Vượt Qua đầu tiên cử hành tại Ai Cập, Xuất Ê-díp-tô Ký 12
- B. Tại Núi Hô-rép/Si-nai, Dân Số Ký 9

- C. Lễ Vượt Qua đầu tiên cử hành tại Ca-na-an (Ginh-ganh), Giô-suê 5:10-12
- D. Trong thời gian Sa-lô-môn cung hiến đền thờ, I Các Vua 9:25 và II Sử ký 8:12 (có lẽ vậy, nhưng không được đề cập cụ thể)
- E. một lần cử hành trong thời kỳ vua Ê-xê-chia cai trị, II Sử Ký 30
- F. một lần cử hành trong thời kỳ cải chánh của vua Giô-si-a, II Các Vua 23:21-23; II Sử ký 35:1-18
- G. Chú ý trong II Các Vua 23:22 và II Sử ký 35:18 đề cập đến sự xao nhãng của Y-sơ-ra-ên trong việc giữ ngày lễ hàng năm này

V. Tầm Quan Trọng

- A. Đây là một trong ba dịp lễ bắt buộc hàng năm ( Xuất 23:14-17; 34:22-24; Phục 16:16):
  - 1. Lễ Vượt Qua/Bánh Không Men
  - 2. Lễ của Các Tuần
  - 3. Lễ Lều Tạm
- B. Môi-se báo trước ngày lễ này cần phải giữ tại đền thờ trung tâm (cũng như hai ngày lễ khác) trong Phục Truyền.
- C. Chúa Giê-xu dùng bữa ăn của dịp Lễ Vượt Qua hàng năm để bày tỏ về Giao Ước Mới với biểu tượng bởi bánh và chén, nhưng không sử dụng chiên con:
  - 1. bữa ăn cộng đồng
  - 2. sinh tế cứu chuộc
  - 3. tầm quan trọng tiếp diễn đến những thế hệ tiếp theo

} **“ban đêm”** Khi Thiên Sứ Sứ Chết vượt qua trong đêm đó (BDB 538), Pha-ra-ôn phán, “hãy rời đi ngay bây giờ” ( Xuất 12:31-33). Người Y-sơ-ra-ên rời đi ngay lập tức.

**16:2 “tù trong bầy”** So sánh với Xuất 12:5 và II Sử ký 30:24; 35:7, vốn mở rộng cho sinh tế từ chiên hoặc dê thành giới hạn của toàn thể các con vật nuôi là gia súc.

} **“Tại trong nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn để danh Ngài ở”** Tại Ai Cập đây là một phần của gia đình; trong Phục Truyền nó được chọn trước dành cho sự thờ phượng tại đền thờ trung tâm ( 12:5,11,13,14,18,21,26; 14:23,25; 15:20; 16:2,6,7,11,15,16; 17:8,10; 18:6;23:16;26:2;31:11).

**16:3 “bánh không men”** Người Y-sơ-ra-ên không thể chờ đến sáng để bánh có thể nở ra. Chi tiết này trong đêm xuất hành đưa ra nguyên do của việc Lễ Vượt Qua của Cuộc Xuất Hành được kết hợp với một dịp lễ nông nghiệp (Xuất 12:15-20; 23:14-17; 34:18).

Men, vốn được sử dụng thường xuyên trong yếu tố trong danh sách dâng hiến ( Lê-vi Ký 7:13; 23:17), trở nên một biểu tượng cho tội lỗi và sự phản nghịch. Sự lên men được xem như là một lễ biểu tượng cho cơ hội của người Y-sơ-ra-ên theo cách cá nhân để tra xét đời sống của mỗi người về bất kỳ dấu vết nào của sự nổi loạn hoặc không vâng phục ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngày Đại Lễ Chuộc Tội ( Lê Vi Ký 16) thực hiện chức năng ở cấp độ quốc gia, Lễ Bánh Không Men thực hiện ở cấp độ cá nhân hoặc gia đình.

Ngày lễ bắt buộc hàng năm này được kết hợp với Lễ Vượt Qua đã gìn giữ sự giải cứu ân điển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mãi mãi trước tâm trí và tâm lòng của dân sự Ngài. Cũng như ân điển và lời hứa đã cung cấp sự giải cứu khỏi Ai Cập, vì vậy Y-sơ-ra-ên phụ thuộc vào những đặc tính thiên thượng này để giải cứu họ khi thời gian trôi qua (4:9).

} **“bánh hoạn nạn”** Hãy xem Xuất 12:8.

} **“(vì người ra khỏi xứ Ê-díp-tô với vàng)”** Người Do Thái rời đi một cách vội vàng trong sự thỉnh cầu của Pha-ra-ôn ( Xuất 12:31-33).

} “**hầu cho ... người nhớ... Ê-díp-tô**” Lễ Vượt Qua có một tầm quan trọng về lịch sử và thần học. Tại Ai Cập, sự trải nghiệm Lễ Vượt Qua mang tính chất gia đình; trong Phục Truyền, nó báo trước về hệ thống chức vụ đền thờ trung tâm; trong thời của Chúa Giê-xu nó trở thành một sự kết hợp của cả hai (một phần ở đền thờ và phần khác tại gia đình hoặc nơi mà những người hành hương này sẽ trú ngụ trong khi ở tại Giê-ru-sa-lem).

**16:4** Hãy nhớ rằng, Môi-se đang đề cập, đến phần lớn, những con cái của thế hệ rời Ai Cập (Xuất Hành). Câu này hàm ý rằng mỗi thế hệ cần phải đặt mình vào chỗ của thế hệ đầu tiên là những người đã kinh nghiệm được quyền năng và sự hiện diện của Đức Chúa Trời, nhưng đã nghịch lại và chết trong đồng vắng. Mỗi một lễ hàng năm đều để giúp Y-so-ra-ên tin cậy nhiều hơn vào sự hiện diện và chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài đang ở với họ và đứng về phía họ, cũng như Ngài đã ở với tổ phụ của họ.

**16:5 “trong mỗi thành của các người”** Từ này có nghĩa đen là “các cổng” (BDB 1044, 12:15,17,21), qua đó chỉ về một thời điểm tương lai sau khi Y-so-ra-ên đã chinh phục Ca-na-an ( trong câu 18).

**16:6 “vào lối chiều, vừa khi mặt trời lặn”** Đối với người Y-so-ra-ên điều này chỉ về việc bắt đầu của một ngày mới ( Sáng Thế Ký 1, Xuất 12:6. ).

**16:7 “Người sẽ nấu và ăn nó”** Từ Hê-bơ-rơ có thể có nghĩa “luộc” hoặc “nấu” (BDB 143, KB 164, *Piel* THÈ HOÀN THÀNH), nhưng lý do theo Xuất 12:8-9, nó phải có nghĩa là “nấu”

} “**Các người phải trở về trại mình**” Điều này có nghĩa: (1) Sự sắp đặt như thời kỳ lang thang trong hoang mạc (hoặc ít nhất là của bình nguyên Mô-áp); (2) những người hành hương sẽ lên Giê-ru-sa-lem và ở trong trại trong suốt bảy ngày của kỳ lễ; hoặc (3) nó là một thành ngữ có nghĩa “trở về nhà mình”.

**16:8 “một lễ trọng thể cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người”** Kỳ lễ kết thúc với một buổi thờ phượng của cộng đồng ( Xuất 12:16, “một sự tập trung thánh”). Một mục đích của nơi thánh trung tâm chính là sự phát triển một ý thức định danh tập thể và cộng đồng.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 16:9-12**

<sup>9</sup>” Người phải đếm bảy tuần; khởi đếm bảy tuần này từ ngày người ta tra cái lưỡi hái vào mùa gặt; <sup>10</sup> kẻ người sẽ giữ lễ bảy tuần cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, do tay mình đem dâng của lễ lạc ý, tùy theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban phước cho người. <sup>11</sup> Người, con trai, con gái người, tôi trai và tó gái người, người Lê-vi ở trong thành người, người khách lạ, kẻ mồ côi và người góa bụa ở giữa vòng người, đều sẽ vui vẻ tại trong chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn để danh Ngài ở. <sup>12</sup> Phải nhớ lại rằng mình đã làm tội tại xứ Ê-díp-tô, và khá cẩn thận làm theo các luật lệ này. ”

**16:10 “Lễ Các Tuần Lễ”**Lễ này cũng được gọi là (1) Lễ Mùa Gặt trong Xuất 23:16) và (2) Lễ Hoa Quả Đầu Mùa trong Dân Số Ký 28:26. Sau này, nó trở thành Lễ Ngũ Tuần (liên kết theo ngôn ngữ ra-bi với việc ban Luật Pháp tại ngọn núi Si-nai), vốn có nghĩa là “năm mươi ngày.” Nó chính là lễ mùa gặt tháng Năm-tháng Sáu hoặc là thời gian của mùa gặt lúa mì. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải *Ba-anh*, chính là Đấng chu cấp!

} “**của lễ lạc ý**” Lễ này cho phép dân sự mang một của lễ trong sự đồng ý với việc Đức Chúa Trời đã ban phước cho mỗi một người xiết bao ( trong câu 17). Đây là nguyên tắc toàn cầu của việc dâng hiến ( II Cô-rinh-tô 8-9).

**16:11 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA** muốn mọi người điều biết về những hành động của Ngài trong quá khứ cho Y-so-ra-ên và sự chăm sóc đặc biệt của Ngài dành cho những ai ở trong sự thiết thôn (trong câu 14; 12:12,18,19; 14:27,29; 26:11-13).

**16:12 “(người) phải nhớ lại”** Lý do thần học của Lễ các Tuần Lễ (mùa gặt nông nghiệp) chính là trải nghiệm nô lệ của Y-sơ-ra-ên tại Ai Cập.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 16:13-15**

**13** Khi người đã thu hoạch của sân đập lúa và hầm rượu mình rồi, thì phải giữ lễ lều tạm trong bảy ngày. **14** Người, con trai và con gái người, tôi trai và tớ gái người, người Lê-vi, khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa đều sẽ vui vẻ mà giữ lễ đó. **15** Trong bảy ngày người phải giữ lễ này cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tại nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ ban phước cho các mùa màng và mọi công việc của tay người; rồi người sẽ vui mừng trọn vẹn.”

**16:13 “Lễ Lều Tạm”** Lễ Lều Tạm đến trong mùa thu và trong thời gian came in the fall and was during the gặt hái ( Xuất 23:16; 34:22; Lê-vi Ký 23:33-43).

Bối cảnh của “lều tạm” được nói để bày tỏ về kinh nghiệm của người Y-sơ-ra-ên về:

1. đời sống nông nghiệp tại Ai Cập, nơi những lều được dựng lên trên cánh đồng trong thời gian thu hoạch
2. cuộc sống trong những căn nhà tạm (những túp lều) trong thời gian xuất hành và lang thang trong đồng vắng
3. những chỗ ở tạm cần thiết cho những người hành hương để ở tại đền thờ trung tâm (ít khả năng chứng minh)

**16:15 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA** muốn ban phước cho dân sự Ngài để họ có thể vui mừng (BDB 970, KB 1333, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) cách cá nhân, cũng như một gia đình và cả dân sự của Đức Chúa Trời ( 12:7,12,18; 14:26; 16:11,14; 26:11; 27:7).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 16:16-17**

**16** Mọi người nam trong các người, mỗi năm ba lần, phải ra mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tại nơi mà Ngài sẽ chọn: tức là nhằm lễ bánh không men, lễ bảy tuần và lễ lều tạm; người ta chẳng nên đi tay không ra mắt Đức Giê-hô-va. **17** Mọi người sẽ dâng tùy theo của mình có, tùy theo phước mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người. ”

**16:16 “Mọi người nam trong các người, mỗi năm ba lần, phải ra mắt”** Câu 16 và 17 những câu tổng kết lại những điều áp dụng cho cả ba kỳ lễ ( Xuất 23:14,17). Hãy nhớ rằng những bữa ăn là những dịp đặc biệt của tình bè bạn và tình cảm gia đình. Những kỳ lễ này cho phép dân Y-sơ-ra-ên để:

1. phát triển một ý thức cộng đồng quốc gia
2. dạy về những hành động ân điển của Đức Chúa Trời cho những thế hệ mới
3. giúp đỡ người nghèo khổ và thiếu thốn
4. vui mừng trong sự tốt lành của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và sự ứng nghiệm của những lời hứa và phước hạnh giao ước của Ngài. Tại sao chỉ những người nam? Điều này có phản ánh vai trò phục tùng của người nữ hay không? Chắc chắn vùng Cận Đông cổ đại không theo chủ nghĩa bình đẳng, nhưng những người phụ nữ luôn được tôn trọng trong vòng Y-sơ-ra-ên (Châm Ngôn 31).

Tôi nghĩ có hai khả năng thích hợp ở đây:

1. sự cần thiết những người phụ nữ ở nhà để điều hành việc chăn nuôi và công việc nông nghiệp, đặc biệt trong sự vắng mặt của những người nam
2. việc cử hành của chỉ những người nam sẽ đánh dấu cách thực sự đáng quan tâm về sự thờ phượng của người Y-sơ-ra-ên như là một sự khác biệt với sự thờ phượng phồn thực của người Ca-na-an, nơi mà người phụ nữ được trông đợi hiện diện. Để xem một sự thảo luận tốt và ngắn gọn về ba kỳ lễ hành hương hàng năm, hãy xem bộ *Ancient Israel*, được viết bởi Roland de Vaux, quyển 2, trang 484-502.

**⌋ “Lễ”** Từ Hê-bơ-rơ này (BDB 290, KB 290), cả ĐỘNG TỪ và DANH TỪ, chỉ về một trong ba kỳ thờ phượng hàng năm tại đền thờ trung tâm. nó cũng có thể được dịch là “lễ-hành hương.”

**16:17 “dâng tùy theo của mình có”** Điều này chỉ về một nguyên tắc chung của việc dâng hiến—mỗi người cần dâng hiến tùy theo khả năng của mình (trong câu 10; II Cô-rinh-tô 8-9).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 16:18-20**

<sup>18</sup> "Người phải tùy tùng chi phái mình lập những quan án trong các thành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người; những quan án ấy sẽ xử đoán dân sự cách công bình. <sup>19</sup> Người chớ làm dịch sự chánh trực, chớ thiên vị ai, cũng chẳng nên nhận của hối lộ; vì của hối lộ làm cho mù mắt kẻ khôn ngoan, và làm rối lời của người công bình. <sup>20</sup> Người phải theo sự công bình cách trọn vẹn, để người được sống và nhận lấy xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người."

**16:18-20** Đây là một phần riêng biệt vốn nên đi với đoạn 18. Nó xử lý với những hướng dẫn dành cho sự lãnh đạo dân sự (những quan xét, những thẩm phán Lê-vi, các vị vua, các thầy tế lễ, và những tiên tri).

**16:18 “Người phải ...lập những quan án trong (tất cả) các thành”** Đây cũng là những trưởng lão của (công) thành (ví dụ, 21:19; 22:15; A-môt 5:10,12,15). Môi-se là vị thẩm phán chính, nhưng ông sẽ chỉ định những người giúp đỡ ( Phục 1:9-18; Xuất 18:13-27).

**16:19 “Người không được”** Câu này liệt kê ra ba hướng dẫn dành cho những quan xét, những người giúp đỡ Môi-se:

1. Người chớ làm dịch sự chánh trực (bẻ cong công lý) (BDB 639, KB 692, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Xuất 23:6; 27:19; Phục 16:19; 24:17; 27:19)
2. (Người) chớ thiên vị ai (BDB 647, KB 699, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nghĩa đentiếng Hê-bơ-rơ là “người không được nhìn vào một khuôn mặt”)
3. Người không được nhận của hối lộ (BDB 542, KB 534, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Phục 27:25).

**} “của hối lộ”** Của hối lộ làm hai việc:

1. “làm mù mắt của những người khôn ngoan” - BDB 734, KB 802, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Xuất 23:8; nó có nghĩa bóng chỉ về quyền lực của tiền bạc
2. “làm hư hỏng (nghĩa đen ‘xoay chuyển’) lời của những người công chính” - BDB 701, KB 758, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Xuất 23:8; hãy nhớ từ “chính trực” hoặc “công chính” là từ thuật ngữ, “cây sậy được dùng để đo đạc” hoặc “lề thẳng” (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:16). Hầu hết các từ cho tội lỗi trong Kinh Thánh đều là cách chơi chữ trong ý tưởng này.

**16:20 “chánh trực (công bình)”** Từ “chính trực” trong câu 20 and “công chính” trong câu 18 có cùng một gốc Hê-bơ-rơ (BDB 841), là điều nói lên một chuẩn mực. Một quan án cai trị theo tiêu chuẩn vốn là sự bày tỏ ý muốn Đức Chúa Trời (“công chính”, và *chi* sự công chính”). Người lãnh đạo (quan xét địa phương và quan xét tế lễ) cần phải là khuôn mẫu của sự thương xót, nhưng công bằng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Xuất 23:6-8).

**} “người phải theo (đeo đuối)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 922, KB 1191, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng theo nghĩa đen trong Phục 11:4; 19:6, nhưng ở đây nó có nghĩa bóng về hệ thống tư pháp của Y-sơ-ra-ên. Những lần sử dụng theo nghĩa bóng được tìm thấy trong Thi 34:14; Châm Ngôn 21:21; Ê-sai 51:5; và Ô-sê 6:3.

**} “đề”** Sự sở hữu đất đai và những lời hứa/ phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên là có điều kiện (4:1,25- 26,40; 5:16,29,33; 6:18; 8:1; 11:8-9,18-21; 16:20; 32:46-47).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 16:21-22**

<sup>21</sup> "Gần bên bàn thờ mà người sẽ lập cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, chớ dựng lên hình tượng của thần A-sê-ra bằng thứ cây nào. <sup>22</sup> Cũng chẳng nên dựng lên một trụ thờ nào: Giê-hô-va Đức Chúa Trời người lấy làm ghét các vật ấy."



**16:21** Phục Truyền 16:21, 22 và 17:1 là một đoạn văn. Đoạn văn này giải quyết với những cách thích đáng của việc dâng sinh tế. Để xem một sự mô tả ngắn gọn của sự thờ phượng của người Ca-na-an hãy xem, *Archaeology and the Old Testament*, được viết bởi Alfred J. Hoerth, trang 219-222 và William Foxwell Albright, *Archaeology and the Religion of Israel*, trang 67- 92.

} **“(Người) chớ dựng lên hình tượng của thần A-sê-ra bằng thứ cây nào”** “lùm cây” này hoặc A-sê-ra chỉ về hoặc một lùm cây hoặc những lỗ trong đó mọc lên những hệ thống thờ phượng của người Ca-na-an. Tại đó có những cây sào, hoặc cây còn sống, đại diện cho người vợ nữ giới của những vị thần sinh sản, được đặt tại đó. Điều này biểu tượng cho sự thờ phượng phồn thực (sự sinh sản). Hãy xem ghi chú tại 12:3.

**16:22** **“(Người) cũng chớ nên dựng lên một trụ thờ nào”** Hãy xem ghi chú tại 12:3.

} **“Đức Chúa Trời người lấy làm ghét”** Hãy xem ghi chú tại 12:31.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao Đức Giê-hô-va lại muốn ba kỳ hội họp nhóm lại hàng năm?
2. Có phải tất cả ba kỳ lễ này đều liên quan với nông nghiệp? Có phải điều này chỉ ra rằng Môi-se đã lấy những ngày lễ đã tồn tại và thay đổi mục đích của chúng?
3. Hãy liệt kê và mô tả về những ngày lễ này.
4. Hãy liệt kê ba nguyên tắc của những quan xét.
  - a.
  - b.
  - c.
5. Làm thế nào đoạn 16:21-22 liên hệ với 17:1?

# PHỤC TRUYỀN 17

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Công Lý Phải Được Thi Hành (16:18-17:13)	Những Luật Xử Lý Với Công Lý và Tôn Giáo (16:18-17:20)	Sự Quản Trị Của Công Lý (16:18-17:13)	Những Sự Lam Dụng trong Thờ Phượng (16:21-17:7)
16:21-17:1	16:21-17:1	16:21-17:1	16:21-17:1
17:2-7	17:2-7	17:2-7	17:2-7
			Những Quan Án Lê-vi
17:8-13	17:8-13	17:8-13	17:8-13
Những Nguyên Tắc của Vua Cai Trị		Những Hướng Dẫn Liên Quan đến Vua	Kings
17:14-17	17:14-20	17:14-20	17:14-15
			17:16-20
17:18-20			

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
- 4.v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 17:1

<sup>1</sup>" Người chớ dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người con bò đực, hoặc con chiên có tí vết, hay một tật chi; vì ấy là một sự gớm ghiếc cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người."

**17:1 “có tí vết hay (bất kỳ) một tật chi”** Câu này trong văn mạch có liên hệ với 16:21-22, vốn cũng xử lý với những địa điểm và các loại sinh tế. Trong Cựu Ước “tí vết” (BDB 548) chỉ về bất kỳ loại nào của sự khiếm khuyết vật lý ( 15:21; Lê-vi Ký 22:20-25). Ma-la-chi 1:6-8 ghi chép lại về một ví dụ của việc Y-sơ-ra-ên đã dâng hiến cho Đức Chúa Trời điều thấp hơn là sự tốt nhất.

NASB	“môt thứ đáng ghê tởm”
NKJV	“môt sự gớm ghiếc”
NRSV	“sự đáng ghê tởm”
TEV	“Đức Giê-hô-va ghét điều đó”
NJB	“đáng gớm ghiếc”

Từ này (BDB 1072) được thảo luận ở 14:3.

⌘ “Giê-hô-va Đức Chúa Trời nguoi” Đây là cụm từ giao ước thông dụng sử dụng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Elohim. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 17:2-7**

<sup>2</sup> Khi ở giữa nguoi, trong một thành nào mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời nguoi ban cho nguoi, có một người nam hay nữ làm điều ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời nguoi, vi phạm giao ước Ngài, <sup>3</sup> đi hầu việc và quì lạy các thần khác, hoặc mặt trời, mặt trăng, hay là cả thiên binh, --- tức là điều ta không có dạy biểu; --- <sup>4</sup> khi điều đó đem học cho nguoi hay, thì phải tra hỏi kỹ càng, và nếu điều người ta nói là thật, và quả quyết có một sự gớm ghê dường ấy đã phạm trong Y-sơ-ra-ên, <sup>5</sup> thì nguoi phải dẫn người nam hay nữ đã làm việc ác đó đến cửa thành, ném đá cho chúng nó chết. <sup>6</sup> Cứ theo lời của hai hoặc ba người chứng mới xử tử kẻ đáng bị chết; nhưng cứ lời của một người chứng không đủ xử tử người. <sup>7</sup> Tay của các người chứng phải tra vào mình nó đầu hết, đặt làm cho nó chết, kể sau tay của cả dân sự. Như vậy, nguoi sẽ cắt kẻo hung ác khỏi giữa mình.”

17:2-13 Những câu này xử lý với sự thực thi công chính. Những câu 2-7 xử lý với sự thờ hình tượng và sự làm chúng hợp pháp. Những câu 8-13 xử lý với sự thiết lập thực tế những phiên tòa.

**17:2**

NASB	“là người làm điều ác”
NKJV	“(là người) trở nên xấu xa”
NRSV	“là người làm những điều xấu”
TEV	“đã phạm tội”
NJB	“là người làm điều sai trật”

Cụm từ này là một *Qal* ĐỘNG TỪ THÊ CHƯA HOÀN THÀNH (BDB 793 I, KB 889) và một TÂN NGỮ TRỰC TIẾP (BDB 948). Đây là một từ gốc hai yếu tố hợp nhau phổ biến 𐤒𐤓, vốn có nghĩa là “tê hại,” “xấu,” “chịu gian nan,” “khốn khổ,” “bị thương,” hoặc “thảm họa.” Ở đây bối cảnh định nghĩa nó là (1) “sự vi phạm giao ước của Ngài,” câu 2 (BDB 716, KB 778, có nghĩa đen là “bỏ qua”) và (2) “đã đi và phục vụ những thần khác và thờ phượng chúng,” trong câu 3:

1. “đã đi” - BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
2. “đã phục vụ” - BDB 712, KB 773, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
3. “đã thờ phượng” - BDB 1005, KB 295, *Hishtaphel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

⌘ “vi phạm giao ước Ngài” ĐỘNG TỪ này (BDB 716, KB 778, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) căn bản có nghĩa là “bỏ qua” hoặc “băng qua.” Nó thường được sử dụng nhiều nhất theo một nghĩa đen, nhưng đôi khi trong một nghĩa thần học. Nó khởi đầu có thể chỉ về hành động chia cắt đôi một con thú như là một hành động giao ước và bước qua giữa các phần (ví dụ, Sáng 15:17). Sự vi phạm giao ước sẽ gây hậu quả là sự chết hoặc hủy diệt (giống như những con thú bị cắt đôi). Nó chỉ về sự vi phạm của những hành vi được định nghĩa rõ ràng (ví dụ, những điều khoản giao ước, 26:13; Giô-suê 7:11,15; Các quan xét 2:20; II Các Vua 18:12; Giê-rê-mi 34:18-19; Ô-sê 6:7; 8:1).

17:3 “mặt trời, mặt trăng, hay là cả thiên binh” Người Ba-by-lôn cổ đại là những người đầu tiên, nhưng không phải cuối cùng, xem những vật thể trên bầu trời như là những đại diện của các vị thần và nữ thần (4:19; II Các Vua 17:16; 21:3,5; 23:4-5; II Sử ký 33:3,5; Giê-rê-mi 8:2; 19:13). Họ cảm thấy những nguồn sáng của bầu trời kiểm soát vận mệnh của con người (thuộc thể và thuộc linh).

**17:4** Câu này tương tự với 13:14. ĐỘNG TỪ này “ (ngươi) phải tra hỏi kỹ càng” (BDB 205, KB 233, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) ngụ ý một cuộc điều tra hoàn chỉnh ( 13:14; 17:4,9; 19:18; Lê-vi Ký 10:16; Các quan xét 6:29). Những sự cáo buộc và những thông tin gián tiếp không đủ để cáo buộc. Hệ thống tư pháp của Y-sơ-ra-ên khá nặng nề (“bị ném đá cho đến chết,” câu 5), nhưng kỹ lưỡng.

}

**NASB, TEV** “nếu điều đó là đúng”  
**NKJV** “nếu điều người ta nói là thật”  
**NRSV** “nếu lời cáo buộc được chứng minh là đúng”  
**NJB** “nếu tìm thấy sự chính xác và xác thực”

Thành ngữ Hê-bơ-rơ này (PHÂN TỪ mang tính giả thuyết, BDB 243 II, b và DANH TỪ BDB 54) được lặp lại ba lần trong sách Phục Truyền (ví dụ, 13:14; 17:4; 22:20).

}

**NASB** “việc đáng gớm ghiếc”  
**NKJV** “một sự gớm ghê dường ấy”  
**NRSV** “một việc đáng ghê tởm”  
**TEV** “điều ác này”  
**NJB** “sự đáng ghét này”

Thuật ngữ tương tự (BDB 1072) được sử dụng trong 17:1, nơi nó chỉ về một sinh tế bị tì vết (khiếm khuyết). Ở đây nó chỉ về sự thờ hình tượng (ví dụ, “thiên binh (đạo quân của bầu trời)”).

}

**“Y-sơ-ra-ên”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:1.

**17:5 “đến cửa thành”** Cụm từ này có nghĩa là “đến tòa án địa phương của ngươi.” Ở đây là nơi mà những người trưởng lão địa phương ngồi.

}

**“ném đá cho (đến khi) chúng nó chết”** Đây là một dạng hình phạt cộng đồng (trong câu 7). Mỗi thành viên trưởng thành của cộng đồng hành động để loại bỏ điều ác khỏi nó (Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 13:10).

}

Câu tiếng Hê-bơ-rơ có một chuỗi những ĐỘNG TỪ chỉ về cái chết trong các câu 5-7:

1. “ném đá cho đến chết” - BDB 709, KB 768, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, câu 5
2. sự chết - BDB 559, KB 562
  - a. câu 5, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
  - b. câu 6, *Hophal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
  - c. câu 6, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ
  - d. câu 6, *Hophal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
  - e. câu 7, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Những sự vi phạm giao ước mang lại những hậu quả nghiêm trọng (Phục Truyền 27-29)! Điều ác bên trong cộng đồng cần phải bị tiệt trừ.

**17:6 “theo lời của hai hoặc ba người chứng”** Đây là yêu cầu mang tính Môi-se ( Dân Số Ký 35:30 và Phục 19:15; cũng hãy xem Ma-thi-ơ 18:16; Giăng 8:7; II Cô-rinh-tô 13:1; và I Ti-mô-thê 5:19).

}

**“lời của một người chứng không đủ xử tử người”** Hãy xem 19:15-21 và Dân Số Ký 35:30.

**17:7 “Tay của các người chứng phải tra vào mình nó đầu hết”** Người làm chứng chống lại người đó phải ném những viên đá đầu tiên ( 13:9; Lê-vi Ký 24:14). Do vậy, nếu những người làm chứng dối trá, khi đó Đức Chúa Trời sẽ hình phạt họ bởi vì đã làm đổ máu vô tội (tội giết người).

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 17:8-13

<sup>8</sup> Khi nào trong thành mình có một sự tranh tụng, hoặc vì đổ huyết, hoặc vì giành xé, hay là vì thương tích, mà người phân xử lấy làm khó quá, thì phải đứng dậy, đi lên chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn, <sup>9</sup> đến gần những thầy tế lễ về chi phái Lê-vi, cùng người đương khi ấy làm quan án, mà hỏi han họ; họ sẽ tỏ cho mình biết sự phán xét đáng định. <sup>10</sup> Người phải làm y theo lời họ tỏ dạy cho mình tại nơi Đức Giê-hô-va sẽ chọn, và khá cẩn thận làm theo mọi lời dạy của họ. <sup>11</sup> Phải làm theo luật pháp họ dạy cho, và sự phán xét họ giảng ra, chớ xây về bên hữu hay bên tả mà bỏ các điều giảng của họ. <sup>12</sup> Song người nào ở cách kiêu ngạo, không khứng vâng theo thầy tế lễ đứng tại đó đặt hầu việc Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, hay là không vâng quan án, thì người đó phải chết, và người sẽ cất sự ác khỏi giữa Y-sơ-ra-ên. <sup>13</sup> Cả dân sự sẽ nghe điều ấy và bắt sợ, không còn buông theo sự kiêu ngạo nữa."

**17:8** Những trường hợp rất khó (BDB 810, KB 927, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) cần phải được chỉ định đến những thầy tế lễ tại đền thờ trung tâm ( 12:5,11,13).

Những sự khó khăn tư pháp này được mô tả là:

1. “huyết đền huyết” (BDB 196), có nghĩa là sự giết người
2. “phán xử cho phán xử” (BDB 192)
  - a. NRSV, “loại của quyền hợp pháp và một quyền khác”
  - b. TEV, “những trường hợp của những quyền về tài sản”
  - c. NJB, “nhưng công bố sự xung đột”
  - d. REB, “các quyền dân sự”
  - e. JPSOA, “luật dân sự”
  - f. NET Bible, “những công bố pháp luật”
  - g. NIV, “những sự kiện cáo”
3. “đánh gây thương tích” (BDB 619), có nghĩa là những sự hành hung ( 21:5)

*The Jewish Study Bible*, trang 405, khẳng định rằng đây là những trường hợp khó liên quan đến việc thiếu những bằng chứng. Qua việc nhắc đến những thầy tế lễ ở đền thờ trung tâm, Môi-se xác nhận rằng những ý tưởng thiên thượng sẽ xác định sự phạm tội hoặc vô tội của các bên liên quan.

**}** “**chỗ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn**” ĐÔNG TỪ này (BDB 103, KB 119) được sử dụng trong Phục Truyền để chỉ về một vài điều:

1. Sự lựa chọn những tổ phụ của người Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 4:37
2. Sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 7:6,7; 10:15; 14:2
3. Sự lựa chọn địa điểm của đền thờ trung tâm của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 12:5,11,14,18,21,26; 14:23,24,25; 15:20; 16:2,6,7,11,15,16; 17:8,10; 18:6; 26:2; 31:11
4. Sự lựa chọn một vị vua của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 17:15
5. Sự lựa chọn chức vụ thầy tế lễ của A-rôn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (chi phái Lê-vi), 18:5; 21:5

**17:9** “**thầy tế lễ về chi phái Lê-vi**” Bản dịch Kinh Thánh Masoretic (MT, tiếng Hê-bơ-ơ), Bản Bảy Mươi (LXX, tiếng Hy Lạp), và Bản Peshitta (tiếng A-ram) sử dụng ở số nhiều, “những thầy tế lễ.” ở đây chỉ ra một nhóm hoặc hội của những thầy ( 19:17). Đây là những văn bản bằng chứng ra-bi cho Tòa Công Luận (được thiết lập bởi Ê-xơ-ra).

**}** “**quan án**” bản Kinh Thánh Masoretic (MT) sử dụng số ít. Điều này chỉ về một quan án số ít ( II Sử ký 19:11 cung cấp một ví dụ lịch sử cho điều này) hoặc là một lãnh đạo của một nhóm những quan án.

**17:9-12** Y-sơ-ra-ên phải tôn trọng và vâng phục những cuộc họp tư pháp này bởi vì chúng phản ánh thẩm quyền của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Chú ý những ĐÔNG TỪ được sử dụng:

1. “công bố” - BDB 616, KB 665
  - a. câu 9, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH
  - b. câu 10, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

- c. câu 11, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
- 2. “làm” - BDB 793, KB 889
  - a. câu 10, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
  - b. câu 10, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
  - c. câu 11, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
  - d. câu 12, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
- 3. “day” - BDB 434, KB 436
  - a. câu 10, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
  - b. câu 11, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
- 4. “không nghe” - BDB 1033, KB 1570, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

**17:11 “chớ xây về bên hữu hay bên tả mà bỏ các điều giảng của họ”** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho sự thay đổi phán quyết và hình phạt được đưa ra bởi những quan xét Lê-vi. Một ẩn dụ tương tự được sử dụng cho những lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 4:2; 12:32. Một khi ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã được biết, xoay qua bên trái hoặc bên phải có nghĩa là không vâng phục ( 5:32; 17:20; 28:14; Giô-suê 1:7; 23:6; II Các Vua 22:2; Châm 4:27).

**17:12 “cách kiêu ngạo”** Từ này (BDB 268) được sử dụng không vâng phục cách cố ý (1:43; 17:12,13; 18:20,22). Quan án và thầy tế lễ là những người đại diện cho thẩm quyền của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Vì vậy, khi chối bỏ những quyết định của họ chính là chối bỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Trong 18:20-22, đó là những tiên tri là những người không biết rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán trong danh Ngài, sử dụng thẩm quyền của Ngài!

} “**thầy tế lễ đứng tại đó đặng hầu việc Giê-hô-va**” Đây là một ẩn dụ dành cho một người thầy tế lễ Lê-vi.

}  
**NASB, NRSV** “**người sẽ cất sự ác khỏi giữa Y-so-ra-ên**”  
**NKJV** “**người sẽ cất bỏ con người ác đó ra khỏi Y-so-ra-ên**” **TEV**  
 “**người sẽ loại bỏ sự ác khỏi Y-so-ra-ên**”  
**NJB** “**người phải ngăn cấm sự ác này khỏi Y-so-ra-ên**”  
 ĐÔNG TỪ này (BDB 128, KB 145, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là đốt hoặc thiêu cháy ( Dân Số Ký 11:3). Ở đây nó được sử dụng theo nghĩa bóng giống như trong 13:5; 17:7,12; 19:13,19; 21:21.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 17:14-17**

<sup>14</sup>” Khi người đã vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho, được nhận lấy và ở tại xứ đó rồi, nếu người nói: Tôi sẽ lập một vua lên cai trị tôi, như các dân tộc chung quanh, <sup>15</sup> thì khá lập một vua lên cai trị người, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn; phải lập lên một vua thuộc về anh em người; chớ nên lập một người ngoại bang lên, không phải anh em người. <sup>16</sup> Song vua ấy chẳng nên lo cho có nhiều ngựa, chớ vì muốn thêm nhiều ngựa mà dẫn dân sự trở lại xứ Ê-díp-tô; bởi Đức Giê-hô-va đã phán cùng các người rằng: Các người sẽ chẳng trở về đường đó nữa. <sup>17</sup> Vua cũng không nên kén nhiều phi tần, e lòng người trở xấu xa; lại chẳng nên thu góp nhiều bạc vàng”

**17:14-20** Có những câu Kinh Thánh gây tranh luận ở trong Cựu Ước, đặt biệt ở trong Ngũ Kinh. Những câu này nói về một vị vua sẽ đến. Rất nhiều học giả về Cựu Ước của thời đại chúng ta nói rằng Phục Truyền là quyển sách đã được thiết lập trong thời kỳ cải chánh của vua Giô-si-a, hàng trăm năm sau trong thời kỳ hoàng gia, và nó được viết bởi các thầy tế lễ để từ đó họ tập trung hóa sự thờ phượng tại Giê-ru-sa-lem. ( II Các Vua 22:8; II Sử ký 34:14-15). Họ cho rằng đây là bằng chứng nó không được viết bởi Môi-se bởi vì không có chỗ nào trong Ngũ Kinh mà tại đó đề cập đến một vị vua. Nó là một sự lỗi thời chỉ về Sa-lô-môn, và đương nhiên nó phải được viết rất muộn sau này. Tôi không tin một chút nào về những điều này! Một vài câu Kinh Thánh chỉ ra rằng những câu 14-20 là không độc nhất trong Ngũ Kinh là Sáng 17:6, 35:11; 36:31; Dân Số Ký 24:7; Các quan xét 8:22,23; 9:6. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÁC QUYỀN CỦA MÔI-SE TRÊN NGŨ KINH

### I. Sáng Thế Ký

A. Chính Kinh Thánh không đề cập đến tên của tác giả. Sáng Thế Ký không có những phần “tôi” như sách Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi hoặc những phần “chúng tôi” như trong sách Công Vụ.

### B. Truyền thống Do Thái:

1. Những tác giả Do Thái cổ xưa cho rằng Môi-se viết nó:
  - a. Ben Sirach, Huấn Ca 24:23, được viết vào khoảng năm 185 TC
  - b. Cuốn *Baba Bathra* 14b, là một phần của bộ Talmud
  - c. Philo người Alexandria, Ai Cập, là một nhà triết gia Do Thái, đã viết chỉ trước thời kỳ chức vụ của Chúa Giê-xu
  - d. Flavius Josephus, một nhà sử gia Do Thái, đã viết ngay sau thời kỳ chức vụ của Chúa Giê-xu.
2. Bộ Torah là một tài liệu thống nhất về lịch sử. Sau sách Sáng Thế Ký mỗi sách bắt đầu với một liên từ “và” (ngoại trừ sách Dân Số Ký).
3. Đây là một sự mặc khải dành cho Môi-se
  - a. Môi-se được cho là đã viết:
    - (1) Xuất 17:14
    - (2) Xuất 24:4, 7
    - (3) Xuất 34:27, 28
    - (4) Dân Số Ký 33:2
    - (5) Phục Truyền 31:9, 22, 24-26
  - b. Đức Chúa Trời được mô tả là đã phán qua Môi-se:
    - (1) Phục Truyền 5:4-5, 22
    - (2) Phục Truyền 6:1
    - (3) Phục Truyền 10:1
  - c. Môi-se được cho là đã phán những lời của bộ Kinh Torah (Ngũ Kinh) dành cho dân sự:
    - (1) Phục Truyền 1:1, 3
    - (2) Phục Truyền 5:1
    - (3) Phục Truyền 27:1
    - (4) Phục Truyền 29:2
    - (5) Phục Truyền 31:1, 30
    - (6) Phục Truyền 32:44
    - (7) Phục Truyền 33:1
4. Những tác giả Cựu Ước quy nó cho Môi-se (là tác giả):
  - a. Giô-suê 8:31
  - b. II Các Vua 14:6
  - c. Ê-xơ-ra 6:18
  - d. Nê-hê-mi 8:1; 13:1-2
  - e. II Sử Ký 25:4; 34:12; 35:12
  - f. Đa-ni-ên 9:11
  - g. Ma-la-chi 4:4

### C. Truyền thống Cơ Đốc

1. Chúa Giê-xu quy những câu trích trong bộ Kinh Torah cho Môi-se:

- a. Ma-thi-ơ 8:4; 19:8
  - b. Mác 1:44; 7:10; 10:5; 12:26
  - c. Lu-ca 5:14; 16:31; 20:37; 24:27, 44
  - d. Giăng 5:46-47; 7:19, 23
2. Những tác giả Tân Ước cũng quy những câu trích trong bộ Kinh Torah cho Môi-se:
- a. Lu-ca 2:22
  - b. Công Vụ 3:22; 13:39; 15:1,15-21; 26:22; 28:23
  - c. Rô-ma 10:5, 19
  - d. I Cô-rinh-tô 9:9
  - e. II Cô-rinh-tô 3:15
  - f. Hê-bơ-rơ 10:28
  - g. Khải Huyền 15:3
3. Hầu hết các Giáo Phụ Hội Thánh Đầu Tiên cũng đồng ý với tác quyền của Môi-se đặc biệt là Ireneus, Clement người Alexandria, Origen và Tertullian tất cả đều có những câu hỏi về mối liên hệ của Môi-se với hình thái kinh điển hiện thời của sách Sáng Thế Ký.

#### D. Những học giả Hiện Đại

1. Tất nhiên đã có một vài những sự biên tập thêm vào bộ Kinh Torah (có vẻ như là để khiến cho những công việc cổ xưa trở nên dễ hiểu cho những độc giả đương đại):
- a. Sáng Thế Ký 12:6; 13:7; 14:14; 21:34; 32:32; 36:31; 47:11
  - b. Xuất 11:3; 16:36
  - c. Dân Số Ký 12:3; 13:22; 15:22-23; 21:14-15; 32:33ff
  - d. Phục Truyền 3:14; 34:6
  - e. Những người ghi chép lịch sử cổ xưa được huấn luyện nghiêm ngặt và rất có học vấn. Những kỹ năng của họ có thể khác nhau ở những quốc gia khác nhau:
    - (1) tại vùng Mê-sô-bô-ta-mi họ phải cẩn thận không được thay đổi bất cứ điều gì, và thậm chí còn phải kiểm tra lại công việc của họ về tính chính xác của nó. Ở đây là một lời ghi chú cuối trang Sumerian cổ đại, (“công việc được hoàn tất từ đầu cho đến cuối, đã được chép lại, hiệu chỉnh, so sánh và đã được chứng nhận kiểm tra lại từng dấu nhỏ” vào khoảng năm 1400 TC)
    - (2) tại Ai Cập, họ có thể tự do hiệu chỉnh lại những văn bản cổ xưa để cập nhật chúng cho những độc giả đương thời. Những người ghi chép kinh Kô-ran đi theo cách tiếp cận này.
2. Những học giả của thế kỷ 19 đã lý thuyết hóa bộ Torah thành một bộ tài liệu tổng hợp tại từ nhiều nguồn khác nhau xuyên suốt qua một giai đoạn thời gian kéo dài (Graft-Wellhausen). Điều này được dựa trên những yếu tố sau đây:
- a. những danh xưng khác nhau dành cho Đức Chúa Trời
  - b. những câu chuyện được kể song hành với nhau rất rõ trong văn bản
  - c. hình thái của các ghi chép khác nhau
  - d. thần học của các ghi chép
3. Các nguồn giả định và ngày của chúng:
- a. nguồn J (sử dụng từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), 950 TC
  - b. nguồn E (sử dụng từ Elohim), 850 TC
  - c. nguồn JE kết hợp, 750 TC
  - d. nguồn D (“Quyển sách Luật Pháp,” 22:8, được khám phá vào thời kỳ cải cách của vua Giô-si-a trong khi tổ chức lại Đền Thờ được cho là sách Phục Truyền, được viết bởi một thầy tế lễ khuyết danh trong thời kỳ của vua Giô-si-a để hỗ trợ cho cuộc cải cách của ông.), 621 TC
  - e. nguồn P (tất cả các tài liệu chức vụ tế lễ đặc biệt là về lễ nghi và cách thức), 400 TC



- f. Chắc chắn đã có những sự hiệu đính thêm vào bộ Kinh Torah. Người Do Thái cho rằng chúng là:
- (1) Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm tại thời điểm của sách được viết
  - (2) Tiên Tri Giê-rê-mi
  - (3) Thầy Dạy Luật Ê-xơ-ra - IV Esdras cho rằng ông đã viết chúng bởi vì những tài liệu gốc đã bị phá hủy trong khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ vào năm 586 TC
- g. Tuy nhiên, lý thuyết về các nguồn J. E. D. P. đã nói nhiều hơn về những thuyết và phạm trù văn chương hiện đại hơn là những bằng chứng từ trong bộ Kinh Torah (hãy xem quyển *Introduction to the Old Testament*, được viết bởi R.K. Harrison, trang 495-541 và bộ *Tyndale Commentary Series*, cuốn “Lê Vi Ký,” trang 15-25).
- h. Những đặc điểm của văn thơ Hê-bơ-rơ
- (1) Những đoạn song hành, ví dụ như Sáng 1 & 2, là rất thông dụng với người Hê-bơ-rơ. Thường một sự mô tả chung được đưa ra và ngay sau đó theo sau bởi một ghi chép cụ thể. Đây có thể là cách nhấn mạnh những lẽ thật có thể giúp cho việc ghi nhớ bằng miệng.
  - (2) Những ra-bi cổ xưa nói rằng hai tên phổ biến nhất dành cho Đức Chúa Trời đều có sự quan trọng của nó:
    - (a) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – danh xưng Giao Ước dành cho Đấng Thánh trong cách Ngài liên hệ với Y-sơ-ra-ên như là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Chuộc Mua họ ( Thi 103)
    - (b) Elohim – Đấng Thánh chính là Đấng Tạo Hóa, Đấng Chu Cấp, và Đấng Nâng Đỡ tất cả mọi sự sống trên trái đất ( Thi 104)
  - (3) Sự phổ biến trong Văn Học Cận Đông ngoài Kinh Thánh về một sự đa dạng về phong cách và từ ngữ xảy ra trong những công trình văn học thống nhất (Harrison, trang 522-526).

Bằng chứng từ văn học khu vực Cận Đông Cổ Đại ngụ ý rằng Môi-se đã sử dụng những tài liệu viết bằng chữ nêm (cuneiform) hoặc những truyền thống truyền miệng theo phong cách của người Mê-sô-bô-ta-mi để viết Sáng Thế Ký. Điều này chắc chắn không chút nào có nghĩa là ngụ ý chỉ về một sự giảm nhẹ về sự thần cảm nhưng nó là một sự cố gắng để giải thích về một hiện tượng văn học của sách Sáng Thế Ký. Từ Sáng 37 bắt đầu có một sự ảnh hưởng Ai Cập rõ rệt về phong cách, thể loại và từ ngữ có vẻ chỉ ra rằng Môi-se sử dụng cả những sản phẩm văn học hoặc những truyền thống truyền miệng từ những ngày của người Y-sơ-ra-ên ở tại Ai Cập. Nền tảng giáo dục chính thống của Môi-se hoàn toàn là Ai Cập! Thể loại chính xác của bộ Ngũ Kinh (Pentateuch) là không xác định được. Tôi tin rằng Môi-se là người tổng hợp và tác giả của một phần lớn chủ yếu của bộ Ngũ Kinh, mặc dù ông có thể đã sử dụng những người ghi chép và/hoặc những tài liệu truyền thống viết hoặc truyền miệng. Tính chất lịch sử và sự đáng tin cậy của những sách đầu tiên này của Cựu Ước là chắc chắn.

## II. Xuất Ê-díp-tô Ký

- A. Bộ Kinh Torah là một nguồn ghi chép thống nhất. Xuất Ê-díp-tô Ký bắt đầu với liên từ “và” Hãy xem sự thảo luận khá dài ở trong đề cương của Sáng Thế Ký.
- B. Có một vài chỗ trong Xuất Ê-díp-tô ký nói rằng Môi-se đã viết:
  1. 17:14
  2. 24:4, 12
  3. 34:27, 28
- C. Giô-suê 8:31 trích dẫn Xuất 20:25 và quy nó cho Môi-se (là tác giả). Chúa Giê-xu trích Xuất 20:12,17 và quy nó cho Môi-se, Mác 7:10.

## III. Dân Số Ký

- A. Đây là quyển sách đầu tiên của bộ Kinh Torah đã xác định của nguồn được ghi chép của nó, “*Sách Chiến Trận của Đức Giê-hô-va*,” 21:14-15. Điều này chỉ rõ rằng Môi-se đã sử dụng những nguồn tài liệu được ghi chép khác.

- B. Sách này đề cập rằng Môi-se có thể và đã ghi chép lại những sự kiện trong Thời Kỳ Lang Thang trong Đòng Văng.
- C. Dân Số Ký cũng cung cấp một vài ví dụ của những sự hiệu đính thêm vào một cách chắc chắn (có lẽ là Giô-suê hoặc Sa-mu-ên):
  - 1. 12:1,3
  - 2. 13:22
  - 3. 15:22-23
  - 4. 21:14-15
  - 5. 32:từ câu 33
- D. Trong phần lớn các trường hợp Môi-se liên hệ với ngôi thứ ba ngoại trừ những lời trích dẫn trực tiếp. Điều này ngụ ý chỉ rằng Môi-se đã sử dụng những sự giúp đỡ ghi chép trong việc tổng hợp lại những nguồn tài liệu này.
- E. Rất thú vị khi chú ý rằng Dân Số Ký bao gồm hai sản phẩm văn học không phải của người Y-sơ-ra-ên: (1) bài thơ chế nhạo A-mô-rít trong 21:27-30 (có lẽ câu 30 là một sự thêm vào của người Y-sơ-ra-ên); và (2) cuộc nói chuyện của Ba-la-am với Ba-lác, Vua Mô-áp trong đoạn 23-24. Chúng cho thấy việc sử dụng những tài liệu viết và truyền miệng được thêm vào trong việc biên soạn quyển sách (*Sách Chiến Trận của Đức Giê-hô-va*).

#### IV. Phục Truyền

- A. Truyền Thống Do Thái:
  - 1. Những truyền thống cổ xưa thì khuyêt danh cho rằng tác giả là Môi-se.
  - 2. Được đề cập đến trong:
    - a. Kinh Talmud - Baba Bathra 14b
    - b. Kinh Mishnah (Các sự dạy dỗ trong Kinh Cựu Ước của Do Thái giáo, được sưu tập khoảng năm 200 A.D)
    - c. Huấn Ca (Ecclesiasticus) của Ben Sirach 24:23 (được viết vào khoảng 185 TC)
    - d. Philo ở Alexandria
    - e. Flavius Josephus
  - 3. Chính bản thân Kinh Thánh:
    - a. Các Quan Xét 3:4 và Giô-suê 8:31
    - b. “những lời của Môi-se”:
      - (1) Phục 1:1, 3
      - (2) Phục 5:1
      - (3) Phục 27:1
      - (4) Phục 29:2
      - (5) Phục 31:1, 30
      - (6) Phục 32:44
      - (7) Phục 33:1
    - c. “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán với Môi-se”:
      - (1) Phục 5:4-5, 22
      - (2) Phục 6:1
      - (3) Phục 10:1
    - d. “Môi-se viết”:
      - (1) Phục 31:9, 22, 24

(2) Xuất 17:14

(3) Xuất 24:4, 12

(4) Xuất 34:27-28

(5) Dân Số Ký 33:2

e. Chúa Giê-xu trích dẫn hoặc gián tiếp chỉ đến Phục Truyền và nói rằng “Môi-se nói”/”Môi-se viết”:

(1) Ma-thi-ơ 19:7-9; Mác 10:4-5 - Phục 24:1-4

(2) Mác 7:10 - Phục 5:16

(3) Lu-ca 16:31; 24:27, 44; Giăng 5:46-47; 7:19, 23

f. Phao-lô khẳng định rằng Môi-se là tác giả:

(1) Rô-ma 10:19 - Phục 32:21

(2) I Cô-rinh-tô 9:9 - Phục 25:4

(3) Ga-la-ti 3:10 - Phục 27:26

(4) Công Vụ 26:22; 28:23

g. Phi-e-rơ khẳng định rằng Môi-se là tác giả trong bài giảng trong lễ Ngũ Tuần của ông – Công Vụ 3:22

h. Tác giả sách Hê-bơ-rơ khẳng định Môi-se là tác giả - Hê-bơ-rơ 10:28 - Phục 17:2-6

## B. Nền Học Thuật Hiện Đại

1. Nhiều nhà thần học trong thế kỷ 18 và 19, đi theo thuyết nhiều tác giả của Graf-Wellhausen (J.E.D.P.), cho rằng Phục Truyền được viết bởi một thầy tế lễ/ tiên tri trong thời kỳ cai trị của vua Giô-si-a trên Giu-đa để ủng hộ cho sự cải chánh thuộc linh của ông. Điều này có thể có nghĩa là quyển sách được viết mượn tên của Môi-se vào khoảng năm 621 TC

2. Họ dựa trên:

a. II Các Vua 22:8; II Sử ký 34:14-15, “Ta có tìm được cuốn sách luật pháp ở trong đền của Đức Giê-hô-va.”

b. đoạn 12 thảo luận về một địa điểm duy nhất cho Đền Tạm và sau đó là Đền Thờ

c. đoạn 17 thảo luận về một vị vua sau này

d. sự thật của việc viết một cuốn sách mượn tên của một nhân vật nổi tiếng của quá khứ là phổ biến tại khu vực Cận Đông Cổ Đại và trong vòng những nhóm Do Thái

e. có những sự tương đồng về phong cách, từ ngữ, ngữ pháp giữa sách Phục Truyền và Giô-suê, Các Vua và Giê-rê-mi

f. Phục Truyền ghi chép lại về cái chết của Môi-se, trong đoạn 34

g. rõ ràng có những sự biên tập thêm vào sau này trong bộ Ngũ Kinh (Pentateuch):

(1) Phục Truyền 3:14

(2) Phục Truyền 34:6

h. sự khác biệt đôi khi không giải thích được trong việc sử dụng những tên khác nhau của Đấng Thánh: El, El Shaddai, Elohim, YHWH (Đức Giê-hô-va), có vẻ như là sự tập hợp những bối cảnh và giai đoạn lịch sử khác nhau.

## V. Kết luận

Truyền thống và khảo cổ học cho chúng ta những bằng chứng đáng tin cậy rằng Môi-se là người biên tập/ tác giả đằng sau Sáng Thế Ký - Phục Truyền. Ông cũng có thể đã sử dụng những nguồn truyền miệng và ghi chép, cũng như là những người ghi chép để hình thành nên tác phẩm văn học trong kinh thánh này. Nhưng rõ ràng là những nhà ghi chép và tiên tri sau đó đã cập nhật văn bản này dành cho những thế hệ của họ.

**17:14 “nếu người nói: Tôi sẽ lập một vua lên cai trị tôi, như các dân tộc chung quanh”** ĐÔNG TỪ này là một *Qal* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY (BDB 962, KB 1321). Nó được lặp lại bốn lần trong các câu 14 và 15. Sự sử dụng ĐÔNG TỪ thứ hai (*Qal* NGUYÊN MÃU TUYỆT ĐỐI) và thứ ba (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) đi cùng với nhau như là một cách của việc nhấn mạnh, làm nổi bật:

1. NASB, NKJV “người chắc chắn sẽ lập”
2. NRSV “người có thể thực sự lập”
3. TEV “hãy chắc chắn”

Vấn đề ở đây không phải là một vị vua, nhưng là một vị vua “như các dân tộc chung quanh tôi”! Vị vua đã phải đại diện cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( trong câu 8), không phải theo hướng của những triều đại ngoại bang. Vấn đề trước hết này được xử lý khi Y-sơ-ra-ên yêu cầu Sa-mu-ên cho họ một vị vua trong sách I Sa-mu-ên đoạn 8.

**17:15 “mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn”** Đức Chúa Trời là toàn năng, Ngài (chứ không phải Y-sơ-ra-ên, câu 14) chọn lựa con người, nhưng Y-sơ-ra-ên sẽ xác quyết sự lựa chọn của Ngài bởi sự khẳng định của họ (ví dụ, Các quan xét 11:11; Ô-sê 1:11).

Chú ý những hướng dẫn cho vị vua:

1. khi Y-sơ-ra-ên sở hữu vùng đất, trong câu 14
2. một người mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ chọn, trong câu 15
3. không được là một người ngoại bang, trong câu 15
4. ông ta không được tin cậy nơi sự vũ trang quân đội (“có nhiều ngựa”), trong câu 16
5. ông ta không được tìm kiếm sự giúp đỡ từ Ai Cập, trong câu 16
6. ông ta không được đặt lòng tin trong những liên minh chính trị (“nhiều vợ”), trong câu 17
7. ông ta không được tin cậy nơi của cải (“thâu góp nhiều bạc vàng”), trong câu 17

Điểm thứ 4-7 phía trên đây phản ánh những sự vi phạm của Sa-lô-môn! Đây là bộ luật duy nhất của vùng Cận Đông cổ xưa rằng vị vua phải có quyền lực giới hạn, nhưng trong Y-sơ-ra-ên Đức Chúa Trời:

1. thiết lập nơi và trình tự của sự công chính
2. thiết lập trình tự của sự thờ phượng
3. thiết lập giới hạn của quyền lực, sự kế vị và của cải của vua
4. vua là một người ở giữa rất nhiều những thành viên giao ước khác (trong câu 20)
5. vị vua cần phải thường xuyên học và thực hành (cách cá nhân và chính thức) luật pháp của Đức Chúa Trời (trong câu 18-19)

**17:16 “vua ấy chẳng nên lo cho có nhiều ngựa”** Ngựa được chỉ được sở hữu bởi những người cai trị, không phải dân chúng. Một con ngựa chính là vũ khí chiến đấu trong chiến tranh. Trong cách nói khác, “Đừng tin cậy nơi sức mạnh quân sự của người. Ta, Đức Chúa Trời, đang bảo vệ người.”

✚ **“Các người sẽ chẳng trở về đường đó nữa.”** Điều này có lẽ chỉ về việc thực hiện trao đổi những lính đánh thuê Hê-bơ-rơ để đổi lấy ngựa sau này. Một ví dụ lịch sử là cộng đồng Elephantine. Tuy nhiên, trong văn mạch, nó một lần nữa khẳng định rằng vị vua sắp đến sẽ phải tin cậy chỉ một mình nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mà thôi!

**17:17 “Vua cũng không nên kén nhiều phi tần”** Điều này chỉ về (1) tham vọng sử dụng quyền lực hoặc hơn nữa có thể là (2) những liên minh chính trị và tôn giáo. Đây là cách của khu vực Cận Đông cổ đại để hình thành những hiệp ước “không-hung bạo”.

✚ **“lại chẳng nên thâu góp nhiều bạc vàng (cho mình)”** Đức Chúa Trời đặt đê vị vua như là kẻ chặn chiêng được che phủ của Ngài. Người chặn chiêng được che phủ này không bao giờ nên đấu tranh cho của cải hoặc quyền lực của chính mình.

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 17:18-20**

**18**” Vừa khi tức vị, vua phải chiếu theo luật pháp này mà những thầy tế lễ về dòng Lê-vi giữ, chép một bản cho mình. **19** Bản ấy phải ở bên vua trọn đời, vua phải đọc ở trong, để tập biết kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này, và hết thầy điều răn này, --- **20** kéo lòng vua lướt trên anh em mình, xây về bên hữu hay bên tả, lia bỏ điều răn này, --- hầu cho vua và con cháu vua được trị vì lâu ngày giữa Y-sơ-ra-ên.”

**17:18-20** Những câu này là sự tóm tắt của mối quan hệ với ý muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời (Luật Pháp).

**17:18** “vua phải chiếu theo luật pháp...chép một bản cho mình” Điều này có lẽ chỉ về một người nào đó (một thầy tế lễ Lê-vi) thực hiện một bản sao cho ông ( II Các Vua 11:12). Đây là câu mà trong đó Bản Bảy Mươi (Septuagint) đã lấy để đặt tên cho sách Phục Truyền (Đệ Nhị Luật), nhưng trong văn mạch câu này chỉ về bản sao thứ hai của Luật Pháp, chứ không phải một bản hiệu đính của Luật Pháp.

**17:19** Câu này và câu 20 có một chuỗi các *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, vốn xuất phát từ việc đọc (BDB 894, KB 1128, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) và học hỏi (BDB 540, KB 531, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) từ sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về ý muốn của Ngài thông qua Môi-se (Bộ Ngũ Kinh) của vị vua:

1. kính sợ (BDB 431, KB 432)
2. vâng giữ (BDB 1036, KB 1581)
3. làm theo (BDB 793, KB 889)
4. tấm lòng lướt trên những anh em mình (BDB 926, KB 1202, 8:14)
5. (không) lia bỏ điều răn này (BDB 693, KB 747)

Bản ghi chép của luật pháp của Đức Chúa Trời phải ở lại với vị vua (điều này chỉ về ĐỘNG TỪ đầu tiên trong câu 19, BDB 224, KB 243, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH). Điều này phản ánh sự song hành của giao ước Hê-tít, vốn có hai bản chép của giao ước được lập. Một bản để trong đền thờ của vị thần của các thành viên giao ước (ở đây là đền thờ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) và bản kia được lưu với vị vua chư hầu (ví dụ, để được đọc định kỳ và như vậy có thể được làm đúng theo).

} “**luật pháp này, và hết thầy điều răn này**”Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

**17:20** “**về bên hữu hay bên tả**” Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ cho việc vâng phục. Ý muốn của Đức Chúa Trời được mô tả như “một lối đi” hoặc “một đường mòn.” Nó rõ ràng được đánh dấu rõ ràng (bởi Luật Pháp). Y-sơ-ra-ên cần phải ở trong lối đi đó (Thi 119:105), vốn chỉ về lối sống (Châm 6:23).

} “**hầu cho vua và con cháu vua được trị vì lâu ngày giữa Y-sơ-ra-ên**” Vương quyền, cũng giống như chức vụ của thầy tế lễ thượng phẩm, cần phải là một sự kế thừa theo dòng dõi. Vương quyền (sau này là khái niệm Đấng Mê-si) được tiên tri trước ở trong dòng dõi của Giu-đa (Sáng 49:10; II Sa-mu-ên 7).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Đoạn 16:21-22 liên hệ với 17:1 như thế nào?
2. Làm thế nào để công lý được thực thi?
3. Tại sao những câu 14-20 lại gây nhiều tranh cãi?
4. Mối liên hệ của vị vua của Y-sơ-ra-ên với luật pháp là gì?

# PHỤC TRUYỀN 18

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phân Chia của Những Thầy Tế Lễ Và Những Người Lê-vi	Sự Thờ Phụng Đức Chúa Trời Thích Đáng	Phân Chia của Những Thầy Tế Lễ	Chức Vụ Thầy Tế Lễ Lê-vi
18:1-5	18:1-2 18:3-5	18:1-2 18:3-5	18:1-2 18:3-5
18:6-8	18:6-8	18:6-8	18:6-8
Phòng Tránh Những Tập Tục Xấu		Cảnh Cáo Chống lại Những Sự Thực Hành Ngoại Giáo	Các Tiên Tri
18:9-14	18:9-14	18:9-13 Lời Hứa Sẽ Sai Một Tiên Tri	18:9-12 18:13-20
Một Tiên Tri Mới như Môi-se		18:14-15	
18:15-22	18:15-22	18:16-20 18:21-22	18:21-22

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang viii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH— 16:18 - 18:22 xử lý với sự lãnh đạo trên Y-sơ-ra-ên**

- A. Những Quan Xét - 16:18-20; 17:8-13
- B. Các Vua - 17:14-20
- C. Người Lê-vi/Các Thầy Tế Lễ - 18:1-8
- D. Những Tiên Tri - 18:9-22
  1. giả - từ câu 9-13

2. thật – từ câu 14-22
  - a. hiện tại (Môi-se)
  - b. tương lai (tiền và hậu lưu đày)
  - c. lai thế học (Đấng Mê-si)

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 18:1-2

<sup>1</sup>" Các thầy tế lễ dòng Lê-vi và cả bộ tộc Lê-vi sẽ không được chia phần sản nghiệp với Y-sơ-ra-ên. Họ sẽ sống bằng các sinh tế dùng lửa dâng lên Đức Giê-hô-va, là phần thuộc về Ngài. <sup>2</sup> Họ sẽ không có cơ nghiệp giữa anh em mình; chính Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp của họ như Ngài đã phán."

**18:1** “Các thầy tế lễ dòng Lê-vi và cả chi phái Lê-vi” Theo Roland de Vaux, *Ancient Israel*, quyển 2, trang 358, tên Lê-vi có thể có ba nguồn gốc từ nguyên:

1. “xoay tít vòng quanh,” chỉ về một điệu này hoặc một nghi thức tôn giáo (tương tự với sự nhảy múa của các tiên tri của *Ba-anh* trong I Các Vua 18:26)
2. “đi cùng với một ai đó” hoặc “gắn liền với một ai đó,” có lẽ là từ nguyên phổ biến được đưa ra trong Sáng 29:34, cũng hãy xem Dân Số Ký 18:2,4
3. “cho mượn,” “đưa một vật làm bằng chứng,” có lẽ chỉ về và song hành với “dâng” để chỉ về con đầu lòng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Dân Số Ký 3:12; 8:16) hoặc chỉ về Sa-mu-ên được dâng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong I Sa-mu-ên 1:28

Có một vài giai đoạn tiến triển liên quan đến việc này:

1. trong Xuất Ê-díp-tô Ký, con đầu lòng của mỗi gia đình được dâng lên cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, để phục sự Ngài ( Xuất 13)
2. điều này được thay đổi (giao ước Môi-se) dành cho một chi phái cụ thể (Lê-vi) là những người thực hiện chức năng như là những tôi tớ đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Dân Số Ký 3:12; 8:16)
3. điều này được bổ sung trong lịch sử Y-sơ-ra-ên:
  - a. một vài gia đình Lê-vi phục sự trong đền thờ trung tâm
  - b. những người khác phục vụ tại địa phương
  - c. sau này những ra-bi Do Thái mở rộng khái niệm của những thầy giảng Lê-vi thành những người ra-bi địa phương hoặc những thầy dạy luật, nhưng không nhất thiết phải từ chi phái Levi
4. để xem một sự thảo luận về một thuyết khác hãy xem quyển (1) *The Language and Imagery of the Bible*, được viết bởi G. B. Caird, trang 70 và (2) *Ancient Israel* được viết bởi Roland de Vaux, quyển 2, trang 360-371

**}** “không có phần sản nghiệp giữa anh em mình” Phần cơ nghiệp của chính là Đức Chúa Trời ( 10:9; 12:12; 14:27, 29; Thi 16:5; 73:23-26; Ca Thương 3:24; Ê-xê-chi-ên 28). Trong Giô-suê 20-21 chi phái Lê-vi được chia phần 48 thành phố và vùng đất xung quanh như là phần tài sản của họ. Trong vòng 48 thành phố này bao gồm sáu Thành Ấn Náu, ba thành ở mỗi bên của sông Giô-đanh, nơi một người có thể chạy trốn đến đó nếu như anh vô tình giết một thành viên giao ước để trốn thoát khỏi “cuộc báo thù huyết” ( 19:1-13; Dân Số Ký 35:9-15).

**}** “Chúng sẽ hưởng những của tế lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va” Đầu tiên, cả chi phái Lê-vi được hưởng một phần của những của lễ của Y-sơ-ra-ên (từ câu 6-8). Sau này những thầy tế lễ được chu cấp bởi những thức ăn nơi bàn thờ và những mảnh nhỏ đất riêng xung quanh các thành Lê-vi. Cũng như vậy người Lê-vi được chu cấp bởi thuế một phần mười năm-thứ-ba ( 14:27; Dân Số Ký 18: 25-29; Nê-hê-mi 10:37, 38).

Có một vài sự khác biệt trong cách cả chi phái Lê-vi được chu cấp. Những sự khác biệt này không phải là sự mâu thuẫn, nhưng là sự tiến triển lên hệ đến với đền thờ trung tâm.



**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 18:3-5**

<sup>3</sup>" Đây là phần mà các thầy tế lễ được hưởng từ trong các lễ vật như bò hoặc chiên mà dân chúng dâng hiến, người ta sẽ biếu các thầy cái vai, hai cái má và bao tử. <sup>4</sup> Anh em cũng biếu cho thầy tế lễ các sản vật đầu mùa gồm ngũ cốc, rượu, dầu và lông chiên mới hót lần đầu. <sup>5</sup> Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã chọn họ và các con trai họ từ các bộ tộc, để họ nhân danh Đức Giê-hô-va mà ứng hầu và phục vụ trước mặt Ngài đời đời."

**18:3** Chú ý Lê-vi Ký 7:28-36; Dân Số Ký 18:8-19 nơi những phần chia khác nhau của những của lễ được chia cho những thầy tế lễ.

} **“cái hàm”** Từ này (BDB 534I) chỉ về hàm dưới (xương hàm dưới nơi mà cơ gắn vào để hình thành nên má).

} **“cái bụng”** Từ này (BDB 867) căn bản có nghĩa là means “rỗng” hoặc “khoang” và trong văn mạch này, chỉ về một trong những dạ dày, có lẽ là cái thứ tư của những loài động vật nhai lại. Từ điển *Webster’s Third International Dictionary*, trang 1922, cho biết rằng thành của dạ dày thứ tư của gia súc được sử dụng để làm đồng sữa. Lớp màng nhầy được xử lý cho đến khi nó trở thành một lớp bụi màu vàng vốn được dùng để làm pho mát.

**18:4 “của đầu mùa về...dầu (của người)”** Đây là lần ép đầu tiên ô-liu phải trở thành sự món quà của dân sự cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và từ Ngài đến cho người Lê-vi/các thầy tế lễ ( Dân Số Ký 18:12; Phục 12:17; 14:23; 18:4).

} **“lông chiên hót đầu tiên của người”** Yêu cầu này được đề cập duy nhất ở đây.

**18:3-5** Những người hầu việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại bàn thờ sẽ được phần chia của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Người hôm nay cần phải được nhắc về:

1. ngày Sa-bát
2. những bông trái đầu mùa
3. con đầu lòng
4. thuế một phần mười

đều là những cách Hê-bơ-rơ để khẳng định sự sở hữu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Nó không có nghĩa là con người có sáu ngày còn lại, tất cả vụ mùa còn lại, hoặc chín phần mười của thu nhập của họ! Con người sở hữu con số không nhưng là người quản trị của tất cả mọi điều! Hành tinh này và món quà sự sống thuộc về Đấng Tạo Hóa và Đấng Bảo Tồn nó.

} **“Đức Chúa Trời đã chọn lựa”** Trong 10:8 hành động tương tự được gọi là “biệt riêng” (NIDOTTE, quyển 1, trang 604). Những cách song hành này giúp người hiện đại định nghĩa ý nghĩa của văn nói và những sự chồng chéo của ngữ nghĩa.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 18:6-8**

<sup>6</sup>" Nếu một người Lê-vi rời bất cứ thành nào trong toàn cõi Y-sơ-ra-ên, nơi họ đang cư ngụ, và tha thiết muốn đến nơi Đức Giê-hô-va sẽ chọn, <sup>7</sup> thì họ có thể nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mà phục vụ như tất cả anh em dòng Lê-vi khác đang ứng hầu và phục vụ trước mặt Đức Giê-hô-va. <sup>8</sup> Người ấy sẽ hưởng phần lương thực ngang bằng với các anh em mình, không kể lợi tức thu được từ việc bán tài sản của gia đình."

**18:6** Họ được thay thế cho “con đầu lòng” trong Xuất 13. Điều này dựa trên sự lựa chọn của Đức Chúa Trời, không phải là giá trị của con người, vốn là rõ ràng từ những tội lỗi của Lê-vi, Môi-se, và A-rôn.

**18:6-7** Điều này cho phép người Lê-vi/các thầy tế lễ sống ở ngoài thành Giê-ru-sa-lem và phù hợp với sự dạy dỗ và phán xử trong tất cả các thành. Nhưng họ cũng cần phải tiếp cận được với quyền như ở tại đền thánh.

18:8

NASB “ngoại trừ những gì họ *nhận được* từ việc bán phần *di sản* của cha mình”  
NKJV “bên cạnh những gì đến từ việc bán của thừa kế của họ”  
NRSV “ngay cả khi họ đã có thu nhập từ việc bán phần tài sản của gia đình”  
TEV “và anh có thể giữ những gì gia đình gửi cho anh”  
NJB “bất kể những gì anh đã có từ việc bán tài sản thừa kế”  
JPSOA “không bao gồm những vật thừa kế riêng tư”  
LXX “bên cạnh việc bán đi những tài sản được truyền lại”  
REB “bên cạnh việc anh có thể thừa hưởng từ gia đình cha của mình”

Những bản dịch khác nhau cho những lựa chọn. Nó chỉ về việc bán đi những phần thừa kế gia đình (nhưng không bao gồm đất).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 18:9-14**

<sup>9</sup> Khi đã vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho, anh em đừng học đòi những tập tục ghê tởm của các dân tộc ở đó. <sup>10</sup> Giữa anh em không một ai được làm lễ thiêu sống con trai hay con gái mình, không ai được làm thầy bói, chiêm tinh, phù thủy, thầy pháp, <sup>11</sup> dùng bùa ngải, đồng bóng, chiêu hồn; <sup>12</sup> vì Đức Giê-hô-va ghê tởm kẻ nào làm các việc ấy. Chính vì các việc ghê tởm ấy mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã trục xuất các dân tộc đó khỏi anh em. <sup>13</sup> Anh em phải tuyệt đối trung thành với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. <sup>14</sup> Dù những dân tộc mà anh em sắp đuổi đi có theo tà thuật và bói khoa, nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời không cho phép anh em làm như vậy”

**18:10-11** Đây là một chuỗi những ĐỘNG TÍNH TỪ, vốn chỉ về sự thờ hình tượng Ca-na-an:

1. NASB, “ai mang con trai hoặc con gái mình ngang qua lửa” - BDB 716, KB 778, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ
2. NASB, “một người sử dụng bói toán” - BDB 890, KB 1115, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ (sử dụng cả hai ĐỘNG TỪ và DANH TỪ)  
NKJV, NET, “*một người* thực hành tà thuật”  
NRSV, NJB, NIV, “một người thực hành bói toán”  
JPSOA, “một thầy bói”
3. NASB, “một người sử dụng tà thuật” - BDB 778 II KB 857, *Poel* ĐỘNG TÍNH TỪ  
NKJV, NRSV, NJB, JPSOA, “một thầy bói”  
NIV, “phép ma thuật”  
NET, “một người đọc những điềm (báo hiệu)”
4. NASB, NKJV, NIV, “một người giải nghĩa những điềm” - BDB 638 II, KB 690, *Piel* ĐỘNG TÍNH TỪ  
NRSV, NJB, “một thầy bói”  
JPSOA, “một người bói toán”  
NET, “một thầy bói”
5. NASB, NKJV, NRSV, NJB, JPSOA, NET, “một đồng cốt” - BDB 506, KB 503, *Piel* ĐỘNG TÍNH TỪ  
NIV, “gắn liền với tà thuật”
6. NASB, “một người gieo những bùa chú” BDB 287, KB 287, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ (sử dụng ĐỘNG TỪ và DANH TỪ)  
NKJV, “một người thi hành tà thuật bùa chú”  
NRSV, JPSOA, NIV, NET, “một người gieo bùa chú”  
NJB, “người dệt lên những bùa chú”

7. NASB, NKJV, “một người cầu hỏi” (ví dụ, một đồng cốt) BDB 981, KB 1371, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ  
NRSV, JPSOA, “cầu hỏi những hồn ma”  
NJB, “cầu hỏi những hồn ma”  
NIV, “đồng cốt”  
NET, “một người gọi lên những linh”
8. NASB, NKJV, NIV, “một người cầu hỏi” [giả định] (ví dụ, những người thông linh) BDB 981, KB 1371, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ (giả định)  
NRSV, “cầu hỏi những linh hồn”  
NJB, “những đồng cốt”  
JPSOA, “quen thuộc với các linh”  
NET, “người thực tập những sự huyền bí”
9. NASB, NKJV, “một người gọi lên những người chết”
  - a. BDB 205, KB 233, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ
  - b. BDB 559, KB 562, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ
 NRSV, “người tìm cầu những lời sấm từ người chết”  
NJB, NET, “đồng cốt gọi hồn”  
JPSOA, “một người cầu hỏi những người chết”  
NIV, “một người gọi người chết”

Bạn có thể xem những bản dịch tiếng Anh khác về những từ này có sự chồng lên nhau về nghĩa. Những thuật ngữ này có vẻ như chỉ về những loại khác nhau của những sự thực hành thờ phượng ngoại đạo, nhưng định nghĩa chính xác của chúng là không chắc chắn đối với những sinh viên Kinh Thánh ngày nay. Hãy xem một sự thảo luận ngắn gọn tại (1) *Dictionary of Biblical Imagery*, trang 524-528 và 608-610 cũng như trong cuốn *Synonyms of the Old Testament* được viết bởi Robert B. Girdlestone, trang 296-302. Những bức tranh tổng quan là một sự nỗ lực để biết và điều khiển tương lai cho lợi ích của cá nhân. Dân sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cần phải tin cậy Ngài và phục sự Ngài. Tội lỗi nguyên thủy từ xưa chính là “tôi là ưu tiên” chính là nguồn gốc của tất cả những nan đề của con người!

**18:10 “đem con trai hay con gái mình ngang qua lửa”** Đây là một sự đề cập về sự thờ phượng vị thần của sự sinh sản và màu mỡ, *Mo-lóc*. Trong dân Y-sơ-ra-ên con đầu lòng ( Exodus 13) cần phải được dâng lên cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để phục sự Ngài. Tại Ca-na-an con đầu lòng cần phải bị hiến tế trong lửa cho thần *Mo-lóc* với mục đích để nhận được sự sinh sản và màu mỡ của đất đai, ( Phục 12:31; Lê-vi Ký 18:21). Có một ghi nhận trong sách II Các Vua 21:6 nơi dân sự của Đức Chúa Trời thờ phượng vị thần sai trật! Nó cũng có lẽ một cách nào đó liên hệ với việc biết trước tương lai ( II Các Vua 3:26-27). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: *Mo-lóc* tại 12:31.

**⌘ “bói toán”** Đây là một từ gốc Hê-bơ-rơ dành cho “sự bói toán” (BDB 890, Dân Số Ký 22:7; 23:23; Ê-xê-chi-ên 21:21; II Các Vua 17:17). Đây là từ chung chỉ cho một vài hình thức khác nhau, nhưng tất cả đều tập chú vào sự xác định ý muốn của thần linh bằng các phương cách tự nhiên hoặc công cụ, ví dụ như xem xét những lá gan cừu hoặc bắt thăm những mũi tên. Nó dựa trên thế giới quan ngoại giáo rằng có những thông tin về tương lai được ẩn giấu trong những sự kiện tự nhiên hoặc những người có khả năng đặc biệt (những tiên tri giả, Giê-rê-mi 27:9; 29:8; Ê-xê-chi-ên 13:9; 22:28) để biết và ảnh hưởng tương lai.

**⌘ “một người thực hành phép tà thuật”** Từ này (BDB 778 II, KB 857) liên hệ với từ “đám mây” (BDB 777). Những nhà ngôn ngữ học nghĩ rằng từ này có vẻ chỉ về:

1. tiếng kêu của côn trùng
2. tiếng của gió xuyên qua các cây
3. một từ nguyên không rõ (nếu là đám mây, thì nó có liên hệ với hình ảnh)

Một đoạn song hành trong những tác phẩm của Môi-se vốn ngăn cấm việc thực hành những tập tục ngoại đạo trong Lê-vi Ký 19:26-20:8 (hãy xem đặc biệt trong câu 19:26). Từ tương tự cũng được tìm thấy trong sách Các quan xét 9:37; II Các Vua 21:6; II Sứ ký 33:6; Ê-sai 2:6; 57:3; Giê-rê-mi 27:9; Mi-chê 5:12.

} **“một người giải nghĩa những điềm”** Nghĩa của từ này là không xác định được (BDB 638 II, KB 690). Tại Sy-ri nó có nghĩa là “lầm nhảm những câu thần chú mơ hồ” (KB 690). Từ gốc này có một vài những cách sử dụng cho:

1. con rắn - BDB 638 I
2. ĐỘNG TỪ chỉ có trong thể *Piel*, (BDB 638 II) có nghĩa là :
  - a. thực hành tà thuật
  - b. quan sát những dấu chỉ/điềm
3. đồng – đồng thau - BDB 638 III
4. không được biết - BDB 638 IV

} **“một thầy tà thuật”** Từ này (BDB 506, KB 503) căn bản có nghĩa là “xé ra từng mảnh” (1) trong việc xé những thành phần của một vật ma thuật hoặc (2) cắt một ai đó ra khỏi sự chú ý của thần linh (ví dụ, cách sử dụng của người Sy-ri, I Các Vua 18:28). Từ này được sử dụng để mua tả về những người khôn ngoan của Pha-ra-ôn trong Xuất 7:11 và những người khôn ngoan của vua Nê-bu-cát-nết-sa trong Đa-ni-ên 2:2.

**18:11 “một người gieo những bùa chú”** Từ này có nghĩa đen là literally is “cột những nút thắt,” “trong một liên minh với,” hoặc “liên kết với” (BDB 287, KB 287). Trong Thi 58:5 và Truyền Đạo 10:11 nó chỉ về những con rắn bùa chú. Một sự phát âm khác rất ít mô tả về về những người khôn ngoan sai trật Ba-by-lôn trong Ê-sai 47:8-11.

} **“đồng cốt”** ĐỘNG TÍNH TỪ này (BDB 981, KB 1371) có nghĩa căn bản là “hỏi” hoặc “câu hỏi.” Ở đây, để câu hỏi thế giới thuộc linh (ví dụ, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Giô-suê 9:14 hoặc các hình tượng, Ô-sê 4:12).

DANH TỪ đầu tiên “đồng cốt” (BDB 15) là một từ khó để định nghĩa. Một vài người nhìn thấy từ ngữ được sử dụng trong Lê-vi Ký 19:31; 20:6,27 như là (1) một cái hồ, hoặc một nơi để hiến tế, hoặc (2) một hình thức từ của “cha” vốn chỉ về sự thờ tổ tiên. Nó được dịch ra ở trong bản Bảy Mươi (LXX) trong Ê-sai 8:19 là “một người nói không nhép miệng.” Bởi vì chỗ này và Ê-sai 29:4 một số người cho là nó có nghĩa “nói líu lo” or “lầm nhảm” Đây có thể chỉ về “nói với một giọng khác.” Tuy nhiên, trong I Sa-mu-ên 28:7-9, nó liên hệ với khả năng có thể gọi và nói chuyện với một ai đó từ phía dưới hoặc nói chuyện với người chết và những linh của thế giới cõi âm, ví dụ, đồng cốt.

DANH TỪ, thứ hai “những người thông linh” (BDB 396) là một dạng của từ Hê-bơ-ơ có nghĩa là “biết” (BDB 395). chỉ về một người có kiến thức về thế giới thuộc linh hoặc có liên hệ với những người ở thế giới thuộc linh là những người có tri thức ( Ê-sai 8:19; 19:3).

} **“một người gọi lên những người chết”** Cụm từ này là một sự kết hợp của *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ (BDB 205, KB 233, “hỏi” và BDB 559, KB 562, “những người chết”). Trong văn mạch nó chỉ về những pháp sư và những “người thông linh.” Những người ưu tú, có khả năng đặc biệt, những người có thể liên hệ với người chết để tìm kiếm thông tin về thế giới tương lai và có quyền năng để ảnh hưởng nó.

Tất cả những nền văn hóa cổ đại đều tin về một cuộc sống sau cái chết. Đối với nhiều nền văn hóa Cận Đông, điều này có hai khả năng:

1. thờ cúng tổ tiên nơi những linh hồn của những thành viên trong gia đình có thể tác động đến hiện tại và tương lai
2. quyền lực của thế giới vật chất (các vì sao, những lực lượng tự nhiên) hoặc thuộc linh (ma quỷ, các á-thần) đều có thể sử dụng để biết và ảnh hưởng đến những vận mệnh cá nhân

**18:12 “đáng ghê tởm”** Từ này (BDB 1072) được sử dụng thường xuyên nhất trong Phục Truyền, Châm Ngôn và Ê-xê-chi-ên. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 14:3.

} **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đuổi các dân tộc đó khỏi trước mặt người”** Đây là một khía cạnh của “cuộc thánh chiến.” Điều này được bày tỏ ra cho Áp-ra-ham như là một lời hứa trong Sáng 15:16 và trong những tội lỗi của họ được mô tả trong sách Lê-vi Ký 18:24-28.

**18:13 “trợn vện”** Đây là một từ về sự dâng sinh tế (BDB 1071) của một con vật tinh sạch vốn “hoàn hảo” mà không có khiếm khuyết nào, và vì vậy, được chấp nhận cho sự dâng sinh tế ( Xuất 12:5; 29:1; Lê-vi Ký 1:3,10; 3:1,6,9; 4:3,23,28,32; 5:15,18; 6:6; v.v...). Nó trở thành một ẩn dụ dành cho những người vốn được chấp nhận bởi Đức Chúa

Trời đặt nên tảng trên sự tuân theo những điều khoản giao ước ( Sáng 6:9; 17:1; II Sa-mu-ên22:24,26; Job 1:1,8; 2:3; 12:4; Thi 15:2; 18:23,25; Ê-xê-chi-ên 28:15). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KHÔNG THỂ CHÊ TRÁCH, KHÔNG THỂ SĨ NHỤC, KHÔNG XẤU HỔ, KHÔNG MẶC CẢM TỘI LỖI, VÔ TỘI,**

### **A. Lời mở đầu**

1. Theo thần học, đây là sự miêu tả tình trạng ban đầu của nhân loại. (Sáng Thế Ký 1, trong vườn Ê-đen).
  2. Tội lỗi và phản loạn làm tiêu hao mối liên hệ tuyệt hảo ban đầu (Sáng Thế Ký 3).
  3. Con người, cả nam và nữ, đều mong ước được hồi phục mối liên hệ với Đức Chúa Trời, bởi họ được tạo dựng trong hình ảnh của Ngài. (Sáng Thế Ký 1:26-27).
  4. Đức Chúa Trời đối phó với nhân loại tội lỗi qua:
    - a. các lãnh đạo trung tín (Áp-ra-ham, Môi-se, Ê-sai)
    - b. hệ thống dâng tế (Lê-vi Ký 1-7)
    - c. tấm gương tin kính ( Nô-ê, Gióp)
  5. Đức Chúa Trời cung ứng Đấng Mê-si một cách tối hậu:
    - a. là sự mặc khải trọn vẹn về Ngài (xem Giảng 1:1-14; Cô-lô-se 1:13-17; Hê-bơ-rơ 1:2-3)
    - b. một sự chết thay tuyệt hảo cho tội lỗi. (xem Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21)
  6. Cơ-đốc nhân được trở nên không thể chê trách.
    - a. về pháp lý nhận được sự công chính của Đấng Christ, (xem Rô-ma 4:3,6,8,11,22,23,24; Gia-cô 2:23)
    - b. thánh hóa một cách tiệm tiến qua công tác của Đức Thánh Linh. (Giăng 16:8-11)
    - c. mục tiêu của Cơ-đốc nhân là trở nên giống Đấng Christ, (xem Rô-ma 8:28-30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa 3:13; 4:3; 5:23; 2 Tê-sa 2:13; Tít 2:14; 1 Phi-e-rơ 1:15)), trong thực tế chính là sự hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, đã mất bởi tội lỗi Adam và Ê-va.
  7. Thiên đàng là sự hồi phục tuyệt hảo của mối liên hệ ban đầu ở vườn Ê-đen. Thiên Đàng là Giê-ru-sa-lem mới giáng trần từ Đức Chúa Trời (xem Khải 21:2) tới một Trần thế đã được thanh tẩy, (xem 2 Phi-e-rơ 3:10) Kinh Thánh bắt đầu và kết thúc bởi những chủ đề tương tự. .
    - a. sự tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời.
    - b. trong bối cảnh vườn (Sáng Thế Ký 1-2 and Khải Huyền 21-22)
- c. với các tuyên bố tiên tri, với sự hiện diện của thú vật, (xem Ê-sai 11:6-9)

### **B. Cựu Ước**

1. Có rất nhiều thuật ngữ Hê-bơ-rơ về khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội... khó có thể liệt kê và miêu tả hết các ý nghĩa liên hệ.
2. Các thuật ngữ chính mang khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội (theo ông Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang. 94-99) là
  - a. shalom (BDB1022, KB 1532)
  - b. thamam (BDB1070, KB 1743)
  - c. calah (BDB478, KB 476)
3. Bản Bảy Mươi (The Septuagint tức Kinh Thánh cho Hội Thánh nguyên thủy, Cựu Ước dịch ra tiếng Hy-lạp), dịch các từ thuật này giống như trong Tân Ước, xem phần C. dưới đây. .
4. Các thuật ngữ chìa khóa liên hệ tới hệ thống dâng tế là:
  - a. *amōmos* (BDB 1071, xem Xuất 29:1; Lê-vi Ký 1:3,10; 3:1,6; Num. 6:14)
  - b. *amiantos* và *aspilus* cũng có ý nghĩa thờ phượng

### **C. Tân Ước**

1. Hệ thống pháp lý
  - a. hệ thống pháp lý Hê-bơ-rơ với ý nghĩa thờ phượng được dịch bởi thuật ngữ *amōmos* (BDB 1071, xem Ê-phê-sô 5:27; Phi-líp 2:15; 1 Phi-e-rơ 1:19)
  - b. Hệ thống pháp lý Hy-lạp (xem 1 Cor. 1:8; Cô-lô-se 1:22)
2. Đấng Christ vô nhiễm, vô tội, không thể cáo trách (*amōmos*, xem Hê-bơ-rơ 9:14; 1 Phi-e-rơ 1:19)
3. Môn đồ Chúa Giê-su phải noi gương Ngài (*amōmos*, xem Ê-phê-sô 1:4; 5:27; Phi-líp 2:15; Cô-lô-se 1:22; 2 Phi-e-rơ 3:14; Jude 1:24; Khải Huyền 14:5)

4. Khái niệm này cũng áp dụng cho các lãnh đạo Hội Thánh.
  - a. anegklētos, "không bị tố cáo" (xem 1 Tim. 3:10; Titus 1:6-7)
  - b. anepileptos, "không thể bị phê phán" hoặc "không chỗ để lời phê phán bầu vùi" (xem 1 Tim. 3:2; 5:7; 6:14; Titus 2:8)
5. Khái niệm "không ô uế" (amiantos) được dùng cho
  - a. Đấng Christ (xem Hê-bơ-rơ 7:26)
  - b. gia sản Cơ-độc nhân (xem 1 Phi-e-rơ 1:4)
6. khái niệm "toàn vẹn" or "lành mạnh" (holoklēria) (xem Acts 3:16; 1 Tê-sa 5:23; Gia-cơ 1:4)
7. khái niệm "không lỗi lầm," "vô tội không chỗ trách" amemptos (xem Luke 1:6; Phi-líp 2:15; 3:6; 1 Tê-sa 2:10; 3:13; 5:23)
8. Khái niệm không điều nào đáng trách amōmētos (xem 2 Phi-e-rơ 3:14)
9. Khái niệm không tì vết, không khiếm khuyết cũng được dùng trong các câu trên đây và 1 Tim. 6:14; Gia-cơ 1:27; 1 Phi-e-rơ 1:19; 2 Phi-e-rơ 3:14)

D. Nhiều từ vựng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp về khái niệm này cho thấy tầm quan trọng của nó. Đức Chúa Trời cung cấp nhu cầu công chính cho chúng ta qua Đấng Christ, và kêu gọi chúng ta trở nên giống Ngài.

Về pháp lý tín đồ đã được tuyên bố là người "công chính, công nghĩa, vô tội" bởi công việc của Đấng Christ. Tiếp đó họ phải hành động theo phẩm chất họ nhận được: "Hãy bước đi trong ánh sáng vì Ngài là Ánh Sáng". (xem 1 John 1:7). "Hãy bước đi xứng đáng với sự kêu gọi" (xem Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15). Chúa Giê-su đã hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, sự thông công thực có thể bắt đầu. Xin nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phản chiếu thuộc tính Ngài, tương tự như Con Ngài, trong con mắt của thế gian. Chúng ta được kêu gọi tới sự thánh khiết không nhượng bộ. (xem Ma-thi-ơ 5:20,48; Ê-phê-sô 1:4; 1 Phi-e-rơ 1:13-16). Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong chúng ta không phải chỉ được công bố về pháp lý, nhưng phải trở nên bản ngã của chúng ta.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 18:15-22

<sup>15</sup>"Từ trong đồng bào của anh em, Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ dựng lên một nhà tiên tri như tôi. Anh em phải nghe lời vị tiên tri ấy. <sup>16</sup> Đó chính là điều anh em đã cầu xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời tại Hô-rêp trong ngày hội họp: 'Xin đừng để chúng tôi nghe tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời hay thấy đám lửa hừng này nữa, kéo chúng tôi phải chết chẳng!' <sup>17</sup> Bấy giờ Đức Giê-hô-va phán với tôi: 'Chúng tôi nói đúng. <sup>18</sup> Từ giữa anh em của chúng, Ta sẽ lập cho chúng một nhà tiên tri như con. Ta sẽ đặt lời Ta trong miệng người ấy và người ấy sẽ nói với chúng mọi điều Ta truyền dặn. <sup>19</sup> Kẻ nào không nghe theo lời Ta, là những lời mà nhà tiên tri nhân danh Ta nói, thì Ta sẽ hỏi tội kẻ ấy. <sup>20</sup> Nhưng nhà tiên tri nào cả gan nhân danh Ta nói những điều Ta không bảo nói, hoặc nhân danh các thần khác mà nói thì kẻ tiên tri ấy phải chết."

**18:15-22** Phục Truyền 18:9-14 chỉ ra một cách không phù hợp để tìm biết ý muốn của Chúa cho cuộc đời của một người nào đó. Câu 15-22 mô tả về cách thích hợp để biết chắc chắn về những tri thức về Đức Chúa Trời và những mục đích của Ngài.

**18:15** "một đấng tiên tri như ta" Đây trở thành một danh xưng dành cho Đấng Mê-si (Giăng 1:21, 25, 45; 5:46; 6:14; 7:40; Công vụ 3:22; 7:37). Chúa Giê-xu hành động như là một Môi-se "mới":

1. ban luật pháp của giao ước mới (Ma-thi-ơ 5-7)
2. ban bánh cho dân sự ăn như họ trông đợi (Giăng 6)
3. gặp gỡ Đức Chúa Trời trên một ngọn núi (Ma-thi-ơ 17)
4. cầu thay cho dân tộc giao ước (Giăng 17)

Để xem một sự thảo luận tuyệt vời về chức năng của sự tiên tri dành cho Y-sơ-ra-ên hãy xem quyển *How To Read the Bible For All Its Worth* được viết bởi Gordon Fee và Douglas Stuart, trang 184-189. Đây là một sự thảo

luận rất ích lợi tiếp tục xử lý với việc giải nghĩa những đoạn Kinh Thánh và những sách tiên tri, trang 189-204.

**18:16** Câu này mô tả sự tiếp cận của Y-sơ-ra-ên với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại Ngọn Si-nai ( Xuất 19- 20). Sự mặc khải trực tiếp từ Đức Chúa Trời là một điều đáng sợ ( Xuất 20:18-21)! Dân sự muốn một sự trung gian!

Văn mạch này, trong một nghĩa, là một sự ứng nghiệm nhiều lời tiên tri. Nó rõ ràng chỉ đến chức vụ định kỳ của các nhà tiên tri trong đời sống quốc gia của Y-sơ-ra-ên ( TEV). Các vị vua và các thầy tế lễ đều đến từ một gia đình, tuy nhiên các nhà tiên tri là những cá nhân được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời để làm trung gian cho giao ước của Ngài đến với thế hệ mới. Tuy nhiên, nó cũng chỉ về một người phát ngôn đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Hê-bơ-rơ THÊ SỐ ÍT, từ câu 15,18 và sự giải nghĩa 34:10, Tôi Tớ Chịu Khổ, là Đấng Mê-si). Đây là nhân vật được nhắc đến trong Sáng 3:15; 49:10; II Sa-mu-ên 7:12-13,16; Ê-sai 7:14; 9:1-7; 11:1-5; Đa-ni-ên 7:13; 9:25; Mi-chê 5:2-5a; Xa-cha-ri 9:9. Cũng hãy chú ý Giăng 1:45 và 5:46.

**18:17** Câu thành ngữ tương tự, “chúng nó nói như vậy lấy làm thậm phải,” cũng được tìm thấy trong 5:28, nhưng không phải trong Xuất 19-20. Do vậy đây là một sự mặc khải không được ghi lại. Chúng ta cần nhớ một điều là Kinh Thánh chỉ là một phần của những lời của Đức Chúa Trời. Bởi đức tin, các tín đồ khẳng định rằng tất cả đều cần thiết cho đời sống và các giáo lý đã được bao gồm, nhưng không phải là bao gồm tất cả các khía cạnh. Trong nghĩa này, nó cũng tương tự với những lời của Chúa Giê-xu ( Giăng 20:30; 21:25).

**18:18 “lập lên cho chúng một đấng tiên tri”** ĐỘNG TỪ này (BDB 877, KB 1080, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng khá thường xuyên những hành động chủ định giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong lịch sử (ví dụ, Sáng 6:18; 9:9,11,17; 17:7,19,21; Xuất 6:4; Phục 18:15,18; 28:9; Các quan xét 2:16,18; 3:9,15; I Sa-mu-ên 2:35; I Các Vua 9:5; 11:14,23; 14:14; II Sử ký 7:18, v.v...).

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vẫn ở trong sự tề trị trên lịch sử, như những sự tiên tri lên quan đến Chúa Giê-xu (cũng hãy chú ý Mi-chê 5:2) đã chỉ ra một cách rất rõ ràng!

**✎ “ta sẽ lấy các lời ta để trong miệng Người”** Điều này chỉ về người sẽ phán thông điệp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Người sẽ phán chỉ những điều ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bày tỏ với người (cũng như những gì Đức Chúa Giê-xu đã khẳng định, Giăng 3:34; 12:49; 14:10; 17:8).

**18:19** Chúng ta phải có trách nhiệm hành động dựa trên ý định của Đức Chúa Trời một khi chúng ta đã biết được nó. Câu hỏi thực sự ở đây là làm thế nào để chúng ta có thể biết được ai là người thực sự nói cho Đức Chúa Trời (Otrong câu 21)? Trong câu 20-22 là những câu có một phần trả lời. Có những tiêu chuẩn ( Phục 13:1- 2; 18:20-22; Ma-thi-ơ 7; I Giăng 4:1-6). Câu Kinh Thánh này được trích lại ở trong Công vụ 3:22-23!

**18:20-22** Người phát ngôn của Đức Chúa Trời chỉ được biết bởi (1) phán trong danh ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải trong danh các thần khác (trong câu 20); (2) sự chính xác của những thông điệp ông đưa ra (trong câu 22); và (3) Phục 13:1-2 phải được đưa vào bởi vì Đức Chúa Trời liên hệ với Y-sơ-ra-ên dựa trên sự đáp ứng thuộc linh của họ.

Một sự tự hỏi làm thế nào những người nghe đương thời có thể phán quyết một tiên tri nếu như những tiên đoán của họ vượt qua cả thời đại của họ. Cũng vậy, về những lời tiên tri có điều kiện phụ thuộc vào sự đáp ứng ăn năn bởi đức tin của dân chúng trong ngày mà chúng được đề cập đến (Giô-na)?

Sự lượng giá của những người công bố rằng mình phán cho Đức Chúa Trời thì không dễ dàng. Ở đây là một số tiêu chuẩn

1. nội dung của sứ điệp
2. đời sống của người sứ giả
3. sự tương quan phù hợp của thông điệp với những đoạn khác của Kinh Thánh

Những tiên tri giả, giáo sư giả, thường rất sống động, rất có kiến thức và học vấn, hợp lô-gic và thuyết phục lòng người. Trong thời đại của chúng ta, một vài dấu chỉ của những người phát ngôn giả có thể là

1. sự nhấn mạnh về vấn đề tiền bạc

2. một giấy phép cho phép tình dục
3. sự tuyên bố về sự độc quyền tiếp cận với Đức Chúa Trời

(hãy xem quyển *A General Introduction to the Bible* được viết bởi Norman Geisler và William Nix, trang 241-242)

#### NHỮNG SÁCH RẤT ÍCH LỢI VỀ THỰC TẾ CỦA MỘT THẾ GIỚI ÁC LINH

1. *Demons in the World Today* được viết bởi Merrill F. Unger
2. *Principalities and Powers* viết bởi John Warwich Montgomery
3. *Demons, Demons, Demons* viết bởi John Newport
4. *Biblical Demonology* viết bởi Merrill F. Unger
5. *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare* viết bởi Clinton E. Arnold



# PHỤC TRUYỀN 19

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ba Thành Ân Náu	Những Sự Quản Trị về Công Lý	Những Thành Ân Náu	Tội Giết Người và Những Thành Ân Náu
19:1-3	19:1-3	19:1-7	19:1-4a
19:4-10	19:4-7		19:4b-6 19:7-10
	19:8-10	19:8-10	
19:11-13	19:11-13	19:11-13	19:11-13
Giới Hạn Của Chứng Cơ Nghiệp		Những Giới Hạn Đất Đai Cổ Xưa	Những Tài Sản
19:14	19:14	19:14	19:14
Luật Liên Quan Đến Việc Làm Chứng		Về những Sự Làm Chứng	Những Nhân Chứng
19:15-21	19:15-21	19:15-21	19:15 19:16-21

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 19:1-3**

<sup>1</sup> "Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã tiêu diệt các dân tộc của xứ mà Ngài ban cho anh em, và khi anh em đã trục xuất được chúng rồi định cư trong các thành và các nhà của chúng, <sup>2</sup> thì anh em phải

**dành riêng ba thành ở giữa xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm sản nghiệp.<sup>3</sup> Anh em phải lập đường sá và chia lãnh thổ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm sản nghiệp thành ba phần, để kẻ giết người có thể ẩn nấu tại đó."**

**19:1 “cắt bỏ (tiêu diệt)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 503, KB 500, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng cho một vài nghĩa sau:

1. lập (“cắt”) một giao ước, 4:23; 5:2,3; 7:2; 9:9; 29:1,12,14,25; 31:16
2. bỏ đi, tiêu diệt, 12:29; 19:1
3. cắt xuống (theo nghĩa đen, ví dụ, một nhánh cây), 19:5; 20:19,20

**}** “các dân tộc của xứ mà Ngài ban cho anh em” Hãy xem ghi chú tại 1:8.

**}** “**định cư trong các thành và các nhà của chúng**” Sự mô tả về hành động của Đức Chúa Trời trong việc hoàn tất trách nhiệm này về phía bờ đông sông Giô-đanh được thấy trong Phục 4:41-43.

**19:2,7 “ba thành”** Đây là những thành ẩn nấu Lê-vi, được thảo luận trong Dân Số Ký 35; Giô-suê 20, nơi những người bị cáo buộc tội giết người (“kẻ giết người”) có thể chạy trốn đến đó để bảo vệ chính mình khỏi những người thân của người đã chết (“sự báo thù huyết”). Lãnh đạo của những thành này cần phải tổ chức một phiên tòa (từ câu 11-13) để xác định các yếu tố của vụ việc.

Một danh sách của những thành ẩn nấu được tìm thấy trong Giô-suê 20:7-8:

1. Bên kia-Giô-đanh
  - a. Bết-xe tại Ru-bên
  - b. Ra-môt-Ga-la-át tại Gát
  - c. Gô-lan tại Ma-na-se (Ba-san)
2. Ca-na-an
  - a. Ca-đe tại Náp-ta-li (Ga-li-lê)
  - b. Si-chem tại Êp-ra-im
  - c. Hép-rôn tại Giu-đa

Ý tưởng của địa điểm dành cho sự an toàn hoặc trú ẩn này không phải là độc nhất đối với người Y-sơ-ra-ên. Hầu hết các nền văn hóa Cận Đông và Địa Trung Hải cổ đại đều cung cấp những địa điểm đặc biệt này. Thường thường chúng được tọa lạc tại những vị trí thờ phượng tôn giáo. Y-sơ-ra-ên cũng có ý tưởng này bằng việc một người nắm lấy “các sừng nơi bàn thờ” (Xuất 27:2; 30:10) tại nơi thờ phượng trung tâm (Xuất 21:14; I Các Vua 1:50-53; 2:28-34). Tuy nhiên, những thành đặc biệt này là độc nhất với Y-sơ-ra-ên. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã quan tâm đến cái chết của những người vô ý giết người.

**19:3 “dọn đường”** ĐỘNG TỪ này (BDB 465, KB 464, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) ở đây có nghĩa là “chuẩn bị một con đường.” Có ba nghĩa có khả năng là:

1. chia đều khoảng cách
2. dễ dàng tiếp cận
3. “cung cấp những dấu hiệu trên đường để chỉ đường” (Rashi trích dẫn một tài liệu Mác-ca-bê)

**19:4 “cách mà người ta phải đãi kẻ sát nhân”** Đây là một sự mở rộng của Xuất 21:12-14, vốn liên hệ với nơi thánh trung tâm. Điều này mở rộng sự an toàn của nơi thánh trung tâm trở thành sáu thành phố Lê-vi.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 19:4-7**

**4**” Đây là trường hợp mà kẻ giết người có thể đến ẩn nấu để được sống: Người đó vì vô ý mà làm chết người lân cận chứ trước đó không hề có thù ghét gì.<sup>5</sup> Giả sử có một người cùng vào rừng đốn củi với người lân cận. Khi vung rìu đốn cây, lưỡi rìu sút khỏi cán trúng nhằm người lân cận làm người này chết. Người gây án mạng có thể đến ẩn nấu tại một trong ba thành ấy để được sống.<sup>6</sup> Nếu không, trong lúc giận dữ, người đòi nợ máu sẽ rượt đuổi kẻ gây án mạng, và vì đường xa quá nên có thể đuổi kịp và đánh chết người đó, mặc dù người đó không đáng phải chết, vì trước đó anh ta không hề thù hận gì với người lân cận mình.<sup>7</sup> Vì vậy mà tôi truyền cho anh em phải dành riêng ba thành.”

**}** “là người có thể chạy đến đó và sinh sống” Nếu một người giết một ai đó và chạy trốn (BDB 630, KB 681, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) đến một trong những thành được thiết kế và nếu phiên tòa xác minh xác định được rằng không có sự cố ý suy tính trước thì khi đó anh ta phải sống (BDB 310, KB 309, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) trong thành này một cách an toàn cho đến khi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đương thời qua đời (Giô-suê 20:6).

**}** “vô ý” Hãy xem ghi chú tại 4:42. Đây là sự ngược lại với “hành động cố ý, có suy tính trước.”

**19:6 “kẻ báo thù huyết”** Cụm từ này là một câu trúc ghép (BDB 145 I, KB 169, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ và BDB 196, Dân Số Ký 35:9-28). Người này cũng được biết như là “người thân có quyền chuộc”(một người hành động nhân danh gia đình). Đây là một ví dụ của sự báo thù trong giới hạn của câu 21 (Xuất 21:23-25; Lê-vi Ký 24:19-22).

**}** “mặc dầu người không đáng chết” Đây là một sự tiến triển thần học của Sáng 9:5-6. Ở đây, động cơ phía sau hành động được đem ra để xem xét cẩn thận. Rằng nếu như trường hợp đó là tai nạn và không cố ý thì cần được hoãn thi hành khỏi sự trả thù “mắt đền mắt”. Vẫn có những hậu quả (phải sống trong thành ần náu cho đến cái chết của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đương thời).

Y-sơ-ra-ên, giống như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cần phải quan tâm đến công chính và sự báo thù có giới hạn!

**19:7** Môi-se truyền cho họ lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong những câu từ câu 1-3; ông giải thích cho họ từ câu 4-6 và, sau đó ông khẳng định lại mạng lệnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong câu 7.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 19:8-10**

<sup>8</sup> "Nếu Giê-hô-va Đức Chúa Trời mở rộng bờ cõi anh em, như Ngài đã thề với tổ phụ anh em, và nếu Ngài ban cho anh em toàn bộ vùng đất mà Ngài đã hứa với tổ phụ anh em,<sup>9</sup> vì anh em cẩn thận làm theo các điều răn mà tôi truyền cho anh em ngày nay, tức là kính mến Chúa là Đức Chúa Trời và luôn bước đi trong đường lối Ngài, thì bây giờ, anh em phải thêm ba thành nữa vào ba thành đã nói trên.<sup>10</sup> Như vậy máu vô tội sẽ không đổ ra giữa xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho anh em làm cơ nghiệp và anh em cũng không mắc tội làm đổ máu."

**19:8 “Nếu”** PHÂN TỪ giả định (BDB 49) bày tỏ tính chất điều kiện của giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với Y-sơ-ra-ên ( trong câu 9). Ngài đã ban cho họ khu vực phía bên kia Sông Giô-đanh và nếu như họ vâng lời Ngài sẽ ban cho họ Ca-na-an.

**19:9 “cẩn thận làm theo”** Đây là ĐỘNG TỪ “làm theo” (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Hãy xem ghi chú tại 6:12) dưới đây bởi một số NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP:

1. “thực hiện” - BDB 793, KB 889
2. “yêu mến” - BDB 12, KB 17
3. “bước đi” - BDB 229, KB 246, 10:12; 11:1,13,22; 30:16

**}** “(tất cả) các điều răn” Đây là thuật ngữ số ít (BDB 846, Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1) được sử dụng để mô tả toàn bộ giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (4:2; 6:1; 11:8; 15:5; 19:9).

**}** “người phải thêm ba thành nữa” Ba thành này cộng với ba thành trong câu 2 chỉ ra sáu thành ần náu được đề cập đến trong Giô-suê 20. Những thành này chỉ đến (1) những thành tương lại ở phía bờ tây sông Giô-đanh, chưa bị chinh phục hoặc (2) sự mở rộng bờ cõi của Y-sơ-ra-ên trong phần văn bản sau cuộc chinh phục của Giô-suê (sự biên tập cập nhật).

**19:10** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA quan tâm đến sự chết của những người không đáng phải chết (ví dụ, “huyết vô tội,” II Các Vua 21:16; 24:4; Giê-rê-mi 22:17). Trong Cựu Ước không có sự phân biệt giữa sự tinh sạch đạo đức và nghi lễ. Sự sống là rất quý giá! sự mất mát của nó sẽ gây ra những hậu quả (“tội làm đổ huyết,” Dân Số Ký 35:33-34). Chính những hậu quả này và những sự không tinh sạch theo nghi lễ khác cần phải được xử lý (1) mỗi năm bởi Ngày Đại Lễ Chuộc Tội, được mô tả trong Lê Vi Ký 16 và (2) ở địa phương bởi sự dâng sinh tế một con bò cái to

( 21:1-9). Cũng những sự sinh sông trong thành trú ẩn của những cá nhân, Phục 21:1-9 cũng xử lý với những sự định tội về nghi lễ của cộng đồng.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 19:11-13**

**11** " Nhưng nếu ai vì thù hận người lân cận mà rình rập, tấn công và giết chết người đó rồi trốn vào một trong các thành ấy, **12** thì các trưởng lão của thành có kẻ giết người đó phải sai người đi bắt thủ phạm về giao cho người đòi nợ máu và nó phải chết. **13** Đừng để mắt đoái thương nó, nhưng phải tẩy sạch máu của người vô tội ra khỏi Y-sơ-ra-ên thì anh em mới được phước. "

**19:11** Hãy chú ý một chuỗi ĐỘNG TỪ mô tả về sự giết người cố ý, có suy tính:

1. "thù hận" - BDB 971, KB 1338, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ, 4:42
2. "rình rập" - BDB 70, KB 83, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
3. "tấn công" - BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
4. "giết chết" - BDB 645, KB 697, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH

**19:12** "các trưởng lão của thành" Điều này chỉ về thành gần nhất với nơi giết người hoặc là thành nơi người đó cư trú.

**19:13** "Đừng để mắt đoái thương nó" ĐỘNG TỪ này (BDB 299, KB 298, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) là một chủ đề định kỳ trong sách Phục Truyền ( 7:16; 13:8; 19:13,21; 25:12). Sự thương xót của con người hoặc những cảm xúc quốc gia cũng không thể thay đổi luật pháp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Y-sơ-ra-ên phải thánh khiết! Sự thành vượng tương lai của Y-sơ-ra-ên ( và cả sự tồn tại của họ tại Đất Hứa ) là có điều kiện trên sự vâng lời của nó.

⌋

**NASB** "nhưng phải trừ huyết người vô tội khỏi Y-sơ-ra-ên"

**NKJV** "nhưng người phải cất khỏi tội đổ huyết người vô tội khỏi Y-sơ-ra-ên"

**NRSV** "người phải loại trừ sự vi phạm việc đổ huyết vô tội khỏi Y-sơ-ra-ên"

**TEV** "Y-sơ-ra-ên phải loại khỏi nó sự giết người"

**NJB** "Người cần phải loại bỏ sự đổ huyết người vô tội khỏi Y-sơ-ra-ên"

ĐỘNG TỪ này (BDB 128, KB 145, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là "đốt," được sử dụng theo nghĩa bóng ở đây của sự loại bỏ hoàn toàn ( 13:8; 17:7,12; 19:13,19; 21:21; 22:21,22,24; 24:7).

Tội giết người ảnh hưởng đến những mối quan hệ của cá nhân ( Sáng Thế Ký 4) của của cả cộng đồng (21:1-9) với những phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Tội lỗi và sự tự tập chú vào chính mình hủy hoại tất cả những gì chúng chạm vào!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 19:14**

**14** " Anh em không được đòi ranh giới của người lân cận vốn đã được các tiên nhân dựng lên trong phần cơ nghiệp mà anh em sẽ nhận được trong xứ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em."

**19:14** "Anh em không được đòi ranh giới của người lân cận" Trong thế giới cổ xưa những người nông dân thường canh tác trên đất cùng với nhau (ví dụ, cày bừa, gieo, gặt). Khi những người khách qua đường nhìn vào, nó có vẻ như là một đám ruộng. Tuy nhiên, mỗi gia đình có mảnh ruộng riêng của họ, vốn được đánh dấu bởi những viên đá trắng. Và bởi vì vậy, mặc dù gia đình làm việc trên cả cánh đồng lớn cùng với cả dân làng, nhưng được nhận những bông trái của chính mảnh đất của họ. Nếu một ai đó đòi những hòn đá này để họ có thể có nhiều đất hơn (phân sản lượng sau khi thu hoạch), nó sẽ trở thành một tội ác chống lại cả cộng đồng và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, bởi vì Ngài đã ban đất đai cho họ như là phần sản nghiệp của mỗi chi phái và gia đình ( 27:17; Châm 22:28; 23:10; Ô-sê 5:10).

⌋ "mà các tiên nhân (tổ tiên) người đã cắm" Đây chính là thông điệp đã làm cho nhiều học giả đã chối bỏ

quyền tác giả của Môi-se trên sách Phục Truyền. Có vẻ như nó chỉ đến sự phân chia sản nghiệp bằng cách bắt thăm, vốn xảy ra sau cuộc chinh phục Đất Hứa bởi Giô-suê ( Giô-suê 13-19). Những người ghi chép lịch sử Ai Cập vẫn cập nhật những văn bản của họ, trong khi những người ghi chép sử vùng Mê-sô-bô-ta-mi thì không làm như vậy. Những người ghi chép thì được huấn luyện tại Ai Cập.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 19:15-21**

<sup>15</sup>” Một nhân chứng duy nhất thì không đủ để buộc tội một người về bất cứ tội ác hay hành vi sai quấy nào mà họ phạm. Phải căn cứ trên lời khai của hai hay ba nhân chứng mới xác định được vấn đề.<sup>16</sup> Nếu có một người làm chứng gian đứng lên tố cáo một người khác về hành vi sai phạm,<sup>17</sup> thì cả hai bên tranh chấp phải đứng trước mặt ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, trước mặt các thầy tế lễ và các thẩm phán đương nhiệm.<sup>18</sup> Các thẩm phán phải thẩm tra kỹ lưỡng. Nếu thấy nhân chứng là kẻ chứng gian đã vu cáo anh em mình<sup>19</sup> thì anh em phải làm cho hắn như hắn đã định làm cho anh em mình; như vậy anh em sẽ diệt trừ tội ác khỏi anh em.<sup>20</sup> Khi nghe tin này những người khác sẽ sợ, không bao giờ làm điều gian ác như thế giữa anh em nữa.<sup>21</sup> Anh em không nên thương xót những người như vậy. Mạng đền mạng, mắt đền mắt, răng đền răng, tay đền tay, chân đền chân. ”

**19:15** Câu này chỉ ra họ đã cẩn thận như thế nào trong việc thực hiện những việc xử lý tư pháp của họ ( 17:6; Dân Số Ký 35:30). ĐÔNG TỪ này “ngịch lại” (BDB 877, KB 1086, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng ba lần trong bản tiếng Hê-bơ-rơ trong câu 15 và 16.

**19:16 “người làm chứng gian”** DANH TỪ này “hiểm độc” (BDB 329) có nghĩa căn bản là “một cách bạo lực,” nhưng ở đây nó chỉ đến một sự làm chứng tư pháp sai trật một cách cố ý ( Xuất 23:1; Thi 27:12; 5:11), họ nói trong danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (một lời thề có giá trị luật pháp), nhưng lại chủ ý bẻ cong sự thật. Câu 19 chỉ ra những hậu quả của một sự làm chứng dối ( Phục 5:20 và đoạn 11).

⌋

**NASB, NKJV, NRSV** “hành vi sai phạm”

**TEV** “cáo buộc sự sai trật”

**NJB** “một sự cáo buộc về sự bội đạo”

Từ Hê-bơ-rơ (BDB 694 II) này thường có nghĩa là “một thái độ phản nghịch vốn chuyển thành một thành động,” 13:5; Giê-rê-mi 28:16; 29:32. Ở đây, văn mạch vốn chỉ đến việc “nói dối” một cách cố ý và có chủ định trước.

**19:17 “những thầy tế lễ và quan án”** Điều này chỉ về:

1. những quan án ở địa phương, 16:18-20; 17:8-13

2. Những thầy tế lễ Lê-vi ở tại đền thánh trung tâm, 18:1-8

Chú ý rằng sự xuất hiện “trước mặt” những người quan xét được chỉ định này cũng giống như là xuất hiện trước ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 17:9,12).

**19:18 “Các quan án phải tra xét kỹ càng”** Hãy xem ghi chú tại 13:15. Từ này (BDB 405, KB 408, *Hiphil* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐỐI) cũng được sử dụng trong 17:4.

**19:19 “thì các người phải làm cho hắn như hắn đã toan làm cho anh em mình”** Đây là một ví dụ cho “chúng ta sẽ gặt những gì chúng ta gieo” hoặc là công lý “mắt đền mắt” ( Lê-vi Ký 24:19).

**19:20 “Còn những người khác hay điều đó, sẽ sợ”** Có một sự ngăn chặn xã hội qua sự hình phạt những cá nhân bởi cộng đồng ( 13:11; 17:13).

**19:21** Hãy xem ghi chú tại câu 13. Công ý “mắt đền mắt” của Y-sơ-ra-ên, vốn có vẻ quá tàn bạo (*Lex talionis*, vốn là một đặc điểm của bộ Luật Hammurabi, hãy xem quyển *Old Testament Times*, được viết bởi R. K. Harrison, trang 57-59) đã có ý nghĩa thực sự để dừng lại “những cuộc chiến tranh báo thù” giữa các gia đình và chi phái cũng

như gìn giữ sự tinh sạch theo nghi lễ của dân tộc giao ước của Đức Chúa Trời.

Một sự tự hỏi về cách làm thế nào luật này được thực hiện theo nghĩa đen. Có vẻ như sự chặt chẽ theo nghĩa đen đã được thay bởi một sự đền bồi phù hợp. Điều này dựa trên văn mạch những đoạn xung quanh của phần song hành của điều này trong Xuất 21:23-25. Văn mạch của những đoạn ngay trước và sau giải quyết với sự bồi thường. Những ra-bi Do Thái sau này đã thay đổi điều này thành một sự đền bồi phù hợp cho những hành động gây nên sự tổn hại cá nhân. Tuy nhiên, tội giết người vẫn giữ nguyên sự ngăn cấm tôn giáo của nó. Nó sẽ ảnh hưởng một cách tiêu cực đến giao ước của những phước hạnh đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và nó vẫn phải bị xử lý một cách thích đáng!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao Đức Chúa Trời lại thiết lập những thành ân náu?
2. Hãy giải thích khái niệm của “kẻ báo thù huyết.”
3. Cách mà người Hê-bơ-rơ xử lý với những sự làm chứng sai trật?
4. Mục đích của công lý “mắt đền mắt” là gì?

# PHỤC TRUYỀN 20

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Nguyên Tắc Cầm Quyền Trong Chiến Trận	Những Nguyên Tắc Tiến Hành Cuộc Thánh Chiến	Những Điều Liên Quan Đến Chiến Tranh	Chiến Tranh và Những Chiến Sĩ
20:1-9	20:1-9	20:1-4 20:5-7 20:8-9	20:1-4 20:5 20:6 20:7 20:8 20:9 Những Thành Chiếm Được
20:10-18	20:10-18	20:10-15 20:16-18	20:10-14 20:15-18
20:19-20	20:19-20	20:19-20	20:19-20

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính là thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NGHIÊN CỨU BỐI CẢNH**

- A. Đoạn 20 mô tả về cách Y-sơ-ra-ên cần phải điều hành cuộc thánh chiến, vốn là một cuộc chiến được thực hiện bởi danh của Đức Chúa Trời, đượcra lệnh bởi Ngài, và những nguyên tắc được kiểm soát bởi Ngài cũng như dành cho sự vinh quang Ngài ( 20:1-20; 21:10- 14; 23:9-14; 24:5; 25:17-19).
- B. Những nan đề hiện đại với thể loại văn bản này liên quan đến sự xúc phạm chủng tộc. Tuy nhiên, nó là

không công bằng khi áp dụng những quan điểm hiện đại về các chủng tộc và chiến tranh vào những hoạt động quân sự cổ xưa.

Một vấn đề nữa của các Cơ Đốc Nhân hiện đại là cố gắng áp dụng từng chữ những đoạn trích từ Cựu Ước vào trong thời đại của họ. Đó không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời rằng mọi thế hệ tại mỗi vùng đều tái lập văn hóa cổ đại vùng Cận Đông, nhưng chúng ta cần tìm kiếm những lẽ thật đời đời nổi bật lên từ những hành động trong nền văn hóa cụ thể đó, để rồi áp dụng những lẽ thật chung này vào trong nền văn hóa của chúng ta. Một sách rất tốt về điểm này là *How To Read the Bible For All Its Worth* được viết bởi Fee and Stuart.

Bởi vì nó đã xảy ra và được ghi chép lại trong Kinh Thánh không đương nhiên có nghĩa đó chính là ý muốn của Chúa dành cho tất cả mọi thời đại và mọi nền văn hóa (ví dụ, những luật về thức ăn, cuộc thánh chiến, việc có nhiều vợ, chế độ nô lệ, sự phục tùng của phụ nữ v.v...).

- C. Đoạn này là một sự xen lẫn giữa sự thương xót sự nghiêm khắc!
- D. Để xem một cuộc thảo luận tốt Hãy xem bộ *Ancient Israel*, được viết bởi Roland de Vaux, quyển 1, trang 258-267.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 20:1-9

<sup>1</sup>" Khi đi ra giao chiến với quân thù, nếu anh em thấy chúng có nhiều ngựa, nhiều xe và binh lực đông hơn thì đừng sợ, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em là Đấng đã đem anh em lên từ Ai Cập sẽ ở với anh em. <sup>2</sup> Trước giờ anh em tham chiến, thầy tế lễ sẽ tiến đến phía trước và phát biểu với dân chúng. <sup>3</sup> Ông sẽ nói: 'Hỡi Y-sơ-ra-ên hãy nghe! Hôm nay anh em sẽ giao chiến với quân thù. Đừng sờn lòng, hoảng sợ, đừng hãi hùng, kinh khiếp khi đối diện với chúng, <sup>4</sup> vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, là Đấng cùng đi với anh em để tiến đánh quân thù và giải cứu anh em. <sup>5</sup> Bây giờ các quan chức sẽ nói với dân chúng rằng: 'Có ai vừa mới cất nhà mà chưa kịp khánh thành không? Hãy cho người ấy trở về nhà, vì nếu người ấy tử trận thì người khác sẽ khánh thành nhà ấy chẳng. <sup>6</sup> Có ai đã trồng một vườn nho mà chưa kịp hưởng hoa lợi không? Hãy cho người ấy trở về nhà, vì nếu người ấy tử trận thì người khác sẽ hưởng hoa lợi vườn nho đó chẳng. <sup>7</sup> Có ai đã đính hôn với một phụ nữ mà chưa kịp cưới không? Hãy cho người ấy trở về nhà, vì nếu người đó tử trận thì người khác sẽ cưới người vợ hứa ấy chẳng.' <sup>8</sup> Các quan chức còn nói thêm với dân chúng: 'Có ai cảm thấy sợ hãi và nao núng không? Hãy cho người ấy trở về nhà, nếu không người ấy có thể làm cho đồng đội nản lòng như chính người đó chẳng.' <sup>9</sup> Khi các quan chức phát biểu xong, các cấp chỉ huy sẽ được bổ nhiệm để lãnh đạo dân chúng."

**20:1 “nhiều ngựa, nhiều xe”** Những dân tộc Ca-na-an có rất nhiều ngựa và nhiều xe (khí cụ quân sự hiện đại nhất của thời kỳ và địa điểm bấy giờ); người Y-sơ-ra-ên lại không có một chút nào ( Giô-suê 11:4; 17:16; Ê-sai 31:1-3; Ô-sê 14:3). Người Y-sơ-ra-ên phải tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ chu cấp sự chiến thắng cho họ, chứ không phải từ những khí cụ tốt hơn ( Ê-sai 30:15-17; 31:1-9).

**” “thì chớ sợ chúng”** ĐỘNG TỪ này (BDB431, KB4387, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) là một chủ đề định kỳ trong văn mạch về cuộc thánh chiến ( 1:21,29; 3:2,22; 7:18; 20:1,3; 31:6,8). Họ không được sợ hãi sức mạnh hoặc số lượng của những kẻ thù Ca-na-an, nhưng họ cần phải kính sợ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 4:10; 5:29; 6:2,13,24; 10:12,20; 13:4; 14:23; 17:19; 28:58; 31:12,13), bởi vì Ngài là một Đức Chúa Trời tuyệt vời (từ Hê-bơ-rơ này cũng được sử dụng trong 7:21; 10:17; 28:58).

**” “vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời, là Đấng đã khiến ngời lên khỏi xứ Ê-díp-tô”** Hãy xem Xuất 14:26-28 để xem một sự dẫn chứng về sự giải cứu của Đức Chúa Trời dành cho dân sự của Ngài khỏi Pha-ra-ôn. Sự tin cậy của Y-sơ-ra-ên đặt nền tảng trên:

1. những sự mặc khải trước đó dành cho Các Tổ Phụ
2. Sự giải cứu diệu kỳ khỏi người Ai Cập
3. Những sự chu cấp kỳ diệu trong thời kỳ lang thang trong hoang mạc



#### 4. những chiến thắng về phía bờ đông sông Giô- đanh

**20:2 “thầy tế lễ sẽ bước tới, nói cùng dân sự”** Các ra-bi Do Thái gọi nhân vật này là “vị thầy tế lễ được xúc dầu của cuộc chiến đấu.” Trước chiến trận, vị thầy tế lễ sẽ động viên họ trở nên can đảm bởi vì Đức Chúa Trời ở cùng với họ. Ngay cả nếu như họ hy sinh đi trong chiến trận, Đức Chúa Trời vẫn sẽ chăm sóc cho họ và gia đình của họ.

**20:3-4** Chú ý chuỗi của những sự khích lệ (“nghe” BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH) của thầy tế lễ trong câu 3:

1. “chớ nhút nhát” - BDB 939, KB 1236, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng ở trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH, Ê-sai 7:4; Giê-rê-mi 51:46
2. “chớ sợ” - BDB 431, KB 432, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng ở trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH, Hãy xem ghi chú tại câu 1
3. “chớ kinh khiếp” - BDB 342, KB 339, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng ở trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH, cũng được dùng trong Gióp 40:23 (I Sa-mu-ên 23:26; II Các Vua 7:15; Thi 48:5)
4. “chớ kinh khiếp (trước chúng)” - BDB 791, KB 888, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng ở trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH, 1:29; 7:21; 31:6; Giô-suê 1:9

Lý do của sự tự tin này được đề cập đến trong câu 4:

1. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi là Đấng cùng đi với các ngươi” - BDB 229, KB 246, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
2. “đặng vì các ngươi đánh” - BDB 535, KB 526, *Niphal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
3. “giải cứu ngươi” - BDB 446, KB 448, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

**20:5-8 “các quan trưởng”** Đây là một từ đặc biệt Hê-bơ-rơ (BDB 1009) thường được sử dụng trong sự kết nối cùng với những quan án hoặc những lãnh đạo quân sự. Nó có nghĩa là “những người đại diện đến từ mỗi chi phái” (1:15; 29:10; 31:28). Những quan trưởng này thực hiện việc xét xử mà không có bất kỳ sự miễn trừ này.

Ở đây là một danh sách những sự miễn trừ cho phép một người nam Y-sơ-ra-ên không phải ra chiến trận:

1. Một người đã cất một nhà mới, mà chưa khánh thành, trong câu 5 (rõ ràng đây là một sự kiện tương lai; không có bất kỳ ghi chép nào về tính chất hoặc mục đích của điều này được ghi lại trong Cựu Ước, nhưng từ này cũng là từ được sử dụng cho việc cung hiến đền thờ, BDB 335 II).
2. Một người đã trồng một vườn nho và chưa hái trái, câu 6 (rõ ràng đây là một sự kiện tương lai, vườn nho thường mất ba năm để kết trái, Lê-vi Ký 19:23-25).
3. Một người đã làm lễ hỏi một người nữ, mà chưa cưới, trong câu 7, 24:5.
4. Một người sợ và nhút nhát, trong câu 8, bởi vì nó có thể gây cho những người khác trở nên sợ hãi, Các quan xét 7:3; I Mác-ca-bê 3:56.

Dân Số Ký 1, 2, và 3 liên hệ đến những vấn đề về sự thừa kế. Nhưng chúng cũng có thể được nhìn thấy ở trong ánh sáng của sách Phục 28:30. Chính những điều này được đề cập như là hậu quả của việc không vâng phục giao ước.

**}** “Hãy đi trở về nhà mình” Câu này được cấu tạo từ những ĐỘNG TỪ này:

1. “đi (rời khỏi)” - BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng như là THÊ MỆNH LỆNH
2. “trở về” - BDB 996, KB 1427, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH

Nó được lặp lại với mỗi trường hợp loại trừ được liệt kê ra ( trong những câu 5,6,7,8). Không phải là số lượng của quân đội Y-sơ-ra-ên, bèn là quyền năng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã làm nên sự khác biệt! Số lượng và sự huấn luyện trang bị càng ít dành cho quân đội thì nó càng tán dương sự chiến thắng của Đức Chúa Trời ( Các Quan Xét 7).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 20:10-18**

<sup>10</sup>“ Khi kéo quân tấn công một thành nào, anh em phải đưa điều kiện hòa giải cho dân chúng trong thành ấy trước. <sup>11</sup> Nếu họ chấp thuận điều kiện giải hòa và mở cửa thành cho anh em thì toàn dân trong thành sẽ phải phục dịch và làm nô lệ cho anh em. <sup>12</sup> Nếu họ từ chối điều kiện giải hòa và khai chiến với anh

em thì anh em sẽ bao vây thành ấy. <sup>13</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em sẽ phó thành ấy vào tay anh em và anh em sẽ dùng gươm giết tất cả đàn ông con trai trong thành. <sup>14</sup> Tuy nhiên, anh em có thể giữ lại cho mình đàn bà, con trẻ, súc vật và mọi vật khác trong thành làm chiến lợi phẩm. Anh em được hưởng các chiến lợi phẩm thu được của quân thù, là những gì mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho anh em. <sup>15</sup> Anh em hãy xử như vậy với các thành ở rất xa anh em, là những thành không thuộc về các dân tộc ở đây. <sup>16</sup> Nhưng trong các thành thuộc lãnh thổ của những dân tộc mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm cơ nghiệp thì đừng để cho một sinh vật nào được sống. <sup>17</sup> Phải tận diệt dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, dân Giê-bu-sít như lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã phán dặn. <sup>18</sup> Như thế chúng sẽ không dạy anh em làm theo những điều ghê tởm mà chúng đã làm để cúng thờ các thần của chúng, khiến anh em phạm tội với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em."

**20:10-15** Đây là những hướng dẫn về sự đầu hàng dành cho những thành xa xôi, những thành ở ngoại vi hoặc nằm ngoài phạm vi của Đất Hứa mà Đức Chúa Trời đã ban cho (năm ngoài sản nghiệp của Y-sơ-ra-ên trong câu 15).

**20:11** "sẽ phải phục dịch và làm nô lệ cho anh em" Điều này phản ánh một yếu tố phổ biến của cuộc thánh chiến ở khu vực Cận Đông cổ đại.

**20:13** "**bằng lưỡi gươm**" Nghĩa đen của từ Hê-bơ-rơ là "ở nơi miệng của gươm." Hàm ý là tất cả những người nam ở độ tuổi nhất định sẽ bị giết.

**20:14** Tại thế giới cổ đại, những người chiến binh không được trả lương, nhưng sự bù lại của họ là những chiến lợi phẩm chiến thắng. Trong Y-sơ-ra-ên, đặc biệt "cuộc thánh chiến," những chiến lợi phẩm thuộc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để chỉ ra rằng sự chiến thắng chính là chiến thắng của Ngài và rằng vùng đất chính là đất đai của Ngài. Những câu này là những sự ngoại trừ bởi vì những thành này nằm ở bên ngoài của Đất Hứa.

} "**những đàn bà**" Kể cả những nô lệ bắt được cũng có những quyền lợi ( 21:10-14).

**20:16-18** Những câu này chỉ về những thành ở trong Đất Hứa. Những thành phố này toàn toàn ở dưới lệnh cấm của sự hủy diệt ( trong câu 16-17).

**20:16** "**chớ để sống một vật nào biết thờ**" Điều này có nghĩa là trẻ em nhỏ, những người nữ đang mang thai, người già, súc vật... tất cả những gì thờ ( Giô-suê 10:40; 11:11,14).

**20:17** "**tận diệt**" Từ sử dụng ở đây là *herem* (BDB 355, KB 353, *Hiphil* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐÓI và *Hiphil* THẾ CHƯA HOÀN THÀNH, vốn là một cách sử dụng ngữ pháp để bày tỏ về sự dữ dội), vốn là ý niệm về sự hủy diệt hoàn toàn và tất cả bởi vì nó đã được dâng hiến cho Đức Chúa Trời ( 2:34; 7:1-5).

} "**dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, dân Giê-bu-sít,**" Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những dân tộc trước Y-sơ-ra-ên sống tại Palestine tại 1:4.

**20:18** Làm thế nào mà những điều này lại có thể được thực hiện bởi một Đức Chúa Trời yêu thương? Một sự trả lời được tìm thấy ở trong 18 – một lý do thần học. Nếu người không quét sạch chúng thì, về mặt thần học chúng sẽ làm cho người ô uế. Một sự trả lời khác được tìm thấy trong Phục 9:4 và sự trả lời thứ ba trong Sáng 15:12-21. Những tội lỗi của con người có những hậu quả!

## **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 20:19-20**

<sup>19</sup> "Khi anh em bao vây và tấn công lâu ngày để tiến chiếm một thành thì đừng lấy rìu đốn chặt cây cối chung quanh thành. Anh em có thể ăn trái của các cây đó nhưng không được chặt phá, vì cây cối ngoài đồng chứ có phải con người đâu mà anh em bao vây?" <sup>20</sup> Anh em có thể đốn phá những cây mà anh em biết không phải là cây ăn trái. Anh em có thể đốn và dùng chúng để xây cất chiến lũy tiến đánh thành đang gây chiến với anh em, cho đến khi thành ấy thất thủ"

**20:19-20** Những thành phố Cận Đông thời kỳ Cổ Đại bao quanh bởi tường thành sẽ bị tấn công bằng các loại chiến xa công thành bằng gỗ. Gỗ được lấy từ những cây không có trái, có lẽ bởi vì có lẽ những sản phẩm này sau đó sẽ cần thiết cho những người Y-sơ-ra-ên cư trú tại thành phố bị đánh bại đó.

**20:19**

**NASB, NJB** "là cây trên cánh đồng của một người"

**NKJV** "là những cây của cánh đồng là thức ăn của con người"

**NRSV** "là những cây trên cánh đồng của con người"

**TEV** "những cây đó không phải của kẻ thù của anh em"

Văn bản tiếng Hê-bơ-rơ ở đây rất khó. Có vẻ như đây là những cây không phải của kẻ thù của họ! Đây là cách mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chu cấp tức thì và là thức ăn tương lai cho dân sự của Ngài.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Sự sợ hãi của Y-sơ-ra-ên đối với sự vượt trội to lớn về dân số và công nghệ được xử lý như thế nào?
2. Hãy liệt kê ra bốn trường hợp được miễn trừ khỏi trách nhiệm về quân sự:
3. Đức Chúa Trời có biện hộ cho chế độ nô lệ hay không (trong câu 11)?
4. Làm thế nào một người có thể tương thích những câu 16-17 với quan điểm của Đức Chúa Trời?
5. Hãy liệt kê ra tất cả những khía cạnh nhân đạo của đoạn này.

# PHỤC TRUYỀN 21

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Luật liên quan đến Sự Giết Người Không Giải Quyết Được 21:1-9	Những Luật Khác (21:1-23:14) 21:1-9	Về Sự Giết Người Không Giải Quyết Được 21:1-9	Sự Giết Người Không Xác Định Được 21:1-9
Những Tù Binh Nữ Chiến Tranh 21:10-14	21:10-14	Về Những Tù Binh Nữ Trong Chiến Tranh 21:10-14	Những Phụ Nữ bắt Được Trong Chiến Tranh 21:10-14
Những Quyền Thừa Kế của Con Đầu Lòng 21:15-17	21:15-17	Về Sản Nghiệp của Con Đầu Lòng 21:15-17	Quyền Thừa Kế 21:15-17
Đứa Con Bội Nghịch 21:18-21	21:18-21	Về Đứa Con Bội Nghịch 21:18-21	Không Giải Quyết Được 21:18-21
Những Luật Riêng Khác (21:22-22:12) 21:22-23	Những Luật Riêng Khác (21:22-22:12) 21:22-23	Những Luật Khác (21:22-22:12) 21:22-22:3	Những Sự Quản Trị Khác (21:22-22:12) 21:22-22:2

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NHỮNG Ý TƯỞNG VỀ BỐI CẢNH**

- A. Chú ý khuôn mẫu định kỳ “nếu. . .thì.” Đây là một thể loại luật pháp của khu vực Cận Đông Cổ Đại (ví dụ, luật phán quyết theo trường hợp hoặc luật phán quyết (casuistic law)), vốn được phân biệt với luật tất yếu (apodictic law) (ví dụ, Mười Điều Răn).
- B. Bộ luật Phục Truyền có một vài đặc điểm đặc biệt:

1. sự nhân mạnh định kỳ vào tình yêu giao ước
  - a. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với Y-sơ-ra-ên
  - b. Người Y-sơ-ra-ên đối với người Y-sơ-ra-ên
  - c. Người Y-sơ-ra-ên đối với người ngoại
  - d. Người Y-sơ-ra-ên đối với động vật
2. Sự chăm sóc đặc biệt dành cho người nghèo, người không có quyền công dân, và không có quyền lực

C. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hướng dẫn dân sự của Ngài trong những cách rất rõ ràng (những đường lối). Ngài muốn họ hiểu và hành động phù hợp. Những hành động của họ phản ánh đặc tính của Ngài như là một phương tiện để vươn đến những người chưa biết về Ngài (mối quan hệ đức tin cá nhân và quốc gia). Luật Pháp là món quà của Đức Chúa Trời dành cho con người sa ngã, không phải là một sự thực hành việc kiểm soát cách thất thường! Chugns chỉ ra nhiều cách thực tế và cụ thể làm thế nào một “dân thánh” có thể sống trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời thánh khiết!

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 21:1-9

<sup>1</sup> "Nếu phát hiện có một người bị giết nằm ngoài đồng, trên mảnh đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho anh em làm sản nghiệp, nhưng không biết ai đã giết, <sup>2</sup> thì các trưởng lão và thẩm phán của anh em phải ra đo khoảng cách từ chỗ xác chết đến các thành chung quanh đó. <sup>3</sup> Các trưởng lão của thành gần xác chết nhất phải bắt một con bò cái tơ chưa từng làm việc hay chưa mang ách, <sup>4</sup> rồi dắt con bò ấy xuống một dòng suối có nước chảy, một nơi không cày cấy gieo trồng, và đánh gãy cổ con bò cái tơ đó tại suối nước. <sup>5</sup> Bấy giờ các thầy tế lễ là con cháu Lê-vi sẽ đến gần vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã chọn họ để phụng vụ Ngài, để nhân danh Đức Giê-hô-va mà chúc phước, và căn cứ vào lời họ mà mọi vụ tranh tụng và đã thương được giải quyết. <sup>6</sup> Tất cả các trưởng lão của thành gần người bị giết nhất sẽ rửa tay trên con bò cái tơ vừa bị đánh gãy cổ trong suối, <sup>7</sup> rồi cùng nói: ‘Tay chúng con không làm đổ máu này; mắt chúng con không nhìn thấy án mạng này. <sup>8</sup> Lạy Đức Giê-hô-va, xin Chúa tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên, là dân mà Ngài đã chuộc! Xin đừng buộc tội làm đổ máu vô tội cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài và tha thứ cho họ về vụ đổ máu này.’ <sup>9</sup> Như vậy anh em đã làm điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va và giải trừ máu vô tội ra khỏi anh em. "

**21:1-9** Đây là bối cảnh mạch văn làm thế nào để tẩy sạch đất khi một người bị giết được tìm thấy nơi ngoài đồng, xa cách khỏi các thành phố. Sự giết người làm ô nhiễm đất đai của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (7:13; 11:9,21; 28:11; 30:20) và phải được xử lý với một phương cách thích hợp (đang sinh tế).

**21:2 “các trưởng lão và thẩm phán”** Có những lãnh đạo địa phương được chỉ định để ngồi ở tại cổng thành và xét xử những vụ việc của cộng đồng. Chỉ nếu như khi xảy ra vấn đề thì họ mới đem vụ việc lên một thẩm quyền cao hơn (những thầy tế lễ Lê-vi, trong câu 5). Họ sẽ đo lường khoảng cách từ nơi xác chết được tìm thấy đến những thành phố xung quanh. Thành phố gần nhất phải thực hiện những nghi lễ nhất định (trong câu 3-8). Điều này bày tỏ ý thức của họ về sự phạm tội bởi khoảng cách gần. Thành phố gần nhất sẽ phải chịu trách nhiệm cho sự phạm tội-huyết, vốn có thể ảnh hưởng trên những ơn phước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên cả khu vực ( 19:13).

**21:3 “một con bò cái tơ, chưa làm việc hay mang ách”** Điều này có nghĩa một con bò vốn chưa được sử dụng cho công việc nông nghiệp.

**21:4 “một dòng nước hằng chảy, gần đó không ai cày và gieo”** những thung lũng, cũng, bị ô uế bởi hành động của con người hoặc trong một tình trạng tự nhiên. Dòng nước biểu tượng cho việc di chuyển sự định tội ra xa (tương tự với con dê trong Lê Vi Ký 16).

} **“vận cổ con bò cái to”** Sau này các ra-bi Do Thái nói “chặt đứt đầu với một cái rìu” bởi vì việc bẻ gãy cổ là một việc khó ( Xuất 13:13; 34:20). Tuy nhiên, huyết không có vẻ liên quan trong nghi lễ, nhưng là ý niệm của sự thay thế. Con bò vô tội được mang lấy theo nghi lễ địa điểm của sự giết người không được khám phá ra đó. Mục đích là để loại bỏ khỏi vùng đất tội đổ huyết vô tội ( Dân Số Ký 35:33-34).

**21:5 “những thầy tế lễ”** Có thể chỉ về những người Lê-vi địa phương sau này.

} **“nhân danh Đức Giê-hô-va mà chúc phước”** Chúc phước là một trong những trách nhiệm của thầy tế lễ/ người Lê-vi ( 10:8; I Sứ ký 23:13). Một ví dụ của phước hạnh tế lễ được ghi chép lại trong Dân Số Ký 6:22-26. Phước hạnh này được liên hệ với việc vâng giữ giao ước của Y-sơ-ra-ên ( Dân Số Ký 6:27; Phục 28:3-6). Sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (danh xưng) được tôn kính hoặc bị chối bỏ bởi sự vâng lời của mỗi người Y-sơ-ra-ên hoặc là sự không vâng lời cách cố ý đối với những sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (giao ước). Phước hạnh của Y-sơ-ra-ên cả cá nhân( Xuất 19:5-6) và tập thể, được xác định không phải bởi sự lựa chọn độc đoán tùy tiện hay thất thường, nhưng bởi đức tin cá nhân nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, được biểu lộ bởi sự vâng lời giao ước (lối sống). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn ban phước ( Xuất 20:24; II Sứ ký 30:27).

} **“tùy lời miệng họ làm bằng, phải quyết phán các sự tranh tụng và thương tích”** ĐỘNG TỪ này là một động từ thông dụng “chính là” (BDB 224, KB 243, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH). Sự phiên dịch “được ấn định (quyết phán)” đến từ cụm DANH TỪ, “bởi lời phán của họ” (BDB 804).

Có hai thể loại vấn đề pháp lý được đề cập:

1. “tranh tụng” (ví dụ, các vụ kiện) - BDB 936, 1:12; 19:17; 21:5; 25:1; Xuất 23:2,3,6
2. “thương tích” - BDB 619, 17:8. Ở đây chỉ đến sự tấn công vật lý, nhưng từ này cũng có thể có nghĩa là bệnh tật, 24:8 (và nhiều lần ở trong Lê Vi Ký).

**21:6 “sẽ rửa tay mình trên con bò cái to”** Điều này biểu tượng cho sự tẩy sạch ( Thi 26:6; 73:13) khỏi sự định tội bởi khoảng cách gần đến xác chết đó. Những trường lão đại diện cho cả cộng đồng như là một sự tẩy rửa tập thể khỏi sự định tội cho cả làng mạc và khu vực.

**21:7 “Tay chúng tôi chẳng đổ huyết này ra; mắt chúng tôi chẳng thấy gì”** Những ra-bi Do Thái liên hệ điều này với việc giúp đỡ những người khách lạ, người nghèo, kẻ mồ côi, hoặc người góa bụa. Bởi vì những dân làng không nhìn thấy sự giúp đỡ của người khách lạ cho nên họ vô tội khỏi việc khỏi chu cấp cho nhu cầu cần của người đó. Điều này có thể là một cách để dừng lại việc gia đình của nạn nhân (người báo thù huyết) khỏi việc giết một thành viên vô tội của làng mạc gần nhất trong việc báo thù.

**21:8**

**NASB, TEV,**

**NJB**

**“tha tội”**

**NKJV**

**“cung cấp sự chuộc tội”**

**NRSV**

**“xả tội”**

**REB**

**“nhận sự chuộc tội”**

Đây là ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ “che phủ” ( BDB 497, KB 493, *Piel* THÊ MỆNH LỆNH). Nó được sử dụng hai lần trong câu này ( lần sử dụng thứ hai là *Nithpael* THÊ HOÀN THÀNH). Từ này, rất phổ biến trong sách Lê Vi Ký và Dân Số Ký, và chỉ được sử dụng ba lần trong sách Phục Truyền (21:8[hai lần]; 32:43). Nó căn bản có nghĩa là “được che phủ theo nghi lễ bằng phương tiện của một sự dâng sinh tế.”

} **“chuộc”** ĐỘNG TỪ này (BDB 804, KB 911, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH) song hành với “tha thứ” (che phủ). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Cửa Chuộc/Mua chuộc tại 7:8.

}

**NASB** **“xin chớ để sự cáo buộc huyết vô tội ở giữa dân sự của Ngài”**

**NKJV** **“Xin chớ để huyết vô tội buộc tội cho dân của Ngài”**

**NRSV** “xin chớ để sự định tội của huyết vô tội còn lại ở giữa dân sự của Ngài”

**TEV** “xin nhưng giữ chúng tôi phải chịu trách nhiệm cho sự hạ sát một người vô tội”

**NJB** “hãy khiến không có sự độ huyết vô tội ở giữa dân sự của Ngài”

ĐỘNG TỪ này (BDB 678, KB 733, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng ở nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH) là một lời cầu nguyện cho một sự xá tội theo lễ nghi khỏi hậu quả của một vụ giết người không giải quyết được. Hãy chú ý bản dịch NJB dịch cụm từ này là THỂ MỆNH LỆNH.

**21:9** Nghi lễ (từ câu 1-8) được xem là một sự “thanh tẩy” (BDB 128, KB 145, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) những ảnh hưởng của tội của tập thể (những vụ giết người không giải quyết được) ra khỏi toàn thể cộng đồng (tương tự với những nghi lễ của “ngày Đại Lễ Chuộc Tội” trong Lê Vi Ký 16). Tội lỗi, mặc dù là tội lỗi tập thể không chủ ý, vẫn ảnh hưởng đến phúc hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và thậm chí lại con giận cho tập thể (ví dụ, sự rửa sả, Phục Truyền 27-29).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 21:10-14**

<sup>10</sup> Khi nào anh em ra giao chiến với quân thù và được Giê-hô-va Đức Chúa Trời phó chúng vào tay anh em, và anh em bắt chúng làm tù binh; <sup>11</sup> nếu thấy trong các tù binh có một phụ nữ xinh đẹp, anh em đem lòng yêu mến và muốn cưới làm vợ, <sup>12</sup> thì phải đưa cô ấy về nhà. Người nữ ấy phải cạo đầu, cắt móng tay, <sup>13</sup> thay áo tù và ở trong nhà anh em, khóc cha mẹ trọn một tháng. Sau đó anh em có thể sống với người nữ ấy, cưới làm vợ và cô ấy sẽ là vợ của anh em. <sup>14</sup> Về sau, nếu anh em không yêu thích cô ấy nữa thì phải để cho cô ấy tự do ra đi, không được bán để lấy tiền hoặc đối xử như một nô lệ, vì anh em đã làm chiếm đoạt cô ấy.”

**21:10-14** Những câu Kinh Thánh này diễn đạt cách làm thế nào để cư xử phù hợp với phụ nữ (không phải người Ca-na-an, nhưng những dân khác, 20:10-15) bị bắt trong các cuộc chiến tranh, thậm chí có có những quyền lợi trên đất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Sự chăm sóc cho người nghèo và bất lực là độc nhất trong những bộ luật của thế giới cổ đại.

**21:11 “phụ nữ”** Đây không phải là một người nữ Ca-na-an, có lẽ là người ngoại quốc, không phải người Ca-na-an.

}Chú ý sự tiến triển của lời:

1. “thấy” - BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
2. “yêu mến” - BDB 365 I, KB 362, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, cũng được sử dụng cho tình yêu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên trong 7:7; 10:15
3. “đưa” - BDB 542, KB 534, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH. Ở đây không chỉ về một sự kết hợp tình dục, nhưng đưa về nhà một ai đó (trong câu 12).

Trình tự tương tự được tìm thấy trong Sáng Thế Ký 3:6!

**21:12 “Nàng sẽ cạo đầu mình, cắt móng tay”** Điều này là một nghi lễ về (1) sự bao gộp (Dân Số Ký 6:9,18-19); (2) sự tẩy sạch (Lê-vi Ký 13:33; 14:8-9); hoặc (3) sự than khóc (14:1; Lê-vi Ký 21:5; Giê-rê-mi 41:5; Ê-xê-chi-ên 44:20). Ở đây nó biểu tượng cho một ngày mới, một đời sống mới, một gia đình mới. Khả thú vị rằng việc thay đổi đức tin của cô ấy vào nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được hàm ý, nhưng không được đề cập. Đức tin của người chồng là đức tin của cả gia đình!

**21:13 “khóc cha mẹ mình trong một tháng”** Mặc dù lời Kinh Thánh không cụ thể đề cập đến rằng người phụ nữ này phải chưa có chồng, nhưng được hàm ý. Không có sự đề cập nào đến sự mất mát của người chồng hoặc đề cập đến con cái.

} “kê ấy, người sẽ đến cùng nàng” Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ cho việc quan hệ tình dục (vốn hoàn tất hôn nhân). Chú ý việc ham muốn những sự liên hệ thể xác, kể cả với một người không phải là người Y-sơ-ra-ên thì không bị định tội, nhưng có một thời điểm phù hợp. Tháng than khóc này tạo cho người nam Hê-bơ-rơ

này có thời gian để biết người vợ tiềm tàng của mình. Nếu mọi việc diễn ra không tốt đẹp, có một lối thoát mà không cần sự ly dị.

Cũng cần chú ý về sự thiếu vắng rõ ràng của một nghi lễ cưới thật sự ( Sáng 24:67).

**21:14 “cho nàng đi”** Đây là một từ theo quy tắc dành cho việc ly dị (BDB 1018, KB 1511, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH). Cô ấy không thể bị bán (*Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 569, KB 5181, vốn là một cách dùng ngữ pháp để bày tỏ sự nhấn mạnh) như là một nô lệ, nhưng cô có thể bị ly dị. Hãy xem ghi chú tại 24:1-4.

⌋

**NASB** “ngươi không được ngược đãi nàng”  
**NKJV** “ngươi không được đối xử độc ác với nàng”  
**NRSV, TEV** “ngươi không được đối xử với cô ấy như nô lệ”  
**NJB** -----

ĐỘNG TỪ này (BDB 771 II, KB 849, *Hithpael* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “đối xử hung bạo với” hoặc “cưỡng ép phải phục tùng theo ý muốn của một người có quyền lực lớn hơn” ( 24:7). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA quan tâm đến một sự đối xử công bằng với kể cả một người phụ nữ bị bắt được!

⌋

**NASB, NKJV** “bởi vì ngươi đã hạ cô ấy xuống”  
**NRSV** “bởi vì ngươi đã làm mất danh dự cô ấy”  
**TEV** “bởi vì ngươi đã ép buộc cô ấy phải quan hệ với ngươi”  
**NJB** “bởi vì ngươi đã lợi dụng cô ấy”  
**REB** “bởi vì ngươi đã đạt được ý muốn của ngươi với cô ấy”

ĐỘNG TỪ này (BDB 776, KB 853, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH), trong văn mạch của nó, được dịch tốt nhất theo bản TEV (Sáng 34:2; Phục 22:24,29; Các quan xét 19:24; 20:5; II Sa-mu-ên 13:12,14,22,32). Những người phụ nữ này đã phải đau khổ:

1. bị bắt trong chiến tranh
2. bị mất mát gia đình
3. bị bắt buộc hợp lại trong hôn nhân, vốn cũng hàm ý sự cải đạo về mặt tôn giáo
4. bây giờ bị bắt buộc phải rời khỏi nhà (vốn hàm ý tội lỗi, Phục 24:1-4) mà không có nơi nào để đi. Hãy để ý trong đoạn này, và đoạn tiếp theo nữa, giới hạn quyền lực văn hóa của những người nam Y-sơ-ra-ên!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 21:15-17**

<sup>15</sup>” Nếu một người có hai vợ, nhưng yêu bà này mà ghét bà kia, và nếu cả hai đều đã sinh con cho người ấy, nhưng con trai trưởng lại là con của người vợ bị ghét, <sup>16</sup> thì đến ngày chia gia tài cho các con, người đó không được trao quyền trưởng nam cho con trai của người vợ được yêu mà phải trao cho con trai của người vợ bị ghét, vì nó mới chính là trưởng nam. <sup>17</sup> Người chồng đó phải công nhận con trai của người vợ bị ghét là con trai trưởng và chia cho nó một phần gấp đôi về mọi tài sản mình có, vì nó vốn là hoa quả đầu tiên của sức lực người đó, nên quyền trưởng nam phải thuộc về nó. ”

**21:15** Đoạn này ghi nhận tập tục văn hóa có nhiều vợ. Ví dụ đầu tiên trong Cựu Ước là Lê-méc (Sáng 4:23). Người có nhiều vợ nổi tiếng nhất trong thời kỳ đầu là Gia-cóp trong Sáng Thế Ký 29. Chế độ đa thê được thực hiện ở giữa những người giàu có hoặc quyền lực, không thường xuyên trong những người thường ( mặc dù trong những câu 10-14 có thể chỉ đến việc lấy hai vợ).

Lý do chính xác của động cơ cho tập tục này là không rõ ràng:

1. tình dục
2. tái sinh sản (một con kế tự)
3. kinh tế
  - a. giúp những gia đình nghèo



- b. một cách để đạt được của cải và quyền lực
  - c. một cách để xử lý phần chia trong chiến tranh
4. những liên minh chính trị để giúp đỡ những quốc gia láng giềng có thể duy trì sự hòa bình (ví dụ, Đa-vít, Sa-lô-môn)

} **“không được yêu (bị ghét)”** Từ này có nghĩa đen là “bị ghét” (BDB 971, trong những câu 15[hai lần],16,17). Nhưng chức năng ở đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng chỉ sự so sánh—được yêu và không được yêu (Sáng 29:30-31; Ma-la-chi 1:2-3; Rô-ma 9:13 [trích Ma-la-chi 1:2-3]; Lu-ca 14:26).

} **“trưởng nam”** Quyền trưởng nam được thiết lập kể cả nếu như anh là con của người không được yêu (câu 17; Xuất 13:14-15; Lê-vi Ký 3:12-13).

**21:17 “chia một phần bằng hai”** Thành ngữ Hê-bơ-rơ (BDB 804, “miệng” và BDB 1040, “gấp đôi”) cũng được sử dụng cho nguyện vọng của Ê-li-sê liên hệ với Ê-li trong II Các Vua 2:9. Đây là chỗ duy nhất trong Cựu Ước mà một phần gấp đôi này được đề cập đặc biệt. Nếu có hai người con trai, người con lớn sẽ được nhận hai phần ba và người con trẻ hơn một phần ba; nếu có ba người con trai, khi đó sẽ là 50%, 25%, 25%, v.v.... Người con lớn nhất phải chăm sóc cho cha mẹ đã lớn tuổi.

Thật thú vị về lịch sử của những luật này được thể hiện bởi những nhà khảo cổ học tìm thấy những bộ luật cổ:

1. Gia-cốp trong Sáng Thế Ký 49 đã cho cả mười hai người con của mình những phần thừa kế bằng nhau. Điều này được phản ánh trong Bộ Luật của Hammurabi
2. Ở đây, việc đề cập đến hai phần chia dành cho người con trưởng thì song hành (tương quan) với những bảng đá Nuzi và Mari
3. Những sự khác biệt được ghi chép trong Kinh Thánh phản ánh những sự khác biệt trong nền văn hóa đương thời của họ (hãy xem quyển *The Old Testament Documents* được viết bởi Walter C. Kaiser, Jr., trang 86).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 21:18-21**

<sup>18</sup> " Nếu người nào có một đứa con cứng đầu ngỗ nghịch, không vâng lời cha mẹ, cho dù cha mẹ có sửa trị mà nó vẫn không nghe, <sup>19</sup> thì cha mẹ phải bắt nó và dẫn đến trước công thành giao cho các trưởng lão của thành. <sup>20</sup> Cha mẹ sẽ nói với các trưởng lão của thành rằng: ‘Con chúng tôi cứng đầu ngỗ nghịch, không vâng lời chúng tôi, chỉ biết ăn chơi nhậu nhẹt.’ <sup>21</sup> Bấy giờ mọi người dân trong thành sẽ ném đá cho nó chết. Như vậy anh em sẽ loại trừ được tội ác khỏi anh em, và cả Y-sơ-ra-ên đều sẽ sợ hãi khi hay tin này. "

**21:18-21** Phần này giải quyết về những người con ngỗ ngược và cách cha mẹ cần phải đối xử với chúng ( Xuất 21:15,17; Lê-vi Ký 20:9). Những cha mẹ không có quyền trên sự sống và cái chết trên con của mình, nhưng những phiên tòa thì có. Điều này liên hệ đến

(1) sự vi phạm 5:16; (2) phần kế nghiệp trong gia đình; và (3) sự thống nhất của cộng đồng.

**21:18** Đây là một nhóm người trẻ chống lại xã được mô tả là:

1. “ngỗ ngược” - BDB 710, KB 770, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
2. “phân loạn” - BDB 598, KB 632, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
3. cả hai điều này được sử dụng chung với nhau trong Thi 78:8 và Giê-rê-mi 5:23

Năm ĐỘNG TÍNH TỪ trong câu này chỉ về hành động tiếp diễn nhau. Động từ cuối cùng diễn tả các hành động của chúng:

1. không nghe theo lời cha mẹ, trong những câu 18,20
2. nó vẫn không khứng vâng lời, trong câu 18
3. hoang đàng, trong câu . 20 - BDB 272 II
4. say sưa, trong câu 20 - BDB 684

Hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 174-175.

**21:19 “cha mẹ phải bắt nó”** Điều này có nghĩa bao gồm cả (1) cả hai cùng với nhau kiềm chế (BDB 1074, KB 1779, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) hoặc (2) cần có hai người làm chứng ( 17:6; 19:15; Dân Số Ký 35:10).

✎ **“tại công thành”** Địa điểm địa phương của công lý là công thành, nơi những người trưởng lão ngồi tại đó (ví dụ, 19:12; 22:15; 25:7).

**21:21 “tất cả những người nam của thành sẽ ném đá nó cho đến chết”** Chú ý khía cạnh nhân đạo rằng cha mẹ không phải ném đá chính đứa con của mình. Cộng đồng cần hành động để loại bỏ khỏi chính nó sự những thành viên cố ý ngộ ngược và gian ác.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ÁN TỬ HÌNH TRONG Y-SO-RA-ÊN**

Y-so-ra-ên cổ xưa cần phải phản chiếu đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho thế giới ( Sáng 12:3; 22:18; Xuất 19:5-6). Khi một sự phản nghịch cố ý bẻ cong mục đích sứ mạng truyền giáo này, những hậu quả nghiêm trọng được bày tỏ (ví dụ, án tử hình).

Ngũ Kinh liệt kê một vài khung như sau:

1. những tội nghịch lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
  - a. Thực hành việc thờ phượng của người Ca-na-an - Xuất 22:18; Lê-vi Ký 20:2-3,27; Phục 18:10-11
  - b. tội thờ hình tượng (thờ phượng các vật ở trên bầu trời) - Xuất 22:20; Phục 17:2-7
  - c. tội phỉ báng Đức Chúa Trời - Xuất 22:28; Lê-vi Ký 24:15-16
  - d. nói tiên tri giả - Phục 13:1-11; 18:20-22
  - e. những sự vi phạm ngày Sa-bát - Xuất 31:14-15; 35:2
2. những tội về tình dục
  - a. tội loạn luân - Lê-vi Ký 20:11-21
  - b. tội gian dâm - Lê-vi Ký 19:29; 21:9; Phục 22:13-21; 23:17-18
  - c. tội tà dâm - Xuất 20:14; Lê-vi Ký 20:10; Phục 22:23-24
  - d. quan hệ tình dục đồng tính - Lê-vi Ký 18:22; 20:13
  - e. quan hệ tình dục với thú vật - Xuất 22:19; Lê-vi Ký 20:15-16
3. sự vi phạm những quy định của giao ước chống lại một người đồng bào Y-so-ra-ên
  - a. tội giết người - Xuất 20:13; 21:12-14; Lê-vi Ký 24:17; Dân Số Ký 35:16-21; Phục 5:17
  - b. tội bắt cóc (để bán) - Xuất 21:16; Phục 24:7 và có lẽ Xuất 20:15; Phục 5:19
  - c. phản nghịch lại cha mẹ - Phục 21:18-21
  - d. làm chứng dối
  - e. chiếm lấy những chiến lợi phẩm thánh chiến được biệt riêng - Giô-suê 7

Các phương pháp xử tử cũng khác nhau:

1. ném đá – phổ biến nhất
2. thiêu cháy - Sáng 38:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9
3. treo lên/xuyên qua cọc - Phục 21:22-23
4. giết bằng gươm - Phục 13:15

những sự ngoại trừ cho một số trường hợp đặc biệt:

1. những thành án náu và phiên tòa tiếp sau - Giô-suê 20
2. những cuộc điều tra nghiêm ngặt về những sự cáo buộc - Phục 13:15; 17:4; 19:18 cần có hai người làm chứng - Dân Số Ký 35:36; Phục 17:6; 19:15

Án tử hình phải trở nên:

1. một cách để tẩy sạch đất - Phục 13:5; 17:12; 19:13,19; 21:9,21; 22:21,22,24; 24:7
2. một sự ngăn chặn cho những người khác- Phục 17:13; 19:20; 21:21.3. một cách để ngăn chặn bạo lực giữa các gia tộc, (không có sự trả thù cá nhân, ngoại trừ những quy định được thiết lập cho sự báo thù huyết)  
Hãy xem quyển *Ancient Israel*, quyển 1, trang 147-163).

}

NASB “người phải cắt bỏ”  
NKJV “người phải cắt khỏi”  
NRSV “người phải thanh tẩy”  
TEV “Người phải loại bỏ”  
NJB “người phải trục xuất”

ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ này (BDB 128, KB 145, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH) có nghĩa là đốt cháy trong nghĩa của việc hoàn toàn loại bỏ (13:5; 17:7,12; 19:13,19; 21:9,21; 22:21,22,24; 24:7).

}

“và cả Y-sơ-ra-ên sẽ hay điều đó mà bắt sự” Hình phạt mang tính xã hội này thực hiện chức năng như là một sự ngăn chặn. Hãy xem ghi chú tại 13:11.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 21:22-23

<sup>22</sup>” Nếu có một người phạm tội tử hình và bị xử tử, thì hãy treo lên cây, <sup>23</sup> nhưng không được để xác nó trên cây qua đêm mà phải chôn ngay trong ngày đó, vì ai bị treo trên cây là kẻ bị Đức Chúa Trời nguyền rủa. Anh em không được làm ô uế mảnh đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho anh em làm sản nghiệp.”

21:22 “thì hãy treo lên cây” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

#### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TREO LÊN

ĐỘNG TỪ này “treo lên” (BDB 1067, KB 1738) có hai nghĩa:

1. nghĩa đen là treo lên bởi một sợi dây thừng
  - a. theo người Ả-rập, “dòng xuống một sợi dây”
  - b. Một cách tập tục của người Hê-bơ-rơ, II Sa-mu-ên 17:23 và Tân Ước, Ma-thi-ơ 17:5
  - c. một tập tục của người Ba-by-lôn, Bộ luật Hammurabi
  - d. một tập tục của người Ba-tư, Ê-xơ-ra 6:11; Ê-xơ-tê 5:14; 7:9-10; 9:13,25
2. xuyên qua một người bằng một cây cọc nhọn
  - a. một tập tục của người Ai Cập, Sáng 40:19; 41:13
  - b. một tập tục của người Ba-by-lôn, Bộ luật Hammurabi
  - c. một tập tục của người A-si-ri

Thường điều này được thực hiện sau khi một người nào đó đã bị giết bởi những cách khác như là một cách hạ nhục công khai. Một sự chôn cất thích hợp là một điều rất quan trọng đối với người cổ đại và ảnh hưởng đến cách nhìn của họ về một sự mãn nguyện sau khi qua đời (ví dụ, Phục 21:23).

Trong chính Kinh Thánh khó có thể biết được #1 hoặc #2 ở phía trên đây là đúng. Rõ ràng trong Phục 21:22-23; Giô-suê 10:26-27; I Sa-mu-ên 31:10,12; II Sa-mu-ên 4:12; 21:12, những người bị phơi bày công khai ra ở đây đã chết, nhưng còn trong Giô-suê 8:29 và II Sa-mu-ên 21:9 thì sao?

Những ra-bi Do Thái trong thời Chúa Giê-xu nhìn điều này chỉ về sự đóng đinh. Những lãnh đạo tôn giáo muốn Chúa Giê-xu bị đóng đinh và như vậy một người giả mạo Đấng Mê-si sẽ bị rửa sả bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Phục 21:23). Cái chết thông thường cho tội phỉ báng Đức Chúa Trời là bị ném đá. Tôi đã thường nghe rằng những lãnh đạo Do Thái thời Chúa Giê-xu không có quyền hợp pháp của hình phạt xử tử dưới luật pháp Rô-ma, do vậy, họ mang Chúa Giê-xu đến với Phi-lát để xử tử Ngài

Tuy nhiên, Họ đã ném đá Ê-tiên ( Công vụ 7) mà không có sự cho phép của Rô-ma. Tại sao không phải là Chúa Giê-xu? Họ đã muốn Ngài bị đóng đinh không chỉ phản ánh sự chết và sự xấu hổ công khai, nhưng còn là sự rửa sả của Đức Chúa Trời

**21:23 “song phải (chắc chắn) chôn”** Cấu trúc ghép để làm tăng tính dữ dội kết hợp của NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THẺ CHỮA HOÀN THÀNH của từ “chôn” (BDB 868, KB 1064). Con giận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA yêu cầu sự chết của kẻ vi phạm như là hình phạt cho sự phản nghịch bướng bỉnh của anh ta. Tuy nhiên, sự không hài lòng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ được chuyển cho cộng đồng nếu như cơ thể bị hình phạt của kẻ phá hủy giao ước không được đối xử một cách thích đáng và trong một thời gian được định sẵn.

**⌋ “(kẻ nào bị treo ắt bị Đức Chúa Trời rửa sả)”** Hãy xem Ga-la-ti 3:13 để biết cách Phao-lô sử dụng cụm từ này. Phao-lô nhìn thấy sự chết thể của Chúa Giê-xu khi Ngài nhận lấy trên chính mình sự rửa sả của luật pháp Môi-se. Nguyên thủy, lời rửa sả này liên hệ với trình tự chôn cất thích đáng tại đất hứa.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ RỬA SẢ**

Từ Hê-bơ-rơ “bị rửa sả” (BDB 887, KB 1105) được sử dụng theo hai nghĩa:

1. những sự rửa sả của con người chống lại những người khác (phổ biến trong thế giới cổ đại) - Các quan xét 9:57; II Sa-mu-ên 16:12; I Các Vua 2:8; Thi 109:17-18; Pro. 27:14
2. sự trái ngược với phước hạnh thiên thượng
  - a. bởi các tổ phụ - Sáng 27:12,33
  - b. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA - Phục 11:26,28; 21:23; 23:5; 28:15,45; 30:1; Giô-suê 8:34; II Các Vua 22:19; Giê-rê-mi 24:9; 25:18; 26:6; Xa-cha-ri 8:13 (liên hệ với sự vâng lời giao ước)

Câu then chốt thần học là Phục 11:26,28. Phần này thiết lập giai đoạn ý chí của những hậu quả của việc không vâng phục giao ước đã trở thành hiện thực. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khao khát các dân tộc biết và tôn kính Ngài để Ngài có thể ban phước và làm cho họ được thịnh vượng trên đất. Tuy nhiên, sự không vâng phục có thể gây hậu quả làm thiếu vắng đi, thậm chí bị cắt bỏ, những phước hạnh thuộc thể. Những phước hạnh này luôn liên hệ với mối quan hệ mật thiết, cá nhân, và vâng phục với Đức Chúa Trời.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh chính ta thứ tự ưu tiên cho giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao những người dân ở các thành vô tội lại bị định tội cho sự giết người không khám phá được?
2. Điều gì là bất thường về con bò cái tơ và cái chết của nó?
3. Tại sao những người phụ nữ bị bắt phải cạo đầu của mình?
4. Liệt kê ra những đặc quyền của con trưởng nam.
  - a.
  - b.
  - c.
  - d.
5. Câu 23 khác với sự chết của Chúa Giê-xu như thế nào? Chúng liên hệ với nhau như thế nào?

# PHỤC TRUYỀN 22

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Luật Riêng Rẽ Khác (21:22-22:12)	Những Luật Riêng Rẽ Khác (21:1-23:14)	Những Luật Khác (21:22-23:12)  21:22-22:3	Những Sự Quản Trị Khác (21:22-23:12)
22:1-3	22:1-3		22:1-2  22:3
22:4	22:4	22:4	22:4
22:5	22:5	22:5	22:5
22:6-7	22:6-7	22:6-7	22:6-7
22:8	22:8	22:8	22:8
22:9	22:9	22:9	22:9
22:10	22:10	22:10	22:10
22:11	22:11	22:11	22:11
22:12	22:12	22:12	22:12
Luật về Đạo Đức Trong Tình Dục		Luật Về Sự Tinh Sạch Trong Tình Dục	Danh Tiếng Của Một Người Vợ Trẻ
22:13-21	22:13-19  22:20-21	22:13-14  22:15-19  22:20-21	22:13-19    22:20-21  Tội Ngoại Tình và Gian Dâm
22:22	22:22	22:22	22:22
22:23-24	22:23-24	22:23-24	22:23-27
22:25-27	22:25-27	22:25-27	
22:28-29	22:28-29	22:28-29	22:28-23:1
22:30	22:30	22:30	

### **CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:1-4

<sup>1</sup>" Nếu người thấy bò hay là chiên của anh em mình bị lạc, thì chớ làm bộ chẳng thấy, phải dẫn nó về cho anh em mình. <sup>2</sup> Ví bằng anh em người không ở gần người, và người không quen biết người, thì phải dắt bò, chiên đó vào nhà người, cho đến chừng anh em người đến kiếm; bấy giờ, phải trả nó lại cho. <sup>3</sup> Người làm như vậy cho con lừa, áo xống hay là mọi vật chi của anh em người mất, mà người xí được; chớ làm bộ không thấy. <sup>4</sup> Nếu người thấy lừa hay bò của anh em mình té trên đường, chớ làm bộ không thấy; khá đỡ nó đứng dậy."

**22:1** “Nếu người thấy. . . thì chớ làm bộ chẳng thấy” Sự cố ý hoặc thờ ơ bỏ mặc (“dầu gì một ai đó,” BDB 761, KB 834, 22:1,3,4; Lê-vi Ký 20:4; Châm 28:27; Ê-xê-chi-ên 22:26) một tài sản của anh em giao ước đang thiếu thốn bị ngăn cấm (câu 3; Xuất 23:4-5).

⎓ “dẫn nó về” ĐỘNG TỪ phổ biến này (BDB 996, KB 1427, *Hithapel*) được sử dụng ba lần trong những câu 1-2. Nghĩa căn bản của nó là “trả lại” hoặc “quay lại.” Y-sơ-ra-ên phải thực hiện vai trò chăm sóc cho đơn vị gia đình. Những đoạn như đoạn văn này giải thích rất dễ hiểu những gì Lê-vi Ký 19:18 có ý nghĩa trong một cách rất thực tế và cụ thể. Những anh em cần quan sát coi chừng cho anh em mình!

Lần sử dụng đầu như là một cách nhấn mạnh tăng cường bằng cách sử dụng một ĐỘNG TỪ THỂ NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và một THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một từ gốc, “(người) phải dẫn nó về!” Cung một sự tăng cường nhấn mạnh được sử dụng trong câu 4, “người phải chắc chắn giúp đỡ anh ấy để đỡ nó đứng dậy” (ví dụ, ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của BDB 877, KB 1086).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:5

<sup>5</sup>" Người nữ không phép mặc quần áo của người nam, và người nam cũng chẳng được mặc quần áo của người nữ; vì ai làm điều đó lấy làm gớm ghiếc cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người."

**22:5** Câu này đã là được kiểm tra hiệu chỉnh đề đưa ra mạng lệnh phù hợp với cách ăn mặc phù hợp cho sự thờ phượng hiện đại (ví dụ, phụ nữ không được mặc quần (áo) ngày thường đến hội thánh). Cần ghi nhớ rằng cả nam giới và phụ nữ đều mặc áo choàng tại khu vực Cận Đông cổ đại. Sự khác biệt duy nhất ở đây là áo choàng của phụ nữ tại Y-sơ-ra-ên được trang trí màu xanh xung quanh hai vai.

Sự nhấn mạnh căn bản của đoạn trích này không phải mang tính gia tộc, nhưng là sự chối bỏ những hình thức thờ phượng của người Ca-na-an (“sự gớm ghiếc,” Lê-vi Ký 18:26,27,29,30). Có một sự phân biệt thích đáng giữa sự khác biệt ban cho bởi Đức Chúa Trời giữa người nam và người nữ (trật tự được dựng nên). Điều này không có nghĩa về một sự phân biệt tiêu cực, cảm đoán, nhưng là một sự khẳng định của những điểm mạnh khác nhau và những chức năng văn hóa của các giới tính!

Chắc chắn có thể rằng phần trích này được kết nối với sự định tội của giao ước Môi-se về tội đồng tính luyến ái (Lê-vi Ký 18:22; 20:13) được thực hành trong hệ thống thờ phượng bởi người Ca-na-an.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:6-7**

<sup>6</sup> "Khi người gặp ngoài đường, hoặc ở trên cây, hoặc ở dưới đất, một ổ chim với con hay là trứng, mẹ đương ấp con hay là trứng, thì chớ bắt chim mẹ luôn với chim con. <sup>7</sup> Phải để cho chim mẹ đi, bắt con cho phần mình, để người được phước và sống lâu."

**22:6-7** Những câu Kinh Thánh này có vẻ được nhìn trong sự liên hệ với việc bảo tồn nguồn thức ăn trải qua nhiều thế hệ của người Y-sơ-ra-ên. Sau Sáng Thế Ký 3 con người đã có thể ăn thịt, nhưng họ phải bảo vệ chống lại sự hủy diệt nguồn thịt cho lợi ích của những thế hệ tương lai của những anh em giao ước (ví dụ, "để người có thể sống lâu ngày trên đất," 4:40). Những động vật hoang dã là những món quà giàu chất đạm của Đức Chúa Trời dành cho dân sự của Ngài. Nhiều luật cụ thể chi tiết này có mục đích gây cho Y-sơ-ra-ên suy nghĩ về bổn phận giao ước của họ để yêu thương, bảo vệ, và chu cấp cho sức khỏe và sự tăng trưởng của dân tộc giao ước.

**22:7** "Phải để cho chim mẹ đi" Cùng một loại của sự nhấn mạnh được tìm thấy trong câu 1 và 4 (ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI VÀ ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một từ gốc, BDB 1018, KB 1511) được lặp lại.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:8**

<sup>8</sup> "Khi người cất một cái nhà mới, thì phải làm câu lợn nơi mái nhà, kéo nếu người nào ở trên đó té xuống, người gây cho nhà mình can đến huyết chãng."

**22:8** "lan can quanh mái nhà" Một lan can (BDB 785, vốn là một từ tiếng Arabic có nghĩa là "ngăn cản") có mục đích là một hàng rào bảo vệ xung quanh phần đỉnh của những ngôi nhà mái bằng để giữ cho mọi người không bị rơi xuống. Một lần nữa, Y-sơ-ra-ên phải suy nghĩ về việc làm thế nào để bảo vệ những anh em, chị em và những thành viên ở trong gia đình!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:9**

<sup>9</sup> "Chớ trồng vườn nho mình hai thứ con giâm, e hết thầy hoặc con giâm người đã trồng, hay là hoa lợi của vườn nho, đều thuộc về nơi thánh."

**22:9** "Đừng gieo hai loại hạt giống trong vườn nho" Câu này có vẻ không đặc biệt chỉ về những loại dây nho trên cánh đồng, nhưng có vẻ nó chỉ đến nguyên tắc đưa mệnh lệnh chỉ trồng một loại trên một cánh đồng. Điều này chỉ về những mùa vụ theo mùa được gieo giữa những dây nho.

Điều này có thể phản ánh (1) một tập tục Ca-na-an để làm hài lòng các vị thần hoặc (2) tư tưởng về việc pha trộn nhiều điều có thể gây mất đi sự thánh khiết ( Lê-vi Ký 19:19).

**⌋ "thuộc về nơi thánh"** Kadosh (BDB 872, KB 1073, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời ( 15:19). Điều này có thể có ý nghĩa là (1) chúng phải bị hủy diệt hoặc (2) đem nó cho những thầy tế lễ. Nguyên tắc này có áp dụng ngày nay? Tôi xác nhận rằng những luật lệ Cựu Ước phải được nhắc lại trong Tân Ước để gắn với những người tin theo Giao Ước Mới ( Công vụ 15; I Cô-rinh-tô 8-10; Ga-la-ti 3). Chúa Giê-xu, Chính Ngài cũng đã phủ định cả hệ thống sinh tế và những luật lệ về thức ăn ( Mác 7:17-23). Hãy xem cả cấu trúc của sách Tân Ước Hê-bơ-rơ (ví dụ, sự vượt trội của Tân Ước trên Cựu Ước). Hai sách đã giúp tôi trong việc suy nghĩ về vấn đề này là:

1. *How To Read the Bible For All Its Worth* được viết bởi Gordon Fee và Doug Stuart
2. *Gospel and Spirit* được viết bởi Gordon Fee

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:10**

<sup>10</sup> "Chớ cày bằng một con bò trắng chung với một con lừa."



**22:10 “Chớ cày bằng một con bò trắng chung với một con lừa”** Con bò là tinh sạch, những con lừa là không tinh sạch, nhưng lệnh cấm này, được cho biết bởi những người ra-bi, được thực hiện như là một hành động nhân đạo đối với những loài động vật có sức mạnh và đặc trưng khác nhau. Tuy nhiên, trong văn mạch này, nó chỉ là một ví dụ của “đùng pha trộn các vật!”

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:11**

**11”Chớ mặc bằng vải pha lộn, lông chiên và gai với nhau.”**

**22:11 “Chớ mặc bằng vải pha lộn”** Một sự ngăn cấm khác của việc pha trộn những sự vật ( Lê-vi Ký 19:19). Nó có thể là một sự ẩn dụ của việc pha trộn những đặc tính của sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HỒ-VA và người Ca-na-an. Một vài người thậm chí còn nhìn nó (1) kết nối với những trang phục ma thuật (ví dụ, họa tiết xen lẫn nhiều loại chất liệu) or (2) Những Cuộn Biển Chết (ví dụ, 4QMMT) đề cập đến những loại trang phục có thể pha trộn (ví dụ, trang phục thầy tế lễ được làm từ lông chiên và vải gai, vốn được đề cập trong một nghĩa thánh khiết. Có thể đó là lý do vì sao việc không được phép pha trộn được xem là “làm ô uế.”

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:12**

**12”Người phải kết tua nơi bốn chéo áo choàng của mình mặc.”**

**22:12** Trong văn mạch, điều này có lẽ tiếp tục sự chối bỏ bất cứ thứ gì của người Ca-na-an. Người Y-so-ra-ên phải có sự thờ phượng khác biệt, Đức Chúa Trời khác biệt, quần áo khác biệt! Trong Dân Số Ký 15:37-42, những tua này được thêm vào với ý nghĩa nhắc nhở Y-so-ra-ên phải gìn giữ và yêu mến luật pháp. Cùng một kiểu chủ nghĩa biểu tượng được phản ánh trong *tallith* (áo choàng cầu nguyện) trong thời Chúa Giê-xu. Trang phục chỉ về một miếng vải hình chữ nhật được sử dụng để che phần trên của một người, đặc biệt là trong thời gian thờ phượng, cầu nguyện, và đọc Kinh Thánh. không chắc chắn là những ruy băng này có được yêu cầu (hoặc cho phép) trên phụ nữ hay không. Điều này có thể là một yếu tố khác liên quan đến việc mặc quần áo lẫn lộn của nhau ( câu 5).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:13-19**

**13”** Khi một người nam đã cưới vợ, ăn ở cùng nàng, rồi sau lại ghét đi, **14** phao cho những chuyện khiến nàng mất danh giá, và gièm siểm nàng, mà rằng: Tôi có lấy người nữ đó, khi đã đến gần, thấy không còn đồng trinh, --- **15** bây giờ, cha mẹ của người gái đó sẽ lấy và bày ra những dấu đồng trinh của nàng trước mặt các trưởng lão thành đó, tại nơi cửa thành. **16** Người cha của người gái sẽ nói cùng các trưởng lão rằng: Tôi có gả con gái tôi cho người này làm vợ, mà người lại ghét nó: **17** này người phao những chuyện gây cho nó mất danh giá, mà rằng: Tôi không thấy con gái ông còn đồng trinh. Và, này là các dấu về sự đồng trinh của con gái tôi. Rồi cha mẹ sẽ trải áo xống nàng trước mặt các trưởng lão của thành đó. **18** Bây giờ, các trưởng lão thành đó sẽ bắt người chồng mà đánh phạt, **19** và bởi vì có gièm siểm một người đồng trinh của Y-so-ra-ên, nên sẽ bắt vợ người một trăm siếc-lơ bạc, và giao cho cha người gái. Nàng sẽ làm vợ người, và người chẳng phép đuổi nàng đi ngày nào người còn sống.”

**22:13 “ăn ở cùng nàng”** Đây là một trong ba sự nói tránh cho hoạt động quan hệ tình dục được sử dụng trong văn mạch này:

1. “ăn ở cùng nàng (đi vào trong nàng),” câu 13 (BDB 97)
2. “khi đã đến gần,” câu 14 (BDB 897)
3. “nằm với,” những câu 22,23,25,28,29 (BDB 1011)

**⌘ “quay nghịch lại (sau lại ghét đi)”** Đây là từ Hê-bơ-rơ “ghét” (BDB 971, KB 1338). Nó là cùng một từ được sử dụng trong 21:15, vốn được dịch là “không yêu” và là một thành ngữ chỉ sự so sánh Hê-bơ-rơ, vốn là khái niệm của “yêu nhiều hơn”, “yêu thích hơn.” Tuy nhiên, ở đây, nó có nghĩa là “chối bỏ” hoặc “không vui với.”

22:14

NASB, NJB “làm mất danh dự nàng cách công khai”  
NKJV, REB “đem danh tiếng xấu trên nàng”  
NRSV “vu khống nàng”  
TEV “đưa những cáo buộc sai chống lại nàng”

Từ này nguyên văn này là “mang lại trên nàng một tên xấu xa” (ĐỘNG TỪ - BDB 422, KB 425, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH và DANH TỪ - BDB 1027, và TÍNH TỪ - BDB 948). Điều này tương tự với Phục 24:1-4, nơi một tờ đề (tờ giấy ly dị) được thực hiện cho “những sự không đoan chính,” vốn chỉ về tình dục về bản chất. Người phụ nữ bị cáo buộc có rất ít hoặc không có sự giúp đỡ cho những mất mát về của cô (và gia đình cô). Những cơ hội hôn nhân trong tương lai và phần sản nghiệp của con cái của cô (nếu một người đã được sinh ra trước đó) đang bị đe dọa. Đây là một vấn đề vô cùng nghiêm trọng đối với người Cận Đông!

} “**thấy không còn đồng trinh**” Xã hội Hê-bơ-rơ đặt một tầm quan trọng đặc biệt trên trinh tiết (câu 19). Sự thừa kế là một vấn đề quan trọng và sự pha tạp sẽ bị định tội một cách đầy hung bạo!

ĐỘNG TỪ này “tìm thấy” (BDB 592, KB 619) được sử dụng một vài lần trong văn mạch này:

1. tìm, khám phá
  - a. cách hợp pháp, những câu 14,17,20
  - b. thể xác, những câu 23,27,28
2. bắt gặp trong một hành động, những câu 22,23

22:15 “**cha mẹ của người gái đó sẽ lấy và bày ra những dấu**” Điều này là cả về (1) khái niệm trong Phục Truyền về sự phụ thuộc của sự nâng đỡ người phụ nữ được bao gồm trong Luật pháp hoặc (2) hai người nhân chứng được yêu cầu.

} “**những dấu đồng trinh của nàng**” Điều này có thể chỉ về:

1. cha mẹ phá vỡ màng trinh trước khi họ trao con gái để lập gia đình và giữ kết quả chất dịch trên một mảnh vải
2. Mảnh vải trải giường tại thời điểm của lần qua đêm tân hôn đầu tiên của cuộc hôn nhân được trao và giữ bởi cha mẹ
3. bằng chứng của người nữ rằng cô vẫn có kinh nguyệt đều đặn trước đám cưới để chứng minh rằng cô chưa có thai

Điểm số 2 có vẻ bị loại trừ bởi vì người chồng đã không biết chắc khi nào điều này được làm.

} “**các trưởng lão của thành**” Điều này chỉ về những quan án được chỉ định là người thiết lập phiên tòa tại công thành hoặc tại một nơi được thiết kế sẵn (ví dụ, một cây lớn, một điểm mốc đặc biệt, hoặc nơi đường chính).

22:18 “**sẽ bắt người chồng mà đánh phạt**” Điều này có thể có nghĩa đánh người nam với bốn mươi roi ( 25:2-3), nhưng nếu như vậy thì nó là lần sử dụng duy nhất của từ này (BDB 415, KB 418) trong cả Cựu Ước nơi mà nó thường chỉ về sự hướng dẫn ( 21:18, NIDOTTE, quyển 2, trang 479-481).

22:19 “**bắt vạ**” Người nam phải bị hình phạt và phạt tiền bởi vì ông ta đã làm mất danh dự (nghĩa đen, “đem một tên xấu”) một người trinh nữ của Y-sơ-ra-ên. Hình phạt có vẻ như gấp đôi những gì ông đã trả (của hồi môn) để rước cô gái về làm cô dâu ( 22:29). Hàm ý ở đây có lẽ ông đơn giản chỉ muốn lấy lại tiền của mình từ cha của cô gái.

} “**một người đồng trinh của Y-sơ-ra-ên**” Đây là một danh xưng mô tả đầy tôn kính (nhưng được trông đợi) dành cho tất cả những cô-dâu-ở-trong chế độ thần quyền của Đức Chúa Trời.

22:19, 29 “**Nàng sẽ làm vợ người, và người chẳng phép đuổi nàng đi ngày nào người còn sống**” Đây là một sự giới hạn trên những quyền của người đàn ông. Người phụ nữ trong Y-sơ-ra-ên không có quyền ly dị. Luật này để bảo vệ những quyền của các con của người phụ nữ về phần tài sản thừa kế ( 21:15-17).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:20-21**

<sup>20</sup> "Nhưng nếu chuyện người nói là thật, nàng chẳng phải đồng trinh, <sup>21</sup> thì các trưởng lão phải dẫn nàng ra đến cửa nhà cha nàng, bá tánh của thành ấy sẽ lấy đá ném cho nàng chết, vì nàng có phạm tội gian ác tại Y-sơ-ra-ên, mà hành dâm trong nhà cha mình. Ấy, người sẽ cất sự ác khỏi giữa mình là như vậy."

**22:20, 21** Thông thường, việc ném đá xảy ra ở ngoài cổng thành. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Ân tử hình trong Y-sơ-ra-ên tại 21:21. Bởi vì quan điểm Hê-bơ-rơ về tập thể, người cha phải chịu trách nhiệm cho những hành động của con gái mình và, vì vậy, hình phạt xảy ra tại cửa nhà ông!

Hình phạt cho việc làm chứng sai là cái chết. Một tiêu chuẩn gấp đôi được nhìn thấy ở đây, nếu sự cáo buộc của người chồng là đúng, người phụ nữ bị ném đá, nhưng nếu nó là sai (ngay cả có ác ý), ông ta sẽ bị đánh roi và phạt tiền, nhưng không bị ném đá. Người phụ nữ không có những quyền hợp pháp và sự bảo vệ ngang bằng với người nam trong Cựu Ước. Sự thương xót được bày tỏ, nhưng không phải là những quyền lợi!

**22:21 “tội gian ác”** Từ này (BDB 615) được sử dụng để chỉ về một hoạt động tình dục không phù hợp:

1. Sáng 34:7 (người không phải là người Y-sơ-ra-ên đã quan hệ ép buộc với con gái Gia-cốp)
2. Phục 22:21 (mất trinh tiết)
3. Các quan xét 19:23; 20:6,10 (những người ngoại đạo đã tấn công người vợ nhỏ của một người Lê-vi)
4. II Sa-mu-ên 13:12-13 (Am-nôn, con trai đầu của Đa-vít, đã hãm hiếp em cùng cha khác mẹ của ông)

⌋ **“hành dâm”** Từ này là một *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP của từ (BDB 275, KB 275), vốn chỉ về một hoạt động tình dục không phù hợp liên quan với sự tà dâm (tình dục trước hôn nhân), ngoại tình (tình dục sau hôn nhân với một người nào đó không phải là người phối ngẫu của họ), và mại dâm (tình dục trả tiền).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:22**

<sup>22</sup>"Khi người ta gặp một người nam nằm cùng một người nữ có chồng, thì người nam luôn với người nữ, cả hai đều phải bị chết. Ấy, người sẽ cất sự ác khỏi Y-sơ-ra-ên là như vậy."

**22:22 “Khi người ta gặp một người nam nằm cùng một người nữ có chồng”** Ngay cả nếu như có một sự nghi ngờ, vẫn có một giải pháp ( Dân Số Ký 5:11-31).

Cụm từ “người nữ đã có chồng” nghĩa đen là “vợ của một người đàn ông khác,” vốn sử dụng hai lần của từ *b' l* (BDB 127, KB 142, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỂ BỊ ĐỘNG và DANH TỪ DANH CÁCH SỐ ÍT GIỐNG ĐỰC). Từ này, thường được dịch là “chúa” hay chủ, có cùng một từ gốc là *Ba-anh*, vị nam thần của sự màu mỡ và sinh sản. Người chồng là “chúa” tại nhà của ông. Vợ và con cái, trong một nghĩa hợp pháp, là một tài sản. Thực chất, những sự vi phạm tình dục được xem như là một tội lỗi nghịch lại Đức Chúa Trời ( Sáng 39:9; II Sa-mu-ên 12:13). Nó vi phạm trật tự được ban cho bởi Đức Chúa Trời và sự bền vững của xã hội và ảnh hưởng đến sự thừa kế của gia đình và gia tộc được ban cho bởi Đức Chúa Trời.

⌋ **“cả hai đều phải bị chết”** Sau này các ra-bi giải nghĩa ở đây có nghĩa là bao gồm cả đứa bé, luôn, bởi vì, khi như người phụ nữ khi có thai, đó là ý tưởng tội lỗi. Chú ý sự công bằng của những hình phạt, vốn không bình thường ở trong Cựu Ước.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:23-24**

<sup>23</sup>" Khi một con gái đồng trinh đã hứa gả cho một người nào, và có một người khác gặp nàng trong thành và nằm cùng, <sup>24</sup> thì các người phải dẫn cả hai người ra cửa thành đó, lấy đá ném cho cả hai đều chết: con gái trẻ, bởi vì không có la lên trong thành, người con trai, bởi vì làm mất danh giá cho vợ người lân cận mình. Ấy, người sẽ cất sự ác khỏi giữa mình là như vậy."

**22:23 “hứa gả”** Trong Y-sơ-ra-ên khi đã hứa gả (BDB 76, KB 91) là một sự trói buộc hợp pháp giống như là đã cưới (ví dụ, Giô-sép và Mary, Ma-thi-ơ 1:18-19).

**22:24 “thì các người phải dẫn cả hai người ra cửa thành đó, lấy đá ném cho cả hai đều chết”** Cả hai đều sẽ bị ném đá cho đến chết ( Lê-vi Ký 20:10); người nam bị bởi vì ông xâm phạm vợ của một người lân cận, người nữ bị bởi vì bà đã không kêu la lên (BDB 858, KB 1042, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) tìm sự giúp đỡ

⌋ **“người sẽ cất sự ác khỏi giữa mình”** Hãy xem ghi chú tại 13:5.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:25-27**

<sup>25</sup>” Nhưng nếu người nam gặp con gái hứa gả tại trong đồng ruộng, hành hung nằm với nàng, thì chỉ người nam phải chết một mình mà thôi; <sup>26</sup> chớ làm điều chi cho con gái trẻ đó, vì nàng không có phạm tội đáng chết. Việc này giống như sự một người đẩy lên cùng kẻ lân cận mình và giết người đi; <sup>27</sup> vì người nam gặp con gái trẻ đã hứa gả đó ở ngoài đồng: nàng có thể la lên, mà không ai giải cứu.”

**22:25-27** Bộ luật của Y-sơ-ra-ên phải công bằng, không chỉ phải tuân thủ tuyệt đối. Có những phía vô tội trong những sự việc phạm tội!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:28-29**

<sup>28</sup>” Nếu một người nam gặp một con gái trẻ đồng trinh, chưa hứa gả, bắt nàng nằm cùng, mà người ta gặp tại trận, <sup>29</sup> thì người nam đã nằm cùng con gái trẻ đó phải nạp cho cha nàng năm mươi sic-ơ-bạc, rồi nàng sẽ làm vợ người, bởi vì người có làm nhục nàng. Người còn sống ngày nào, thì chẳng được phép đuổi nàng đi.”

**22:28 “Nếu một người nam gặp một con gái trẻ đồng trinh, chưa hứa gả, bắt nàng nằm cùng”** Xem xét ở trong thời kỳ đầu khi những người nữ Do Thái thường đã đính hôn, có vẻ đối với tôi, nó chỉ về (1) lạm dụng trẻ em hoặc (2) lạm dụng những gia đình nghèo. Giao ước Môi-se bảo vệ những người thiệt thòi về quyền lợi và bất lực về mặt xã hội!

**22:29 “người nam...phải nạp cho cha nàng năm mươi sic-ơ-bạc... chẳng được phép đuổi nàng đi”** Nếu người cha quá nghèo đề phải cho con gái mình đính hôn hoặc cô gái không có năng lực trí tuệ, thì khi đó người nam phải trả tiền và cưới cô gái trọn cả đời ( Xuất 22:16).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 22:30**

<sup>30</sup>” Chẳng ai nên lấy vợ kế của cha mình, cũng đừng dỡ vạt áo của cha mình.”

**22:30 “Chẳng ai nên lấy vợ kế của cha mình”** Điều này có nghĩa một người nam không thể cưới mẹ kế của mình (có lẽ là một trong nhiều vợ), ngay cả khi người cha đã qua đời hoặc người phụ nữ đã bị ly dị.

⌋ **“vạt áo của cha mình”** Đây là một cách dùng thành ngữ chỉ về những hoạt động cưới hỏi của người cha ( Ru-tơ 3:9; Ê-xê-chi-ên 16:8). Thân mật với một người nữ vốn đã thân mật với cha của mình, trong một nghĩa, là một sự xúc phạm đối với người cha ( 27:20; Lê-vi Ký 18:8; 20:11).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Bao nhiêu điều trong đoạn này mà bạn cho là có thể áp dụng trong văn hóa của chúng ta? Làm thế nào để bạn xác định được quyết định của mình?
2. Bối cảnh của những luật lệ này là gì?

# PHỤC TRUYỀN 23

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Người Bị Loại Trừ ra khỏi Cộng Đoàn	Những Luật Riêng Biệt Khác (21:1-23:14)	Những Sự Loại Trừ Khỏi Tuyển Dân Của Đức Giê-hô-va	Tội Ngoại Tình và Gian Dâm (22:22-23:1) 22:28-23:1
23:1	23:1	23:1	Sự Tham Gia vào Sự Thờ Phượng Chung
23:2	23:2	23:2	23:2-7
23:3-8	23:3-6 23:7-8	23:3-6 23:7-8	23:8-9
Sự Tinh Sạch của Địa Điểm Trại Quân		Giữ Gìn Trại Quân Tinh Sạch	Vệ Sinh nơi Trại Quân
23:9-14	23:9 23:10-11 23:12-14	23:9-11 23:12-14	23:10-12 23:13-15
Những Luật Riêng Biệt Khác	Những Luật về Nhân Đạo và Những Nghĩa Vụ Tôn Giáo (23:15-25:19)	Những Luật Khác	Những Luật Riêng Biệt Khác
23:15-16	23:15-16	23:15-16	23:16-17
23:17-18	23:17-18	23:17-18	23:18-19
23:19-20	23:19-20	23:19-20	23:20-21
23:21-23	23:21-23	23:21-23	23:22-24
23:24-25	23:24 23:25	23:24-25	23:25-26
			[theo cách chia câu của bản MT]

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 23:1-6

<sup>1</sup>" Người hoạn, hoặc vì ngoại thận bị dập, hay là bị cắt, sẽ không được phép vào hội của Đức Giê-hô-va. <sup>2</sup> Con ngoại tình không được phép vào hội của Đức Giê-hô-va, dầu đến đời thứ mười cũng chẳng vào được. <sup>3</sup> Dân Am-môn và dân Mô-áp sẽ không được phép vào hội Đức Giê-hô-va, dầu đến đời thứ mười cũng chẳng hề bao giờ vào được; <sup>4</sup> bởi vì khi các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chúng nó không đem bánh và nước ra rước các người trên đường, và bởi vì chúng nó có mướn Ba-la-am, con trai Bê-ô, ở Phê-thô-rơ tại Mê-sô-bô-ta-mi, đi đến rửa sạch người. <sup>5</sup> Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người không chịu nghe Ba-la-am, bèn đổi sự rửa sạch ra sự chúc phước cho người, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người thương mến người <sup>6</sup> Trọn đời người chớ hề cầu sự bình an, hoặc sự ích lợi cho chúng nó. "

**23:1 “hoạn”** Từ Tiếng Anh này được dịch từ hai thuật ngữ Hê-bơ-rơ:

1. “bằng sự nghiền nát” - BDB 194
2. “gây tổn thương hoặc nghiền” - BDB 822, KB 954, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỂ BỊ ĐỘNG

Điều này chỉ về (1) tình hoàn của người nam bị loại bỏ hoặc (2) Sự cắt bỏ của ông dẫn tinh (có thể bằng cách nghiền nát).

✂ **“hoặc có cơ quan nam giới bị cắt”** Điều này chỉ về một sự cắt rời dương vật (BDB 1050, “nơi phóng dịch”). Đây là một cách khác để mô tả một hoạn quan (Ma-thi-ơ 19:12). Những người nam bị tổn hại theo hai cách trên là những người đầu tiên trong danh sách của những người bị loại trừ khỏi sự tham gia vào cộng đoàn của Y-sơ-ra-ên (ví dụ, những sự kiện tại đền tạm). Sự loại trừ của họ là biểu tượng của sự tinh sạch và trọn vẹn của tuyển dân của Đức Chúa Trời được xem như là một vương quốc những thầy tế lễ (Xuất 19:6 và Lê-vi Ký 21:17-23; 22:17-25). Sau này những người bị loại trừ ra trong Cựu Ước đã được bao gộp lại (ví dụ, Ru-tơ người Mô-áp và người hoạn quan trong Ê-sai 56:3-5 và Công Vụ 8:26-40).

Cũng có thể rằng tập tục làm tổn hại tiềm năng tình dục của người nam là một phần của những tập tục của người Ca-na-an. Nhiều trong số những sự ngăn cấm có vẻ như bất thường trong bộ luật Môi-se chính là một sự phá vỡ hoàn toàn khỏi xã hội Ca-na-an và những hình thức thực hành thờ phượng của họ.

✂ **“được vào”** ĐỘNG TỪ này (BDB 97, KB 112) được sử dụng vài lần trong đoạn này:

1. “vào,” trong câu 1, 2(hai lần), 3(hai lần), 8, 11(hai lần), 20, 24, 25
2. “đem vào,” trong câu 18

Phần lớn những sự sử dụng liên hệ đến:

1. những người không thể vào (hoặc tham dự những sự kiện tại đền tạm) cộng đoàn của Y-sơ-ra-ên:
  - a. Những người nam bị tổn hại
  - b. Những người không hợp pháp về dòng dõi của họ
  - c. Người Am-môn, người Mô-áp, hoặc là dòng dõi của họ
2. Những người có thể vào:

- a. Người Ê-đôm
  - b. Người Ai Cập
3. Những người phải rời trại quân Y-sơ-ra-ên trong một khoảng thời gian:
- a. những người nam xuất tinh về đêm
  - b. tất cả người Y-sơ-ra-ên đi ngoài

**} “hội của Đức Giê-hô-va”** Cụm từ “hội của Đức Giê-hô-va” được sử dụng cho dân sự giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tập trung lại cho sự thờ thượng bắt đầu tại Núi Hô-rép/Si-nai:

1. Xuất 12:6, “cả hội chúng cộng đoàn của Y-sơ-ra-ên”
2. Lê-vi Ký 16:17, “cả hội chúng Y-sơ-ra-ên”
3. Dân Số Ký 16:3, “tất cả hội chúng,” “hội chúng của Đức Giê-hô-va”  
Dân Số Ký 20:4, “hội chúng của Đức Giê-hô-va”
4. Phục 5:22, “tất cả hội các người”  
Phục 9:10; 10:4; 18:16, “trong ngày nhóm hiệp”  
Phục 23:1,2,3,8, “hội của Đức Giê-hô-va”  
Phục 31:30, “tất cả hội chúng Y-sơ-ra-ên”
5. Giô-suê 8:33, “dân sự Y-sơ-ra-ên”

Cụm từ này bày tỏ:

1. Sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên
  - a. Ngọn núi Si-nai/Hô-rép
  - b. đền tạm
2. *The Jewish Study Bible*, trang 418, dựa trên Các quan xét 20:2, khẳng định rằng nó chỉ về một hội đồng lãnh đạo hoặc một nhóm cầm quyền ( Dân Số Ký 16:3; 20:4)

Những người bị loại trừ vẫn còn hững quyền lợi hợp pháp của một “người khách cư ngụ” được giải thích rõ trong Xuất 22:21; Lê-vi Ký 19:9- 10,33-34; 23:22; Phục 1:16; 5:14; 27:19.

Bản dịch Bảy Mươi dịch từ Hê-bơ-rơ *qahal* (BDB 874) trở thành *ekklesia*, từ đó chúng ta có từ trong tiếng Anh dùng cho, “hội thánh.” Chúa Giê-xu và các tác giả Tân Ước sử dụng từ này để truyền thông rằng dân sự Giao Ước mới của Đức Chúa Trời được nhận diện như là một sự nối dài của dân sự Cựu Ước của Đức Chúa Trời ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38; Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 2:9; Khải Huyền 1:6).

**23:2 “Con không hợp pháp (ngoại tình)”** Từ này (BDB 561) được định nghĩa cả là (1) một đứa trẻ được thụ thai ở ngoài sự kết hôn; (2) một vụ việc của sự loạn luân ( Lê-vi Ký 18:6-18); hoặc (3) một đứa trẻ của sự hôn nhân pha tạp (Người Do Thái và người ngoại, Ê-xơ-ra 9:2; Nê-hê-mi 13:23-25; Xa-cha-ri 9:6). Từ Hê-bơ-rơ phù hợp nhất với lựa chọn #2.

**23:2,3 “đời thứ mười”** Chú ý cấu trúc song hành trong cụm từ, “sẽ (không) bao giờ bước vào” trong câu 2 và 3. Con số mười là mang tính thành ngữ cho một sự hoàn thiện hoặc mãi mãi (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:40).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH

- A. Những con số nhất định thực hiện chức năng bao gồm cả những số và những biểu tượng:
  1. Số một - Đức Chúa Trời (ví dụ, Phục 6:4; Ê-phê-sô 4:4-6)
  2. Số sáu - Sự không trọn vẹn của con người (ít hơn con số bảy một đơn vị, ví dụ, Khải Huyền 13:18)
  3. Số bảy - sự trọn vẹn thánh khiết thiên thượng (bảy ngày của sự Sáng Tạo). Chú ý cách sử dụng biểu tượng trong sách Khải Huyền):



- a. bảy chon đèn, 1:13,20; 2:1
  - b. bảy ngôi sao, 1:16,20; 2:1
  - c. bảy hội thánh, 1:20
  - d. bảy linh (vị thần) của Đức Chúa Trời, 3:1; 4:5; 5:6
  - e. bảy ngọn đèn, 4:5
  - f. bảy ấn, 5:1,5
  - g. bảy sừng và bảy mắt, 5:6
  - h. bảy thiên sứ, 8:2,6; 15:1,6,7,8; 16:1; 17:1
  - i. bảy ống loa, 8:2,6
  - j. bảy tiếng sấm rền, 10:3,4
  - k. bảy ngàn, 11:13
  - l. bảy đầu, 13:1; 17:3,7,9
  - m. bảy tai vạ, 15:1,6,8; 21:9
  - n. bảy bát, 15:7
  - o. bảy vị vua, 17:10
  - p. bảy bát, 21:9
4. Mười – sự trọn vẹn
- a. sử dụng trong các Phúc Âm:
    - (1) Ma-thi-ơ 20:24; 25:1,28
    - (2) Mác 10:41
    - (3) Lu-ca 14:31; 15:8; 17:12,17; 19:13,16,17,24,25
  - b. sử dụng trong Khải Huyền:
    - (1) 2:10, mười ngày đại nạn
    - (2) 12:3; 17:3,7,12,16, mười sừng
    - (3) 13:1, mười cái mào triều thiên
  - c. sự nhân lên của số 10 trong sách Khải Huyền:
    - (1)  $144,000 + 12 \times 12 \times 10$ , 7:4; 14:1,3
    - (2)  $1,000 = 10 \times 10 \times 10$ , 20:2,3,6
5. Mười hai – tổ chức của con người
- a. mười hai con trai của Gia-cốp (mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, Sáng 35:22; 49:28)
  - b. mười hai cột trụ, Xuất 24:4
  - c. mười hai viên đá trên băng đeo ngực của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Xuất 28:21; 39:14
  - d. mười hai ổ bánh, trên bàn để bánh trần thiết trong Nơi Thánh (biểu tượng của sự chu cấp của Đức Chúa Trời dành cho mười hai chi phái), Lê-vi Ký 24:5; Xuất 25:30
  - e. mười hai người thám tử, Phục 1:23; Giô-suê 3:22; 4:2,3,4,8,9,20
  - f. mười hai môn đồ, Ma-thi-ơ 10:1
  - g. sử dụng trong Khải Huyền:
    - (1) mười hai ngàn người được đóng ấn, 7:5-8
    - (2) mười hai ngôi sao, 12:1
    - (3) mười hai cửa, mười hai thiên sứ, mười hai chi phái, 21:12
    - (4) mười hai cái nền, danh mười hai sứ đồ, 21:14
    - (5) Giê-ru-sa-lem mới là mười hai ngàn thước vuông, 21:16

- (6) mười hai cửa thành được làm bằng mười hai viên ngọc, 21:21
- (7) cây sự sống với mười hai lần ra trái, 22:2
6. Bốn mươi = con số chỉ về thời gian:
- một số là theo nghĩa đen (cuộc xuất hành và thời kỳ lang thang trong đồng vắng, ví dụ, Xuất 16:35); Phục 2:7; 8:2
  - có thể theo nghĩa đen hoặc nghĩa bóng
    - cơn nước lụt, Sáng 7:4,17; 8:6
    - Môi-se ở tại Ngọn Núi Si-nai, Xuất 24:18; 34:28; Phục 9:9,11,18,25
    - sự phân chia của cuộc đời Môi-se:
      - bốn mươi năm tại Ai Cập
      - bốn mươi năm trong đồng vắng
      - bốn mươi năm dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên
    - Chúa Giê-xu kiêng ăn trong bốn mươi ngày, Ma-thi-ơ 4:2; Mark 1:13; Lu-ca 4:2
  - Chú ý (bằng phương tiện Sách Kinh Thánh Phù Dẫn (Concordance)) số lần con số này xuất hiện đúng lúc theo ý định của Kinh Thánh!
7. Bảy mươi – con số tròn của con người:
- Người Y-sơ-ra-ên, Xuất 1:5
  - bảy mươi trưởng lão, Xuất 24:1,9
  - lai thế học, Đa-ni-ên 9:2,24
  - nhóm môn đồ được sai đi, Lu-ca 10:1,17
  - forgiveness (70x7), Ma-thi-ơ 18:22
- B. Những nguồn tài liệu tốt
- Biblical Numerology*, được viết bởi John J. Davis
  - Plowshares and Pruning Hooks* được viết bởi D. Brent Sandy

**23:3 “không có người Am-môn và người Mô-áp nào”** Những quốc gia này là kết quả của sự loạn luân được đề cập đến ở trong câu 2. Một vài ra-bi nói rằng Sáng 19:30-38 (những quốc gia khởi nguồn từ mối quan hệ loạn luân của Lót với những người con gái của ông) chỉ điều này chỉ áp dụng cho những người nam, và bởi vậy đi vòng qua việc Ru-tơ là một người Mô-áp và còn là tổ tiên của Vua Đa-vít. Tuy nhiên, hơn cả việc loạn luân, những lý do đặc biệt của việc bị chối bỏ được giải thích rõ trong câu 4-6.

**23:4 “Ba-la-am”** Vị tiên tri này không phải thuộc dòng dõi của Áp-ra-ham, nhưng đã biết ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cũng giống như vua Mên-chi-xê-đéc và Gióp, cũng không phải thuộc dòng dõi của Áp-ra-ham. Câu chuyện Ba-la-am được nhắc lại từ trong 22-24.

**23:5 “vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời thương mến ngời”** Đây là chủ đề định kỳ trong Phục Truyền:

- 4:37, “Ngài yêu mến các tổ phụ ngời”
- 7:7-8, “Đức Giê-hô-va thương yêu các ngời, và giữ lời thề mà Ngài đã lập cùng tổ phụ các ngời:
- 7:12-13, “Ngài sẽ yêu mến ngời, ban phước cho ngời, gia tăng ngời” (nếu vâng phục)
- 10:15, “Chín Đức Giê-hô-va ưa đẹp các tổ phụ ngời và yêu mến”
- 33:3, “Ngài thương yêu (các) dân tộc”

Hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đặt nền tảng trên sự lựa chọn của Ngài, chứ không phải sự tốt lành của Y-sơ-ra-ên (7:7-8). Ngài chọn Áp-ra-ham để rồi chọn cả thế giới (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những thiên kiến thuần túy tin lành của Bob tại 4:6).

**23:6 “sự bình an, hoặc sự ích lợi cho chúng nó”** Điều này có thể chỉ về (1) những hiệp ước hoặc những liên minh (ví dụ, Ê-xơ-ra 9:12) hoặc (2) câu nguyện trên lợi ích của họ (ví dụ, Giê-rê-mi 14:11).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:7-8**

<sup>7</sup>" Chớ lấy làm gớm ghiếc người Ê-đôm, vì là anh em mình. Cũng chớ lấy làm gớm ghiếc người Ê-díp-tô, vì người đã làm khách trong xứ người, <sup>8</sup> con cháu họ sanh về đời thứ ba sẽ được phép vào hội Đức Giê-hô-va."

**23:7** “gớm ghiếc” ĐỘNG TỪ này (BDB 1073, KB 1765, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, được sử dụng hai lần) có nghĩa là “ghê tởm,” từ DANH TỪ “sự gớm ghiếc” (ví dụ, 7:26). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Sự Gớm Ghiếc tại 14:3.

⌋ “người Ê-đôm, vì là anh em mình” Rashi nói về sự khác biệt giữa câu 3 và 7 là những quốc gia được liệt kê trong câu 3 gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội (Sáng 36). Quốc gia Ê-đôm chính là hậu duệ của anh trai Gia-cốp, Ê-sau (Sáng 25:24-26; 36:1).

**23:8** “con cháu họ sanh về đời thứ ba” Sự chờ đợi này có lẽ chính là thời gian cần thiết để có thể hoàn toàn hội nhập vào xã hội Y-sơ-ra-ên cũng như các hoạt động thờ phượng.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:9**

<sup>9</sup>"Khi người kéo binh ra hãm đánh quân thù nghịch mình, hãy coi chừng về mọi việc ác."

**23:9** Y-sơ-ra-ên phải tham gia vào “cuộc thánh chiến” (đoạn 20). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chiến đấu cho họ, nhưng họ cần phải ở lại trong sự tinh sạch “nghỉ lễ” để sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ vẫn ở lại với họ (câu 14; Giô-suê 5:13-15).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:10-11**

<sup>10</sup>" Ví bằng trong các người có ai không được tinh sạch bởi mông di xảy đến lúc ban đêm, thì người đó phải đi ra ngoài trại quân, chớ vào; <sup>11</sup> buổi chiều người sẽ tắm trong nước, rồi khi mặt trời vừa lặn, sẽ vào trại quân lại."

**23:10** “mông di xảy đến lúc ban đêm” Từ Hê-bơ-rơ là “một điều xảy ra hoặc một sự kiện vào ban đêm” (BDB 899 GHÉP VỚI 538). Nó có thể bao gồm những loại khác của dịch cơ thể ví dụ như là sự đi tiểu hoặc là tiêu chảy, v.v... Bất kỳ sự thoát ra của những dịch cơ thể sẽ khiến cho một người trở thành không tinh sạch về mặt nghỉ lễ (Lê Vi Ký 15). Hãy nhớ rằng, điều này liên quan đến sự tinh sạch theo nghỉ lễ chứ không phải là tội lỗi.

**23:11** “mặt trời vừa lặn” Y-sơ-ra-ên bắt đầu một ngày mới khi mặt trời vừa lặn, theo khuôn mẫu trong Sáng Thế Ký đoạn 1.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:12-14**

<sup>12</sup>" Người phải có một chỗ riêng ở ngoài trại quân; ấy là nơi người phải đi ra; <sup>13</sup> phải có một cây nọc với đồ tùy thân, khi nào muốn đi ra ngoài, hãy lấy cây nọc này mà đào, rồi khi đi, phải lấp phần mình lại. <sup>14</sup> Bởi vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đi giữa trại quân người, đặng giải cứu người và phó kẻ thù nghịch cho. Vậy, trại quân người phải thánh, kéo Giê-hô-va Đức Chúa Trời người thấy sự ô uế ở nơi người, và xây mặt khỏi người chẳng."

**23:12** “một nơi” Tiếng Hê-bơ-rơ có từ “tay” (BDB 388), vốn có thể chỉ về một sự đánh dấu để chỉ về một nơi chung được thiết kế dành cho mục đích của việc đi vệ sinh (đi ngoài) (BDB 844).

23:1

NASB “một cái thương”

NKJV “một công cụ”

NRSV, NJB “một cái xẻng”

TEV “một cây gậy”

Từ Hê-bơ-rơ này (BDB 450) chỉ về một loại công cụ dùng để đào. Cho dù nó là vũ khí quân sự được sử dụng cho hai mục đích hoặc là một công cụ được dùng riêng biệt như là một cái cọc buộc lều được mang đi cho một mục đích này thì không xác định được.

}

NASB “những dụng cụ ”

NKJV, TEV,

NJB “công cụ”

NRSV “dụng cụ”

Nghĩa của từ này (BDB 24) thì không xác định được. Từ tiếng Ả-rập có nghĩa là “những vật sở hữu,” trong khi trong tiếng A-ram có nghĩa là “những vũ khí.” Trong bối cảnh nó có vẻ có nghĩa là một vũ khí quân sự vốn được sử dụng trong nghi lễ và việc che lấp vệ sinh khi đi ngoài. Nó chỉ được sử dụng duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước.

**23:14 “Giê-hô-va Đấng Chúa Trời người đi giữa trại quân người”** Đây có lẽ chỉ về việc người Lê-vi khiêng Hòm Giao Ước ( Xuất 25:10-22), vốn nằm ở chỗ của đám mây *shekinah* (ví dụ, Xuất 13:21-22; 14:19-20; 16:10; 19:9,16; Lê-vi Ký 16:2,13) như là biểu tượng của sự Hiện Diện thiên thượng cùng với Y-sơ-ra-ên vượt qua sông Giô-đanh. Những ra-bi sau này xem câu này theo nghĩa đen và ra một luật rằng không được sử dụng phân bón trong những khu vườn tại thành Giê-ru-sa-lem.

**}** “bất cứ điều gì khiêm nhã (sự ô uế o)” Đây là một CẤU TRÚC GHÉP của “từ” (BDB 182 IV, #6) và “sự lừa lỏ” (BDB 788, #2, 24:1). Trong văn mạch này, nó chỉ về sự tinh sạch lễ nghi liên quan đến những chất dịch cơ thể ( Lê Vi Ký 15). Nó có vẻ là một cách để dạy Y-sơ-ra-ên rằng sự hiện diện và quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cùng với họ phải phù hợp với sự “thánh khiết” và thương tình thức của họ.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:15-16

<sup>15</sup> “Khi tôi tớ trốn khỏi chủ mình chạy đến nhà người, chớ nộp nó lại cho chủ; <sup>16</sup> nó sẽ ở với người tại giữa xứ người, trong nơi nào nó chọn, tức trong một thành nào của người mà nó lấy làm ưa thích; chớ hà hiếp nó.”

**23:15 “chớ nộp nó lại cho chủ”** Câu hỏi giải nghĩa trung tâm là người nô lệ và người chủ này là người thuộc quốc gia nào. Đối với ai điều này chính xác chỉ về? Điều này phải chỉ về một nô lệ nước ngoài hoặc một người chủ nước ngoài (hoặc cả hai). Điều này chỉ rõ về sự hiểu biết của Y-sơ-ra-ên rằng một nô lệ thì hơn là một công cụ có sinh khí. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho phép tình trạng nô lệ ở dưới những sự giới hạn và ngăn cấm, nhưng Ngài cũng chăm sóc cho những người không có quyền lực, không được giúp đỡ và dễ bị tổn thương!

**23:16** Chú ý sự tự do được lặp lại mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ra lệnh đối với những nô lệ nước ngoài bỏ trốn:

1. “ở tại giữa xứ người” - BDB 442, KB 444
2. “trong nơi nào nó chọn” - BDB 103, KB 119, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
3. “(nơi) mà nó lấy làm ưa thích” - BDB 373 II
4. “chớ hà hiếp nó” - BDB 413, KB 416, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Thật là một sự tự do và sự bảo vệ! Tất cả các bộ luật Cận Đông cổ đại khác đều ra lệnh trả về (và với cái chết chắc hẳn) dành cho nô lệ bỏ trốn. Giao ước Môi-se tập chú vào quyền lợi và sự bảo vệ dành cho người yếu đuối, bất lực, bị chối bỏ và người nghèo khổ. Cụm từ được nắm lấy ở đây là “người góa bụa, kẻ mồ côi, và người khách lạ” ( 10:18; 14:29; 16:11; 24:17,19; 26:12,13; 27:19).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:17-18**

<sup>17</sup>" Trong vòng con gái Y-sơ-ra-ên, chớ có người nào chuyên sự buôn hương; trong vòng con trai Y-sơ-ra-ên cũng chớ có người nào chuyên sự tà dâm. <sup>18</sup> Mặc dầu sự hứa nguyện người thể nào, chớ đem vào nhà của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, hoặc tiền công của một con đĩ, hay là giá trả cho một con chó; vì cả hai đều lấy làm gớm ghiếc cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người."

**23:17 “gái mại dâm tôn giáo (chuyên sự buôn hương)”** Đây là từ thuộc phái nữ “người thánh” (BDB 873 I). Nó chỉ về sự hiện diện của tập tục mại dâm tôn giáo tại Ca-na-an (Xuất 34:15-16; II Các Vua 23:7). Tuy nhiên, có một sự khó khăn nhỏ về bằng chứng khảo cổ học của điều này tại Ca-na-an (theo NIDOTTE, quyển 1, trang 1124, #6). Nếu tại đây đã có sự mại dâm tôn giáo và những điều gớm ghiếc này phát triển cả trong xã hội của Y-sơ-ra-ên, thì nó càng khiến cho tất cả trở nên càng xấu xa (Ô-sê 4:11-14; Lu-ca 12:48).

**} “mại dâm tôn giáo”** Đây là một từ thuộc phái nữ “người thánh” (BDB 873 I). Trong giai đoạn này một người mại dâm nam được gọi là “một con chó” (trong câu 18).

**23:18 “tiền công của một con đĩ”** Đây là một từ khác với từ trong câu 17 (Ô-sê 9:1). Đây là một từ thông dụng cho một người tham gia những thờ phượng sự sinh sản và màu mỡ của đất đai (BDB 1072). Có một số sự tranh luận về những từ dành cho sự việc mại dâm tôn giáo trong câu 17 có song hành với thuật ngữ trong câu 18 hoặc câu 18 chỉ về một hoạt động không phải là sự mại dâm tôn giáo (BDB 1072). Nhưng, trong khi nhiều phần kinh thánh khác có một sự phân biệt rõ ràng, nhưng ở đây, sự song hành có vẻ rõ ràng có mục đích. Tiền công thu được với mục đích quyên lại để nộp cho các thần (Mi-chê 1:7). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA từ chối tất cả những sự thu thập từ những số tiền trả cho tình dục!

**} “giá trả cho một con chó”** Đây là chi phí phải trả cho một sự mại dâm nam. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA từ chối tất cả những sự thờ phượng phồn thực và thu nhập của nó!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:19-20**

<sup>19</sup>" Người chớ đòi lời lãi gì nơi anh em mình về tiền bạc, về đồ ăn hay là về món nào mặc dầu người ta cho vay, để ăn lời. <sup>20</sup> Người được phép lấy lợi người ngoại bang, nhưng chớ lấy lợi anh em mình, để Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban phước cho người về mọi việc người sẽ làm trong xứ mà người sẽ vào để nhận lấy."

**23:19 “Người chớ đòi lời lãi”** Từ Hê-bơ-rơ này có nghĩa đen là “những thứ bị cắn bớt” (BDB 675). Đây cũng là điều được thảo luận trong Xuất 22:25 và Lê-vi Ký 25:35-37.

**23:20** Có một sự khác biệt được thiết lập giữa những sự luật lệ của những thành viên giao ước và Người ngoại (BDB 648, 14:21; 15:3).

**} “để Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban phước cho người về mọi việc người sẽ làm trong xứ mà người sẽ vào để nhận lấy”** Chú ý phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vốn có ý nghĩa là một dấu hiệu vốn lời cuốn cả thế giới đến với Ngài, đã là điều kiện trên sự vâng lời giao ước của Y-sơ-ra-ên. Giao ước cũ, giống như giao ước mới, đã đặt nền tảng trên ân điển, nhưng sự thi hành những trách nhiệm giao ước được trông đợi giữa Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài bởi vì Đức Chúa Trời muốn phân chiếu đặc tính của Ngài qua dân sự của Ngài đến với một thế giới hư mất thuộc linh và thiếu thốn. Sự cứu chuộc theo Giao Ước Mới là hoàn toàn tự do trong sự hoàn tất công việc của Đấng Christ, nhưng nó cũng có những điều kiện và những sự trông đợi (ví dụ, sự ăn năn, đức tin, sự vâng lời, sự kiên trì (bền đỗ)). Mục đích của việc biết Chúa là để sống trong ý muốn và đặc tính được mặc khải của Ngài. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Định Kiến Thuần túy Tin Lành của Bob tại 4:6.

Thật thú vị rằng một vài đoạn “Kinh Thánh về sự phước hạnh” xảy ra trong văn mạch của sự giúp đỡ của Y-sơ-ra-ên dành cho người nghèo khổ và thiếu thốn (ví dụ, 14:29; 24:19).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:21-23**

<sup>21</sup> "Khi người hứa nguyện cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, thì chớ trì hoãn làm cho xong; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người hẳn sẽ đòi sự hoàn nguyện ấy; bằng chẳng làm cho xong, người sẽ mang lấy tội. <sup>22</sup> Nhưng nếu người không hứa nguyện, thì không phạm tội. <sup>23</sup> Khi môi người đã hứa cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người một sự hứa nguyện lạc ý, thì khá cẩn thận làm trọn lời ra khỏi miệng mình đó."

**23:21 “một sự hứa nguyện”** Luật về sự hứa nguyện (BDB 623, KB 674, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, 12:11,17) được thảo luận trong Lê Vi Ký 27 và Dân Số Ký 30 (Lời thề Na-xi-rê được mô tả trong Dân Số Ký 6). Đây là một lời hứa được lập với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dựa trên những sự kiện và hoàn cảnh cụ thể.

Cụm từ này có:

1. một *Piel* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH thể phủ định của BDB 29, KB 24
2. một *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP của BDB 1023, KB 1532 Nếu người có một lời hứa nguyện, hãy hoàn thành nó trong một khoảng thời gian nhất định!

} **“chớ trì hoãn làm cho xong”** Các ra-bi sau này giải nghĩa khoảng thời gian nhất định này là” không được quá ba kỳ lễ” (một năm).

} **“hẳn sẽ đòi sự hoàn nguyện ấy (nơi người)”** Cụm từ này là nhấn mạnh (NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và THÈ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ của cùng một gốc, BDB 205, KB 233). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nhận lấy những sự hứa nguyện trong danh Ngài một cách nghiêm túc (Truyền Đạo 5:1-7).

**23:22-23** Điều này chỉ về sự khôn ngoan không lập những lời thề nguyện hấp tấp, vội vàng (ví dụ, Các Quan Xét 11). Điều này chỉ về quan điểm Hê-bơ-rơ về quyền lực và tầm quan trọng của những lời nói (ví dụ, Sáng Thế Ký 1; Ê-sai 55:11; Giảng 1:1). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nhận lấy những gì chúng ta nói ở trong danh của Ngài một cách nghiêm túc ( Xuât 20:7, lời hứa trong hôn nhân và những lời hứa khác được lập trong danh của Ngài; [“từ miệng người”]). Những lời nói có hậu quả của nó ( Lê-vi Ký 27; Rô-ma 10:13).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:24**

<sup>24</sup> "Khi người vào vườn nho của kẻ lân cận mình, thì có phép ăn nho, tùy theo miệng ăn ngon cho no nê, song không được bỏ trong giỏ mình."

**23:24-25 “người”** Đây chỉ về những người thiếu thốn trong đất, kẻ mồ côi, người góa bụa, những khách lạ và người nghèo. Đây là một phần của luật mót lại trong mùa thu hoạch. Nó được đề cập trong một vài đoạn Kinh Thánh ( Lê-vi Ký 19:9-10; 23:22; Phục 24:21; Các quan xét 8:2; 20:45; Ru-tơ 2; Ê-sai 17:6; 24:13; Giê-rê-mi 6:9; 49:9; Mi-chê 7:1). Nó chỉ cả về sự quan tâm của Đức Chúa Trời cho những người nghèo khổ và sự sở hữu của Ngài trên mùa màng.

**23:24 “tùy theo miệng ăn ngon cho no nê”** Đây là một sự kết hợp của “tùy theo lòng người ao ước” (BDB 659) và “người được no nê” (BDB 959, Xuât 16:3; Lê-vi Ký 25:19; Ru-tơ 2:18; Thi 78:25; Châm 13:25). Nó nói về, không chỉ được ăn đủ để sống sót, nhưng được ăn tất cả những gì bạn muốn. Thật sự là một sự chu cấp vĩ đại dành cho những người nghèo khổ, thiếu thốn, và người khách lạ đi ngang qua xứ. Ở đây cũng không có sự giới hạn bao nhiêu lần một người có thể quay trở lại.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 23:25**

<sup>25</sup> "Khi người vào đồng lúa mì của kẻ lân cận mình, thì được phép lấy tay rút gié lúa; nhưng chớ đặt lưỡi hái vào đồng lúa mì của kẻ lân cận mình."

**23:25** Câu 24 và 25 đều chỉ về người thiếu thốn có thể ăn tất cả những gì họ muốn, nhưng họ không được lấy bất cứ điều gì từ trong vụ mùa đi cùng với họ để tiêu thụ sau đó hoặc đem bán (ví dụ, Ma-thi-ơ 12:1-8; Mác 2:23-28; Lu-ca 6:1-5). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA quan tâm đến cả những người nghèo khổ và những quyền lợi của những người nông dân.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao Đức Chúa Trời lại loại trừ những người muốn trở nên một phần dân sự của Ngài để họ được như vậy?
2. Tại sao Đức Chúa Trời lại thực hiện sự phân biệt giữa những quốc gia nhất định?
3. Sự tinh sạch theo nghi lễ liên hệ với tội lỗi như thế nào trong Cựu Ước?
4. Trong câu 24-25, làm thế nào để thực hiện sự cân bằng giữa quyền lợi của người chủ tài sản và những người đang thiếu thốn?

# PHỤC TRUYỀN 24

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Luật Liên Quan đến Sự Ly Dị	Những Luật Giải Quyết về Những Nghĩa Vụ Về Nhân Đạo và Tôn Giáo (23:15-25:19)	Sự Ly Dị và Tái Hôn	Sự Ly Hôn
24:1-4	24:1-4	24:1-4	24:1-4
Những Luật Riêng Biệt Khác		Những Luật Khác	Sự Bảo Vệ các Cá Nhân
24:5	24:5	24:5	24:5
24:6-7	24:6	24:6	24:6
	24:7	24:7	24:7
24:8-9	24:8-9	24:8-9	24:8-9
24:10-13	24:10-13	24:10-13	24:10-13
24:14-16	24:14-15	24:14-15	24:14-15
	24:16	24:16	24:16
24:17-18	24:17-18	24:17-18	24:17-18
(24:19-25:4) 24:19-25:3	24:19-20	24:19-22	24:19
			24:20
	24:21-22		24:21
			24:22

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...



**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:1-4**

<sup>1</sup>" Khi một người nam cưới vợ, nếu nàng chẳng được ơn trước mặt người, bởi người thấy nơi nàng một sự xấu hổ nào, thì người được viết một tờ để, trao vào tay nàng, đuổi khỏi nhà mình. <sup>2</sup> Khi nàng đã ra khỏi nhà người, đi làm vợ một người khác, <sup>3</sup> nếu người chồng thứ nhì lại ghét nàng, viết cho một tờ để, trao vào tay nàng và đuổi khỏi nhà mình, hay là người chồng thứ nhì này chết đi, --- <sup>4</sup> thì người chồng thứ nhất là người đã đuổi nàng đi, không được phép lấy nàng lại làm vợ, sau khi nàng bị ô uế. Vì ấy là một việc gớm ghiếc trước mặt Đức Giê-hô-va; người chớ đổ tội cho xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người làm sản nghiệp."

**24:1-4 “khi. . .thì”** Cấu trúc này là một cấu trúc ghép của một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (BDB 224, KB 243) của “sẽ thành hiện thực” với PHÂN TỪ giả định (BDB 49). Hoàn cảnh giả định được tiếp tục trong ba câu đầu. Các câu từ câu 1-4 là một câu với kết luận được nêu lên trong câu 4. Chú ý rằng đây là một cuộc bình luận chung về sự ly hôn, nhưng là trường hợp đặc biệt của việc ly hôn, tái hôn, và sự ly hôn/ qua đời và tái hôn với người đầu tiên. Thật khó để đưa ra được nhiều những lẽ thật tổng quát từ bối cảnh này. Ngay cả cuộc bình luận của Chúa Giê-xu về phân đoạn này và vấn đề về sự ly hôn được nhuộm màu bởi sự nỗ lực để bầy Ngài bởi những lãnh đạo tôn giáo với mục đích giảm đi sự ủng hộ dành cho Ngài bởi dân chúng và để tìm ra những nền tảng luật pháp/ thần học để cáo buộc Ngài. Sự ly dị không bao giờ là giải pháp tốt nhất!

**}** **“nàng chẳng được ơn trước mặt người”** Đây là ĐỘNG TỪ phổ biến (BDB 592, KB 619) được sử dụng hai lần trong câu này (lần đầu tiên, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và lần thứ hai *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). Nó được sử dụng theo nghĩa của “nhận ra một tình trạng hiện hữu” ( 22:14,17).

từ “được ơn” (BDB 336) được sử dụng cho cả sự yêu thích của Đức Chúa Trời (ví dụ, Sáng 6:8; Xuất 33:17) và của con người (ví dụ, Sáng 30:27; 33:8,10,15; Ruth 2:2,10,13). Nó có nghĩa là một sự chấp nhận trong sự yêu thích hoặc thái độ của sự đáp ứng nhiệt tình. Ở tại đây nó có nghĩa phủ định. Nó ghi nhận tình trạng sa ngã của tình yêu con người, vốn đôi khi không kiên định và thoáng qua.

Phần Kinh Thánh này đã trở thành một nguồn gây ra những sự tranh luận lớn ở giữa vòng những Ra-bi Do Thái. Nhóm Shammai (nhóm những người ra-bi bảo thủ) nói rằng điều này chỉ đến tội ngoại tình mà thôi, trong khi nhóm Hillel (nhóm những người ra-bi tự do) nói rằng nó có thể chỉ đến bất cứ điều gì, kể cả những việc nhỏ nhặt, không đáng kể (ví dụ, thức ăn tội, những mối liên hệ với họ hàng không tốt, tìm được một người phụ nữ xinh đẹp hơn). Giữa vòng Y-sơ-ra-ên chỉ có người chồng mới có quyền hợp pháp để ly dị mà thôi.

- }**
- NASB “những sự khiếm nhã”
  - NKJV “những sự không tinh sạch”
  - NRSV “những điều đáng chê trách”
  - TEV “những điều về nàng mà người không thích”
  - NJB “những điều không phù hợp”
  - JPSOA “những điều đáng ghê tởm”

Theo nghĩa đen điều này “sự lừa dối của một điều gì” (BDB 788). Trong 23:14 cùng từ này được sử dụng trong nghĩa không có đạo đức. Điều này không chỉ đến tội ngoại tình được chứng minh bởi vì hình phạt tự động đã là cái chết ( 22:22). Chúa Giê-xu, khi Ngài trích điều này, có vẻ như đã giải nghĩa nó bằng cụm từ “gian dâm” trong Ma-thi-ơ 19:9, vốn là một từ trong tiếng Hy Lạp (*porneia*) có liên hệ với bất kỳ hình thức tình dục không phù hợp hoặc sự không chung thủy. Từ này có nghĩa khá mơ hồ và, vì thế bao hàm rộng nhất những hoàn cảnh có thể. Môi-se viết phần Kinh Thánh này để bảo vệ những người bị chối bỏ, những người vợ dễ bị tổn thương. Thật sốc đối với tôi rằng Chúa Giê-xu khẳng định rằng sự bảo vệ hợp pháp của sự ly dị và tái hôn chưa bao giờ là ý định của Đức Chúa Trời ( Ma-thi-ơ 5:27-32; 19:7-12; Mác 10:2-12; Lu-ca 16:14-18), nhưng là ý của Môi-se bởi vì sự cứng cõi của tấm lòng người Y-sơ-ra-ên. Bao nhiêu điều khác được chép trong Ngũ Kinh không phải là ý định của Đức Chúa Trời? Chúa Giê-xu, là Chúa của Kinh Thánh, chỉ ra thẩm quyền của Ngài bằng cách sửa lại cả phần

Kinh Thánh Cựu Ước và cả phần giải nghĩa của nó ( Ma-thi-ơ 5:17-48; Mác 7:1-23). Điều này thật là đau buồn đối với chúng ta những người thuần túy Tin Lành hiện đại là người nhấn mạnh vào Kinh Thánh như là “lời của Đức Chúa Trời” (và chắc chắn là như vậy!), nhưng chúng ta phải nhớ rằng Chúa Giê-xu là Lời Sống và chúng ta chỉ có một phần của những gì Ngài đã làm và phán ( Giăng 20:30). Kinh Thánh được thiết kế trước tiên để đem đến cho chúng ta sự cứu rỗi ( Giăng 20:31; II Tim. 3:15) và sau đó để hướng dẫn chúng ta trong đời sống Cơ Đốc (II Tim.3:16-17). Chúng ta có tất cả những thông tin chúng ta cần để được cứu chuộc và sống một đời sống làm hài lòng Đức Chúa Trời. Chúng ta không cần những luật lệ và luật pháp thêm vào nữa. Những phần Kinh Thánh chúng ta có và Đức Thánh Linh sống trong chúng ta hướng dẫn chúng ta từ những phần Kinh Thánh vào trong những lĩnh vực mà chúng ta không chắc chắn. Tôi được nhắc nhở rằng Chúa Giê-xu đã giải nghĩa rằng tất cả những sự dạy dỗ trong Kinh Thánh làm thế nào để sống cho Đức Chúa Trời được tổng hợp lại chỉ trong hai sự tuyên bố ưu tiên ( Ma-thi-ơ 22:34-40; Mark 12:28-34; Lu-ca 10:25-28):

1. Phục Truyền 6:4-5 – yêu Chúa cách trọn vẹn
2. Lê-vi Ký 19:18 – yêu người lân cận như chính mình

**} “tờ để (giấy phép ly dị)”** Đây là tài liệu hợp pháp cho sự chia rẽ. Nó có thể đã liên hệ ngược đến việc trả lại của lễ hôn môn. Sau này yêu cầu một tiến trình hợp pháp liên quan với hy vọng đem lại thời gian cho các bên để phục hòa, nhưng ở đây có vẻ như nó được viết bởi người chồng hoặc người đại diện của anh ta (một người Lê-vi).

Sự ly dị và tái hôn cũng được thảo luận trong mối quan hệ với những thầy tế lễ trong Lê-vi Ký 21:7,14 và 22:13. Nó hẳn đã phải rất phổ biến ( Dân Số Ký 30:9).

**24:2 “đi làm vợ một người khác”** Quyền được tái hôn đã được cho là và được khẳng định. Đây thực sự là mục đích của tiến trình.

**24:3 “nếu người chồng thứ nhì (quay lại nghịch) lại ghét nàng”** Từ “nếu” không có trong bản Hê-bơ-rơ MSS. Nó là sự cho là một tình huống giả định khác (giống như trong câu 1).

ĐỘNG TỪ này “quay lại nghịch” có nghĩa đen là “ghét” (BDB 971, KB 1338, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) và được sử dụng trong tiếng A-ram dành cho “li dị.”

**} “người chồng thứ nhì này chết đi”** Đây là một viễn cảnh có thể khác.

**24:4 “người chồng thứ nhất ... không được phép lấy nàng lại làm vợ”** Cặp đôi đầu tiên được khích lệ để hàn gắn (tiến trình hợp pháp của giấy phép ly dị (tờ để)), nhưng một khi đã chia rẽ và người vợ tái hôn, sự tái hợp bị ngăn cấm! Đây là mục đích của tất cả những điều kiện được tìm thấy từ trong câu 1 đến câu 3. Điều này có thể là cách để bảo vệ cuộc hôn nhân thứ hai.

**} “nàng bị ô uế”** Sự ô uế có vẻ như liên hệ với việc biết đến về mặt tình dục với hai người đàn ông khác nhau, vốn sẽ làm cho người chồng đầu tiên cưới nàng một lần nữa trở nên một kiểu của sự ngoại tình!

Sự không rõ nghĩa của cách dùng từ trong đoạn văn khiến thật khó để tuyên bố những nguyên tắc thuộc linh chung. Đây không phải là bối cảnh về sự xấu xa của ly dị và tái hôn, nhưng về việc người chồng đầu tiên cưới người vợ đã ly dị một lần nữa sau một cuộc hôn nhân thứ hai. Sự ly dị và tái hôn đã rất phổ biến và không bị định tội trong khu vực Cận Đông cổ đại.

Bộ Sách Giải Kinh IVP Bible Background Commentary có một sự chú giải khá thú vị:

“Thẻ rất khác thường của ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ được sử dụng trong câu 4 đã khiến nó rõ ràng rằng người phụ nữ trong trường hợp này là nạn nhân, không phải là phía có tội. Nàng đã bị ép buộc để tuyên bố về sự không tinh sạch của nàng bởi hành động nghiệt ngã của người chồng đầu tiên, và cuộc hôn nhân thứ hai đã chỉ rõ rằng người chồng khác đã có khả năng thích nghi với dù bất cứ điều gì là “không tinh sạch” mà cô đã gặp phiền muộn với. Sự ngăn cấm với mục đích ngăn chặn người chồng lại cưới người phụ nữ một lần nữa (trong trường hợp ông ta có thể đã có khả năng nhận một vài lợi lộc tài chính nào đó), nhưng ngược lại nếu người phụ nữ là không tinh sạch sự ngăn cấm đã có thể nghịch lại nàng và sẽ ngăn cấm một mối quan hệ hôn nhân với bất kỳ ai” (trang 198).

**3 “người chớ đổ tội cho xứ (đem tội lỗi vào trong xứ)”** Đức Chúa Trời khao khát những hôn nhân vững mạnh, thánh sạch và những gia đình. Chúng sẽ cung cấp sức lực, sự vững bền, và giáo dục cho thế hệ tiếp theo của tuyến dân giao ước. Hôn nhân là khuôn mẫu hơn là dạy dỗ! Ly dị không phải là tội lỗi, nhưng là việc người chồng đầu tiên lấy lại vợ mình sau người chồng thứ hai!

Hai Tiên Tri đã sử dụng đoạn Kinh Thánh này theo nghĩa bóng để mô tả về cách giải quyết của Đức Chúa Trời đối với sự không trung tín của Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 50:1; Giê-rê-mi 3:1,8). Thờ phượng các thần khác được xem như là “tội ngoại tình thuộc linh.”

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:5**

**5“Khi một người nam mới cưới vợ, thì chớ đi đánh giặc, và chớ bắt người gánh công việc chi; người sẽ được thông thả ở nhà trong một năm, vui vẻ cùng người vợ mình đã cưới. ”**

**24:5 “Khi một người nam mới cưới vợ”** Người chồng mới này không bị yêu cầu phải phục vụ trong quân đội hoặc thực hiện bất cứ trách nhiệm công dân nào trong một năm. Điều này vốn cho mục đích đảm bảo một người con kế tự ( 20:7).

**3 “vui vẻ cùng người vợ mình đã cưới”** ĐÔNG TỪ này (BDB 970, KB 1333, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “vui mừng” hoặc “hân hoan.” Đây đã là mục đích của Đức Giê-hô-va cho tuyến dân giao ước của Ngài. Những luật pháp của Phục Truyền là để giúp đỡ cho một nhân loại sa ngã có thể đạt được và duy trì một xã hội hạnh phúc và thỏa nguyện.

Bộ NIDOTTE, quyển 3, trang 1252, có một trích dẫn rất tốt trong chủ đề này:

“Niềm vui cần phải được nổi bật lên trong mỗi quan hệ gia đình. Môi-se khích lệ người chồng mới cần phải dành hết chính mình để làm cho người vợ của anh hạnh phúc (Phục 24:5) và người khôn ngoan đã khuyên nhủ người chồng cần phải hân hoan với người vợ trong thời tuổi trẻ của mình (Pro. 5:18). Mặc dù cha của kẻ ngậy đại chẳng được vui vẻ (Châm 17:21), Con trai khôn ngoan đem lại niềm vui và làm vui lòng cha mình ( Châm Ngôn 10:1; 15:20; 23:24-25; 27:11; 29:3).”

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:6**

**“Chớ chịu cảm cái thốt cối dưới hay là trên; vì ấy là chịu cảm sự sống của kẻ lân cận mình.”**

**24:6 “cái thốt cối dưới hay là trên”** Điều này chỉ về phiến đá trên của cối xay bằng hai phiến đá (BDB 932, 939, Xuất 11:5; Các quan xét 9:53; II Sa-mu-ên 11:21), vốn được sử dụng để chuẩn bị bánh ăn hằng ngày. phần phía trên là vô dụng nếu như không có phần phía dưới trùng khớp với nó.

**3 “trong sự cầm cố”** Từ này, “trong sự cầm cố,” (BDB 286, KB 285) căn bản nghĩa là “ràng buộc.” Một khi một người đã mượn, anh có nghĩa vụ phải trả lại. Để đảm bảo sự hoàn trả này (mà không có lời lãi cho một người đồng xứ Y-sơ-ra-ên) người cho mượn có thể lấy một vài thứ có giá trị và giữ nó:

1. cối xay đá, 24:6
2. quần áo, 24:17; Xuất 22:25-27; Gióp 24:7,10
3. đất đai của tô phụ và nhà cửa, Nê-hê-mi 5:3 (và có lẽ trong Gióp 24:2)
4. con vật thiết yếu, Gióp 24:3
5. sự giúp đỡ thiết yếu, con cái, Xuất 21:7; Lê-vi Ký 25:39-43; II Các Vua 4:1; Gióp 24:9

Mỗi yếu tố này là một phần cần thiết cho cuộc sống hằng ngày. Cát đi bất cứ một trong những điều này sẽ hủy hoại gia đình, ngay cả chính sự sống. Sự thương xót của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và sự chăm sóc cho Y-sơ-ra-ên sẽ là được mô phỏng bởi những người Y-sơ-ra-ên nào có những điều kiện. Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho họ bởi sự thương xót của họ. Nếu họ được ban cho nhiều hơn thì họ có thể chia sẻ nhiều hơn ( câu 13; II Cô-rinh-tô 9:6-10).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:7**

**7**"Khi người ta gặp ai có ăn cướp một người anh em mình trong dân Y-so-ra-ên, và đã bắt làm mọi hay là đã bán người, thì tên bộm ấy phải bị xử tử; người sẽ trừ sự ác khỏi giữa mình vậy."

**24:7** “**ăn cướp (bắt cóc)**” ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ ở đây là “trộm” (BDB 170, KB 198, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH). “Sự bắt cóc” được xem như là trộm cắp một sự sống (nghĩa đen là, “trộm cắp *nephesh*, BDB 659). Nhiều người tin rằng đây là điều mà Mười Điều Răn chỉ về trong mạng lệnh “Người chớ trộm cắp.” Hình phạt cho điều này chính là sự chết, vốn có vẻ nghiêm khắc dành cho những tội trộm cắp đơn giản ( Xuất 21:16; Phục 5:19).

**}**

**NASB** “xử... cách bạo lực”  
**NKJV** “ngược đãi”  
**NRSV** “biến thành nô lệ”  
**TEV** “biến họ thành những nô lệ của người”  
**NJB** “hắn biến anh ta thành nô lệ”

Từ gốc (BDB 771) có một vài nghĩa:

1. bó lúa, Phục 24:19 hoặc cột những bó lúa, Thi 129:7
2. ô-me - BDB I, Xuất 16:18,22,32,33
3. cư xử cách tàn bạo - BDB II, Phục 21:14; 24:7
4. sống lâu (gốc Ả-rập) - BDB III

Cách phát âm và văn mạch sẽ định rõ nghĩa nào được dự định cho từ gốc có ba nghĩa này. Lựa chọn thứ #3 thì được tìm thấy chỉ hai lần trong Cựu Ước, cả hai đều ở trong Phục Truyền.

**}** “**người sẽ trừ sự ác khỏi giữa mình**” Đây là một thành ngữ định kỳ. Hãy xem ghi chú tại 13:5 (17:7,12; 19:13,19; 21:9,21; 22:21,22,24; Các quan xét 20:13).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:8-9**

**8**"Hãy coi chừng tai vạ bệnh phong, để gìn giữ làm theo mọi điều mà thầy tế lễ về dòng Lê-vi sẽ giảng dạy các người; các người phải coi chừng mà làm y như ta đã dặn biểu những thầy tế lễ.<sup>9</sup> Hãy nhớ lại điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời người làm cho Mi-ri-am dọc đường, khi các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô."

**24:8** “**Hãy coi chừng**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1036, KB 1581) được sử dụng ba lần trong câu này:

1. *Niphal* THÊ MỆNH LỆNH, “hãy cẩn thận”
2. *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, cộng với PHÓ TỪ “rất” (BDB 547) và ĐỘNG TỪ này “làm” (BDB 793, KB 889, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
3. *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, “cẩn thận làm theo” cộng với ĐỘNG TỪ “làm” (BDB 793, KB 889, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH)

Nghĩa căn bản là “giữ,” “quan sát,” và “bảo tồn.” Cẩn thận vâng giữ đối với sự hướng dẫn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được nhấn mạnh bởi sự nhắc lại ba lần.

**}** “**bệnh phong**” Đây không phải là (BDB 863) một chứng bệnh hiện đại như chúng ta biết về nó. Từ này bao gồm nhiều điều khác nhau (ví dụ, da, quần áo, gia thuộc, nhà cửa). Những hướng dẫn và tiến trình được bình luận ở trong Lê Vi Ký 13-14. Điều này chỉ ra rằng Lê Vi Ký vốn đã sẵn sàng cho họ trong thời điểm này. Ngũ Kinh là một tài liệu toàn bộ thống nhất.

**24:9** Sự kiện này chỉ về câu chuyện được chép lại trong Dân Số 12, nơi mà cả A-rôn và Mi-ri-am đã phàn nàn về sự lãnh đạo của Môi-se và ông đã lấy một người đàn bà Ê-thi-ô-bi (người phụ nữ da đen) làm vợ. Đáp lại, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khẳng định về quyền lãnh đạo của Môi-se và làm cho Mi-ri-am bị phong (Mi-ri-am đã bị mất đi sắc tố da của bà), nhưng với lời cầu thay của Môi-se, Ngài đã phục hồi cho bà.

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:10-13

<sup>10</sup>“Khi người cho kẻ lân cận mượn một vật chi, chớ vào nhà người đặt lãnh lấy của cầm người; <sup>11</sup> phải đứng ở ngoài, người mà mình cho mượn đó, sẽ đem của cầm ra ngoài đưa cho. <sup>12</sup> Nhược bằng một người nghèo, chớ lấy của cầm người mà đi ngủ. <sup>13</sup> Khá trả cho người trước khi mặt trời lặn, hầu cho người ngủ có áo xông đắp, và chúc phước cho người; ấy sẽ kể cho người là công bình trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người.”

**24:10 “chớ vào nhà người đặt lãnh lấy của cầm người”** Vinh dự và sự riêng tư của nhà của một cá nhân được bảo vệ. Người nam đó có thể chọn ra một vật nào được sử dụng để làm vật cầm cố.

ĐỘNG TỪ này (BDB 716, KB 778, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) được tăng cường bằng cách sử dụng cùng một DANH TỪ (BDB 716) “vật cầm cố.” Một vật cầm cố là một đồ vật vật chất, trong văn mạch này, một áo ngoài của nam được sử dụng như là một vật đảm bảo cho món nợ cho vay ( từ câu 11-13).

Những áo ngoài này thì không có giá trị nhiều, nhưng rất cần thiết cho nhu cầu hằng ngày của người nghèo. Việc lấy đi một áo ngoài của một người nam thì hơn là việc đảm bảo cho món nợ. Đây là một cách diễn tả sự coi thường dành cho một người nghèo. Trong mắt Đức Chúa Trời, tất cả con người đều có giá trị bởi vì Ngài đã dựng nên trong hình ảnh và giống như Ngài ( Sáng 1:26-27). Dân sự giao ước của Đức Chúa Trời phải nhận ra giá trị và sự quý giá mà Ngài đã đặt đê trong con người và đáp ứng một cách phù hợp!

**24:12 “Nhược bằng một người nghèo, chớ lấy của cầm người mà đi ngủ”** Câu này chỉ về áo khoác ngoài vốn người nghèo sử dụng để che đắp khi ngủ ( Xuất 22:26-27).

**24:13 “Khá trả cho người”** Đây là NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI kết hợp với THÊ CHƯA HOÀN THÀNH của một gốc giống nhau (BDB 996, KB 1427), vốn đề tăng cường ý nghĩa.

✂ **“và chúc phước cho người”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bảo hộ người nghèo khổ, góa bụa, khách lạ và kẻ mồ côi và những quyền lợi của họ. Lạm dụng họ sẽ gây phản ứng từ chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, Xuất 22:23; Phục 15:9; 24:15)!

✂ **“ấy sẽ kể cho người là công bình”** Bản Bảy Mươi hiểu điều chỉ này chỉ về “việc giúp đỡ từ thiện” của người Do Thái ( 6:25; 15:7-11; Ma-thi-ơ 6:1-4).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LÀM TỪ THIỆN

### I. Chính thuật ngữ

- A. Từ này được phát triển từ trong cộng đồng Do Thái Giáo (ví dụ, thời kỳ của Bản Bảy Mươi).
- B. Nó chỉ về việc cho người nghèo và/hoặc người trong sự thiếu thốn.
- C. Từ tiếng Anh “làm từ thiện” đến từ dạng rút gọn của thuật ngữ tiếng Hy Lạp *ele mosun* .

### II. Khái niệm Cựu Ước

- A. Khái niệm giúp đỡ người nghèo được diễn tả sớm trong bộ Kinh Torah (những tác phẩm của Môi-se, Sáng Thế Ký- Phục Truyền).
  1. trong văn mạch tiêu biểu, Phục 15:7-11
  2. “mót lại những sản vật nông nghiệp,” để lại một phần của mùa vụ cho người nghèo, Lê-vi Ký 19:9; 23:22; Phục 24:20
  3. “năm sa-bát,” cho phép người nghèo có thể ăn những sản vật của năm thứ bảy, năm đất bỏ hoang, Xuất 23:10-11; Lê-vi Ký 25:2-7.
- B. Khái niệm này được phát triển trong Văn Học Khôn Ngoan (những ví dụ được lựa chọn)
  1. Gióp 5:8-16; 29:12-17 (kể ác được mô tả trong 24:1-12)

2. trong Thi Thiên 11:7
3. Châm ngôn 11:4; 14:21,31; 16:6; 21:3,13

### III. Sự phát triển trong Do Thái Giáo

- A. Phần đầu của bộ Mishnah xử lý với cách làm thế nào để đối xử với người nghèo khổ, thiếu thốn, và người Lê-vi ở địa phương.
- B. Những phần trích được chọn
  1. “cũng như nước dập tắt ngọn lửa bùng, thì việc làm từ thiện cho người nghèo chuộc tội lỗi cũng vậy” (Huấn ca (Ecclesiasticus) [cũng được biết dưới tên Sự Khôn Ngoan của Ben Sirach] 3:30, NRSV)
  2. “hãy tích trữ việc làm từ thiện trong kho tàng của ngươi và nó sẽ giải cứu ngươi khỏi mọi tai họa” (Huấn ca 29:15, NRSV)
  3. “đôi với những ai đang hành động tùy theo lẽ thật sẽ được thanh vượng trong mọi việc làm của họ. Đối với những ai thực tập sự công chính <sup>7</sup> làm từ thiện từ chính của cải của ngươi, và không để mất ngươi thêm muốn những món quà khi ngươi làm nó. Đừng xây mặt ngươi khỏi bất kỳ người nghèo nào, và Đức Chúa Trời sẽ không xây mặt khỏi ngươi. <sup>8</sup>Nếu ngươi có nhiều của cải, hãy ban cho họ cách tương xứng; nếu ngươi có ít, đừng ngần ngại ban cho tùy theo sự ít ỏi ngươi có. <sup>9</sup>Và ngươi sẽ xếp chồng những của cải tốt lành dành cho ngươi trong ngày có cần. <sup>10</sup>Bởi vì việc làm từ thiện sẽ giải cứu khỏi sự chết và giữ ngươi khỏi đi đến Sự Tối Tăm. <sup>11</sup> Thực vậy, sự làm từ thiện, dành cho tất cả những ai thực hành nó, là một sự dâng hiến ban cho tuyệt vời trước sự hiện diện của Đấng Thánh.” (Tobit 4:6-11, NRSV)
  4. “<sup>8</sup> Sự cầu nguyện và kiêng ăn là tốt, nhưng tốt hơn cả hai là làm từ thiện với sự công chính. Một sự ít ỏi với sự công chính thì tốt hơn là sự giàu có với hành động sai trật. Sự ban cho của làm từ thiện tốt hơn là chất đồng vàng. <sup>9</sup>Bởi vì việc làm từ thiện cứu khỏi sự chết và thanh tẩy mọi tội lỗi. Những ai ban cho của làm từ thiện sẽ vui hưởng một cuộc sống đầy trọn.” (Tobit 12:8-9, NRSV)
- C. Đoạn trích cuối cùng trong Tobit 12:8-9 chỉ ra sự tiến triển của vấn đề. Những hành động/ phẩm chất của con người được nhìn thấy như là động cơ dành cho cả sự tha thứ và sự rộng rãi.
 

Khái niệm này được phát triển rộng hơn trong Bản Bảy Mươi, nơi mà từ tiếng Hy Lạp dùng cho việc làm từ thiện (*ele mosun*) trở thành một từ đồng nghĩa cho sự công chính (*dikaiosun*). Chúng có thể được dùng thay thế cho nhau trong việc dịch ra thuật ngữ Hê-bơ-rơ *hesed* (giao ước tình yêu và sự trung thành của Đức Chúa Trời, Phục 6:25; 24:13; Ê-sai 1:27; 28:17; 59:16; Đa-ni-ên 4:27).
- D. Những hành động của sự thương xót của con người trở nên mục tiêu trong chính họ để đạt được sự rộng rãi cá nhân của một người ở hiện tại và sự cứu chuộc khi qua đời. Hành động, chính nó, thay vì động cơ phía sau của hành động đã trở nên vượt trội hơn về thần học. Đức Chúa Trời nhìn vào trong tâm lòng, và sau đó phán xét hành động của tay thực hiện nó. Đây là sự dạy dỗ của những ra-bi, tuy nhiên bằng một cách nào đó đã lạc mất trong sự đeo đuổi sự tự xưng công chính cá nhân (Mí-chê 6:8).

### IV. Đáp ứng lại của Tân Ước

- A. Thuật ngữ được tìm thấy trong
  1. Ma-thi-ơ 6:1-4
  2. Lu-ca 11:41; 12:33
  3. Công vụ 3:2-3,10; 10:2,4,31; 24:17
- B. Chúa Giê-xu trích dẫn cách hiểu biết truyền thống Do Thái về sự công chính (II Clement 16:4) trong Bài Giảng Trên Núi của Ngài (Ma-thi-ơ 5-7) như là sự chỉ về
  1. làm từ thiện
  2. kiêng ăn
  3. cầu nguyện

Nhiều người Do Thái đã tin cậy vào nơi hành động của họ. Những hành động này vốn có mục đích là để tuôn tràn ra một tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, cho lời của Ngài, và những anh chị em giao ước, không phải cho lợi ích cá nhân hoặc tự xưng-công chính! Sự khiêm nhường chính là sự hướng dẫn cho một hành động thích hợp. Tấm lòng là cốt yếu. Tấm lòng là xấu xa một cách tuyệt vọng. Đức Chúa Trời phải thay đổi tấm lòng. Tấm lòng tươi mới noi theo gương Đức Chúa Trời!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:14-15**

<sup>14</sup>" Người chó hà hiếp kẻ làm mướn nghèo khổ và túng cùng, bắt luận anh em mình hay là khách lạ kiêu ngạo trong xứ và trong thành người. <sup>15</sup> Phải phát công giá cho người nội trong ngày đó, trước khi mặt trời lặn; vì người vốn nghèo khổ, trông mong lãnh công giá ấy. Bằng không, người sẽ kêu đến Đức Giê-hô-va về người, và người sẽ mắc tội. "

**24:14 “hay là khách lạ kiêu ngạo ... người”** Sự chăm sóc của Đức Chúa Trời dành cho người góa bụa, trẻ mồ côi và người khách lạ được nhìn thấy rất rõ ràng trong Phục Truyền ( 10:18; 14:29; 16:11,14; 24:17,19,20,21; 26:12,13; 27:19).

**24:15 “(người) phải phát công giá cho người nội trong ngày đó”** Người nghèo cần ( “đặt tấm người nơi đó (trông mong lãnh công giá ấy)”) tiền công hằng ngày của mình để mua thức ăn cho chính mình và gia đình. Người chủ đất muốn giữ lại nó để bảo đảm rằng người làm công đó sẽ trở lại trong ngày kế tiếp ( Lê-vi Ký 19:13; Ma-la-chi 3:5; Gia-cơ 5:4).

**} “Bằng không, người sẽ kêu đến Đức Giê-hô-va về người”** Đức Chúa Trời quan tâm và nghe đến tiếng kêu khóc của người nghèo, người lạ và người bị xua đuổi, ruồng bỏ! Hãy xem ghi chú tại 24:13.

**} “và người sẽ mắc tội”** Trong văn mạch thì nó ngay tức tiếp trái ngược với “người công chính” trong câu 13.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:16**

<sup>16</sup>"Chớ vì con mà giết cha, cũng đừng vì cha mà giết con. Phạm người nào phạm tội, thì phải giết người nấy."

**24:16** Câu này rất giống với Ê-xê-chi-ên 18:1-33; 17:12-20; Giê-rê-mi 31:29-30; và II Các Vua 14:6. Nó tập chú vào một khái niệm hiếm gặp trong Cựu Ước về nghĩa vụ của cá nhân. Đây là sự cân bằng với Xuất 20:5; 34:7; Dân Số Ký 14:18. Cựu Ước thường tập chú nhiều vào tập thể ( Phục 5:9).

Chú ý cách sử dụng ba lớp của ĐỘNG TỪ này “đặt vào sự chết” (BDB 559, KB 562, tất cả đều là *Hophal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH).

Sự bội nghịch là một vấn đề nghiêm trọng! Sự không vâng phục có những hậu quả!

Luật này không chỉ đến sự phản nghịch nghịch cùng Đức Chúa Trời (ví dụ, sự thờ hình tượng), nhưng chỉ về hành động dân sự được định trước (ví dụ, những hành động nghịch cùng thẩm quyền dân sự được thiết lập hoặc hành động chống tại một thành viên giao ước).

Con người cần phải chịu trách nhiệm cho những tội lỗi cá nhân, nhưng thường những tội lỗi này liên quan đến cả gia đình và những tập tục văn hóa. Tất cả chúng ta đều ở trong một trạng thái, về lịch sử, văn hóa. Chúng ta đều thực hiện những lựa chọn, nhưng chúng đều bị giới hạn bởi những người đi trước. Xã hội, gia đình và những cá nhân bị trói buộc không thể chia cắt khỏi nhau được! Tất cả mọi người đều bị ảnh hưởng bởi cha mẹ, nền văn hóa và cả những lựa chọn cá nhân! Đức Chúa Trời phán xét cả xã hội, gia đình và cả những cá nhân. Sự tự do của con người là một món quà tuyệt vời và tột hại!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:17-18**

<sup>17</sup>” Chớ đoán xét bất công khách lạ hay là kẻ mồ côi; và chớ chịu cầm áo xống của người góa bụa. <sup>18</sup> Khá nhớ rằng mình đã làm tội mọi nơi xứ Ê-díp-tô, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã chuộc ngươi khỏi đó. Cho nên ta dặn biểu ngươi phải làm như vậy.”

**24:17 “Chớ đoán xét bất công”** ĐÔNG TỪ này (BDB 639, KB 692) căn bản có nghĩa là “kéo căng ra”, “lan rộng ra” hoặc “xoay.” Thường từ này được sử dụng theo nghĩa bóng của “xoay qua bên trái hoặc bên phải và rời khỏi luật được bày tỏ rõ ràng của Đức Chúa Trời” ( Phục 5:32; 17:11,20; 28:14; Giô-suê 1:7; 23:6).

Có một vài chỗ trong Kinh Thánh nói về sự bẻ cong, xoay chuyển “công lý” (BDB 1048, Xuất 23:6; Phục 16:19; 24:17; 27:19; I Sa-mu-ên 8:3; Châm 17:23; Ca Thương 3:35; và A-mốt 2:7). Công lý chính là ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho tất cả mọi người trong xã hội Y-sơ-ra-ên bởi vì nó phản ánh đặc tính của Ngài và cách cư xử của họ ( 32:4).

} “khách lạ hay là kẻ mồ côi; và chớ chịu cầm áo xống của người góa bụa” Hãy xem 10:18 và Xuất 22:22-24. Bộ luật Môi-se thật khác biệt với những Bộ Luật Mê-sô-bô-ta-mi cổ đại khác trong sự chăm sóc của nó dành cho những người nghèo khổ, thiếu thốn, và không có quyền lực trong xã hội.!

**24:18 “(Nhưng ngươi) khá nhớ rằng”** Chú ý rằng sự nhấn mạnh vào sự ghi nhớ (BDB 269, KB 269, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) được đề cập ba lần trong đoạn này (24:9,18,22). Quá khứ có ảnh hưởng đến tương lai. Y-sơ-ra-ên phải ghi nhớ và hành động phù hợp trong ngày hôm nay!

} “chuộc mua” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 7:8.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:19-20**

<sup>19</sup>” Khi ngươi gặt trong đồng ruộng, quên một nắm gié lúa ở đó, thì chớ trở lại lấy. Nắm gié ấy sẽ về phần khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa, hầu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban phước cho ngươi trong mọi công việc của tay ngươi làm. <sup>20</sup> Khi ngươi rung cây ô-li-ve mình, chớ mót những trái sót trên nhánh; ấy sẽ về phần khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa.”

**24:19-21** Những tập quán nông nghiệp này có mục đích cung cấp thức ăn cho người nghèo khổ và thiếu thốn (hãy xem Lê-vi Ký 19:9-10; 23:22; Ru-tơ 2). Điều này được gọi là “sự mót nhặt lại.”

Có những luật trong Phục Truyền về việc cung cấp thức ăn cho người thiếu thốn:

1. thuê một phần mười-năm-thứ-ba được dành cho người nghèo, 14:28-29; 26:12-15
2. thức ăn được chu cấp tại kỳ Lễ Các Tuần Lễ/ Lễ Lều Tạm, 16:9-17
3. sự mót nhặt hàng năm từ những mùa thu hoạch hàng năm, 24:19-21

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 24:21-22**

<sup>21</sup>” Khi ngươi hái nho mình, chớ mót chi còn sót lại; ấy sẽ về phần khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa. <sup>22</sup> Khá nhớ rằng mình đã làm tội mọi trong xứ Ê-díp-tô; bởi đó ấy, ta dặn biểu ngươi phải làm như vậy. ”

**24:22** Người Y-sơ-ra-ên cần phải có sự thương xót trên những tội tớ và những khách lạ bởi vì họ đã một lần phải trải qua hoàn cảnh này ở tại Ai Cập. Đức Chúa Trời ân điển với họ; và họ, cũng phải ân điển với người khác!

Một vài lần Phục Truyền kêu gọi nhớ lại thời kỳ nô lệ của Y-sơ-ra-ên được sử dụng để khuyến khích hành động ở trong hiện tại:

1. cả cộng đồng cần phải giữ ngày Sa-bát, 5:12-15
2. giải phóng nô lệ người Y-sơ-ra-ên vào năm thứ bảy, 15:12-18



3. tất cả cộng đồng phải tham dự kỳ Lễ Cửa Các Tuần, 16:9-17
4. không được bê cong công lý dành cho người lạ hoặc kẻ mồ côi, cũng không được cầm cố áo của người góa bụa, 24:17-18
5. không được gặt sát đến các góc của cánh đồng và không được gặt lại lần thứ hai, 24:19-22
6. sử dụng những lời khác nhau, nhưng với một sự nhấn mạnh giống nhau, sự vâng lời, 6:10-15; 8:2,18

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Phục Truyền 24:1-4 liên hệ với sự ly dị và tái hôn như thế nào?
2. Điều này liên hệ với những sự dạy dỗ của chúa Giê-xu như thế nào về vấn đề ly dị?
3. Hãy liệt kê những yếu tố nhân đạo trong đoạn này.
4. Tại sao câu 16 lại rất quan trọng? Hãy liên hệ nó với Phục Truyền 5:9.

# PHỤC TRUYỀN 25

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Luật Riêng Biệt (24:5-25:4)	Những Luật Về Những Nghĩa Vụ Nhân Đạo và Tôn Giáo (23:15-25:19)	Những Luật Khác (24:5-25:4)	Sự Bảo Vệ dành cho Những Cá Nhân (24:5-25:4)
24:19-25:3			
	25:1-3	25:1-3	25:1-3
25:4	25:4	25:4	25:4
Bốn Phận Kết Hôn của Một Anh Em Còn Sống		Bốn Phận Đối Với Một Anh Em Đã Qua Đời	Luật Lê-vi
25:5-10	25:5-10	25:5-10	25:5-10
Những Luật Riêng Biệt		Những Luật Khác	Sự Nhường Nhịn Trong Xung Đột
25:11-12	25:11-12	25:11-12	25:11-12
			Những Phụ Lục
25:13-16	25:13-16	25:13-16	25:13-16
Hủy Diệt Người A-ma-léc.		Mạng Lệnh phải Giết Những Người A-ma-léc	
25:17-19	25:17-19	25:17-19	25:17-19

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Những lĩnh vực khác được bao gồm bởi Bộ Luật Môi-se
1. luật hình sự
  2. luật dân sự
  3. luật gia đình
  4. luật tôn giáo
  5. luật từ thiện
- B. Để xem một phần bình luận tốt về thể loại luật pháp và làm thế nào để có thể áp dụng nó ngày hôm nay hãy xem:
1. *Introduction to Biblical Interpretation* được viết bởi Klein, Blomberg, và Hubbard, trang 278-283
  2. *How To Read the Bible for All Its Worth* được viết bởi Fee và Stuart, trang 163-180
  3. *Cracking Old Testament Code*, chương 6, “Law” được viết bởi Richard Everbeck, trang 113-138

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 25:1-3

<sup>1</sup> Khi nào người ta có tranh tụng nhau, đi đến tòa để cầu quan án xét đoán, thì phải định công bình cho người công bình, và lên án kẻ có tội. <sup>2</sup> Nhược bằng kẻ có tội đáng bị đánh đòn, quan án phải khiến người nằm xuống đất, đánh người trước mặt mình, số bao nhiêu đòn tùy theo lỗi của người đã phạm. <sup>3</sup> Quan án khiến đánh đòn người đến bốn chục, chớ đánh quá, kéo nếu cứ đánh hơn, thì anh em người vì có hình phạt thái quá ấy phải ra hèn trước mặt người chằng.”

**25:1 “Khi nào người ta có tranh tụng nhau”** Điều này chỉ về một vụ việc luật pháp giữa những anh em giao ước (BDB 936, 17:8-13; 19:17; 21:5). Những trường hợp này có mục đích chấm dứt những sự trả thù cá nhân.

**} “định công bình cho người công bình”** Phiên tòa sẽ quyết định công bằng và chính xác ( 1:16-17). ĐỘNG TỪ này (BDB 842, KB 1003, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) và TÍNH TỪ (BDB 843) từ cùng một gốc. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Sự công chính tại 1:16.

**} “và lên án (định tội) kẻ có tội”** Giống như cặp đôi ở trên, cụm từ này bao gồm ĐỘNG TỪ này (BDB 957, KB 1294, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH và TÍNH TỪ (BDB 957) từ cùng một nguồn gốc.

**25:2 “quan án”** Điều này chỉ cả về (1) người Lê-vi quan sát hoặc (2) người Lê-vi đánh đòn. Sau này Do Thái Giáo yêu cầu ba người làm chứng cho một sự đánh đòn. Người đánh đòn, người đếm, và người đọc đoạn Kinh Thánh yêu cầu.

**} “trong sự hiện diện của ông ấy (trước mặt mình)”** Cụm từ này có nghĩa đen, “trước mặt ông ta,” vốn có nghĩa là người quan án phải quan sát để bảo đảm việc thi thành án quyết. Cụm từ này được dịch sau này bởi Do Thái Giáo để chỉ đến một người phải bị hình phạt, “đánh một phần ba số roi ở phía trước ngực và hai phần ba phía sau lưng.”

**} “số bao nhiêu đòn tùy theo lỗi của người đã phạm”** Hình phạt cần phù hợp với tội đã phạm. Số roi có thể khác nhau (Nê-hê-mi 13:25).

**25:3 “bốn chục”** Đây là con số tối đa được đánh dù cho với gậy ( Xuất 21:20; Bộ Luật Trung Tâm A-si-ri, A18) hoặc với một roi bằng da. Trong Tân Ước ba-mươi-chín lần là số lần tối đa ( Mishnah Makkoth, III, 13-14; II Cô-rinh-tô 11:24).

✂ “roi” Từ này (BDB 912 I) có nghĩa là vết dấu của nhát roi. Nó có một khoảng nghĩa rộng và có thể chỉ đến (1) một vết thương ( Ê-sai 1:6) hoặc (2) một bệnh dịch ( 28:61).

✂ “anh em người... phải ra hèn trước mặt người chẳng” Ngay cả trong sự hình phạt thì tinh thần nhân đạo vẫn thắng hơn. Sự phục hồi và thay đổi thái độ luôn luôn là mục tiêu.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 25:4**

**“Chớ khớp miệng con bò trong khi nó đập lúa.”**

**25:4 “Chớ khớp miệng con bò”** Điều này chỉ về sự tử tế với động vật ( 22:6-7; Pro. 12:10). Câu này được sử dụng bởi Phao-lô để chu cấp lương cho những lãnh đạo Cơ Đốc ( I Cô-rinh-tô 9:9; I Tim. 5:18). Phao-lô sử dụng (1) Lời của Chúa Giê-xu trong 10:7 ( I Tim. 5:18) và (2) một cách giải nghĩa và áp dụng ra-bi Do Thái được gọi là “người nhỏ hơn trở nên lớn hơn.” Nếu điều này là đúng với con bò, chắc chắn nó cũng đúng với những người làm công. Hãy xem *Expository Hermeneutics* được viết bởi Elliott E. Johnson, trang 235-236.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 25:5-10**

<sup>5</sup>” Khi anh em ruột ở chung nhau, có một người chết không con, thì vợ của người chết chớ kết đôi cùng người ngoài; anh em chồng phải đi đến cùng nàng, cưới nàng làm vợ, y theo bổn phận của anh em chồng vậy. <sup>6</sup> Con đầu lòng mà nàng sanh ra sẽ nối danh cho người anh em chết, hầu cho danh của người ấy chớ tuyệt khỏi Y-sơ-ra-ên. <sup>7</sup> Ví bằng người kia không đẹp lòng lấy nàng, nàng phải lên đến cửa thành, tới cùng các trưởng lão mà nói rằng: người anh em chồng tôi không chịu lưu danh anh em người lại trong Y-sơ-ra-ên, và không muốn cưới tôi y theo phận sự anh em chồng. <sup>8</sup> Các trưởng lão của thành ấy sẽ gọi người và nói cùng người; nếu người cứ nói rằng: Tôi không đẹp lòng cưới nàng, --- <sup>9</sup> thì chị em dâu người sẽ đến gần, trước mặt các trưởng lão, lột giày khỏi chân người, khắc trên mặt người, đoạn cất tiếng nói rằng: Người nào không lập lại nhà anh em mình sẽ bị làm cho như vậy! <sup>10</sup> Trong Y-sơ-ra-ên sẽ gọi nhà người là nhà kẻ bị lột giày.”

**25:5 “anh em ruột ở chung nhau”** Đây là nơi bắt đầu của phần bình luận về “những sự kết hôn nối dây” ( Sáng Thế Ký 38). Từ “nối dây (Levirate)” đến từ một từ La-tinh dùng cho những anh em rể. Mục đích tổng thể của luật lệ này để gìn giữ cơ nghiệp của gia đình. Nếu có không có người nào trong gia đình muốn cưới một góa phụ thì người anhem cần sinh một người con kế tự cho người đó ( Ma-thi-ơ 22:24; Mác 12:19; Lu-ca 20:28).

Chú ý rằng những đoạn Kinh Thánh đặc biệt đề cập đến hai người anh em “ở chung nhau.” Sự gìn giữ sản nghiệp tổ phụ từ nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, được ban cho qua Giô-suê, chính là vấn đề của luật lệ này.

Phục Truyền nhìn thấy trước sự hình thành những làng mạc và thành phố. Những luật lệ của nó thì trùng khớp với xã hội làng quê nông nghiệp.

**25:6 “con đầu lòng”** Người con đầu lòng sẽ thừa kế cơ nghiệp của người anh em đã qua đời ( Dân Số Ký 27:6-11).

**25:7 “không đẹp lòng”** Động cơ không được đề cập, nhưng nó có thể là sự tham muốn về phần của người anh em còn sống hoặc có thể là sự ghen tị với người anh em đã chết. Những hậu quả của người anh em không sẵn lòng thì đã được vạch ra rõ ràng.

✂ “cửa thành” Đây là địa điểm của phiên tòa địa phương của những trưởng lão (ví dụ, 16:18-20; 19:12; 21:1-9,19; 22:15).

**25:9-10 “lột giày khỏi chân người”** Trong văn mạch đây là một hành động hạ nhục ( Ê-sai 20:2). Bản Kinh Thánh NET Bible, trang 381, SN #16, đề cập rằng chiếc giày có thể biểu tượng cho những gì mà người anh em còn sống này đã bỏ đi những quyền lợi hợp pháp đối với phần sản nghiệp của người anh em mình. Trong Thi 60:8

và 108:9 hành động gieo chiếc giày của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ngang qua Ê-đôm chỉ ra theo cách biểu tượng về sự sở hữu của Ngài. Điều này có thể giải thích Ru-tơ 4. Hành động cởi một chiếc giày cũng được ghi lại trong những bản đá Nuzi (Lacheman 53-56) cũng có sự biểu tượng hợp pháp.

**25:9 “khắc trên mặt người”** Đây là một hành động tượng trưng của sự si nhục ( Dân Số Ký 12:14). Nó gây nên một sự không tinh sạch theo nghi lễ ( Lê-vi Ký 15:8).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 25:11-12**

**11** “ Khi hai người đánh lộn nhau, nếu vợ của một trong hai người đến gần đặng giải cứu chồng khỏi tay kẻ đánh, và nàng giơ tay nắm nhằm chỗ kín của kẻ ấy, **12** thì người phải chặt tay nàng đi; mắt người chớ thương xót nàng.”

**25:11 “chỗ kín của kẻ ấy”** Một lần nữa, điều này chỉ về sự nổi bật của những quyền kể tự ở Y-sơ-ra-ên Cổ Đại!

**25:12 “người phải chặt tay nàng đi”** Đây là một sự cắt xẻo cụ thể duy nhất được ghi chép lại trong bộ luật Môi-se. Hình phạt chính xác “mắt đền mắt” (*Lex talionis*) trong trường hợp này là không thể. Sau này Do Thái Giáo giải nghĩa phần này này “trả lại sự bồi thường cho,” vốn họ áp dụng cho nhiều đoạn Kinh Thánh được viết bởi Môi-se.

⌋ “người chớ thương xót” Cụm từ này được lặp lại trong một vài bối cảnh văn mạch ( 7:16; 13:8; 19:13,21; 25:12; và một cụm từ tương tự trong 7:2). Luật pháp của Đức Chúa Trời, không phải cảm xúc của con người, cần phải thực hiện.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 25:13-16**

**13** “ Trong bao người chớ có hai thứ trái cân, một thứ già và một thứ non. **14** Trong nhà người chớ có hai thứ ê-pha, một thứ già và một thứ non. **15** Phải dùng trái cân đúng thật và công bình, cũng phải có ê-pha đúng thật và công bình, để người được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người. **16** Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người lấy làm gớm ghiếc người nào làm các điều này và phạm sự bất nghĩa.”

**25:13 “hai thứ trái cân (khác nhau)”** Nghĩa đen “một viên đá và một viên đá,” một kích cỡ được dùng để mua, một kích cỡ được dùng để bán ( Thi 11:1; 16:11). Sự công bằng và sự chân thật giữa những anh em giao ước là cốt yếu.

#### **CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐO TRỌNG LƯỢNG VÀ DUNG TÍCH Ở VÙNG CẬN ĐÔNG**

Việc đo lường (lượng) trong thương mại rất quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp cổ xưa. Kinh Thánh kêu gọi người Do Thái ngay thẳng trong các giao dịch của họ với nhau (xem Lê vi Ký 19:35-36; Phục truyền Luật lệ Ký 25:13-16; Châm ngôn 11:1; 16:11, 20:1).

Vấn đề thực sự không chỉ là sự trung thực, nhưng còn do các đơn vị và hệ thống được sử dụng tại xứ Pa-léc-tin không được tiêu chuẩn hóa. Có vẻ như có hai bộ quả cân: một loại nhẹ, một loại nặng cho mỗi trường hợp tính trọng lượng (xem quyển *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 4, trang 831). Ngoài ra, hệ thống thập phân (cơ số 10) của Ai Cập đã được kết hợp với hệ lục phân (cơ số 6) của vùng Mê-sô-bô-ta-mi.

Nhiều đơn vị về kích thước và số lượng được dựa theo các bộ phận cơ thể con người, tải trọng của súc vật, và các đồ chứa ngũ cốc của nông dân, không có một thứ nào được tiêu chuẩn hóa. Do đó, các bảng đối chiếu giá trị được dùng để ước tính và dự đoán. Cách dễ nhất để biết được việc đo lường là dựa trên một biểu đồ có liên quan giữa các đơn vị.

I. Các từ ngữ thuộc dung tích thường được sử dụng

A. Các đơn vị đo lường cho loại khô

1. Hô-me (BDB 330, có thể là sức chờ của một con lừa, BDB 331), xem Lê-vi Ký 27:16; Ô-sê 3:2
2. Letekh (hoặc lethech, BDB 547), xem Ô-sê 3:2 (một hô-me ruồi).
3. Ê-pha (BDB 35), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:36; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,13,24
4. Se'ah (bản tiếng Việt dịch là “đầu”) (BDB 684), xem Sáng thế Ký 18:6, I Sa-mu-ên 25:18, I Các vua 18:32
5. Ô-me (BDB 771 II, có thể là một bó: [một hàng cây ngũ cốc đã ngã], BDB 771 I), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:16,22,36; Lê-vi Ký 23:10-15
6. Issaron (BDB 798, một phần mười), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 14:21
7. Qav (bản tiếng Việt dịch là “một góc tư ô”) (hoặc kab, BDB 866), xem II Các vua 6:25

B. Các đơn vị đo lường chất lỏng

1. Cô-rơ (BDB 499), xem I Các vua 5:2,25; Ê-xê-chi-ên 45:14
2. Bát (BDB 330, bằng với một Ô-me), xem II Sử ký 2:10; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,14
3. Hin (BDB 228), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:24
4. Lót (BDB 528), xem Lê-vi Ký 14:10,12,15,21,24

C. Biểu đồ (lấy từ quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, tập 1, trang 201 và quyển *Encyclopedia Judaica*, tập 16, trang 379).

Hô-me (khô) = cô-rơ (chất lỏng) 1

Ê-pha (khô) = bát (chất lỏng)	10	1			
Se'ah (khô)	30	3	1		
Hin (chất lỏng)	60	6	2	1	
Ô-me / issaron (khô)	100	10	-	-	1
Qav / kab (khô)	180	18	6	3	-
Lót (chất lỏng)	720	72	24	12	-

(1 hô-me = 10 ê-pha = 30 se'ah = 60 hin = 100 ô-me = 180 qav = 720 lót).

II. Những đơn vị trọng lượng được sử dụng thường xuyên nhất

A. Ba đơn vị trọng lượng thông dụng nhất là ta-lâng, siéc-lơ, và ghê-ra.

1. Đơn vị trọng lượng lớn nhất trong Cựu Ước là ta-lâng. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 38:25-26 mà chúng ta biết rằng một ta-lâng tương đương với 3.000 siéc-lơ (trọng lượng làm tròn số, BDB 503).
2. Chữ siéc-lơ (BDB 1053, trọng lượng) được sử dụng rất thường xuyên đến nỗi nó được thừa nhận mà không được kể ra trong bản văn. Có một số giá trị của siéc-lơ được nêu trong Cựu Ước.
  - a. Tiêu chuẩn thương mại (xem Sáng thế Ký 23:16 trong bản NASB)
  - b. Siéc-lơ của đền thờ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13 bản NASB)
  - c. Theo cân của nhà vua (II Sa-mu-ên 14:26 bản NASB), còn gọi là cân của hoàng gia trong bản giấy coi Elephantine Papyri.
3. Ghê-ra (BDB 176 II) có giá trị 1/20 của siéc-lơ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13). Những tỷ lệ này khác biệt giữa Mê-sô-bô-ta-mi và Ai Cập. Y-sơ-ra-ên dựa theo cách định giá thông dụng nhất trong xứ Ca-na-an (Ugarit).
4. Mi-na (BDB 584) có giá trị là 50 hoặc 60 siéc-lơ. Đơn vị này được tìm thấy trong các sách phân sau của Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 45:12; Ê-xơ-ra 2:69; Nê-hê-mi 7:70-71). Ê-xê-chi-ên sử dụng tỷ lệ 60-1, trong khi trong xứ Ca-na-an sử dụng tỷ lệ 50-1.
5. Beka (BDB 132, nửa siéc-lơ, xem Sáng thế Ký 24:22) được sử dụng chỉ có hai lần trong Cựu Ước (xem Sáng thế Ký 24:22; Xuất Ê-díp-tô Ký 38:26) và có giá trị nửa siéc-lơ. Tên của nó có nghĩa là phân chia.

B. Biểu đồ

1. Dựa theo Xuất Ê-díp-tô Ký

Ta-lâng	1			
Mi-na	60	1		
Siéc-lơ	3.000	50	1	
Beka	6.000 *	100	1	

(Ghê-ra cũng là 6.000 theo Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13; Lê-vi Ký 27:25; Dân số Ký 3:47; 18:16; Ê-xê-chi-ên 45:12).

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3000 siéc-lơ = 6000 beka).

2. Dựa theo Ê-xê-chi-ên

Ta-lâng 1

Mi-na 60 1

Siéc-lơ 3.600 60 1

Beka 7.200 120 2 1

Ghê-ra 72.000 1.200 20 10 1

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3.600 siéc-lơ = 7.200 beka = 72.000 ghê-ra).

**25:15** “**để người được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người**” Đây là một lời hứa về sự dài lâu mang tính xã hội ( 4:40; 5:16,33; 6:2; 11:9; 22:7; 25:15; 30:18; 32:47).

**25:16** “**Giê-hô-va Đức Chúa Trời người lấy làm góm ghiếc người nào làm các điều này và phạm sự bất nghĩa**” Những phúc hạnh và những sự rửa sả có liên hệ với sự vâng phục giao ước ( các đoạn 27-29).

} “**góm ghiếc**” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 14:3.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 25:17-19**

<sup>17</sup> “**Hãy nhớ điều A-ma-léc đã làm cho người dọc đường, khi các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô; <sup>18</sup> thế nào người không kính sợ Đức Chúa Trời, đến đón người trên đường, xông vào binh hậu người, đánh các người yếu theo người, trong khi chánh mình người mỗi mệt và nhọc nhằn. <sup>19</sup> Vậy, khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã ban sự bình an cho, và giải cứu người khỏi mọi kẻ thù nghịch vây phủ người trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người nhận lấy làm sản nghiệp, thì phải xóa sự ghi nhớ A-ma-léc khỏi dưới trời. Chớ hề quên!”**

**25:17-19** Phục Truyền có những đoạn liên hệ với việc làm thế nào để Y-sơ-ra-ên sắp đặt “cuộc thánh chiến” ( 7:1-26; 20:1-10; 21:10-14; 25:17-19). Cuộc Thánh Chiến chính là cuộc chiến của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Nó có những luật lệ và cách tiến hành đặc biệt!

**25:17 “A-ma-léc”** Nhóm người này có thể là hậu duệ của Ê-sau ( Sáng 36:15-16), trở nên một biểu tượng của điều ác đối với Y-sơ-ra-ên bởi vì những kỹ năng cướp bóc của họ ( trong câu 18-19; 17:8-16). Họ là một nhóm dân du cư vốn sống ở phía nam Biển Chết. Cả Sau-lơ và Đa-vít đều chiến đấu chống lại họ ( I Sa-mu-ên 15:2; 27:8).

**25:18 “hậu”** Từ này (BDB 275) có nghĩa là “đuôi.” Khi sử dụng một ĐỘNG TỪ (BDB 275, KB 274, *Piel* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) nó có nghĩa là tấn công (1) ở phía sau hoặc (2) đội quân đằng sau. Nó được tìm thấy duy nhất ở đây và ở trong Giô-suê 10:19.

**25:19 “(người) phải xóa sự ghi nhớ”** Trong các câu 5-10 sự mất mát một người anh em mà không có người kế tự đã được bình luận. Ở đây, sự mất đi dòng dõi được ra mạng lệnh! Họ không kính sợ Đức Chúa Trời (trong câu 18); họ tấn công nơi dễ bị tổn thương nhất của Y-sơ-ra-ên; chúng phải chết ( Xuất 17:14; I Sa-mu-ên 15:2-4; 30:16-20; I Sứ ký 4:43)!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao câu 1 lại rất quan trọng về thần học?
2. Mục đích của hôn nhân nối dây là gì?
3. Tại sao các câu 11-12 lại được bao gồm trong Ngũ Kinh?
4. Ai là người A-ma-léc và tại sao họ lại bị rủa sả?



# PHỤC TRUYỀN 26

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Của lễ của Bông Trái Đầu Mùa và Của Lễ Một Phần Mười	Những Lễ Nghi Và Sự Khích Lệ	Của Lễ Mùa Vụ	Những Bông Trái Đầu Mùa
26:1-11	26:1-11	26:1-3 26:4-10a 26:10b-11	26:1-3 26:4-10a 26:10b-11 Thuế Một Phần Mười Năm Thứ Ba
26:12-15	26:12-15	26:12-15	26:12-15
Một Tuyên Dân Đặc Biệt của Riêng Đức Chúa Trời		Tuyên Dân Của Riêng Đức Giê-hô-va	Phần Kết của Bài Giảng Thứ Hai (26:16-28:68)
26:16-19	26:16-19	26:16-19	26:16 26:17-19

### CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 26:1-11

<sup>1</sup>" Khi người đã vào trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người làm sản nghiệp, khi nhận được và ở tại đó rồi, <sup>2</sup> thì phải lấy hoa quả đầu mùa của thổ sản mình thâu hoạch trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người, để trong một cái giỏ, rồi đi đến chỗ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn để danh Ngài ở. <sup>3</sup> Người sẽ tới cùng thầy tế lễ làm chức đương thì đó, mà nói rằng: Ngày nay, trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông, tôi nhận biết tôi đã vào trong xứ mà Đức Giê-hô-va

đã thề cùng tổ phụ ban cho chúng tôi. <sup>4</sup> Đoạn, thầy tế lễ sẽ lấy cái giỏ khỏi tay người, để trước bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. <sup>5</sup> Đoạn, người cất tiếng nói tại trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người rằng: Tổ phụ tôi là người A-ram phiêu lưu, đi xuống xứ Ê-díp-tô kiêu ngạo tại đó, số người ít, mà lại trở thành một dân tộc lớn, mạnh và đông. <sup>6</sup> Người Ê-díp-tô ngược đãi và khắc bức chúng tôi, bắt làm công dịch nhọc nhằn. <sup>7</sup> Bây giờ, chúng tôi kêu van cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng tôi; Đức Giê-hô-va nghe thấu, thấy sự gian nan lao khổ và sự hà hiếp của chúng tôi, <sup>8</sup> bèn dùng cánh tay quyền năng giơ thẳng ra và các dấu kỳ, phép lạ lớn đáng kinh khủng, mà rút chúng tôi khỏi xứ Ê-díp-tô, <sup>9</sup> dẫn chúng tôi vào nơi này, và ban xứ này cho, tức là xứ đơm sữa và mật. <sup>10</sup> Vậy bây giờ, Đức Giê-hô-va ôi! tôi đem những hoa quả đầu mùa của đất mà Ngài đã ban cho tôi. Đoạn, người sẽ để hoa quả đó trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và thờ lạy trước mặt Ngài; <sup>11</sup> rồi người, người Lê-vi, và kẻ khách lạ ở giữa người, luôn với nhà của người sẽ vui vẻ về các phước lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã ban cho người."

**26:1 “Khi người đã vào trong xứ”** Điều này dẫn chứng bằng tư liệu sự kiện Y-sơ-ra-ên vẫn còn ở trên bình nguyên Mô-áp về phía đông của sông Giô-đanh khi những lời này của Môi-se được ban ra.

✻ **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

✻ **“ban cho người làm sản nghiệp”** Đây là một thành ngữ về sự tuyển chọn của Y-sơ-ra-ên ( Xuất 6:4,8; 15:17; 23:30; 32:13; Phục 1:6-8; 4:38,40; 5:31; 7:13; 8:1-10; 9:4-6; 11:8-12,17; 26:1,9; 32:49,52; 34:4). Vùng đất (cả xứ) thuộc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Xuất 19:5; Lê-vi Ký 25:23). Nếu Y-sơ-ra-ên không thuận phục theo giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Ngài sẽ cất lấy sự sở hữu của họ ( Lê-vi Ký 26:14-33; Phục 4:25-28; Giô-suê 23:14-16), nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vẫn sẽ có sự thương xót ( Phục 4:29-31; 30:1-3,10).

**26:2 “(người)phải lấy hoa quả đầu mùa của thổ sản”** Lượng chính xác của phần của lễ dâng là không được định rõ (nhưng nó có thể vừa trong một cái giỏ, trong câu 3,4). Phần này có vẻ như là sự kiện một lần tại bình nguyên Mô-áp nhưng nó phản ánh một nghi lễ mùa mang định kỳ sau này ( Xuất 22:29; 23:16,19). Việc thực hiện này là một cách theo nghĩa bóng của việc bày tỏ quyền sở hữu của Đức Chúa Trời ở trên toàn bộ mùa màng. Sự tượng trưng sở hữu tương tự được minh họa qua (1) con đầu lòng; (2) thuế một phần mười; (3) ngày Sa-bát; (4) năm Sa-bát; và (5) Năm Hân Hỷ.

✻ **“chỗ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn để danh Ngài ở”** Điều này chỉ về sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về địa điểm của đền thờ trung tâm, vốn rõ ràng là một sự nhấn mạnh của Phục Truyền ( 12:5,11,14,18,21,26; 14:23,24,25; 15:20; 16:2,6,7,11,15,16; 17:8,10; 18:6; 26:2; 31:11). Nó ban đầu ở tại Ghinh-ganh, sau là Si-chem, sau đó là Si-lô, sau đó là Mích-ba, và sau này, sau khi Đa-vid chinh phục thành Giê-bu, là Giê-ru-sa-lem ( II Sa-mu-ên 5:6-7; I Sứ ký 11:5,7). Mục tiêu của một đền thờ trung tâm chính là sự hiệp nhất tôn giáo và chi tộc. Nó cũng để giữ Y-sơ-ra-ên khỏi sự thờ phượng những nơi thờ tự của *Ba-anh*.

**26:3 “thầy tế lễ làm chức đương thì đó”** Ban đầu, điều này có vẻ chỉ về Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm từ dòng dõi A-rôn ( Theo Bộ The Tyndale OT Commentary, cuốn “Deuteronomy,” trang 254), nhưng văn mạch đòi hỏi rằng nó chỉ về những gia đình khác nhau của các thầy tế lễ từ dòng dõi A-rôn là những người thay phiên phục vụ tại đền thờ trung tâm.

✻ **“mà nói (cùng người) rằng”** Tất cả đều theo một trình tự nghi thức được lặp lại bởi những ai mang những bông trái đầu mùa một cách thuận phục đến nơi Đền Tạm và sau này là đền thờ trung tâm.

✻ **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời (tôi)”** Bản MT là Đức Chúa Trời “ông”. Sự khác biệt về ĐẠI TỪ không có ý nghĩa thần học. Nó chỉ đơn giản là một thành ngữ Hê-bơ-ơ của việc nói về một nhân vật với thẩm quyền tôn giáo.

**26:4 “thầy tế lễ sẽ lấy cái giỏ khỏi tay người, để trước bàn thờ”** Nhiều người so sánh câu 10 và công bố

một sự mâu thuẫn. Vấn đề là, nếu chúng ta không có một nguồn chi tiết về nghi lễ này.

**26:5 “Cha tôi (tổ phụ tôi)”** Từ này chỉ về tổ phụ Gia-cốp, người mà sau này được gọi là Y-sơ-ra-ên ( Sáng 32:28 và Chủ đề Đặc biệt: Y-sơ-ra-ên tại 1:1). Đây là một sự tuyên bố thần học về việc họ chính là tuyển dân được lựa chọn của Đức Chúa Trời. Đây là một sự khẳng định nền tảng niềm tin.

}

NASB, NRSV,

TEV, NJB “lang thang”

NKJV “sẽ hư mất”

REB “không nhà cửa”

JPSOA “bỏ trốn”

Chữ này có nghĩa là “tàn lụi” (BDB 1, KB 2, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG). Đôi lúc từ này được sử dụng cho những con thú bị lạc hoặc lang thang (I Sa-mu-ên 9:3; Giê-rê-mi 50:6; Ê-xê-chi-ên 34:4,16).

}

**“A-ram”** Từ này chỉ về Padan-Aram hoặc Sy-ri (BDB 74, Sáng 25:20; 28:5; 31:20,24). La-ban đến từ khu vực này vốn bao gồm thành phố Haran (Sáng 31:40-42). Gia-cốp sống ở tại đó trong vài năm và sau đó chạy trốn khỏi La-ban.

}

**“kiều ngụ”** ĐỘNG TỪ này (BDB 157, KB 184, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là sống như là một người mới chuyển đến hoặc một cư dân từ nơi khác (Sáng 47:4).

}

**“số người ít”** Trong Sáng 46:27 và Xuất 1:5 cho biết rằng họ ban đầu chỉ có 70 người. Khi họ rời khỏi Ai Cập, dân số của họ đã rất nhiều ( 1:10; 20:22; Xuất 1:9) khoảng chừng 1,500,000 đến 2,500,000 người. Con số phụ thuộc vào cách giải nghĩa phù hợp của thuật ngữ Hê-bơ-ơ “hàng ngàn.” Nó có thể có nghĩa là (1) 1,000 theo nghĩa đen; (2) một chi tộc; hoặc (3) một đơn vị quân sự ( Xuất 12:37). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:15.

**26:7 “chúng tôi kêu van cùng Giê-hô-va... nghe thấu, thấy sự gian nan lao khổ và sự hà hiếp của chúng tôi”** Đức Chúa Trời đã hứa và báo trước cho Áp-ra-ham về điều này ( Sáng 15:12-21; Xuất 3:7, 9).

}

**“Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng tôi”** Điều này được xác định là Đức Chúa Trời của Các Tổ Phụ, El Shaddai ( Xuất 6:2-9), và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, là Đấng đã gặp Môi-se ( Xuất 3:14). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

**26:8 “cánh tay quyền năng giơ thẳng ra”** Đây là cách diễn đạt theo ngôn ngữ nhân hình của quyền năng và sự chiến thắng. Hãy xem ghi chú tại 4:34. Nó cũng có thể cũng là một thành ngữ đặc biệt được chọn bởi vì nó được sử dụng quá thường xuyên trong văn học và nghệ thuật Ai Cập dùng chỉ về quyền năng của Pha-ra-ôn

}

**“và các dấu kỳ, phép lạ lớn đáng kinh khủng”** Điều này chỉ về mười tai vạ ở tại Ai Cập (ví dụ, 4:34; 6:22; 7:19; 11:3; 26:8; 29:2; 34:11).

**26:9 “xứ đượm sữa và mật”** Đây bao gồm cả sự mô tả thực tế và một sự định danh hợp pháp dành cho Palestine trong những tài liệu A-si-ri. Đức Chúa Trời ban cho họ một phần cơ nghiệp màu mỡ và tươi đẹp một cách tuyệt diệu (Ca-na-an hoặc Palestine, 6:3; 11:9; 26:9; 27:3; 31:20).

**26:10 “Đức Giê-hô-va ôi! ...Ngài đã ban cho tôi”** Phần này trình bày một quan điểm tôn giáo đúng đắn về cuộc sống ( trong câu 2; 8:11-20). Câu này hàm ý rằng một vụ gieo trồng đã qua và rằng người Y-sơ-ra-ên biết dâng phần vụ mùa mà họ đã gieo trồng.

}

**“thờ lạy”** Từ này có nghĩa đen là “phủ phục chính mình” (BDB 1005, KB 295, *Hishtapael* THÊ HOÀN THÀNH).

**26:11 “ngươi...luôn với nhà của người sẽ vui vẻ về các phước lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã ban cho ngươi”** Chú ý yếu tố lễ hội trong cách liên hệ của Đức Chúa Trời với dân sự giao ước của Ngài (và những người khác sống với họ, ví dụ, những khách lạ). Sự thờ phượng cần phải tràn đầy niềm vui! Sự

tôn kính không thể được định nghĩa bằng sự im lặng và âm thầm! Những ra-bi Do Thái sau này sử dụng câu này để chỉ về sự vui mừng về sự ban cho Luật Pháp ( câu 14).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 26:12-15**

<sup>12</sup>” Khi người đã thu xong các thuế một phần mười về huê lợi năm thứ ba, là năm thuế một phần mười, thì phải cấp thuế đó cho người Lê-vi, khách lạ, kẻ mồ côi, và cho người góa bụa, dùng làm lương thực trong các thành người, và những người ấy sẽ ăn no nê; <sup>13</sup> rồi người sẽ nói tại trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, rằng: Tôi đã đem những vật thánh khỏi nhà tôi và cấp cho người Lê-vi, khách lạ, kẻ mồ côi, cùng người góa bụa, chiếu theo các mạng lệnh mà Ngài đã phán dặn tôi; tôi không phạm, cũng không quên một mạng lệnh nào của Ngài. <sup>14</sup> Trong lúc tang chế, tôi không ăn đến vật thánh này; khi bị ô uế, tôi không đụng đến đó, và cũng không vì một người chết mà dùng đến; tôi vâng theo tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, và làm y như mọi điều Ngài đã phán dặn tôi. <sup>15</sup> Cầu Chúa từ nơi cư sở thánh của Ngài trên trời cao, đoái xem và ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, cùng đất mà Ngài đã ban cho chúng tôi, tức là xứ đượm sữa và mật này, y như Ngài đã thề cùng tổ phụ chúng tôi.”

26:12 “thuế một phần mười” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt dưới đây.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGHĨA VỤ ĐÓNG THUẾ MỘT PHẦN MƯỜI TRONG BỘ LUẬT MÔI-SE**

**A. Những phân trích dẫn Kinh Thánh:**

Dành Cho Các Thầy Tế Lễ và Đền Thờ Trung Tâm	Dành cho Người Lê-vi địa phương	Dành cho Người Nghèo Địa Phương
1. Lê-vi Ký 27:30-32		
2. Phục 12:6-7,11,17	Phục 12:12	
3. Phục 14:22-26	Phục 14:27	Phục 14:28-29
4.		Phục 26:12-15
5. Dân Số Ký 18:21-24	Dân Số Ký 18:25-29 (người Lê-vi phải dâng một phần mười của họ đến đền thờ trung tâm)	Dân Số Ký 18:21-29
6.	Nê-hê-mi 10:37,38	Nê-hê-mi 12:44
7. Ma-la-chi 3:8,19		

**B. Những trường hợp của việc dâng một phần mười thời kỳ trước bộ luật Môi-se**

1. Sáng Thế Ký 14:20, Áp-ra-ham cho Mên-chi-xê-đéc (Hê-bơ-rơ 7:2-9)
2. Sáng Thế Ký 28:22, Gia-cóp dâng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

**C. Thuế một phần mười của Y-sơ-ra-ên được sử dụng để chu cấp cho đền thờ trung tâm, nhưng mỗi năm, thuế một phần mười này sẽ được chuyển trực tiếp dành riêng cho người nghèo ở địa phương.**

⌋ “vào năm thứ ba” Điều này chỉ về “thuế một phần mười cho người nghèo,” được quản lý ở địa phương (14:28-29) bởi người dâng một phần mười, nhưng được xác thực tại đền thờ trung tâm (câu 13).

**26:13 “những vật thánh”** Thuế một phần mười thuộc về Đức Giê-hô-va và bởi vậy, là thánh khiết ( Lê-vi Ký 27:30).

**26:14 “trong lúc khóc lóc (tang chế)”** Một vài tập tục than khóc khởi đầu là ngoại đạo. Từ Hê-bơ-rơ được ghép với sự thờ hình tượng (BDB 19, Ô-sê 9:4 và Giê-rê-mi 16:5-7), vốn bao gồm một vài những tập tục ngoại đạo địa phương. Nhiều học giả tin rằng tất cả những nghi thức được đề cập đến trong câu 14 đều liên hệ với những tập tục thờ phượng đại phương Ca-na-an.

⌋ “khi (tôi) bị ô uế” Bản Kinh Thánh Jerusalem Bible dịch từ này là, “Tôi đã không dùng bất cứ điều gì ô uế”; Bản Bảy Mươi dịch là “cho một mục đích không tinh sạch” ( A-ghe 2:13), nhưng bản MT liên hệ đến

lời chứng của cá nhân người dâng hiến.

} “và cũng không vì một người chết mà dùng đến (mà dâng cho họ)” Lamsa, trong phần ghi chú bên dưới trang của The Peshitta, được dịch ra trong tiếng Anh, là “không được sử dụng để cho những người thân ăn uống sau đám tang,” nhưng trong văn mạch này, nó có lẽ chỉ đến những sự thực hành thờ phượng tổ tiên ngoại đạo.

} “tôi vâng theo tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi” Cá nhân người dâng hiến đang xác quyết sự vâng phục và tuân theo của ông (cả hai ĐÔNG TỪ là *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) đối với luật pháp được bày tỏ qua Môi-se của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (“được phán” BDB 845, KB 1010, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH).

**26:15** Câu này mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bằng những từ ngữ siêu việt, nằm ngoài giới hạn ( 4:36; I Các Vua 8:27-30; Ê-sai 66:1). Ngài vẫn ở lại nơi thiên đàng. Ngài sai một thiên sứ để dẫn dắt dân sự của Ngài ( Xuất 23:20,23; 32:34; 33:2). Một sự cân bằng bắt buộc của sự khác biệt thánh khiết của Đức Chúa Trời (sự toàn tại siêu việt) và tình yêu mật thiết hiện diện (sự nội tại).

ĐÔNG TỪ này, “nhìn xuống” (BDB 1054, KB 1645, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH) và “ban phúc” (BDB 138, KB 159, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH), là những mạng lệnh hoặc những yêu cầu.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 26:16-19

<sup>16</sup> Ngày nay, Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời dạn biểu ngời làm theo các luật lệ và mạng lệnh này; vậy, phải hết lòng hết ý mà làm theo cách kỹ càng. <sup>17</sup> Ngày nay, ngời hứa nhận Giê-hô-va làm Đức Chúa Trời ngời, đi theo đường lối Ngài, gìn giữ các luật lệ, điều răn và mạng lệnh Ngài, cùng vâng theo tiếng phán của Ngài. <sup>18</sup> Ngày nay, Đức Giê-hô-va đã hứa nhận ngời làm một dân thuộc riêng về Ngài, y như Ngài đã phán cùng ngời, và ngời sẽ gìn giữ hết các điều răn Ngài, <sup>19</sup> để Ngài ban cho ngời sự khen ngợi, danh tiếng, và sự tôn trọng trời hơn mọi dân mà Ngài đã tạo, và ngời trở nên một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngời, y như Ngài đã phán vậy.”

**26:16** Đây là một sự kết luận tóm lại và sự kết ước (sự phê chuẩn) đối với những luật cụ thể trong những đoạn 12-26.

Đây là sự xác nhận giao ước phải được lặp lại bởi mỗi thế hệ mới sau này, cách cá nhân.

} “các luật lệ và mạng lệnh này” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những từ được sử dụng cho sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại 4:1.

} “làm theo cách kỹ càng.” Sự vâng lời là then chốt!

} “hết lòng hết ý” Chỉ sự vâng lời là chưa đủ. Nó phải được tuân tràn ra từ một sự khao khát được tôn kính, yêu thương và phục sự ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (4:29; 6:5; 10:12).

**26:17**

NASB “công bố”  
NKJV “tuyên bố”  
NRSV, NJB “đạt được”  
TEV “công nhận”

Đây là một từ hiếm Hê-bơ-rơ (BDB 55, KB 65) trong thể *Hiphil*, được sử dụng duy nhất ở đây trong câu 17 và trong câu 18. Người thờ phượng công bố sự vâng phục và lòng trung thành với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA công bố ngược lại với người thờ phượng về sự lựa chọn và kêu gọi họ trở nên tuyên dân độc nhất của Ngài (giao ước).

**26:18**

NASB “một của riêng được cất giữ”  
NKJV “dân thuộc riêng về Ngài”

**NRSV “Dân sự được sở hữu riêng của Ngài”**

**TEV, NJB “dân sự của riêng Ngài”**

Đây cũng là một từ hiếm tiếng Hê-bơ-ơ (BDB 688, Xuất 19:5; Phục 7:6; 14:2; Thi 135:4).

Bởi vì nghi thức tế lễ trong đoạn này không đề cập cụ thể đến sự kiện tại ngọn Núi Si-nai/Hô-rép, vì thế một số học giả hiện đại chối bỏ tính lịch sử của sự kiện này. Tuy nhiên, sự hiếm hoi được sử dụng của từ này, cả trong Xuất 19:5 và trong Phục Truyền (7:6; 14:2; và ở tại đây) đưa ra gợi ý rằng bởi chính sự sử dụng của nó là một sự ngụ ý chỉ đến sự kiện đó!

Sự kiện mang tính hệ thống về niềm tin này không đề cập đến sự sáng tạo. Có phải vì vậy cũng sẽ bị từ chối như là một sự kiện lịch sử?

**26:19 “Ngài ban cho người... trội hơn mọi dân”** Điều này được lặp lại trong 28:1,13, nhưng hãy chú ý tham kịch trong Giê-rê-mi 13:11 và 7:23-26! Bộ NIDOTTE, quyển 1, trang 1035, cũng xem câu này là nghĩa vụ của Y-sơ-ra-ên để phần chiếu sự xứng đáng được ngợi khen của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho toàn nhân loại! Vì vậy, đây là một câu “Đại Mạng Lệnh”! Y-sơ-ra-ên đã có một nhiệm vụ “truyền giáo” (ví dụ, Giê-rê-mi 3:17; 4:2; 12:14-17; 16:19; 33:9)! Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:6!

**} “một dân thánh”** Chữ này có nghĩa đen là “thánh khiết” (BDB 872), vốn có nghĩa là “được biệt riêng cho sự sử dụng của Đức Chúa Trời.”

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Những bông trái đầu mùa liên hệ như thế nào với thuế một phần mười? Đã có bao nhiêu thuế một phần mười?
2. Tại sao câu 5 lại rất quan trọng?
3. Giải nghĩa bối cảnh lịch sử của câu 14 trở đi.
4. Tại sao người Do Thái lại được chọn và họ được chọn như thế nào?

# PHỤC TRUYỀN 27

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Luật Pháp được Khắc Trên Đá	Nghi Lễ Tại Si-chem	Luật Pháp của Đức Chúa Trời Được Viết Trên Những Tầng Đá	Sự Viết Xuống Luật Pháp và Những Nghi Lễ Tôn Giáo
27:1-8	27:1-8	27:1-8	27:1-3 27:4-8
27:9-10	27:9-10	27:9-10	27:9-10
Những sự Rửa Sà Được Công Bỏ Tại Núi Ê-ban		Những Sự Rửa Sà Trên Sự Không Vâng Lời	
27:11-13 27:14-26	27:11-14	2:11-14	27:11-14
	27:15	27:15	27:15
	27:16	27:16	27:16
	27:17	27:17	27:17
	27:18	27:18	27:18
	27:19	27:19	27:19
	27:20	27:20	27:20
	27:21	27:21	27:21
	27:22	27:22	27:22
	27:23	27:23	27:23
	27:24	27:24	27:24
	27:25	27:25	27:25
	27:26	27:26	27:26

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai

3. Đoạn thứ ba

4. V.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Môi-se được đề cập đến ngôi thứ ba (câu 1). Điều này có ngụ ý đến một sự đa dạng văn học hoặc một sự hiệu đính (đương thời hoặc sau này)? Người ở thời chúng ta ngày nay phải thừa nhận rằng cấu trúc và trình tự của sự hình thành nên các sách Cựu Ước thì không được biết đến cho chúng ta.

Những điều này có vẻ như là một bằng chứng trong văn bản Kinh Thánh cho một người biên tập (đương thời hoặc sau này). Một vài ví dụ trong Phục Truyền về sự biên tập này hoặc một giọng nói ngôi thứ ba (người tường thuật) là 1:1-5; 2:10-12,20-23; 3:9,11,13b-14; 4:41- 5:1a; 10:6-7,9; 27:1a,9a,11; 28:69; 29:1; 31:3,7a,9-10a,14a,14c-16a,22-23a,24-25,30; 32:44-45,48;33:1; 34:1-4a,5-12 (Hãy xem quyển *An Introduction to the Old Testament* được viết bởi Raymond B. Dillard and Fremper Longman III, trang 100).

B. Một nghi lễ giao ước đầu tiên tại Si-chem không phù hợp với một thời điểm được cho là sau này để ủng hộ cho ý tưởng của một đền thờ thánh trung tâm tại Giê-ru-sa-lem. Rất nhiều điều trong Ngũ Kinh ở trong cùng thời với Môi-se. Nó là rõ ràng rằng những người biên tập đã tham dự một phần trong sự hình thành của sách (một ví dụ rõ ràng ở trong Dân Số Ký 12:3).

C. Có một sự song hành văn học rõ ràng giữa Phục 11:26-32 và Phục Truyền 27. Giao ước được làm mới hình thành nên một cấu trúc văn học phân chia Phục Truyền thành phần về luật lệ và tường thuật và nó định danh những bài giảng khác nhau của Môi-se.

D. Đoạn này mô tả một hiệp ước đất được ban cho bởi hoàng gia theo cấu trúc của hiệp ước Hê-tít (ví dụ, toàn bộ sách Phục Truyền và Giô-suê 24). Ê-ban, ngọn núi cao nhất ở trung tâm của vùng đất Ca-na-an chỉ ra một cách biểu tượng về sự bàn giao đất cho người Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, để duy trì những đặc ân và quyền cư ngụ, sự vâng lời giao ước và trung thành với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được đòi hỏi.

E. Lịch sử giông bão của Y-sơ-ra-ên có thể được nhìn xuyên thấu qua lăng kính của Phục Truyền 27-29. Sự không vâng phục giao ước được lặp đi lặp lại đã gây được sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Họ đã từng là một ngọn đèn soi sáng dẫn đường của một xã hội hạnh phúc và thanh vượng (của những người cùng hướng đến sự công chính), nhưng họ đã gặp bão lốc của sự rửa sạch của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chỉ có thể áp dụng được cho một dân tộc giao ước ăn năn, tin kính, vâng phục. Sự (được) tuyển chọn không thể thay thế sự vâng lời ( Ga-la-ti 3).

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:1-8

<sup>1</sup>" Môi-se và các trưởng lão truyền lệnh này cho dân sự: Hãy giữ gìn mọi điều răn mà ta truyền cho các ngươi ngày nay. <sup>2</sup> Khi người đã qua sông Giô-đanh dặng vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho ngươi, thì phải dựng những bia đá lớn và thoa vôi. <sup>3</sup> Đoạn, khi ngươi đã đi qua sông Giô-đanh, vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho, tức là xứ đượm sữa và mật, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi đã hứa cùng ngươi, thì hãy ghi trên các bia đá đó những lời của luật pháp này. <sup>4</sup> Vậy, khi các ngươi đã qua sông Giô-đanh rồi, phải dựng những bia đá này trên núi Ê-ban, và thoa vôi, y theo lệnh ta truyền cho các ngươi ngày nay. <sup>5</sup> Tại nơi ấy, ngươi cũng phải lập một bàn thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là một bàn thờ bằng đá; chớ nên tra đồ bằng sắt vào nó. <sup>6</sup> Ngươi phải lập bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người bằng đá nguyên khối, và trên đó dâng những của lễ thiêu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. <sup>7</sup> Cũng phải dâng của lễ thù ân, ăn tại đó và vui vẻ trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. <sup>8</sup> Ngươi phải ghi trên các bia đá hết thấy lời luật pháp này, và khắc cho thật rõ ràng."



**27:1 “Môi-se và các trưởng lão (của Y-sơ-ra-ên)”** Môi-se đã biết rằng dân sự sẽ sớm bước vào Đất Hứa và rằng ông sẽ không được đi ( Dân Số Ký 20:12; 27:12-14; Phục 3:26-27). Ông đang cố để trao quyền cho những lãnh đạo chi tộc

✂ **“Hãy giữ gìn mọi điều răn”** Đây là chủ đề định kỳ (câu 10) và điều kiện dành cho sự cư ngụ trên đất dành cho người Y-sơ-ra-ên.

**27:2 “Khi người đã qua sông Giô-đanh... phải dựng những bia đá lớn”** Có ba lần thiết lập những viên đá lớn:

1. tại Ghinh-ganh (trong những câu 1-3, Giô-suê 4)
2. tại Si-chem (trong các câu 4-8)
3. sau cuộc chinh phục và phân chia đất, luật pháp của Đức Chúa Trời phải được viết trên một hòn đá lớn và viết vào trong một cuộn/ sách (BDB 706, Giô-suê 24:26-27)

Có thể rằng cụm từ “trong ngày” có thể được hiểu là “khi,” cả hai đều có nghĩa chỉ về Si-chem.

Chính xác những gì được viết trên các hòn đá gây những tranh luận. Chúng là những hòn đá lớn để họ có thể chép đủ một lượng đáng kể của Kinh Thánh. Nhiều người cho rằng nó là Phục Truyền 12-26 hoặc 27-28 hoặc 5:8-21 hoặc ngay cả Xuất 20:22-23:33.

✂ **“thoa vôi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 966, KB 1319, *Qal* PERFECT) được tìm thấy ở trong Cựu Ước chỉ ở trong những câu từ câu 2 và câu 4. Đây là phương pháp của Ai Cập để chuẩn bị trước khi viết. Đó là một phương pháp giúp cho những điều được viết vẫn có thể nhìn thấy được trong một thời gian dài. Lý do của việc viết xuống Luật Pháp là để mỗi cá nhân có thể đọc nó cho chính mình họ (câu 8).

**27:3 “ghi trên các bia đá đỏ”** Có một vài trích dẫn trong Phục Truyền đề cập đến những điều Môi-se viết xuống:

1. Xuất Ê-díp-tô Ký - 17:14; 24:4; 34:27,28
2. Dân Số Ký - 33:2
3. Phục Truyền - 27:3,8; 28:58; 29:21; 30:10; 31:9,22,24-26

✂ **“y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ người đã hứa cùng người”** (câu 12) Si-chem [Ngon núi Ga-ri-xim] là địa điểm nơi mà Áp-ra-ham ( Sáng 12:6-9) và Gia-cốp ( Sáng 33:18-20) đã dựng những bàn thờ. Điều này chỉ ra sự ứng nghiệm của những lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho họ.

**27:4 “núi Ê-banh”** Có hai ngọn núi (cao 3,080 bộ) về hai phía của thành phố Si-chem (hai xương vai). Đây là một trong hai ngọn núi này. Si-chem là địa điểm đầu tiên Áp-ra-ham đã dựng một bàn thờ trước kia ( Sáng 12:6-7).

**27:5 “chớ nên tra đồ bằng sắt vào nó”** Đây có lẽ liên hệ với cấu trúc của những bàn thờ Ca-na-an ( Xuất 20:24-25). Đức Chúa Trời yêu cầu rằng những bàn thờ dành cho Nggai phải khác biệt với những bàn thờ Ca-na-an được dựng bởi con người (ví dụ, việc cắt những viên đá, trong câu 6). Sự đề cập tương ứng với Giô-suê 8:30-35.

**27:6 “những cửa lễ thiêu”** Một cửa lễ thiêu là cửa lễ mà được thiêu đốt cách hoàn toàn (được dâng hoàn toàn cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Lê-vi Ký 1:1-7).

**27:7 “cửa lễ thù ân”** Đây là cửa lễ được thiêu một phần trên bàn thờ, một phần được trao cho các thầy tế lễ, phần còn lại được trao lại cho người dâng tế lễ cho một bữa ăn chung ( Lê-vi Ký 3:1,7).

✂ **“(người sê)... vui vẻ”** Đây là một chủ đề trong Phục Truyền (BDB 970, KB 1333, *Qal* hoàn hảo, 12:7,12,18; 14:26; 16:11,14; 26:11; 27:7). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn ban phước cho Y-sơ-ra-ên và từ đó sẽ thu hút sự chú ý của những quốc gia lân cận.

**27:8**

NASB **“thật rành mạch”**

NKJV **“một cách thật rõ ràng”**

**NRSV** “thật rõ ràng”  
**TEV** “viết rõ ràng”  
**NJB** “cách cẩn thận”

Bản dịch tiếng Anh được tạo thành từ hai từ Hê-bơ-rơ thể NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI:

1. BDB 91, KB 106, *Piel*
2. BDB 405, KB 408, *Hiphil*

Điều này nói lên rằng các lời này, mỗi lời và tất cả các lời, đều quan trọng.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:9-10**

**9**” Môi-se và những thầy tế lễ về dòng Lê-vi nói cùng cả Y-sơ-ra-ên rằng: **Hỡi Y-sơ-ra-ên hãy nín và nghe!** Ngày nay, người đã trở nên dân của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi; **10** vậy phải nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi và giữ theo những điều răn và luật lệ của Ngài, mà ta truyền cho ngươi ngày nay.”

**27:9-10** Trong những câu này Môi-se và những thầy tế lễ phán với toàn thể dân Y-sơ-ra-ên. Dân nhận mạng lệnh phải giữ yên lặng (BDB 698, KB 756, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH) và lắng nghe (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) với một tâm nhìn hướng về sự vâng lời ( trong câu 10).

**27:9** “ngày nay, ngươi đã trở nên (một) dân” Có những sự bình luận khi nào giao ước chính xác bắt đầu:

1. khi Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập, Xuất 6:6-7
2. tại Ngọn Núi Si-nai/Hô-rếp, Phục 4:20; Xuất 19:5-6
3. tại Bình Nguyên Mô-áp, câu 9; 28:1
4. khi băng qua sông Giô-đanh, Giô-suê 4:19-24
5. tại Ghinh-ganh (địa điểm cắm trại đầu tiên)
6. tại Si-chem (giao ước được làm mới), Giô-suê 8:30-35

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:11-14**

**11** Ngày đó, Môi-se cũng truyền cho dân sự lệnh này: **12** Khi các ngươi đi qua sông Giô-đanh rồi, thì Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Giô-sép, và Bên-gia-min phải đứng trên núi Ga-ri-xim, đặt chúc phước cho dân sự; **13** còn Ru-bên, Gát, A-se, Sa-bu-lôn, Đan, và Nép-ta-li phải đứng trên núi Ê-banh, đặt rửa sả. **14** Người Lê-vi sẽ cất tiếng nói lớn lên cùng mọi người nam Y-sơ-ra-ên, mà rằng:”

**27:11** Câu này bắt đầu phần về những sự rửa sả và những phước hạnh. Các ơn phước không được liệt kê cụ thể ra ở đây trong đoạn này, nhưng trong đoạn 28.

**27:12-13** Một nửa các chi phái của Y-sơ-ra-ên sẽ ở tại ngọn Ga-ri-xim (nói về ơn phước, 28:1-14) và nửa kia sẽ ở tại ngọn núi Ê-banh (nói về những sự rửa sả, 28:15-68), Ga-ri-xim là ngọn núi phía nam, Ê-banh là ngọn núi phía bắc. Các thầy tế lễ đứng giữa hai ngọn núi với Hòm Giao Ước ( Giô-suê 8:30,35).

**3** “Giô-sép” Chú ý sự phân chia của Giô-sép thành Ép-ra-im và Ma-na-se vốn chưa được ghi chép lại ( Sáng 49:22-26; Xuất 1:5; Phục 33:13-17).

**27:14** “Người Lê-vi” Từ này phải chỉ về những người giữ Hòm Giao Ước. Tất cả những thầy tế lễ là người Lê-vi, nhưng không phải tất cả người Lê-vi đều là thầy tế lễ. Rất rõ ràng, một số người Lê-vi (người từ chi phái Lê-vi, câu 12) đã lên ngọn núi ( trong câu 12).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:15**

**15** “Đáng rửa sả thay người nào làm tượng chạm hay là tượng đúc, là vật góm ghiếc cho Đức Giê-hô-va, công việc bởi tay người thợ, --- dựng nó lên trong nơi kín nhiệm! cả dân sự phải đáp: A-men!”

**27:15-26 “đáng rửa sả”** “bị rửa sả” là một từ có nghĩa là, “bị rửa sả bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA” (BDB 76). Ở đây có mười hai lời rửa sả (từ này được sử dụng 39 lần trong Phục Truyền 27-29). Tất cả đều ở thể bị động của ĐỘNG TÍNH TỪ *Qal* (trong những câu 15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26; cũng hãy xem 28:16-19). Lần đầu tiên là lời rửa sả nghịch lại sự thờ hình tượng ( Phục 4:15- 18; 5:8-9; Xuất 20:3-4,23; 34:17). Phần nhiều, nếu không phải là tất cả, luật pháp Môi-se có thể nhìn thấy được trong sự trái ngược với xã hội Ca-na-an.

**27:15 “dựng nó lên trong nơi kín nhiệm”** ĐỘNG TỪ này (BDB 962, KB 1321 là một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, trong câu 24). Thường nó được sử dụng cho những hành động tội lỗi.

⌋ **“A-men”** Trình tự nghi lễ lặp đi lặp lại này bày tỏ sự chấp nhận của các luật lệ bởi dân sự (trong câu 15-26). Chú ý khái niệm về cơ thể của người Do Thái.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ ‘AMEN’

### I. CỰ ƯỚC

- A. Chữ “Amen” lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là lẽ thật (*emeth*) hay tính chân thật (*emun, emunah*), và đức tin hay sự thành tín.
- B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).
- C. Các cách dùng đặc biệt khác:
  1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
  2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
  3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
  4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
  5. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
  6. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
  7. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168
- D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:
  1. *Bathach*, tin cậy
  2. *Yra*, kính sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)
- E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).
- F. Chia khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài.  
 Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thể nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

### II. TÂN ƯỚC

- A. Cách sử dụng chữ ‘amen’ như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).
- B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).
- C. Chúa Jê-sus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).

D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jêsus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).

E. Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin (trust, faith, believe).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:16**

**<sup>16</sup>”Đáng rửa sả thay người nào khinh bỉ cha mẹ mình! cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:16 “khinh bỉ (không tôn trọng)”** làm ít đi hoặc cân nặng nhỏ hơn (BDB 885 II, KB 1101, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ). Nó trái ngược với từ Hê-bơ-rơ cho “sự tôn trọng” (BDB 457, 5:16; Xuất 20:12). Nó có thể đặc biệt chỉ về một đứa con “rửa sả” cha mẹ của nó (Xuất 21:17; Lê-vi Ký 20:9), nhưng thuật ngữ chính nó có nghĩa là thiếu sự tôn trọng và kính trọng, vốn có thể chỉ về sự không vâng phục. Sự hướng dẫn tôn giáo đến thông qua các bậc cha mẹ (4:9,10,20-25; 6:7; 11:19; 32:46). Sự chối từ cha mẹ gây hậu quả là sự khiếm khuyết đức tin!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:17**

**<sup>17</sup>” Đáng rửa sả thay người nào dòi mọt giới của kẻ lân cận mình! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:17 “dòi mọt giới của kẻ lân cận mình”** Điều này là nghiêm trọng bởi vì nó liên quan đến sự trộm cắp trong vùng đất cơ nghiệp của Đức Chúa Trời, được ban cho họ qua Giô-suê (Giô-suê 12-19; Phục 19:14; Gióp 24:2; Châm 22:28; 23:10; Ô-sê 5:10).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:18**

**<sup>18</sup>” Đáng rửa sả thay người nào làm cho kẻ mù lạc đường! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:18 “làm cho kẻ mù lạc đường”** Đây có thể là một sự ẩn dụ Hê-bơ-rơ cho một người đưa ra những lời tư vấn cho một ai đó trong một lĩnh vực mà anh không thành thạo và vì thế, đưa ra lời tư vấn xấu. Bởi vì những đặc tính thương xót của Phục Truyền, tôi nghĩ rằng điều này có lẽ chỉ đơn giản nói về việc đừng lợi dụng người khuyết tật (Lê-vi Ký 19:14).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:19**

**<sup>19</sup>” Đáng rửa sả thay người nào làm cong vạy pháp chánh của khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:19** Câu này song hành với 24:17 và chỉ về không có bất cứ sự thiên vị hay nhận hối lộ trong 1:17; 10:17; 16:19. ĐỘNG TỪ này “bê cong” (BDB 639, KB 692, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ) có nghĩa là “xoay chuyển,” nhưng ở đây và trong 16:19; 24:17; và Xuất 23:6, nó chỉ về việc xuyên tạc hoặc bê cong những gì là đúng đắn/ công lý.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:20**

**<sup>20</sup>” Đáng rửa sả thay kẻ nào nằm cùng vợ kế của cha mình! Vì kẻ đó làm nhục cha mình. Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:20 “nằm cùng”** Từ này (BDB 1011, KB 1486, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ) là một cách nói tránh (euphemism) cho “sự quan hệ tình dục,” thường là một sự ngăn cấm theo tự nhiên (ví dụ, loạn luân, quan hệ với thú vật, hoặc quan hệ tình dục đồng tính, Lê-vi Ký 20:11,12,13,18,20; Phục 27:20,21,22,23). Hoạt động tình dục của con người là một

món quà thiên thượng và một sự thôi thúc đầy mạnh mẽ. Nó cần phải được định nghĩa và sửa lại cho đúng để đạt được xã hội hòa bình và tồn tại lâu dài. Để xem một cuộc bình luận về những sự quy định về tình dục trong Y-sơ-ra-ên Cổ Đại hãy xem NIDOTTE, quyển 4, trang 1198-1211.

Sự loạn luân ảnh hưởng sự ổn định của nơi ở và gia đình cũng như xã hội. Những đối tượng chính xác bị ngăn cấm hôn nhân thay đổi khác nhau giữa các nền văn hóa, nhưng tất cả các nền văn hóa của khu vực Cận Đông Cổ Đại (ngoại trừ gia đình hoàng gia Ả-rập) đều có những luật lệ cụ thể về sự loạn luân!

**3 “che phủ váy của cha mình (làm nhục cha mình)”** Đây là biểu tượng của hành động của hôn nhân (22:30; Lê-vi Ký 18:8). Đây là một sự vi phạm sự tôn kính khác. Đối với tôi, nó tiêu biểu cho tội lỗi ngày càng gia tăng với bất kỳ giá nào!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:21**

**<sup>21</sup>” Đáng rửa sả thay kẻ nào nằm cùng một con thú nào! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:21 “Đáng rửa sả thay kẻ nào nằm cùng một con thú nào”** Sự ngăn cấm này trong Lê-vi Ký 18:23; 20:15. Xuất 22:19 và Lu-ca 15:23 chỉ ra theo văn mạch, phải thực hiện điều này với sự thờ hình tượng (những nghi thức ma thuật từ Ugarit). Những văn bản Hê-tít chỉ ra việc quan hệ với một con thú thánh biểu tượng cho sự hiệp một với các vị thần.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:22**

**<sup>22</sup>” Đáng rửa sả thay kẻ nào nằm cùng chị em mình, hoặc một cha khác mẹ, hoặc một mẹ khác cha! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:22** Đây là một phần của những luật lệ về sự loạn luân ( Lê Vi Ký 18).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:23**

**<sup>23</sup>” Đáng rửa sả thay kẻ nào nằm cùng bà gia mình! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:23** Sự ngăn cấm này được ghi chép ở trong Lê-vi Ký 18:8; 20:14.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:24**

**<sup>24</sup>” Đáng rửa sả thay kẻ nào đánh trộm người lân cận mình! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:19**

**<sup>19</sup>” Đáng rửa sả thay người nào làm cong vạy pháp chánh của khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:24-25** Những câu này xử lý với tội giết người ( 5:17; Xuất 20:13; 21:12; Lê-vi Ký 24:17,21). Một sự giết người sẽ làm ô uế cả vùng đất ( 21:1-9).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:25**

**<sup>25</sup>” Đáng rửa sả thay kẻ nào nhận của hối lộ để giết người vô tội! Cả dân sự phải đáp: A-men.”**

**27:25** Điều này được ghi chép lại trong Xuất 23:6-8. Điều này có thể chỉ về (1) một sát thủ hoặc (2) một quán án nhận hối lộ là người đã xử tử một người khác.

## **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:26**

**<sup>26</sup>" Đấng rửa sả thay kẻ nào không giữ các lời của luật pháp này để làm theo! Cả dân sự phải đáp: Amen."**

**27:26 “Đấng rửa sả thay kẻ nào không giữ các lời của luật pháp này”** Đây là câu tóm lại tương tự như phần kết của Mười Điều Răn. Nó được trích lại bởi Phao-lô trong Ga-la-ti 3:10.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao Môi-se lại được đề cập đến trong ngôi thứ ba?
2. Tại sao tầm quan trọng vĩ đại này lại được trao cho Si-chem (Ngọn Ga-ri-xim)?
3. Tại sao những phước hạnh lại không được đề cập đến cùng với sự rửa sả?

# PHỤC TRUYỀN 28

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Phước Hạnh của Sự Vâng Phục	Kết luận của Môi-se Bài Giảng Thứ Hai	Sự Phước Hạnh của Sự Vâng Lời	Những Phước Hạnh Được Hứa Trước
28:1-14	28:1-2 28:3 28:4 28:5 28:6 28:7-14	28:1-2 28:3 28:4 28:5 28:6 28:7 28:8 28:9-14	28:1-2 28:3-8      28:9-14
Sự Rửa Sà của Sự Không Vâng Phục		Hậu Quả của Sự Không Vâng Phục	Những Sự Rửa Sà
28:15-19	28:15 28:16 28:17 28:18 28:19	28:15 28:16 28:17 28:18 28:19	28:15 28:16-19
28:20-46	28:20-24 28:25-44	28:20-24 28:25-29	28:20-26  28:27-29a 28:29b-35
		28:30-35 28:36-37 28:38-42 28:43-44	28:36-37 28:38-42 28:43-44
	28:45-46	28:45-52	28:45-46  Về Chiến Tranh và Sự Lưu Đày Sẽ Đến
28:47-57	28:47-57	28:53-57	28:47-48 28:49-57
28:58-63	28:58-63	28:58-63	28:58-62a 28:62b-68
28:64-68	28:64-68		

## **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dũi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### **NGHIÊN CỨU BỐI CẢNH**

Đây là một phần của một đơn vị văn học, đoạn 27-28, vốn thường được đề cập đến như là phần “sự rửa sả và ban phước” của Giao Ước.

- A. Tôi nghĩ rằng cả Cựu Ước có thể được xem như là hậu quả của sự bất lực của Y-sơ-ra-ên trong việc thực hiện các điều khoản của Giao Ước, và vì vậy, đã bị viếng thăm bởi những lời rửa sả trong 27:15-26; 28:15-68.
- B. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn Y-sơ-ra-ên trở nên một ông dẫn dắt khải cho cả thế giới đến và biết Ngài. Ngài muốn ban phước cho Y-sơ-ra-ên để có thể thu hút được sự chú ý của các quốc gia và qua đó có thể kéo các quốc gia đến với Ngài. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuận Túc Tin Lành của Bob tại 4:6.
- C. Sự rửa sả dành cho sự không vâng phục xuất hiện nhiều lần hơn số lượng của những phước hạnh được hứa trước.  
Cùng một cấu trúc song hành là những hiệp ước của khi vực cổ đại Cận Đông (hãy xem quyển, *Treaty of the Great Kings: The Covenant Structure of Deuteronomy* được viết bởi Meredith G. Kline và quyển, *Cracking Old Testament Codes*, được viết bởi D. Brent Sandy and Ronald L. Giese, Jr., ở trang 125-128.
- D. phần sự rửa sả và phước hạnh thì song hành với Lê Vi Ký 26.
- E. Đây là bài giảng thứ hai của Môi-se (đoạn 5-28). Bài giảng đầu tiên nhìn lại về ân điển và quyền năng cất Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và sự hiện diện và chu cấp của Ngài xuyên suốt khoảng thời gian họ lang thang trong hoang mạc.  
Bài giảng thứ hai tập chú về ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho dân tộc Y-sơ-ra-ên tại Đất Hứa. Ngài thiết lập sự khác biệt của Y-sơ-ra-ên để từ đó có thể bày tỏ chính Ngài cho cả thế gian.  
Bài giảng thứ ba (đoạn 29-32) thực hiện sự làm mới giao ước và khẳng định về sự trung thành và vâng lời đối với chỉ một mình ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mà thôi.



**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:1-2**

**<sup>1</sup>" Nếu người nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người cách trung thành, cẩn thận làm theo mọi điều răn của Ngài, mà ta truyền cho người ngày nay, thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ ban cho người sự trở hơn mọi dân trên đất. <sup>2</sup> Nếu người nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, nầy là mọi phước lành sẽ giáng xuống trên mình người: "**

**28:1,2,9,13 “Nếu người”** Điều này chỉ về tính chất điều kiện rất rõ của Bộ Luật Môi-se và về nội dung này, tất cả những giao ước Cựu Ước (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Giao Ước tại 4:13) ngoại trừ với Nô-ê ( Sáng 9:8-17). Khía cạnh điều kiện này cũng được nhìn thấy trong Tân Ước ( Mác 1:15; Công Vụ 20:21 và Ê-phê-sô 2:8-9 và câu 10). Mệnh đề “nếu người sẽ ...Ta sẽ” bản chất của giao ước chỉ rõ sự đáp ứng cần thiết được kỳ vọng về phía của người tin theo. Thảm kịch của con người sa ngã không thể và sẽ không làm theo hoặc thực hiện, vì thế, Cựu Ước đòi hỏi nhu cầu cho một Tân Ước ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-32; Ga-la-ti 3:15-29).

**28:1,2,13 “nghe theo... cách trung thành, cẩn thận làm theo mọi điều răn của Ngài”** CỤM ĐỘNG TỪ đầu tiên “vâng lời cách sốt sắng” là một NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của một từ gốc chung (BDB 1033, KB 1570), vốn là một cách chỉ sự nhấn mạnh ngữ pháp. Điều này được theo sau bởi hai *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP:

1. “cẩn thận” - BDB 1036, KB 1581
2. “làm” - BDB 793, KB 889

Cần phải chỉ ra rằng quan hệ giao ước đang xảy ra của những người tin theo với Đức Chúa Trời được tác động bởi sự vâng lời của họ trong ánh sáng và lẽ thật mà họ có và sống.

} “mọi điều răn” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

} “mà ta truyền cho người ngày nay” ĐỘNG TỪ này (BDB 845, KB 1010, *Piel* ĐỘNG TÍNH TỪ) được lặp lại xuyên suốt qua phân đoạn này ( trong những câu 1,8,13,15,45). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là toàn năng. Ngài luôn luôn đặt những giới hạn và nội dung của giao ước và bắt đầu những sự tương tác với con người.

**28:1 “Đức Chúa Trời của anh em sẽ làm cho anh em trở vượt mọi dân tộc trên đất nầy”** Mục đích của sự nâng lên này là sự mặc khải ( 26:19; 28:13)! Đức Chúa Trời muốn kéo cả thế giới đến với Ngài thông qua Y-sơ-ra-ên ( Sáng 12:3; 22:18; Xuất 19:5- 6). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob tại 4:6.

**28:2 “Mọi phước lành”** Từ này (BDB 139) lên hệ với từ gốc “quỳ” (BDB 138). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đề nghị sự lựa chọn với Y-sơ-ra-ên ( 11:26-31; 30:1,19). Sự tuân theo những yêu cầu giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ xác định số phận của họ!

} “sẽ giáng trên anh em” Cụm từ thành ngữ này (BDB 97, KB 112, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) được sử dụng ở đây dành cho sự ban phước, nhưng trong câu 15 dành cho những sự rủa sả.

} “bắt kịp” ĐỘNG TỪ này (BDB 673, KB 727, *Hiphil*) được sử dụng cho:

1. phước hạnh, sự theo đuổi , và sự bắt kịp Y-sơ-ra-ên bởi vì sự vâng lời của họ, trong câu 2
2. sự rủa sả , sự đeo đuổi, và sự bắt kịp Y-sơ-ra-ên bởi vì sự bất tuân của họ, trong những câu 15,45

} “nghe theo (vâng lời)” Trong câu 1 từ này (BDB 1033, KB 1570) là một sự tăng cường ý nghĩa *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Ở đây nó là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH ( những câu 15,49; 30:10,12,13,17; 31:12) và in ở trong những câu 45, 62 là một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (30:8).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 27:19**

**<sup>19</sup>" Đàng rửa sạch thay người nào làm công vạ pháp chánh của khách lạ, kẻ mồ côi, và người góa bụa!  
Cả dân sự phải đáp: A-men."**

**28:3** “Người sẽ được phước trong thành, và được phước ngoài đồng ruộng” Đây là một cách diễn đạt theo nghĩa bóng về phước hạnh phổ quát ( câu 4-6, 8).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:4**

**<sup>4</sup>" Bông trái của thân thể người, hoa quả của đất ruộng người, sản vật của sinh súc người, luôn với lúa để của bò cái và chiên cái người, đều sẽ được phước."**

**28:4** “Bông trái của thân thể người hoa quả ... đàn gia súc người ...lúa để của bò cái và chiên cái người, đều sẽ được phước” Bầy gia súc và con cái nhiều và khỏe mạnh là dấu chỉ của sự thịnh vượng và giàu có. Người nam với những gia đình lớn, những bầy súc vật lớn, là một được được ban phước bởi Đức Chúa Trời ( 7:13; 28:4,11; 30:9). Đây là những dấu chỉ vật chất của những phước hạnh của Đức Chúa Trời ( Sáng 1:22,28).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:5**

**<sup>5</sup>" cái giỏ và thùng nhồi bột của người đều sẽ được phước! "**

**28:5** “cái giỏ... được phước” Cái giỏ được sử dụng để mang trái cây hay ngũ cốc ( 26:2). Điều này nói về sự thịnh vượng trong nông nghiệp.

**}** “thùng nhồi bột ...được phước” Đây là cái thùng được sử dụng để chuẩn bị thức ăn cho gia đình (bánh hằng ngày). Đây là một cách để nói, “sẽ luôn luôn có thức ăn ở trên bàn.” Sự trái ngược được đề cập trong câu 17.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:6**

**<sup>6</sup>" Người sẽ được phước trong khi đi ra, và sẽ được phước trong khi vào. "**

**28:6** “Người sẽ được phước trong khi đi ra, và sẽ được phước trong khi vào” Đây là một thành ngữ Hê-bơ-ơ (31:2; Thi 121:8; Ê-sai 37:28) dành cho một đời sống phước hạnh trong tất cả các lĩnh vực ( trái ngược với câu 19).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:7-14**

**<sup>7</sup>" Đức Giê-hô-va sẽ làm cho kẻ thù nghịch dấy lên cùng người bị đánh bại trước mặt người; chúng nó sẽ do một đường ra đánh người, rồi do bảy đường chạy trốn trước mặt người. <sup>8</sup> Đức Giê-hô-va sẽ khiến phước lành ở cùng người tại trong kho lúa và trong các công việc của người; Ngài sẽ ban phước cho người trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người. <sup>9</sup> Nếu người gìn giữ những điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và đi theo đường lối Ngài, thì Đức Giê-hô-va sẽ lập người làm một dân thánh cho Ngài, y như Ngài đã thề cùng người; <sup>10</sup> muôn dân của thế gian sẽ thấy rằng người được gọi theo danh Đức Giê-hô-va, và chúng nó sẽ sợ người. <sup>11</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ làm cho người được của cải nhiều dư dật, khiến cho hoa quả của thân thể người, sản vật của sinh súc, và bông trái của đất ruộng người được sanh nhiều thêm trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề cùng các tổ phụ người để ban cho người. <sup>12</sup> Đức Giê-hô-va sẽ vì người mở trời ra, là kho báu của Ngài, đặt cho mưa phải thì giáng xuống đất, và ban phước cho mọi công việc của tay người. Người sẽ cho nhiều nước vay, còn người không vay ai. <sup>13-14</sup> Nếu người nghe theo các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà ngày nay ta truyền cho người**

**gìn giữ làm theo, và nếu không lia bỏ một lời nào ta truyền cho người ngày nay, mà xây qua bên hữu hoặc bên tả, đặng đi theo hầu việc các thần khác, thì Đức Giê-hô-va sẽ đặt người ở đằng đầu, chớ chẳng phải đằng đuôi, người sẽ ở trên cao luôn luôn, chớ chẳng hề ở dưới thấp."**

**28:7 “kẻ thù nghịch”** ĐỘNG TÍNH TỪ này (BDB 33, KB 38 *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ) được sử dụng tám lần trong đoạn này (trong các câu 7,25,31,48,53,55,57,68). Nó chỉ về hành động thù địch của một người hoặc một nhóm người nghịch lại một người hoặc nhóm người. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hứa Ngài sẽ là kẻ thù của kẻ thù người Y-sơ-ra-ên (Xuất 23:22), nhưng bởi vì sự không vâng phục giao ước Ngài giờ đây trở thành kẻ thù của Y-sơ-ra-ên!

Nếu Y-sơ-ra-ên vâng phục, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ chiến đấu với những kẻ thù của họ (30:7; 33:27-29).

} **“phải theo bầy đường mà chạy trốn khỏi anh em”** Thành ngữ này chỉ về sự rút lui kinh hoàng, hỗn loạn của kẻ thù của Y-sơ-ra-ên (trong các câu 20, 25). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Con Số Biểu Tượng trong Kinh Thánh tại 23:3.

**28:8 “phước lành đến với. . . trong kho lúa”** Câu này chỉ về kho dự trữ lương thực (Châm Ngôn 3:10). Sau này Do Thái Giáo nói rằng điều này chỉ về sự ban phước một cách bí mật của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho một người.

} **“trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em”** Điều này quay lại với lời hứa dành cho Áp-ra-ham trong Sáng 12:1-3. Vùng đất là lời hứa đặc biệt của Đức Chúa Trời đã được ứng nghiệm trong cuộc Xuất Hành/ chinh phục đất hứa.

**28:9 “Đức Giê-hô-va sẽ lập anh em”** ĐỘNG TỪ này (BDB 877, KB 1086, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) căn bản có nghĩa là “lập nên, dấy lên” Câu này được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau trong Phục Truyền ở thể *Hiphil* (ví dụ, [1] xác quyết một giao ước, 8:18; [2] lập nên theo ý muốn, 18:15,18; [3] đỡ dậy gia súc bị ngã, 22:4; và [4] dựng lên những bia đá ghi nhớ, 27:3). Ở đây nó được sử dụng theo nghĩa bóng của từ “lập,” giống như trong 25:7 và 29:13.

} **“một dân thánh”** Từ “thánh” có nghĩa là “biệt riêng ra cho chức vụ của Đức Chúa Trời” (BDB 871 and 872, Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 5:12, Xuất 19:5-6). Y-sơ-ra-ên đã phải là một vương quốc thầy tế lễ để mang tất cả các quốc gia đến cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

} **“đi theo”** Đây là ẩn dụ cho cách sống đức tin và thuận phục (5:33; 8:6; 10:12; 11:22; 19:9; 26:17; 30:16).

**28:10 “Mọi dân tộc trên địa cầu sẽ thấy rằng anh em được mang danh Đức Giê-hô-va”** Cụm từ “được gọi bởi danh của Đức Giê-hô-va” (BDB 894, KB 1128, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về sự sở hữu trên Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (II Sa-mu-ên 6:2; Ê-sai 43:7; Giê-rê-mi 7:10-12; 14:9; 15:16; 32:34; Đa-ni-ên 9:18,19; A-mốt 9:12).

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn Y-sơ-ra-ên trở nên một nguồn mặc khải đến cho cả thế giới đến để biết Ngài. Ngài muốn ban phước cho Y-sơ-ra-ên để đạt được sự chú ý của các quốc gia và qua đó có thể thu hút các quốc gia đến với Ngài (câu 25, 37). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:6.

} **“sợ anh em”** Những phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cả trên những lĩnh vực dân sự và quân sự, đều gây nên sự sợ hãi/ kính nể (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 7:19; 17:13) về bộ phận của những người mê tín ngoại giáo của những quốc gia lân cận.

Y-sơ-ra-ên không được sợ hãi (BDB 431, KB 432) bởi vì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã ở với họ, đứng về phía họ, và chiến đấu cho họ (1:21,29; 3:2,22; 7:18; 20:1,3; 31:6,8).

**28:11** Đây là câu tổng kết lại của sự phước hạnh của Đức Chúa Trời dành cho một dân tộc vâng phục giao ước (ví dụ, 11:14).

**28:12 “kho báu từ trời của Ngài”** Điều này (BDB 373 II và 69) là một biểu tượng cho thiên đàng và mưa (những câu 23-24; Thi 85:12; Ma-la-chi 3:10). Đây có lẽ là một sự chỉ đến cách chế nhạo dành cho sự thờ phượng thần *Ba-anh*. *Ba-anh* là vị thần của sự thịnh vượng (ví dụ, mưa, ICác Vua 17-18) của người Ca-na-an. Dầu vậy, rõ ràng

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng chu cấp tất cả những phước hạnh dành cho dân sự của Ngài ( câu 47; 11:14; Lê-vi Ký 26:4).

✂ **“ban mưa đúng mùa trên đất đai anh em”** ĐỘNG TỪ này (BDB 678, KB 733) được sử dụng thường xuyên trong đoạn này để chỉ về những món quà giao ước phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( trong các câu 1,7,8,11,12,13).

Không chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ mở các cửa sổ trên trời và ban mưa, nhưng Ngài sẽ thực hiện điều đó trong thời gian phù hợp (mưa sớm và mưa muộn, vào thời điểm gieo trồng và thời điểm mùa vụ chín).

✂ **“Anh em sẽ cho nhiều dân tộc vay nhưng anh em không vay mượn ai cả”** Đây là một dấu chỉ khác của phước hạnh của Đức Chúa Trời rằng họ đã có sự tích trữ để cho vay ( 23:20)! Những hậu quả của sự không vâng lời là trái ngược cách sắc sảo trong câu 44!

**28:13** Câu này có hai thành ngữ về sự thịnh vượng và quyền lực:

1. là đầu chứ không phải là đuôi (đứng đầu chứ không phải đứng chót)
2. anh em sẽ luôn ở trên chóp chứ không ở dưới đáy

Nhưng chú ý yếu tố điều kiện. Thành ngữ tương tự được sử dụng trong câu 1, “vâng giữ theo cách cẩn thận” (hai NGUYỄN MÃU DẠNG TỪ GHÉP). Sự đảo nghịch bởi sự không vâng phục được nhìn thấy trong câu 44.

**28:14 “không quay sang bên phải hoặc bên trái”** Cụm từ này được sử dụng theo nghĩa đen trong Dân Số Ký 20:17; 22:26; Phục 2:27, nhưng thường thì nó là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho “bất kỳ sự chệch hướng khỏi chuẩn mực hoặc con đường được đánh dấu một cách cẩn thận chính là tội lỗi” ( 5:32; 17:11,20; Giô-suê 1:7; 23:6; II Các Vua 22:2). Chú ý ở đây, tội thờ hình tượng được đề cập cách cụ thể ( 5:7-9; 27:15; Xuất 20:23; 34:17).

✂  
**NASB, NRSV** “mà tôi truyền cho anh em hôm nay”  
**NKJV** “mà tôi truyền cho anh em ngày nay”  
**TEV**  
**NJB** “những lời mà tôi đã đặt xuống trước anh em hôm nay”

Cụm từ này có vẻ chỉ về một ngày đặc biệt của việc ban luật pháp ( những câu 1,13,14,15). Tuy nhiên, 'olam có thể chỉ đến một khoảng thời gian. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:40. Lý do dành trả lời câu hỏi chính xác là những gì “cuốn sách” trong những câu 58 và 61 chỉ về?:

1. cả sách Phục Truyền
2. một bài giảng của Môi-se trong Phục Truyền
3. một phần lớn hơn của bộ luật bao gồm những phần ở trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê Vi Ký, và Dân Số Ký

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:15**

**15**“Nhưng nếu người không nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, không cẩn thận làm theo các điều răn và luật pháp của Ngài mà ta truyền cho người ngày nay, thì nầy là mọi sự rửa sả sẽ giáng xuống trên mình người và theo kịp người:”

**28:15-37** Phần về những sự rửa sả không yêu cầu một sự giải nghĩa theo nghĩa đen.. Đúng hơn, chúng có mục đích xây dựng một sự ấn tượng của sự thảm họa. Sự tàn lụi theo nhiều cách sẽ theo sau nếu sự không vâng phục xảy ra. Nó là một cách để xây dựng nên tư duy về những gì sẽ xảy ra nếu như Y-sơ-ra-ên vi phạm luật pháp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

**28:15 “cẩn thận làm theo”** Đây chính là là dạng ngữ pháp và thuật ngữ được tìm thấy trong câu 1,13; 32:46. Những dạng tương tự được tìm thấy trong 28:58 và 29:8. Sự vâng phục là cốt yếu. Sự vâng phục là nền tảng của luật pháp, nhưng nó được tuôn đổ ra cách tự nhiên! Luật pháp được hình thành trong tình yêu và sự toàn năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng sự tiếp tục và sự kết quả của nó được gìn giữ và duy trì bởi sự vâng lời. Nếu các người yêu mến ta, hãy vâng giữ những mạng lệnh của ta!

} “các điều răn và luật pháp của Ngài” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:1.

} “những sự rửa sả” Đây là thể DANH TỪ từ gốc “trở nên nhỏ” (BDB 886-887, 27:15-26, 28:15-68). Những sự rửa sả này có mục đích khiến cho Y-sơ-ra-ên quay lại với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

} “theo kịp” Hãy xem ghi chú tại câu 2.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:16**

<sup>16</sup>“Người sẽ bị rửa sả ở trong thành và ngoài đồng ruộng.”

**28:16-19** Những câu Kinh Thánh này song hành với nhau cách hoàn toàn. Các câu 3-6 là những phước hạnh; các câu 16-19 là những sự rửa sả.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:17**

<sup>17</sup>“cái giỏ và thùng nhồi bột của người cũng bị rửa sả,”

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:18**

<sup>18</sup>“hoa quả của thân thể người, bông trái của đất ruộng người, luôn với lúa để của bò cái và chiên cái người, đều sẽ bị rửa sả!”

**2:18**

NASB, NJB “hậu tỵ của thân thể người”

NKJV “bông trái của thân thể người”

NRSV “bông trái của tử cung người”

TEV “con cái”

Cụm từ theo nghĩa đen là, “bông trái của tử cung người.” Nhiều con cái khỏe mạnh và hạnh phúc là một trong những phước hạnh (những câu 4, 11), nhưng sự không vâng phục mang lại sự đảo ngược lời hứa giao ước!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:19**

<sup>19</sup>“Người sẽ bị rửa sả khi đi ra và lúc đi vào.”

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:20-24**

<sup>20</sup> Vì cố người làm điều ác, và lia bỏ Đức Giê-hô-va, nên trong mọi công việc người bắt tay làm, Ngài sẽ khiến giáng cho người sự rửa sả, kinh khủng, và hãm dọa cho đến chừng nào người bị hủy diệt và chết mất vội vàng. <sup>21</sup> Đức Giê-hô-va sẽ khiến ôn dịch đeo đuổi người cho đến chừng nào nó diệt người mất khỏi đất mà người sẽ vào nhận lấy. <sup>22</sup> Đức Giê-hô-va sẽ lấy bệnh lao, bệnh nóng lạnh, bệnh phù, sự nắng cháy, sự hạn hán, binh đao, và sâu lúa mà hành hại người, khiến cho các nô đớ đuổi theo người cho đến khi người bị chết mất. <sup>23</sup> Các tầng trời ở trên đầu người sẽ như đồng, và đất dưới chân người sẽ như sắt. <sup>24</sup> Thay vì mưa, Đức Giê-hô-va sẽ khiến cát và bụi từ trời sa xuống trên đất người, cho đến chừng nào người bị hủy diệt.”

**28:20** “kinh khủng” Đây là một từ (BDB 223) đượ sử dụng cho đánh bại trong chiến trận ( 7:23). Nó trái ngược với câu 7 và câu 25. Sự rối loạn này sẽ ở trên Y-sơ-ra-ên nếu họ không vâng lời Đức Chúa Trời.

} “hãm dọa” Từ này (BDB 172) đượ tìm thấy chỉ ở đây trong Tân Ước.

} “cho đến chừng nào người bị hủy diệt và chết mất vội vàng” Chú ý sự song hành:

1. “bị hủy diệt” - BDB 1029, KB 1552, *Niphal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 4:26; 6:15
2. “chết mắt” - BDB 1, KB 2, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, Lê-vi Ký 26:38; Phục 4:26; 8:19-20; 11:17; 30:18-20; Giô-suê 23:13,16 kèm theo TRẠNG TỪ “cách vôi vàng” (BDB 555 II)

✂ **“Vì có người làm điều ác, và lia bỏ Đức Giê-hô-va”** Chú ý rằng sự chệch hướng khỏi những mạng lệnh được xem như là lia bỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

**28:21 “dịch bệnh”** Từ này chỉ về (BDB 184) một tai vạ ( Lê-vi Ký 26:25; Dân Số Ký 14:12) giống như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã sai đến trên Ai Cập ( Xuất 5:3; 9:15).

✂ **“bám đuôi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 179, KB 209, *Hiphil*) ở thể THÊ MỆNH LỆNH. Sự phán xét của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đeo đuổi theo sát họ cho đến khi nó hoàn thành nhiệm vụ của nó (“thieu đốt người,” BDB 477, KB 476, *Piel* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP).

Từ này được sử dụng cho những gì Y-sơ-ra-ên phải làm cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (bám lấy Ngài, 10:20; 11:22; 30:20).

**28:22 “gương”** Chú ý danh sách những điều ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ sai đến nghịch cùng một Y-sơ-ra-ên bội nghịch:

1. bệnh lao phổi (BDB 1006, Lê-vi Ký 26:16), một bệnh dịch về phổi
2. bệnh sốt (BDB 869, Lê-vi Ký 26:16)
3. bệnh phù (BDB 196)
4. nắng thiêu đốt (BDB 359, #2,3, và 4 đều liên quan đến sức nóng; điếm này có vẻ chỉ về những tình trạng hạn hán, NRSV)
5. gương (BDB 352)
6. sự tàn lụi (BDB 995, bệnh than ở trên mùa màng, I Các Vua 8:37; II Sử ký 6:28; A-mốt 4:9)
7. mớ meo (BDB 439, I Các Vua 8:37; II Sử ký 6:28; A-mốt 4:9; A-gê 2:17; từ này có nghĩa là “màu xanh lá,” vì vậy, có nghĩa là “mớ meo màu xanh lá”)

Cả con người và nông nghiệp đều sẽ chịu đau khổ và tàn lụi! Chú ý con số biểu tượng của sự khốn khổ (số bảy; trong đoạn này cũng có bảy phước hạnh được liệt kê). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 23:3.

**28:23 “sắt”** Sắt thường là một ẩn dụ cho những sự khó khăn:

1. đất đai sẽ không sinh bông trái, bởi vì không có mưa nên nó chuyển thành cứng như kim loại, trong câu 23, Lê-vi Ký 26:19
2. ách bằng sắt được kê vào cổ của Y-sơ-ra-ên, trong câu 48
3. Ai Cập như là một lò lửa bằng sắt của sự khốn khổ, 4:20

#### DOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:20-24

<sup>25</sup> “Đức Giê-hô-va sẽ khiến anh em bị kẻ thù đánh bại. Anh em sẽ từ một đường kéo ra đánh chúng, rồi phải theo bảy đường chạy trốn khỏi chúng. Anh em sẽ trở thành một thứ ghê tởm đối với mọi vương quốc trên đất. <sup>26</sup> Xác chết của anh em sẽ làm thức ăn cho chim trời và thú vật trên đất mà chẳng ai xua đuổi chúng đi.”

**28:25 “Người sẽ do một đường ra đánh chúng nó, rồi do bảy đường chạy trốn trước mặt chúng nó”** Đây là một ẩn dụ mô tả về kế hoạch quân sự của Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên hoàn toàn vô dụng. Bảy là con số biểu tượng cho “sự hoàn hảo.” Y-sơ-ra-ên sẽ phải bỏ chạy cách toàn diện. Lời hứa về “cuộc thánh chiến” đã bị đảo ngược!

✂ **“người sẽ xô đũa dây đó trong (trở thành một ví dụ của sự kinh hoàng dành cho) khắp các nước của thế gian”** Y-sơ-ra-ên được sử dụng bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để bày tỏ về chính mình Ngài cho cả thế giới; dù là theo cách tích cực (những phước hạnh) hoặc tiêu cực (những sự rửa sả, câu 37; II Sử ký 29:8; Giê-rê-mi 15:4). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn sử dụng Y-sơ-ra-ên để vươn đến cả nhân loại (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob tại 4:6). Đây chính là mặt trái của những mục đích của Ngài!

**28:26 “Xác chết của anh em sẽ làm thức ăn”** Đối với Y-sơ-ra-ên nó là một bi kịch khủng khiếp khi không được chôn cất và vì vậy bị cắn xé thành từng mảnh bởi thú vật ( I Sa-mu-ên 17:44-46). Bởi vì sự đề cập đến “chim chóc,” nhiều người nghĩ rằng đây là một sự đề cập lai thể học ( Ê-sai 18:14; Giê-rê-mi 7:33; 16:4; 19:7; 34:20; Ê-xê-chi-ên 29:5; 32:4; 39:4).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:27-37**

<sup>27</sup> Đức Giê-hô-va sẽ giáng cho người ghê chốc của xứ Ê-díp-tô, trĩ lậu, ghê ngứa, và lác, mà người không thể chữa lành; <sup>28</sup> lại giáng cho người sự sưng sốt, sự đui mù, và sự lẳng trí; <sup>29</sup> đương buổi trưa, người sẽ đi rờ rờ như kẻ mù trong tối tăm; người không được may mắn trong công việc mình, hằng ngày sẽ bị hiếp đáp và cướp giết, chẳng ai giải cứu cho. <sup>30</sup> Người sẽ làm lễ hỏi một người nữ, nhưng một người nam khác lại nằm cùng nàng; người cất một cái nhà, nhưng không được ở; người trồng một vườn nho, song không được hái trái. <sup>31</sup> Con bò người sẽ bị giết trước mặt người, song người không được ăn thịt nó; lừa người sẽ bị ăn cắp hiện mắt người, nhưng không ai trả nó lại; chiên người sẽ bị nộp cho kẻ thù nghịch, nhưng người không có ai giải cứu nó. <sup>32</sup> Các con trai và con gái người sẽ bị nộp cho dân ngoại bang có mắt người thấy, hằng ngày hao mòn vì trông mong chúng nó; song tay người không còn sức cứu vớt. <sup>33</sup> Một dân tộc mà người chưa hề biết sẽ ăn lấy thổ sản và mọi công lao của người; người sẽ bị hiếp đáp và giày đạp không ngớt, <sup>34</sup> trở nên điên cuồng vì cảnh tượng mắt mình sẽ thấy. <sup>35</sup> Đức Giê-hô-va sẽ giáng cho người một thứ ung độc tại trên đầu gối và chân, không thể chữa lành được, tự bàn chân chỉ chót đầu. <sup>36</sup> Đức Giê-hô-va sẽ dẫn người và vua mà người đã lập trên mình, đến một nước mà người và tổ phụ người chưa hề biết. Ở đó, người sẽ hầu việc các thần khác bằng cây, bằng đá; <sup>37</sup> trong các dân tộc mà Đức Giê-hô-va sẽ dẫn người đến, người sẽ thành một sự kinh hãi, tục ngữ, và tiêu đàm."

**28:27 “ghê chốc của xứ Ê-díp-tô”** Chú ý danh sách của những tai vạ và những nan đề (những tai vạ của Ai Cập và sự đảo ngược của những phước hạnh giao ước) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giáng trên Y-sơ-ra-ên nếu họ không vâng phục giao ước của Ngài. Đối với những ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều (ví dụ, Lu-ca 12:48).

1. NASB, NKJV, NRSV, TEV “ghê chốc,” trong những câu 27,35  
 NJB “Những lở loét Ai Cập”  
 JPSOA “sự viêm nhiễm”  
 BDB 1006, Xuất 9:9-11. Nó chỉ đến những loại áp-xe viêm nhiễm.
2. NASB, JPSOA “những chỗ sưng tấy,”  
 trong câu 27 NKJV “bệnh trĩ”  
 NRSV “ung nhọt”  
 TEV “chỗ đau nhức nhối”  
 NJB “chỗ sưng lên ở háng”  
 BDB 779 II, I Sa-mu-ên 5:6,9,12. Nhiều học giả đã giải nghĩa điều này là triệu chứng của tai vạ (ví dụ, bệnh sưng hạch bạch huyết, những vùng (da) tối màu, sưng lan rộng, I Sa-mu-ên 5:9-6:17, vón, hàm ý, liên đới nó với chuột)
3. NASB, NKJV “ghê ngứa,” câu 27  
 NRSV, NJB “bệnh scurvy (là một bệnh do thiếu hụt vitamin C)”  
 JPSOA “ung nhọt có sẹo”  
 BDB 173, Lê-vi Ký 21:20; 22:22
4. NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB “bệnh ngứa ngứa,” câu 27  
 BDB 360 III. Từ này được dùng ở đây trong Cựu Ước và chỉ về sự ngứa ngứa da gây nên bởi ve bọ (NIDOTTE, quyển 2, trang 278).
5. NASB, NKJV, NRSV, NJB “bị điên khùng,” những  
 TEV “bị mất trí”  
 BDB 993, Xa-cha-ri 12:4

6. NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB “mù lòa, trong những câu 28,29  
BDB 734, Ca Thương 4:14; Sô-phô-ni 1:17
7. NASB “tâm lòng hoang mang bối rối,” câu 28  
NKJV “tâm lòng hỗn loạn”  
NRSV “tâm trí hỗn loạn”  
TEV “sự hỗn loạn”  
NJB “sự quẫn trí”  
BDB 1069, Xa-cha-ri 12:4
8. NASB, NKJV “bị ức hiếp... thường xuyên,” câu 29  
NRSV “thường xuyên bị hạnh hạ”  
TEV “bị áp bức liên miên”  
NJB “bị bóc lột”  
BDB 798, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG, Lê-vi Ký 6:2
9. NASB, TEV “bị cướp bóc liên tiếp,” câu 29  
NKJV “bị cưỡng đoạt”  
NRSV “bị cướp bóc thường xuyên”  
NJB “bị cưỡng đoạt”  
BDB 159, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG, Lê-vi Ký 6:2
10. NASB “vợ người ... bị xâm phạm,” câu 30 NKJV,  
NRSV “nằm với cô ta”  
BDB 993, KB 1415, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
11. nhà người kẻ khác sẽ ở, câu 30
12. vườn nho người sẽ bị kẻ khác thương thức, câu 30
13. bầy gia súc của người sẽ bị kẻ khác đoạt mất, câu 31
14. các con người sẽ bị đoạt mất, câu 32
15. mùa màng người sẽ được trao cho kẻ khác, câu 33
16. công sức lao động người sẽ bị hưởng thụ bởi kẻ khác, câu 33
17. NASB, NKJV “bị áp bức,” câu 33 NRSV  
“bị hạnh hạ”  
TEV “áp bức”  
NJB “bị bóc lột”  
BDB 798, KB 897, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG, câu 29; I Sa-mu-ên 12:4; A-mốt 4:1
18. NASB, NKJV, NRSV, NJB “nghiền nát,” câu 33  
TEV “bị đối xử thô bạo”  
BDB 954, KB 1285, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG, I Sa-mu-ên 12:3-4; A-mốt 4:1
19. NASB, NKJV, NRSV, NJB “khiến phát điên,” câu 34  
TEV “khiến người mất trí”  
BDB 993, KB 1415, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ, câu 30
20. NASB “đánh người. . . với những ung nhọt đau nhức,”  
NKJV “đánh người. . . với những ung nhọt nhối”  
NRSV “đánh người. . . với những ung nhọt đáng rên xiết”  
TEV “sẽ che phủ người. . . với những ung nhọt nhức”  
NJB “hạ người xuống với những vết thương lở loét”



21. vua của người sẽ bị hạ xuống và thay thế bởi những kẻ cầm quyền ngoại bang, câu 36
22. người sẽ phục vụ những thần ngoại bang, câu 36
23. người sẽ trở thành:

**a.**

NASB “một sự kinh hoàng,” câu 37  
NKJV “một sự kinh ngạc”  
NRSV “đối tượng của sự kinh hoàng”  
NJB “một sự kinh ngạc”  
BDB 1031 I, II Các Vua 22:19; Giê-rê-mi 5:30; 25:9,11,18,38; 29:18; 42:18; 44:12,22; 49:13,17; 50:23; 51:37,41

**b.**

NASB, NKJV, NRSV “một châm ngôn,” câu 37  
NJB “lời đàm tiếu”  
BDB 605, I Các Vua 9:7; Giê-rê-mi 24:9

**c.**

NASB “sự mắng nhiếc,” câu 37  
NKJV, NRSV “một chủ đề đàm tiếu”  
NJB “sự giễu cợt”  
BDB 1042, I Các Vua 9:7; Giê-rê-mi 24:9

24. NASB “Đức Giê-hô-va sẽ đuổi người”  
NKJV, NRSV “Đức Giê-hô-va sẽ dẫn người”  
NJB “Đức Giê-hô-va sẽ đem người”

ĐỘNG TỪ này (BDB 624 I, KB 675, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng để dẫn dắt gia súc (ví dụ, Xuất 3:1). Nó trở thành một sự ẩn dụ cho (1) đem dân sự đến sự phán xét (ví dụ, 4:27; I Sa-mu-ên 30:2,22; Ê-sai 20:4) hoặc (2) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dẫn dắt như một người chăn chiên chăm sóc (Thi 48:14; 78:26,52; 80:1). Con người sẽ được dẫn dắt (Đấng chăn chiên) hoặc đưa (Đấng phán xét) bởi đức tin vâng lời của họ.

Điều này nhắc nhở họ về tai vạ ghê rợn trên những người Ai Cập (Xuất 9: từ câu 8). Những tai vạ này giờ lại giáng trên Y-sơ-ra-ên bội nghịch (7:15; 28:60,61).

**28:32** Chú ý hoàn cảnh khó khăn tuyệt vọng của những người cha mẹ người Y-sơ-ra-ên:

1. con cái sẽ bị trao cho người khác (BDB 678, KB 733, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG)
2. họ sẽ chứng kiến nó xảy ra (BDB 906, KB 1157, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG)
3. mắt của họ mờ đi trông mong con cái họ hằng ngày (the term, BDB 479, chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây trong Cựu Ước)
4. họ không có năng lực để chấm dứt nó (BDB 34 II, TỪ GHÉP BDB 43)

**28:33 “bị hiếp đáp”** TỪ này được sử dụng thường xuyên dành cho những người giàu có lợi dụng những người nghèo nàn và ruồng bỏ trong xã hội, nhưng ở đây nó được sử dụng cho việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đập vỡ dân sự bội nghịch của Ngài.

**28:35 “từ bàn chân lên đỉnh đầu”** Đây là một ẩn dụ cho sự lan ra của một chứng bệnh mà không thể được chữa lành (Gióp 2:7; Ê-sai 1:5-6).

**28:36 “vua mà người đã lập”** Môi-se nhận ra rằng họ sẽ có một vị vua một ngày nào đó (17:14-20). Người Y-sơ-ra-ên là một xã hội chi tộc. Họ đã không có vua cho đến thời của vua Sau-lơ (I Sa-mu-ên 8).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:38-44**

<sup>38</sup>“ Người sẽ đem gieo nhiều mạ trong ruộng mình, nhưng mùa gặt lại ít, vì sẽ bị cào cào ăn sạch. <sup>39</sup> Người trông nho, song không được uống rượu và không gặt hái chi hết, vì sâu bọ sẽ ăn phá đi. <sup>40</sup> Người sẽ có cây ô-li-ve trong cả địa phận mình, nhưng lại không được xúc dầu, vì cây ô-li-ve sẽ rụng trái. <sup>41</sup> Người sẽ sanh con trai và con gái, nhưng chúng nó không thuộc về người, vì chúng nó sẽ bị bắt làm mọi. <sup>42</sup> Con rầy sẽ ăn hết cây cối và thổ sản của người. <sup>43</sup> Khách lạ ở giữa người sẽ lướt trên người càng ngày càng cao; còn người, lại hạ xuống càng ngày càng thấp: <sup>44</sup> họ sẽ cho người vay, còn người chẳng hề cho vay lại, họ sẽ ở đằng đầu, còn người ở đằng đuôi.”

**28:38-42** Một lần nữa hãy chú ý đến danh sách của những nỗ lực để đạt được sự thịnh vượng của Y-so-ra-ên, nhưng nó bị cản trở bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

Hành Động của họ	Những Hậu Quả
1. gieo thật nhiều giống, câu 38	châu chấu ăn sạch
2. trồng nhiều vườn nho, câu 39	sâu bọ hủy diệt
3. trồng nhiều cây ô-li-ve, câu 40	trái ô-liu sẽ rụng hết
4. có nhiều con cái, câu 41	chúng sẽ bị bắt làm nô lệ
5. nhiều cây cối và hoa màu, câu 42	bọ rầy sẽ ăn sạch

Lời hứa về sự thịnh vượng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã bị phủ định bởi sự không vâng phục giao ước của Y-so-ra-ên!

**28:40 “được xúc dầu”** Dân cư ở khu vực Cận Đông đổ dầu lên mặt họ như là biểu tượng của sự thịnh vượng và niềm vui (ví dụ, Ruth 3:3; II Sa-mu-ên 12:20; 14:2).

**28:43-44** Hai câu này bày tỏ về sự đảo ngược chức năng của người Y-so-ra-ên và những cư dân ngoại bang (những khách lạ, BDB 158):

1. những khách lạ sẽ lướt lên trên người
  - a. (những khách lạ) sẽ càng ngày càng cao (BDB 751)
  - b. người sẽ càng ngày càng thấp (BDB 641) [sự đảo ngược của câu 13]
2. (những khách lạ) sẽ cho người vay [sự đảo ngược của câu 13]
3. (những khách lạ) sẽ ở đằng đầu [sự đảo ngược của câu 13]

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:45-46**

<sup>45</sup>“ Hết thấy những sự chúc rủa sả này sẽ giáng trên người, đuổi người và theo kịp, cho đến chừng nào người bị hủy diệt, bởi vì người không có nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và không giữ các điều răn và luật lệ mà Ngài truyền cho người. <sup>46</sup> Các sự rủa sả này sẽ ở trên mình người và trên dòng dõi người như một dấu kỳ, sự lạ đến đời đời.”

**28:45-48** Chú ý nguyên nhân và hậu quả của những sự đoán phạt giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. nguyên nhân
  - a. Y-so-ra-ên đã không lắng nghe (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) và vâng giữ (BDB 1036, KB 1581, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) những điều răn và luật lệ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 45
  - b. Y-so-ra-ên đã không phục sự (BDB 712, KB 773, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH [hai lần]) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 47:
    - (1) với niềm vui
    - (2) với tấm lòng hân hoan
    - (3) với sự biết ơn về sự dư dật trong tất cả mọi điều

2. hậu quả

a. sự rửa sả

- (1) sẽ giáng trên người, câu 45, BDB 97, KB 112, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
- (2) sẽ đeo đuôi người, câu 45, BDB 922, KB 1191, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
- (3) sẽ đuôi kịp người, câu 45, BDB 673, KB 727, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH
- (4) cho đến khi người bị diệt mất, câu 45, BDB 1029, KB 1552, *Niphal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 4:25-26

b. kẻ thù

- (1) người sẽ hầu việc kẻ thù nghịch, câu 48
  - (a) trong sự đói kém (BDB 944)
  - (b) trong cơn khát (BDB 854)
  - (c) trong sự trần truồng (BDB 735)
  - (d) thiếu thốn tất cả mọi điều
  - (e) đặt ách bằng sắt trên người
  - (f) cho đến khi người bị diệt mất (BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 4:25-26)

28:46 “đòi đòi” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:40.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:47-48**

<sup>47</sup>” Bối trong lúc dư dật mọi điều, người không vui lòng lạc ý phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, <sup>48</sup> cho nên trong lúc đói khát, trong lúc trần truồng, và thiếu thốn mọi điều, người sẽ hầu việc kẻ thù nghịch mà Đức Giê-hô-va sai đến đánh người; họ sẽ tra ách sắt trên cổ người, cho đến chừng nào tiêu diệt người.”

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:49-57**

<sup>49</sup>” Đức Giê-hô-va sẽ từ nơi xa, từ địa cực, khiến dậy lên nghịch cùng người một dân tộc bay như chim ưng, tức là một dân tộc người không nghe tiếng nói được, <sup>50</sup> một dân tộc mặt mày hung ác, không nề vì người già, chẳng thương xót kẻ trẻ; <sup>51</sup> ăn sản vật của súc vật người, hoa quả của đất ruộng người, cho đến chừng nào người bị tiêu diệt; nó không chừa lại ngũ cốc, rượu, dầu, hay là lúa để của bò và chiên người, cho đến chừng nào đã tiêu diệt người đi. <sup>52</sup> Dân đó sẽ vây người trong các thành của cả xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người, cho đến chừng nào những vách cao lớn và vững bền kia mà người nhờ cậy đó, sẽ bị ngã xuống. <sup>53</sup> Trong lúc bị vây, và khi quân nghịch làm cho túng thế cùng đường, người sẽ ăn hoa quả của thân thể mình, tức là ăn thịt của con trai và con gái mình, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người. <sup>54-55</sup> Trong lúc người bị quân nghịch vây tại các thành mình, làm cho cùng đường túng thế, người nam nào nhu nhược và yếu ớt hơn hết trong các người sẽ nói giận anh em mình, vợ yêu dấu và con cái mình còn lại, không chịu cho ai trong bọn đó thịt của con cái mình, mà người sẽ ăn, bởi mình không còn chi hết. <sup>56-57</sup> Trong lúc người bị quân nghịch vây tại các thành mình, làm cho cùng đường túng thế, người nữ nào non nớt và mảnh khảnh hơn hết trong các người, vì sự yếu điệu hay là sự sắc sảo mình, vốn không đặt bàn chân xuống đất, sẽ nhìn giận chồng rất yêu của mình, con trai và con gái mình, bởi cố nhau bực ra từ trong bụng, và những con cái mình sanh đẻ; vì trong cơn thiếu thốn mọi điều, nàng sẽ ăn nhem chúng nó. ”

28:49-57 Những hậu quả của sự không vâng phục được tiếp diễn. Đoạn văn này liệt kê ra những nan đề liên quan đến cuộc chiến vây hãm trong xã hội Cận Đông cổ đại:

1. Cuộc chinh phạt được mô tả:

- a. những kẻ xâm lược được mang đến bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, trong câu 49
- b. một dân tộc xa xôi, câu 49
- c. một dân tộc với quân đội hùng mạnh và mau lẹ, câu 49
- d. một dân tộc với một ngôn ngữ chưa biết, câu 49

- e. một dân tộc không có chút tôn trọng những người họ xâm lược, câu 50
  - f. một dân tộc sẽ cướp hết tất cả những sản vật và bầy gia súc của Y-sơ-ra-ên để làm lương thực, trong câu 51
  - g. một dân tộc sẽ vây hãm tất cả những thành kiên cố của Y-sơ-ra-ên, trong câu 52
2. Những hậu quả dành cho Y-sơ-ra-ên:
- a. họ sẽ chết dần mòn bởi vì thiếu lương thực, câu 51
  - b. Y-sơ-ra-ên sẽ ăn những con trẻ của họ, trong câu 53 ( Lê-vi Ký 26:29) và sẽ thậm chí không chia sẻ loại thức ăn này ( trong câu 57)
  - c. nhu nhược, yếu ớt (BDB 940) những người nam và người nữ sẽ mất đi những tình cảm tự nhiên và gia đình của họ và trở nên thù nghịch, những câu 54,56
  - d. họ thậm chí sẽ không chia sẻ con cái của mình khi ăn, trong câu 57

**28:49 “Đức Giê-hô-va sẽ ...đẩy lên nghịch cùng người một dân tộc”** Câu này chỉ về người A-si-ri ( Ô-sê 8:1) và/hoặc Ba-by-lôn ( Giê-rê-mi 5:15).

**28:50 “không nề-vì người già, chẳng thương xót kẻ trẻ”** Đặc biệt là nhưng người A-si-ri, nhưng kể cả người Ba-by-lôn, sẽ giết những người già (trái ngược với Lê-vi Ký 19:32) và những con trẻ như là một cách bẻ gãy tinh thần của dân chúng trước khi mang họ đi lưu đày ở một vùng xa xôi và mang những người khác đến để sống trong nhà của họ.

**28:51** Trong câu này đất nước xâm lược được mô tả trong những thuật ngữ của một sự hủy diệt hoàn toàn các nguồn tài nguyên tương tự như là những tai vạ cào cào trong sách Giô-ên, A-môt, và Mi-chê.

**28:52** “những vách cao lớn và vững bền kia mà người nhờ cậy đó” Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên nhờ cậy vào (BDB 105, KB 120, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) vào những sự chuẩn bị quân sự của họ ( II Sứ ký 32:7-8)!

**28:53-57 “người sẽ ăn hoa quả của thân thể mình”** Câu này chỉ về tính chất tuyệt vọng của cuộc vây hãm (sự ăn thịt người, Lê-vi Ký 26:29; II Các Vua 6:24-30; Giê-rê-mi 19:9; Ca Thương 2:20; 4:10; Ê-xê-chi-ên 5:10).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 28:58-68**

<sup>58</sup> " Nếu người không cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này, ghi trong sách này, không kính sợ danh vinh hiển và đáng sợ này là *Giê-hô-va Đức Chúa Trời người*, <sup>59</sup> thì Đức Giê-hô-va sẽ giáng cho người và dòng giống người những tai vạ lạ thường, lớn lao và lâu bền, những chứng độc bệnh hung. <sup>60</sup> Ngài sẽ khiến giáng trên người các bệnh hoạn của xứ Ê-díp-tô mà người đã run sợ đó, và nó sẽ đeo dính theo người. <sup>61</sup> Và lại, các thứ chứng bệnh và tai vạ không có chép trong sách luật pháp này, thì Đức Giê-hô-va cũng sẽ khiến giáng trên người, cho đến chừng nào người bị tiêu diệt đi. <sup>62</sup> Số các người vốn đông như sao trên trời, nhưng vì không có nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, nên chỉ sẽ còn lại ít. <sup>63</sup> Hễ Đức Giê-hô-va lấy làm vui mà làm lạnh và gia thêm các người thể nào, thì Đức Giê-hô-va cũng sẽ lấy làm vui mà làm cho các người hư mất và tiêu diệt các người thể ấy. Các người sẽ bị truất khỏi xứ mà mình vào nhận lấy, <sup>64</sup> và Đức Giê-hô-va sẽ tán lạc người trong các dân, từ cuối đầu này của đất đến cuối đầu kia; tại đó, người sẽ hầu việc các thần khác bằng cây và bằng đá mà người cùng tổ phụ người không hề biết. <sup>65</sup> Trong các nước ấy, người không được an tịnh, bàn chân người không được nghỉ ngơi; nhưng tại đó Đức Giê-hô-va sẽ ban cho người một tấm lòng run sợ, mắt mờ yếu, và linh hồn hao mòn. <sup>66</sup> Sự sống người vẫn không chắc trước mặt người; ngày và đêm người hằng sợ hãi, khó liệu bảo tồn sự sống mình. <sup>67</sup> Bởi có sự kinh khủng đầy dẫy lòng người, và bi cảnh mắt người sẽ thấy, nên sớm mai người sẽ nói: Chớ chi được chiều tối rồi! Chiều tối người sẽ nói: Ước gì được sáng mai rồi! <sup>68</sup> Đức Giê-hô-va sẽ khiến người đi tàu trở lại xứ Ê-díp-tô, bởi con đường mà trước ta đã nói: Người không thấy nó nữa; ở đó, người sẽ đem bán mình cho kẻ thù nghịch làm nô và tì, nhưng không có ai mua! "

**28:58-68 “nếu...thì”** Chú ý những bốn phận giao ước và những hậu quả dành cho sự không thuận phục:

- 1. “nếu người”
  - a. “không cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này” (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và BDB 793, KB 889, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)

- b. “không kính sợ danh vinh hiển và đáng sợ này là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” (BDB 431, KB 432, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 4:10; 5:29; 6:2,13,24; 10:12,20; 13:4; 14:23; 17:19; 28:58; 31:12,13)
- c. chú ý những câu 1,13,15,58; 29:9; 31:12; 32:46. Sự vắng phục là then chốt!
2. “thì”
- a. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giáng những tai vạ, trong câu 59
- (1) lạ thường (BDB 810, KB 927, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH)
  - (2) mãnh liệt (BDB 152)
  - (3) lâu dài (BDB 52, KB 63, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH)
  - (4) khôn khéo, (BDB 948)
  - (5) kinh niên (BDB 52, KB 63, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH)
- b. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đem trở lại những tai vạ (BDB 188, 7:15), mà vốn người Y-sơ-ra-ên đã sợ hãi (BDB 388, KB 386, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), trên Ai Cập sẽ bám dính (BDB 179, KB 209, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) lấy họ, trong câu 60
- c. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giáng mọi bệnh tật (BDB 315) và mọi tai vạ (BDB 646, Lê-vi Ký 26:21) không được mô tả trong quyền sách luật pháp, câu 61
- d. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đảo ngược lời hứa của Ngài về sự thịnh vượng và dư dật, trong câu 62-63
- e. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đảo ngược sự xuất hành của họ khỏi Ai Cập đến Đất Hứa và sẽ làm tản lạc (BDB 806, KB 918, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) tuyển dân giao ước của Ngài, câu 64
- (1) phục sự các thần khác, trong câu 64
  - (2) không được nghỉ ngơi, câu 65
  - (3) tấm lòng run rẩy, câu 65
  - (4) đôi mắt mỏi mòn, câu 65
  - (5) tâm linh tàn tạ, câu 65
  - (6) cả ngày lẫn đêm anh em sống trong phập phồng lo sợ, những câu 66,67
  - (7) không biết sống chết thế nào, trong câu 66 (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:32)
  - (8) làm nô lệ, trong câu 68

### 28:58

NASB	“danh đáng kính trọng và đáng sợ này”
NKJV, NRSV	“danh vinh hiển và đáng sợ này”
TEV	“danh tuyệt vời và đáng kính sợ này”
NJB	“danh vinh hiển và gây sợ hãi”

Từ “danh” chỉ về thân vị và đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, Gióp 1:21; Ê-sai 48:9-11; Ê-xê-chi-ên 20:44; A-mốt 2:7). Ngài được mô tả bởi hai ĐỘNG TÍNH TỪ *Niphal*:

1. BDB 457, KB 455, từ ĐỘNG TỪ này, “trở nên nặng hoặc có trọng lượng,” được sử dụng theo nghĩa bóng dùng cho sự vinh hiển hoặc đáng tôn trọng ( Ê-sai 26:15; 66:5; Ê-xê-chi-ên 28:22; 39:13)
2. BDB 431, KB 432, từ ĐỘNG TỪ này, “sợ hãi,” sử dụng trong nghĩa của sự sợ hãi một cách tôn kính dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và những hành động cứu chuộc của Ngài (7:21; 10:17,21; Nê-hê-mi 1:5; 4:14; 9:32; Thi 145:6)

**28:61 “(những lời) được ghi trong sách luật pháp này”** Không chắc chắn điều này chỉ về điều gì cách cụ thể:

1. toàn bộ Kinh Torah
2. Những luật pháp trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký- Dân Số Ký
3. tất cả sách Phục Truyền ( 31:24)
4. Một vài phần của sách Phục Truyền
  - a. những bộ luật
  - b. sự rửa sạch và phước hạnh

Tất nhiên “sách” có nghĩa là cuộn sách, nhưng điều này khẳng định là Môi-se đã viết yêu cầu một ai đó ghi chép lại luật pháp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được đọc nguyên văn qua ông ( 27:3,8; 28:58; 29:21,29; 30:10).

**28:62 “một ít”** Đây là sự đảo ngược lời hứa Áp-ra-ham. Đức Chúa Trời đã hứa họ sẽ

(1) đồng như “sao trên trời” ( Sáng 15:5; 22:17; 26:4); (2) như “cát” ( Sáng 22:17; 32:12); và (3) giống như “bụi trên đất” ( Sáng 13:16; 28:14; Dân Số Ký 23:10).

**28:63 “Đức Giê-hô-va lấy làm vui ... (về) các người”** ĐỘNG TỪ này (BDB 965, KB 1314) được sử dụng trong hai cách:

1. ban phước (*Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 30:9)
  - a. làm người thanh vượng (BDB 405, KB 408, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
  - b. gia thêm (BDB 915 I, KB 1176, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
2. rửa sạch (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
  - a. làm cho các người hư mất (BDB 1, KB 2, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
  - b. tiêu diệt (BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
  - c. truất người ra khỏi xứ (BDB 650, KB 702, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thực hiện cả sự ban thưởng và kỷ luật những con cái Ngài. Sự hình phạt có mục đích dành cho sự phục hồi và bao gộp.

**}** “Các người sẽ bị truất khỏi xứ” ĐỘNG TỪ này (BDB 650, KB 702, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH) được thường xuyên sử dụng dành cho sự phán xét của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Thi 52:5; Châm 15:25). Đây là một sự đảo ngược hoàn toàn những lời hứa Áp-ra-ham (Sáng 12:1-3).

**28:64 “Đức Giê-hô-va sẽ tản lạc người trong các dân”** Điều này chỉ về sự lưu đày, một sự đảo ngược cuộc xuất hành (câu 68.)

**}** “không được nghỉ ngơi” Từ này (BDB 629 I) cũng được sử dụng hai lần trong Sáng Thế Ký 8 ghi chép về trận hồng thủy trong thời:

1. chiếc tàu “nằm” trên ngọn núi A-ra-rát, câu 4
2. bỏ câu được thả ra để tìm một nơi đất khô ráo nhưng khôn+3.0
3. g thể tìm được chỗ “đáp”, câu 9

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn dân sự của Ngài có một nơi để nghỉ ngơi (Đất Hứa, 3:20; 12:9-10; 25:19; Giô-suê 1:13,15; 21:44), nhưng sự không thuận phục giao ước cách cố ý đã mang lại sự đảo ngược sự xuất hành (ví dụ, sự lưu đày, Thi 95:11).

**28:65 “mắt mờ yếu”** Đoạn này mô tả về sự mất thị lực một vài lần:

1. sự mù lòa như là sự phán xét trên sự không thuận phục của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA 28-29
2. sự phán xét được nhìn thấy trước mắt các người, những câu 30-33
3. trở nên điên cuồng vì cảnh tượng mắt mình sẽ thấy, câu 34
4. sự ẩn dụ về sự bạo loạn được dự tính trước chống lại một thành viên khác của gia đình (ví dụ, “mắt các người sẽ ngó giận (cách ác độc) hướng về”), những câu 54-56
5. Những tai vạ Ai Cập, một trong số đó là sự tối tăm hoàn toàn, những câu 60-61
6. “mắt mờ yếu,” một ẩn dụ dùng cho sự sợ hãi và ngã lòng, một sự tuyệt vọng cách hoàn toàn, những câu 65-66
7. cảnh tượng nhìn thấy gây ra những kinh hoàng kinh khủng hơn, câu 67

**28:66-67**

NASB, NRSV	“kinh hoàng”
NKJV	“sợ hãi”
TEV	“kinh hoàng. . .sợ hãi”
NJB	“sợ hãi. . .kinh hoàng”
JPSOA	“kinh hoàng. . .kinh khủng”

Từ này (BDB 808 I) có nghĩa là “run sợ,” hoặc “run rẩy,” gây ra bởi sự sợ hãi hoặc niềm vui! Ở đây nó là sự sợ hãi (Ê-sai 33:14). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn gây nên “sự kinh hoàng” trong những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên ( 2:25; 11:25), nhưng bởi vì sự bội nghịch của họ, họ đã trở nên những kẻ kinh hoàng!

**28:68 “Đức Giê-hô-va sẽ mang người trở lại xứ Ê-díp-tô”** Sự đảo ngược của Cuộc Xuất Hành. Sự quay-trở-lại-với-cảnh-nô-lệ của Y-sơ-ra-ên!

**}** “**bởi con đường mà trước ta đã nói**” Trích dẫn của lời tuyên bố này bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thì không xác định được.

**}** “**(sẽ) không có ai mua**” ĐỘNG TỪ này “mua” (BDB 888, KB 1111, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) thường xuyên được sử dụng bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chuộc mua Y-sơ-ra-ên ra khỏi ách nô lệ Ai Cập ( Xuất 15:16; Thi 74:2), nhưng ở tại đây nó được sử dụng cho số phận của Y-sơ-ra-ên đến nỗi ngay cả Ai Cập cũng không muốn mua họ trở lại làm nô lệ. Họ hoàn toàn bị chối bỏ bởi Đức Chúa Trời và con người.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao phần rửa sạch lại dài hơn quá đối so với phần phước hạnh?
2. Mục đích của đoạn này là gì?
3. Sự công-chính-bởi-việc-làm-liên-hệ-như-thế-nào-với-sự-phước-hạnh-bị-ngăn-cản-ở-đây?
4. Tại sao sự phán xét của Đức Chúa Trời lại quá khắc nghiệt?
5. Những điều này có xảy ra trong lịch sử Y-sơ-ra-ên hay không?

# PHỤC TRUYỀN 29

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Lập Lại Giao Ước	Bài Giảng Thứ Ba Của Môi-se (29:1-30:20)	Giao ước của Đức Giê-hô-va Với Y-sơ-ra-ên Trên Đất Mô-áp	Bài Giảng Thứ Ba (28:69-30:20)  Phần Giới Thiệu Lịch Sử
29:1	29:1	29:1	29:1-3
29:2-9	29:2-9	29:2-9	29:4-5 29:6-7 29:8 Giao Ước Tại Mô-áp 29:9-14
29:10-13	29:10-29	29:10-15	
29:14-29			29:15-16 29:16-21 29:17-20 Đe Dọa về Sự Lưu Đày 29:21-23 29:24-28 29:29
			[theo cách chia đoạn văn của bản MT]

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...



**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 29:1**

<sup>1</sup> Đây là các lời của sự giao ước mà Đức Giê-hô-va đặt biểu Môi-se lập cùng dân Y-sơ-ra-ên, trong xứ Mô-áp, ngoài sự giao ước Ngài đã lập cùng chúng tại Hô-rép.

**29:1** “các lời của sự giao ước mà Đức Giê-hô-va đặt biểu Môi-se” Đây là bài giảng thứ ba của Môi-se trong Phục Truyền (đoạn 29-30). Ông nhắc nhở chúng ta rằng những luật lệ đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải bởi ông.

✂ “**ngoài sự giao ước**” Điều này chỉ về giao ước tại Ngọn Si-nai/Hô-rép (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:2, 5:2; Xuất 19-24) và tại bình nguyên Mô-áp ( 1:5; 5:1,3,5-26). Nó được giải thích theo cách đơn giản và rõ ràng trong Xuất 20-31. Và giao ước được lập mới lại trong Xuất 34; Phục Truyền 29-30; và Giô-suê 24. Để xem về “Giao ước” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:13.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 29:2-9**

<sup>2</sup>” Vậy, Môi-se gọi cả Y-sơ-ra-ên mà nói rằng: Các ngươi đã thấy mọi điều Đức Giê-hô-va làm trong xứ Ê-díp-tô dưới mắt các ngươi cho Pha-ra-ôn, quân thần và cả xứ người, <sup>3</sup> tức là những sự thử thách lớn lao, dấu kỳ, phép lạ mà mắt ngươi đã thấy; <sup>4</sup> nhưng cho đến ngày nay Đức Giê-hô-va không ban cho các ngươi một tấm lòng để biết, mắt để thấy hay là tai để nghe. <sup>5</sup> Ta đã dẫn dắt các ngươi bốn mươi năm trong đồng vắng, áo xống không cũ trên mình ngươi, giày không mòn dưới chân ngươi; <sup>6</sup> các ngươi không có ăn bánh, uống rượu hay là vật chi say, để cho biết rằng ta, Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của các ngươi. <sup>7</sup> Khi các ngươi đến chốn này, Si-hôn, vua Hết-bôn, và Óc, vua Ba-san, đi ra đón đặng giao chiến cùng chúng ta; chúng ta có đánh bại họ, <sup>8</sup> chiếm xứ họ và ban cho chi phái Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se, làm sản nghiệp. <sup>9</sup> Vậy, các ngươi khá gìn giữ làm theo những lời của sự giao ước này, hầu cho các ngươi được may mắn trong mọi việc mình làm.”

**29:2** “cả Y-sơ-ra-ên” Cụm từ này thường chỉ về những trưởng lão, nhưng bởi từ câu 1-13, có vẻ như nó chỉ về cả dân sự. Để xem về “Y-sơ-ra-ên” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:1.

**29:2-3** “Các ngươi đã thấy ... mắt ngươi đã thấy” Đây là một phép tu từ ( 4:34; 7:19) bởi vì những người này là con cái của những người chứng kiến tận mắt ( Dân Số Ký 14:29). Những câu từ câu 2-8 hình thành một sự ôn lại lịch sử giống như đoạn 1-4, vốn là một thành phần thông dụng của những hiệp ước của khu vực Cận Đông.

✂ “**dấu kỳ, phép lạ**” Những từ “dấu kỳ” (BDB 16) và “phép lạ” (BDB 68) được đề cập thường xuyên trong sách Phục Truyền ( 4:34; 6:22; 7:19; 11:3; 26:8; 29:2; 34:11) để giúp cho thế hệ hiện tại tại người Y-sơ-ra-ên nhớ về những hành động đầy quyền năng và ân điển của sự cứu chuộc và những sự chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( từ câu 5-7) trong suốt Cuộc Xuất Hành và Thời Kỳ Lang Thang trong Đồng Vắng.

**29:4** “cho đến ngày nay” Sự mù lòa của Y-sơ-ra-ên về địa vị đặc biệt của họ trong kế hoạch cứu chuộc đời đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không chỉ là một nan đề cổ xưa ( trong câu 4), nhưng còn là một vấn đề hiện tại ( Ma-thi-ơ 13:14-17; Mác 4:10-12; Lu-ca 8:9-10; Giăng 12:36b-43; Công vụ 28:26-27; và đặc biệt là Rô-ma 11:25-32).

Phúc âm được mô tả là một kế hoạch và sự biết trước đã được quyết định từ trước bởi Đức Chúa Trời ( Công vụ 2:23; cũng hãy xem 3:18; 4:28; 13:29). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob tại 4:6.

✂ “**Đức Giê-hô-va không ban cho các ngươi một tấm lòng để biết, mắt để thấy hay là tai để nghe**” Thế hệ Y-sơ-ra-ên của cuộc xuất hành và lang thang trong đồng vắng đã chỉ nhìn thấy được khía cạnh vật chất, nhưng không thấu hiểu được khía cạnh thuộc linh của những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (họ là dân tộc giao ước đặc biệt vốn là một phần của kế hoạch cứu chuộc đời đời).

Cụm từ này trở thành một ẩn dụ của sự cứng cõi và mù lòa thuộc linh ( Ê-sai 6:9-10; Công Vụ 28:26-27; Rô-ma 11:8).

Có một sự chơi chữ giữa câu 2, “các người đã thấy” và câu 4, nơi đề cập rằng họ không nhìn thấy! Điều này có thể chỉ đến sự bội nghịch của Y-sơ-ra-ên được đề cập đến trong 9:7-24. Nếu không có đức tin, Đức Chúa Trời là không thể nhìn thấy được trong lịch sử, nhưng với đức tin, lịch sử trở thành sự ghi chép của Đức Chúa Trời. Nó cần một món quà (“sự ban cho,” BDB 678, KB 733, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) của ân điển từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho con người sa ngã để có thể cảm nhận và hiểu được sự hiện diện của Ngài!

**29:5 “áo xông không cũ trên mình người, giày không mòn dưới chân người”** Rashi cho biết quần áo và giày cũng lớn lên khi những con cái lớn lên ( 8:4; Nê-hê-mi 9:21).

**29:6** Câu 5 và câu 6 chỉ ra sự chăm sóc thiên thượng của Đức Chúa Trời trong suốt cả giai đoạn của sự phán xét được biết như là Thời Kỳ Lang Thang Trong Hoang Mạc ( 8:2-3). Người Y-sơ-ra-ên đã cần phải giúp duy trì mối quan hệ bằng cách tập chú vào ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (thay vì thức ăn, đồ uống được làm ra bởi bàn tay con người, nhưng là vào sự chu cấp của Ngài). Nhưng những câu này chỉ ra sự mù lòa thuộc linh cách liên tục của dân sự của Đức Chúa Trời ( Ê-sai 6:9-10).

**29:7** Điề zu này chỉ về sự hiện diện về mặt quân sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đứng về phía Y-sơ-ra-ên ( Dân Số Ký 21:21-24, 33-35; và Phục 2:26-3:17).

**29:8** Đây là những chi phái đã định cư về phía bờ đông sông Giô-đanh ( 3:12-13; Dân Số Ký 32:28-32).

**29:9 “VẬY, các người khá gìn giữ làm theo”** Tính chất điều kiện của giao ước (“gìn giữ,” BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH và “làm theo,” BDB 793, KB 889, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) là một chủ đề định kỳ trong Phục Truyền ( 4:2,6,9,15,23,40; 5:1,10,12,29,32;6:2,3,12,17,25;7:9,11,12; 8:1,2,6,11; 10:13;11:1,8,16,22,32; 12:1,28,32; 15:5; 16:12; 17:19; 19:9; 24:8; 26:16,17,18; 27:1; 28:1,9,13,15,45,58; 29:9; 30:10,16; 31:12; 32:46). Sự vâng phục là một cách đo lường có thể nhìn thấy được của sự trung tín thuộc linh của Y-sơ-ra-ên. Để yêu mến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, hãy vâng phục Ngài!

Câu này sau này được đọc bởi những ra-bi Do Thái khi một vài người trong vòng dân sự bị đánh roi ( 25:3). Nó bao gồm 13 từ tương ứng với 13 nhát roi. Thi Thiên 78:38 cũng được đọc.

**⌋ “hầu cho các người được may mắn trong mọi việc mình làm”** ĐỘNG TỪ này (BDB 968, KB 1328, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) thường có nghĩa là “hãy thận trọng” hoặc “thận trọng,” nhưng trong gốc từ *Hiphil* nó có thể có nghĩa “thành vượng,” “được thành công” ( Giô-suê 1:7-8; I Sa-mu-ên 18:5,14,15; I Các Vua 2:3; II Các Vua 18:7; I Sứ ký 22:13). Chú ý rằng sự thành công và thành vượng là tùy thuộc vào sự vâng lời!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 29:10-13**

<sup>10</sup> Hết thấy các người, nào trưởng tộc, các chi phái, nào các trưởng lão, nào các quan cai, nào mọi người nam của Y-sơ-ra-ên, <sup>11</sup> những con trẻ và vợ các người, nào kẻ khách lạ ở trong trại quân người, từ người chặt củi cho đến người xách nước, ngày nay hãy đến châu trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, <sup>12</sup> đặt vào trong sự giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và vào trong lời thề mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người lập cùng người ngày nay, <sup>13</sup> hầu cho ngày nay Ngài lập người lên làm dân của Ngài, và Ngài làm Đức Chúa Trời người, y như Ngài đã phán cùng người, và thề cùng tổ phụ người, là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.

**29:10 “hãy đến châu”** Chú ý những nhóm khác nhau trong xã hội người Y-sơ-ra-ên được đề cập đến trong các câu 10-11:

1. trưởng tộc, BDB 910
2. thành viên các chi phái, BDB 986
3. các trưởng lão các chi phái, BDB 278

4. các quan cai các chi phái, BDB 1009, *Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
5. mọi người nam của Y-sơ-ra-ên, BDB 481, 35, 975 (tương tự như trong mục #2).
6. những con trẻ, BDB 381
7. những người vợ, BDB 61
8. những người khách lạ, BDB 158
9. những tôi tớ, được mô tả bởi những nhiệm vụ phục vụ của họ

Tất cả những nhóm người khác nhau này được gọi lên để chứng thực cho sự kết ước của họ với giao ước (trong câu 14-15).

Đây là một nghi lễ lập lại giao ước theo luật pháp!

Con số những nhóm người khác nhau ở các bản dịch (REB) ngụ ý rằng mục số #1 và 2 có thể kết hợp lại (ví dụ, bản KJV, “các quan trưởng các chi phái các người,” JPSOA, “những lãnh đạo chi phái các người”). Bản ASV, NASB, NIB tất cả đều có các mục từ #1-4.

**29:12-13** Đây là văn bản giao ước được lập lại. Chú ý cách những từ “giao ước” (BDB 136) và “lời thề” (BDB 46) song hành với nhau. Những quy định của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA luôn đi kèm với những lời hứa của Ngài!

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn đem lời hứa với Các Tò Phụ lên đến cực điểm bằng cách thiết lập nên một dân tộc, (28:9), một dân tộc sẽ phản chiếu đặc tính của Ngài!

**29:12**

NASB, NKJV,

NRSV, TEV

“**đặng (người có thể bước) vào trong sự giao ước**”

NJB

“**và người sẽ vượt qua vào trong giao ước**”

CỤM ĐỒNG TỪ này (BDB 716, KB 778, *Qal* NGUYÊN MÃU DẠNG TỪ GHÉP) có nghĩa đen là “vượt qua.” Nó được sử dụng duy nhất ở tại đây trong nghĩa bước vào trong giao ước. Nó có lẽ kết nối với ý tưởng “cắt” một giao ước bằng cách bước qua giữa các phần của con vật sinh tể như trong Sáng Thế Ký 15:17-18. Sự chỉ đến chính là số phận của con vật sẽ trở thành số phận của kẻ lập giao ước nếu họ vi phạm những điều khoản.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 29:14-21**

<sup>14</sup> “**Chẳng phải chỉ với các người mà ta lập giao ước và lời thề này thôi; <sup>15</sup> nhưng lập với người nào ngày nay đứng tại đây cùng chúng ta, trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, luôn với những người nào không có cùng chúng ta trong ngày nay. <sup>16</sup> Các người biết sự kiêu ngạo của chúng ta trong xứ Ê-díp-tô, và chúng ta đi ngang qua các nước là làm sao. Đương khi đi ngang địa phận chúng nó, <sup>17</sup> các người đã thấy sự góm ghiếc của chúng nó, và những tà thần quái gỡ bằng cây, bằng đá, bằng bạc, và bằng vàng ở nơi chúng nó. <sup>18</sup> Trong các người, chớ có người nam, người nữ, họ hàng hay là chi phái nào ngày nay trở lòng bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, đặng đi hầu việc các thần của những dân tộc ấy; trong các người cũng chớ có rẽ sanh ra vật độc và ngải cứu. <sup>19</sup> Ai nghe các lời của sự thề này, chớ có tự khoe nơi lòng rằng: Ta sẽ được bình an, dầu khi ta đi theo sự cứng lòng ta, --- đến đổi vật được tươi với vật bị khô, đều cùng hư nát. <sup>20</sup> Đức Giê-hô-va không khứng tha tội cho người, nhưng bấy giờ, cơn giận và sự kỳ tà của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng người, và hết thảy sự rủa sả ghi trong sách này sẽ chất nặng trên mình người; Đức Giê-hô-va sẽ xóa tên người khỏi dưới trời, <sup>21</sup> và biệt người ra khỏi các chi phái Y-sơ-ra-ên, để bị tai họa, chiếu theo hết các lời trù ẻo của giao ước đã ghi trong sách luật pháp này.”**

**29:15** “**với những người nào không có cùng chúng ta trong ngày nay**” Điều này chỉ về những thế hệ tương lai (trong những câu 22,29; 5:3-5; 12:25,28).

**29:16-17** Những câu này hình thành nên sự tóm lược được thêm vào để giải thích về những dân tộc ngoại bang mà Y-sơ-ra-ên phải đối mặt với trong chuyến hành trình đến Đất Hứa.

} “**sự góm ghiếc (của chúng)**” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Sự Đáng Kinh Tởm tại 14:3.

**29:18** Sự cảnh báo chống lại sự không vâng phục giao ước (đặc biệt là sự thờ hình tượng) được giải thích cách rõ

ràng cho mỗi một và tất cả các thành viên và nhóm xã hội trong xã hội của người Y-sơ-ra-ên (những cá nhân, những gia đình, các chi phái).

} **“rễ sanh ra vật độc và ngải cứu”** Cụm từ này song hành với “(những người) trở lòng” (BDB815,KB937,*Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG). Sự độc hại của sự không vâng phục và những hậu quả là rất khốc liệt!

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ không bao giờ muốn tha thứ cho người (câu 20, dạng phủ định của *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, BDB 2, KB 3) và một *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (BDB 699, KB 757).
2. cơn giận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ thiêu đốt chống lại người (câu 20, BDB 798, KB 896, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH).
3. tất cả sự rửa sả sẽ đáp trên người (câu 20, BDB 918, KB 1181, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). Cùng ĐỘNG TỪ này mô tả về tội lỗi như là một con thú đang rình rập trong Sáng 4:7.
4. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ xóa tên người khỏi dưới trời (câu 20, BDB 562, KB 567, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH).
5. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ tách biệt người ra khỏi để dành cho những tai họa (câu 21, BDB 95, KB 110, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH).

**29:19 “tự khoe nơi lòng rằng: Ta sẽ được bình an, dẫu khi ta đi theo sự cứng lòng ta”** Đây là thái độ lặp đi lặp lại của người phạm tội người lợi dụng sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời như là một sự biện hộ để tiếp tục bội nghịch. Sự phán xét của Đức Chúa Trời, mặc dù có vẻ thường thường được trì hoãn, nhưng sẽ gọi tất cả những sự vi phạm giao ước cách ngoan cố vào đúng chỗ của nó (chúng ta sẽ gặt những gì chúng ta đã gieo, Gióp 34:11; Thi 28:4; 62:12; Châm 24:12; Truyền Đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rinh-tô 3:8; II Cô-rinh-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-10; II Tim. 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

}

NASB “để hủy diệt cả đất đai được tưới cùng với những vùng đất khô hạn”  
NKJV “như vậy mặc dù những người say sưa cũng được bao gộp với những người tỉnh táo”  
NRSV “(theo đó sẽ đem đến tai vạ trên những nơi ẩm ướt và khô hạn giống như vậy)”  
TEV “Rằng sẽ hủy diệt tất cả các người, người tốt cũng như người xấu vậy”  
NJB “rất nhiều nước sẽ cuốn đi những kẻ đang khát”  
JPSOA “đến với sự hủy diệt hoàn toàn của nơi ẩm ướt cũng như nơi khô hạn”  
NET Bible “Điều này sẽ hủy diệt những vùng đất được tưới cũng như những nơi khô hạn”

Đây là một câu châm ngôn về những người biết chính xác ý nghĩa của những gì không chắc chắn, nhưng vẫn mạch ở đây chỉ về một thành ngữ về một sự hủy diệt hoàn toàn. Bởi vì một kẻ vi phạm cách bướng bỉnh giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ phải khốn khổ. Ngày hôm nay chúng ta có thể nói, “một quả táo thối sẽ làm hỏng cả thùng táo” hoặc “một quả trứng thối sẽ làm hỏng cả món trứng tráng.”

**29:20 “Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ muốn tha tội cho người”** Sự cường điệu phải được nhìn thấy trong bối cảnh ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để tha thứ và chấp nhận bất kỳ người tin cậy nào ăn năn. Một vài giáo sư Kinh Thánh liên hệ câu Kinh Thánh này với Thi 103:9 và khẳng định rằng ở đây có một giới hạn hoặc một ngưỡng cửa dành cho ân điển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Tôi không chấp nhận điều này. Thi Thiên 103:9 trong văn mạch (từ câu 8-14) chỉ ra rằng Ngài sẽ tha thứ! Vấn đề ở đây không phải là sự tha thứ của Đức Chúa Trời, nhưng là sự tiếp diễn phạm tội của con người sa ngã, bội nghịch! Mối quan hệ bị đổ vỡ từ phía của con người và nó vẫn giữ nguyên sự đổ vỡ từ phía của con người. Vấn đề không tin cậy và bội nghịch trong sự hủy diệt, cả về mặt tạm thời và đời đời!

} **“sự ghen tỵ (ky tà)”** Từ này (BDB 888) có nguồn gốc từ một thứ gì đó được nhuộm đỏ rực (khi sự giận dữ hoặc nhiệt huyết làm cho máu dồn lên mặt trở nên đỏ rực). Những cảm xúc của con người được sử dụng để mô tả những cảm xúc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ngôn ngữ nhân hình). Ngài đang ghen tương cho dân sự của Ngài ( Ê-sai 26:11). Sự nhiệt tâm này có thể biến thành sự ghen tương ( Ê-xê-chi-ên 5:13; 16:38,42; 23:25; 36:5,6; 38:19; Sô-phô-ni 1:18; 3:8).

} **“sẽ xóa tên người khỏi dưới trời”** Cụm từ thành ngữ này có nghĩa là (1) không có con cái (2) sự chết ( Sáng 7:4; Xuất 17:14; 32:32; Phục 9:14; II Các Vua 14:27; Thi 9:5-6).

**29:21 “hết các lời trù ẻo (rửa sả) của giao ước”** Hãy xem các câu 27-28; 27:15-26; 28:15-19,20-26,27-37,38-48,49-57.

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 29:22-28

<sup>22</sup>” Đòi sau, con cháu sanh ra sau các người, và người khách ở phương xa đến, --- khi thấy những tai vạ và chứng bệnh mà Đức Giê-hô-va đã hành hại xứ này, <sup>23</sup> khi thấy toàn xứ chỉ diêm, muối và cháy tiêu, không giống gieo, không sản vật chi hết, chẳng một thứ cỏ nào mọc, giống như sự hủy hoại của Sô-đôm và Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im bị Đức Giê-hô-va phá diệt trong cơn thịnh nộ Ngài, --- <sup>24</sup> thì chúng nó và các nước sẽ hỏi rằng: Sao Đức Giê-hô-va đả xứ này như thế? Căn cứ của sự thịnh nộ lớn lao này là làm sao? <sup>25</sup> Người ta sẽ đáp rằng: Ấy vì họ bội giao ước mà Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, đã lập cùng họ, khi dẫn họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô; <sup>26</sup> Ấy vì họ đi hầu việc và thờ lạy các thần mà mình chưa hề biết, và Ngài không phân phát cho. <sup>27</sup> Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi phùng lên cùng xứ này, đặng giáng trên nó các sự rửa sả ghi trong sách này, <sup>28</sup> và trong cơn thịnh nộ, hờn giận, và nổi nóng, Đức Giê-hô-va đã rút dân này khỏi đất họ, và ném vào một xứ khác, như điều đó hiện có ngày nay.”

**29:22-23** Phước hạnh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vốn có mục đích thu hút những ai không biết Ngài, lại biến thành một câu hỏi chế nhạo bởi những người ngoại:

1. những tai vạ của xứ, trong câu 22
2. những bệnh tật, trong câu 22
3. toàn xứ chỉ diêm sinh (lưu huỳnh), trong câu 23
4. (toàn xứ chỉ) muối, trong câu 23
5. toàn xứ là một đồng đồ nát bị thiêu cháy, trong câu 23
6. (toàn xứ) không giống gieo, không nảy mầm, trong câu 23
7. (toàn xứ) không sản vật, trong câu 23
8. xứ không có cỏ mọc, trong câu 23
9. xứ trở nên giống như những thành phố bị hủy diệt (Sáng 19:24) Tất cả những điều này được sai đến bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (trong những câu 22-28).

**29:22** “Đòi sau, con cháu sanh ra sau các người...sẽ hỏi” Đây là dạng nghĩa đen (con cái hỏi những câu hỏi) được nhìn thấy trước đây trong 6:20, vốn phản chiếu Xuất 13:8,14; 10:2; 12:26,27. Phục Truyền thường nói về sự dạy dỗ con cái (ví dụ, 4:10; 6:7).

**29:23** “toàn xứ chỉ diêm sinh và muối” Cả xứ sẽ giống như là khu vực biển chết, vốn là di tích của Sô-đôm và Gô-mô-rơ ( Sáng 19:24-26).

**29:24** “và các nước sẽ hỏi rằng” Y-sơ-ra-ên là một dấu chỉ dành cho tất cả các nước về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Nó có mục đích là một dấu chỉ phước hạnh, nhưng ngay cả khi là sự phán xét, nó vẫn là một dấu chỉ!

**29:25** “Ấy vì họ bội nghịch giao ước của Đức Giê-hô-va” Điều này đã và đang là một lý do căn bản dành cho những sự rửa sả thiên thượng ( II Các Vua 17:9-23; II Sử ký 36:13-21).

**29:26** “hầu việc các thần khác, các thần mà mình chưa hề biết ” Nghĩa đen ở đây là *Elohim*. Từ này ở số nhiều. Nó thường được dịch là “Đức Chúa Trời.” Nó cũng chỉ về các chủ thể và các quan trưởng thiên sứ. Hãy xem Chủ Đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

}

NASB, NRSV,

JPSOA “Ngài không phân phát cho họ”

NKJV “Ngài không ban cho họ”

NJB “khoang phần nào của cơ nghiệp họ đến từ Ngài;

Trong bản dịch Bảy Mươi của 32:8 từ “*Elohim*” (“tùy thuộc vào số lượng của các thiên sứ của Đức Chúa Trời”) có vẻ như liên hệ đến các thiên sứ của dân tộc, giống như ở đây ( Ê-sai 24:21; Đa-ni-ên 10:13,20).

**29:27** “Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi phùng lên cùng xứ này” Vùng đất bị ảnh hưởng bởi sự phạm

tội của Y-sơ-ra-ên ( Sáng 3:17) và tội lỗi của con người nói chung ( Rô-ma 8:18-22). Đức Chúa Trời sử dụng những hiện tượng thiên nhiên để thay đổi những suy nghĩ và những sự ưu tiên của con người.

**29:28 “Đức Giê-hô-va đã rút dân này”** ĐỒNG TỪ này (BDB 684, KB 737, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, I Các Vua 14:15; II Sứ ký 7:20; Giê-rê-mi 12:14) trái ngược với “trông”! Giao ước đã bị đảo ngược!

Chú ý cách những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả:

1. trong sự giận dữ - BDB 60 I
2. trong cơn thịnh nộ - BDB 404
3. Trong sự nóng giận kinh khủng- BDB 893 and 152
4. đuổi họ đến một vùng đất khác (sự lưu đày, BDB 1020, KB 1527, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH)

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 29:29**

**<sup>29</sup>“Những sự bí mật thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta; song những sự bày tỏ thuộc về chúng ta, và con cháu chúng ta đời đời, để chúng ta làm theo mọi lời của luật pháp này.”**

**29:29 “những sự bí mật thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta”** Điều này chỉ về (1) số phận của con người ( câu 19-20); (2) tri thức hoàn thiện của Đức Chúa Trời; hoặc (3) những hoạch định tương lai của Ngài.

**⌋ “song những sự bày tỏ thuộc về chúng ta”** Con người có trách nhiệm đối với những sự sáng mà họ có được. Nếu họ không có sự kết nối với Kinh Thánh hoặc phúc âm, họ phải chịu trách nhiệm với những sự mặc khải qua thiên nhiên (Thi 19:1-6; Rô-ma 1 và bản chất đạo đức trong tâm lòng ( Rô-ma 2). Nếu chúng đã được bộc lộ qua Kinh Thánh, họ phải chịu trách nhiệm cùng với nội dung của nó! Những người tin có thể biết được lẽ thật và phải chịu trách nhiệm với nó!

### **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao Đức Chúa Trời lại tái lập giao ước quá thường xuyên (câu 1)?
2. Tại sao Đức Chúa Trời lại làm mù mắt người Do Thái đối với những mục đích của Ngài (những câu 4-6)?
3. Đã bao giờ Đức Chúa Trời trở nên không mong muốn tha thứ cho con người (trong câu 20)?
4. Tại sao đất đai lại khốn khổ bởi vì những tội lỗi của con người (trong câu 27)?
5. Điều mà câu 29 chỉ đến là gì?

# PHỤC TRUYỀN 30

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phước Hạnh của việc Quay Trở Lại với Chúa	Bài Giảng Thứ Ba của Môi-se (29:1-30:20)	Những Điều Kiện của Sự Phục Hồi Và Của Phước Hạnh	Trở Về Từ Sự Lưu Đày và Sự Biến Đổi
30:1-10	30:1-5	30:1-10	30:1-5
Sự Lựa Chọn của Sự Sống và Sự Chết	30:6-10		30:6-10
30:11-14	30:11-14	30:11-14	30:11-14 Hai Con Đường
30:15-20	30:15-20	30:15-20	30:15-20

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 30:1-5

<sup>1</sup> Khi các điều này đã xảy đến cho người, hoặc phước lành, hoặc rửa sả, mà ta đã đặt trước mặt người, nếu trong các nước, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đuổi người đến, người đem lòng nhắc lại những điều ấy, <sup>2</sup> trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, người và con cháu người hết lòng hết ý vâng theo tiếng phán của Ngài, như mọi điều ta truyền cho người ngày nay, <sup>3</sup> thì bấy giờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ thương xót người, đem những phu tù người trở về, nhóm hiệp người từ giữa các dân, là nơi Ngài đã tản lạc người đó. <sup>4</sup> Dẫu những kẻ bị đày của người ở tại cuối trời, thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người cũng sẽ từ đó nhóm hiệp người lại và rút người khỏi nơi đó. <sup>5</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ đem người về xứ mà tổ phụ người đã nhận được, và người sẽ nhận lấy nó; Ngài sẽ làm ơn cho người và gia thêm người nhiều hơn tổ phụ người."

30:1 "Khi các điều này đã xảy đến cho người" tương lai của Y-sơ-ra-ên sẽ là một trong hai khả năng dựa trên sự

vâng phục giao ước của họ. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mong muốn “sự phước hạnh,” nhưng sự lựa chọn của họ sẽ xác định khả năng nào (những phước hạnh hoặc sự rửa sả) sẽ xảy đến trong hiện thực. Không còn có sự lựa chọn nào khác!

} **“phước lành, hoặc rửa sả”** Điều này được biết đến ở trong văn học khôn ngoan là “hai con đường.” Chúng được mô tả trong đoạn 27 và 28.

} **“mà ta đã đặt trước mặt ngươi”** ĐÔNG TỪ này (BDB 678, KB 723, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, trong những câu 15,19 và cũng chú ý 11:26) là một sự ẩn dụ dùng cho sự cần thiết của Y-sơ-ra-ên phải chọn một trong hai kết quả thiên thượng có liên hệ với giao ước của Ngài.

} **“ngươi đem lòng nhắc lại (nhớ lại trong tâm trí) những điều ấy”** Đây là một thành ngữ “gây ra sự quay lại với tâm lòng” (BDB 996, KB 1427, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH, 4:39; I Các Vua 8:47; Ê-sai 44:19; 46:8).

} **“trong các nước, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đuổi ngươi đến”** Đây là lời tiên tri mang tính chất tiên đoán về sự lựa chọn của Y-sơ-ra-ên sẽ gây hậu quả của sự lưu đày. Chú ý rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm điều này bởi vì những sự vi phạm giao ước cách liên tiếp của Y-sơ-ra-ên và sự bắt chước theo những hành vi của người Ca-na-an.

**30:2 “trở lại”** Cùng ĐÔNG TỪ này (BDB 996, KB 1427, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) được sử dụng trong câu 1 (*Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) khi chỉ về Y-sơ-ra-ên tái kêu cầu giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ở đây nó được sử dụng trong nghĩa của sự ăn năn.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN TRONG CỰU ƯỚC**

Khái niệm này là then chốt nhưng khó để có thể định nghĩa. Hầu hết chúng ta đều có một định nghĩa đến từ quan điểm hệ phái của chúng ta. Tuy nhiên, thường để “thiết lập” một định nghĩa thần học là sử dụng dựa trên một vài từ Hê-bơ-rơ (và Hy Lạp) vốn không chỉ cách cụ thể về định nghĩa được “thiết lập” này. Phải ghi nhớ rằng những tác giả Tân Ước (ngoại trừ Lu-ca) đã là những nhà tư tưởng Hê-bơ-rơ sử dụng những thuật ngữ Hy Lạp Koine, do vậy xuất phát điểm chính là những thuật ngữ Hê-bơ-rơ, mà từ đó cốt yếu có hai điều.

1. *nhm* (BDB 636, KB 688)
2. *swb* (BDB 996, KB 1427)

Điều đầu tiên, *nhm*, vốn ban đầu có vẻ như đã có nghĩa là hít vào một hơi thở sâu, được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau.

- a. “sự nghỉ ngơi” hoặc “an ủi” (ví dụ, Sáng 5:29; 24:67; 27:42; 37:35; 38:12; 50:12; thường được sử dụng trong các tên, II Các Vua 15:14; I Sử ký 4:19; Nê-hê-mi 1:1; 7:7; Na-hum 1:1)
- b. “than khóc” (ví dụ, Sáng 6:6,7)
- c. “đôi ý” (ví dụ, Xuất 13:17; 32:12,14; Dân Số Ký 23:19)
- d. “sự thương xót” (ví dụ, Phục 32:36)

Chú ý rằng những điều này liên quan sâu sắc đến cảm xúc! Đây chính là chìa khóa: những cảm nhận sâu sắc dẫn dắt đến hành động. Sự thay đổi của hành động thường nhằm vào những người khác, nhưng cũng hướng đến Đức Chúa Trời. Đây là một sự thay đổi thái độ và hành động hướng đến Đức Chúa Trời vốn truyền cho từ này một sự đáng chú ý thần học. Nhưng ở đây, sự cần trọng cần phải được tập chú. Đức Chúa Trời được mô tả rằng Ngài “hối hận” (Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các quan xét 2:18; I Sa-mu-ên 15:11,35; Thi 106:45), nhưng điều này không gây ra kết quả từ sự hối tiếc về tội lỗi hoặc một sự sai trật, nhưng là một cách nói theo nghĩa đen về cách Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót và quan tâm (Dân Số Ký 23:19; I Sa-mu-ên 15:29; Thi 110:4; Giê-rê-mi 4:27-28; Ê-xê-chi-ên 24:14). Dựa vào hình phạt dành cho tội lỗi và sự phản nghịch được tha thứ nếu như tội nhân thực sự quay lại khỏi tội lỗi của ông ta/ cô ta/họ và quay lại với Đức Chúa Trời.

Từ này có khoảng nghĩa rất rộng. Văn mạch là then chốt để xác định ý nghĩa được dự định trước.



Từ thứ hai, *swb*, có nghĩa là “quay lại” (quay lại khỏi, quay về, quay đến). Nếu nó là chính xác rằng hai yêu cầu của giao ước là “sự ăn năn” và “đức tin” (ví dụ, Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mark 1:4,15; 2:17; Lu-ca 3:3,8; 5:32; 13:3,5; 15:7; 17:3), khi đó *nhm* rchi về những cảm xúc mãnh liệt của việc nhận ra tội lỗi của một cai đó và quay đi khỏi nó, trong khi *swb* sẽ chỉ đến sự quay lại khỏi tội lỗi đến với Đức Chúa Trời (một ví dụ của hai hành động thuộc linh là A-mốt 4:6-11, “ngươi đã không quay trở lại với Ta” [năm lần] và A-mốt 5:4,6,14, “hãy tìm kiếm Ta. . .hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va. . . hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ”).

Ví dụ tuyệt vời đầu tiên của năng quyền của sự ăn năn chính là sự phạm của Đa-vít đối với Bát-sê-ba ( II Sa-mu-ên 12; Thi 32, 51). Đã có những hậu quả liên tiếp dành cho Đa-vít, gia đình của ông, và cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Đa-vít đã được phục hồi trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời! Ngay cả vị vua tàn ác Ma-na-se cũng có thể ăn năn và được tha thứ ( II Sử ký 33:12-13).

Cả hai từ này được sử dụng song hành với nhau trong Thi 90:13. Phải có một sự nhận biết tội lỗi và một sự quay lại cách cá nhân và có chủ ý khỏi nó, cũng như là một sự khao khát tìm kiếm Chúa và sự công chính của Ngài ( Ê-sai 1:16-20). Sự ăn năn bao gồm một khía cạnh về sự nhận thức, một khía cạnh cá nhân, và một khía cạnh đạo đức. Cả ba điều đều được đòi hỏi, tất cả để bắt đầu một mối quan hệ mới với Đức Chúa Trời và duy trì mối quan hệ mới đó. Cảm xúc hối hận sâu sắc chuyển thành một sự cam kết gắn chặt với Đức Chúa Trời và vì Đức Chúa Trời!

**30:2-3** Văn mạch này đem lại một nhu cầu cân bằng thần học đối với sự phán xét đầy khắc nghiệt của 29:19. Nan đề ở đây không phải là sự phản nghịch nhưng là sự phản nghịch kéo dài và tiếp diễn. Sự ăn năn luôn có thể từ phía của Đức Chúa Trời, nhưng con người đã làm chứng chính những tấm lòng của họ với sự phản nghịch cố chủ ý và không vâng phục!

} **“Đức Giê-hô-va”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời và các ra-bi Do Thái nói rằng nó bày tỏ sự thương xót của Ngài (Xuất 3:13-14). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

} **“Đức Chúa Trời”** *Elohim* là danh xưng chung cho Đức Chúa Trời vốn truyền đạt quyền năng, sức mạnh và sức lực. Các ra-bi Do Thái nói rằng nó được sử dụng cho công lý và sự công chính của Đức Chúa Trời. Sự phân biệt giữa hai danh xưng này có thể thấy được trong Thi Thiên 103, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, và Thi Thiên 104, *Elohim*. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

} **“vâng theo”** chú ý rằng “trở lại cùng Giê-hô-va” là song hành với “vâng theo Ngài” (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). Sự vâng phục được mô tả trong những thuật ngữ cá nhân:

1. vâng theo tiếng Ngài - BDB 876
2. hết lòng- BDB 523
3. hết ý- BDB 659 Điều này song hành với 4:29-30; 6:5; 10:12

Chú ý số lần và những nghĩa khác nhau của từ *shub* (BDB 996, KB 1427):

1. “đem lòng nhắc lại những điều ấy” có nghĩa đen là “làm cho chúng quay lại với tấm lòng của ngươi, câu 1
2. “ngươi quay lại với Đức Giê-hô-va,” trong câu 2
3. “Đức Chúa Trời sẽ phục hồi ngươi từ trong sự lưu đày,” trong câu 3
4. “một lần nữa,” trong những câu 3,8,9
5. “nếu ngươi quay lại cùng Đức Giê-hô-va,” câu 10

} **“hết lòng hết ý”** Đây là một thành ngữ của dành cho tất cả con người của một người ( trong những câu 2,6,10; 4:29; 6:5; 10:12; 11:13; 13:3; 26:16).

} **“ngươi và con cháu ngươi”** Giao ước xưa đã được tái lập với thế hệ hiện tại (29:1). Y-sơ-ra-ên cần phải dạy dỗ con cái họ theo nền tảng lịch sử của đức tin của họ (4:9,10; 6:7,20-25; 11:19; 32:46).

**30:3-4 “những kẻ bị đày...Đức Chúa Trời ngươi cũng sẽ (phục hồi) từ đó nhóm hiệp ngươi”** Chú ý Đức Chúa Trời vẫn đang ở trong sự tể trị trên lịch sử. Ngài sử dụng các quốc gia và các cá nhân nhưng Ngài là toàn năng ( Ê-sai 10:5; 44:28-45:1).

**30:3-9** Chú ý những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hứa sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên (nếu họ vâng phục, trong những câu 8,10):

1. Ngài sẽ phục hồi (câu 3, BDB 996, KB 1427, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH)
2. Ngài sẽ có sự thương xót (câu 3, BDB 933, KB 1216, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH)
3. Ngài sẽ nhóm các người lại (BDB 867, KB 1062, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, hai lần, trong những câu 3 và 4)
4. Ngài sẽ mang các người trở về (câu 4, BDB 542, KB 534, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH)
5. Ngài sẽ đem các người vào trong xứ (câu 5, BDB 97, KB 112, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH)
6. Ngài sẽ làm cho các người thành vượng (câu 5, BDB 405, KB 408, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH)
7. Ngài sẽ gia thêm các người (câu 5, BDB 915 I, KB 1176, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH)
8. Ngài sẽ cắt bì tâm lòng các người (câu 6, BDB 557 II, KB 555, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH)
9. Ngài sẽ hạnh hại tất cả những sự rủa sả trên kẻ thù của các người (câu 7, BDB 678, KB 733, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH)
10. Ngài sẽ làm cho các người thành vượng một cách dư dật (câu 9, BDB 451, KB 451, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH)
  - a. công việc của tay người
  - b. hoa quả của thân thể người
  - c. sản vật của bầy gia súc
  - d. sản vật của đất đai (trái ngược với trong 28:38-42)
11. Ngài sẽ một lần nữa hoan hân trên người về hạnh phúc của người (câu 9, BDB 965, KB 1314 [hai lần], *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP à *Qal* THÊ HOÀN THÀNH)

**30:4**

**NASB** “đến tận cùng của đất”

**NKJV** “đến những phần xa nhất ở dưới trời”

**NKJV** “đến tận cùng của thế giới”

**TEV** “đến góc xa nhất của đất”

**NJB** “đến điểm tận cùng của bầu trời (chân trời)”

Cụm từ này nghĩa đen là “đến nơi tận cùng của các tầng trời,” vốn là một phép cường điệu ( 4:32; 28:64; Giê-rê-mi 31:8). Nó chỉ về những nền văn minh xa nhất mà họ biết được (các nền văn hóa khu vực Cận Đông Cổ Đại và Địa Trung Hải).

**30:5** “mà tổ phụ anh em chiếm hữu” Điều có thể chỉ về:

1. Các Tổ Phụ (thời của Môi-se)
2. những người trở về từ sự lưu đày (những người biên tập thời kỳ hậu lưu đày)

Theo những gì tôi được học, lựa chọn #1 có vẻ tốt nhất. Câu 9 nói về cùng một nhóm người.

**‡** “Ngài sẽ làm cho anh em thịnh vượng và đông đúc” Đây là một phần của lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham ( Sáng 12, 15, 17, v.v...).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 30:6-10**

<sup>6</sup>“ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ cắt sự ô uế khỏi lòng người và khỏi lòng dòng dõi người, để người hết lòng hết ý kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, hầu cho người được sống. <sup>7</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ đổ các lời trù ẻo này trên kẻ thù nghịch người, trên kẻ nào ghét và bắt bớ người, <sup>8</sup> Còn người sẽ hối cải, nghe theo tiếng phán của Đức Giê-hô-va, và làm theo các điều răn của Ngài, mà ta truyền cho người ngày nay. <sup>9-10</sup> Khi người nghe theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, gìn giữ các điều răn và luật lệ của Ngài đã ghi trong sách luật pháp này, hết lòng hết ý trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, thì Ngài sẽ ban phước đầy lấp, làm cho mọi công việc của tay người được thịnh vượng, khiến hoa quả của thân thể người, sản vật của sinh súc, và bông trái của đất ruộng người được thịnh vượng; vì Đức Giê-hô-va sẽ lại vui lòng nữa mà làm ơn cho người, như Ngài đã vui lòng về các tổ phụ người.”

**30:6 “Đức Chúa Trời sẽ cắt bì tấm lòng anh em”** Đây là một sự ẩn dụ cho một sự lắng nghe cởi mở và có thể tiếp cận được đối với lời của Đức Chúa Trời. Sự trái ngược được đề cập đến trong câu 17. Trong câu 10:16 và Giê-rê-mi 4:4; 9:25-26, người Y-sơ-ra-ên được gọi đến để thực hiện hành động thuộc linh này ( Rô-ma 2:28-29), nhưng ở đây Đức Chúa Trời phải làm điều đó. Cùng một sự căng thẳng giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và hành động của con người được nhìn thấy trong Ê-xê-chi-ên 18:31 và 36:26. Ở đây, cắt bì là một sự ẩn dụ cho một thái độ thuộc linh thích đáng. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 10:16.

} **“tấm lòng”** Đối với người Hê-bơ-rơ điều này chính là trung tâm của hoạt động trí óc. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:30.

} **“những dòng dõi”** Từ này nghĩa đen là “hạt giống” (BDB 282). Từ này được sử dụng trong ý nghĩa ẩn dụ một vài lần trong Phục Truyền (1:8; 4:37; 10:15; 11:9; 28:46,59; 30:6,19; 31:21; 34:4).

} **“ý (linh hồn)”** Đây là từ Hê-bơ-rơ *ronephesh* (BDB659). Hãy xem ghi chú tại 11:13.

**30:8-9** Điều này phản ánh những điều Đức Chúa Trời muốn làm cho Y-sơ-ra-ên và cho toàn bộ thế giới! Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob tại 4:6.

**30:10 “nếu(miễn là). . .nếu(cũng như)”** Điều này chỉ ra tính chất điều kiện của giao ước. Chú ý rằng sự vâng phục (lắng nghe và vâng giữ) song hành với nhau với sự kết ước chân thành và toàn bộ (hết lòng hết linh hồn).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 30:11-14**

<sup>11</sup> “Điều răn này mà ta truyền cho người ngày nay chẳng phải cao quá người, hay là xa quá cho người. <sup>12</sup> Nó chẳng phải ở trên trời, để người nói rằng: Ai sẽ lên trời đem nó xuống cho chúng tôi nghe, đặt chúng tôi làm theo? <sup>13</sup> Nó cũng chẳng phải ở bên kia biển, để người nói rằng: Ai sẽ đi qua bên kia biển, đem nó về cho chúng tôi nghe, đặt chúng tôi làm theo? <sup>14</sup> Vì lời này rất gần người, ở trong miệng và trong lòng người, để người làm theo nó.”

**30:11-14** Ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên không phải là không thể thực hiện được ( 28:29). Câu này có vẻ như đánh giá thấp giáo lý của những người cải chánh về sự “hoàn toàn bại hoại.” Có một vài chỗ trong Kinh Thánh Cựu Ước nói về sự kháng cự tội lỗi của con người là có thể (ví dụ, Sáng 4:7).

Hội thánh nhận lấy từ Sáng Thế Ký 3 như là nguồn gốc của tội lỗi của con người, trong khi nhiều ra-bi Do Thái đã nhận lấy từ Sáng Thế Ký 6 như là nguồn gốc của sự mâu thuẫn. Trong khi Cơ Đốc Giáo khẳng định rằng sự sa ngã của toàn bộ tạo vật, bao gồm có nhân loại, Do Thái Giáo khẳng định rằng sự tốt lành cơ bản của nhân loại. Đối với họ, tội lỗi, sự xấu xa là một lựa chọn, không phải là tính chất tự nhiên.

Tuy nhiên, có vẻ như đối với tôi sự giải trình đạo đức thì dựa trên khả năng thực tế của sự thấu hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời và khả năng thực hiện nó. Nếu thiếu đi hành động phù hợp, trách nhiệm giải trình thiên thượng là không phù hợp! Tôi có thể chịu trách nhiệm cho những gì tôi không thể làm hay không?

**30:12 “Ai sẽ lên trời”** Phao-lô sử dụng cụm từ này trong Rô-ma 10:6-9. Có lẽ nó phản ánh những huyền thoại của người Sumer về vị vua Etana, nhưng có lẽ liên quan đến quan điểm Hê-bơ-rơ về sự toàn năng của Đức Chúa Trời.

Có một vài ĐỘNG TỪ được sử dụng trong nghĩa thể mệnh lệnh trong câu này (theo quyển OT Parsing Guide):

1. “đem nó xuống” - BDB 542, KB 534, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng là THỂ MỆNH là LỆNH theo ý nghĩa
2. “để chúng tôi nghe” - BDB 1033, KB 1570, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng là THỂ MỆNH LỆNH theo ý nghĩa
3. “chúng tôi có thể vâng giữ nó” - BDB 793, KB 889, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng là THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY theo ý nghĩa

**30:13 “qua bên kia biển”** Một vài người xem điều này như là một sự liên hệ với một ghi chép về một con nước lụt của người Ba-by-lôn được gọi là Thiên Sứ Thi Gilgamesh, tuy nhiên có lẽ nó liên hệ với sự sợ hãi của việc đi

chuyến bằng thuyền buồm hoặc một ẩn dụ về những điểm cuối cùng của đất.

**30:14 “Nhưng lời này rất gần anh em, ở trong miệng và trong lòng anh em”** Câu này chỉ về giao ước được mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Những người thời xưa đọc Kinh Thánh lớn tiếng! Họ phải đáp ứng một cách thích đáng từ trong tâm lòng với những gì họ đã nghe (đọc một mình hoặc đọc lớn tiếng).

✚ **“để anh em làm theo (vâng giữ nó)”** Con người phải đưa ra quyết định. Đó là trong khả năng của họ để có thể làm được điều này. Đức Chúa Trời bắt đầu nhưng con người phải đáp ứng và tiếp tục đáp ứng trong sự ăn năn, đức tin và sự vâng phục!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 30:15-20**

<sup>15</sup>” **Hãy xem, ngày nay ta đặt trước mặt ngươi sự sống và phước lành, sự chết và tai họa,** <sup>16</sup> vì ngày nay, ta bảo ngươi thương mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, đi trong các đường lối Ngài, và gìn giữ những điều răn luật lệ và mạng lệnh Ngài, để ngươi sống, gia thêm, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban phước cho ngươi trong xứ mà ngươi sẽ vào nhận lấy. <sup>17</sup> Nhưng nếu lòng ngươi xây trở, không khứng nghe theo, chịu dự dỗ thờ lạy và hầu việc các thần khác, <sup>18</sup> thì ngày nay ta tỏ cùng các ngươi rằng các ngươi hẳn phải tuyệt diệt, không được sống lâu trên đất mà ngươi sẽ đi qua sông Giô-đanh đặng nhận lấy. <sup>19</sup> Ngày nay, ta bắt trời và đất làm chứng cho các ngươi rằng ta đã đặt trước mặt ngươi sự sống và sự chết, sự phước lành và sự rủa sả. Vậy, hãy chọn sự sống, hầu cho ngươi và dòng dõi ngươi được sống, <sup>20</sup> thương mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, vâng theo tiếng phán Ngài, và triu mến Ngài; vì Ngài là sự sống ngươi và làm cho ngươi được sống lâu, đặng ngươi ở trên đất mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho các tổ phụ ngươi, là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.”

**30:15 “Hãy xem”** ĐỘNG TỪ này (BDB 906, KB 1157, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) được sử dụng như là một thành ngữ cho “hãy chú ý cẩn thận vào” ( Sáng 27:27; 31:50). Nó được sử dụng một vài lần trong Phục Truyền ( 1:8,21,35; 2:24,31; 4:5; 11:26; 30:15; 32:39).

✚ **“ta đặt trước mặt ngươi sự sống và phước lành, sự chết và tai họa”** Ngay cả trong giao ước Y-sơ-ra-ên cũng phải lựa chọn! Điều này chỉ về những phước hạnh và sự rủa sả ( Lê-vi Ký 26 and Phục 27-28). Hãy nhớ sự lựa chọn được thiết lập trong một giao ước ân điển. Điều này rất tương tự với một thành ngữ của Văn Học Khôn Ngoan về “hai con đường” ( Châm 4:10-19; Giê-rê-mi 21:8; Ma-thi-ơ 7:13-14). Sự lựa chọn của chúng ta chỉ ra chúng ta là ai! Cách chúng ta đáp ứng với những điều không thể giải thích được của cuộc sống “bên trong và bên ngoài” bày tỏ về sự định hướng thuộc linh của chúng ta!

**30:16-18** Những câu này là một sự tóm tắt lại của những điều kiện và kết quả của giao ước:

1. trách nhiệm ( 8:6; 19:9; 26:17; 28:9)
  - a. “yêu mến Giê-hô-va,” trong câu 16 (BDB 12, KB 17, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
  - b. “đi trong đường lối Ngài,” câu 16 (BDB 229, KB 246, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
  - c. “tuân giữ những điều răn,” câu 16 (BDB 1036, KB 1581, *Qal* THỂ NGUYÊN MẪU)
2. những kết quả của sự vâng phục
  - a. “anh em được sống,” câu 16 (BDB 310, KB 309, *Qal* PERFECT)
  - b. “(anh em được) thêm đông đúc,” câu 16 (BDB 915, KB 1156, *Qal* PERFECT)
  - c. “Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho anh em,” câu 16 (BDB 138, KB 159, *Piel* PERFECT)
3. những điều kiện và hậu quả của sự không vâng phục
  - a. “nếu anh em thay lòng đổi dạ,” câu 17 (BDB 815, KB 937, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
  - b. “(nếu anh em) không muốn nghe theo,” câu 17; (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
  - c. thờ hình tượng
    - (1) bị quyền dụ (BDB 623, KB 673, *Niphil* THỂ HOÀN THÀNH)
    - (2) thờ phượng (BDB 1005, KB 295, *Hishtaphel* THỂ HOÀN THÀNH)
    - (3) phục vụ (BDB 712, KB 773, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)

- d. “anh em chắc chắn sẽ bị diệt vong,” câu 18 (BDB 1, KB 2, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, vốn mô tả sự nhấn mạnh)
- e. “không được sống lâu trong xứ,” câu 18 (BDB 73, KB 88, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH)

Chú ý cách câu 20 nhấn mạnh những trách nhiệm giao ước để rồi sự phước hạnh từ thời Các Tổ Phụ sẽ được ứng nghiệm! Các thuật ngữ này chính là đặc điểm của Phục Truyền.

**30:19 “tôi xin trời và đất làm chứng”** Những nhân chứng này không phải là độc nhất đối với giao ước của Y-sơ-ra-ên, nhưng còn được tìm thấy trong những văn bản Cận Đông cổ đại khác. Hai yếu tố vĩnh cửu của sự sáng tạo của Đức Chúa Trời ( Sáng 1:1) thực hiện chức năng như là hai nhân chứng của Đức Chúa Trời ( 17:6; 19:15; Dân Số Ký 35:30). Sự nhấn mạnh mang tính luật pháp này xảy ra một vài lần trong sách Phục Truyền ( 4:26; 30:19; 31:28; 32:1). Để xem về “Đất” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 5:8.

**✎ “hãy chọn sự sống để anh em và dòng dõi anh em được sống”** Đức Chúa Trời ban cho con người quyền và trách nhiệm để đưa ra những lựa chọn đạo đức. Một phần của hình và ảnh Ngài ở trong con người! ĐÔNG TỪ Hê-bơ-rơ, “chọn” hoặc “tuyển chọn,” được sử dụng khoảng 70% dành cho số lần của sự lựa chọn của con người (NIDOTTE, quyển 1, trang 639). Chúng ta phải lựa chọn ( Ê-xê-chi-ên 18:30-32).

**✎ “anh em và dòng dõi anh em”** Phục Truyền nhấn mạnh cách đặc trưng về nhu cầu phải truyền đi lịch sử và những trách nhiệm giao ước đến những thế hệ kế tiếp (4:9,10; 6:7,20-25; 11:19; 32:46).

Con cái của chúng ta bị ảnh hưởng bởi những sự lựa chọn và hướng dẫn lối sống của chúng ta ( Xuất 20:5-6; Phục 5:9-10; 7:9).

**30:20** Ở đây có một chuỗi những *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP vốn tóm tắt lại giao ước:

1. những trách nhiệm
  - a. yêu mến
  - b. vâng giữ
  - c. gắn bó (nắm chặt)
2. những kết quả
  - a. anh em được ở lâu dài trên đất

Hãy xem ghi chú tại 30:16-18. Giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA yêu cầu một sự khởi đầu và một đức tin, tình yêu, sự vâng phục, và sự kiên trì một cách liên tục.

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hứa sẽ ban xứ cho các tổ phụ của người Y-sơ-ra-ên ( Sáng 12:7; 13:14-17; Phục 9:4-6), nhưng Y-sơ-ra-ên phải vâng theo những yêu cầu giao ước hoặc là xứ sẽ bị tước mất đi ( 11:31-32; 28:36,63-68; 30:19-20). Món quà miễn phí phải được đáp ứng và duy trì!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Lễ thật trung tâm của đoạn này là gì?
2. Đoạn này nói về một người trở nên một người tin cậy hay những người tin cậy trở nên trung tín?
3. Đoạn này có mâu thuẫn với thần học Phao-lô về sự bất khả của nhân loại trong việc vâng giữ luật pháp hay không (ví dụ, Ga-la-ti 3; Rô-ma 3)?

# PHỤC TRUYỀN 31

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giô-suê, vị Lãnh Đạo Mới của Y-so-ra-ên	Tổng Kết Những Sự Kiện Của Cuộc Đời Môi-se	Giô-suê Trở Nên Người Kế Vị Môi-se	Sự Bổ Nhiệm Giô-suê
31:1-8	31:1-6 31:7-8	31:1-6 31:7-8	31:1-6 31:7-8
Luật Pháp Phải Được Đọc Mỗi Bảy Năm		Luật Pháp Phải Được Đọc Mỗi Bảy Năm	Nghi Lễ Tuyên Đọc Luật Pháp
31:9-13	31:9-13	31:9-13	31:9-13
Lời Tiên Tri về Sự Bội Nghịch Của Y-so-ra-ên		Những Sự Dạy Dỗ Cuối Cùng của Đức Giê-hô-va cho Môi-se	Những Sự Dạy Dỗ của Đức Giê-hô-va
31:14-15	31:14-15	31:14-15	31:14-15
31:16-23	31:16-22	31:16-18	31:16-18
			Bài Ca của Những Người Làm Chứng
		31:19-21	31:19-22
		31:22	
	31:23	31:23	31:23
			Luật Pháp Được Đặt Bên Cạnh Hòm Giao Ước
31:24-29	31:24-29	31:24-29	31:24-27
			Y-so-ra-ên Nhóm Lại Để Nghe Bài Ca (31:28-32:44)
Bài Ca của Môi-se (31:30-32:47)		Bài Ca của Môi-se (31:30-32:44)	31:28-29
31:30	31:30	31:30	31:30

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:1-6**

<sup>1</sup> Môi-se đến giảng cho cả Y-sơ-ra-ên những bài sau này. <sup>2</sup> Người nói: Ngày nay ta được một trăm hai mươi tuổi; không thể đi ra đi vào nữa; và Đức Giê-hô-va có phán cùng ta rằng: ngươi không đi ngang qua sông Giô-đanh này đâu. <sup>3</sup> Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ đi đầu ngươi, Ngài sẽ diệt các dân tộc ở đằng trước ngươi, và ngươi sẽ nhận được xứ chúng nó; Giô-suê sẽ đi trước ngươi, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn. <sup>4</sup> Đức Giê-hô-va sẽ đãi chúng nó như Ngài đã đãi Si-hôn và Óc, vua dân A-mô-rít, và xứ chúng nó mà Ngài đã hủy phá. <sup>5</sup> Đức Giê-hô-va sẽ phó chúng nó cho các ngươi, và các ngươi phải đãi chúng nó tùy theo lệnh ta đã truyền cho. <sup>6</sup> Hãy vững lòng bền chí; chớ sợ chi và chớ kinh khủng trước mặt các dân đó: vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đi cùng ngươi; Ngài chẳng lìa khỏi ngươi, chẳng từ bỏ ngươi đâu."

**31:1 “giảng...những bài”** Có lẽ, cụm từ này nên là “kết thúc những lời,” theo bản Bảy Mươi và một bài bản thảo từ Cuộn Biển Chết, vốn đối chỗ hai phụ âm Hê-bơ-rơ ( NRSV, REB). Đây là phần cuối của ba bài giảng của Môi-se.

**31:2 “ta được một trăm hai mươi tuổi”** Cuộc đời 120 năm của Môi-se ( 34:7) có thể được chia thành những phần 40 năm. Môi-se có 40 năm được chuẩn bị tại những viện hàn lâm hoàng gia tại Ai Cập, 40 năm trong hoang mạc huấn luyện cho sự kêu gọi của ông, và 40 năm kể từ thời điểm bụi gai cháy cho đến hiện tại ( Xuất 7:7 và Công VỤ 7:từ câu 23). Tại sao lại đề cập đến tuổi của ông? Những nguyên nhân có thể như sau: (1) trong nền văn học Ai Cập 110 năm là độ tuổi của những người đàn ông thông thái, nhưng tại Sy-ri nó là 120 năm; (2) độ tuổi giới hạn trong Sáng 6:3; hoặc (3) một sự biện hộ của Môi-se cho lý do tại sao ông không dẫn dắt họ vào trong đất hứa.

**⌋ “không thể đi ra đi vào nữa”** Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho sinh lực (Giô-suê 14:11; NRSV, TEV, NJB, JPSOA)! Tuy nhiên, tuổi cao đã không thể cắt đi sức lực của Môi-se, Phục 34. Có thể đây đã là một sự biện hộ ( 1:37) liên quan đến sự không vâng phục công khai của Môi-se được ghi chép lại trong Dân Số Ký 20:11-12. Phục Truyền 3:23-29 ghi chép lại lời thỉnh cầu của Môi-se với Đức Chúa Trời để cầu xin Ngài cho ông bước vào Đất Hứa ( 32:48-52).

**31:3 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ đi đầu ngươi”** Đức Chúa Trời chiến đấu cho họ, mặc dù họ phải chuẩn bị cho chiến trận và tham gia ( những câu 3-6, thuật ngữ thánh chiến). Môi-se đã là một công cụ được sử dụng bởi Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời, Chính Ngài, đã là người đưa dắt dân sự. Trong thực tế đó chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải Giô-suê, là Đấng đã bước vào chiến trận phía trước dân sự Ngài!

**⌋ “Giô-suê sẽ đi trước ngươi”** Một lãnh đạo mới là cần thiết bởi vì sự không vâng phục của Môi-se. Đức Chúa Trời sẽ ở cùng với Giô-suê, nhưng ông cũng đã phải thực hiện những nghĩa vụ giao ước của mình ( 1:38; 3:28).

**31:6 “Hãy vững lòng bền chí”** Câu này có một vài thể mệnh lệnh:

1. “hãy mạnh dạn (vững lòng)” - BDB 304, KB 302, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, những câu 7,23
2. “hãy can đảm (bền chí)” - BDB 54, KB 65, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, trong những câu 7,23
3. “chớ sợ hãi” - BDB 431, KB 432, dạng phủ định của *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, được sử dụng theo nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH
4. “đừng run rẩy” - BDB 791, KB 888, dạng phủ định của *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, được sử dụng theo nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH, 1:29; 7:21; 20:3; Giô-suê 1:9

Dân Số Ký 1 và 2 được lặp lại bởi Môi-se với Giô-suê trong câu 7 và Dân Số Ký 3 và 4 được lặp lại trong câu 8 (điểm #4 cũng song hành, nhưng với một ĐỘNG TỪ khác, “mất hết can đảm,” BDB 369, KB 365, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH).

Một thái độ và đức tin thích hợp là rất cần thiết! Ở tại đó có những người không lờ trong xứ, nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ở cùng với dân sự Ngài (những câu 3,4,5,6).

**} “Ngài sẽ ...chẳng lia khỏi ngươi, chẳng từ bỏ ngươi đâu”**

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đi cùng với họ (“bước,” BDB 229, KB 246, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG)
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ chẳng lia khỏi họ (“bỏ rơi,” BDB 951, KB 1276, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chẳng từ bỏ họ (“rời bỏ,” BDB 736 I, KB 806, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Sáng 28:15) Lời hứa này được lặp lại với Giô-suê trong 0 Giô-suê 1:5 và được lặp lại như là lời hứa dành cho những tín hữu Tân Ước trong sách Hê-bơ-rơ

13:5! Niềm hy vọng trong đặc tính ân điển không đòi hỏi của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ví dụ, Xuất 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi 103:8; 145:8; Giô-ên 2:13)!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:7-8**

<sup>7</sup> Đoạn, Môi-se gọi Giô-suê, nói cùng người tại trước mặt cả Y-sơ-ra-ên mà rằng: **Hãy vững lòng bền chí; vì ngươi sẽ vào với dân này trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ họ, và ngươi sẽ chia xứ cho họ.** <sup>8</sup> **Chánh Đức Giê-hô-va sẽ đi trước ngươi, Ngài sẽ ở cùng ngươi, chẳng lia khỏi ngươi, chẳng từ bỏ ngươi đâu. Chớ sợ, và chớ kinh khủng.”**

31:7 Đây là một sự chuyển giao quyền lực công khai! Đây là sự ứng nghiệm của 1:38 và 3:28!

31:8 “Ngài sẽ ở cùng ngươi” Điều này được nhắc lại, “Ta sẽ ở với ngươi,” trong câu 23! Lời hứa của sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là phước hạnh vĩ đại nhất được ban ra (Xuất 3:12; 4:12,15; 33:14-16; Phục 4:37; Giô-suê 1:5). Nó là lý do mà những lãnh đạo của Ngài và dân sự không nên sợ hãi bất cứ ai hay bất cứ điều gì!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:9-13**

<sup>9</sup> Môi-se chép luật này, giao cho những thầy tế lễ, là con cháu Lê-vi, khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, lại giao luôn cho hết thầy trưởng lão Y-sơ-ra-ên, <sup>10</sup> và truyền lệnh này, mà rằng: **Cuối bảy năm, nhằm năm giải thích, tại ngày lễ lều tạm,** <sup>11</sup> **khi cả Y-sơ-ra-ên đến châu trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, trong chỗ Ngài sẽ chọn, thì ngươi phải đọc luật này trước cả Y-sơ-ra-ên cho chúng nghe.** <sup>12</sup> **Ngươi phải nhóm hiệp dân sự, nào người nam, người nữ, nào con trẻ và khách lạ ở trong các thành của ngươi, để chúng nghe, tập kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, và cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này.** <sup>13</sup> **Những con cái của dân sự chưa biết việc ấy, sẽ nghe, tập kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, trọn lúc các ngươi sống trên đất mà các ngươi sẽ nhận được, sau khi đã đi ngang qua sông Giô-đanh.”**

31:9 “Môi-se chép luật này” Một vài lần trong Ngũ Kinh nói rằng, “Môi-se chép” (Xuất 17:14; 24:4,22; 34:1,27,28; Dân Số Ký 17:2,3; 33:2; Phục 4:13; 5:22; 31:9,22). Môi-se trao Luật Pháp cho Y-sơ-ra-ên để tiêu chuẩn hóa ý muốn của Đức Chúa Trời cho các thế hệ tương lai.

**} “cho những thầy tế lễ, là con cháu Lê-vi”** Thật là thú vị rằng có một vài sự khác biệt về việc ai là những “thầy tế lễ” một cách chính xác:

1. chi phái Lê-vi (luôn luôn)
2. dòng dõi của A-rôn (thường thường)

Mọi thầy tế lễ là người Lê-vi, nhưng không phải tất cả người Lê-vi đều là thầy tế lễ.

**} “cho hết thầy trưởng lão”** Điều này chỉ về những trưởng lão chi phái. Trong câu này Môi-se giao phó luật pháp cho những lãnh đạo tôn giáo và thế tục (chi phái) của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, trên thực tế, tất cả những lãnh đạo và luật pháp của Y-sơ-ra-ên đều được xem là tôn giáo (ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA). Không có sự đối nghịch trần tục và thánh khiết trong Y-sơ-ra-ên. Tất cả đều là thánh khiết bởi vì tất cả đều thuộc về ĐỨC GIÊ-



HÔ-VA! Có những ngày đặc biệt và những địa điểm đặc biệt, nhưng tất cả cuộc sống đều được điều chỉnh bởi những sắc lệnh thiên thượng!

**31:10** Có hai ngày tháng được đề cập đến trong câu này:

1. một cái là sự kiện mỗi năm, Lễ Lều Tạm
  - a. Xuất 23:16-17; 34:22
  - b. Lê-vi Ký 23:33-43
  - c. Phục 16:13-15
2. một cái là sự kiện mỗi bảy năm (năm Sa-bát)
  - a. Xuất 23:10,11
  - b. Lê-vi Ký 25:1-7
  - c. Phục 15:1-6

Ở đây Môi-se thêm vào những nghi lễ thông thường việc đọc giao ước.

Lễ Lều Tạm là một sự kiện hàng năm để nhắc lại cho Y-sơ-ra-ên về hành động ân điển và năng quyền của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã giải cứu họ khỏi Ai Cập và sự chu cấp và hiện diện của Ngài trong suốt thời kỳ lang thang trong hoang mạc. Đây là lễ hội của sự tạ ơn về sự giải cứu/ tự do, cũng như là nghi lễ của sự tự do khỏi món nợ, xảy ra mỗi bảy năm (ví dụ, năm Sa-bát, Lê Vi Ký 25). Sự kết hợp hai sự kiện tự do này chính là một thời điểm hoàn hảo để nhắc lại giao ước luật pháp Môi-se với Đức Chúa Trời ân điển, Đấng đã lập lên giao ước!

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG KỶ LỄ CỦA Y-SƠ-RA-ÊN**

- I. Những Lễ Hội Hàng Năm từ Môi-se ( Xuất 23:14-17; Lê-vi Ký 23; Num 28; Phục 16)
  - A. Tất cả những nam giới người Do Thái được yêu cầu phải tham gia ba lễ hội hàng năm ( Xuất 23:14,17; 34:23) nếu có thể.
  - B. Những lễ hội này có tính chất quan trọng trong nông nghiệp, cũng như là sự quan trọng quốc gia.
  - C. Mỗi lễ hội là một ngày nghỉ, thờ phượng, và mối liên hệ cộng đồng.
  - D. Ba ngày lễ hội được yêu cầu hằng năm
    1. Ngày Lễ Vượt Qua ( Xuất 12:1-14,21-28; Lê-vi Ký 23:4-14; Dân Số Ký 28:16-25; Phục 16:1-8)
      - a. sự tạ ơn và dâng hiến mùa gặt lúa mạch
      - b. tưởng nhớ về cuộc Xuất Hành
      - c. nó được theo sau bởi bảy ngày Lễ Bánh Không Men ( Xuất 12:15-20; 34:18-20)
    2. Lễ Ngũ Tuần (Lễ Các Tuần Lễ, Xuất 23:16; 34:22)
      - a. sự tạ ơn và sự dâng hiến vụ mùa lúa mì
      - b. tưởng nhớ việc ban cho của Kinh Torah đến với Môi-se trên Ngọn Núi Si-nai bởi sự liệt vào của ra-bi Do Thái
      - c. Hãy xem Lê-vi Ký 23:15-21; Dân Số Ký 28:26-31
    3. Lễ Đền Tạm/Lều Tạm/Nhà Tạm (Lễ Succoth)
      - a. sự tạ ơn cho vụ mùa nói chung
      - b. tưởng nhớ về sự bắt đầu của thời kỳ lang thang trong hoang mạc
      - c. hãy xem Xuất 23:16; 34:22; Lê-vi Ký 23:34-44; Phục 16:13-17
      - d. nó được theo sau bởi tám ngày lễ hội ( Lê-vi Ký 23:36; Dân Số Ký 29:35-38)
  - E. Những ngày lễ quốc gia khác
    1. Ngày Mừng Năm Mới (Rosh Hashanah)
      - a. hãy xem Lê-vi Ký 23:23-25; Dân Số Ký 29:1-6
      - b. ngày của sự nghỉ ngơi và dâng sinh tế này được tổ chức vào ngày thứ nhất của tháng Tishri
      - c. tính chất lễ hội của ngày này, trở nên rất phổ biến trong thời kỳ Tân Ước, thì không được nói rõ trong Ngũ Kinh

2. Đại Lễ Chuộc Tội- “ngày của sự che phủ” hoặc Yom Kippur (ngày kiêng ăn duy nhất)
  - a. một ngày nghỉ ngơi, kiêng ăn, và ăn năn tội lỗi
  - b. một nghi lễ cho việc loại bỏ sự không tinh sạch tập thể (đền tạm, các thầy tế lễ, và dân sự)
  - c. hãy xem Xuất 30:10; Lê-vi Ký 16; 23:26-32; 25:9; Dân Số Ký 29:7-11
  - d. thật khó để nắm được khi nào ngày lễ này được mở lại sau Cuộc Lưu Đày

## II. Những Ngày Lễ theo Môi-se khác

### A. ngày Sa-bát

1. ngày lễ mỗi tuần của sự nghỉ ngơi và thờ phượng
2. hãy xem Sáng 2:1-3; Xuất 16:22-30; 20:8-11; 23:12; 31:12-16; Lê-vi Ký 23:1-3; Dân Số Ký 28:9-10

### B. Năm Sa-bát

1. mỗi bảy năm đất đai được nghỉ ngơi (không gieo trồng)
2. hãy xem Xuất 23:10-11; Lê-vi Ký 25:1-7; Phục 15:1
3. nó biểu thị rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sở hữu đất và ban nó cho Y-sơ-ra-ên
4. tất cả các nô lệ được giải phóng ( Xuất 21:2-6) và tất cả những món nợ được tha ( Phục 15:1-6)

### C. Năm Hân Hỷ

1. mọi năm Sa-bát lần thứ bảy (năm thứ 50)
2. hãy xem Lê-vi Ký 25:8-18; 27:17-24
3. tha hết những nợ nần và trả lại đất đai, giải phóng nô lệ ( Lê-vi Ký 25:10,13, rất tương tự với Năm Sa-bát)
4. sự cử hành của nó chưa bao giờ được ghi lại

### D. Lễ Trăng Mới

1. Đấng tế lễ đặc biệt và một ngày nghỉ ngơi
2. hãy xem Dân Số Ký 10:10; 28:11-15
3. có lẽ để tưởng nhớ đến việc dựng lên đền tạm ( Xuất 40:2,17)
4. lịch Do Thái được dựa trên những chu kỳ của mặt trăng

III. Những nghi lễ và sự cử hành cho thấy một sự phát triển theo thời gian. Những lễ hội và sự kiêng ăn có thể đã bắt đầu trong lịch của người ngoại, nhưng đã phát triển thành một sự ngợi khen và cầu nguyện độc nhất Do Thái với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Những sự kiện thiên nhiên (theo mùa), nông nghiệp (trồng trọt, mưa, và mùa vụ), và quốc gia (Cuộc Xuất Hành, ban luật pháp, v.v...) được kết hợp với nhau để nêu bật lên các lần xác định của năm dành cho sự thờ phượng.

**31:11 “trong chỗ Ngài sẽ chọn”** Câu này ở trong ngày của Môi-se chỉ về nơi tập trung tất cả những người nam ba lần một năm ( Lê Vi Ký 23) tại nơi đền tạm ( Xuất 20:24; Phục 12:5,11,13; 14:25; 15:20; 16:7,16; 17:8,10; 18:6; 26:2).

Sau này nó chỉ đến đền thờ trung tâm nằm tại Giê-ru-sa-lem.

**✚ “ngươi phải đọc luật này trước cả Y-sơ-ra-ên”** Đây là một sự kiện tái lập giao ước. Luật pháp được mặc khải cách rõ ràng (đọc) và Y-sơ-ra-ên kết ước chính mình sẽ giữ nó! Tất cả mọi người trong xã hội Y-sơ-ra-ên phải trình diện (trong câu 2-13), ngay cả thế hệ trẻ nhất (ví dụ, độ tuổi *Bar Mitzvah*, Ê-sai 7:16).

Luật pháp không chỉ dành cho một vị vua sau này hoặc những lãnh đạo hiện tại, nhưng dành cho cả dân sự xuyên suốt qua thế hệ của họ và cả những khách lạ!

**31:12 “để chúng nghe, tập kính sợ”** Chú ý sự tiến triển của ĐỘNG TỪ:

1. “nghe” - BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, rất phổ biến trong Phục Truyền, có nghĩa là “nghe để làm theo như vậy”
2. “tập” - BDB 540, KB 531, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
3. “kính sợ” - BDB 431, KB 432, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH (hãy xem đoạn cuối phía dưới)
4. “hãy cẩn thận gìn giữ”
  - a. BDB 1036, KB 1581, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
  - b. BDB 793, KB 889, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Chú ý rằng mục #1,2,3 được lặp lại trong câu 13 để liên hệ với thể hệ mới, vốn đã chưa biết (BDB 393, KB 390, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH). Luật pháp này có mục đích để được biết và gìn giữ trải qua nhiều thế hệ của người Y-sơ-ra-ên. Trong nhiều cách sự tiên tri này nhắc tôi về Ê-xơ-ra ( Ê-xơ-ra 7:10). Y-sơ-ra-ên cần phải kính sợ hoặc tôn kính (BDB 431) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 4:10; 14:23; 17:19), nhưng không được sợ hãi bất cứ ai hoặc bất cứ điều gì!

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:14-18**

<sup>14</sup> Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: kìa, ngày chết của ngươi hầu gần; hãy gọi Giô-suê, rồi hai ngươi hãy ra mắt tại hội mạc, để ta truyền lệnh ta cho người. Vậy, Môi-se và Giô-suê đi đến châu tại hội mạc. <sup>15</sup> Đức Giê-hô-va hiện ra nơi Trại, trong một trụ mây, và trụ mây dừng lại tại cửa Trại. <sup>16</sup> Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Kìa, ngươi sẽ an giấc với các tổ phụ ngươi; dân sự này sẽ dấy lên và thông dâm cùng các thần khác trong xứ mà họ sẽ vào, bỏ ta và bội giao ước ta đã lập cùng họ. <sup>17</sup> Trong ngày ấy, cơn thịnh nộ ta sẽ phừng lên cùng họ, ta sẽ bỏ họ, giấu mặt ta đi, khiến cho họ bị tiêu diệt; nhiều sự tai vạ và buồn thảm sẽ xông hãm vào họ. Trong ngày đó họ sẽ nói rằng: Há có phải vì Đức Chúa Trời không ngự giữa tôi, nên những tai vạ này xông hãm vào tôi chăng? <sup>18</sup> Còn ta, trong ngày đó, sẽ giấu mặt ta đi, vì có các tội ác của dân đã làm, trở theo các thần khác."

**31:14 “gọi. . .ra mắt”** Có hai THÊ MỆNH LỆNH.

1. “gọi” - BDB 894, KB 1128, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. “ra mắt” - BDB 426, KB 427, *Hithpael* THÊ MỆNH LỆNH (điều này chỉ về một sự bổ nhiệm chính thức bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, I Sa-mu-ên 10:19, hoặc giao ước được tái lập, Giô-suê 24:1)

**}** “**hội mạc (lều hội kiến)**” Có vẻ như có hai lều đặc biệt kết nối với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. đền tạm được mô tả trong Xuất 25-27, vốn là nơi để Hòm Giao Ước và được dựng tại trung tâm của nơi cắm trại của người Y-sơ-ra-ên
2. lều hội kiến được mô tả trong Xuất 33:7-11, được dựng phía ngoài của trại của Y-sơ-ra-ên, nơi Môi-se đến để gặp ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
3. thường đám mây (mà các ra-bi Do Thái gọi là Đám mây *Shekinah*-Đám mây của sự vinh hiển), vốn biểu tượng cho sự hiện diện cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, thường sẽ hiện ra tại điểm #1, nhưng trong câu này tại điểm #2 ( câu 15; Xuất 33:9)
4. Có thể có một vài trích dẫn khác liên hệ với điểm #2—Xuất 18:7-16; Dân Số Ký 11:16,24,26; 12:4

**}** “**để ta truyền lệnh ta cho người**” Trong câu 7, Môi-se gọi Giô-suê trước mặt dân sự. Ở đây ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gọi Môi-se và Giô-suê đến trước chính Ngài.

**31:15 “một trụ mây”** cùng một trụ mây đã biệt riêng con cái Y-sơ-ra-ên với quân đội Ai Cập ( Xuất 13:21-22; 14:19-20). Trụ mây này đã đổ đầy Đền Thờ khi Ê-sai nhìn thấy Đức Chúa Trời “cao trọng và được tôn cao” trong Ê-sai 6. Đây là biểu tượng vật lý của sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Nó ở lại với Y-sơ-ra-ên xuyên suốt thời kỳ họ lang thang trong đồng vắng. Nó thực hiện chức năng trong một vài cách:

1. nó bày tỏ sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. nó dẫn dắt người Y-sơ-ra-ên đi từ điểm này sang điểm khác
3. nó che mát cho họ vào ban ngày
4. nó chiếu sáng trại của họ vào ban đêm

Một khi họ đã băng qua sông Giô-đanh, sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được bày tỏ qua hòm Giao Ước, nhưng đám mây biến mất.

**31:16 “dân sự này sẽ dấy lên và thông dâm”** Điều này bày tỏ sự biết trước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về sự phạm tội thờ hình tượng tiếp diễn liên miên của Y-sơ-ra-ên ( 4:15-28; 31:29). Chú ý sự tiến triển của sự thờ hình tượng nơi ĐÔNG TỪ này:

1. “sẽ dấy lên” - BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, ví dụ, Xuất 32:6
2. “thông dâm” - BDB 275, KB 275, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
  - a. hành động như một kỹ nữ (gái mại dâm)
    - (1) Lê-vi Ký 21:7,9,14
    - (2) Phục 22:21; 23:18
  - b. theo nghĩa bóng về Đất Hứa, Lê-vi Ký 19:29
  - c. theo nghĩa bóng về những liên minh ngoại bang
  - d.
    - (1) Ê-sai 23:17
    - (2) Giê-rê-mi 3:1
    - (3) Ê-xê-chi-ên 16:26,28
  - e. theo nghĩa bóng của sự thờ hình tượng sự sinh sản và máu mỡ
    - (1) Xuất 34:15,16
    - (2) Lê-vi Ký 17:7; 20:5
    - (3) Phục 31:16
3. “sẽ bỏ ta” - BDB 736, KB 806, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 28:20; Các quan xét 10:6,10; Giê-rê-mi 1:16
4. “bội giao ước ta” - BDB 830, KB 974, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, 31:20; Lê-vi Ký 26:15; Giê-rê-mi 11:10

**31:17 “con thạnh nộ ta sẽ phùng lên”** ĐÔNG TỪ này (BDB 354, KB 351, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) thường được sử dụng cho con giận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. nghịch lại cùng Môi-se, Xuất 4:14
2. nghịch lại cùng Y-sơ-ra-ên, Xuất 22:24; 32:10; Dân Số Ký 11:1,10; 32:10; Phục 6:15; 7:4; 11:17; 31:17
3. nghịch lại cùng các thám tử, Dân Số Ký 12:9
4. nghịch lại cùng Ba-la-am, Dân Số Ký 22:22
5. nghịch lại cùng xứ, Phục 29:27

**} “ta sẽ bỏ họ, giấu mặt ta đi khỏi họ”** Hai ĐÔNG TỪ này mô tả theo ngôn ngữ nhân hình sự vô hiệu hóa giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm với họ những gì họ đã làm với Ngài (câu 16).

1. “ta sẽ bỏ họ” - BDB 736, KB 806, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
2. “giấu mặt ta đi khỏi họ” - BDB 711, KB 771, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, câu 18; 32:20; Ê-sai 59:2; 64:7). Đây là một thành ngữ dùng cho việc dỡ bỏ phước hạnh và mối quan hệ giao ước.

Hậu quả là:

1. họ bị tiêu diệt
  - a. ĐÔNG TỪ, “bị” - BDB 224, KB 243, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH  
thieu đốt/ tiêu diệt - BDB 37, KB 46, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
2. nhiều sự tai vạ và buồn thảm sẽ đến
  - a. “sẽ đến” - BDB 592, KB 619, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
  - b. tai vạ - BDB 949
  - c. sự buồn thảm - BDB 865 I
3. Sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (trong các câu 6,8) sẽ không ở với họ ( “Đức Chúa Trời không ngự giữa tôi”)

**31:18** Sự đe dọa trong câu 1717 (ví dụ, “ta sẽ giấu mặt ta đi khỏi họ”) được lặp đi lặp lại cách nhấn mạnh (*Hiphil* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Hiphil* THỂ CHỨA HOÀN THÀNH).

**} “các thần khác”** Quyển *Jewish Study Bible* khẳng định rằng “Đức Chúa Trời chúng ta” trong câu 17 nên được dịch là “các thần của chúng ta” và liên hệ với “các thần khác” ở trong câu 18 (Trang 439).

Từ đầu tiên (BDB 43) có vẻ như là một thể đơn nguồn gốc từ *Elohim* (BDB 43) trong câu 18. Từ đầu tiên có thể được sử dụng cho một vị thần ngoại bang ( II Sử ký 32:15; Đa-ni-ên 11:37), nhưng cũng được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Phục 32:15,17; Thi 50:22; 114:7; 139:19; Châm 30:5; Ê-sai 44:8).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:19-22

<sup>19</sup>” Vậy, bây giờ, hãy chép bài ca này và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên; hãy để trong miệng họ, để bài ca này dùng làm chứng cho ta nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên. <sup>20</sup> Vì ta sẽ đưa dân này vào xứ, ta đã thề hứa cùng tổ phụ chúng nó; tức là xứ đượm sữa và mật; chúng nó sẽ ăn no nê và mập béo; đoạn, trở đi hầu việc các thần khác, khinh dễ ta, và bội giao ước của ta. <sup>21</sup> Khi tai vạ nhiều và sự gian truân đã xông hãm dân này, thì bây giờ, bài ca này sẽ rên lên làm chứng nghịch cùng nó, vì miệng của dòng dõi nó sẽ không quên. Và, ta biết những ý tưởng của nó đã kết nên ngày nay, trước khi đưa nó vào xứ mà ta đã thề ban cho. <sup>22</sup> Trong ngày đó, Môi-se chép bài ca này và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên.

**31:19 “(tự mình) chép bài ca này”** Đây sẽ là lời chứng của Đức Chúa trời nghịch cùng những hành động tương lai của Y-sơ-ra-ên. Điều này, tất nhiên, là một phép tu từ mang tính chất luật pháp ( 4:26; 30:19; 31:28; Giô-suê 24:22)! Y-sơ-ra-ên phải chịu trách nhiệm để dạy dỗ tất cả các thế hệ sau ở trong luật pháp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

**31:20 “chúng nó sẽ ăn no nê và mập béo; đoạn, trở đi hầu việc các thần khác”** Những thời điểm khó khăn nhất của dân sự của Đức Chúa Trời chính là ở giữa những thời điểm của sự thịnh vượng vĩ đại! Chúng ta có khuynh hướng quên đi một cách quá dễ dàng ( 6:10-15; 8:11-20; 32:15-18).

} Chú ý tiến trình của sự xuống dốc rơi vào sự bội nghịch:

1. chúng sẽ xoay sang các thần khác- BDB 815, KB 937, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, câu 18; 29:18; 30:17
2. hầu việc chúng- BDB 712, KB 773, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 4:19; 7:4; 8:19; 11:16; 13:6,13; 17:3; 28:14,36,64; 29:18,26; 30:17
3. khinh dễ ta- BDB 610, KB 658, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, Dân Số Ký 14:11,23; Ê-sai 1:4
4. bội giao ước của ta - BDB 830, KB 974, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH, câu 16; Lê-vi Ký 26:15; Giê-rê-mi 11:10; 31:32

**31:21 “khi tai vạ nhiều và sự gian truân đã xông hãm dân này”** Những tai vạ và sự gian truân được đề cập đến trong câu 17 và được dự đoán trước trong 4:30.

} **“(vì miệng của dòng dõi nó sẽ không quên)”** Đây là một lời hứa dành cho một dân sót trung tín và sự tiếp nối tri thức về luật pháp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

} **“ý tưởng”** Từ Hê-bơ-ro *yetzer* đôi khi được dịch là “sự tưởng tượng của tâm lòng” (BDB 428 I, nó có thể ở trong nghĩa tích cực, Ê-sai 26:3). Đây là cách của Cựu Ước để nói rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA biết khuynh hướng về phía sự phản nghịch vốn ở trong con người (Sáng 6:5; 8:21; Thi 103:14; Giê-rê-mi 18:23).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:23

<sup>23</sup>Đức Giê-hô-va ra lệnh cho Giô-suê, con trai Nun, mà rằng: Hãy vững lòng bền chí, vì ngươi sẽ đưa dân Y-sơ-ra-ên vào trong xứ mà ta đã thề ban cho chúng nó; còn ta, ta sẽ ở cùng ngươi.”

**31:23** Môi-se nói những lời này với Y-sơ-ra-ên trong 31:6. Môi-se nói những lời này với Giô-suê trong 31:7 (1:38; 3:28). Giờ đây (trong câu 23) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán những lời này trực tiếp với Giô-suê (Giô-suê 1:6,7,9), người đứng với Môi-se ngay tại cửa của Đền Tạm.

1. “hãy mạnh mẽ” - BDB 304, KB 302, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. “hãy can đảm” - BDB 54, KB 65, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH

} **“Ta sẽ ở cùng ngươi”** Mệnh đề định danh ĐẠI TỪ “Ngài” trong câu 23a. Đây chính là món quà vĩ đại nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xuất 3:12; 4:12,15; 33:14-16; Phục 4:37; 31:6,8; Giô-suê 1:5)!

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:24-29

<sup>24</sup> Khi Môi-se chép những lời luật pháp này trong một cuốn sách xong rồi, <sup>25</sup> thì ra lệnh cho người Lê-vi khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va mà rằng: <sup>26</sup> Hãy lấy cuốn sách luật pháp này, để bên hòm giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi. Nó sẽ ở đó làm chứng nghịch cùng ngươi; <sup>27</sup> vì ta biết tánh bội nghịch và cứng cổ của ngươi. Nay ngày nay, lúc ta còn sống với các ngươi, các ngươi đã phản nghịch cùng Đức Giê-hô-va; huống chi sau khi ta qua đời! <sup>28</sup> Hãy nhóm hiệp những trưởng lão của các chi phái và quan cai các ngươi lại gần ta; ta sẽ cho họ nghe những lời này nơi lỗ tai, và ta bắt trời cùng đất làm chứng nghịch cùng họ. <sup>29</sup> Vì ta biết rằng, sau khi ta qua đời, các ngươi hẳn sẽ bại hoại, trở bỏ đường ta đã truyền dạy cho các ngươi; trong ngày sau rốt, tai họa sẽ xông hãm các ngươi, bởi các ngươi làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, lấy những công việc của tay mình mà chọc Ngài nổi giận."

**31:26 “bên hòm giao ước”** Bản dịch KJV dịch là “trong,” nhưng cách dịch tốt hơn là “bên cạnh” (NKJV, NRSV, TEV, NJB, Xuất 25:16; I Các Vua 8:9); và để biết về “Hòm Giao Ước” hãy xem Xuất 25:10-22.

Trong Cụ Uớc có vẻ như chỉ có hai bảng đá mà trên đó được viết bởi Đức Chúa Trời (Xuất 31:18) được chứa trong Hòm (cũng như những mảnh mà Môi-se đã đập vỡ, Xuất 32:19; 34:1). Ở đây có ba vật khác vốn được đặt bên cạnh Hòm:

1. một bình ma-na, Xuất 16:33-34
2. Cây gậy nở hoa của A-rôn, Dân Số Ký 17:10
3. bản chép lại luật pháp được viết bởi Môi-se

Tuy nhiên phải có một vài sự bối rối giữa vòng những ra-bi Do Thái, bởi vì tác giả của sách Hê-bơ-rơ khẳng định rằng Hòm chứa những bảng đá cùng mục #1 #2 ( Hê-bơ-rơ 9:4).

} “giao ước” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 4:13.

**31:27 “vì ta biết tánh bội nghịch và cứng cổ của ngươi”** Môi-se đã về kinh nghiệm khuynh hướng phản loạn của Y-sơ-ra-ên (trong câu 21) trong suốt cả cuộc đời của ông ( 9:7-29).

}

NASB “sự ngoan cố”  
NKJV “cứng cổ”  
NRSV, TEV “bướng bỉnh”  
NJB “cứng cổ”

Từ này là sự kết hợp của “cổ” (BDB 791) và “cứng rắn” hoặc “cứng” (BDB 904). Y-sơ-ra-ên thường được mô tả bởi sự kết hợp không thuận lợi này ( Xuất 32:8; 33:3,5; 34:9; Phục 9:6,13; 31:27). ĐỘNG TỪ này được sử dụng trong Phục 10:16; II Các Vua 17:14; Nê-hê-mi 9:16,17,29; Giê-rê-mi 7:26; 17:23; 19:15. Cùng một ý tưởng được mô tả trong Ê-sai 48:4 và Ê-xê-chi-ên 2:4; 3:7.

Trong một nghĩa những câu 27-29 là một lời tiên tri, dựa trên những hành động trong quá khứ của Y-sơ-ra-ên. Cùng một loại lời tiên tri như vậy cũng được tìm thấy trong Giô-suê 24:19-20. Những nỗ lực tốt nhất của Y-sơ-ra-ên là không đủ. Giao ước thứ nhất sẽ thất bại trong việc phục hồi sự mật thiết được định trước giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và tạo vật cao nhất của Ngài (nhân loại) trong Vườn Ê-đen. Một Giao Ước mới là cần thiết (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) dựa trên những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Nhân loại đã mắc bệnh không chữa trị được của sự bội nghịch ( Sáng 6:5; 8:21; Giê-rê-mi 17:9).

**31:28** Câu này có ba ĐỘNG TỪ dạng mệnh lệnh:

1. “nhóm hiệp” - BDB 874, KB 1078, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
2. “nói” - BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY
3. “gọi (bắt)” - BDB 729, KB 795, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY

Môi-se nói chuyện với những lãnh đạo (những trưởng lão và quan trưởng), là những người biểu tượng thay cho toàn Y-sơ-ra-ên, một cách trực tiếp. Điều này có thể chỉ về một hội đồng đại diện quốc gia (Các quan xét 21:16).

} “trời cùng đất làm chứng nghịch cùng họ” Những nhân chứng được phê chuẩn thường được đề cập đến

trong những mạch văn của giao ước ( 4:26; 30:19; 31:28; 32:1).

Trong đoạn này cũng có hai nhân chứng khác:

1. bài ca của Môi-se, trong câu 19,21
2. cuộn luật pháp, câu 26

**31:29** Chú ý những lời tiên tri về tiến trình xuống dốc sau cái chết của Môi-se ( Giô-suê 24:19-28):

1. các người hấn sẽ hành động bại hoại - BDB 1007, KB 1469, cả *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH và thể NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI, 4:16,25; 9:12
2. trở bỏ đường - BDB 693, KB 747, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH
3. các người làm điều ác (BDB 948 II) trước mặt Đức Giê-hô-va - BDB 793 I, KB 889, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH
4. lấy những công việc của tay mình mà chọc Ngài nổi giận (BDB 795 và 388, sự thờ hình tượng) - BDB 494, KB 491, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 4:25; 9:18; 32:16; I Các Vua 16:7; II Các Vua 17:7; 21:6; Giê-rê-mi 25:6,7; 32:30; 44:8

**31:30** Câu này nên đi với đoạn 32.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao Đức Chúa Trời lại thay đổi những người lãnh đạo?
2. Sự biết trước của Đức Chúa Trời và sự lựa chọn của con người liên hệ với nhau như thế nào trong đoạn này?
3. Tại sao Y-sơ-ra-ên xoay bỏ khỏi Đức Chúa Trời?

# PHỤC TRUYỀN 31:30-32:52

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Bài Ca của Môi-se (31:30-32:47)	Bài Ca của Môi-se (31:30-32:47)	Bài Ca của Môi-se (31:30-32:44)	Y-sơ-ra-ên Nhóm Hợp Đề Nghe Bài Ca (31:28-32:44)
32:1-14	32:1-43	32:1-43	32:1-44
(những câu 1-6)	(câu 1-3)	(câu 1-3)	(câu 1-3)
	(câu 4-9)	(câu 4-6)	(câu 4-9)
(câu 7-9)		(câu 7-9)	
(câu 10-12)	(câu 10-27)	(câu 10-12)	(câu 10-11)
			(câu 12-14)
(câu 13-14)		(câu 13-14)	
32:15-18		(câu 15-18)	(câu 15-39)
32:19-22		(câu 19-22)	
32:23-27		(câu 23-27)	
32:28-33	(câu 28-33)	(câu 28-33)	
32:34-43			
(câu 34-35)	(câu 34-38)	(câu 34-38)	
(câu 36-38)			
(câu 39-42)	(câu 39-43)	(câu 39-42)	
			(câu 40-42)
(câu 43)		(câu 43)	(câu 43)
32:44-47	32:44-47	32:44	(câu 44)
		Những Lời Dạy Dỗ Cuối Cùng của Môi-se	Luật Pháp, Nguồn Của Sự Sống
		32:45-47	32:45-47
Môi-se Phái Qua Đồi trên Ngọn Núi Nê-bô			Cái Chết của Môi-se được Báo Trước
32:48-52	32:48-52	32:48-52	31:48-52

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu)

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.



1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đây có thể là thể loại văn học của khu vực Cận Đông cổ đại nơi một lãnh đạo sẽ ban sự chúc phúc, cảnh báo và lời tiên tri trước khi ông chết:
  1. Gia-cốp - Sáng Thế Ký 49 (cũng là thể loại thơ ca)
  2. Môi-se - Phục 29:2-34:12
  3. Giô-suê - Giô-suê 23:1-24:33
  4. Sa-mu-ên - I Sa-mu-ên 12
  5. Đa-vít - I Các Vua 2:1-9
- B. Một vài học giả nhìn thấy trong bài thơ này: (1) trong ánh sáng của cấu trúc hiệp ước Hê-tít, nhưng (2) những người khác nhìn thấy nó giống như là cảnh tượng một phiên tòa. Trong văn mạch của sách Phục Truyền, lựa chọn 2 có vẻ tốt nhất, mặc dù cả sách Phục Truyền đều phù hợp với cấu trúc của hiệp ước thiên niên kỷ thứ hai TC (vốn đem lại bằng chứng dành cho quyền tác giả của Môi-se).
- C. Bài thơ này rất cổ xưa (những thể rất cổ xưa). Hầu hết tất cả các học giả cho rằng nó quay lại với những thời kỳ cổ xưa trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên.
- D. Có nhiều sự ngụ ý chỉ trong các bài hát trong Cựu Ước, đặc biệt là Thi Thiên và Ê-sai. Chúng được hát những khi chiến thắng:
  1. đạo binh hoàng gia Ai Cập bị hủy diệt trong lòng Biển Đỏ, Xuất Ê-díp-tô Ký 15
  2. trước khi bước vào phía bên kia sông Giô-đanh, Dân Số Ký 21:17
  3. Đạo quân Ca-na-an của Hát-xo bị hủy diệt, Các Quan Xét 5
  4. Ba-by-lôn bị hủy diệt (Ê-sai 13) bởi Đấng Mê-si của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 11), Ê-sai 12:5
- E. Văn thơ Hê-bơ-rơ

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VĂN THƠ HÊ-BƠ-RƠ

#### I. PHẦN GIỚI THIỆU

- A. Thể loại văn học này hình thành 1/3 Cựu Ước. Nó đặc biệt thông dụng trong “Bộ Các Sách Tiên Tri” (tất cả (ngoại trừ A-ghê và Ma-la-chi) đều bao gồm thể loại văn thơ) và những phần “Các Sách Văn Thơ” của bộ Kinh Điển Hê-bơ-rơ.
- B. Nó rất khác với văn thơ Tiếng Anh. Văn thơ Tiếng Anh được phát triển từ văn thơ, vốn đầu tiên dựa vào sự phát âm. Văn thơ tiếng Hê-bơ-rơ có rất nhiều điểm chung với văn thơ Ca-na-an. Nó căn bản dựa trên sự cân bằng ý tưởng, những dòng song hành với nhau.
- C. Những sự khám phá khảo cổ học phía bắc của Y-sơ-ra-ên tại Ugarit (Ras Shamra) đã giúp đỡ cho những học giả hiểu được về văn thơ Cựu Ước. Thể loại văn thơ từ thế kỷ thứ 15 TC đã rõ ràng kết nối về văn học với văn thơ Kinh Thánh.

## II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỂ LOẠI VĂN THƠ

- A. Nó rất cô đọng.
- B. Nó có thể bày tỏ lẽ thật, những cảm nhận hoặc những trải nghiệm qua những hình ảnh.
- C. Nó được viết xuống chứ không phải là đọc lên trước tiên. Nó được cấu trúc một cách cao độ. Cấu trúc này được diễn tả trong:
  - 1. sự cân xứng của các dòng thơ (Phép song hành)
  - 2. những sự chơi chữ
  - 3. những sự chơi chữ qua cách phát âm

## III. CẤU TRÚC (Hãy xem quyển, *Introduction to the Old Testament*, được viết bởi R. K. Harrison, trang 965-975)

- A. Giám mục Robert Lowth trong quyển sách của ông, *Lectures on the Sacred Poetry of the Hebrews* (1753) đầu tiên đã mô tả thể loại văn thơ Kinh Thánh như là sự cân xứng của những dòng ý tưởng. Những bản dịch hiện đại Tiếng Anh đã được cấu trúc để chỉ ra những dòng của bài thơ.
  - 1. đồng nghĩa- những dòng thơ diễn tả cùng một ý tưởng trong những lời khác nhau:
    - a. Thi Thiên 3:1; 49:1; 83:14; 103:13
    - b. Châm Ngôn 19:5; 20:1
    - c. Ê-sai 1:3,10
    - d. A-mốt 5:24; 8:10
  - 2. phản đề - những dòng thơ diễn tả những ý tưởng đối nghịch nhau bằng những phương cách của sự tương phản hoặc đề cập đến sự tích cực và sự tiêu cực:
    - a. Thi Thiên 1:6; 90:6
    - b. Châm Ngôn 1:29; 10:1,12; 15:1; 19:4
  - 3. tổng hợp – hai hoặc ba dòng tiếp theo phát triển ý tưởng - Thi 1:1-2; 19:7-9; 29:1-2
  - 4. giao thoa – một cấu trúc của thơ ca diễn tả sự điệp trong một trật tự tăng lên và giảm xuống. Điểm chính được tìm thấy ở giữa của cấu trúc.
- B. Charles A. Briggs trong quyển sách của ông, *General Introduction to the Study of Holy Scripture* (1899) đã phát triển sang giai đoạn tiếp theo của sự phân tích văn thơ Hê-bơ-rơ:
  - 1. biểu tượng – một mệnh đề theo nghĩa đen và mệnh đề thứ hai theo nghĩa bóng, Thi 42:1; 103:3
  - 2. tịnh tiến hoặc nấc-thang – những mệnh đề bày tỏ lẽ thật theo kiểu tăng dần, Thi 19:7-14; 29:1-2; 103:20-22
  - 3. nội tại – một chuỗi những mệnh đề, thường ít nhất là bốn mệnh đề được liên hệ với cấu trúc nội tại của dòng 1 với 4 và dòng 2 với 3 - Thi 30:8-10a
- C. G. B. Gray trong quyển sách của ông, *The Forms of Hebrews Poetry* (1915), đã phát triển khái niệm của những mệnh đề cân xứng một cách sâu hơn bởi:
  - 1. một sự cân xứng hoàn chỉnh- nơi mà tất cả các từ trong dòng đều được lặp lại hoặc cân xứng với một từ ở trong dòng thứ hai, Thi Thiên 83:14 và Ê-sai 1:3
  - 2. sự cân xứng không hoàn chỉnh nơi mà những mệnh đề không có độ dài bằng nhau, Thi 59:16; 75:6
- D. Ngày hôm nay có một sự tăng trưởng trong sự nhận biết cấu trúc văn học được sắp xếp trong tiếng Hê-bơ-rơ gọi là cấu trúc giao thoa, vốn thường nêu ra một con số của những dòng thơ song hành với nhau (a,b,b,a; a,b,c,b,a) hình thành nên một dạng đồng hồ cát, vốn có dòng (hoặc những dòng) ở trung tâm được nhấn mạnh.
- E. Thể loại của cấu trúc theo cách phát âm được hình thành trong văn thơ nói chung, nhưng không thường xuyên trong văn thơ phương đông

1. cách chơi chữ theo bảng chữ cái (thể thơ theo chữ đầu, Thi 9,34,37,119; Châm Ngôn 31:từ câu 10; Ca Thương 1-4)
  2. chơi chữ theo cách phát âm (thể thơ theo sự lặp lại âm đầu, Thi 6:8; 27:7; 122:6; Ê-sai 1:18-26)
  3. chơi chữ trên những nguyên âm (trùng âm theo vần điệu, Sáng 49:17; Xuất 14:14; Ê-xê-chi-ên 27:27)
  4. chơi chữ trên sự lặp lại của những từ có sự phát âm tương tự với những ý nghĩa khác nhau (sự chơi chữ -paronomasia)
  5. chơi chữ trên những từ vốn, khi phát âm, âm thanh giống như những sự vật được đặt tên (tượng thanh-onomatopoeia)
  6. sự mở đầu và kết thúc đặc biệt (bao gộp-inclusive)
- F. Có một vài thể loại thơ trong Cựu Ước. Một vài thể loại theo chủ đề, một vài thể loại thơ liên hệ theo cấu trúc:
1. bài ca cung hiến - Dân Số Ký 21:17-18
  2. bài ca công việc - (được ngụ ý chính ung không được ghi chép ở trong Các quan xét 9:27); Ê-sai 16:10; Giê-rê-mi 25:30; 48:33
  3. bài ca kể chuyện (ballads) - Dân Số Ký 21:27-30; Ê-sai 23:16
  4. những bài ca khi uống rượu – tiêu cực, Ê-sai 5:11-13; A-mốt 6:4-7, và tích cực, Ê-sai 22:13
  5. những bài ca yêu đương - Nhã Ca, những câu đố đám cưới - Các quan xét 14:10-18, những bài ca đám cưới - Thi 45
  6. bài ca thương/bài hát buồn/ tiễn biệt - (ngụ ý chỉ nhưng không được ghi lại trong II Sa-mu-ên 1:17 và trong II Sử ký 35:25)  
II Sa-mu-ên 3:33; Thi 27, 28; Giê-rê-mi 9:17-22; Ca Thương; Ê-xê-chi-ên 19:1-14; 26:17-18; Na-hum 3:15-19)
  7. war songs - Sáng 4:23-24; Xuất 15:1-18,20; Dân Số Ký 10:35-36; 21:14-15; Giô-suê 10:13; Các quan xét 5:1-31; 11:34; I Sa-mu-ên 18:6; II Sa-mu-ên 1:18; Ê-sai 47:1-15; 37:21
  8. những lời tạ ơn hoặc chúc phước đặc biệt của lãnh đạo - Sáng 49; Dân Số Ký 6:24-26; Phục 32; II Sa-mu-ên 23:1-7
  9. những lời ma thuật – Ba-la-am, Dân Số Ký 24:3-9
  10. những bài ca thánh- Thi Thiên
  11. những bài thơ theo chữ đầu (acrostic) - Thi 9,34,37,119; Châm Ngôn 31:từ câu 10 và Ca Thương 1-4
  12. những sự rửa sả - Dân Số Ký 21:22-30
  13. những bài thơ mắng nhiếc - Ê-sai 14:1-22; 47:1-15; Ê-xê-chi-ên 28:1-23
  14. quyển sách của những bài thơ chiến trận (Jashar) - Dân Số Ký 21:14-15; Giô-suê 10:12-13; II Sa-mu-ên 1:18

#### IV. HƯỚNG DẪN GIẢI NGHĨA VĂN THƠ HÊ-BƠ-RÔ

- A. Hãy tìm lẽ thật trung tâm của khổ thơ (stanza) hoặc đoạn thơ (strophe) (cái này giống như đoạn văn trong văn xuôi.) Bản RSV là bản dịch hiện đại đầu tiên nhận diện văn thơ bằng những khổ thơ (stanzas). Hãy so sánh những bản dịch khác nhau để tìm những ý tưởng có ích.
- B. Nhận diện ngôn ngữ hình bóng và diễn đạt lại bằng văn xuôi. Hãy nhớ thể loại văn học này rất cô đọng, có rất nhiều điều được chừa lại để cho người đọc có thể thêm vào.
- C. Hãy chắc chắn nhớ liên hệ những bài thơ dài hơn hướng về một vấn đề với bối cảnh văn mạch (thường là cả sách) và bối cảnh lịch sử của nó.
- D. Các Quan Xét 4 & 5 rất có ích để nhìn thấy cách văn thơ mô tả về lịch sử. Các Quan Xét 4 là văn xuôi và Các Quan Xét 5 là văn thơ về cùng một sự kiện (cũng hãy so sánh Xuất 14 & 15).
- E. Cố gắng để định dạng được loại song hành được gắn với, dù là đồng nghĩa, phản đề, hoặc tổng hợp. Điều này rất quan trọng.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 31:30**

<sup>30</sup> Môi-se đọc hết những lời của bài ca này cho cả hội Y-sơ-ra-ên nghe:

**31:30** “(Sau đó) Môi-se đọc hết những lời của bài ca này” Câu này nên đi với đoạn 32 của Phục Truyền. Chú ý rằng bản NASB cho rằng nó là sự bắt đầu của một đoạn văn với một dấu hai chấm, chứ không phải là dấu chấm câu kết thúc ( JPSOA)

**}** “cho cả hội Y-sơ-ra-ên nghe” Một câu hỏi là bao nhiêu người đã tham gia vào buổi nhóm họp này. Nó sẽ bao gồm nam, nữ và những người lớn tuổi và trẻ em theo mẫu của 31:12. Nhưng 31:12 chỉ về một thành phố hay thị trấn. Có bao nhiêu người có thể lắng nghe một người nói? Thường người lãnh đạo sẽ nói với:

1. lãnh đạo những chi phái và họ sẽ truyền thông điệp đi ( 31:28)
2. những người Lê-vi và họ sẽ truyền nó đi.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:1-14**

<sup>1</sup> " Hỡi trời, hãy lắng tai, tôi sẽ nói;

Và đất, hãy nghe những lời của miệng tôi.

<sup>2</sup> Đạo của tôi rải ra như mưa;

Lời tôi sa xuống khác nào sương móc,

Tợ mưa tro trên cây cỏ,

Tỉ như mưa tầm tã trên đồng xanh.

<sup>3</sup> Vì tôi sẽ tung hô danh Giê-hô-va.

Hãy tôn sự oai nghiêm cho Đức Chúa Trời chúng tôi!

<sup>4</sup> Công việc của Hòn Đá là trọn vẹn;

Vì các đường lối Ngài là công bình.

Ấy là Đức Chúa Trời thành tín và vô tội;

Ngài là công bình và chánh trực.

<sup>5</sup> Chúng đáng mang xấu hổ, vì đã phản Ngài,

Chẳng phải con trai của Ngài nữa: quả là một dòng dõi gian tà và điên đảo!

<sup>6</sup> Hỡi dân khờ dại không trí,

Các ngươi báo đáp Đức Giê-hô-va như vậy sao?

Ngài há chẳng phải là Cha ngươi, Đấng đã chuộc ngươi chẳng?

Há chẳng phải Ngài đã dựng nên ngươi, và lập ngươi sao?

<sup>7</sup> Hãy nhớ lại những ngày xưa;

Suy xét những năm của các đời trước;

Hãy hạch hỏi cha ngươi, người sẽ dạy cho,

Cùng các trưởng lão, họ sẽ nói cho.

<sup>8</sup> Khi Đấng Chí Cao phân phát sản nghiệp cho muôn dân,

Phân rẽ những con cái A-đam,

Thì Ngài định bờ cõi của các dân,

Cứ theo số dân Y-sơ-ra-ên.

<sup>9</sup> Vì phần của Đức Giê-hô-va là dân Ngài, Gia-cóp là cơ nghiệp Ngài.

<sup>10</sup> Ngài tìm được người trong một nơi rừng rú,

Tại nơi vắng vẻ, giữa những tiếng hét la của đồng vắng.

Ngài bao phủ người, săn sóc người,

Gìn giữ người như con ngươi của mắt mình.

<sup>11</sup> Như phụng hoàng pháp phối giỡn ổ mình,

Bay chung quanh con nhỏ mình,

Sẽ cánh ra xót nó,

Và công nó trên chèo cánh mình thế nào,

<sup>12</sup> Thì một mình Đức Giê-hô-va đã dẫn dắt người thế ấy,

**Không có thần nào khác ở cùng người...**

<sup>13</sup> **Ngài đã khiến người cỡi trên các nơi cao của xứ,**

**Y-so-ra-ên đã ăn hoa quả của đồng ruộng,**

**Ngài khiến người hút mật của hòn đá,**

**Dầu của hòn đá cứng hơn hết,**

<sup>14</sup> **Và nút mỡ sữa bò và sữa chiên.**

**Ngài ban cho người mỡ chiên con,**

**Chiên đực sanh tại Ba-san, và dê đực,**

**Cùng bột lọc nhứt hạng của lúa mạch;**

**Người có uống huyết của nho như rượu mạnh,"**

**32:1-3** Có một chuỗi của ngôn ngữ dạng mệnh lệnh:

1. Trong câu 1 ba mệnh lệnh liên hệ với việc lắng nghe:
  - a. “hãy lắng tai” - BDB 24, KB 27, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
  - b. “nói” - BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY
  - c. “nghe” - BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH
2. Trong câu 2 có hai liên quan đến độ ẩm:
  - a. “rải ra” - BDB 791, KB 887, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH
  - b. “sa xuống” - BDB 633, KB 683, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH
3. Trong câu 3 “tôn” - BDB 396, KB 393, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (có lẽ “tung hô” như là *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH cũng được sử dụng trong nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÁY, vốn cho một cấu trúc cân xứng như ở trong câu 1 và 2)

**32:1 “Hỡi trời. . . và đất”** Hai điều tồn lâu dài ( Mi-chê 6:1-2). Cần hai nhân chứng để xác nhận sự thật ( 4:26; đoạn 4 và 31-32 [ 30:19; 31:28; 32:1] hình thành một cặp ngang nhau). “Các tầng trời” đại diện cho bầu trời ( Sáng 1:1). Cụm từ này tương đương với cách Ê-sai giới thiệu về phiên tòa xét xử của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Ê-sai 1:2).

**32:2** Độ ẩm được sử dụng như là một phép tương đồng để chỉ về những tiêu chuẩn cho sự sống bởi lời của Đức Chúa Trời. Bốn từ khác nhau dành cho mưa được sử dụng (BDB 564, 378, 973, 914). Điều này cũng có thể là một sự ngụ ý chỉ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đấng ban sự màu mỡ của đất đai, không phải thần *Ba-anh* ( 11:14,17; 28:12,24; 33:28).

**32:3 “danh Giê-hô-va”** Những tên tiếng Hê-bơ-rơ là rất quan trọng bởi vì nó giới thiệu về đặc tính. Những ra-bi Do Thái cho rằng tên “Giê-hô-va” phản ánh Đức Chúa Trời trong tình yêu, sự nhân từ và thương xót của Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

**}** Chú ý trong câu 3-4 một thuộc tính được sử dụng để mô tả về Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên:

1. “sự vĩ đại” - BDB 152, 3:24; 5:24; 9:26; 11:2; 32:3; Dân Số Ký 14:19
2. “Công việc của Ngài là trọn vẹn” - BDB 1071, có nghĩa là “trọn lành,” “có sự chính trực”
  - a. sử dụng cho công việc của Đức Chúa Trời, Phục 32:4
  - b. sử dụng cho đường lối của Đức Chúa Trời, Thi 18:30
  - c. sử dụng cho luật pháp của Đức Chúa Trời, Thi 19:7-8
3. “các đường lối Ngài là công bình” - BDB 1048, Sáng 18:25; Thi 33:5; 37:28; 99:4; 111:7; Ê-sai 5:16; 28:17; 30:18; 61:8
4. “là Đức Chúa Trời thành tín” - BDB 53, Thi 36:5; 88:11; 89:1,2,5,8,24,33,49; 92:2, 119:90; Ê-sai 25:1; Ô-sê 2:2 là Đức Chúa Trời thành tín
6. “(Đức Chúa Trời) vô tội” - BDB 732, Gióp 34:10, điều này định tội dân sự Ngài, Lê-vi Ký 19:15,35; Phục 25:16
6. “Ngài là công bình” - BDB 843, Gióp 34:17; Thi 116:5; 119:137; 129:4; 145:17
7. “(Ngài là ) chánh trực” - BDB 449, Thi 25:8; 92:15

} **“Đức Chúa Trời”** Từ này từ từ Hê-bơ-rơ *Elohim*. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:3.

**32:4 “Hòn Đá”** Danh hiệu này (BDB 849) được sử dụng cho Đức Chúa Trời trong câu 15,18,30, và trong Thi 18:1-2; 19:14; II Sa-mu-ên 22:từ câu 2; Thi 78:35; Ê-sai 44:8). Nó nói về (1) sức lực, sự kiên định, bản chất không thay đổi của một Đức Chúa Trời chân thật hoặc là (2) Đức Chúa Trời là đôn lữ hùng mạnh, không gì lay chuyển được.

} **“trọn vẹn”** Từ Hê-bơ-rơ (BDB 1071) có nghĩa là “độc lập,” “toàn bộ,” “hoàn toàn” (II Sa-mu-ên 22:31; Thi 18:30).

Chú ý những cách khác nhau ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả (“sự vĩ đại của Đức Chúa Trời,” câu 3):

1. Công việc của Ngài là trọn vẹn - BDB 1071
2. các đường lối Ngài là công bình - BDB 1048
3. Đức Chúa Trời thành tín - BDB 53
4. Đức Chúa Trời vô tội - BDB 732
5. Ngài là công bình - BDB 843
6. Ngài là chánh trực - BDB 449

Thật sự một sự mô tả đầy quyền năng về Đức Chúa Trời của sự sáng tạo và cứu rỗi. Một Đức Chúa Trời mà nơi Ngài tất cả mọi người có thể tin cậy và nương dựa vào (để xem những sự mô tả khác hãy xem Xuất 34:6; Dân Số Ký 14:18; Phục 4:31; Nê-hê-mi 9:17; Thi 103:8; 145:8).

} **“Đức Chúa Trời thành tín”** Đây là cùng một từ (BDB 53) được sử dụng trong câu 20 chỉ về những hành động của con người. Nó được dịch là “đức tin” trong Ha-ba-cúc 2:4, “người công bình sẽ sống bởi đức tin.” Điều này chỉ Đức Chúa Trời đặt để sự thành tín của Ngài ưu tiên, và trong câu 20 chỉ ra Ngài đặt đức tin trong con cái Ngài cách ưu tiên. Đức tin và ân điển đều là hai khái niệm theo cả kinh thánh hơn là chỉ khái niệm của Tân Ước mà thôi. Cách duy nhất đáp ứng với ân điển của Đức Chúa Trời là bởi đức tin. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:32.

**32:5** Cũng như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả trong câu 3-4, giờ đây con cái giao ước của Ngài, những người cần phải phản ánh đặc tính của Ngài (câu 3-4), nhưng họ đã không làm, giống như sự mô tả:

1. “hành động bại hoại hướng về Ngài” - BDB 1007, KB 1469, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH, 4:16,25; 9:12; 31:29; Sáng 6:12; Xuất 32:7; được mô tả trong Thi 14:1-3, nó thường chỉ về sự thờ hình tượng
2. “không phải con cái của Ngài” - BDB 119 thể phủ định
3. “bởi vì những khuyết điểm của họ” - BDB 548
  - a. sự khuyết tật cơ chế vốn loại trừ một người khỏi chức vụ tế lễ, Lê-vi Ký 21:17,18,21,23, cũng như những con vật khỏi bị dâng sinh tế để làm của lễ, Lê-vi Ký 22:20-21; Phục 15:21; 17:1
  - b. sự khuyết tật đạo đức, Lê-vi Ký 22:25; Gióp 11:15; Châm 9:7
4. “điên đảo” - BDB 786 I, câu 20, nghĩa căn bản là xoay chuyển, vốn chỉ về một sự khiếm khuyết khỏi chuẩn mực (luật lệ) của tính cách của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (công chính)
5. “gian tà” - BDB 836, được tìm thấy duy nhất ở đây, nghĩa của nó là tương tự với #4

**32:6 “là Cha người”** Bộ NIDOTTE, quyển 1, trang 222, có một sự giải nghĩa thú vị về sự ẩn dụ này chỉ về Đức Chúa Trời. Nó được sử dụng cách khó khăn trong Cựu Ước có lẽ bởi vì sự liên quan đến sự thờ phượng sự sinh sản và màu mỡ (Giê-rê-mi 2:27). Bài hát này của Môi-se là một trong những lần sử dụng sớm nhất để mô tả về Đức Chúa Trời (Xuất 4:22; Phục 1:31; 8:5 và sau này là trong các sách tiên tri, Ê-sai 1:2; 63:16; Giê-rê-mi 3:19; Ô-sê 11:1-3; Ma-la-chi 1:6). Đức Chúa Trời “là Cha” được đề cập đến trong câu 6,18 và 19-20.

Đức Chúa Trời là cha của cả tập thể Y-sơ-ra-ên được định danh trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với vị vua từ ngôi Đa-vít (II Sa-mu-ên 7:14; Thi 2:7; và 89:26).

Những ẩn dụ gia đình (cha-con; chồng-vợ) là những cách mạnh mẽ nhất để truyền thông về mối quan hệ mật thiết mà Đức Chúa Trời trông mong với tạo vật con người của Ngài (được dựng nên trong hình và ảnh của Ngài). Con người có thể hiểu được sự sâu sắc của những cảm xúc và sự kết ước của Đức Chúa Trời bằng sự tương đồng với những trải nghiệm nền tảng của con người (ví dụ, gia đình, hôn nhân, con cái).

**32:6-14** Phần này tiếp tục sự mô tả về Y-sơ-ra-ên và bắt đầu một phiên tòa chống lại họ bằng cách liệt kê ra tất cả những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm cho họ:

1. những hành động của họ hướng về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
  - a. “ngu đại” - BDB 614 I, câu 21
  - b. “chẳng khôn ngoan” - BDB 314, trái ngược với trong câu 29; 4:6; Thi 107:43
2. những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hướng về họ:
  - a. Ngài đã là Cha của họ, câu 6 - BDB 888 I, KB 1111, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
  - b. Ngài đã dựng nên họ, câu 6 - BDB 793 I, KB 889, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, Sáng 14:19,22 (điều này có thể chỉ đến sự sáng tạo đầu tiên, nhưng có vẻ như trong văn mạch, Ngài đã lập nên họ như là một quốc gia trong Xuất Ê-díp-tô Ký)
  - c. Ngài đã lập họ, câu 6 - BDB 465, KB 464, *Polel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Gióp 31:15; Ê-sai 62:7
  - d. Ngài đã tìm được họ, câu 10 - BDB 592, KB 679, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
    - (1) trong một nơi rừng rú
    - (2) giữa những tiếng hét la của đồng vắng
  - e. Ngài đã bao phủ họ, câu 10 - BDB 685, KB 738, *Polel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, để bảo vệ
  - f. Ngài đã săn sóc họ, câu 10 - BDB 106, KB 122, ví dụ, dùng cho sự bảo vệ, sự quan sát một cách đầy chú ý (duy nhất ở đây)
  - g. Ngài đã gìn giữ họ, câu 10 - BDB 665, KB 718, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Thi 25:21; 31:23; 41:11-12; 61:7; Ê-sai 26:3; 42:6; 49:8
  - h. chăm sóc cho họ như chim đại bàng (phụng hoàng) mẹ, câu 11, Xuất 19:4
    - (1) “lay động tổ của nó” - BDB 734, KB 802, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, hoạt động
    - (2) “bay liệng xung quanh” - BDB 934, KB 1219, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Sáng 1:2
    - (3) dạy cho những con non biết bay
      - (a) giương cánh lên - BDB 831, KB 975, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
      - (b) đón lấy chúng - BDB 542, KB 534, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
      - (c) mang lấy chúng - BDB 669, KB 724, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
  - i. Ngài dẫn dắt họ, câu 12 - BDB 634, KB 685, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
  - j. Ngài khiến họ cười trên những nơi cao của xứ, câu 13 - BDB 938, KB 1230, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Ê-sai 58:14
  - k. Ngài cho họ ăn, câu 13-14
    - (1) “ăn” - BDB 37, KB 46, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
    - (2) “nút (mỡ sữa)” - BDB 413, KB 416, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
    - (3) “uống” - BDB 1059, KB 1667, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

**32:7** Có một vài mạng lệnh trong câu này liên hệ với sự nhớ lại của Y-sơ-ra-ên về sự chăm sóc và chu cấp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. “hãy nhớ lại” - BDB 269, KB 269, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. “suy xét” - BDB 106, KB 122, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
3. “hạch hỏi” - BDB 981, KB 1371, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
4. “các trưởng lão, họ sẽ nói cho” - BDB 616, KB 665, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH

Đây là những thông tin về lịch sử sẽ chứng tỏ (1) truyền thống của tổ phụ sẽ được truyền xuống từ thế hệ này đến thế hệ khác ( 4:9-10; 6:7,20-25; 11:19; 32:46) và (2) rằng Bài ca của Môi-se sẽ làm chứng chống lại Y-sơ-ra-ên!

**32:8** Câu này khẳng định rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên cũng là Đức Chúa Trời duy nhất ( 4:35,39; Ê-sai 54:5; Giê-rê-mi 32:27). Ngài và chỉ một mình Ngài đã thiết lập ranh giới của tất cả các quốc gia ( 2:5,9,19; Sáng Thế Ký 10). Đây không phải là thuyết duy tôn nhất thần, nhưng là niềm tin độc thần!

**} “Đấng Chí Cao”** Danh xưng này dành cho Đức Chúa Trời (BDB 751) được sử dụng lần đầu tiên trong Dân Số Ký 24:16 (*Elyon*). Đây có vẻ như là một sự rút ngắn của *El Elyon* ( Sáng 14:18,19,20,21; Thi 78:35). Danh xưng này dành cho thần linh trong sự liên hệ với “các dân tộc” ( Thi 47:1-3). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

**}**  
**NASB** “tùy theo số lượng của các con trai của Y-sơ-ra-ên”  
**NKJV, NJB** “tùy theo số lượng của các con cái của Y-sơ-ra-ên” **NRSV**  
 “tùy theo số lượng của các thần”  
**TEV** “Ngài ấn định mỗi dân tộc một hữu thể thiên đàng”

## **REB “tùy theo số lượng của các con trai của Đức Chúa Trời”**

Bản Bảy Mươi dịch là “số lượng của các thiên sứ của Đức Chúa Trời” (El). Bản dịch này có vẻ phù hợp hơn (*The Jewish Study Bible*, trang 441) bởi vì: (1) 29:26; (2) nó theo cách đọc của cuộn sách từ hàng động thứ tư của những cuộn sách Qumran; (3) những thiên sứ của quốc gia được đề cập đến trong sách Đa-ni-ên 10 và 12. Mỗi quốc gia có một thiên sứ được giao trách nhiệm (Đa-ni-ên 10:13), nhưng Y-sơ-ra-ên có ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (mặc dù thiên sứ Mi-ca-ên cũng được gọi là thiên sứ của Y-sơ-ra-ên, Đa-ni-ên 12:1).

**32:9 “phần của Đức Giê-hô-va là dân Ngài”** Ngược lại phần của dân sự của Ngài là Đức Chúa Trời chính Ngài (Xuất 19:5; Thi 16:5; 73:26; Ca Thương 3:24). Người Y-sơ-ra-ên đã ở trong sự cảm nhận độc nhất về một dân sự giao ước đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (4:20; 7:6; 14:2; 26:18). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob tại 4:6.

## **32:10 “Ngài tìm được người trong một nơi rừng rú, Tại nơi vắng vẻ, giữa những tiếng hét la của đồng vắng”**

Đây là một sự ngụ ý về sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong những từ lãng mạn (Giê-rê-mi 2:23-; Ô-sê 2:14-15). Hình ảnh này bổ sung cho chủ đề sự xuất hành (khỏi Ai Cập) (1:19). Nó mô tả trong một ẩn dụ đầy mạnh mẽ về tình yêu khởi nguyên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Y-sơ-ra-ên (10:14-15; A-môt 3:2).

Có hai cách trái ngược nhau trong văn học Môi-se của sự đánh giá thời kỳ lang thang trong đồng vắng:

1. một thời gian của đức tin và sự thành tín
  - a. Phục 32:10-14
  - b. Giê-rê-mi 2:1-3
  - c. Ô-sê 2:14-23
2. một thời kỳ của sự không trung tín
  - a. Dân Số Ký 14:1-17:11
  - b. Phục 1:26-33
  - c. Thi 95:8-11
  - d. Ô-sê 9:10-14
  - e. Giê-rê-mi 2:4-13
  - f. Ê-xê-chi-ên 23

## **} “như con người (người học trò nhỏ) của mắt Ngài”**

Trong Tiếng Anh chỗ này là “con người của mắt Ngài.” Đây là một ẩn dụ nữa vốn nhấn mạnh Y-sơ-ra-ên là một đứa bé đặc biệt (Thi 17:8). Theo nghĩa đen tiếng Hê-bơ-rơ là “con người nhỏ bé của mắt Ngài.”

## **32:11**

**NASB, NKJV “Như chim đại bàng... bay xung quanh tổ của nó”**

**NRSV “như chim đại bàng lay động tổ của nó”**

**TEV “như chim đại bàng canh giữ tổ của nó”**

**NJB “như chim đại bàng canh giữ những con non của nó”**

Câu này chỉ về Đức Chúa Trời như là một bậc cha mẹ cực kỳ bảo vệ và hùng mạnh (câu 19). Khái niệm này của Đức Chúa Trời giống như là một chim đại bàng chính là Đức Chúa Trời giống như là chim mẹ (câu 18; Sáng 1:2; Xuất 19:4; Ma-thi-ơ 23:37; Lu-ca 13:34). Đấng Thánh được mô tả vừa như là cha (câu 6) và mẹ (câu 11). Bản dịch NJB và REV theo cách dịch của Bản Bảy Mươi.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BÓNG CHE NHƯ LÀ ẨN DỤ DÀNH CHO SỰ BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC**

Thành ngữ “bóng che” là rất phổ biến trong Khu vực Cận Đông Cổ Đại. Hãy xem những ví dụ trong Kinh Thánh.

1. thành ngữ của sự bảo vệ, Ê-sai 16:3; 30:2-3; Ca Thương 4:20
2. thành ngữ của “bóng che của tay,” Thi 121:5; Ê-sai 49:2; 51:16
3. thành ngữ của “bóng che của mái nhà,” Sáng 19:8
4. thành ngữ của “bóng che của đám mây đặc biệt của Đức Chúa Trời,” Xuất 13:21-22; 14:19,20,24; Ê-sai 4:6; 25:4-5; 32:1-2



5. thành ngữ của “bóng cánh,” Thi 17:8; 36:7; 57:1; 61:4; 63:7; 91:1,4 (ẩn dụ tương tự trong Phục 32:10-11; Ruth 2:12; Ê-sai 31:5; Ma-thi-ơ 23:37; Lu-ca 13:34)
6. thành ngữ của “bóng che của cây,” Các quan xét 9:15; Ê-xê-chi-ên 17:23; 31:6,17; Đa-ni-ên 4:12; Ô-sê 14:7

**32:12 “một mình Đức Giê-hô-va đã dẫn dắt người”** Từ này (BDB 94) được sử dụng để định rõ về mối quan hệ độc nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với Y-sơ-ra-ên. Ngài và chỉ một mình Ngài dẫn dắt họ!

**32:13 “cỡi trên các nơi cao của xứ”** Đây là một ẩn dụ cho sự dư dật của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (và kéo dài đến câu 14) ban cho Y-sơ-ra-ên ( Ê-sai 58:14; Ha-ba-cúc 3:19).

**} “mật của hòn đá”** Điều này chỉ về mật ong của những loài ong dại, vốn thường sống trong những kẽ nứt của những hòn đá (Thi 81:16).

**} “dầu của hòn đá cứng hơn hết”** Điều này chỉ về những cây ô-liu dại mọc nơi ngay cả những nơi cò cũng không thể mọc được. Câu 13 và 14 đang nói về những sản vật phong phú của Đất Hứa.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:15-18**

<sup>15</sup> Giê-su-run đã mập mạp và cất đá,  
 --- Người trở nên mập, lớn và béo tròn. ---  
 Người đã lia bỏ Đức Chúa Trời, là Đấng dựng nên người,  
 Và khinh dễ Hòn Đá của sự chừa cứu người.  
<sup>16</sup> Chúng nó trêu ghẹo Ngài phân bì, bởi sự cứng thờ những thần khác,  
 Chọc giận Ngài vì các sự gớm ghiếc;  
<sup>17</sup> Tế lễ những ma quỷ chẳng phải là Đức Chúa Trời,  
 Quì lạy các thần mà mình chưa hề biết,  
 Tức là các thần mới vừa đến ít lâu,  
 Mà tổ phụ các người không kính sợ.  
<sup>18</sup> Người không kể đến Hòn Đá sanh mình,  
 Và quên Đức Chúa Trời đã tạo mình.

**32:15 “Giê-su-run”** Từ này có nghĩa là “kẻ chính trực” (BDB 449), và là một tên mang tính chất thơ dành cho Y-sơ-ra-ên ( 33:5,26; Ê-sai 44:2, Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Y-sơ-ra-ên tại 1:1). Đây là một sự va chạm mỉa mai (câu 15-16).

**} “đá” ĐỘNG TỪ** này (BDB 127, KB 142, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng chỉ hai lần trong Cựu Ước OT và có vẻ như là một sự ẩn dụ của sự chối bỏ ( I Sa-mu-ên 2:29). Như một con gia súc đá chủ của nó thì Y-sơ-ra-ên đá Đức Chúa Trời của nó!

**32:15-18 “mập”** Khi Y-sơ-ra-ên được phước ( 31:20) nó chối bỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA:

1. “lia bỏ Đức Chúa Trời, là Đấng dựng nên người” ( câu 6) - BDB 643, KB 695, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 31:16,17; Các quan xét 10:6
2. “khinh dễ Hòn Đá của sự cứu chuộc người” ( câu 4) - BDB 614, KB 663, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, đây là ĐỘNG TỪ hình thành nên TÍNH TỪ “dại dột,” được tìm thấy trong câu 6 ( Thi 74:18) Làm thế nào Y-sơ-ra-ên “lia bỏ” và “khinh dễ” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA?
  1. họ làm Ngài ghen tương với những thần lạ, câu 16
  2. họ làm Ngài ghen tương với những điều gớm ghiếc, câu 16
  3. họ dâng sinh tế cho những ma quỷ, câu 17
    - a. là những thần họ không biết
    - b. là các thần mới

- c. không được biết bởi tổ phụ của họ
4. họ sao nhãng Hòn Đá, câu 18 - BDB 1009, KB 1477, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH nhưng ở trong nghĩa của THÊ CHƯA HOÀN THÀNH (chỉ ở đây)
5. họ quên mất Đức Chúa Trời của họ, câu 18 - BDB 1013, KB 1489, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 4:23, lãng quên giao ước là lãng quên ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

**32:17 “(Họ) tế lễ những ma quỷ chẳng phải là Đức Chúa Trời”** Khái niệm này cũng được sử dụng trong Thi 106:37. Cựu Ước nói cả về những điều rất nhỏ về ma quỷ. Phao-lô ngụ ý chỉ về điều này trong I Cô-rinh-tô 10:20.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ TRONG CỰU ƯỚC

- A. Mỗi quan hệ chính xác giữa những thiên sứ sa ngã và ma quỷ là không biết chắc. I Enoch khẳng định rằng *Nê-phi-lim* trong Sáng 6:1-8 chính là nguồn gốc của điều ác (các ra-bi Do Thái cũng tập chú vào phần Kinh Thánh này chứ không phải Sáng Thế Ký 3). I Enoch nói rằng những hữu thể nửa thiên sứ/ nửa con người đã bị giết bởi trận lụt (sách này còn khẳng định rằng cái chết của họ chính là mục đích của trận lụt), nhưng giờ đây những phần linh lìa khỏi xác của họ đang kiếm tìm một cơ thể vật chủ.
- B. Có một số những linh thù địch hoặc ma quỷ được gọi tên trong Cựu Ước:
1. *Satyrs* hoặc “kẻ có lông,” có lẽ là những con dê ma quỷ (BDB 972 III) - Lê-vi Ký 17:7; II Sử ký 11:15; Ê-sai 13:21; 34:14
  2. *Shedim* (BDB 993) - Phục 32:17; Thi 106:37, dành cho những vật tể được thực hiện (tương tự với *Mo-lóc*)
  3. *Lilith*, quỷ giống cái của đêm (BDB 539) - Ê-sai 34:14 (một phần thần thoại của người Ba-by-lôn và Ugarit)
  4. *Azazel*, quỷ của sa mạc (tên của quỷ đứng đầu trong I Enoch, 8:1; 9:6; 10:4-8; 13:1-2; 54:5; 55:4; 69:2) - Lê-vi Ký 16:8,10,26
  5. Thi Thiên 91:5-6 được nhân hóa sự của dịch lệ (dịch hạch) (câu 10), không phải là một hữu thể thuộc linh (Nhã Ca 3:8)
  6. Ê-sai 13:21 và 34:14 liệt kê ra một vài động vật sa mạc như là một cách để chỉ về sự hoang tàn của những địa điểm bị hủy diệt. Một vài người cho rằng danh sách này bao gồm ma quỷ để minh họa cho những địa điểm bị hủy diệt cũng bị ám (Ma-thi-ơ 12:43; Lu-ca 11:24; Khải Huyền 18:2)
- C. Tư tưởng độc thần Cựu Ước đã làm im lặng và bổ sung cho những huyền thoại của những quốc gia ngoại giáo, nhưng đôi khi những tên và danh hiệu của sự mê tín của chúng được đề cập đến (đặc biệt những phần Kinh Thánh văn thơ). Sự thật của những linh xấu xa là một phần của sự mặc khải theo tiến trình và được phát triển trong Tân Ước như là ngôi/ thiên sứ của Sa-tan. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Hiện Thân của Điều Ác bên dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tở của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.

Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.

Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khải thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)

Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)

Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sứ ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (Sot 9b và Sanh. 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-ro) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-ro là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Giê-xu the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776] cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đẩy xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một dây tở của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20). Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:19-22**

<sup>19</sup> " Đức Giê-hô-va có thấy điều đó, nên trong cơn thịnh nộ.

Ngài đã từ bỏ các con trai và con gái mình.

<sup>20</sup> Ngài có phán: Ta sẽ giấu mặt ta,

Để xem sự cuối cùng của chúng nó ra sao;

Vì là một dòng dõi gian tà,

Là những con cái không có lòng trung tín.

<sup>21</sup> Chúng nó giục ta phân bì, vì cúng thờ thần chẳng phải là Đức Chúa Trời,

Lấy sự hư không mà chọc giận ta;

Ta cũng vậy, lấy một dân tộc hèn mà trêu sự phân bì của chúng nó,

Lấy một nước ngu dại mà chọc giận chúng nó.

<sup>22</sup> Vì có lửa nổi phùng trong cơn giận ta,

Cháy cho đến đáy sâu âm phủ,

Thieu nuốt đất và thổ sản,

Cùng cháy đốt nền các núi. "

**32:19-22** Đoạn này lặp lại những chủ đề trước. Thể loại văn thơ rất mang tính đặc trưng lặp đi lặp lại. Tuyên dân giao ước của Đức Chúa Trời chối bỏ Ngài và Ngài cũng chối bỏ họ ( Ô-sê 1:9; 2:23; Rô-ma 9:25). Sự chối bỏ (sự giận dữ) có mục đích để phục hồi mối quan hệ. Ngài sử dụng “một dân” để khiêu khích Y-sơ-ra-ên trở nên ghen tương (và rất hy vọng là đức tin, Rô-ma 11:11,14). Phần này có vẻ đối với tôi rất giống như phần biện luận của Phao-lô trong Rô-ma 9-11. Phao-lô trích cả câu 21 trong Rô-ma 10:19!

Sự châm biếm thêm vào rằng Y-sơ-ra-ên đã bỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để đến với những thần không có thực (sự hư không, Giê-rê-mi 2:13). Ôi, sự ngu dốt của sự thờ hình tượng của con người ( Ê-sai 40:19-20; 44:9-20; Giê-rê-mi 10:3-5,14)!

**32:20 “Ta sẽ giấu mặt đi (khỏi chúng)”** Đây là sự ẩn dụ dùng cho việc chấm dứt sự quan tâm và chú của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( 31:17-18).

**}** “**Vì là một dòng dõi gian tà, Là những con cái không có lòng trung tín**” Hay dòng thơ này mô tả thảm cảnh của Y-sơ-ra-ên là người có sự chăm sóc và hiện diện đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Rô-ma 9:4-5). Họ được đặc tả là:

1. gian tà (BDB 246) – một thuật ngữ được sử dụng trong Châm Ngôn ( 2:12,14; 6:14; 8:13; 10:31,31; 16:30; 23:33). Nó liên hệ với từ Hê-bơ-rơ dùng cho “cái cùm” (BDB 246), vốn đặt cơ thể người vào một tư thế cong queo và xoắn vặn cơ thể.
2. không có sự trung tín (BDB 53 dạng phủ định) – một từ cũng rất thông dụng trong Châm Ngôn ( 13:17; 20:6; cũng hãy xem Thi 31:23; Ê-sai 26:3; Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:32).
3. Sự đặc tả này song hành với 32:5:
  - a. gian tà (BDB 786 I)
  - b. cong queo (BDB 836)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là chuẩn mực hoặc sự quản trị đúng đắn (Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:16). Dân sự giao ước của Ngài đã có một sự chệch hướng khỏi sự chuẩn mực.

**}** “**Để xem sự cuối cùng của chúng nó ra sao**” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chỉ trước cho Môi-se trong lai của Y-sơ-ra-ên trong 31:29, cũng như Ngài sẽ làm sau này đối với Giô-suê trong 24:19.

**32:21 “những thần tượng”** Chữ này có nghĩa là “hư ảo” hoặc “sự hư không” (BDB 210) và biểu thị cho một điều gì vô giá trị hoặc không hiện hữu. Ở đây, cũng như trong Giê-rê-mi 2:5; 8:19; 10:14-15; 16:19-20, nó được sử dụng dành cho những thần tượng. Hãy xem một sự chơi chữ trong Ê-sai 57:13.

**32:22** Câu này theo nghĩa bóng nói về một sự hủy diệt hoàn toàn và sự phán xét mà Đức Chúa Trời sẽ đem lại trên Y-sơ-ra-ên bội nghịch ( Giê-rê-mi 15:14; 17:4). Tất cả tạo vật của Đức Chúa Trời (đất, âm phủ (*sheol*)) đều bị ảnh hưởng! Đây không phải là một sự chi về nơi của sự hình phạt đời đời.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

### I. Cự Ước

- A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cự Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *She'ol*
  1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
  2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
  3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-mốt 9:2
  4. liên hệ với khái niệm “hố” (mồ mả), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
  5. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
  6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
  7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

### II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
  1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
  2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
  3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cự Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
  4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khả dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
  1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
  2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
  1. Phản ảnh cụm từ trong Cự Ước “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
  2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
  3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
  4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
    - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
    - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
    - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
    - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
    - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
    - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5

g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).

h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chồng chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục).
3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

### III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.

1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.

B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh

1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

### IV. Thiên đàng

A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.

1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).

C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:23-27**

<sup>23</sup>''' Ta sẽ chặt những tai vạ trên mình chúng nó,  
Bắn chúng nó hết các tên ta.  
<sup>24</sup> Chúng nó sẽ bị đói hao mòn, bị rét tiêu đi,  
Và một thứ dịch hạch độc dữ ăn nuốt.  
Ta sẽ khiến răng thú rừng,  
Và nọc độc của loài bò dưới bụi đến hại chúng nó.  
<sup>25</sup> Ngoài thì gươm dao,  
Trong thì kinh khủng  
Sẽ làm cho trai trẻ, gái đồng trinh,  
Và con đương bú, luôn với người già bạc  
Đều bị diệt vong.  
<sup>26</sup> Ta nói rằng: Ta sẽ lấy hơi thở ta quét sạch chúng nó đi,  
Diệt kỷ niệm chúng nó khỏi loài người.  
<sup>27</sup> Song sợ thù nghịch nhiec nhóc,  
Kẻ cừu địch chúng nó lắm hiểu,  
La rằng: Tay chúng tôi đã tỏ sức cao cường,  
Chớ chẳng phải Đức Giê-hô-va có làm mọi điều ấy đâu!'''

**32:23-25** Đoạn này mô tả theo nghĩa bóng về sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Y-sơ-ra-ên:

1. “Ta sẽ chặt những tai vạ trên mình chúng nó” - BDB 705, KB 763, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, được tìm thấy duy nhất ở đây. ĐỘNG TỪ *Qal* có nghĩa là “quét sạch đi” hoặc “vô đi.”
2. “Bắn chúng nó hết các tên ta” - BDB 477, KB 476, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH. ĐỘNG TỪ này có nghĩa căn bản là “đem một điều gì đó đến với từ hoàn tất,” ví dụ, hủy diệt hoàn toàn (câu 22).
  - a. sẽ bị đói hao mòn, câu 24, 28:22
  - b. bị thiêu đốt bởi tai vạ, câu 24 (hoặc nạn đói, BDB 536 II, “thiêu đốt”)
  - c. sự hủy diệt cay đắng, câu 24 (hoặc dịch hạch độc dữ, #e)
  - d. răng thú rừng, câu 24, Lê-vi Ký 26:22
  - e. nọc độc của loài bò dưới bụi, câu 24, A-môt 5:18-19
  - f. gươm dao (bên ngoài), câu 25
  - g. kinh khủng (bên trong), câu 25
    - (1) trai trẻ (ở độ tuổi có thể kết hôn được)
    - (2) gái đồng trinh (trinh nữ ở độ tuổi có thể kết hôn được)
    - (3) trẻ em (ở độ tuổi đang bú)
    - (4) người già cả (người tóc bạc)

**32:26-27** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ hủy diệt họ:

1. cắt chúng ra thành từng mảnh, câu 26 - BDB 802, KB 907, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng trong ý nghĩa của thể THÊ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY để phù hợp với ĐỘNG TỪ tiếp theo (chỉ có ở đây, Bản Bảy Mươi (LXX) dịch là “quét sạch chúng”)
2. Diệt kỷ niệm chúng nó khỏi loài người, câu 26 - BDB 991, KB 1407, *Hiphil* THÊ KHÍCH LỆ, THỨC ĐÂY (sự hủy diệt hoàn toàn)
3. Đây là một trong những đoạn trích khẳng định về sự hủy diệt hoàn toàn Y-sơ-ra-ên nếu họ không vâng phục giao ước ( 4:26; 28:20-22; 30:19).

Nhưng khi làm như vậy sẽ cản trở kế hoạch của Ngài dành cho Y-sơ-ra-ên. Những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên sẽ công bố sự chiến thắng và quy nó cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 27).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:28-33**

<sup>28</sup> Vì là một dân mất trí,  
Trong lòng không có thông minh!

<sup>29</sup> Chớ chi họ khôn ngoan và hiểu được,  
 Ước gì nghĩ đến sự cuối cùng vẫn đợi họ!  
<sup>30</sup> Nhược bằng Hòn Đá không có bán chúng nó,  
 Và Giê-hô-va không giao nộp chúng nó,  
 Thì làm sao một người rượt nổi ngàn người,  
 Và hai người đuổi mười ngàn người trốn đi?  
<sup>31</sup> Vì hòn đá chúng nó chẳng phải như Hòn Đá chúng ta,  
 Thù nghịch chúng ta cũng xét đoán như vậy.  
<sup>32</sup> Cây nho chúng nó vốn là chồi của Sô-đôm,  
 Và do đất của Gô-mô-rơ.  
 Trái nho chúng nó vốn là độc,  
 Và chùm nho vốn là đắng;  
<sup>33</sup> Rượu nho chúng nó là nọc độc con rắn,  
 Một thứ nọc độc rất dữ của rắn hổ.

**32:28-33** Câu hỏi ở đây là đoạn văn này chỉ trực tiếp đến ai—Y-sơ-ra-ên hay là kẻ thù của họ (câu 26-27)?

1. nghịch lại Y-sơ-ra-ên?
  - a. câu 28-29
  - b. câu 30 như là sự đảo ngược của cuộc thánh chiến
  - c. câu 32 sự bội nghịch hiên tại của Y-sơ-ra-ên
2. nghịch lại kẻ thù của họ?
  - a. câu 30 như là một sự thất bại quân sự hiện tại về phía của Y-sơ-ra-ên (Giô-suê 23:10)
  - b. câu 30-31, Hòn Đá của họ đã bán họ và Đức Giê-hô-va đã bỏ họ
  - c. câu 32-33, những sự gớm ghiếc Ca-na-an
  - d. câu 34-43 về sự chối bỏ và đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên sự thờ hình tượng Ca-na-an

**32:28-29** Chú ý các từ trong câu 28-29 dùng cho “sự suy nghĩ”:

1. “thiếu vắng sự chi báo” - BDB 1, KB 2, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỰ CHỦ ĐỘNG
2. “không có hiểu biết nào trong họ” - BDB 108 dạng phủ định
3. “rằng họ có sự khôn ngoan” - BDB 53, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
4. “rằng họ hiểu được điều này” - BDB 968, KB 1328, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
5. “rằng họ sẽ phân biệt được” - BDB 106, KB 122, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH

Y-sơ-ra-ên không có khả năng suy nghĩ đúng đắn!

**32:30** Hãy chú ý sự song hành của câu 30 c và d:

1. “Hòn Đá bán chúng nó” - BDB 569, KB 581, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, Các quan xét 2:14; 3:8; 4:2; 10:7; Thi 44:10; Ê-sai 50:1
2. “Giê-hô-va giao nộp chúng nó” - BDB 688, KB 742, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH

Y-sơ-ra-ên bị đánh bại có lẽ bởi vì Chiến Binh thân thánh (cuộc thánh chiến) đã rời bỏ họ bởi vì sự bất tuân giao ước. Những câu 32-33 là một ẩn dụ kéo dài của rượu để biểu tượng sự thờ hình tượng Ca-na-an. Chúng đầy tính chết chóc (có độc, đắng, nọc độc)!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG: 32:34-43**

<sup>34</sup> “” Những việc như thế làm sao ta quên được?  
 Ta đã niêm phong nó vào trong kho ta.  
<sup>35</sup> Khi chân chúng nó xiêu tó,  
 Sự báo thù sẽ thuộc về ta, phần đối trả sẽ qui về ta.  
 Vì ngày bại hoại của chúng nó hầu gần,  
 Và những tai họa buộc phải xảy ra cho chúng nó đến mau.



<sup>36</sup> Phải, khi Đức Giê-hô-va thấy sức lực của dân sự mình hao mòn,  
 Và không còn lại tội mọi hay là tự chủ cho chúng nó,  
 Thì Ngài sẽ đoán xét công bình cho chúng nó,  
 Và thương xót tội tớ Ngài.

<sup>37</sup> Ngài sẽ phán: Các thần chúng nó,  
 Những hòn đá chúng nó nhờ cậy,  
<sup>38</sup> Các thần hưởng mỡ của hi sinh,  
 Và uống rượu của lễ quán chúng nó, đều ở đâu?  
 Các thần ấy hãy đứng dậy, giúp đỡ  
 Và che phủ cho các người!

<sup>39</sup> Bây giờ, hãy xem ta là Đức Chúa Trời,  
 Ngoài ta chẳng có Đức Chúa Trời nào khác.  
 Ta khiến cho chết và cho sống lại,  
 Làm cho bị thương và chữa cho lành,  
 Chẳng có ai giải cứu khỏi tay ta được.

<sup>40</sup> Vì ta giờ tay chỉ trời  
 Mà thề rằng: Ta quả thật hằng sống đời đời,  
<sup>41</sup> Khi ta mài lưỡi sáng của gươm ta,  
 Và tay ta cầm sự đoán xét,  
 Thì ta sẽ báo thù kẻ cừ địch ta,  
 Cùng đối trả những kẻ nào ghét ta.

<sup>42</sup> Ta sẽ làm cho các mũi tên ta say huyết;  
 Lưỡi gươm ta ăn thịt,  
 Tức là huyết của kẻ bị giết và của phu tù,  
 Thịt của đầu các tướng thù nghịch.

<sup>43</sup> Hỡi các nước! hãy vui mừng với dân Ngài,  
 Vì Đức Chúa Trời sẽ báo thù huyết của tội tớ Ngài,  
 Trả thù kẻ cừ địch Ngài,  
 Và tha tội cho xứ và cho dân của Ngài

**32:34** Có vẻ đối với tôi theo văn mạch thì câu 34 có thể liên hệ với câu 32-33. Nó cũng có thể chỉ đến câu 35 (một sự trích dẫn từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ([câu 34-35] cũng như câu 39-42). Văn mạch lớn hơn vẫn là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang chất sự phán xét trên Y-sơ-ra-ên để các quốc gia sẽ không nhận được thông điệp sai trật. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đoán phạt cho họ và biện hộ cho dân Ngài. Nó không chỉ về hoặc là những sự ăn năn của Y-sơ-ra-ên hoặc là những mục đích cứu chuộc đời đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phải được cho phép để bày tỏ qua lịch sử. Một dân tộc giao ước bội nghịch thì còn thấp kém hơn bởi hai điều ác ((so với) những quốc gia thờ hình tượng). Đấng Mê-si sẽ đến và Y-sơ-ra-ên vẫn sẽ là những kẻ phá vỡ giao ước!

Câu này có hai *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THÊ BỊ ĐỘNG:

1. (cắt) vào trong kho - BDB 485, KB 481 (chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây)
2. niêm phong nó - BDB 367, KB 364, Job 14:17

**32:35** Dòng đầu tiên của câu này được trích lại ở trong Tân Ước trong Rô-ma 12:19 và Hê-bơ-rơ 10:30. Thuật ngữ “báo thù” (BDB 668) cũng được đề cập đến ở trong câu 41 và 43. Nó cũng thường xuyên được sử dụng bởi Ê-sai và Giê-rê-mi:

1. chống nghịch lại Y-sơ-ra-ên - Ê-sai 59:17
2. chống nghịch lại kẻ thù của Y-sơ-ra-ên - Ê-sai 34:8; 35:4; 61:2; 63:4; Giê-rê-mi 46:10; 50:15,18; 51:6,11

Từ “sự báo thù” (BDB 1024) cũng được tìm thấy trong Ê-sai 59:18 (hai lần) trong văn mạch nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ phục hồi một Y-sơ-ra-ên đầy tội lỗi (ví dụ, Si-ôn).

✂ “**Khi chân chúng nó xiêu tó**” ĐỘNG TỪ này (BDB 556, KB 555, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) có thể chỉ về:

1. một sự rơi vào sự rắc rối - Đa-vít trong Thi 38:17
2. một sự phán xét thiên thượng - Ê-sai 24:19

3. một lời hứa thiên thượng về sự phục hồi - Thi 94:18; Ê-sai 54:10

Con người vấp ngã và thiên nhiên thì bị phá vỡ ( Ê-sai 24:19), nhưng Đức Chúa Trời sẽ phục hồi cả hai ( Rô-ma 8:18-25).

3 Hai dòng cuối của đoạn thơ trong câu 35 chỉ về sự chần chẫn và mau chóng về sự đến chắc chắn của công lý của Đức Chúa Trời:

1. ngày của sự hoạn nạn (BDB 15) hầu gần (BDB 898)
2. những điều không còn được trì hoãn đang vội vã đến trên họ (BDB 301 I, KB 300, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG)

**32:36** Trong bài hát của sự cảnh báo và tiên tri về sự không thuận phục của Y-sơ-ra-ên gây hậu quả trong sự đoán phạt thiên thượng, nhưng trong đó cũng có lời hứa về sự tha thứ và phục hồi của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Đức Giê-hô-va sẽ biện hộ cho dân sự của Ngài - BDB 192, KB 220, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, Thi 135:14
2. Đức Giê-hô-va sẽ có sự thương xót trên các tội tớ Ngài - BDB 636, KB 688, *Hithpael* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH

Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt dân sự Ngài (Thi 7:8; 96:10), nhưng bởi điều đó, sẽ thiết lập họ!

**32:37-38** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chế nhạo sự thờ hình tượng Ca-na-an ( Giê-rê-mi 2:27-28; 11:12-13). Ngài gọi những thần tượng của họ hãy hành động cho họ (câu 38):

1. Hãy để chúng đứng dậy- BDB 877, KB 1086, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng như là THÈ MỆNH LỆNH
2. Hãy để chúng giúp đỡ - BDB 740, KB 810, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng như là THÈ MỆNH LỆNH
3. Hãy để chúng trở thành nơi trú ẩn của các người - BDB 224, KB 243, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH (Từ này [BDB 340, KB 337, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH] được sử dụng thường xuyên của việc trú ẩn nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài và chỉ một mình Ngài là nơi an toàn)

**32:39-40** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thiết lập sự độc nhất của Ngài (tư tưởng độc thân). Chú ý cách sử dụng phép song hành phản đề:

1. Hãy xem - BDB 906, KB 1157, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
2. ta là - Xuất 3:13-14 (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)
3. Ngoài ta chẳng có thần (Đức Chúa Trời) nào khác - 4:35,39; 33:26; Xuất 8:10; 9:14; Ê-sai 44:6,8; 45:7
4. ta khiến cho chết và cho sống lại - I Sa-mu-ên 2:6; II Các Vua 5:7 (cũng hãy chú ý Rô-ma 9)
5. (ta) làm cho bị thương và chữa cho lành - Gióp 5:18; Ê-sai 45:7; Ô-sê 6:1; A-môt 3:6 (thường được sử dụng trong Cựu Ước tất cả những nguyên nhân- kết quả được quy cho Đức Chúa Trời như là một cách để bày tỏ lẽ thật của tư tưởng độc thân)
6. Chẳng có ai giải cứu khỏi tay ta được - Thi 50:22; Ê-sai 43:13; Đa-ni-ên 4:35

Trong câu 40 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Đấng Hằng Hữu, Đức Chúa Trời Hằng Sống duy nhất) đã lập lời thờ bởi chính đặc tính của Ngài! Hành động giơ tay (BDB 669, KB 724, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) có thể ở trong sự tương phản với các quốc gia (giơ tay lên như là một dấu hiệu của sự chiến thắng trên Y-sơ-ra-ên) trong câu 27. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA giơ tay lên để thề một lời thề ( Ê-xê-chi-ên 20:5-6).

**32:41-43** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mô tả những hành động của Ngài của công lý nghịch lại những kẻ thờ hình tượng (câu 41-42). Trong câu 43 Ngài khẳng định sự kết ước của Ngài với lời hứa của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên.

Phao-lô sử dụng dòng đầu của câu 43 trong Rô-ma 15:10 và khẳng định rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA yêu mến và bao gồm cả Người Ngoại. Phao-lô, trong Rô-ma 15, cũng trích Thi 18:49 và II Sa-mu-ên 22:5; Thi 117:1 và Ê-sai 11:10; 42:4 ( Ma-thi-ơ 12:21) để khẳng định lẽ thật tương tự.

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẵn sàng tha thứ cho Y-sơ-ra-ên dựa trên đặc tính và những lời hứa của Ngài, không phải những hành động của họ. Điều này, về bản chất, chính là giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 và Ê-xê-chi-ên 36:22-38. Sự hy vọng của con người cuối cùng đặt trên đặc tính không đòi đổi của một Đức Chúa Trời đầy ân điển trong Đấng mà theo hình và ảnh của Ngài mà họ được tạo dựng!

**32:43** “**hãy vui mừng**” ĐỘNG TỪ này (BDB 943, KB 1247) là một *Qal* THÈ MỆNH LỆNH. Nó là hãy la lên sự vui mừng,

Gióp 38:7; Ê-sai 12:6; 24:14; 44:23; 49:13; 54:1; Giê-rê-mi 31:7

⌘ Đây là một cụm từ được thêm vào ở đây bởi Bản Dịch Bảy Mươi (Septuagint) vốn được trích bởi tác giả của sách Hê-bơ-rơ trong Tân Ước (là người sử dụng Bản Dịch Bảy Mươi) trong 1:6.

⌘ Hãy chú ý cách ĐẠI TỪ trong câu 34-43 được thay đổi từ ngôi thứ nhất sang ngôi thứ ba. Đây là sự đa dạng văn học, không phải là những tác giả khác nhau. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang phán.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:44-47**

<sup>44</sup> Vậy, Mô-i-se cùng Giô-suê, con trai của Nun, đến đọc hết các lời bài ca này cho dân sự nghe. <sup>45</sup> Khi Mô-i-se đã đọc xong các lời này tại trước mặt cả Y-sơ-ra-ên, <sup>46</sup> thì người nói cùng chúng rằng: Hãy để lòng chăm chỉ về hết thấy lời ta đã nài khuyên các ngươi ngày nay, mà truyền cho con cháu mình, để chúng nó cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này. <sup>47</sup> Vì chẳng phải một lời nói vô giá cho các ngươi đâu, nhưng nó là sự sống của các ngươi; nhờ lời nói này, các ngươi sẽ ở lâu ngày trên đất mà các ngươi sẽ đi nhận lấy, khi qua sông Giô-đanh."

**32:44 “Giô-suê”** Tên Giô-suê và Giê-xu dựa trên hai từ Hê-bơ-rơ giống nhau, “Giê-hô-va” và “sự Cứu Rỗi” (cần phải được bổ sung với một).

Giô-suê được đặt để cùng với Mô-i-se trước dân sự để xác nhận và thiết lập vai trò lãnh đạo của ông.

**32:46 “Hãy để lòng”** ĐỘNG TỪ này (BDB 962, KB 1321) là một *Qal* THÊ MỆNH LỆNH. Cùng một thành ngữ có thể thấy trong Ê-xê-chi-ên 44:5. Y-sơ-ra-ên có một sự lựa chọn, một sự lựa chọn có hiểu biết dựa trên những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong quá khứ và những lời hứa hiện tại ( 4:26; 30:19; 31:28), nhưng họ phải chọn lựa ngay bây giờ!

Để xem về “Tấm lòng” Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 2:30.

⌘ **“(các ngươi hãy) truyền cho con cháu mình”** Điều này nhấn mạnh trách nhiệm giáo dục của những bậc cha mẹ (câu 32:7).

**32:47 “(nó) chẳng phải một lời nói vô giá cho các ngươi đâu, nhưng nó là sự sống của các ngươi”** Đây là ý tưởng của lời của Đức Chúa Trời có một năng lực độc lập một khi đã được phán (Phục 8:3; Thi 33:6,9; Ê-sai 55:11). Lời này (những sách viết bởi Mô-i-se) có thể đem sự sống và sức khỏe (30:20) hoặc sự chết và sự hủy diệt ( 30:19). Sự vâng phục chính là chìa khóa liên tục cho sự hiệu lực của nó!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 32:48-52**

<sup>48</sup> Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: <sup>49</sup> Hãy đi lên núi A-ba-rim, trên đỉnh Nê-bô, ở trong xứ Mô-áp, đối ngang Giê-ri-cô; rồi nhìn xứ Ca-na-an mà ta ban cho dân Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp. <sup>50</sup> Và, ngươi sẽ chết trên núi mà ngươi lên đó, và sẽ được tiếp về cùng dân ngươi, y như A-rôn, anh ngươi, đã chết trên núi Hô-rơ, và đã được tiếp về cùng dân của ngươi, <sup>51</sup> bởi vì tại giữa dân Y-sơ-ra-ên, các ngươi đã phạm tội cùng ta, nơi nước Mê-ri-ba tại Ca-đe, trong đồng vắng Xin, và vì các ngươi không tôn ta thánh giữa dân Y-sơ-ra-ên. <sup>52</sup> Quả thật, ngươi sẽ thấy xứ ở trước mặt mình, nhưng không được vào trong xứ ấy mà ta ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

**32:49-50** Hai câu này có một vài THÊ MỆNH LỆNH:

1. “hãy đi lên,” câu 49 - BDB 748, KB 828, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. “nhìn vào,” câu 49 - BDB 906, KB 1157, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
3. “chết,” câu 50 - BDB 559, KB 562, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
4. “tụ họp (tiếp về),” câu 50 - BDB 62, KB 74, *Niphal* THÊ MỆNH LỆNH

Những hành động cuối cùng của Mô-i-se được viết kịch bản bởi một Đức Chúa Trời yêu mến ông, sử dụng ông, và giữ ông có trách nhiệm với những hành động của ông:

**32:49 “A-ba-rim”** Đây là một dãy núi ( Dân Số Ký 27:12-14).

**} “đỉnh Nê-bô”** Đây là đỉnh cao nhất của dãy núi. Có lẽ đỉnh này rất gần với vùng phía bắc của Biển Chết đối ngang với Giê-ri-cô phía đối diện với Thung Lũng Giô-đanh.

**32:50 “ngươi sẽ chết trên núi”** Hàm ý của câu này là đây sẽ là kết thúc của cuộc sống trần thế của Môi-se ( câu 34), nhưng ông sẽ được sống cùng với gia đình và những người đồng tộc là người đã qua đời trước ông.

**} “núi Hô-rơ”** Sự qua đời và chôn cất của A-rôn được ghi chép lần đầu trong Dân Số Ký 20:22-29; 33:38-39. Tuy nhiên, Phục 10:6 nói rằng ông đã chết và được chôn ở tại Mô-sê-ra ( Dân Số Ký 33:30-31). *Hard Sayings of the Bible*, trang 166, nói rằng Mô-sê-ra là tên của khu vực và Ngọn Hô-rơ là tên của dãy núi cụ thể.

**32:51 “bởi vì ngươi đã phá vỡ đức tin nơi ta”** ( Dân Số Ký 20; 27:14; Phục 1:37; 3:23-27). Phần này song hành với “bởi vì ngươi đã không xem Ta là thánh.” Sự không vâng phục khởi đầu và rõ ràng của Môi-se trước cả dân sự trong Dân Số Ký 20 và một lần nữa trong Dân Số Ký 27, đã làm cho ông bị đoán phạt công khai bởi Đức Chúa Trời và không được cho phép bước vào Đất Hứa.

**32:52** Điều này được mở rộng trong mở rộng trong đoạn 34.

# PHỤC TRUYỀN 33

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Chúc Phước Cuối Cùng của Môi-se Y-sơ-ra-ên 33:1-5	Sự Chúc Phước Của Môi-se 33:1-29 (câu 1-5)	Môi-se Chúc Phước các Chi Phái Y-sơ-ra-ên 33:1-5 (câu 2-5)	Các Chi Phái 33:1-29 (câu 1) (câu 2) (câu 3) (câu 4-6)
33:6-7	(câu 6-7)	33:6 33:7	(câu 7)
33:8-11	(câu 8-11)	33:8-11	(câu 8-11)
33:12	(câu 12)	33:12	(câu 12)
33:13-17	(câu 13-17)	33:13-17	(câu 13-17)
33:18-19	(câu 18-19)	33:18-19	(câu 18-19)
33:20-21	(câu 20-21)	33:20-21	(câu 20-21)
33:22	(câu 22)	33:22	(câu 22)
33:23	(câu 23)	33:23	(câu 23)
33:24-29	(câu 24-25)  (câu 26-29)	33:24-29 (câu 24-25)  (câu 26-29)	(câu 24-25)  (câu 26-29)

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang vii ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đoạn này rất giống với Sáng Thế Ký 49. Cả hai đều phản ánh truyền thống Do Thái cổ một sự chúc phước của Tổ Phụ trên con cái (ví dụ, của Gia-cốp dành cho các con của ông trong Sáng Thế Ký 49). Ở đây Mô-i-se là một người cha đại diện trên các chi phái của Y-sơ-ra-ên và công bố sự chúc phước của gia đình và cảnh báo mỗi một người.
- B. Bài hát trong đoạn 32, với những sự cảnh báo nghiêm khắc của nó, phải được kết hợp với sự chúc phước ở trong đoạn 33 để xem về toàn bộ sự khuyến bảo của những lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!
- C. Bài thơ này có vẻ như phá vỡ sự liên tục giữa 32:48-52 và đoạn 34. Vì sao nó được đặt vào ở đây, khi nào và bởi ai, không thể trả lời được. Nó được cho là một bài thơ chúc phước được thần cảm liên kết với Mô-i-se.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:1-5

<sup>1</sup> Vả, này là lời chúc phước mà Mô-i-se, người của Đức Chúa Trời, chúc cho dân Y-sơ-ra-ên, trước khi qua đời. <sup>2</sup> Người bèn nói:

Đức Giê-hô-va đã đến từ Si-na-i,  
Ngài từ Sê-i-rơ dấy lên trên dân chúng,  
Chiếu sáng từ núi Pha-ran,  
Đến từ giữa muôn vòm đấng thánh;  
Từ tay hữu Ngài phát ra cho họ lửa của luật pháp Ngài.

<sup>3</sup> Ngài thương yêu dân sự,  
Các thánh của Ngài đều ở trong tay Ngài,  
Quì xuống chân Ngài,  
Đặng lãnh những lời của Ngài.

<sup>4</sup> Mô-i-se đã ban một luật pháp cho chúng tôi,  
Là cơ nghiệp của hội chúng Gia-cốp.

<sup>5</sup> Khi các quan trưởng của dân sự hội hiệp  
Với những chi phái Y-sơ-ra-ên,  
Thì Ngài trở nên vua của Giê-su-run."

**33:1** “lời chúc phước. . .được chúc phước” ĐỘNG TỪ này (BDB 138, KB 159, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) và DANH TỪ xảy ra trong trong câu 1.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CHỨC PHƯỚC

Có một vài loại của những sự chúc phước (BDB 139) trong Cựu Ước. Hai loại phổ biến nhất là:

1. sự chúc phước của Đức Chúa Trời:
  - a. dành cho tất cả các quốc gia thông qua Áp-ra-ham (và Các Tổ Phụ), Sáng 12:3; 27:29; Công Vụ 3:25; Ga-la-ti 3:8
  - b. có điều kiện trong sự ăn năn, Xuất 32:29; Giô-ên 2:12-14
  - c. có điều kiện phải vâng phục với giao ước, Lê-vi Ký 25:18-21
  - d. một mối tương giao thích đáng với Đức Chúa Trời sẽ đem lại sự thịnh vượng (ví dụ, những sự rửa sả ngược lại với những phước hạnh), Phục 11:26,27,29; 23:5; 28:2,8; 30:1,19; Giô-suê 8:34; Thi 133:3; Châm. 10:22
  - e. dành cho Y-sơ-ra-ên vâng phục, Phục 12:15; 16:17; 32:23; Ê-sai 44:3; Ê-xê-chi-ên 34:25-31; Ma-la-chi 3:10-12
  - f. dành cho những thầy tế lễ Lê-vi, Ê-xê-chi-ên 44:28-31; Ma-la-chi 3:10-12

- g. trên Đa-vít và dòng dõi Mê-si, II Sa-mu-ên 7:29; Thi 3:8; 21:3; 118:26 ( Ma-thi-ơ 21:9; 23:39; Mác 11:9; Lu-ca 13:35; 19:38; Giăng 12:13)
  - h. dành cho người được sai đến bởi Đức Chúa Trời, Thi 118:26; 129:8
2. sự chúc phước bởi cha mẹ:
- a. Y-sác chúc phước cho Gia-cốp (do sự lừa đảo), Sáng 27:12,18-29,35
  - b. Gia-cốp, Sáng 49:3-27,28-29
  - c. Môi-se (đại diện cho cha mẹ), Phục 33:1-25

Lời của Đức Chúa Trời, đối với chủ đề này, những lời chúc phước được nói bởi Các Tô Phụ, trở nên một sự độc lập, có năng lực tự định hướng để hoàn thành mục đích của nó, Ê-sai 55:11; 45:23; Ma-thi-ơ 24:35 (5:17-19); Mác 13:31; Lu-ca 21:33. Năng lực của những lời nói phán có thể được nhìn thấy trong:

- 1. sự sáng tạo (ví dụ, “Ngài phán. . .”)
- 2. Đấng Mê-si được gọi là “Ngôi Lời,” Giăng 1:1,14; I Giăng 1:1; Khải Huyền 19:13. Phước hạnh lớn nhất của Đức Chúa Trời là Chính Ngài! Sự hiện diện cá nhân của Ngài với, và cho chúng ta!

**}** “**người của Đức Chúa Trời**” Cụm từ này (BDB 35 GHÉP VỚI 43) được dùng để mô tả những tiên tri ( Giô-suê 14:6; I Sa-mu-ên 2:27; 9:6-7; I Các Vua 9:6; 12:22; 13:1,30; II Các Vua 1:9-13; 5:8; 23:17; Giê-rê-mi 35:4).

**33:2** Điều này mô tả một sự hiện diện mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với Y-sơ-ra-ên (sự hiển thần (theophany- sự hiển khải của Đức Chúa Trời trong hình dạng của con người trong Kinh Thánh)). Sự đối mặt tuyệt diệu giữa Đấng Thánh và con người thật đáng sợ ( Xuất 19; Thi 50:2-3). Sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được tiếp nối trong hình thể của một đám mây đặc biệt (*Shekinah* đám mây vinh hiển). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đến và ở cùng với dân sự của Ngài từ Ngọn núi Si-nai/Hô-rếp cho đến khi họ băng qua sông Giô-đanh. Ngay cả sau đó, sự hiện diện đặc biệt của Ngài với Hòm Giao Ước, phía trên những cánh của chê-ru-bim.

Rõ ràng trong câu này ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được nhìn thấy trong sự liên hệ với những ngọn núi ( I Các Vua 20:23,28).

- 1. Mô-ri-a (Sáng 22:2; II Sử ký 3:1, địa điểm của đền thờ)
- 2. Ngọn núi Si-nai/Hô-rếp (Exodus 19-20)
- 3. Ngọn núi Si-ê-rơ (ở đây, Các quan xét 5:4)
- 4. Ngọn núi Pha-ran (ở đây, Ha-ba-cúc 3:3)
- 5. Ê-banh/Ga-ri-xim (27:4; Giô-suê 8:30-33)
- 6. Ta-bô (Các quan xét 4:6)
- 7. Cạt-mên (I Các Vua 18:20-39; II Các Vua 4:25-27)
- 8. Phê-ra-xim (II Sa-mu-ên 5:20; Ê-sai 28:21)
- 9. Ngọn núi Si-ôn (Ê-sai 2:1-4; Mic. 4:1-4; Thi 68:16, tên của Giê-ru-sa-lem)
- 10. Ngọn núi Nê-bô (Phục Truyền 34, chỉ với Môi-se)

**}** “**Si-nai**” Đây là địa điểm Luật Pháp được ban. nó được gọi là Si-nai (BDB 696) duy nhất ở đây ở trong Phục Truyền. Nó thường được gọi là Hô-rếp (BDB 352). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Địa điểm của Ngọn Núi Si-nai tại 1:2.

**}** “**Si-ê-rơ**” Tên này (BDB 973) có một vài điều được ngụ ý chỉ đến trong Cựu Ước:

- 1. Nó có thể chỉ về vùng đất của người - Sáng 32:3; 36:30; Dân Số Ký 24:18; Phục 1:44; 2:8,12,22,29; 33:1; Giô-suê 11:17; Các quan xét 5:4.
- 2. Nó có thể chỉ đến một ngọn núi/chỗ nhô cao lên tại Ê-đôm - Sáng 36:8-9; Phục 1:2; 2:14; Giô-suê 24:4.
- 3. Nó có thể chỉ đến một dân tộc- Sáng 36:20-30; II Sử ký 25:11,14; Ê-xê-chi-ên 25:8 (người Ê-đôm)
- 4. Nó có thể chỉ đến một ngọn núi/ chỗ nhô lên tại Giu-đa - Giô-suê 15:10(?).

**}** “**núi Pha-ran**” Đây là rặng núi (BDB 803) gần với bình nguyên Mô-áp ( 1:1) về phía tây của A-ra-ba, về phía dưới phía tây của Vịnh Aqaba.

Có lẽ điều này liệt kê ra sự di chuyển của con cái Y-sơ-ra-ên khi họ rời khỏi Si-nai trên đường đi đến Đất Hứa (cũng có thể là hoang mạc, Dân Số Ký 10:12; 12:16; 13:3,26). Đức Chúa Trời phán rằng Ngài đã ở cùng với họ xuyên suốt qua những sự lang thang Ngài vẫn ở cùng với họ.

}  
NASB “tù giữa mười ngàn đấng Thánh”  
NKJV “với mười ngàn người thánh”  
NRSV “một vạn đấng thánh”  
TEV “mười ngàn thiên thần cùng với Ngài”  
NJB -----

Bản MT chép ở đây là “Ribebboth-Kodesh.” Phục Truyền 32:51 dịch những phụ âm tương tự như là “Mê-ri-ba-Ca-đe. Điều này có thể chỉ về (1)tên của một địa điểm hoặc (2) “những thiên thần” ( Đa-ni-ên 7:10; Khải Huyền 5:11) hoặc “những người thánh” ( câu 3; 7:6; 14:2; 26:19; 28:9). Các ra-bi Do Thái sử dụng chỗ này như là phần trích để khẳng định về vai trò trung gian của những thiên sứ ( Công Vụ 7:53; Ga-la-ti 3:19; Hê-bơ-rơ 2:2).

}  
NASB “tia chớp lóe sáng”  
NKJV “một luật pháp bùng cháy”  
NRSV “sinh vật của chính Ngài”  
TEV “một ngọn lửa bùng cháy”  
NJB “cháy bùng ra”

Nghĩa đen ở đây là “luật pháp bùng cháy” (BDB 77 and 206). Tuy nhiên, trong văn mạch này nó chỉ đến sự vinh hiển đang đến trong sự rực rỡ của vinh hiển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ( Ê-sai 60:1-3).

**33:3 “Ngài thương yêu dân sự”** ĐỘNG TỪ này (BDB 285, KB 284, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ) có vẻ như phản chiếu 4:37; 7:7-8; 10:15.

TÂN NGỮ “dân sự” ở dạng SỐ NHIỀU và chỉ về những dòng dõi của Các Tổ Phụ.

}  
NASB “Các đấng thánh của Ngài đều ở trong tay Ngài”  
NKJV “Các người thánh của Ngài đều ở trong tay Ngài”  
NRSV “Tất cả các đấng thánh đều ở trong sự mang vác của Ngài”  
TEV “hãy bảo vệ những người thuộc về Ngài”  
NJB “những đấng thánh đều ở tại mạng lệnh Ngài”

thuật ngữ “các thánh” (BDB 481 GHEP VỚI 872) chỉ về dân tộc giao ước. Từ này có thể được dịch là “những người thánh” (ví dụ, 7:6; 14:2,21; “dân tộc thánh”).

}  
NASB “theo sau”  
NKJV “ngồi xuống”  
NRSV “bước đến”  
TEV “hạ xuống”  
NJB “hạ”

Từ này có nghĩa đen là “nằm xuống tại” (BDB 1067, KB 1730, *Pual* THÊ HOÀN THÀNH, ĐỘNG TỪ không thường xuyên chỉ ở tại đây). Nó cũng chỉ đến vị trí của một người đang học hỏi (ví dụ, hạ xuống, TEV, ngồi trên chân người, NET Bible). “Hạ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

**3 “(mọi người nhận) lãnh những lời của Ngài”** Điều này chỉ về việc ban ra luật pháp tại ngọn Si-nai/Hô-rếp ở trong Xuất 20 và tiếp sau đó. Dân sự của Đức Chúa Trời biết ý định và luật pháp Ngài. Dân sự giao ước có một trách nhiệm đặc biệt để bày tỏ về đặc điểm của Đức Chúa Trời.

Tất cả họ đều xác nhận sự bằng lòng đi theo luật pháp của Đức Chúa Trời.

**33:4 “Môi-se đã ban một luật pháp cho chúng tôi”** Câu này có vẻ như để xác nhận ý tưởng của những câu trước



đó về sự chỉ đến trong câu 3 về tên của một địa điểm và đó là những câu nói về dân sự của Đức Chúa Trời, không phải các thiên sứ.

✂ **“(một) cơ nghiệp của hội chúng Gia-cốp”** Từ “cơ nghiệp” (BDB 440) chỉ về một sự thừa kế (BDB 439). Nó được sử dụng lần đầu để chỉ về chi tộc của Y-sơ-ra-ên (Gia-cốp, BDB 784) trong Xuất 6:8 và được đề cập thường xuyên trong Ê-xê-chi-ên (11:15; 33:24; 36:2,3,5).

Từ “hội chúng” (BDB 875) có nghĩa là “cộng đoàn” (cùng từ gốc trong 23:2,3,4,8; 31:30).

Bởi vì sự song hành trong câu 4, sự sử dụng đặc biệt này của từ “cơ nghiệp” có thể là một sự ẩn dụ cho giao ước (luật pháp). Dân sự của Đức Chúa Trời sở hữu một sự mặc khải cũng như là một vùng đất!

**33:5 “Ngài trở nên vua”** Điều này có thể là một sự chỉ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là Vị Vua (BDB 572 I, Xuất 15:18; Dân Số Ký 23:21; 24:7; I Sa-mu-ên 8:4-9).

✂ Hai dòng cuối cùng song hành “quan trưởng của dân sự” và “những chi phái của Y-sơ-ra-ên.” Nó chỉ về nghi lễ bắt đầu của giao ước với dân sự mới của Đức Chúa Trời tại Ngọn Núi Si-nai/Hô-rêp (Xuất 19-20).

✂ **“Giê-su-run”** Từ này có nghĩa đen là “những người chính trực” (BDB 449) và chỉ về Y-sơ-ra-ên (câu 26; 32:15; Ê-sai 44:2). Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 1:1.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:6**

**“Nguyện Ru-bên sống, chớ thác,  
Đầu số người của nó sẽ ít đông.”**

**33:6 “Nguyện Ru-bên sống, chớ thác”** Câu 6 có ba dạng *Qal* THỆ MỆNH LỆNH:

1. sống - BDB 310, KB 309
2. chết - BDB 559, KB 562 (phủ định)
3. là(sẽ) - BDB 224, KB 243 (phủ định)

Ru-bên là con đầu của Gia-cốp, nhưng ông đã phạm tội nghịch cùng cha mình ( Sáng 35:22) và mất đi sự vượt trội đứng đầu của mình ( Sáng 49:3-4).

✂

**NASB** “Đầu số người của nó sẽ ít đông.”  
**NKJV** “những người của nam họ cũng không được tự do”  
**NRSV** “ngay cả khi số người của họ là ít”  
**TEV** “đầu chi tộc họ là ít”  
**NJB** “đầu những người nam của họ ít”

Nếu như vậy, đây là một phần của sự mất đi sự đứng đầu vượt trội ( TEV, NJB). Cụm từ này thường có nghĩa là “không có nhiều người nam” ( Sáng 34:30; Phục 4:27; Thi 105:12; Giê-rê-mi 44:28).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:7**

**<sup>7</sup>Người chúc cho Giu-đa rằng:  
Hỡi Đức Giê-hô-va, cầu xin Ngài nghe tiếng của Giu-đa,  
Và đưa người về dân mình;  
Nguyện tay người binh vực chúng,  
Xin Chúa đến giúp người đương địch cùng kẻ thù nghịch mình!”**

**33:7 “nghe”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỆ MỆNH LỆNH) được sử dụng thường xuyên trong Phục Truyền, nhưng thường là của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (hoặc Môi-se) phán với Y-sơ-ra-ên.

✂ **“Hỡi Đức Giê-hô-va”** Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Danh xưng của Đấng Thánh tại 1:3.

✎ **“tiếng của Giu-đa”** Trong văn mạch Môi-se đang kêu cầu ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hãy lắng nghe lời cầu nguyện của Giu-đa (lời cầu nguyện của chi phái Giu-đa). Không có điều gì trong sự chúc phước của Môi-se ngăn cản địa vị đặc biệt của chi phái Giu-đa như là một chi phái hoàng gia, cũng như là những bằng chứng trong sự chúc phước của Gia-cốp trong Sáng 49:8-12.

Sự kiện chi phái Si-mê-ôn không được đề cập đến đã gây ra một vài những liên hệ của lời tiên tri này với những giai đoạn sau này khi mà Si-mê-ôn được sáp nhập với chi phái Giu-đa ( Giô-suê 19:1-9; Các quan xét 1:3-4). Phân cơ nghiệp được chia của Si-mê-ôn nằm ở phía nam của Giu-đa, vốn liền kề với năm thành phố của người Phi-li-tin.

✎

NASB **“Với tay Ngài, Ngài đấu tranh cho họ”**

NKJV **“Nguyện tay Ngài trở nên đầy đủ cho họ”**

NRSV **“làm mạnh mẽ những cánh tay Ngài cho họ”**

TEV **“Chiến đấu cho họ, hỡi Đức Giê-hô-va”**

NJB **“ràng tay Ngài sẽ bảo vệ những quyền lợi của họ”**

Cụm từ Hê-bo-rơ này không xác định được. Nó có thể chỉ đến sự tự vệ của chính Giu-đa chống lại những kẻ thù, vốn có thể chỉ về khu vực của chế độ hoàng thống nhất vào năm 922 TC chia đôi thành Vương Quốc Giu-đa và Y-sơ-ra-ên (chỉ là một sự suy đoán).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:8-11**

<sup>8</sup> Người cũng chúc cho Lê-vi rằng:

**Thu-mim và u-rim của người vốn thuộc về người tin kính của người,**

**Mà người thử thách tại Ma-sa,**

**Tranh giành với tại nước Mê-ri-ba.**

<sup>9</sup> Lê-vi nói về cha mẹ mình rằng: **Tôi không hề thấy cha mẹ;**

**Người không nhận anh em mình,**

**Chẳng biết đến con cái mình...**

**Vì người gìn giữ lời Chúa,**

**Canh chừng sự giao ước của Chúa.**

<sup>10</sup> **Họ lấy mạng lệnh của Chúa dạy cho Gia-cốp,**

**Và luật pháp Chúa cho Y-sơ-ra-ên;**

**Họ để hương dưới mũi Ngài,**

**Đặt của lễ thiêu trên bàn thờ Ngài.**

<sup>11</sup> **Lạy Đức Giê-hô-va, xin ban phước cho của cải người,**

**Và nhậm công việc của tay người làm.**

**Xin bẻ nát hông của kẻ dấy nghịch và ghen ghét người,**

**Để chúng nó không thể dấy lên nữa! "**

**33:8-11** Trong bộ Qumran, những cuộn sách được tìm thấy trong những hang động phía tây bắc của Biển Chết, Phục 18:18 và Dân Số Ký 24:15-17, vốn là những sự tiên tri về Đấng Mê-si một cách giới hạn được liên kết với đoạn này. Chúng cho rằng Đấng Mê-si có liên hệ với những người Lê-vi ( Thi 110:4-7; Xa-cha-ri 3-4).

Phước hạnh này không bao gồm chỉ về những hành động đức tin của A-rôn ( Thi 106:16), nhưng còn là của Môi-se ( hai dòng cuối của câu 8 và Xuất 17:1-7).

**33:8 “Thu-mim và u-rim của người”** Hai điều này (BDB 1070 và 22) là (1) một cách bằng công cụ (ví dụ, những lá thăm) hoặc (2) một tia sáng có thể nhìn thấy nói lên một lời tiên tri để biết về ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Có vẻ như chúng được giữ bởi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trong một túi nhỏ phía sau băng đeo ngực ( Xuất 28:30; Lê-vi Ký 8:8; I Sa-mu-ên 14:37-42; 23:9- 12). Chính xác chúng là gì và cách chúng vận hành như thế nào đã bị thất lạc (NIDOTTE, quyển 1, trang 329-331).

✎ **“người tin kính Ngài”** Điều này chỉ về A-rôn và Môi-se hoặc hậu duệ của Thầy Tế Lễ, nhưng chỉ dẫn lịch sử được đề cập chỉ về Môi-se.

**Ma-sa... Mê-ri-ba**” Hãy đọc Xuất 17:7. Tuy nhiên, cuộc nổi loạn tại địa điểm này không đề cập đến chi phái Lê-vi hoặc thầy tế lễ trong bất cứ cách nào. Sự kết nối chính xác với câu này thì không xác định được.

} Có vẻ như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thử thách cả Y-sơ-ra-ên và sự lãnh đạo của họ trong suốt thời gian trong đồng vắng để xem họ có thực sự tin cậy vào nơi Ngài cũng như sự chăm sóc và hướng dẫn của Ngài (Xuất 17:7).

1. chứng minh/thử thách - BDB 650, KB 702, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
2. đấu tranh/chiến đấu - BDB 936, KB 1224, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

Chú ý rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thường xuyên thử thách (BDB 650) những động cơ và sự kết ước của những người tuyên bố muốn biết và tin cậy Ngài:

1. Áp-ra-ham - Sáng Thế Ký 22
2. Y-sơ-ra-ên - Xuất 15:25; 16:4; 20:20; Phục 8:2,16; 13:3 Các quan xét 2:22; 3:1,4
3. Môi-se - Phục 33:8
4. Ê-xê-chia - II Sử ký 32:31
5. Chúa Giê-xu cũng bị thử thách - Ma-thi-ơ 4; Lu-ca 4

Cùng một từ được sử dụng thường xuyên cho con người “thử thách” Đức Chúa Trời, vốn luôn luôn được nhìn thấy trong một sắc màu tiêu cực!

**33:9** Điều này chỉ về đoạn Kinh Thánh trong Xuất 32, nơi mà Y-sơ-ra-ên liên quan vào sự thờ hình tượng qua việc họ dựng nên và thờ phượng in idolatry in the making and worshiping (cuộc thác loạn tình dục) bò con vàng. Tại điểm này, Môi-se ra lệnh cho những người Lê-vi trung tín (chi phái của chính ông) giết rất nhiều cùng dân tộc Y-sơ-ra-ên với ông trong sự hình phạt đó (32:25-29).

Bằng hành động này, ngay cả chống lại chính gia đình của mình, họ được tôn trọng bởi vì:

1. người gìn giữ lời Chúa - BDB 1036, KB 1581, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 29:9
2. canh chừng sự giao ước của Chúa - BDB 665, KB 718, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Thi 25:10; 78:7; 119:2,22, 33,34,56,69,100,115,129,145

**33:10 “dạy... để hương... của lễ thiêu”** Đây là những nghĩa vụ của những thầy tế lễ Lê-vi:

1. dạy - BDB 434, KB 436, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 31:9-13, vốn bao gồm sự đoán phạt, 17:9-10
2. những nghĩa vụ tại đền tạm/ đền thờ

**33:11** Câu ngắn này có bốn ĐỘNG TỪ và hai ĐỘNG TÍNH TỪ:

1. “ban phước” - BDB 138, KB 159, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH, câu 1,13,20,24; 28:3(hai lần),4,5,6 (hai lần),8,12,19;  
30:16. Đây là những gì mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn làm!
2. “nhậm” - BDB 953, KB 1280, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Đây là một từ của sự dâng sinh tế, Lê-vi Ký 1:4; 7:18; 19:7; 22:23,25,27, vốn cũng có thể có nghĩa là “vui hưởng,” Lê-vi Ký 26:34 (hai lần)
3. “bê nát” - BDB 563, KB 571, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 32:39, ở đây đối với những kẻ thù của họ (#4, #5, and #6)
4. “kẻ dấy nghịch” - BDB 877, KB 1086, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, được sử dụng cho những kẻ thù nghịch
  - a. lại với Đức Chúa Trời, Xuất 15:7
  - b. Với Y-sơ-ra-ên, Xuất 32:25; Thi 109:28
  - c. với một người lân cận mình, Phục 19:11
5. “kẻ... ghen ghét người” - BDB 971, KB 1338, *Piel* ĐỘNG TÍNH TỪ, vốn trong Thi Thiên dùng cho những kẻ thù nghịch, 18:40; 44:7,10; 55:12; 68:1; 89:23
6. “dấy lên nữa” (dạng phủ định) - có cùng từ gốc như trong #4, nhưng ở đây là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Điều này có thể chỉ đến những người khác Y-sơ-ra-ên là những người đã tấn công thẩm quyền lãnh đạo của Môi-se và A-rôn trong suốt thời kỳ lang thang trong đồng vắng.

}  
NASB, NKJV

NRSV

TEV

“ban phước cho của cải người”

“giúp cho chi phái của họ phát triển mạnh mẽ”

**NJB “ban phước sự xứng đáng người”**

Từ này (BDB 298) có thể có một vài nghĩa:

1. nó căn bản có nghĩa là “khả năng” hoặc “năng lực”
2. “sức lực”
3. “khả năng,” “những kỹ năng”
4. “sự xứng đáng”
5. “những thành quả”
6. “những tài sản”

⌋ “bẻ nát hông” Cụm từ này theo từng chữ có nghĩa là “bẻ nát cơ bắp đùi” (là cơ lớn nhất ở trong cả cơ thể được sử dụng như là một biểu tượng cho cả con người). Đây là sự ẩn dụ Hê-bơ-rơ dùng cho một người nào đó không có năng lực. Nó cũng có thể có nghĩa chấm dứt sự sinh sản, và bởi vì vậy, không còn những thế hệ tương lai.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:12**

<sup>12</sup>Người chúc về Bên-gia-min rằng:  
Người mà Đức Giê-hô-va yêu mến  
Sẽ được ở yên gần bên Ngài.  
Hàng ngày Đức Giê-hô-va sẽ che chở người,  
Lập nơi ở Ngài giữa hai vai người,”

**33:12 “về Bên-gia-min...Đức Giê-hô-va yêu mến”** Ông (BDB 122) được gọi là người được yêu mến của Đức Giê-hô-va bởi vì ông là người con yêu thương của cha ông, Gia-cóp ( Sáng 44:20).

⌋ “sẽ được ở yên gần bên Ngài” ĐÔNG TỪ này (BDB 1014, KB 1496, là một *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, nhưng trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH, câu 12 [hai lần], 16,20,28; Xuất 25:8; 29:45,46). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là người bạn đồng hành gần gũi của ông câu 12.

⌋  
**NASB** “Đáng bảo vệ người như cái khiên suốt cả các ngày”  
**NKJV** “là Đấng che chở người suốt cả những ngày dài”  
**NRSV** “bao bọc người suốt cả những ngày dài”  
**TEV** “Ngài canh gác bảo vệ họ suốt cả những ngày dài”  
**NJB** “ngày qua ngày bảo vệ người”

ĐÔNG TỪ này (BDB 342, KB 339, *Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) được sử dụng chỉ ở đây và có thể có nghĩa là “dựng tường rào xung quanh” hoặc “vây quanh” hoặc “bao bọc”

⌋  
**NASB, NKJV** “sống ở giữa hai vai Ngài”  
**NRSV** “yên nghỉ ở giữa hai vai Ngài”  
**TEV** “người sống ở giữa họ”  
**NJB** “sống ở giữa những mé đồi của người”

Đây là một ẩn dụ dùng cho (1) một nơi của sự bình an và yên ninh (câu 20,28) và (2) sống ở một nơi được bảo bọc (ví dụ, Si-lô, Bê-tên, hoặc Giê-ru-sa-lem [một đề nghị của S. R. Driver]).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:13-17**

<sup>13</sup>Người chúc về Giô-sép rằng:  
Xứ người được Đức Giê-hô-va ban phước;  
Từ trời Ngài giáng xuống cho người ân tứ rất báu, là sương móc,  
Những suối của vực thăm có nước sâu;  
<sup>14</sup> Những huê lợi quý nhứt của mặt trời,

**Hoa quả cực báu của mặt trăng;**  
<sup>15</sup> Những vật nhứt hạng của núi xua,  
 Các báu lạ của mây gò đồng đồi đồi,  
<sup>16</sup> Bửu bối của đất, và sự sung mãn nó,  
 Nguyện ơn của Đấng hiện ra trong bụi gai  
 Giáng xuống trên đầu Giô-sép,  
 Và trên trán của chúa anh em người!  
<sup>17</sup> Oai nghiêm người giống như con bò đực đầu lòng;  
 Hai sừng người vốn sừng của trâu!  
 Người lấy sừng ấy báng mọi dân,  
 Cho đến cuối đầu của đất.  
 Đó là hàng muôn của Ép-ra-im,  
 Ấy là hàng ngàn của Ma-na-se."

**33:13-17** Phần dài nhất của những phước hạnh, ngoại trừ phần dành cho Lê-vi, đến với những con trai của Giô-sép, Ép-ra-im và Ma-na-se ( câu 17, hai con trai của ông tại Ai Cập). Đây là những chi phái hùng mạnh nhất giữa những chi phái phía bắc.

Trong câu 13-16b Môi-se liệt kê ra những phước hạnh của hai chi phái này. Trong câu 16 c và d tình trạng của Giô-sép ở tại Ai Cập được nhắc đến. Trong câu 17 năng lực của hai chi phái này được mô tả bằng những ẩn dụ của loài thú.

**33:13** Câu này chỉ về sự dư dật của ẩm độ đến từ sương móc và những nguồn nước ngầm ( Sáng 49:25). Nước đồng nghĩa với sự trù phú trong nông nghiệp!

**33:15** “**Những vật nhứt hạng của núi xua... của mây gò đồng đồi đồi**” Điều này có thể chỉ về cây cối, cả về thức ăn và dành cho xây dựng.

**33:16** “**on của Đấng hiện ra trong bụi gai**” Điều này có thể chỉ về bụi gai cháy ( Xuất 3:2-4). Từ dành cho bụi cây (BDB 702) chỉ được sử dụng năm lần trong Cựu Ước, trong đó có bốn lần trong Xuất 3:2-4.

⎓  
**NASB** “và trên mũ miện trên đầu của người xuất sắc giữa những anh em người”  
**NKJV** “Và trên mũ miện trên đầu của người mà đã được để riêng ra giữa những anh em người”  
**NRSV** “trên trán của hoàng tử ở giữa những anh em người”  
**TEV** “bởi vì người đã là kẻ lãnh đạo ở giữa anh em người”  
**NJB** “trên trán của kẻ được biệt riêng giữa những anh em người”

Điều này phản ánh lại lời chúc phước của Gia-cốp trong Sáng 49:26. Sự lãnh đạo và vượt trội hàng đầu của Giô-sép tiếp tục với những hậu duệ của những con trai ông.

**33:17** “**Hai sừng người vốn sừng của trâu rừng**” Trong tiếng Hê-bơ-rơ từ “sừng”(BDB 901) là biểu tượng của quyền lực.

⎓ “**Cho đến cuối đầu của đất**” Đây là CẤU TRÚC GHÉP của BDB 67 và 75. Nó chiếm một sự quan trọng thần học đầy mạnh mẽ.

1. sự độc nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (và bởi đó tư tưởng độc thần)
  - a. Ê-sai 45:6,14; 46:9; 47:8,10
  - b. Sô-phô-ni 2:15
2. năng lực và sự vinh hiển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
  - a. Châm 30:4
  - b. nhiều câu Kinh Thánh ở trong điểm #3
3. sự mở rộng của sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và sự cai trị khắp trên cả đất
  - a. Phục 33:17

- b. I Sa-mu-ên 2:10
  - c. Thi 22:25-31; 59:13; 67:1-7; 98:2-9
  - d. Ê-sai 45:22; 52:10
  - e. Giê-rê-mi 16:19
4. về Đấng Mê-si
- a. I Sa-mu-ên 2:10
  - b. Thi 2:8
  - c. Mi-chê 5:4-5

✂ **“hàng muôn của Ép-ra-im...Ấy là hàng ngàn của Ma-na-se”** Cụm từ này chỉ về sự ưu thế của Ép-ra-im về quy mô và năng lực của họ. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt: Hàng ngàn tại 1:15.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:18-19**

<sup>18</sup> Người chúc về Sa-bu-lôn rằng:

**Hỡi Sa-bu-lôn, khá vui mừng về cuộc mình đi ra ngoài,  
Còn ngơoi, Y-sa-ca, hãy hớn hờ trong các trại mình!**

<sup>19</sup> Hai người sẽ gọi các dân tộc lên núi;  
**Tại đó, dâng những của tế lễ công bình;  
Vì hai người sẽ hút sự dư dật của biển,  
Và những bửu vật lấp dưới cát."**

**33:18 “về Sa-bu-lôn... còn ngơoi, Y-sa-ca”** Có hai chi phái được liệt kê chung với nhau cũng giống như trong Sáng 49:13-15.

✂ **“khá vui mừng”** ĐỘNG TỪ này (BDB 970, KB 1333, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) được sử dụng trong nghĩa “vui hưởng sự tốt lành, an ninh và sự dư dật của cuộc sống.”

✂ **“đi ra ngoài”** Từ này (BDB 422, KB 425, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) có vẻ như được sử dụng trong nghĩa của một cuộc sống tự do (28:6,19; 31:2).

✂ **“trong các trại mình”** Điều này (BDB 13) chỉ về nơi của họ trong suốt thời gian lang thang trong đồng vắng, nhưng đã trở thành một ẩn dụ dành cho căn nhà của một người.

Hai dòng song hành với nhau này ngụ ý về một cuộc sống hạnh phúc, ổn định.

**33:19** Sự song hành giữa “núi” (BDB 249) và “dâng những của tế lễ công bình” (Thi 4:5; 51:19) ngụ ý về một sự thiết lập sự thờ phượng (Xuất 15:17).

Câu hỏi giải nghĩa tiếp theo là, hai dòng thơ tiếp theo có tiếp tục đi trong cùng một ý tưởng hay là đã chuyển sang một chủ đề khác? Sự liên hệ của Sa-bu-lôn với biển được nhắc đến trong Sáng 49:13.

✂ **“sự dư dật của biển, Và những bửu vật lấp dưới cát”** Hai dòng này song hành với nhau. Cả hai đều là TÂN NGỮ của một ĐỘNG TỪ, “hút” hoặc “rút lên” (BDB 413, KB 416, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH). Đây là một ẩn dụ để chỉ về sự trù phú (32:13).

1. Phần đầu tiên chỉ về:
  - a. thức ăn (ví dụ, những sinh tế hoặc một cuộc sống tốt đẹp)
  - b. sự giao thương buôn bán (ví dụ, san hô, vỏ sò ốc, bọt biển hoặc thuốc nhuộm)
2. Phần thứ hai được tạo nên từ hai *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỂ BỊ ĐỘNG:
  - a. “che phủ,” nhưng chỉ ở đây có nghĩa là “được xếp đặt” hoặc “đặt lên” (BDB 706)
  - b. “giấu” (BDB 380)

Chúng có vẻ chỉ đến những chuyến tàu giao thương (Sáng 49:13-14).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:20-21**

<sup>20</sup> Người chúc về Gát rằng:

"Đáng ngợi khen thay Đấng để Gát nơi khoảng khoát,  
Người nằm nghỉ như một sư tử cái,  
Và xé cánh tay cùng đầu.

<sup>21</sup> Người đã chọn cho mình phần đầu nhứt của xứ,

Bởi vì tại đó đã dành phần của đấng lập luật pháp,  
Và người ở đằng đầu dân sự đi đến.

Người đồng lòng với Y-sơ-ra-ên làm xong công bình của Đức Giê-hô-va,  
Và làm theo những mạng lệnh của Ngài"

**33:20** “Đáng ngợi khen thay Đấng để Gát nơi khoảng khoát” Đây có vẻ là sự chỉ đến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

} “**người nằm nghỉ như một sư tử**” Từ này là “sư tử cái” (BDB 522, Sáng 49:9; Dân Số Ký 24:9; Job 4:11). Sư tử cái là con vật săn mồi và cung cấp thức ăn cho sư tử đực và những sư tử con. Gát được nhắc đến như một sư tử cái. Chi phái Gát được ban phước bởi vị sự trung tín của họ ở trong chiến trận ( Sáng 49:19).

**33:21** Câu này là một sự chơi chữ giữa Gát và một chiến binh dũng cảm (trong ản dụ của một con sư tử). Người chọn phần đất nằm về phía bờ đông sông Giô-đanh để nhận thừa kế, nhưng họ và chi phái Ru-bên và một nửa chi phái Ma-na-se đã là nhóm chiến binh đầu tiên bước vào chiến trận tại Đất Hứa ( Giô-suê 4:12-13; 22:1-3).

} “**Vì trong đó có dành phần cho người lãnh đạo**” Nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ thì không rõ ràng!

} “**và người đến với những lãnh đạo của dân sự**” Điều này có thể chỉ về ba chi phái này xin phép Môi-se và những trưởng lão để định cư tại khu vực phía bờ đông sông Giô-đanh.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:22**

<sup>22</sup> Người chúc về Đan rằng:

Đan là một sư tử tơ,

Từ Ba-san nhảy xông đến."

**33:22** “**Đan là một sư tử tơ, Từ Ba-san nhảy xông đến**” Việc nhắc đến Đan trong một cách nào đó liên hệ với Ba-san ( 1:4; 3:1,3,4,10,11,13,14) là khá đáng ngạc nhiên. Đầu tiên, chi phái Đan được phân chia bởi việc bắt thăm nằm ở khu vực phía tây nam (khu vực của người Phi-li-tin) và sau này họ di chuyển lên phía cực bắc ( Các Quan Xét 18). Điều này có thể là một lời tiên tri liên hệ với sự tái định cư không hợp lệ này.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:23**

<sup>23</sup> Người chúc về Nép-ta-li rằng:

Nép-ta-li hưởng ân huệ cho thỏa nguyện,

Và phước lành của Đức Giê-hô-va cho đầy đầy,

Chiếm được phương tây và phương nam."

**33:23** “**nhận phần cơ nghiệp về phía biển và phía nam**” ĐỘNG TỪ này (BDB 439, KB 441, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) được sử dụng vài lần trong Phục Truyền cho Y-sơ-ra-ên khi sở hữu xứ ( 1:8,21,39; 2:24,31; 9:23; 11:31; 17:14; 26:1). Nó hàm ý việc nhận lấy vàng vũ lực và giữ chặt nó như là một phần sản nghiệp lâu dài.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:24-25**

<sup>24</sup> Người chúc về A-se rằng:

Nguyện cho A-se được phước giữa các con trai Y-sơ-ra-ên;

Được đẹp lòng anh em mình,

Và được dầm chân mình trong dầu!

<sup>25</sup> Những then cửa người sẽ bằng sắt và đồng,

Đòi người lâu bao nhiêu, sức mạnh người lâu bấy nhiêu."

**33:24** “Người chúc về A-se rằng:

Nguyện cho A-se được phước giữa các con trai Y-sơ-ra-ên;

Được đẹp lòng anh em mình” ĐÔNG TỪ này (BDB 224, KB 243, “được”) là một *Qal* THỆ MỆNH LỆNH. Điều này chỉ về công việc trong cách suy nghĩ Hê-bơ-rơ. Đối với một người Do Thái, một người con trai đã là một phước hạnh vĩ đại nhất có thể.

Những ra-bi giải nghĩa câu này có ý nghĩa về vẻ đẹp đặc biệt của những con gái A-se, họ được tìm kiếm nhiều hơn cả những con trai. Nghĩa của nó không rõ ràng

⌋ “Và được dầm chân trong dầu” Vị trí của A-se, về phía bờ biển phía nam, là khu vực tốt nhất dành cho cây ô-liu. Cụm từ này có lẽ chỉ về hành động ép dầu bằng chân ra khỏi những cây ô-liu.

**33:25** “Các then cửa làm bằng sắt và đồng” Từ gốc Hê-bơ-rơ cho “các khóa” (BDB 653) hoặc “những then cửa” (BDB 653) cũng có thể được dịch là “những chiếc giày” (BDB 653). Dạng được sử dụng ở đây chỉ được thấy duy nhất ở đây. Bởi vì vị trí địa lý của A-se, nằm trên con đường chính từ vùng Fertile Crescent dọc xuống Ai Cập, nếu A-se bị ngã, cả xứ cũng sẽ thất bại, (bởi một cuộc xâm lược từ phía nam). Họ được xem là cánh cửa và then khóa đối với Đất Hứa.

⌋

NASB “tùy theo các ngày của người, thì người sẽ được bước đi cách nhàn nhã”

NKJV, NJB “trú ẩn”

NRSV “Người sẽ đánh bại những vị thần cổ xưa”

TEV “phòng vệ”

Câu hỏi giải nghĩa chính là DANH TỪ cuối có nghĩa là gì (BDB 179)?

1. sức mạnh (ví dụ, cần thiết cho sự sống)
2. sự an toàn (ví dụ, không bị xâm lược)

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 33:26-29**

<sup>26</sup> Ô Giê-su-run, không ai giống như Đức Chúa Trời,

Là Đấng oai nghi, cỡi trên các tầng trời,

Trên những đám mây, dặng đến cứu giúp người.

<sup>27</sup> Đức Chúa Trời hằng sống là nơi ở của người,

Ở dưới có cánh tay đòi đòi của Ngài.

Ngài đuổi kẻ thù nghịch khỏi trước mặt người,

Và phán cùng người rằng: Hãy diệt đi!

<sup>28</sup> Y-sơ-ra-ên sẽ ở bình an;

Suối Gia-cóp phun lên riêng ra

Trong một xứ ngũ cốc và rượu;

Trời của người nhỏ sương móc xuống.

<sup>29</sup> Ô! Y-sơ-ra-ên, người có phước dường bao!

Hỡi dân được Đức Giê-hô-va cứu rỗi, ai giống như người?

Ngài là cái thuẫn giúp đỡ người,

Thanh gươm khiến cho người nên vinh hiển.

Kẻ thù nghịch người sẽ đến đua nịnh người;

Còn người, người sẽ lấy chân giày đạp các nơi cao của chúng nó."



**33:26-29** Những câu này là phần chuyên tiếp ca ngợi sự độc nhất và năng quyền của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Giê-su-run được sử dụng như là một sự định danh cho Y-sơ-ra-ên ( 32:15). Những câu này (câu 26 dòng b & c; câu 28 dòng c & d; câu 29:dòng f) sử dụng những cụm từ vốn thông thường chỉ về vị thần của sự màu mỡ và sinh sản, *Ba-anh*, vốn ngụ ý rằng tất cả mọi vật đã được nói về *Ba-anh* thì thực chất không đúng là về hần, nhưng sự thật là thuộc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đức Chúa Trời duy nhất.

**33:26** “không ai giống như Đức Chúa Trời” Hãy xem ghi chú tại 4:35.

**33:27** “Đức Chúa Trời hằng sống” *Elohim* được thường xuyên kết hợp với những thuộc tính:

1. *Elohim* đòi đời, ở tại đây
  2. *Elohim* vĩnh hằng, Ê-sai 26
  3. *Elohim* chân thật, II Sử ký 15:3; Ê-sai 65:16
  4. *Elohim* của tất cả mọi loài xác thịt, Giê-rê-mi 32:27 (tương tự với Dân Số Ký 16:22; 27:16)
  5. *Elohim* của bầu trời, Sáng 24:3,7; II Sử ký 36:23; Ê-xơ-ra 1:2; Nê-hê-mi 1:4,5; 2:4,20
  6. một *Elohim* có thể với tay đến được (hoặc ở gần), Giê-rê-mi 23:23
  7. *Elohim* của sự cứu rỗi tôi (hoặc chúng tôi), Thi 18:46; 24:5; 25:5; 27:9; 65:5; 79:9; 85:4; Ê-sai 17:10
  8. *Elohim* của sự công chính tôi, Thi 4:1
  9. *Elohim* là hòn đá tôi, II Sa-mu-ên 22:3; Thi 18:2
  10. *Elohim* là đôn lũy tôi, Thi 43:2
  11. *Elohim* là sự ngợi khen tôi, Thi 109:1
- (Danh sách này trong BDB trang 44, #4, b.)

}

**NASB** “nơi cư ngụ”  
**NKJV** “nơi ẩn náu”  
**NRSV** “nơi cư ngụ của người”  
**TEV** -----  
**NJB** “suối nguồn của Gia-cóp được chọn ra”

Từ này (BDB 733) có thể chỉ đến một hang ổ của thú vật ( Job 37:8; 38:40; A-mốt 3:4) hoặc một ẩn dụ dùng cho nơi trú ẩn được cung cấp bởi Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài (chỉ ở đây). Một ý tưởng tương tự được tìm thấy trong Thi 71:3; 91:9.

**}]** “(và dưới) cánh tay đòi đời” Đây là một ẩn dụ cho:

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chiến đấu cho họ ( dòng c, câu 29)
2. sự chú ý và quan tâm đòi đời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đức Chúa Trời hành động! Nó cũng có thể ngụ ý chỉ đến Sáng 49:24 (dòng b & c).

**}]** “**Hủy diệt**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1029, KB 1552, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH) có nghĩa là “tận diệt.” Nó là một phần của từ “thánh chiến,” 1:27; 2:22; 6:15; 9:20; Giô-suê 7:12; 9:24. Nếu Y-sơ-ra-ên vâng phục theo giao ước, Ngài sẽ chiến đấu cho họ, nhưng nếu không, Ngài sẽ chiến đấu chống lại họ!

Người Y-sơ-ra-ên được đòi hỏi cần phải phục trang cho chiến trận và bước vào trận đánh với kẻ thù của họ, nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng chiến thắng trong trận chiến đó!

**33:28**

**NASB** “Giếng của Gia-cóp ẩn đi”  
**NKJV** “một mình giếng của Gia-cóp”  
**NRSV** “sự yên tĩnh tại nơi ở của Gia-cóp”  
**TEV** -----  
**NJB** “suối nguồn của Gia-cóp được chọn”

“Suối nước” (BDB 745 II) có nghĩa là “dòng suối” và chỉ về hậu tự. Từ “ẩn đi” (BDB 94, “một mình”) là một ẩn dụ cho sự yên ninh.

**33:29** Câu này sử dụng từ “thánh chiến” để mô tả sự giải cứu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ra khỏi Ai Cập, khỏi hoang mạc, và khỏi những dân tộc Ca-na-an!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao Môi-se không thể bước vào Đất Hứa?
2. Tại sao lại có quá nhiều cách dịch của 33:2-3?
3. Tại sao Si-mê-ôn không được liệt kê trong những sự chúc phước?
4. Có bất kỳ sự chỉ đến Đấng Mê-si trong những sự chúc phước hay không?

# PHỤC TRUYỀN 34

## CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Môi-se Qua Đồi Trên Ngọn Núi Nê-bô	Sự Chết của Môi-se	Sự Chết của Môi-se	Sự Chết của Môi-se
34:1-8	34:1-8	34:1-8	34:1-4 34:5-9
34:9-12	34:9 34:10-12	34:9 34:10-12	34:10-12

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang viii ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 34:1-8**

<sup>1</sup> Kế ấy, Môi-se từ đồng bằng Mô-áp lên trên núi Nê-bô, nơi đỉnh Phích-ga, đối ngang Giê-ri-cô; rồi Đức Giê-hô-va cho người xem toàn xứ tự Ga-la-át chí Đan; <sup>2</sup> toàn Nép-ta-li, xứ Ép-ra-im và Ma-na-se, cả xứ Giu-đa cho đến biển tây, <sup>3</sup> miền Nam, đồng bằng, sông Giô-đanh và trũng Giê-ri-cô, thành cây chà là, cho đến Xoa. <sup>4</sup> Đức Giê-hô-va phán cùng người rằng: Đó là xứ mà ta đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp, mà rằng: Ta sẽ ban xứ ấy cho dòng giống ngươi. Ta cho tự mắt người xem xứ ấy, nhưng người không vào đó được. <sup>5</sup> Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, qua đời tại đó, trong đồng bằng Mô-áp theo như lệnh của Đức Giê-hô-va. <sup>6</sup> Đức Chúa Trời bèn chôn người trong trũng tại xứ Mô-áp, đối ngang Bết-Phê-o; cho đến ngày nay không có ai biết được mộ của người. <sup>7</sup> Vả, khi Môi-se qua đời, tuổi được một trăm hai mươi; mắt người không lạng, sức người không giảm. <sup>8</sup> Dân Y-sơ-ra-ên khóc Môi-se trong ba mươi ngày tại đồng bằng Mô-áp. Những ngày khóc và ngày chịu tang cho Môi-se đã xong rồi là như vậy.

**34:1 “đồng bằng Mô-áp”** Đây là cách thiết lập theo địa lý của phần kết luận của sách Dân Số Ký ( 36:13), và cả sách Phục Truyền ( 4:44-49). Nó nằm ở phía đông sông Giô-đanh, ngay phía đối ngang của Giê-ri-cô ( câu 1).

} **“trên núi Nê-bô, nơi đỉnh Phích-ga”** Cùng một đỉnh núi được đề cập đến trong Phục ( 3:17). Nó là từ Hê-bơ-rơ được dùng cho “ngọn (núi)” hoặc “độ cao” (BDB 612 I). Nó có vẻ như Ngọn Nê-bô và Phích-ga (BDB 820 “khe”) chỉ về cùng một đỉnh núi. Đức Chúa Trời chọn địa điểm này cách độc nhất để có thể làm ứng nghiệm lời Ngài với Môi-se rằng Ngài sẽ chỉ cho ông Đất Hứa ngay cả khi Môi-se không thể bước vào nó. Sau này, trong câu 5, Ngọn Nê-bô sẽ trở thành nơi Môi-se qua đời. Cũng vậy, theo truyền thuyết của người Do Thái nói rằng Giê-rê-mi đã giấu Hòm Giao Ước trên ngọn núi này.

} **“rời Đức Giê-hô-va cho người xem toàn xứ”** Có một vài đoạn Kinh Thánh ghi lại về tội lỗi của Môi-se đã ngăn không cho ông bước vào Đất Hứa ( Phục 3:23-28; 32:48-52 and Dân Số Ký 27:12-14). Môi-se đã đưa ra một số những lời cầu nguyện và thỉnh cầu với Đức Chúa Trời về điều này, nhưng ông vẫn không được cho phép bước vào trong Đất Hứa. Mặc dù tội lỗi đã đi theo con đường của nó và nhận được hậu quả, nhưng sự thương xót ân điển của Đức Chúa Trời vẫn được nhìn thấy khi cho phép Môi-se có thể nhìn thấy Đất Hứa mặc dù ông vẫn không được phép bước vào.

**34:2 “biển Tây”** Từ này chỉ về Biển Địa Trung Hải ( 11:24). Từ “phía tây” nguyên văn là “nơi phía sau” (BDB 30).

**34:3 “Nê-ghép”** Đây là từ Hê-bơ-rơ dùng cho “vùng quê phía nam” (BDB 616) và nó chỉ về vùng đất hoang không có người ở vốn nằm ở phía nam của Bê-e-Sê-ba.

} **“đồng bằng”** Từ này chỉ về vùng đất trũng được biết đến như là vùng Thung Lũng Khe Nứt (Rift Valley) vốn nằm dọc theo Biển Chết. Giê-ri-cô nằm tại phía tây nam và Xoa nằm phía tây bắc.

} **“Giê-ri-cô, thành cây chà là”** Giê-ri-cô được biết đến như là thành phố của những cây chà là ( Các quan xét 1:16) và nó là một trong những thành phố cổ xưa nhất của khu vực này của thế giới. Nó nằm chính xác đối diện ngang qua sông Giô-đanh với vị trí mà Y-sơ-ra-ên đã hạ trại.

} **“Xoa”** Từ này có nghĩa là (BDB 858) có nghĩa là tâm thường ( Sáng 19:20-22).

**34:4 “Đó là xứ mà ta đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp”** Đây là sự ứng nghiệm của lời hứa của Đức Chúa Trời được chép trong Sáng 12:7; 26:3; 28:13. Lời hứa dành cho Áp-ra-ham bao gồm cả đất đai và hậu tự. Kinh Thánh Cựu Ước nhấn mạnh vào đất đai và con cái trong khi Tân Ước nhấn mạnh về đứa con đặc biệt ( Ê-sai 7-12). Lời hứa cổ xưa này được nhắc lại thường xuyên. Ở đây là một vài ví dụ: Xuất 33:1; Dân Số Ký 14:23; 32:11; Phục 1:8; 6:10; 9:5; 30:20.

} **“Ta cho tự mắt người xem xứ ấy, nhưng người không vào đó được”** Có vẻ như tội lỗi công khai đập vào hòn đá thay vì nói với nó ( Dân Số Ký 20:7-12) là một sự vi phạm mà bởi vì đó Môi-se đã bị đoán phạt. Dân sự đã chứng kiến không vắng lời trăng trợn này của Môi-se.

**34:5 “Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va”** Thuật ngữ “tôi tớ của Đức Giê-hô-va” là một danh xưng tôn kính dành cho Môi-se. Nó cũng được dành cho Giô-suê chỉ sau cái chết của ông. Nó được was trao lại trên Vua Đa-vít. Sau này, nó chỉ đến Đấng Mê-si sẽ đến ( Những Bài Hát Tôi Tớ trong Ê-sai 40-56). Nó có thể là nguồn gốc của cụm từ trong Tân Ước của Phao-lô, “tôi tớ của Đức Chúa Trời.” Khái niệm của một người tôi tớ Cựu Ước là đặc biệt quan trọng. Trong sự tuyển lựa của Cựu Ước hoặc địa vị tôi tớ chính là để hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời, không nhất thiết phải dành cho sự cứu rỗi. Vua Si-ru đã được gọi là “Người được xức dầu của Đức Chúa Trời” ( Ê-sai 45:1) và A-si-ri được gọi là “cái roi của sự giận dữ của Ngài” ( Ê-sai 10:5). Dân tộc tàn vào và vị vua ngoại giáo trùng khớp vào trong kế hoạch của Đức Chúa Trời nhưng không liên hệ về mặt thuộc linh với Ngài. Những thuật ngữ “sự tuyển lựa” và “lựa chọn” có một ý nghĩa thuộc linh chỉ ở trong Tân Ước.

} **“qua đời tại đó, trong đồng bằng Mô-áp, theo như lệnh của Đức Giê-hô-va”** Từ nguyên văn Hê-bơ-rơ ở đây là “bởi miệng của Đức Giê-hô-va,” (BDB 804), vốn có vẻ như là một ẩn dụ dành cho những lời của Đức Chúa Trời (Sáng 41:40; 45:21; Xuất 17:1; 38:21; Dân Số Ký 3:16,39).

Tuy nhiên, các ra-bi nói rằng điều này chỉ về “cái hôn của Đức Chúa Trời.” Họ nói rằng Đức Chúa Trời đã hôn Môi-

se trên miệng và lấy đi hơi thở của ông. Điều này rất giống với câu thành ngữ trong văn hóa của chúng ta “nụ hôn của cái chết.” Nếu như vậy, nó là một sự kể lại rất đẹp đẽ về sự cân bằng giữa sự công chính và thương xót của Đức Chúa Trời trên đời sống của Môi-se.

**34:6 “Đức Chúa Trời (Ngài) bèn chôn người trong trũng tại xứ Mô-áp”** Từ “Ngài” ngụ ý chỉ về Chính Đức Chúa Trời. Điều này rất giống với Sáng 7:16, nơi Đức Chúa Trời đóng cửa con tàu. Một lý do cho việc Chính Minh Đức Chúa Trời chôn cất Môi-se bởi vì Ngài đã cất đi tất cả những di chỉ cổ xưa cũng như là những vật do con người làm ra mà chúng ta có thể sẽ thờ phượng chúng thay vì Ngài. Chú rằng Môi-se không được chôn trên Ngọn Nê-bô, nhưng ở phía dưới thung lũng. Đoạn Kinh Thánh Tân Ước rất lạ trong Giu-đe câu 9 thì liên hệ với truyền thuyết này, nhưng như thế nào thì không rõ ràng một cách chính xác. Giu-đe câu 9 có vẻ như trích dẫn một quyển sách ngoài-Kinh-Điển có tên là The Assumption of Moses (Môi-se được đưa lên trời). Mục đích chính xác của việc ma quỷ muốn xác của Môi-se là không rõ ràng.

✻ **“cho đến ngày nay không có ai biết được mộ của người”** Đây rõ ràng là công việc của một người biên tập sau này. Nhiều người khẳng định rằng Môi-se đã không thể nào viết được đoạn cuối cùng này vốn liên quan đến cái chết của ông. Rashi nói rằng Giô-suê đã viết về cái chết của Môi-se, trong khi IV Esdras khẳng định rằng Môi-se viết về chính cái chết của ông. Tôi tin vào quyền tác giả của Môi-se trên Kinh Torah (Ngũ Kinh), nhưng điều đó không loại bỏ đi những bình luận được biên tập như chỗ này vốn xuất hiện hết lần này đến lần khác. Sự tương đồng của ngôn ngữ Do Thái giữa Ngũ Kinh và sách Giô-suê có vẻ như ngụ ý rằng Giô-suê đã thực hiện một phần trong hồi ký được viết của Môi-se. Tuy nhiên, sự quan trọng đặc biệt của Ê-xơ-ra trong Do Thái Giáo ra-bi như là một người biên tập của toàn bộ Cựu Ước cũng có thể là một khả năng.

**34:7 “Vả, khi Môi-se qua đời, tuổi được một trăm hai mươi”** Quãng đời một trăm hai mươi năm được phát triển trong bài giảng của Ê-tiên trong Công Vụ 7:23 trở đi thành ba phần của bốn mươi năm: (1) bốn mươi năm trong hệ thống giáo dục của Ai Cập;; (2) bốn mươi năm trong chính sa mạc mà nơi đó ông sẽ sau này lãnh đạo con cái Y-sơ-ra-ên; và (3) bốn mươi năm trong thời kỳ lang thang trong đồng vắng. D. L. Moody nói rằng, “Trong 40 năm Môi-se nghĩ rằng ông cũng là ai đó. Trong 40 năm nữa ông nghĩ rằng mình chẳng là ai cả. Và trong 40 năm ông khám phá ra những gì Đức Chúa Trời có thể làm với một người không là ai cả.”

✻ **“mắt người không lờn, sức người không giảm.”** Điều này có lẽ chỉ về sức khỏe của Môi-se, trong khi Phục 31:2 có vẻ như là một sự biện hộ bởi Môi-se cho lý do ông không được vào Đất Hứa (rằng ông đã già yếu). Điều này không phải là một sự mâu thuẫn, nhưng là một sự nỗ lực của Môi-se để cố gắng giải thích tránh khỏi tội lỗi của ông bằng cách đổ lỗi cho dân sự hoặc cho độ tuổi của ông hoặc những nhân tố khác.

**34:8 “Dân Y-sơ-ra-ên khóc Môi-se trong ba mươi ngày”** Đây là một chu kỳ của mặt trăng. Cùng một lượng thời gian cho sự than khóc A-rôn ( Dân Số Ký 20:29). Tất cả mọi người của thế hệ là những người đã nổi loạn trong đồng vắng đã chết ngoại trừ Giô-suê và Ca-lép.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG: 334:9-12**

<sup>9</sup> Giô-suê, con trai của Nun, được đầy dẫy thần khôn ngoan, vì Môi-se đã đặt tay mình trên người; dân Y-sơ-ra-ên bèn vâng lời người và làm theo điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. <sup>10</sup> Về sau, trong Y-sơ-ra-ên không còn đầy lên tiên tri nào giống như Môi-se, mà Đức Giê-hô-va biết giáp mặt. <sup>11</sup> Không có ai bằng người, hoặc về các dấu kỳ, phép lạ mà Đức Giê-hô-va sai người làm tại trong xứ Ê-díp-tô, trước mặt Pha-ra-ôn, các quần thần, và cả xứ của người; <sup>12</sup> hoặc hết thảy công việc lớn lao và đáng sợ mà Môi-se cậy tay quyền năng mình làm tại trước mặt cả Y-sơ-ra-ên.

**34:9 “Giô-suê, con trai của Nun”** Tên của Giô-suê có nghĩa là “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA giải cứu” (BDB 221). Nó chính là cùng một tên như là “Giê-xu” ( Ma-thi-ơ 1:21). Nó được tạo thành từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ, “Ô-sê,” vốn có nghĩa là “sự cứu chuộc” và một chữ viết tắt của danh xưng Giao Ước dành cho Đức Chúa Trời được gắn vào chỗ bắt đầu.

✻ **“được đầy dẫy thần khôn ngoan”** Khái niệm của “đầy dẫy” (BDB 569, KB 583, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) vốn được so sánh với Dân Số Ký 27:18 và khái niệm tương tự được sử dụng cho những người thợ thủ công trong Xuất

28:3. Rõ ràng ở đây Thần Linh của Đức Chúa Trời đã gắn với cuộc sống của những người trong Cựu Ước cũng như là ở trong Tân Ước.

✂ **“khôn ngoan”** Từ này có vẻ (BDB 315) chỉ đến khả năng của Giô-suê để có thể dẫn dắt dân sự vào trong chiến trận và trong công lý quản trị. Giô-suê không đến từ chi phái Lê-vi và, bởi vậy, ông không thể trong bất cứ cách nào, trở thành một thầy tế lễ, nhưng ông đã là một lãnh đạo đầy ơn và khả năng.

✂ **“vì Môi-se đã đặt tay mình trên người”** Khái niệm đặt tay là rất quan trọng trong Cựu Ước. Chúng ta đã thấy hành động này ở trong Dân Số Ký 27:22-23; cũng hãy xem Phục 31:1-8. Nó bằng một cách nào đó liên hệ với việc đặt tay trên con vật sinh tế nơi mà một cách nào đó tội lỗi được chuyển giao. Trong một vài cách, sự lãnh đạo của Môi-se đã được chuyển giao cho Giô-suê.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH**

Hành động của sự liên hệ cá nhân này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau trong Kinh Thánh.

1. truyền đi sự lãnh đạo gia đình ( Sáng 48:18)
2. định danh với sự chết của con vật sinh tế như là một sự thay thế
  - a. thầy tế lễ ( Xuất 29:10,15,19; Lê-vi Ký 16:21; Dân Số Ký 8:12)
  - b. những người đặt tay ( Lê-vi Ký 1:4; 3:2,8; 4:4,15,24; II Sử ký 29:23)
3. những người được sắp đặt ở bên cạnh để phục vụ Đức Chúa Trời trong một nhiệm vụ hoặc chức vụ đặc biệt (Dân Số Ký 8:10; 27:18,23; Phục 34:9; Công vụ 6:6; 13:3; I Ti-mô-thê 4:14; 5:22; II Ti-mô-thê 1:6)
4. tham gia vào sự ném đá công lý đối với một tội nhân ( Lê-vi Ký 24:14)
5. nhận một sự chúc phước về sức khỏe, sự hạnh phúc, và sự công chính ( Ma-thi-ơ 19:13,15; Mác 10:16)
6. chỉ về sự chữa lành cơ thể ( Ma-thi-ơ 9:18; Mác 5:23; 6:5; 7:32; 8:23; 16:18; Lu-ca 4:40; 13:13; Công Vụ 9:17; 28:8)
7. nhận Đức Thánh Linh ( Công Vụ 8:17-19; 9:17; 19:6)

Thật là một sự vắng mặt ngạc nhiên của một sự đồng nhất của những đoạn trích Kinh Thánh vốn đã được sử dụng trong lịch sử để ủng hộ cho sự bỏ nhiệm những lãnh đạo giáo hội (nghi lễ tán phong).

1. Trong Công Vụ 6:6 nó là những Sứ Đồ là những người đã đặt tay trên nhóm bảy người cho những chức vụ địa phương.
2. Trong Công Vụ 13:3 nó là những tiên tri và giáo sư là những người đã đặt tay trên Ba-na-ba và Phao-lô cho chức vụ giáo sĩ.
3. Trong I Ti-mô-thê 4:14 nó là những trưởng lão địa phương là những người liên hệ với sự kêu gọi ban đầu và bổ nhiệm Ti-mô-thê.
4. Trong II Ti-mô-thê 1:6 nó là Phao-lô là người đặt tay trên Ti-mô-thê.

Sự đa dạng và mơ hồ bày tỏ về một sự thiếu vắng sự tổ chức trong hội thánh ở thế kỷ thứ nhất. Hội thánh đầu tiên đã rất sống động và đã thường xuyên sử dụng những ân tứ thuộc linh giữa các tín đồ ( I Cô-rinh-tô 14). Tân Ước đơn giản không được viết để biện hộ hoặc vạch ra một khuôn mẫu quản lý kiểu chính quyền hoặc một tiến trình nghi lễ thụ phong tôn giáo.

**34:10 “Về sau, trong Y-sơ-ra-ên không còn dậy lên tiên tri nào giống như Môi-se”** Những câu 10-12 là một phần giải nghĩa từ một người ghi chép của Môi-se, hoặc, chắc hơn, một người biên tập sau này. Có vẻ như điều này chỉ về một lời tiên tri về Đấng Mê-si trong Phục 18:15-22. Chủ đề này được phát triển trong Hê-bơ-rơ 3:1-6, nơi mà Chúa Giê-xu và Môi-se tương phản với nhau.

✂ **“Đức Giê-hô-va biết giáp mặt”** Từ “biết” (BDB 393, KB 390, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH) là một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho “quan hệ gần gũi, mật thiết” ( Sáng 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Nó không chỉ đến sự hiểu biết liên quan đến kiến thức. Cụm từ “giáp mặt” chỉ về sự mật thiết với những gì Chúa đã phán với Môi-se ( Xuất 33:11; Dân

Số Ký 12:6-8).

**34:11-12** Câu 11 dường như ngụ ý về những tai vạ của Ai Cập, vốn đã chiếm một khoảng thời gian khoảng mười tám tháng, có ý nghĩa đoán phạt những thần của Ai Cập và cố gắng dẫn dắt những người Ai Cập đến một nơi của sự tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Câu 12 chỉ cho chúng ta về những phép lạ mà Đức Chúa Trời đã làm chống lại những thần Ai Cập cũng có ý nghĩa để gia tăng đức tin của người Y-sơ-ra-ên cũng giống như những phép lạ của Chúa Giê-xu với mục đích gia tăng đức tin cho những môn đồ. Cũng có lẽ câu 12 quan đến giai đoạn lang thang trong hoang mạc.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phân giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được bỏ rơi phần này cho những nhà thần học.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tại sao những địa điểm địa lý của những sự kiện trong sách Phục Truyền lại vô cùng quan trọng?
2. Tại sao Đức Chúa Trời lại giấu phần mộ của Môi-se?
3. Câu 7 có vẻ mâu thuẫn với 31:2 như thế nào?
4. Sự quan trọng của hành động Môi-se đặt tay trên Giô-suê? Điều này liên hệ với sự tấn phong hiện đại như thế nào?
5. Tại sao Giô-suê không được xem là một tiên tri như Môi-se (câu 10)?
6. Mục đích của những phép lạ là gì (câu 11-12)?

# PHỤ LỤC MỘT

## GIỚI THIỆU VỀ TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC

### I. GIỚI THIỆU

#### A. Lời Mở Đầu

- Cộng đồng tín hữu không đồng ý về cách giải thích lời tiên tri. Các chân lý khác đã được xác lập là loại quan điểm chính thống suốt nhiều thế kỷ, nhưng với điểm này thì không có.
- Có nhiều giai đoạn về lời tiên tri trong Cựu Ước đã được xác định rõ
  - tiên quân chủ (trước Vua Sau-lơ)
    - các cá nhân được kêu gọi là các tiên tri (a)  
Âp-ra-ham - Sáng thế Ký 20:7  
(b) Môi-se - Dân số Ký 12:6-8; Phục truyền Luật lệ Ký 18:15; 34:10 (c) A-rôn - Xuất Ê-díp-tô Ký 7:1 (phát ngôn viên của Môi-se)  
(d) Mi-ri-am - Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20  
(e) Mê-đát và Ên-đát - Dân số Ký 11:24-30 (f)  
Đê-bô-ra - Các Quan Xét 4:4  
(g) vô danh - Các Quan Xét 6:7-10 (h)  
Sa-mu-ên - I Sa-mu-ên 3:20
    - Các đề cập đến các tiên tri như một nhóm - Phục truyền Luật lệ Ký 13:1-5; 18:20-22
    - nhóm hoặc phường tiên tri - I Sa-mu-ên 10:5-13; 19:20; I Các vua 20:35,41; 22:6,10-13; II Các vua 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1; v.v.
    - Đấng Mê-ti-si-a được gọi là tiên tri - Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15-18
  - tiên tri triều đình không có viết thành bản văn (họ tâu với nhà vua)
    - Gát - I Sa-mu-ên 7:2; 12:25; II Sa-mu-ên 24:11; I Sứ ký 29:29
    - Na-than - II Sa-mu-ên 7:2; 12:25, I Các vua 1:22
    - A-hi-gia - I Các vua 11:29 (4)  
Giê-hu - I Các vua 16:1,7,12
    - vô danh - I Các vua 18:4,13; 20:13,22
    - Ê-li - I Các vua 18; II Các vua 2
    - Ma-la-chi - I Các vua 22 (8)  
Ê-li-sê - II Các vua 2:8,13
  - các tiên tri có các bản văn chính thống (họ truyền phán cho cả quốc gia cũng như cho nhà vua): từ Ê-sai cho tới Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-ni-ên)

#### B. Thuật ngữ Kinh Thánh

- ro'eh* = tiên kiến (BDB 906), I Sa-mu-ên 9:9. Sự trích dẫn này cho thấy việc chuyển đổi sang chữ *Nabi*, có nghĩa là vị tiên tri và xuất phát do từ gốc có nghĩa là “gọi”. *Ro'eh* là từ chữ “nhìn xem” thông thường trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người này hiểu phương cách và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tham vấn để tìm biết ý Ngài về những việc quan trọng.
- hozeh* = tiên kiến (BDB 302), II Sa-mu-ên 24:11; A-môt 7:12. Về cơ bản nó là một từ đồng nghĩa của chữ *ro'eh*. Nó xuất phát từ một chữ hiếm thấy trong tiếng Hê-bơ-rơ và có nghĩa là “thấy trong khái tượng.” Dạng ĐỘNG TÍNH TỪ được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ các vị tiên tri.
- nabi'* = tiên tri (BDB 611), cùng nguồn gốc của động từ *nabu* trong tiếng Akkadian = “gọi” và chữ *naba'a* trong tiếng Ả Rập = “thông báo”. Đây là thuật ngữ thông dụng nhất trong Cựu Ước để chỉ rõ một vị tiên tri. Nó được sử dụng trên 300 lần. Không rõ chính xác từ nguyên, nhưng trong thi hiện tại thì nghĩa “gọi” dường như lựa chọn thích hợp nhất. Để có thể hiểu đúng phải theo cái hình thức (cách) mà Đức Giê-hô-va diễn tả là nhờ A-rôn để Môi-se trao đổi (nói chuyện) với Pha-ra-ôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:10-16; 7:1; Phục truyền Luật lệ Ký 5:5). Tiên tri là người thay mặt cho Chúa để truyền phán với dân sự Ngài (xem A-môt 3:8; Giê-rê-mi 1:7,17; Ê-xê-chi-ên 3:4).
- Tất cả ba thuật ngữ này được sử dụng cho chức vụ tiên tri trong I Sứ ký 29:29; Sa-mu-ên -



*Ro'eh; Na-than - Nabi; và Gát - Hozeh.*

5. Cụm từ *'ish ha - 'elohim* (người của Chúa) có nghĩa rộng hơn cũng chỉ về người phát ngôn cho Chúa. Nó được dùng 76 lần trong Cựu Ước có nghĩa là vị tiên tri.
6. Chữ tiên tri trong Tân Ước có nguồn gốc từ trong tiếng Hy Lạp. Nó gồm có chữ (1) *pro*, có nghĩa là “trước” hoặc là “dành cho” và (2) *phemi*, có nghĩa là nói.

## II. ĐỊNH NGHĨA CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Thuật ngữ “lời tiên tri” trong tiếng Hê-bơ-rơ có phạm vi ngữ nghĩa rộng hơn trong tiếng Anh. Người Do Thái đặt tên cho những sách lịch sử từ Giô-suê cho đến Các vua (trừ Ru-tơ) là “các tiên tiên tri”. Cả Áp-ra-ham (Sáng thế Ký 20:7; Thi thiên 105:5) và Môi-se (Phục truyền Luật lệ Ký 18:18) được xếp vào danh sách tiên tri (cũng như Mi-ri-am, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20). Vì vậy, hãy cẩn thận với định nghĩa tự cho là đúng trong tiếng Anh!
- B. “Khuynh hướng tiên tri có thể được định nghĩa cách thích hợp như là sự thấu hiểu về lịch sử, mà trong đó chỉ tiếp nhận ý nghĩa theo những tiêu chuẩn có sự quan tâm thiên thượng, theo mục đích thiên thượng, và có sự tham dự thiên thượng” (*Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 3, trang 896).
- C. “Tiên tri là không phải là một triết gia cũng không phải là một nhà thần học hệ thống, nhưng là người trung gian cho giao ước và phân phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài để định hình tương lai của họ bằng cách cải thiện tình trạng hiện thời của họ” (“Các Tiên Tri và Lời Tiên Tri,” *Encyclopedia Judaica*, quyển 13, trang 1152).

## III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI

- A. Lời tiên tri là phương cách của Đức Chúa Trời phán truyền cho dân sự của Ngài, cung cấp sự hướng dẫn trong bối cảnh hiện tại của họ cùng với sự trông cậy nơi quyền kiểm soát của Ngài trong cuộc sống của họ và trên các sự kiện trên thế giới. Thông điệp của chúng về căn bản là dành cho tập thể. Nó có ý được dùng để khiển trách, khuyến khích, đem lại đức tin, sự ăn năn và bày tỏ cho dân sự của Chúa về chính Ngài và các kế hoạch của Ngài. Chúng giữ dân sự Chúa luôn trung thành với Giao Ước của Ngài. Nó được thường được dùng để bày tỏ rõ ràng việc Đức Chúa Trời lựa chọn người phát ngôn của Ngài (Phục 13:1-3; 18:20-22). Mục tiêu tối hậu của việc này là chỉ đến hay hướng về Đấng Mê-ti-a.
- B. Thông thường, vị tiên tri lấy sự khùng hoảng về phương diện lịch sử hay thần học trong thời đại của mình để phóng rọi nó vào một bối cảnh lai thế. Quan điểm về thời kỳ cuối cùng của lịch sử (có mục đích) là độc nhất cho Y-sơ-ra-ên cùng với nhận thức về sự lựa chọn thiêng thượng và những lời hứa giao ước dành cho họ.
- C. Chức vụ tiên tri dường như để làm đôi trọng (Giê-rê-18:18) và thay thế cho chức vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm như là một cách để tìm biết ý Chúa. U-rim và Thu-mim được thay thế bởi sứ điệp bằng lời nói từ người phán truyền của Đức Chúa Trời. Chức vụ tiên tri dường như đã biến mất trong Y-sơ-ra-ên sau Ma-la-chi (hoặc thời điểm hoàn thành các sách Sứ Ký). Nó không xuất hiện cho đến khi Giăng Báp-tít có mặt khoảng 400 năm sau đó. Không rõ ân tứ “tiên tri” trong Tân Ước liên quan như thế nào với Tiên tri trong Cựu Ước. Những tiên tri trong Tân Ước (Công vụ Các sứ đồ 11:27-28; 13:1; 14:29,32,37; 15:32; I Cô-rinh-tô 12:10,28-29; Ê-phê-sô 4:11) không phải là những người tiết lộ mặc khải mới, nhưng là những người nói ra và nói trước ý muốn của Đức Chúa Trời trong các hoàn cảnh thường xuyên tái diễn.
- D. Bản chất lời tiên tri là không phải chủ yếu chỉ dành riêng cho việc tiên đoán. Tiên báo là một trong những cách để xác nhận chức vị và thông điệp của nhà tiên tri, nhưng phải lưu ý “...ít hơn 2% lời tiên tri trong Cựu Ước nói cho Đấng Mê-ti-a”. Ít hơn 5% bày tỏ cách cụ thể về thời kỳ Giao Ước Mới. Ít hơn 1% liên quan đến những sự kiện chưa xảy ra” (Fee & Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 166).

- E. Các tiên tri đại diện cho Chúa đến với dân sự, trong khi Thầy Tế Lễ đại diện cho dân sự đến với Chúa. Đây là sự trình bày tổng quát. Vẫn có những trường hợp ngoại lệ như Ha-ba-cúc nêu lên những câu hỏi với Đức Chúa Trời.
- F. Một lý do khiến các tiên tri (trở nên) khó hiểu là vì chúng ta không biết sách của họ được kết cấu như thế nào. Chúng không theo thứ tự thời gian. Chúng dường như là theo chủ đề, nhưng không phải luôn luôn theo cách người ta mong đợi. Thường thì có không có bối cảnh lịch sử rõ ràng, không có khung thời gian, hoặc sự phân chia rõ ràng giữa những lời phán, nên gặp khó khăn (1) khi đọc liên tục suốt cuốn sách chỉ trong một lần (2) hay tóm lược chúng theo chủ đề (3) hoặc xác định chân lý chính yếu hoặc ý định của tác giả trong mỗi lời truyền phán.

#### IV. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA TIÊN TRI

- A. Trong Cựu Ước, dường như có sự mở rộng của khái niệm “tiên tri” và “lời tiên tri”. Y-sơ-ra-ên thời kỳ đầu đã phát triển một cộng đồng của các tiên tri, dẫn đầu bởi một nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn mạnh mẽ như Ê-li hoặc Ê-li-sê. Đôi khi cụm từ “các con trai của các tiên tri” đã được sử dụng để chỉ nhóm này (II Các vua 2). Các tiên tri nhiều lần được mô tả đặc điểm bởi các hình thức xuất thần (I Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18-24).
- B. Tuy nhiên, giai đoạn này trôi qua nhanh chóng để tiến đến thời kỳ của các tiên tri cá nhân. Có những tiên tri (cả tiên tri thật và giả) gắn bó với nhà vua và sống tại cung điện (Gát, Nathan). Đôi khi cũng có những tiên tri độc lập, hoàn toàn không có liên quan với tình trạng hiện thời của xã hội Y-sơ-ra-ên (A-mốt, Mi-chê). Những tiên tri gồm có cả nam và nữ (II Các vua 22:14).
- C. Tiên tri thường là người bày tỏ tương lai được dựa vào sự đáp ứng lập tức của một người hoặc của cả dân tộc. Công việc thông thường của vị tiên tri là tiết lộ kế hoạch tâm mức toàn cầu của Chúa cho tất cả tạo vật của Ngài và không bị ảnh hưởng gì bởi sự đáp ứng của con người. Kế hoạch lại thế cho cả hoàn vũ này là độc nhất vô nhị giữa các tiên tri của Y-sơ-ra-ên ở thời Cận Đông cổ đại. Tiên báo và lòng trung thành theo Giao Ước là hai tiêu đề đi chung với nhau trong các sứ điệp tiên tri (xem Fee and Stuart, trang 150). Điều này ngụ ý chỉ rằng các tiên tri chủ yếu là chú trọng về tập thể. Họ thường phán với quốc gia Y-sơ-ra-ên (nhưng không phải chỉ dành riêng cho Y-sơ-ra-ên).
- D. Đa số những tài liệu tiên tri được trình bày bằng cách truyền miệng. Sau đó nó được phối hợp nhờ vào chủ đề, sắp xếp theo thời gian hoặc theo các cách thức khác của văn học ở vùng Cận Đông mà đã bị thất lạc. Bởi vì nó là truyền miệng nên nó không có cấu trúc như văn xuôi. Điều này làm cho những cuốn sách trở nên khó để có thể đọc qua một lượt và cũng khó hiểu nếu không có bối cảnh lịch sử cụ thể.
- E. Các tiên tri sử dụng nhiều kiểu mẫu khác nhau để chuyển tải thông điệp của họ
  1. Quan cảnh tòa án - Chúa kiện dân sự Ngài ra tòa; thường là một vụ ly hôn mà Đức Giê-hô-va bỏ vợ của Ngài (Y-sơ-ra-ên) vì không chung thủy (Ô-sê 4, Mi-chê 6).
  2. Ai ca tang lễ - thể loại sứ điệp bằng loại thơ đặc biệt này (thơ có vần, âm điệu) cùng với lời than đặc trưng “khôn thay” tách nó riêng ra như một hình thức đặc biệt (Ê-sai 5; Ha-ba-cúc 2).
  3. Công bố phước lành theo giao ước - tính chất có điều kiện của Giao ước được nhấn mạnh và các hậu quả (cả tích cực và tiêu cực) được nói rõ ra cho tương lai (Phục truyền luật lệ ký 27-29).

#### V. CÁC TIÊU CHUẨN KINH THÁNH ĐỂ KIỂM CHỨNG MỘT TIÊN TRI CHÂN CHÍNH

- A. Phục truyền Luật lệ Ký 13:1-5 (những tiên báo, dấu hiệu có liên quan đến sự thuần khiết của tôn giáo độc thần)

- B. Phục truyền Luật lệ Ký 18:9-22 (tiên tri giả, tiên tri thật)
- C. Cả nam và nữ được chọn và gọi vào chức vụ tiên tri
  1. Mi-ri-am - Xuất Ê-díp-tô Ký 15
  2. Đê-bô-ra - Các Quan Xét 4:4-6
  3. Hu-đa - II Các Vua 22:14-20; II Sử ký 34:22-28
- D. Trong các nền văn hóa xung quanh, tiên tri được xác nhận bằng cách bói toán. Trong Y-sơ-ra-ên, họ đã được xác nhận bằng
  1. một kiểm chứng thần học - sử dụng danh của Đức Giê-hô-va
  2. một kiểm chứng lịch sử - các lời tiên báo chính xác

## VI. CÁC HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI NGHĨA LỜI TIÊN TRI

- A. Tìm ý định nguyên thủy của tiên tri (hoặc người biên tập) bằng cách ghi nhận bối cảnh lịch sử và bối cảnh văn học của mỗi lời tiên tri. Thông thường nó liên quan đến việc Dân Y-sơ-ra-ên vi phạm Giao ước Môi-se trong vài cách nào đó.
- B. Đọc và giải nghĩa cả lời tiên tri, chứ không phải chỉ một phần, lập dàn ý theo nội dung. Xem nó liên quan như thế nào với những lời tiên tri xung quanh. Cố gắng tóm lược toàn bộ cuốn sách (theo các đơn vị văn học và đến tầm mức của từng phân đoạn).
- C. Tạm chấp nhận cách giải thích nghĩa đen của phân đoạn cho đến khi một cái gì đó trong bản văn chỉ ra cách dùng hình bóng; sau đó cố gắng đặt ngôn ngữ hình bóng vào thể văn xuôi.
- D. Phân tích hành động biểu tượng theo ý nghĩa của bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Cần nhớ rằng đây là thể loại văn chương cổ vùng Cận Đông, chứ không phải văn học phương Tây hiện đại.
- E. Nghiên cứu những tiên báo cách cẩn trọng
  1. Có phải chúng chỉ dành riêng cho thời đại của tác giả không?
  2. Chúng đã được ứng nghiệm sau đó trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên chưa? 3. Phải chăng chúng vẫn là sự kiện tương lai?
  4. Chúng có được ứng nghiệm hiện thời và sẽ còn được ứng nghiệm trong tương lai không?
  5. Để cho các tác giả Kinh Thánh (chứ không phải tác giả thời hiện đại) hướng dẫn câu trả lời của bạn.
- F. Đặc Biệt Quan Tâm:
  1. Sự tiên báo có đòi hỏi đáp ứng có điều kiện không?
  2. Có biết chắc lời tiên tri nói với ai không (và tại sao)?
  3. Về phương diện Kinh thánh và lịch sử thì có thể nào có sự ứng nghiệm nhiều lần không?
  4. Được linh cảm, các tác giả Tân Ước có thể nhìn thấy Đấng Mê-ti-a ở nhiều chỗ trong Cựu Ước nhưng chúng ta thì không thấy rõ. Dường như họ sử dụng phương thức hình bóng hoặc cách dùng từ (đặc biệt). Vì chúng ta không được linh cảm nên tốt nhất là chúng ta nên dành riêng cách tiếp cận này cho họ (các tiên tri).

## VII. CÁC SÁCH HỮU ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* của Carl E. Armerding và W. Ward Gasque
- B. *How to Read the Bible for All Its Worth* của Gordon Fee và Douglas Stuart
- C. *My Servants the Prophets* của Edward J. Young
- D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* của D. Brent Sandy
- E. *Cracking the Old Testament Code*, D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, Jr.

## PHỤ LỤC HAI

### LƯỢC KHẢO VĂN TẮT LỊCH SỬ CỦA NHỮNG ĐẾ QUỐC VÙNG MÊ-SÔ-PÔ-TA-MI

(Ngày tháng đều dựa theo quyển *A History of Israel* của John Bright, từ trang 462.)

#### I. Đế quốc A-si-ri (Sáng thế Ký 10: 11)

A. Tôn giáo và văn hóa chịu ảnh hưởng nhiều từ Đế chế của người Su-me, Ba-by-lôn.

B. Danh sách giả định về những người lãnh đạo và những thời điểm ước đoán:

1. 1354-1318 - Asshur-Uballit I:
  - a. Chinh phục thành phố Carchemish của người Hittite
  - b. Bắt đầu loại bỏ ảnh hưởng Hittite và cho phép A-si-ri phát triển
2. 1297-1266 - Adad-Nirari I (vị vua hùng mạnh)
3. 1265-1235 - Sanh-ma-na-sa I (vị vua hùng mạnh)
4. 1234-1197 - Tukulti-Ninurta I
  - Người đầu tiên chinh phục đế quốc Ba-by-lôn ở phía nam
5. 1118-1078 - Tiếc-la-Phi-lê-se I
  - A-si-ri trở thành một cường quốc ở vùng Mê-sô-pô-ta-mi
6. 1012 - 972 - Ashur-Rabi II
7. 972 - 967 - Ashur-resh-Isui II
8. 966 - 934 - Tiếc-la-Phi-lê-se II
9. 934 - 912 - Ashur-Dan II
10. 912 - 890 - Adad-Nirari II
11. 890 - 884 - Tukulti-Ninurta II
12. 883 - 859 - Asshur-Nasir-Apal II
13. 859 - 824 - Sanh-ma-na-sa III
  - Trận chiến Qarqar năm 853
14. 824-811 - Shamashi-Adad V
15. 811-783 - Adad-Nirari III
16. 781-772 - Sanh-ma-na-sa IV
17. 772-754 - Ashur-Dan III
18. 754-745 - Ashur-Nirari V
19. 745-727 - Tiếc-la-Phi-lê-se III:
  - a. Được gọi là Phun theo tước hiệu triều đại Ba-by-lôn, trong II Các Vua 15:19
  - b. Vị vua rất hùng mạnh
  - c. Bắt đầu chính sách lưu đày các dân tộc bị chinh phục
  - d. Vào năm 735 trước Chúa, liên minh “Syro-Ephramatic” được thành lập nhằm thống nhất tất cả các lực lượng quân sự sẵn có của các quốc gia trong vùng lưu vực sông Giô đanh (transjordan) từ sông Ô-phơ-rát cho đến Ai Cập với mục đích cân bằng lại với sức mạnh quân sự đang nổi lên của A-sy-ri. A-cha, vua của Giu-đa đã từ chối tham gia và bị Y-sơ-ra-ên và Sy-ri xâm lược. Ông làm ngược lại lời khuyên của Ê-sai (xem II Các vua 16; Ê-sai 7-12) mà viết thư nhờ Tiếc-la-Phi-lê-se III cứu giúp.
  - e. Năm 732 Tiếc-la-Phi-lê-se III xâm chiếm và chinh phục Sy-ri cũng như Y-sơ-ra-ên và đặt Ô-sê làm một vị vua chư hầu trên ngai Y-sơ-ra-ên (732-722). Hàng ngàn người Do Thái thuộc vương quốc miền Bắc bị đày sang Mê-đi (xem II Các vua 15).
20. 727-722 - Sanh-ma-na-sa V
  - a. Vua Ô-sê liên minh với Ai Cập và bị A-sy-ri xâm lược (xem II Các vua 17)

- b. Sa-ma-ri bị bao vây năm 724 trước Chúa
- 21. 722-705 - Sargon II:
  - a. Sau ba năm bao vây lúc đầu là do Sanh-ma-na-sa V nhưng người kế vị của ông là Sargon II đã chinh phục Sa-ma-ri, kinh đô của Y-sơ-ra-ên. Hơn 27.000 người bị lưu đày đến nước Mê-đi.
  - b. Đế chế Hittite cũng bị chinh phục.
  - c. Trong khoảng 714-711, một liên minh khác của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy chống lại A-sy-ri. Liên minh này được biết đến là “cuộc nổi loạn Ashdad.” Ngay lúc đầu vua Ê-xê-chia của Giu-đa cũng có tham gia. A-sy-ri xâm chiếm và phá hủy một số thành phố của người Phi-li-tin.
- 22. 705-681 - San-chê-ríp:
  - a. Năm 705, một liên minh của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy sau khi Sargon II chết. Ê-xê-chia hoàn toàn hỗ trợ cuộc nổi dậy này. San-chê-ríp xâm chiếm năm 701. Cuộc nổi loạn đã bị nghiền nát nhưng Giê-ru-sa-lem đã được cứu thoát qua cách làm của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 36-39 và II Các vua 18-19).
  - b. San-chê-ríp cũng dập tắt các cuộc nổi loạn trong xứ Ê-lam và Ba-by-lôn.
- 23. 681-669 - Esarhaddon:
  - a. Vị vua người A-sy-ri đầu tiên tấn công và chinh phục Ai Cập
  - b. Có nhiều thiện cảm với Ba-by-lôn và xây dựng lại thủ đô của nó
- 24. 669-633 - Ashurbanipal:
  - a. Còn được gọi là Ô-náp-ba trong E-xơ-ra 4:10
  - b. Anh trai của ông Shamash-shum-ukin đã được phong làm vua Ba-by-lôn (sau đó bị giáng chức phó vương). Điều này mang lại nhiều năm hòa bình giữa A-sy-ri và Ba-by-lôn, nhưng có một mầm mống độc lập nổ ra vào năm 652 dưới sự lãnh đạo của anh trai ông (người đã bị giáng chức làm phó vương).
  - c. Sụp đổ của Thebes, năm 663 trước Chúa
  - d. Đánh bại Ê-lam, 653, 645 trước Chúa
- 25. 633-629 - Asshur-Etil-Ilani
- 26. 629-612 - Sin-Shar-Ishkun
- 27. 612-609 - Asshur-Uballit II:
  - a. Lên ngôi vua trong khi bị lưu đày tại Haran
  - b. Sự sụp đổ của Asshur năm 614 trước Chúa và Ni-ni-ve năm 612 trước Chúa

## II. Đế quốc Tân Ba-by-lôn:

- A. 703 - Merodach-Baladan
  - Bắt đầu các cuộc nổi dậy chống lại sự cai trị của A-sy-ri
- B. 652 Shamash-shum-ukin:
  - 1. Con của Esarhaddon và anh của Asshurbanipal
  - 2. Ông bắt đầu một cuộc nổi dậy chống lại A-sy-ri nhưng đã bị đánh bại
- C. 626-605 Nabopolassar:
  - 1. Là vị vua đầu tiên của đế quốc Tân-Ba-by-lôn
  - 2. Ông tấn công A-sy-ri từ phía nam trong khi Cyaxares người Mê-đi tấn công từ phía đông bắc
  - 3. Thủ đô cũ của A-sy-ri Asshur sụp đổ năm 614 và thủ đô hùng mạnh mới là Ni-ni-ve sụp đổ năm 612 trước Chúa
  - 4. Phần còn lại của quân đội A-sy-ri rút lui về Haran. Họ còn lập ra một vị vua nữa.
  - 5. Năm 608, Pha-ra-ôn Nê-cô II (xem II Các vua 23:29) tiến quân về phía bắc để giúp phần còn lại của quân đội A-sy-ri với mục đích tạo ra một vùng đệm chống lại cường quốc Ba-by-lôn đang nổi lên. Vị vua Giu-đa tin kính là Giô-si-a (xem II Các vua 23) chống lại cuộc hành

quân của quân đội Ai Cập ngang qua xứ Pa-léc-tin. Có một cuộc giao tranh nhỏ ở Megiddo. Giô-si-a đã bị thương và chết (II Các vua 23:29-30). Con trai ông là Giô-a-cha được phong làm vua. Pha-ra-ôn Nê-cô II đến quá trễ nên không ngăn cản được quân đội A-sy-ri bị tiêu diệt tại Haran. Ông đã tiến đánh quân Ba-by-lôn do thái tử Nê-bu-cát-nết-sa II chỉ huy và bị bại trận thảm hại năm 605 (trước Chúa) tại Carchemesh trên sông Ô-phơ-rát.

Trên đường trở về Ai Cập, Pha-ra-ôn Nê-cô dừng lại đánh chiếm thành phố Giê-ru-sa-lem. Ông bắt lưu đày Giô-a-cha (chỉ lên ngôi có ba tháng). Ông đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên ngôi (xem II Các vua 23:31-35).

6. Nê-bu-cát-nết-sa II đuổi theo quân đội Ai Cập về phía nam ngang qua xứ Pa-léc-tin, nhưng ông nhận được tin cha mình chết và trở về Ba-by-lôn để lên ngôi. Cũng trong năm đó ông quay trở lại xứ Pa-léc-tin. Ông vẫn để Giê-hô-gia-kim trên ngôi vua Giu-đa, nhưng lưu đày hàng ngàn người ưu tú trong dân chúng và một số thành viên hoàng tộc. Đa-ni-ên và những người bạn ở trong số những người đi lưu đày lần này.

D. 605-562 - Nê-bu-cát-nết-sa II:

1. Từ 597-538, Ba-by-lôn hoàn toàn kiểm soát xứ Pa-léc-tin.
2. Năm 597, Vua Giê-hô-gia-kim liên minh với Ai cập nên ở Giê-ru-sa-lem có thêm một cuộc đi đày nữa (II Các vua 24). Ông chết trước khi Nê-bu-cát-nết-sa II tiến vào. Giê-hô-gia-kin con trai của ông chỉ làm vua được ba tháng rồi bị đi lưu đày sang Ba-by-lôn. Tiên tri Ê-xê-chi-ên thuộc trong số mười nghìn người bị đưa đến ở gần các thành phố Ba-by-lôn bên bờ kênh Kê-ba.
3. Sau một thời gian thân thiện với Ai Cập, đến năm 586 thành phố Giê-ru-sa-lem bị Nê-bu-cát-nết-sa phá hủy hoàn toàn (II Các vua 25) và rất nhiều người bị đưa đi lưu đày. Sê-đê-kia được đưa lên làm vua thay cho Giê-hô-gia-kin cũng bị đi lưu đày và Ghê-đa-lia được bổ nhiệm làm tổng đốc.
4. Ghê-đa-lia đã bị quân nổi loạn của người Do Thái giết. Quân nổi loạn này trốn sang Ai Cập và bắt Giê-rê-mi đi theo với họ. Nê-bu-cát-nết-sa xâm lược lần thứ tư (605, 596, 586, 582) và tìm bắt tất cả những người Do Thái còn lại đưa đi lưu đày.

E. 562-560 - Ê-vinh-mê-rô-đác, con trai của Nê-bu-cát-nết-sa, cũng được gọi là Amel-Marduk (trong tiếng Akkadian, “người của thần Marduk”)

- Ông tha cho Giê-hô-gia-kin ra khỏi ngục, nhưng vẫn phải ở lại Ba-by-lôn (xem II Các vua 25:27-30; Giảng 52:31).

F. 560-556 - Neriglissar (Nê-gan-Sa-rết-sê?)

- Ông ám sát Ê-vinh-mê-rô-đác, là anh rể của mình

- Trước đây ông là tướng của Nê-bu-cát-nết-sa đã phá hủy Giê-ru-sa-lem (xem Giê-rê-mi 39:3,13)

G. 556 - Labaski-Marduk

- Ông là con của Neriglissar nắm giữ vương quyền khi còn là một cậu bé, nhưng đã bị ám sát chỉ chín tháng sau đó (Berossos).

H. 556-539 - Nabonidus (trong tiếng Akkadian là “Nê-bô được tôn quý”):

1. Nabonidus không có liên hệ với dòng dõi hoàng gia nên ông kết hôn với một người con gái của Nê-bu-cát-nết-sa
2. Ông đã dành hầu hết thời gian xây dựng một ngôi đền cho “Sin” là thần mặt trăng ở Tema. Ông là con trai của nữ thượng tế của nữ thần này. Điều này khiến ông trở thành kẻ thù của các thầy tế của thần Marduk, là vị thần chính của Ba-by-lôn.
3. Ông đã dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng dập tắt các cuộc nổi dậy (ở Sy-ri và Bắc Phi) và ổn định vương quốc.
4. Ông đã chuyển đến ở Tema và giao công việc triều chính tại thủ đô Ba-by-lôn cho con trai

của mình là Bên-xát-sa (xem Đa-ni-ên 5).

I. ? - 539 – Bên-xát-sa (đồng trị vì)

-Thành phố Ba-by-lôn đã thất thủ nhanh chóng trước quân đội Ba Tư dưới sự chỉ huy của Gobryas of Gutium làm đổi dòng chảy nên nước của sông Ô-phơ-rát chảy vào thành phố và họ tiến vào mà không bị kháng cự. Các thầy tế và dân trong thành phố đã xem người Ba Tư là những người giải phóng và phục hồi lại thần Marduk. Gobryas đã được Si-ru II lập làm tổng đốc Ba-by-lôn. Có thể Gobryas là Đa-ri-út Mê-đi trong Đa-ni-ên 5:31; 6:1 “Đa-ri-út” có nghĩa là “người thuộc hoàng tộc.”

III. Đế quốc Mê-đi-Ba Tư: Sơ lược về việc nổi dậy của Si-ru II (Ê-sai 41:2,25; 44:28-45:7; 46:11; 48:15):

A. 625-585 - Cyaxares là vua của Mê-đi đã giúp Ba-by-lôn đánh bại A-sy-ri.

B. 585-550 - Astyages là vua của Mê-đi (thủ đô là Ecbatana). Si-ru II là cháu trai của ông, con của Cambyses I (600-559, Ba Tư) và Mandane (con gái của Astyages, Mê-đi).

C. 550-530 – Si-ru II of Ansham (phía đông Ê-lam) là một vị vua chư hầu nổi dậy:

1. Nabonidus vua Ba-by-lôn hỗ trợ Si-ru.

2. Tướng của Astyages là Harpagus dẫn quân đội của ông tham gia cuộc nổi dậy của Si-ru.

3. Si-ru II hạ bệ Astyages.

4. Để lập lại sự cân bằng thế lực, Nabonidus đã liên minh với:

a. Ai Cập

b. Croesus, vua của Lydia (Tiểu Á)

5. 547 - Si-ru II đưa quân đánh Sardis (thủ đô của Lydia) và nó đã sụp đổ năm 546 trước Chúa

6. 539 - Vào giữa tháng mười, cả hai tướng Ugbaru và Gobryas ở Gutium đem đội quân của Si-ru chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự. Ugbaru đã được lập làm tổng đốc nhưng vài tuần sau chết vì bị thương lúc chiến tranh. Sau đó Gobryas đã được lập làm tổng đốc của Ba-by-lôn.

7. 539 - Vào cuối tháng mười, Si-ru II Đại đế đích thân tiến vào Ba-by-lôn như một người giải phóng. Chính sách thân thiện của ông đối với các nước đã đảo ngược lại chính sách bắt đi lưu đày đã có trong nhiều năm và nó trở thành chính sách quốc gia.

8. 538 - Người Do Thái và các dân tộc khác (tham khảo Cylinder Cyrus) đã được phép trở về quê hương và xây dựng lại ngôi đền trong địa phương của họ (xem II Sử ký 36:22,23, E-xơ-ra 1:1-4). Ông cũng đã trả lại những đồ dùng trong Đền thờ của Đức Giê-hô-va mà Nê-bu-cát-nét-sa đã lấy đem vào đền thờ của thần Marduk tại Ba-by-lôn (xem E-xơ-ra 1:7-11; 6:5).

9. 530 - Con của Si-ru là Cambyses II đã đồng nhiếp chính một thời gian ngắn, nhưng cũng trong năm đó Si-ru đã chết trong một chiến dịch quân sự.

D. 530-522 - Triều đại của Cambyses II

1. Sáp nhập nước Ai Cập vào đế quốc Mê-đi-Ba Tư vào năm 525 trước Chúa;

2. Ông cai trị không được lâu:

a. Một số người nói ông tự sát;

b. Heroditus cho biết ông dùng kiếm của ông để tự làm mình bị thương trong lúc cưỡi ngựa và chết vì bị nhiễm trùng.

3. Pseudo-Smerdis (Gaumata) - 522 có chiếm đoạt ngai vàng trong một thời gian ngắn

E. 522-486 - Đa-ri-út I (Hystapes) cai trị

1. Ông không thuộc dòng dõi hoàng tộc nhưng là một tướng lĩnh quân đội.

2. Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh giống như kế hoạch của Si-ru (xem E-xơ-ra 5-6, cũng như trong suốt giai đoạn của A-gê và Xa-cha-ri).

3. Ông đã đúc tiền giống như Lydia
  4. Ông đã tìm cách xâm lược Hy Lạp nhưng bị đẩy lui.
- F. 486-465 - Triều đại của Xét-xe I:
1. Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập
  2. Dự tính xâm lược Hy Lạp nhằm thực hiện ước mơ của người Ba Tư, nhưng đã bị đánh bại trong cuộc chiến tại Thermopyli năm 480 trước Chúa và tại Salamis năm 479 trước Chúa
  3. Ông là chồng của Ê-xơ-tê cũng được gọi là A-suê-ru trong Kinh Thánh. Ông bị ám sát năm 465 trước Chúa
- G. 465-424 - A-t-ta-xét-xe I (Longimanus) trị vì (xem E-xơ-ra 7-10; Nê-hê-mi; Ma-la-chi):
1. Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi gặp phải cuộc nội chiến với người Peloponisian
  2. Hy Lạp phân chia (Athens - Peloponisian)
  3. Cuộc nội chiến tại Hy Lạp kéo dài khoảng 20 năm
  4. Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được vững mạnh
  5. Triều đại ngắn ngủi của Xét-xe II và Sekydianos - 423
- H. 423-404 - Đa-ri-út II (Nothos) trị vì
- I. 404-358 - A-t-ta-xét-xe II (Mnemon) trị vì
- J. 358-338 - A-t-ta-xét-xe III (Ochos) trị vì
- K. 338-336 - Arses trị vì
- L. 336-331 - Đa-ri-út III (Codomannus) trị vì cho đến trận chiến Issus năm 331 và bị người Hy-lạp đánh bại

#### IV. Lược khảo nước Ai Cập:

A. Hyksos (Các vị vua “mục tử” - những nhà cai trị Semitic) -1720/10-1550

B. Triều đại thứ 18 (1570-1310):

1. 1570-1546 - Amosis
  - a. Lập thủ đô Thebes
  - b. Xâm lược miền nam Ca-na-an
2. 1546-1525 - Amenophis I (Amenhotep I)
3. 1525-1494 - Thutmosis I
4. 1494-1490 - Thutmosis II - kết hôn với con gái của Thutmosis I, Hatshepsut
5. 1490-1435 - Thutmosis III (cháu trai của Hatshepsut)
6. 1435-1414 - Amenophis II (Amenhotep II)
7. 1414-1406 - Thutmosis IV
8. 1406-1370 - Amenophis III (Amenhotep III)
9. 1370-1353 - Amenophis IV (Akhenaten)
  - a. Thờ thần mặt trời, Aten
  - b. Thiết lập một hình thức thờ lạy thần tối cao (thuyết độc thần)
  - c. Những lá thư Tel-El-Amarna có trong giai đoạn này
10. ? Smenkhare
11. ? Tutankhamun (Tutankhaten)
12. ? Ay (Aye-Eye)
13. 1340-1310 Haremhab

C. Triều đại thứ 19 (1310-1200):

1. ? Rameses I (Ramses)
2. 1309-1290 - Seti I (Sethos)
3. 1290-1224 - Ramesses II (Ramses II)
  - a. Theo những bằng chứng khảo cổ học, dường như Pha-ra-ôn này trị vì khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập



- b. Xây dựng các thành phố Avaris, Pithom và Ramses bởi Habaru (có thể các nô lệ người Semites hoặc Hê-bơ-rơ)
- 4. 1224-1216 - Marniptah (Merenptah)
- 5. ? Amenmesses
- 6. ? Seti II
- 7. ? Siptah
- 8. ? Tewosret
- 9.
- D. Triều đại thứ 20 (1180-1065)
  - 1. 1175-1144 - Rameses III
  - 2. 1144-1065 - Rameses IV – XI
- E. Triều đại thứ 21 (1065-935):
  - 1. ? Smendes
  - 2. ? Herihor
- F. Triều đại thứ 22 (935-725 – Libyan [người Li-bi]):
  - 1. 935-914 - Shishak (Shosenk I hoặc Sheshong I)
    - a. Bảo vệ Giê-rô-bô-am I cho đến khi Sa-lô-môn qua đời
    - b. Chinh phục xứ Pa-léc-tin khoảng năm 925 (xem Các vua I 14-25; II Sử ký 12)
  - 2. 914-874 - Osorkon I
  - 3. ? Osorkon II
  - 4. ? Shoshnek II
- G. Triều đại thứ 23 (759-715 – Libyan [người Li-bi])
- H. Triều đại thứ 24 (725-709)
- I. Triều đại thứ 25 (716/15-663 [người Ê-thi-ô-bi] Ethiopian, Nubian):
  - 1. 710/09-696/95 - Shabako Shabaku
  - 2. 696/95-685/84 - Shebteko Shebitku
  - 3. 690/689, 685/84-664 - Tirhakah (Taharqa)
  - 4. ? Tantamun
- J. Triều đại thứ 26 (663-525 - Saitic):
  - 1. 663-609 - Psammetichus I (Psamtik)
  - 2. 609-593 - Neco II (Necho)
  - 3. 593-588 - Psammetichus II (Psamtik)
  - 4. 588-569 - Apries (Hophra)
  - 5. 569-525 - Amasis
  - 6. ? - Psammetichus III (Psamtik)
- K. Triều đại thứ 27 (525-401 - Ba Tư):
  - 1. 530-522 - Cambyses II (con trai của Si-ru II)
  - 2. 522-486 – Đa-ri-út I
  - 3. 486-465 – Xét-xe I
  - 4. 465-424 - A-t-ta-xét-xe I
  - 5. 423-404 – Đa-ri-út II
- L. Một số triều đại ngắn (404-332)
  - 1. 404-359 - A-t-ta-xét-xe II

2. 539/8 - 338/7 - A-t-ta-xét-xe III
3. 338/7 - 336/7 - Arses
4. 336/5 - 331 – Đa-ri-út III

\* Để biết niên đại khác nên tham khảo quyển Zondervan's Pictorial Bible Encyclopedia, quyển 2 trang 231.

#### V. Lược khảo Hy Lạp:

##### A. 359-336 - Philip II người Ma-xê-đoan:

1. Lập ra nước Hy Lạp
2. Bị ám sát năm 336 trước Chúa

##### B. 336-323 – A-léc-xăn-đơ II Đại đế (con trai của Phi-líp):

1. Đánh bại Đa-ri-út III là vua Ba Tư tại trận chiến Isus
2. Chết vào năm 323 (trước Chúa) ở Ba-by-lôn do một cơn sốt khi 32 hoặc 33 tuổi.
3. Các vị tướng của A-léc-xăn-đơ chia xé đế chế của ông sau khi ông chết:
  - a. Cassander – Ma-xê-đoan và Hy Lạp
  - b. Lysimicus - Thrace
  - c. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
  - d. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin
  - e. Antigonus - Tiểu Á (không kéo dài lâu)

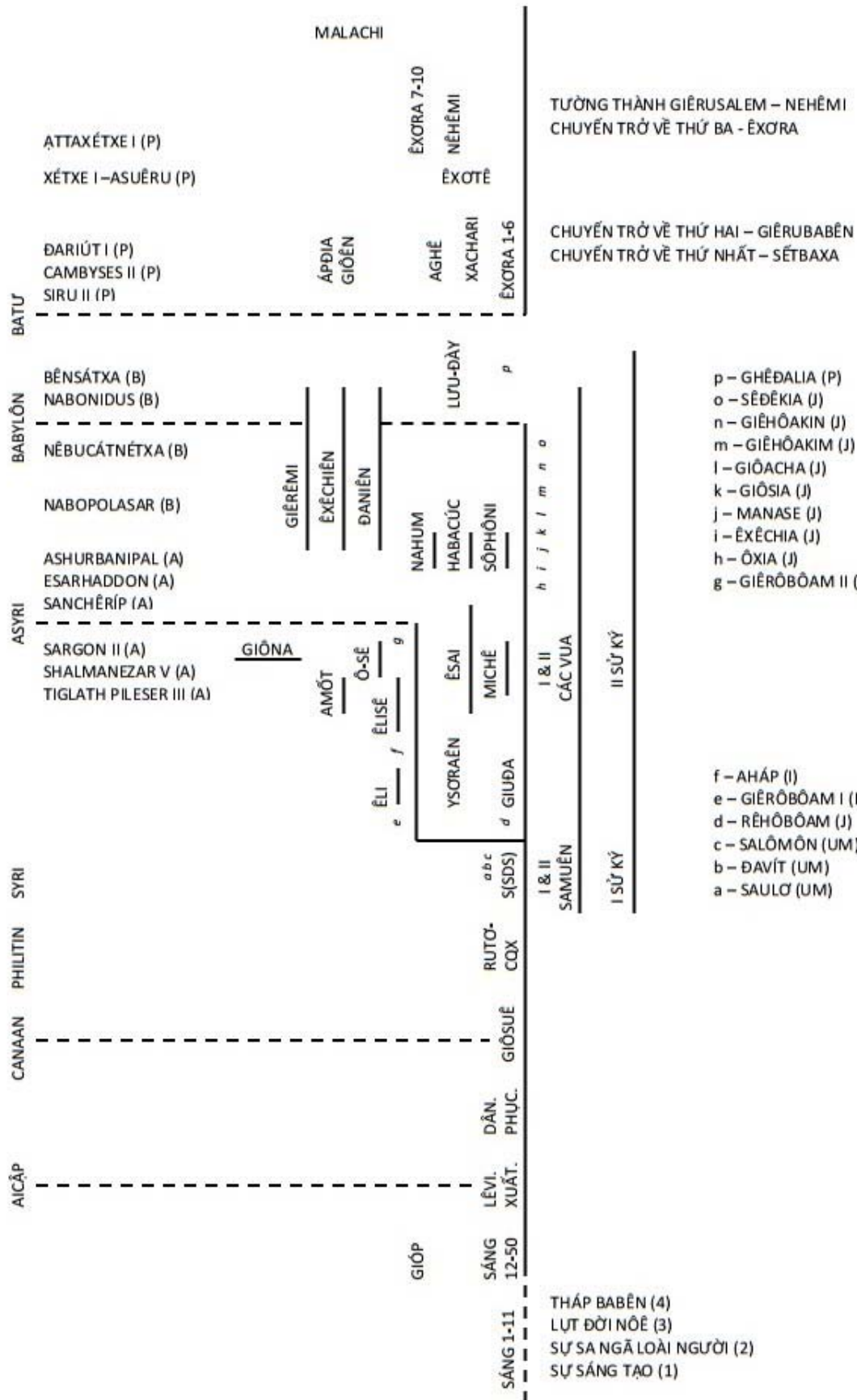
##### C. Seleucids và Ptolemies tranh giành quyền kiểm soát xứ Pa-léc-tin:

1. Sy-ri (những nhà cai trị của dòng họ Seleucid):
  - a. 312-280 - Seleucus I
  - b. 280-261 - Antiochus I Soter
  - c. 261-146 - Antiochus II Theus
  - d. 246-226 - Seleucus II Callinicus
  - e. 226-223 - Seleucus III Ceraunus
  - f. 223-187 - Antiochus III Đại đế
  - g. 187-175 - Seleucus IV Philopator
  - h. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes
  - i. 163-162 - Antiochus V
  - j. 162-150 - Demetrius I
2. Ai Cập (những nhà cai trị thuộc dòng họ Ptolemaic):
  - a. 327-285 - Ptolemy I Soter
  - b. 285-246 - Ptolemy II Philadelphus
  - c. 246-221 - Ptolemy III Euegetes
  - d. 221-203 - Ptolemy IV Philopator
  - e. 203-181 - Ptolemy V Epiphanes
  - f. 181-146 - Ptolemy VI Philometor
3. Lược khảo vắn tắt:
  - a. 301 - xứ Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của nhà Ptolemy trong 181 năm.
  - b. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes là vua thứ tám dòng họ Seleucid muốn Hy Lạp hóa (Hellenize) người Do Thái bằng thậm chí bằng vũ lực nếu cần thiết:
    - (1) Xây dựng vận động trường
    - (2) Xây dựng bàn thờ ngoại giáo của thần Zeus Olympius trong Đền thờ
  - c. 168 - ngày 13 tháng 12 Antiochus IV Epiphanes cho đặt con heo bị giết trên bàn thờ ở Giê-ru-sa-lem. Một số người xem việc này là sự “phá hoại ghê tởm” được đề cập trong Đa-ni-ên 8.

- d. 167 - Mattathias là thầy tế lễ tại Modin cùng với những người con trai nổi loạn. Người nổi tiếng nhất trong những con trai của ông là Giu-đa Mác-ca-bê, biệt danh là “Giu-đa đao búa.”
- e. 165 - ngày 25 tháng 12 - Đèn thờ được tái cung hiến. Sự kiện này được gọi là lễ Hanukkah hay là “Lễ hội đốt đèn.”

Để có thảo luận hay về những vấn đề của việc định ngày tháng, quy trình thực hiện và những phỏng định nên xem quyển The Expositors Bible Commentary, quyển 4, trang 10-17.

**PHỤ LỤC BA**  
**BIỂU ĐỒ CỦA TOÀN BỘ CỤ UỚC**  
**(xem trang sau)**



DR. BOB UTLEY  
BIBLE LESSONS IN 'L '96

## Những sự kiện không thể xác định thời điểm (Sáng thế Ký 1-11)

1. Sự Sáng Tạo (Sáng thế Ký 1-2)
2. Sự sa ngã của con người (Sáng thế Ký 3)
3. Nước lụt đời Nô-ê (Sáng thế Ký 6-9)
4. Tháp Ba-bên (Sáng thế Ký 10-11)

## Những sự kiện có thể định thời điểm

1. Thời kỳ các tổ phụ (Sáng thế Ký 12-50 và Gióp)
2. Ra khỏi Ai-cập (Xuất Ê-díp-tô Ký)
3. Chinh phục xứ Ca-na-an (Giô-suê)
4. Thời kỳ quân chủ thống nhất (Sau-lơ, Đa-vít, Sa-lô-môn)
5. Thời kỳ quân chủ chia đôi (Rêhôbôam-Giêrôbôam I)
6. Sự sụp đổ của Sa-ma-ri (Y-sơ-ra-ên) bởi A-sy-ri
7. Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (Giu-đa) bởi Ba-by-lôn
8. Chiều chỉ hồi hương của Si-ru (Ba-tư)
9. Đền thờ được xây lại
10. Kết thúc thời kỳ Cựu Ước (Malachi)

## Trình tự các đời vua

### A. Thời kỳ quân chủ thống nhất

1. Sau-lơ (a)
2. Đa-vít (b)
3. Sa-lô-môn (c)

### B. Y-sơ-ra-ên

1. Giê-rô-bô-am I (e)
2. A-háp (f)
3. Giê-rô-bô-am II (g)

### C. Giu-đa

1. Rê-hô-bô-am (d)
2. Uzziah (h)
3. Ê-xê-chia (i)
4. Ma-na-se (j)
5. Giô-sia (k)
6. Giê-hô-a-háp (l)
7. Giê-hô-a-kim (m)
8. Giê-hô-a-kin (n)
9. Giê-đê-kia (o)
10. Gê-đe-lia (p)

### D. A-sy-ri

1. Tiglath Pileser III (745-727)
2. Shalmanesar V (727-722)
3. Sargon II (722-705)
4. San-chê-ríp (705-681)
5. Esarhaddon (681-669)
6. Ashurbanipal (669-663)

### E. Ba-by-lôn

1. Nabopolasar (626-605)
2. Nê-bu-cát-nết-sa (605-562)
3. Nabonidus (556-539)
4. Bê-n-xát-sa

### F. Ba-tư

1. Si-ru II (550-530)
2. Cambees II (530-522)
3. Đa-ri-út I (522-486)
4. Xét-xe I (486-465)
5. Ật-ta-xét-xe I (465-424)

# PHỤ LỤC BỐN

## LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đáng tạo hóa và là đáng cứu rỗi. Ngài là đáng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đáng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đáng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sả cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,  
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,  
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”